**(Trang 1)**

**Brand Standards Manual**

**Hướng Dẫn Tiêu Chuẩn Thương Hiệu**

Content published on: 08 Nov 2018 Nội dung công bố ngày: 08 tháng 11 2018

Brand Standards Manual - This document includes all brand standards that apply to Holiday Inn Resort hotels in Vietnam. Hướng dẫn tiêu chuẩn thương hiệu - Tài liệu này bao gồm tất cả các tiêu chuẩn thương hiệu áp dụng cho các khách sạn Holiday Inn Resort tại Việt Nam.

**(Trang 2)**

All applicable international, national and local laws and regulations must be complied with. Tất cả các luật và quy định quốc tế, quốc gia và địa phương phải được tuân thủ.

In the event of a discrepancy between international, national and local laws or regulations, and the Standards or Specifications, the more stringent requirement must take precedence (unless the more stringent IHG requirement is forbidden locally). Trong trường hợp có sự khác biệt giữa luật pháp hoặc quy định quốc tế, quốc gia và địa phương và Tiêu chuẩn hoặc Thông số kỹ thuật, yêu cầu nghiêm ngặt hơn phải được ưu tiên (trừ khi yêu cầu IHG nghiêm ngặt hơn bị địa phương cấm).

Holiday Inn, Holiday Inn & Design, the H logo, Holiday Inn Express, Holiday Inn Express & Design, Stay Smart, Holiday Inn Resort, Holiday Inn Resort & Design, Holiday Inn Club Vacations, Holiday Inn Club Vacations & Design, Staybridge Suites, Staybridge Suites & Design, Candlewood Suites, Candlewood Suites & Design, InterContinental, InterContinental & Design, the I logo, Hotel Indigo, Hotel Indigo & Design, Crowne Plaza, Crowne Plaza & Design, EVEN, EVEN & Design, Whole. Happy. Well., Cork & Kale, HUALUXE, HUALUXE & Design, Fu Lin, Aspire Rewards, IHG, IHG Rewards Club, Great Hotels Guests Love, Green Engage, Holidex are trademarks of IHG or its subsidiaries.

Holiday Inn, Holiday Inn & Design, the H logo, Holiday Inn Express, Holiday Inn Express & Design, Stay Smart, Holiday Inn Resort, Holiday Inn Resort & Design, Holiday Inn Club Vacations, Holiday Inn Club Vacations & Design, Staybridge Suites, Staybridge Suites & Design, Candlewood Suites, Candlewood Suites & Design, InterContinental, InterContinental & Design, the I logo, Hotel Indigo, Hotel Indigo & Design, Crowne Plaza, Crowne Plaza & Design, EVEN, EVEN & Design, Whole. Happy. Well., Cork & Kale, HUALUXE, HUALUXE & Design, Fu Lin, Aspire Rewards, IHG, IHG Rewards Club, Great Hotels Guests Love, Green Engage, Holidex là những thương hiệu hoặc chi nhánh của IHG.

(C) 2018 InterContinental Hotels Group. All rights reserved. © 2018 Tập Đoàn Khách Sạn Intercontinental. Bản quyền.

**(Trang 3)**

Table of Contents Mục lục

|  |  |
| --- | --- |
| **IHG® Way Con đường của IHG** | **1** |
| Guest Experience & Quality Trải Nghiệm của khách & Chất Lượng | 1 |
| **Loyalty Programmes Chương trình khách hàng thân thiết** | 1 |
| IHG® Rewards Club Câu lạc bộ Khách hàng thân thiết IHG® | 1 |
| **Responsible Business Doanh nghiệp có trách nhiệm** | 4 |
| General Thông tin chung | 4 |
| Trademarks Thương hiệu | 4 |
| Brand Identity & Signage<t0/> <t1/>Nhận diện thương hiệu & Biển hiệu | 5 |
| Information Management and Security<t0/> <t1/>Quản Lý và Đảm bảo An Ninh Thông tin | 6 |
| Green Engage Cam kết Tiêu chuẩn Xanh | 8 |
| Human Rights<t0/> <t1/>Nhân quyền | 8 |
| Commercial Thương mại | 9 |
| Digital Channels Các kênh Kỹ thuật số | 9 |
| Sales and Revenue Kinh doanh và Doanh thu | 15 |
| Brand Safety Tiêu chuẩn an toàn thương hiệu | 18 |
| Crisis and Incident Khủng hoảng và Sự cố | 18 |
| Fire Safety<t0/> <t1/>Phòng chống cháy nổ | 19 |
| Security An ninh | 26 |
| Leisure and Fitness Centre Safety An toàn tại trung tâm Fitness và Giải trí | 29 |
| Food Safety An toàn vệ sinh thực phẩm | 32 |
| Health and Safety (including Guest Safety)<t0/> <t1/>Sức Khỏe và An Toàn (bao gồm đảm bảo An Toàn cho khách) | 33 |
| **Human Resources Nhân lực** | 38 |
| General Manager Tổng quản lý | 38 |
| Additional Mandatory Roles Các vị trí thiết yếu khác | 38 |
| Management Training Đào tạo quản lý | 40 |
| Colleague Training Đào tạo Nhân viên | 40 |
| **Make a booking Đặt phòng** | 42 |
| **Before I arrive<t0/> <t1/>Trước khi đến nơi** | 43 |
| Welcome desk Bàn tiếp đón | 43 |
| Transportation Dịch vu vận chuyển | 44 |
| **Arrival<t0/> <t1/>Đến nơil** | 45 |
| Service expectations Kỳ vọng về dịch vụ | 45 |
| Exterior Ngoại thất | 46 |
| General Thông tin chung | 46 |
| Driveways and Paths Lối xe vào và đường đi | 47 |
| Car parking Bãi đỗ xe | 48 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 50 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 50 |
| Entrances Lối vào | 52 |
| General Thông tin chung | 54 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 56 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 60 |
| Building Services Các Dịch Vụ trong Tòa Nhà | 60 |
| **Check in** | 60 |
| Service expectations Kỳ vọng về dịch vụ | 60 |
| Front Desk Tiền sảnh | 63 |
| General Thông tin chung | 65 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 65 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 66 |
| Collateral/Stationery Ấn phẩm/Văn phòng phẩm | 68 |
| **Lobby** | 68 |
| General Thông tin chung | 68 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 70 |
| **Concierge Dịch vụ đưa đón** | 70 |
| General Thông tin chung | 70 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 71 |
| **Journey within the hotel Hành trình trong khách sạn** | 71 |
| General Thông tin chung | 71 |
| Guest Corridors & Elevator/Lift Lobbies Hành lang khách & Sảnh thang máy | 72 |
| General Thông tin chung | 72 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 73 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 73 |
| Guest Lifts Thang máy cho khách | 74 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 74 |
| Guest Stairs Thang bộ cho khách | 74 |
| General Thông tin chung | 74 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 75 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 75 |
| Public Restrooms Toilet công cộng | 76 |
| General Thông tin chung | 76 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 77 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 78 |
| Building Services Các Dịch Vụ trong Tòa Nhà | 80 |
| Sundry/Retail Shop<t0/> <t1/>Các Cửa Hàng Bán Lẻ | 80 |
| Other Areas | 81 |
| General Thông tin chung | 81 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 81 |
| Building Services Các Dịch Vụ trong Tòa Nhà | 82 |
| **My Room Phòng của tôi** | 82 |
| Service expectations Kỳ vọng về dịch vụ | 82 |
| General Thông tin chung | 83 |
| Room Types Hạng phòng | 85 |
| Accessible guest rooms<t0/> <t1/>Phòng cho người khuyết tật | 86 |
| Suites | 88 |
| Collateral/Stationery Ấn phẩm/Văn phòng phẩm | 90 |
| Bedding | 91 |
| Guest Supplies Vật phẩm dành cho khách | 100 |
| Bathroom Phòng tắm | 104 |
| Kitchen Area Khu vực bếp | 111 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 112 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 123 |
| Building Services Các Dịch Vụ trong Tòa Nhà | 123 |
| Bathroom Phòng tắm | 124 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 124 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 125 |
| Kitchen Area Khu vực bếp | 128 |
| **Food & Beverage Dịch vụ F&B** | 129 |
| General Thông tin chung | 129 |
| Service expectations Kỳ vọng về dịch vụ | 133 |
| Collateral/Stationery Ấn phẩm/Văn phòng phẩm | 134 |
| Dining Dùng bữa | 136 |
| Breakfast Bữa sáng | 136 |
| Service expectations Kỳ vọng về dịch vụ | 138 |
| Breakfast Buffet Buffet sáng | 138 |
| Cold Station Quầy đồ lạnh | 141 |
| Hot Food Station Quầy đồ nóng | 142 |
| Bakery Station Quầy bánh mì | 143 |
| Juice Station Quầy nước quả | 143 |
| Coffee Station Quầy cà phê | 144 |
| Cereal Station Quầy Ngũ cốc | 145 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 145 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 145 |
| Speciality Restaurants<t0/> <t1/>Nhà Hàng bán món đặc sản | 146 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 146 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 148 |
| In Room Dining/Room Service Dịch vụ ăn uống tại phòng/Dịch vụ phòng | 148 |
| Service expectations Kỳ vọng về dịch vụ | 148 |
| Doorknob Menu Menu dịch vụ ăn uống tại phòng treo trên tay nắm cửa | 149 |
| Room Service Menu Menu dịch vụ phòng | 150 |
| Late Night Menu Menu đồ ăn đêm | 154 |
| General Thông tin chung | 155 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 155 |
| Lobby Lounge | 156 |
| Service expectations Kỳ vọng về dịch vụ | 159 |
| Bars & Pubs | 159 |
| Poolside Bên bể bơi | 160 |
| **Club Lounge** | 162 |
| General Thông tin chung | 162 |
| **Meetings & Events Phòng họp và Sự kiện** | 162 |
| Service expectations Kỳ vọng về dịch vụ | 162 |
| General Thông tin chung | 163 |
| Pre event Trước sự kiện | 163 |
| Boardrooms | 166 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 166 |
| Ballrooms | 167 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 167 |
| Meeting Facilities Cơ sở vật chất phòng họp | 168 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 170 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 170 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 171 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 173 |
| Collateral/Stationery Ấn phẩm/Văn phòng phẩm | 174 |
| Food & Beverage Dịch vụ F&B | 174 |
| Building Services Các Dịch Vụ trong Tòa Nhà | 175 |
| Ancillary Facilities Các tiện ích đi kèm | 176 |
| Pre Function & Breakout Areas Khu tiền sự kiện & Breakout | 176 |
| General Thông tin chung | 176 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 177 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 177 |
| **Fitness & RecreationFitness & Recreation<t0/> <t1/>Fitness & Giải Trí** | 178 |
| Fitness Facilities | 178 |
| Service expectations Kỳ vọng về dịch vụ | 178 |
| General Thông tin chung | 179 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 180 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 183 |
| Pool Bể bơi | 183 |
| General Thông tin chung | 183 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 185 |
| Spa | 186 |
| Service expectations Kỳ vọng về dịch vụ | 186 |
| General Thông tin chung | 187 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 190 |
| Changing Rooms Phòng thay đồ | 190 |
| General Thông tin chung | 190 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 192 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 192 |
| Other | 192 |
| **Business Services Dịch vụ cho khách Thương nhân** | 193 |
| General Thông tin chung | 193 |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 194 |
| Business Service Centre Trung tâm dịch vụ cho khách Thương nhân | 194 |
| General Thông tin chung | 194 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 194 |
| **Guest Services Dịch vụ cho khách** | 195 |
| Service expectations Kỳ vọng về dịch vụ | 195 |
| General Thông tin chung | 196 |
| Collateral/Stationery Ấn phẩm/Văn phòng phẩm | 198 |
| Guest Supplies Vật phẩm dành cho khách | 199 |
| Equipment Thiết bị | 199 |
| Internet | 199 |
| **Departure Rời đi** | 201 |
| Service expectations Kỳ vọng về dịch vụ | 201 |
| General Thông tin chung | 202 |
| **Colleague Experience Trải nghiệm của Nhân viên** | 202 |
| General Thông tin chung | 202 |
| **Back of House Khu BOH** | 203 |
| Functional Areas Các khu vực chức năng | 203 |
| Colleague Areas Khu Nhân viên | 206 |
| Kitchen/Pantry Bếp/Pantry | 209 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 213 |
| **Build Journey <t0/>–<t1/> Process<t2/> <t3/>Quá Trình Xây Dựng** | 213 |
| Use of Build Standards Sử dụng tiêu chuẩn xây dựng | 213 |
| General Building Codes Tiêu chuẩn xây dựng chung | 214 |
| Design Submission, Review & Approval Process Quá trình đệ trình, xem xét và phê dyuệt thiết kế | 214 |
| Engineering Kỹ thuật | 217 |
| Existing Construction Đối với công trình hiện trạng | 218 |
| Handover Bàn giao | 218 |
| Testing & Commissioning Kiểm tra và Đưa vào vận hành | 218 |
| Building Management System Hệ thống Quản lý Tòa nhà | 221 |
| Building Management System Đào tạo về Hệ thống Quản lý Tòa nhà | 222 |
| Record Documentation Lưu trữ Hồ sơ | 222 |
| Pre-opening process Quá trình trước khi mở cửa | 224 |
| Attic stock Kho tầng áp mái | 225 |
| **Build Journey - Base Build Quá trình xây dựng - Xây dựng cơ sở** | 226 |
| Acoustics Tiêu âm | 226 |
| Site Utilities and Equipment<t0/> <t1/>Trang thiết bị phục vụ công trường | 229 |
| General Thông tin chung | 229 |
| Gas Supply<t0/> <t1/>Nguồn cấp Gas | 230 |
| Gas Supply<t0/> <t1/>Nguồn cấp nước | 231 |
| Electricity Supply Nguồn cấp điện | 233 |
| Engineering Infrastructure Cơ sở vật chất Kỹ thuật | 233 |
| General Thông tin chung | 233 |
| Mechanical Cơ khí | 234 |
| Design Criteria Tiêu chí thiết kế | 234 |
| Building Orientation & Energy Modelling <t0/>Hướng của tòa nhà & Mô hình năng lượng | 243 |
| Energy Targets<t0/> <t1/>Mục tiêu về Năng lượng | 243 |
| Pipe and Duct Distribution<t0/> <t1/>Bố trí ống dẫn | 244 |
| Heating, Ventilation and Air Conditioning Systems<t0/> <t1/>Hệ Thống Sưởi, Thông Gió và Điều Hòa Không K<t2/>hí | 245 |
| Central Chilling Plant<t0/> <t1/>Cụm máy làm lạnh trung tâm | 249 |
| District Cooling System Hệ thống Làm mát Khu vực | 252 |
| Central Heating<t0/> <t1/>Cụm máy sưởi trung tâm | 252 |
| Guest Room Phòng khách | 254 |
| Front of House Khu FOH | 256 |
| Back of House Khu BOH | 257 |
| Car Park Ventilation Thông gió bãi đỗ xe | 259 |
| Electrical Điện | 259 |
| Design Criteria Tiêu chí thiết kế | 259 |
| Substation Design Thiết kế trạm biến áp | 268 |
| Transformer Máy biến áp | 269 |
| Distribution System Hệ thống phân phối | 269 |
| Uninterruptible or Emergency Power Supply<t0/> <t1/>Nguồn Điện Khẩn Cấp hoặc Liên Tục | 271 |
| Lightning Protection Chống sét | 271 |
| Surge Protection Devices Thiết bị Chống quá tải điện | 271 |
| Guest Room Phòng khách | 272 |
| Lighting Chiếu sáng | 272 |
| Extra Low Voltage Hệ thống điện nhẹ | 277 |
| General Thông tin chung | 277 |
| Television Cabling Cáp Tv | 277 |
| Information Technology Công nghệ Thông tin | 278 |
| Audio Visual Hệ thống AV | 279 |
| Emergency Annunciation Hệ thống báo động khẩn cấp | 281 |
| Plumbing and Drainage<t0/> <t1/>Hệ Thống Bơm và Thoát Nước | 281 |
| Design Criteria Tiêu chí thiết kế | 281 |
| Cold Water Nước lạnh | 283 |
| Hot Water Nước nóng | 284 |
| Drainage Thoát nước | 285 |
| Sewage Disposal Xử lý nước thải | 286 |
| Storm Water Drainage<t0/> <t1/>Thoát Nước Mưa | 287 |
| Swimming Pools Bể bơi | 288 |
| Building Management System Hệ thống Quản lý Tòa nhà | 289 |
| Design Criteria Tiêu chí thiết kế | 291 |
| System Control Hệ thống kiểm soát | 292 |
| Access Truy cập | 293 |
| Indoor Air Quality Control Kiểm soát chất lượng không khí trong nhà | 294 |
| HVAC | 294 |
| Guest Room Phòng khách | 294 |
| Vertical Transportation<t0/> <t1/>Vận Chuyển Chiều dọc | 295 |
| Design Criteria Tiêu chí thiết kế | 295 |
| Guest Lifts Thang máy cho khách | 296 |
| Service and Goods Lifts Thang máy service và thang chở hàng | 297 |
| Escalator Thang cuốn | 298 |
| Insulation Cách nhiệt | 298 |
| Labelling & Identification<t0/> <t1/>Dán nhãn & Định danh | 302 |
| Laundry Giặt là | 303 |
| Design Criteria Tiêu chí thiết kế | 303 |
| Infrastructure Cơ sở vật chất | 304 |
| Soiled Linen<t0/> <t1/>Đồ vải bẩn | 305 |
| Technology Công nghệ | 306 |
| Televisions TV | 306 |
| Network and Cabling<t0/> <t1/>Mạng và Dây Cáp | 306 |
| Technology Equipment Room Phòng thiết bị Công nghệ | 306 |
| Point of Sales Máy bán hàng POS | 307 |
| IHG® Systems Hệ thống IHG | 307 |
| Property Management System Hệ thống quản lý Tài sản | 307 |
| Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ nội thất, hoàn thiện & thiết bị | 308 |
| General Thông tin chung | 308 |
| Ceilings Trần nhà | 317 |
| Suspended Ceiling Tiles Trần thạch cao nổi | 319 |
| Paint Sơn | 319 |
| Wall Coverings<t0/> <t1/>Vật liệu Phủ Tường | 319 |
| Vinyl | 320 |
| Glazing and Mirrors<t0/> <t1/>Gương kính | 320 |
| Floor Finishes Hoàn thiện sàn | 320 |
| Carpet - Broadloom Thảm | 320 |
| Area Rugs Thảm trang trí | 322 |
| Stone Đá | 322 | |
| Resilient Flooring<t0/> <t1/>Lớp lót thảm | 322 | |
| Wood Gỗ | 323 | |
| Ceramic and Porcelain Gốm và sứ | 323 | |
| Window Treatments Rèm cửa | 323 | |
| Curtains and Sheers Rèm vải dày và rèm sheer | 323 | |
| Upholstered Items<t0/> <t1/>Đồ nội thất có nệm | 325 | |
| Carpentry, Casegoods and Joinery<t0/> <t1/>Đồ mộc, đồ nội thất gỗ, các cấu kiện gỗ | 326 | |
| Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị | 326 | |
| Sanitaryware Thiết bị vệ sinh | 326 | |
| Brassware Đồ đồng thau | 327 | |
| Plumbing Hệ thống dẫn nước | 328 | |
| Artwork Tranh ảnh nghệ thuật | 328 | |
| Masonry Xây nề | 328 | |
| Doors Cửa | 328 | |
| Internal Doors Cửa trong nhà | 328 | |
| Hardware Phần cứng | 329 | |
| External Doors Cửa mở ra ngoài | 330 | |
| Hardware Phần cứng | 331 | |
| Windows Cửa sổ | 331 | |
| Roofs Mái nhà | 332 | |

Please note Xin Lưu Ý

Our standards include content that may apply across the lifecycle of a hotel. Tiêu Chuẩn bao gồm nội dung có thể áp dụng chocác vòng đời khác nhau của một khách sạn.

Some standards are only applicable at key points in the lifecycle, for example new build or on renovation. These standards include the hotel lifecycle icon as detailed below. Một số tiêu chuẩn chỉ được áp dụng tại các thời điểm chính trong vòng đời khách sạn, ví dụ: khách sạn xâydựng mới hoặc khách sạn được cải tạo. Bộ Hướng dẫn tiêu chuẩn này bao gồm icon đại diện cho các vòng đời của khách sạn như sau:

All standards in this document that have either the existing icon active or have no icons displayed must be delivered today. Trong tài liệu này, tất cả các tiêu chuẩn có icon khách sạn đang vận hành hoặc không có icon nào phải được hoàn thiện ngay hôm nay.

**General<t0/> <t1/>Thông tin chung**

Hotel Lifecycle Vòng đời của khách sạn

 New Build - "Applicable to New Build hotels. Hotels must comply at the appropriate point during construction, prior to opening." Xây mới - "Áp dụng cho các khách sạn được xây mới. Khách sạn phải đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn tại thời điểm thích hợp trong quá trình xây dựng, trước khi mở cửa."

 Conversion - "Applicable to properties that are being converted to IHG. Hotels must comply prior to opening." Chuyển đổi - "Áp dụng cho các cơ sở đang được chuyển đổi thành IHG. Khách sạn đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn trước khi mở."

 Renovation - "Applicable to existing/operating IHG properties at the event of renovation." Cải tạo - "Áp dụng cho các cơ sở của IHG hiện có/đang vận hành trong trường hợp tiến hành nâng cấp cải tạo khách sạn."

 Replacement - "Applicable to existing/operating IHG properties at the event of replacement." Thay thế - "Áp dụng cho các cơ sở IHG hiện có/đang vận hành trong trường hợp tiến hành thay thế."

 Existing - "Existing, date based: Applicable to existing/operating IHG hotels now. Hotels may have until a date based compliance deadline to comply with the standard" Hiện có - "Hiện có, có thời hạn: Áp dụng cho các khách sạn IHG hiện có/đang vận hành. Các khách sạn có thể có deadline vào ngày cụ thể để đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn.

**General<t0/> <t1/>Thông tin chung**

IHG® Way Con đường của IHG

IHG® Way -> Guest Experience & Quality Trải nghiệm của khách & Chất lượng

An action plan must be in place within specified deadlines after the release of the quarterly HeartMonitor Hotel Drivers report. Phải xây dựng một kế hoạch hành động trong thời hạn quy định sau khi công bố báo cáo HeartMonitor Hotel Drivers hàng quý.

Guidelines Hướng dẫn

• The action plan should be implementable within 90 days. Kế hoạch hành động nên được triển khai trong vòng 90 ngày.

Loyalty Programmes Chương Trình Khách Hàng Thân Thiết

Loyalty Programmes -> IHG® Rewards Club Câu Lạc Bộ Khách Hàng Thân Thiết IHG®

The minimum quarterly qualified enrolment quota for new IHG® Rewards Club Members, based on brand affiliation and hotel size, must be achieved and meet the following: Hạn ngạch đăng ký đủ điều kiện mỗiq uý tối thiểu đối với Thành viên mới của Câu lạc bộ khách hàng thân thiết IHG®, tùy từng thương hiệu và quy mô khách sạn, phải đạt được và đáp ứng các điều sau:

Hotel Size (No. of rooms) Quy mô khách sạn (Số phòng)

\*Represents the entire Holiday Inn brand family: Holiday Inn, Holiday Inn Express, Holiday Inn club Vacation and Holiday Inn Resort Đại diện cho toàn bộ các thương hiệu Holiday Inn: Holiday Inn, Holiday Inn Express, Holiday Inn club Holiday và Holiday Inn Resort

IHG® Rewards Club Source Nguồn tài liệu về CLB Khách hàng Thân thiết IHG®https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=dc1c4a5e-f7a1-45c8-a9d0-d0f8a37c1600

Colleagues must obtain each guest's permission prior to enrolling them in IHG® Rewards Club. Nhân viên phải có được sự cho phép của mỗi khách trước khi đăng ký khách vào Câu lạc bộ khách hàng thân thiết của IHG®.

The Spire Elite and Platinum Elite Room Availability Guarantee must apply when a Spire Elite and Platinum Elite member makes a guaranteed room reservation through the IHG® Rewards Club Service Centre. Chương trình Đảm bảo đặt phòng cho thành viên Spire Elite và Platinum Elite phải được áp dụng khi hai hạng thành viên này đặt phòng đảm bảo thông qua Trung tâm dịch vụ khách hàng thân thiết IHG®.

IHG® Rewards Club Source Nguồn tài liệu về CLB Khách hàng Thân thiết IHG®https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=dc1c4a5e-f7a1-45c8-a9d0-d0f8a37c1600

The Spire Elite and Platinum Elite member must not be charged a room rate higher than the Best Flexible rate. Không được tính giá phòng cao hơn Best Flexible rate đối với thành viên Spire Elite và Platinum Elite.

• Exceptions are allowed during special events that result in extraordinary room demand, however they must be set up in the Central Reservation System (CRS), referred to as the Guest Reservation System (GRS) or HOLIDEX® Plus (and including IHG Concerto™), in advance, with a maximum of 10 dates a year Trường hợp ngoại lệ được cho phép đối với các sự kiện đặc biệt dẫn đến nhu cầu đặt phòng đặc biệt cao, tuy nhiên ngoại lệ phải được set up trong Hệ thống đặt phòng trung tâm (CRS), được gọi là Hệ thống đặt phòng khách (GRS) hoặc HOLIDEX® Plus (và bao gồm cả IHG Concerto ™), với tối đa 10 ngày một năm.

Reward Night reservations must be accepted. Phải chấp nhận đặt phòng qua chương trình thưởng đêm nghỉ miễn phí cho khách hàng thân thiết.

IHG® Rewards Club Source Nguồn tài liệu về CLB Khách hàng Thân thiết IHG®https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=dc1c4a5e-f7a1-45c8-a9d0-d0f8a37c1600

**General<t0/> <t1/>Thông tin chung**

All IHG® Rewards Club Benefits, excluding upgrades for Spire Elite and Platinum Elite members, must be honoured for IHG® Rewards Club members in conjunction with their Reward Night stays. Tất cả các lợi ích của Câu lạc bộ khách hàng thân thiết của IHG®, ngoại trừ nâng việc hạng phòng cho các thành viên Spire Elite và Platinum Elite, phải được áp dụng đồng thời với chương trình thưởng đêm nghỉ miễn phí c ho các thành viên CLB Khách hàng thân thiết.

The Spire Elite and Platinum Elite Room Availability Guarantee does not apply to Reward Night reservations. Chương trình Đảm bảo đặt phòng cho thành viên Spire Elite và Platinum Elite không áp dụng đối với các đêm nghỉ miễn phí được thưởng.

A Reward Night reservation includes the room and applicable tax rates. Đặt phòng bằng đêm nghỉ miễn phí đã bao gồm giá phòng và mức thuế áp dụng.

A “Gold Elite, Platinum Elite and Spire Elite Members" sign must be displayed visibly at the front desk at all times. Một biển “Thành Viên Gold Elite, Platinum Elite và Spire Elite" phải luôn được bày tại quầy lễ tân.

Priority Welcome Sign Option 2 Biển Báo Chào Đón Ưu Tiên 2

Priority Welcome Sign Option 2 Biển Báo Chào Đón Ưu Tiên 1
See also ID number 212 Xem thêm số ID 212

IHG® Rewards Club Source Nguồn tài liệu về CLB Khách hàng Thân thiết IHG®https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=dc1c4a5e-f7a1-45c8-a9d0-d0f8a37c1600

All Front Desk colleagues must greet IHG® Rewards Club members using their name, recognising their membership and IHG® Rewards Club status at Check in. Tất cả các nhân viên Lễ tân phải chào đón các thành viên thân thiết của IHG®, sử dụng tên của khách, công nhận tư cách thành viên của khách và thông báo tình trạng tài khoản thành viên hiện tại của họ khi check in.

IHG® Rewards Club Source Nguồn tài liệu về CLB Khách hàng Thân thiết IHG®https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=dc1c4a5e-f7a1-45c8-a9d0-d0f8a37c1600

Each morning colleagues must retrieve the IHG® Rewards Club guest arrival list from the Property Management System (PMS) or the Central Reservation System (CRS), referred to as the Guest Reservation System (GRS) or HOLIDEX® Plus (and including IHG Concerto™), and identify IHG® Rewards Club members, including differentiating between membership levels, due to arrive at the hotel. Mỗi nhân viên ca sáng phải lấy danh sách khách đến thuộc Câu lạc bộ khách hàng thân thiết IHG® từ Phần mềm Quản lý Khách sạn (PMS) hoặc Hệ thống đặt phòng trung tâm (CRS), với tên là Hệ thống đặt phòng khách (GRS) hoặc HOLIDEX® Plus (và bao gồm cả IHG Concerto ™ ) và xác định các thành viên CLB Khách hàng Thân thiết IHG®, bao gồm hạng thành viên cụ thể, ngày khách đến khách sạn.

Hotels must maintain a three month cumulative score of 75% “YES” or higher in response to the HeartBeat questions regarding whether or not the guest was recognised as a IHG® Rewards Club member and their status at Check in. Khách sạn phải duy trì số điểm tích lũy trong ba tháng là 75% “CÓ” hoặc cao hơn trong bộ câu hỏi HeartBeat về việc liệu khách có được xác định là thành viên thân thiết của IHG® hay không và tình trạng tài khoản thành viên của họ khi Check in.

All members must be provided with the appropriate IHG® Rewards Club keycard wallet. Tất cả các thành viên phải được cung cấp ví thẻ khóa CLB Khách hàng Thân thiết IHG® phù hợp.

Guidelines Hướng Dẫn

• All non-members should be provided with the branded keycard wallet. Tất cả những người không phải là thành viên nên được cấp ví đựng thẻ khóa có tên thương hiệu.

Holiday Inn Resorts Branded Keycard Wallet (Brand Central>Holiday Inn Resorts>Brand Warehouse>Collateral>Artwork>Hotel Collateral) https://www.ihgbrandcentral.com/%26redirecturl/clusters/brand/holiday-inn-resort/region/global/subcategory/collateral/artwork

Creative can be accessed via Merlin: Brand Central > AMEA > IHG® Rewards Club > Brand Warehouse > Collateral > Artwork > IHG Rewards Club Key Card Wallet Artwork Có thể truy cập hình ảnh sáng tạo qua Merlin: Trung tâm thương hiệu> AMEA> CLB Khách hàng Thân thiết IHG®> Kho hàng thương hiệu> Ấn phẩm> Tranh ảnh nghệ thuật> Tranh ảnh cho ví thẻ khóa CLB Khách hàng Thân thiết IHG

Priority check in service must be provided to IHG® Rewards Club Gold Elite, Platinum Elite and Spire Elite members. Dịch vụ check in ưu tiên phải được cung cấp cho các thành viên Gold Elite, Platinum Elite và Spire Elite của CLB Khách hàng Thân thiết IHG®.
See also ID number Xem thêm số ID 26944

IHG® Rewards Club Source Nguồn tài liệu về CLB Khách hàng Thân thiết IHG®https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=dc1c4a5e-f7a1-45c8-a9d0-d0f8a37c1600

**(Trang 14)**

A designated Check in area at Front Desk must be provided. [45586] Phải cung cấp một khu vực check in riêng tại Quầy lễ tân.

`Prior to the guest’s arrival their room must be assigned. [213] Phòng của khách phải được ấn định trước khi khách đến.

Prior to the guest’s arrival their keycard wallet and registration card must be prepared. [214] Trước khi khách đến, phải chuẩn bị sẵn ví thẻ khóa và đơn đăng ký.

A colleague must be available to manage and check in IHG® Rewards Club Gold Elite, Platinum Elite and Spire Elite members in this area at all times. [45587] Một nhân viên luôn phải có mặt để phục vụ và check in cho thành viên Gold Elite, Platinum Elite và Spire Elite của CLB Khách hàng Thân thiết IHG® tại quầy này.

An upgrade to the next best available room must be offered to Spire Elite and Platinum Elite members based on room availability. Việc nâng cấp lên phòng có sẵn tốt nhất tiếp theo phải được cung cấp cho các thành viên Spire Elite và Platinum Elite dựa trên phòng trống.

IHG® Rewards Club Source Nguồn tài liệu về CLB Khách hàng Thân thiết IHG®https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=dc1c4a5e-f7a1-45c8-a9d0-d0f8a37c1600

Room upgrades must be pre-assigned prior to the Spire Elite and Platinum Elite members arriving at the hotel. [29865] Nâng cấp phòng phải được chỉ định trước khi các thành viên Spire Elite và Platinum Elite đến khách sạn.

Colleagues must tell the Spire Elite and Platinum Elite member that they have been upgraded during Check in. [29866] Nhân viên phải báo với thành viên Spire Elite và Platinum Elite rằng họ đã được nâng cấp trong phòng quá trình Check in.

Upgrades only apply to the Spire Elite and Platinum Elite member’s personal room. [29867] Nâng cấp phòng chỉ áp dụng cho phòng cá nhân của thành viên Spire Elite và Platinum Elite.

When an upgraded room is not available, colleagues must politely inform the Spire Elite and Platinum Elite guest that this benefit is not available during this particular stay. [29868] Khi không có phòng nâng cấp, các nhân viên phải lịch sự thông báo cho khách Spire Elite và Platinum Elite rằng tiện ích này không có sẵn tại thời điểm hiện tại.

Guidelines Hướng Dẫn

Upgrades might include rooms on higher floors, corner rooms, newly renovated rooms, suites or rooms with a preferred view. Nâng cấp có thể bao gồm các phòng ở tầng cao hơn, phòng góc, phòng mới được cải tạo, phòng suites hoặc phòng có view đẹp hơn.

Extended Check out until 14:00 must be granted to all Gold Elite, Platinum Elite and Spire Elite members upon request, subject to availability and at no additional charge. Dịch vụ Check-out muộn đến 14:00 phải được cấp cho tất cả các thành viên Gold Elite, Platinum Elite và Spire Elite theo yêu cầu, tùy vào tình trạng sẵn có và không tính thêm phí.

IHG® Rewards Club Source Nguồn tài liệu về CLB Khách hàng Thân thiết IHG®https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=dc1c4a5e-f7a1-45c8-a9d0-d0f8a37c1600

**The Guest Arrivals Reports must be used daily. Phải thực hiện Báo cáo khách đến hàng ngày.**

IHG® Rewards Club Source Nguồn tài liệu về CLB Khách hàng Thân thiết IHG®https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=dc1c4a5e-f7a1-45c8-a9d0-d0f8a37c1600

Guidelines Hướng Dẫn

The reports can be used to identify member status, prospective new enrolments, reservation special requests or customer care issues, guest stay preferences, Ambassador and Royal Ambassador members for their guaranteed room upgrades and Spire Elite & Platinum Elite members for available room upgrades. Báo cáo có thể được sử dụng để xác định tư cách thành viên, khách có tiềm năng đăng ký thành viên mới, yêu cầu đặt phòng đặc biệt hoặc vấn đề chăm sóc khách hàng, ưu tiên lưu trú của khách, thành viên Đại sứ và Đại sứ Hoàng gia để đảm bảo việc nâng cấp phòng và thành viên Spire Elite & Platinum Elite để đảm bảo nâng cấp phòng nếu có sẵn.

Gold, Platinum and Spire Elite members must receive their Welcome Amenity and status benefits for bookings only made through IHG® channels regardless of room rate. [664050] Thành viên Gold, Platinum và Spire Elite phải nhận được bộ vật dụng Welcome Amenity và lợi ích phù hợp với hạng thành viên, chỉ áp dụng cho việc đặt phòng thực hiện qua các kênh của IHG® bất kể giá phòng.

Welcome Amenity

IHG® Rewards Club Source Nguồn tài liệu về CLB Khách hàng Thân thiết IHG®https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=dc1c4a5e-f7a1-45c8-a9d0-d0f8a37c1600

Guidelines Hướng Dẫn

Indirect bookings e.g. those made through Online Travel Agents (OTA) should not receive a Welcome Amenity or status benefits. [664051] Đặt phòng gián tiếp, ví dụ: booking thông qua Đại lý du lịch trực tuyến (OTA) sẽ không nhận được Welcome Amenity hoặc lợi ích từ tư cách thành viên.

Members who have made bookings through the Global Distribution System (GDS) channel should continue to receive their Welcome Amenity and status benefits. thành viên đã đặt chỗ qua kênh Hệ thống phân phối toàn cầu (GDS) nên tiếp tục nhận được các lợi ích từ tư cách thành viên và Welcome Amenity.

**General<t0/> <t1/>Thông tin chung**

Status benefits should be delivered as per the benefits table, and points should only be awarded on qualifying rates. Lợi ích từ tư cách thành viên nên được cung cấp dự theo Bảng Lợi ích và điểm chỉ nên được cộng theo nếu đủ điều kiện về rate phòng.

Benefits Table Bảng Lợi Ích (thiếu link file gốc)

Responsible Business  Doanh Nghiệp Có Trách Nhiệm

Responsible Business -> General Chung

Pay-Per-View movies or other programming rated NC-17, (X) or the equivalent are not permitted.! Phim trả tiền cho mỗi lần xem hoặc các chương trình khác có rating NC-17, (X) hoặc tương đương không được cho phép.

Responsible Business -> Trademarks Nhãn hiệu

IHG's trademark usage requirements must be adhered to. Yêu cầu về việc sử dụng nhãn hiệu của IHG phải được tuân thủ.

Trademark usage guidance Hướng dẫn sử dụng nhãn hiệuhttps://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=553ea107-3502-4d07-a6a4-7552e47e35f9

Trademarks must always be used as registered. [4537] Nhãn hiệu phải luôn được sử dụng như đã đăng ký.

Trademarks must never be abbreviated. [4538] Nhãn hiệu không bao giờ được viết tắt.

Trademarks must never be hyphenated or combined with other words. [4539]Nhãn hiệu không bao giờ được sử dụng gạch nối hoặc kết hợp với các từ khác.

Trademarks must always be distinguished from surrounding text. [4540]Nhãn hiệu luôn phải phân biệt được với văn bản xung quanh.

Trademarks must never be used in a descriptive fashion. [4541] Nhãn hiệu không bao giờ được sử dụng theo cách mô tả.

Trademarks must always and only be used as adjectives, never as nouns or verbs or in a plural or possessive form. [4542] Nhãn hiệu phải luôn luôn và chỉ được sử dụng làm tính từ, không bao giờ là danh từ hoặc động từ hoặc ở dạng số nhiều hoặc sở hữu.

All registered or unregistered IHG trademarks or service marks must use the correct marking symbol and trademark ownership notice. [12350]Tất cả các nhãn hiệu hoặc dịch vụ IHG đã hoặc chưa đăng ký phải sử dụng ký hiệu đánh dấu chính xác và thông báo quyền sở hữu nhãn hiệu.

• Registered marks must use the ® symbol after the trademark. [12352] Nhãn hiệu đã đăng ký phải sử dụng ký hiệu ® sau nhãn hiệu.

• Unregistered marks owned by IHG must use the ™ symbol after the mark. [12355] Nhãn hiệu chưa đăng ký thuộc sở hữu của IHG phải sử dụng biểu tượng ™ sau nhãn hiệu đó.

Promotional materials using IHG's marks must include a trademark ownership notice or footnote advising that the applicable trademark is a trademark or registered trademark of InterContinental Hotels Group or its subsidiaries. [12358]Tài liệu quảng cáo sử dụng nhãn hiệu của IHG phải bao gồm thông báo quyền sở hữu nhãn hiệu hoặc chú thích rằng nhãn hiệu hiện hành là một nhãn hiệu của hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Tập đoàn khách sạn InterContinental hoặc các công ty con của IHG.

At a minimum, the marking symbol must appear with all prominent uses of the mark and the first time the mark appears in text on all pages. Tối thiểu, biểu tượng đánh dấu phải được sử dụng với mỗi lần nhãn hiệu được sử dụng một cách nổi bật và lần đầu tiên nhãn hiệu xuất hiện trong văn bản trên tất cả các trang.

Guidelines Hướng Dẫn

If an IHG trademark is not registered in a country where promotional materials are being distributed, contact a member of the IHG Global Intellectual Property legal team for marking guidance on trademarks@ihg.com. Nếu nhãn hiệu IHG không được đăng ký tại quốc gia nơi phân phát tài liệu quảng cáo, hãy liên hệ với nhóm pháp lý Sở hữu trí tuệ toàn cầu IHG để được hướng dẫn về đánh dấu ký hiệu qua email trademarks@ihg.com.

IHG's trademarks or variations of IHG's trademarks must never be used or registered, in whole or in part, as part of a company name, trade name, domain name, hotel name or service name, without express written approval from trademarks@ihg.com. Thương hiệu hoặc biến thể thương hiệu của IHG không bao giờ được sử dụng hoặc đăng ký, toàn bộ hoặc một phần, như một phần của tên công ty, tên thương mại, tên miền, tên khách sạn hoặc tên dịch vụ, mà không có sự chấp thuận rõ ràng bằng văn bản từ trademarks@ihg.com.

**General<t0/> <t1/>Thông tin chung**

Trademark usage guidance Hướng dẫn sử dụng nhãn hiệuhttps://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=553ea107-3502-4d07-a6a4-7552e47e35f9

Placement of IHG's trademarks or variations of trademarks within dual language and non-English language names or logos must have express written approval from trademarks@ihg.com. Việc đặt các nhãn hiệu hoặc biến thể nhãn hiệu của IHG trong các tên hoặc logo song ngữ và tên không phải tiếng Anh phải có sự chấp thuận rõ ràng bằng văn bản từ trademarks@ihg.com.

IHG's trademarks, including IHG owned graphic symbols, logos or icons must not be used in a manner that would imply IHG’s, affiliation with or endorsement, sponsorship or support of a third party product or service, without express written permission from trademarks@ihg.com. Thương hiệu của IHG, bao gồm các biểu tượng đồ họa, logo hoặc icon thuộc sở hữu của IHG không được sử dụng theo cách có thể ám chỉ rằng IHG sáp nhập với hoặc chứng thực, tài trợ hoặc hỗ trợ cho sản phẩm hoặc dịch vụ của bên thứ ba, mà không có sự cho phép bằng văn bản từ trademarks@ihg.com.

Trademark usage guidance Hướng dẫn sử dụng nhãn hiệuhttps://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=553ea107-3502-4d07-a6a4-7552e47e35f9

In the following places, IHG's trademarks (including logos or other IHG owned graphic symbols, logos, designs or icons and variations of those IHG trademarks) must never be used on or in connection with IHG owners', vendors' or other third-party's goods or services, or in connection with any non-IHG owned trademark, without express written approval from trademarks@ihg.com. Ở những nơi sau đây, các nhãn hiệu của IHG (bao gồm logo hoặc các biểu tượng đồ họa, logo, thiết kế hoặc icon khác thuộc sở hữu của IHG ) không được sử dụng theo cách thể hiện mối liên quan đến các chủ đầu tư của IHG, các nhà cung cấp hoặc đơn vị cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ của bên thứ ba, hoặc liên quan đến bất kỳ nhãn hiệu nào không thuộc sở hữu của IHG, mà không có sự chấp thuận rõ ràng bằng văn bản từ trademarks@ihg.com.

Trademark usage guidance Hướng dẫn sử dụng nhãn hiệuhttps://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=553ea107-3502-4d07-a6a4-7552e47e35f9

Websites [18264] trang web

Hotels [18265] khách sạn

Printed Manuals [18266]Ấn phẩm hướng dẫn

Uniforms [18267] Đồng phục

Signage [18268] Biển bảng

Promotional Material Tài liệu quảng cáo

Guidelines Hướng Dẫn

Promotional materials and other items and collateral containing IHG's trademarks or variations of trademarks may be used in the format provided by trademarks@ihg.com. Tài liệu quảng cáo và các vật phẩm cùng ấn phẩm khác có chứa nhãn hiệu hoặc biến thể nhãn hiệu của IHG có thể được sử dụng theo định dạng được cung cấp bởi trademarks@ihg.com.

The above specifications do not represent a complete list of places where the standard applies and hotels should therefore contact trademarks@ihg.com to clarify where else this may apply. Danh sách trên không phải là một danh sách đầy đủ các địa điểm phải áp dụng tiêu chuẩn và do đó khách sạn nên liên hệ với trademarks@ihg.com để làm rõ nơi nào khác có thể áp dụng.

Responsible Business -> Brand Identity & Signage Nhận diện thương hiệu & bảng hiệu

Signage programme identifying all interior and exterior spaces must be approved by IHG. Hệ thống biển bảng xác định tất cả các không gian bên trong và bên ngoài phải được IHG phê duyệt.

All signage must meet the following: [15673] Tất cả các bảng hiệu phải đáp ứng như sau:

Be well illuminated. [100125] Được chiếu sáng tốt.

Directional signage must be clear and unambiguous. [100126] Biển báo chỉ hướng phải rõ ràng và không mơ hồ.

Structural reinforcement and electrical connections for building mounted signage must be coordinated with the architecture. Gia cố kết cấu và kết nối điện cho các bảng hiệu gắn trên tòa nhà phải được phối hợp với kiến trúc.

**General<t0/> <t1/>Thông tin chung**

In accordance with the Brand Identity & Signage Manual. [28991] Tuân thủ Hướng dẫn Nhận diện thương hiệu & biển hiệu.

Be supplied and installed by a recognised signage contractor. [28990] Được cung cấp và lắp đặt bởi một nhà thầu biển hiệu được công nhận.

Where illuminated, lighting must be evenly spread with no dark spots [65041]Khi biển được chiếu sáng, ánh sáng phải được chiếu đều, không có điểm tối

Structural reinforcement and electrical connections for building mounted signage is required. Gia cố kết cấu và kết nối điện cho các bảng hiệu gắn trên tòa nhà phải được phối hợp với kiến trúc.

Guidelines Hướng dẫn

• The design of signage should consider maintenance, such as tube replacement and cleaning. Thiết kế của các biển hiệu nên cân nhắc đến cả việc bảo trì, chẳng hạn như thay thế ống đèn và làm vệ sinh.

The primary logo is the Holiday Inn Resort® logo (or any of its variations). Logo chính là logo Holiday Inn Resort® (hoặc bất kỳ biến thể nào của nó).

Changing the monogram colours is not permitted [68707] Không được phép thay đổi màu ký tự logo

It is not permitted to alter, distort or redraw the logo in any way. Không được phép thay đổi, bóp méo hoặc vẽ lại logo theo bất kỳ cách nào.

All applications of the brand identity must follow requirements provided in the Holiday Inn Resort® Brand Identity Directives and/or Marketing and Communications Manuals. Tất cả các ứng dụng bộ nhận diện thương hiệu phải tuân theo các yêu cầu được cung cấp trong Hướng dẫn về Nhận diện thương hiệu của Holiday Inn Resort® và/hoặc Hướng dẫn Tiếp thị và Truyền thông.

All exterior lighting must be well maintained and in good working order. [36069] Tất cả ánh sáng ngoại thất phải được bảo trì và duy trì hoạt động tốt.

All signage must be installed in accordance with the requirements provided in the Holiday Inn Resort® Signage Manual. Tất cả các biển báo phải được lắp đặt tuân thủ các yêu cầu được nêu Hướng dẫn về bảng hiệu Holiday Inn Resort®.

Must be lit from dusk and for a minimum of six hours. Phải được thắp sáng từ hoàng hôn và thời gian tối thiểu sáu tiếng/

Signage must be kept in good working order. Bảng hiệu phải được duy trì hoạt động tốt.

Guidelines Hướng Dẫn

• Recommended to be lit from dusk to dawn. Khuyến khích thắp sáng biển hiệu từ hoàng hôn đến bình minh.

Responsible Business -> Information Management and Security Quản lý và bảo mật thông tin

The risk to the confidentiality, integrity, and availability of Personal Data and IHG data must be mitigated through the adoption of an Information Security programme. Rủi ro đối với tính bảo mật, tính toàn vẹn và tính sẵn có của Dữ liệu Cá nhân và dữ liệu IHG phải được giảm thiểu thông qua việc sử dụng chương trình Bảo mật Thông tin.
See also ID number 7009 Xem thêm số ID 7009

An Information Security Policy must be developed and communicated. [5465] Một Chính sách Bảo mật Thông tin phải được phát triển và truyền đạt.

Procedures to support the Information Security Policy must be developed and implemented. [5466] Các quy trình phục vụ Chính sách Bảo mật Thông tin phải được xây dựng và triển khai.

A review of the Information Security Policy and supporting procedures must be carried out at least annually, or each time a system breach or unauthorised access occurs. [7014] Việc xem xét đánh giá Chính sách Bảo mật Thông tin và các quy trình phục vụ Chính sách này phải được thực hiện tối thiểu là thường niên, hoặc mỗi lần xảy ra sự kiện xâm nhập hệ thống hoặc truy cập trái phép.

System breaches and unauthorised access to, or removal of, guest and visitor Personal Data must be reported to IHG® without delay. Sự xâm nhập hệ thống và truy cập trái phép, hoặc xóa dữ liệu Cá nhân của khách lưu trú và khách thăm phải được báo cáo cho IHG® ngay lập tức.

Guidelines Hướng Dẫn

A comprehensive information security policy is likely to include sections such as: data classification, data collection, retention, and storage; data disposal and destruction, acceptable use, human resources security; incident response; physical and environmental security; business continuity and disaster recovery; information systems security. Chính sách bảo mật thông tin toàn diện có thể bao gồm các nội dung như: phân loại dữ liệu, thu thập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu; xóa và hủy dữ liệu, các mục đích sử dụng được chấp nhận, bảo mật thông tin nhân sự; ứng phó sự cố; an ninh vật lý và môi trường; việc tiếp tục kinh doanh và khắc phục thảm họa; an ninh đối với hệ thống thông tin.

**(Trang 18)**

The information security policy and procedures should be based on an accepted baseline such as ISO27002, PCI DSS, or similar. [20427] Chính sách và quy trình bảo mật thông tin phải dựa trên các cơ sở đã được chấp nhận, chẳng hạn như ISO27002, PCI DSS hoặc tương tự.

Franchised hotels may refer to the IHG Hotel Accounting Manual Chapter 15 and the IHG Information Security Policy within it when developing their own Programme and Policy. Franchised hotels are not required to use or adopt them. They are provided to Franchised hotels as guidance only. [20428] Khách sạn nhượng quyền có thể tham khảo Hướng dẫn kế toán khách sạn IHG Chương 15 và Chính sách bảo mật thông tin của IHG trong tài liệu này khi xây dựng Chương trình và Chính sách của riêng họ. Khách sạn nhượng quyền không bắt buộc phải sử dụng hoặc tuân theo chúng. Tài liệu chỉ được cung cấp cho các khách sạn nhượng quyền để định hướng.

Information Security Policies - IHG Hotel Accounting Manual Chapter 15 Chính sách bảo mật thông tin – Hướng dẫn kế toán khách sạn IHG Chương 15 https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/init-ihg-information-security/article?id=18704426

A comprehensive information security programme is likely to establish policy and procedures to manage the risks to information security as the hotel conducts its business activities, implement and operate policy and procedures, assess performance against the policy and procedures, report results to management for review, and take preventative and corrective actions based on management review to achieve continual improvement. Một chương trình bảo mật thông tin toàn diện có thể thiết lập chính sách và thủ tục để quản lý rủi ro đối với an ninh thông tin trong quá trình khách sạn tiến hành các hoạt động kinh doanh, thực hiện và vận hành chính sách và quy trình, đánh giá hiệu quả công việc so với chính sách và quy trình, báo cáo kết quả cho ban quản lý để xem xét và thực hiện các hành động phòng ngừa và điều chỉnh dựa trên đánh giá quản lý để đạt được sự cải thiện liên tục.

Hotels must have an internal policy or procedure which specifies that Personal Data must not be provided to any third party who is not authorised to receive or access it. Khách sạn phải có chính sách hoặc quy trình nội bộ quy định rằng Dữ liệu Cá nhân không được cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào không được cấp phép nhận hoặc truy cập.

IHG Handling Personal Data Policy Chính Sách Dữ Liệu Cá Nhân Xử Lý của IHG https://www.ihgbrandcentral.com/%26redirecturl/branding/brand/holiday-inn-resort/region/asia-middle-east-africa/page/401931
See also ID number 7009 Xem thêm số ID 7009

Guidelines Hướng Dẫn

Franchised hotels may refer to the IHG Handling Personal Data Policy when developing their own Policy. Franchised hotels are not required to use or adopt the IHG Handling Personal Data Policy. The IHG Handling Personal Data Policy is provided to franchised hotels as guidance only. [45571] Khách sạn nhượng quyền có thể tham khảo Chính sách Xử lý Dữ liệu cá nhân của IHG khi xây dựng Chính sách riêng của họ. Khách sạn nhượng quyền không bắt buộc phải sử dụng hoặc áp dụng Chính sách xử lý dữ liệu cá nhân IHG. Chính sách xử lý dữ liệu cá nhân IHG được cung cấp cho các khách sạn nhượng quyền để định hướng.

An external Privacy Statement must be developed which explains to guests and visitors how their Personal Data is managed by the Hotel. Phải phát triển Tuyên bố về quyền riêng tư riêng, trong đó giải thích cho khách lưu trú và khách đến thăm cách Khách sạn quản lý Dữ liệu cá nhân của họ.

Data Privacy Statement Tuyên bố về quyền riêng tư https://www.ihgbrandcentral.com/%26redirecturl/branding/brand/holiday-inn-resort/region/asia-middle-east-africa/page/401931

See also ID number [7009] Xem thêm số ID [7009]

The Privacy Statement must be available in English and local language(s). [5498] Tuyên bố về Quyền riêng tư phải có bản tiếng Anh và (các) ngôn ngữ địa phương.

The Privacy Statement must be available at the Front Desk and provided upon request to guests and visitors. [5499] Tuyên bố về Quyền riêng tư phải có sẵn tại Quầy Lễ Tân và cung cấp theo yêu cầu của khách lưu trú và khách tới thăm.

The Privacy Statement must be reviewed annually. [21793] Tuyên bố về Quyền riêng tư phải được xem xét lại hàng năm.

Guidelines Hướng Dẫn

Franchised hotels may refer to the IHG Privacy Statement when developing their own privacy statement. Franchised hotels are not required to use or adopt the IHG Privacy Statement. The IHG Privacy Statement is provided to franchised hotels as guidance only. [45573] Khách sạn nhượng quyền có thể tham khảo Tuyên bố về Quyền riêng tư của IHG khi phát triển tuyên bố quyền riêng tư của riêng họ. Khách sạn nhượng quyền không bắt buộc phải áp dụng hoặc tuân theo Tuyên bố về Quyền riêng tư của IHG. Tuyên bố về Quyền riêng tư của IHG chỉ được cung cấp cho các khách sạn được nhượng quyền để định hướng.

The Privacy Statement must explain that reservation and hotel stay Personal Data collected by the hotel may be shared with IHG. [5504] Tuyên bố về Quyền riêng tư phải giải thích rằng Dữ liệu cá nhân đặt phòng và lưu trú tại khách sạn được khách sạn thu thập có thể được chia sẻ với IHG.

Data Privacy Statement Tuyên bố về quyền riêng tư https://www.ihgbrandcentral.com/%26redirecturl/branding/brand/holiday-inn-resort/region/asia-middle-east-africa/page/401931

See also ID number [7009] Xem thêm số ID [7009]

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 19)**

A Privacy Statement may include areas such as the name of the hotel, who operates the hotel and whether the hotel is franchised, what Personal Data is collected, where and how the Personal Data is collected, what purposes the Personal Data is used for, when consent will be obtained from guests or visitors to collect or use their Personal Data, when and with whom the Personal Data may be shared, how the Personal Data is kept secure, how a guest or visitor can contact the hotel to correct, update or enquire about their Personal Data. [5515] Một Tuyên bố về Quyền riêng tư có thể bao gồm các nội dung như tên của khách sạn, đơn vị vận hành khách sạn và liệu khách sạn có phải là khách sạn nhượng quyền hay không, Dữ liệu cá nhân nào được thu thập, Dữ liệu cá nhân được thu thập ở đâu, như thế nào,và vì mục đích gì, khi nào sẽ xin sự đồng thuận của khách lưu trú hoặc khách tới thăm để thu thập hoặc sử dụng Dữ liệu cá nhân của họ, Dữ liệu cá nhân có thể được chia sẻ khi nào và với ai, cách Dữ liệu cá nhân được bảo mật, phương thức liên hệ với khách sạn để khách lưu trú hoặc khách đếm thăm để yêu cầu sửa, cập nhật hoặc hỏi về dữ liệu cá nhân của họ.

Franchised hotels may refer to the IHG Privacy Statement when developing their own privacy statement. Franchised hotels are not required to use or adopt the IHG Privacy Statement. The IHG Privacy Statement is provided to franchised hotels as guidance only. [45574] Khách sạn nhượng quyền có thể tham khảo Tuyên bố về Quyền riêng tư của IHG khi phát triển tuyên bố quyền riêng tư của riêng họ. Khách sạn nhượng quyền không bắt buộc phải áp dụng hoặc tuân theo Tuyên bố về Quyền riêng tư của IHG. Tuyên bố về Quyền riêng tư của IHG chỉ được cung cấp cho các khách sạn được nhượng quyền để định hướng.

Responsible Business -> Green Engage Cam Kết Tiêu Chuẩn Xanh

IHG's Green Engage® tool must be used. Phải sử dụng công cụ Tiêu Chuẩn Xanh của IHG.

Green Engage Tiêu Chuẩn Xanh

• The 'Set Up' process must be completed. [5716] Quá trình 'Set up' phải được hoàn thành.

All action items in Level 1 must be completed. [5717] Tất cả các mục hành động trong Mức 1 phải được hoàn thành.

Guidelines Hướng Dẫn

Evidence/documentation of each completed action item should be provided in the space provided within the Green Engage® system. [5718] Bằng chứng/tài liệu của từng hạng mục hành động đã hoàn thành cần được cung cấp trong không gian được cung cấp trong hệ thống Tiêu Chuẩn Xanh®.

Case studies, lessons learnt and progress should be shared with IHG's Corporate Responsibility team. [5721] Nghiên cứu điển hình, bài học kinh nghiệm và tiến bộ nên được chia sẻ với nhóm Trách nhiệm doanh nghiệp của IHG.

Utility data should be uploaded on a monthly basis. [58674] Dữ liệu tiện ích nên được tải lên hàng tháng.

A Green Team should be set up to encourage championing and ownership of the hotel's sustainability goals. [58675] Một Green Team (Team Hành động Xanh) nên được thành lập để khuyến khích đạt được các mục tiêu bền vững của khách sạn.

IHG Green Engage certificates may be displayed in public areas. [62768] Chứng chỉ Tiêu Chuẩn Xanh của IHG có thể được trưng bày ở các khu vực công cộng.

Responsible Business -> Human Rights Nhân Quyền

The IHG Human Rights Policy or an equivalent Human Rights Policy must be implemented. [9580] Chính sách nhân quyền của IHG hoặc Chính sách nhân quyền tương đương phải được thực hiện.

Human Rights Policy Chính sách nhân quyền https://www.ihgplc.com/en/responsible-business/policies#HumanRights

Human Rights Support Documentation Hồ Sơ Hỗ Trợ Nhân Quyềnhttps://www.ihgbrandcentral.com/%26redirecturl/branding/brand/holiday-inn-resort/region/asia-middle-east-africa/page/401931

myLearning - Human Rights myLearning – Nhân Quyền https://mylogin.ihg.com/forms/iam/responsiveV3/sabalogin.fcc?TYPE=33554433&REALMOID=06-00033127-4675-1c92-8441-a4550ad20000&GUID=&SMAUTHREASON=0&METHOD=GET&SMAGENTNAME=-SM-jSAPiQYtCT%2bjPJezFSskVFTzQ0iXL8CDNjDC73dIdRG24XlCBFEYAe3e67e9bn3w&TARGET=-SM-HTTPS%3a%2f%2ffederation%2eihg%2ecom%2faffwebservices%2fredirectjsp%2fsaba%2ejsp%3fSAMLRequest%3dfZJdT8IwFIbv-%2FRVL7-%2FcJQ2zYCEqIJBgIm154Y7rtjNVs7ezpUP-%2B9YwPFhHDZ5j3Pe9Knk-%2BlXVRp7UMilCIhrOcQAkcqMi11AnuOFOSbT8GaCrCq9ms4aXYgtfDSA2pghgtLt3IMU2FSgIlB7nsLzdhWQQusaqW1X3yUwJVqcxYudlcrKjljC7APQjqK1zUrO8ELsDWtizNseLpjuljshc8hAdXe-%2FSJbnn5Bg34923SQlT7sOD1ESYyFVCt3yAclZiUCM5TwgzPeBw8jd-%2BYOscB3-%2FPRsMMidJYJy446zN4IYh8j38TSE2sBSomdAB8RzPNZ2h6Yxi16XOiLp31tC-%2FfSXGRkktU1nec9E-%2FZaMElQw5UsEqQKpTGs2eVtSzHJr0IaSPcbwxN-%2BsoJsbLSYl3UNJKEkh7CddZ9bGYhL0z2m2szgnXAexklYQXpUzsc254PP7-%2FGuEP%26RelayState%3decbb56f7--b56c--4425--8a9f--500522ee4cbe%26SMPORTALURL%3dhttps-%3A-%2F-%2Ffederation%2eihg%2ecom-%2Faffwebservices-%2Fpublic-%2Fsaml2sso%26SAMLTRANSACTIONID%3db89fe12f--bd35b0b7--ac25ea39--8699d38f--2f37d523--5f

The Policy must be prominently displayed in a colleague area. [9582] Chính sách phải được treo/bày ở nơi dễ thấy trong khu vực nhân viên.

The Policy must be available in English and the local language(s). [9583] Chính sách phải có bản tiếng Anh và (các) tiếng địa phương.

All colleagues must be made aware of the Policy at least once a year. [9584] Tất cả các nhân viên phải được phổ biến về Chính sách ít nhất một lần một năm.

Documented acknowledgement of colleague awareness of the Policy must be maintained. [10262] Duy trì ghi nhận bằng văn bản về nhận thức của nhân viên về chính sách.

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 20)**

IHG's Human Rights Policy is provided to franchised hotels as guidance. Franchised hotels are not required to use or adopt IHG's Human Rights Policy. It may be used in whole or in part as appropriate, at each franchised hotel's discretion when developing their own policy. Additionally, in developing their policies, franchised hotels may also refer to The UN Global Compact's ten principles, The Universal Declaration of Human Rights and/or The International Labour Organisation's Declaration on Fundamental Principles and Rights at Work. [9586] Chính sách nhân quyền của IHG được cung cấp cho các khách sạn nhượng quyền để định hướng. Khách sạn nhượng quyền không bắt buộc phải sử dụng hoặc tuân theo Chính sách Nhân quyền của IHG. Chính sách có thể được sử dụng toàn bộ hoặc một phần khi thích hợp, theo quyết định của mỗi khách sạn nhượng quyền khi xây dựng chính sách của riêng mình. Ngoài ra, trong việc xây dựng chính sách của mình, các khách sạn được nhượng quyền cũng có thể tham khảo mười nguyên tắc của UN Global Compact, Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người và/hoặc Tuyên bố của Tổ chức Lao động Quốc tế về Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại nơi làm việc.

Colleagues should be made aware of the Policy as part of their hotel induction. [9587] Nhân viên nên được phổ biến về Chính sách trong quá trình tiếp nhận vào vị trí trong khách sạn.

Colleague awareness should include communication and discussion of the Policy in a team meeting. [9588] Việc phổ biến ý thức về Chính sách Nhân quyền cho nhân viên nên bao gồm giao tiếp và thảo luận về Chính sách trong một cuộc họp nhóm.

Responsible Business -> Commercial Thương Mại

Hotels must not advertise or display any association with lodging competition or any Third Party Intermediary Channels on property. Khách sạn không được quảng cáo hoặc hiển thị bất kỳ mối liên hệ nào với đối thủ cạnh tranh hoặc bất kỳ Kênh trung gian của bên thứ ba nào trong tài sản.

Including but not limited to logos, signage, desks, awards etc. Bao gồm nhưng không giới hạn ở logo, bảng hiệu, bàn, giải thưởng, v.v.

Guidelines Hướng Dẫn

Examples of Third Party Intermediary Channels would include but not limited to; Online Travel Agents (OTAs; e.g. Agoda, Booking.com, Expedia, CTrip), Metasearch (e.g.TripAdvisor, Kayak, Trivago), Global Distribution Systems (GDS; e.g. TravelPort, Sabre, Amadeus) and Others (e.g. travel & tourism boards) Ví dụ về Kênh trung gian của bên thứ ba sẽ bao gồm nhưng không giới hạn ở; Đại lý du lịch trực tuyến (OTAs; ví dụ: Agoda, Booking.com, Expedia, CTrip), Metasearch (ví dụ: TripIDIA, Kayak, Trivago), Hệ thống phân phối toàn cầu (GDS; ví dụ: TravelPort, Saber, Amadeus) và các bên khác (ví dụ: hội đồng du lịch...)

Responsible Business -> Commercial -> Digital Channels Kênh Kỹ Thuật Số

All hotels must participate in the Third Party Intermediary Programme (the Programme) unless written notice to opt out has been received by IHG. [33473] Tất cả các khách sạn phải tham gia Chương trình trung gian của bên thứ ba (Chương trình) trừ khi IHG nhận được thông báo bằng văn bản về việc không tham gia.

Third Party Intermediary Programme Chương trình trung gian của bên thứ bahttps://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/dept-distribution-strategy

Hotel Solutions page Trang Giải pháp khách sạn https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=870880bd-ec4a-40ce-8385-be0c5ecd0f63

Third Party Intermediary (TPI) programme – AMEA Chương trình trung gian của bên thứ ba (TPI) - AMEA https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/documents/12020574/27d36c8c-dd57-41e5-b99b-fac7863b5a6c

See also ID number [5518] Xem thêm số ID [5518]

Hotels participating in the Programme must not enter into their own, separate online distribution agreements. [33474] Khách sạn tham gia Chương trình không được tham gia vào các thỏa thuận riêng về phân phối trực tuyến.

Hotels participating in the Programme must only work with IHG certified Third Party Intermediary (TPI) accounts. [33475] Khách sạn tham gia Chương trình chỉ phải làm việc với các tài khoản Trung gian bên thứ ba (TPI) được chứng nhận của IHG.

Hotels choosing to opt out of the Programme must not work with any Third Party Intermediary (TPI)/Online Travel Agent (OTA) on an individual basis, regardless of certification. [33476] Khách sạn chọn từ chối tham gia Chương trình không được làm việc với bất kỳ Bên trung gian bên thứ ba (TPI)/Đại lý du lịch trực tuyến (OTA) nào trên cơ sở cá nhân, bất kể chứng nhận.

If a hotel chooses to build and operate an Independent Hotel Website, it must ensure that the hotel's affiliation with its specific IHG® brand is clearly identifiable. [52890] Nếu khách sạn lựa chọn tự xây dựng và vận hành Trang web Khách sạn Độc lập, thì phải đảm bảo rằng liên kết của khách sạn với nhãn hiệu IHG® cụ thể của mình có thể xác định rõ ràng.

"Official Website" or similar language must not be used in Website Content nor in Creative Content on Banners, Text Ads, Keywords or Meta Data. [52892] "Trang web chính thức" hoặc ngôn ngữ tương tự không được sử dụng trong Nội dung trang web cũng như trong Nội dung sáng tạo trên Banner, Text Ad, Từ khóa hoặc Metadata.

The IHG Service Mark using minimum 8pt type must be displayed either on the homepage or via a link. Ký hiệu dịch vụ của IHG sử dụng font tối thiểu 8pt phải được hiển thị trên trang chủ hoặc qua link liên kết.

**(Trang 21)**

• The correct brand logo must be clearly labeled with the hotel name as it appears in the Central Reservation System (CRS), referred to as the Guest Reservation System (GRS) or HOLIDEX® Plus (and including IHG Concerto™) and be used and displayed prominently on each web page. [52897] Logo thương hiệu chính xác phải được ghi chú rõ ràng với tên khách sạn như tên trong Hệ thống đặt phòng trung tâm (CRS), được gọi là Hệ thống đặt phòng khách (GRS) hoặc HOLIDEX® Plus (và bao gồm cả IHG Concerto ™) và được sử dụng và hiển thị nổi bật trên mỗi trang web.

• The correct logo and link to IHG® Rewards Club must appear prominently on the homepage. [52899] Logo và liên kết chính xác đến CLB Khách hàng Thân thiết IHG® phải xuất hiện nổi bật trên trang chủ.

• A link to the IHG official Hotel Details page must appear on the homepage using the Brand Name as the link text. [53005] Liên kết đến trang Chi tiết về Khách sạn chính thức của IHG phải xuất hiện trên trang chủ, sử dụng Tên thương hiệu làm tên link liên kết.

• Direct reservation booking links must incorporate PMID/IATA# 99502222 and be built in the IHG® URL Tool > Redirect Assistant linking to Brand.com. [53008] Liên kết đặt phòng trực tiếp phải kết hợp PMID/IATA# 99502222 và được xây dựng trong Công cụ IHG® URL > Hỗ trợ Liên kết chuyển hướng đến Brand.com.

• The hotel's external Privacy Statement must be established, maintained, posted or linked to all websitem pages. [53010] Tuyên bố về Quyền riêng tư bên ngoài của khách sạn phải được thiết lập, duy trì, đăng hoặc liên kết với tất cả các trang web.

See also ID number [5481, 5496, 5504] Xem thêm số ID [5481, 5496, 5504]

The applicable Central Reservation Office (CRO) toll-free number must be displayed on the homepage of website. [53012] Số điện thoại miễn phí của Văn phòng đặt phòng trung tâm (CRO) hiện hành phải được hiển thị trên trang chủ của trang web.

All Independent Hotel websites must provide notification about the operation and disabling of cookies in adherence to privacy regulations in your respective region. [53013] Tất cả các trang web của Khách sạn Độc lập phải cung cấp thông báo về việc vận hành và vô hiệu hóa cookie, tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin trong khu vực tương ứng của khách sạn.

Personal Data, IHG® Rewards Club and credit card information must only be collected by methods specifically designed to ensure protection of Personal Data when being collected. [53014] Dữ liệu cá nhân, CLB Khách hàng Thân thiết IHG® và thông tin thẻ tín dụng chỉ được thu thập bằng các phương pháp được thiết kế riêng để đảm bảo an ninh Dữ liệu cá nhân khi được thu thập.

See also ID number [5464] Xem thêm số ID [5464]

Guidelines Hướng Dẫn

The name of the hotel owner and operator should be displayed prominently on the homepage. [90434] Tên của chủ đầu tư khách sạn và đơn vị điều hành nên được hiển thị nổi bật trên trang chủ.

A current copyright symbol, year and the owning company name should be displayed using minimum 8pt type and displayed prominently on the homepage. [90435] Biểu tượng bản quyền hiện tại, năm và tên công ty sở hữu phải được hiển thị bằng loại font tối thiểu 8pt và được hiển thị nổi bật trên trang chủ.

The correct logo and link to the IHG Best Price Guarantee should appear prominently on the homepage. [90436] Logo và liên kết chính xác với Đảm bảo giá tốt nhất của IHG nên được hiển thị nổi bật trên trang chủ.

A hotel that has a link for Requests for Proposals for any groups and meetings should use the appropriate RFP link through to Brand.com. [90437] Một khách sạn có liên kết Yêu cầu Đề xuất cho bất kỳ nhóm và cuộc họp nào nên sử dụng liên kết RFP thích hợp thông qua Brand.com.

General colors and font should align with appropriate brand. [716049] Màu sắc và phông chữ nói chung phải đồng bộ với thương hiệu phù hợp

Independent Hotel Websites should not include links to web development vendors on homepage. [716050] Trang web khách sạn độc lập không nên bao gồm các liên kết đến các nhà cung cấp phát triển web trên trang chủ.

The content on an Independent Hotel Website must uphold consumer confidence in hotels licensed under any IHG® brand. [53019] Nội dung trên Trang web Khách sạn Độc lập phải duy trì niềm tin của người tiêu dùng đối với các khách sạn được cấp phép dưới bất kỳ thương hiệu IHG® nào.

All content included on the Independent Hotel Website must be uploaded into the Hotel Content Management system (HCM) in English and the local country language. [53020] Tất cả nội dung có trên Trang web Khách sạn Độc lập phải được tải lên hệ thống Quản lý Nội dung Khách sạn (HCM) bằng tiếng Anh và ngôn ngữ quốc gia địa phương.

Content must be current and accurate. [53022] Nội dung phải cập nhật và chính xác.

All Independent Hotel Website content must be available in the local language. [53023] Tất cả nội dung trang web của khách sạn độc lập phải có phiên bản ngôn ngữ địa phương.

All Independent Hotel Website content must be available in English or link to the hotel detail page in English, if it is not the local language. [53024] Tất cả nội dung Trang web của Khách sạn Độc lập phải luôn có bản tiếng Anh hoặc liên kết đến trang chi tiết khách sạn bằng tiếng Anh, nếu tiếng Anh không phải là ngôn ngữ địa phương.

Content provided or created by IHG must not be reproduced by the hotel on its independent website unless it is posted on the IHG® Media pages link or is approved by IHG. [53025] Nội dung do IHG cung cấp hoặc tạo ra không được sao chép bởi khách sạn trên trang web độc lập của mình trừ khi nội dung đó được đăng trên các trang IHG® Media hoặc được IHG chấp thuận.

**(Trang 22)**

Published Email addresses must be in good working order and not include a non-IHG® brand domain. [53026] Địa chỉ Email công bố phải hoạt động tốt và không bao gồm tên miền không phải thương hiệu IHG®.

Content must not link to or promote any hotels not licensed under any IHG® brand. [53027] Nội dung không được liên kết đến hoặc quảng bá bất kỳ khách sạn nào không được cấp phép dưới bất kỳ thương hiệu IHG® nào.

Content must not link to or promote third-party intermediary (TPI) or Online Travel Agency (OTA) sites unless authorised by IHG. Nội dung không được liên kết đến hoặc quảng bá các trang web trung gian của bên thứ ba (TPI) hoặc Đại lý du lịch trực tuyến (OTA) trừ khi được IHG ủy quyền.

See also ID number [33473] Xem thêm số ID [33473]

Content may link to other Independent Hotel Websites for hotels licensed under any IHG® brand, however they must be operated by the same owner or management company. [53030] Nội dung có thể liên kết đến các trang web khách sạn độc lập khác của các khách sạn được cấp phép dưới bất kỳ thương hiệu IHG® nào, tuy nhiên chúng phải được vận hành bởi cùng một chủ đầu tư hoặc công ty quản lý.

A link to guest reviews on brand.com must be provided on the homepage and built using the IHG Hotel Toolkit > IWS widget. [53034] Liên kết đến đánh giá của khách trên brand.com phải được cung cấp trên trang chủ và được xây dựng bằng Bộ công cụ khách sạn IHG> IWS widget.

See also ID number [37, 41] Xem thêm số ID [37, 41]

Foreign language and advanced URLs must be built using IHG® URL Tool > Redirect Assistant. [53035] Ngôn ngữ nước ngoài và URL nâng cao phải được xây dựng bằng Công cụ URL IHG®> Hỗ trợ chuyển hướng.

Where there are links for Local Negotiated Rates (LNRs), Group and Package Bookings they must be built using the IHG® URL Tool > LNR or Group Bookings. [53036] Trong trường hợp có các liên kết cho Giá thương lượng cho địa phương (LNR), Đặt chỗ theo nhóm và theo gói, chúng phải được xây dựng bằng Công cụ URL IHG®> LNR hoặc Đặt chỗ theo nhóm.

Guidelines Hướng Dẫn

Where there are links to related guest sites, it is recommended that there is a link back to the Independent Hotel Website. [90438] Khi có các liên kết đến các trang web có liên quan dành cho khách, nên có một liên kết quay lại Trang web Khách sạn Độc lập.

A completed Independent Hotel Website Launch Checklist must be submitted to IHG for approval no less than ten working days prior to the public go-live date of a new site or a redesigned, pre-existing site. [53043] Checklist Ra mắt website Khách sạn Độc lập hoàn thiện phải được nộp cho IHG để phê duyệt không dưới mười ngày làm việc trước ngày công khai một trang web mới hoặc một trang web có sẵn được thiết kế lại.

Independent Hotel Websites must comply with all accessibility best practices as identified by the World Wide Web Consortium’s Web Accessibility Initiative. [53044] trang web khách sạn độc lập phải tuân thủ tất cả yêu cầu về như được xác định bởi Sáng kiến về truy cập web cho người khuyết tật của World Wide Web Consortium (W3C -tổ chức tiêu chuẩn quốc tế chính dành cho internet).

Domain, Sub-Domain Names, URLs and Email Addresses must not contain IHG® trademarks or service marks or any that are confusingly similar to an IHG® brand. [53045] Tên miền, Tên miền phụ, URL và Địa chỉ email không được chứa nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu dịch vụ của IHG® hoặc bất kỳ nhãn hiệu nào tương tự gây nhầm lẫn với thương hiệu IHG®.

Digital Channels Reference guide Tài liệu hướng dẫn về kênh kỹ thuật số https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=ad7f84e2-b966-43a9-a637-c5e0ce99b961

Registrations of existing violating Domain and/or Sub-Domain Names must be allowed to expire or be transferred to IHG®, at IHG’s option and at no cost to IHG. [53046] Thời hạn đăng ký tên miền và/hoặc tên miền phụ gây vi phạm hiện có phải được phép hết hạn hoặc được chuyển giao cho IHG®, tùy theo lựa chọn của IHG, và không do IHG chịu phí.

Hotels choosing to bid on or purchase keywords or advertisement creatives must meet the following: [53047] khách sạn chọn đấu thầu hoặc mua từ khóa hoặc quảng cáo phải đáp ứng các điều sau:

Digital Channels Reference guide Tài liệu hướng dẫn về kênh kỹ thuật số https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=ad7f84e2-b966-43a9-a637-c5e0ce99b961

• The only branded keywords hotels may purchase are their official hotel name, as set out in the Guest Reservation System (GRS) or HOLIDEX®Plus (and including IHG Concerto™), which must be purchased on exact match and within a standalone campaign

[718048] từ khóa thương hiệu duy nhất khách sạn có thể mua là tên khách sạn chính thức của họ, như được nêu trong Hệ thống đặt phòngkhách (GRS) hoặc HOLIDEX®Plus (và bao gồm cả IHG Concerto™), phải được mua từ khóa khớp hoàn toàn và trong một chiến dịch độc lập

• Where a hotel chooses to purchase brand neutral/generic keywords, these must include IHG® Brand Trademarks and commonly misspelled variations as negative phrase match keywords

[675095] Trong trường hợp khách sạn chọn mua các từ khóa chung chung/trung lập về thương hiệu, những từ khóa này phải bao gồm Thương hiệu IHG® Brand và các biến thể thường bị sai chính tả dưới dạng từ khóa đối sánh cụm từ phủ định

**(Trang 23)**

Where a hotel chooses to purchase brand neutral/generic keywords, these must be in a separate campaign(s) from the one that contains their official hotel name [718049] Khi một khách sạn chọn mua các từ khóa trung lập/chung chung, các từ khóa này phải nằm trong (những) chiến dịch riêng so với từ có chứa tên khách sạn chính thức của họ

Must not use paid search to divert branded broad match keywords away from other hotels licensed under any IHG® brand in the same geographic area [675096] Không được sử dụng tìm kiếm có trả tiền để chuyển hướng các từ khóa thương hiệu đối sánh rộng khỏi các khách sạn khác thuộc bất kỳ thương hiệu IHG® nào trong cùng khu vực địa lý

• Advertisement creatives must include the hotel's official name as set out in the Guest Reservation System (GRS) or HOLIDEX® Plus (and including IHG Concerto™)

[718050] Quảng cáo phải bao gồm tên chính thức của khách sạn như tên trong Hệ thống Đặt Phòng khách (GRS) hoặc HOLIDEX® Plus (và bao gồm cả IHG Concerto ™)

Guidelines Hướng Dẫn

• Brand neutral/generic keywords may be purchased. [718051] Có thể mua từ khóa trung lập/chung chung.

Where links to other related businesses exist it must be clear that the hotels licensed under any IHG® brand is a distinct business. [53049] Khi có đường dẫn đến các doanh nghiệp liên quan khác, phải thể hiện rõ rằng các khách sạn được cấp phép dưới bất kỳ thương hiệu IHG® nào là một doanh nghiệp riêng biệt.

All links to external sites must transfer a customer to the website by launching a new window and not in a "Frame" or within the current window. [53050] Tất cả các liên kết đến các trang web bên ngoài phải chuyển khách đến trang web đó bằng cách khởi chạy một cửa sổ mới, không phải là mở trong "Khung" hoặc trong cửa sổ hiện tại.

Guidelines Hướng Dẫn

• A return link from the website of the related business to the Independent Hotel Website should exist. [90998] Nên tồn tại một liên kết dẫn trở về Trang web Khách sạn Độc lập từ trang web của doanh nghiệp liên quan.

Where hotels licensed under any IHG® brand is included on a Hotel Management Company and/or Joint Website it must be clear that the hotel is a distinct business and maintain consumer confidence in its brands. [53052] Khi các khách sạn được cấp phép dưới bất kỳ thương hiệu IHG® nào thuộc một Công ty quản lý khách sạn và/hoặc tồn tại trên Trang web chung thì phải thể hiện rõ rằng khách sạn là một doanh nghiệp riêng biệt và duy trì niềm tin của người tiêu dùng đối với thương hiệu.

Digital Channels Reference guide Tài liệu hướng dẫn về kênh kỹ thuật số https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=ad7f84e2-b966-43a9-a637-c5e0ce99b961

Where there is a link to other hotels licensed under any IHG® brand hotel's Independent Hotel Website it must be operated by the same owner or management company and include a link back to the hotel's Independent Website. [53053] Khi có liên kết đến bất kỳ Trang web Khách sạn Độc lập nào của các khách sạn khác được cấp phép dưới thương hiệu IHG®, thì nó phải được vận hành bởi cùng một chủ đầu tư hoặc công ty quản lý và bao gồm một liên kết quay lại Trang web Độc lập của khách sạn.

A link to the hotel's page on Brand.com must be provided. [53054] Phải cung cấp liên kết đến trang của khách sạn trên Brand.com.

The website must clearly identify itself with the Hotel Management Company's name and logo, and clearly state it is not an official site of IHG or one of its brands. [53055] Trang web phải xác định rõ ràng với tên và logo của Công ty Quản lý Khách sạn và nêu rõ đây không phải là trang web chính thức của IHG hoặc một trong những thương hiệu của nó.

Direct booking capabilities for IHG® hotels appearing on the website must be built using the IHG® URL Tool>Redirect Assistant. [53056] Chức năng đặt phòng trực tiếp cho các khách sạn IHG® xuất hiện trên trang web phải được xây dựng bằng Công cụ URL IHG®> Hỗ trợ chuyển hướng.

Domain or Sub-Domain Names used for URL and/or Email Addresses must not contain any of IHG's trademarks, service marks or domain names. [53058] Tên miền hoặc tên miền phụ được sử dụng cho URL và/hoặc Địa chỉ email không được chứa bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu dịch vụ hoặc tên miền nào của IHG.

Hotels currently licensed under an IHG® brand are not permitted to reference or link to a competitor brand due to replace the hotel. [53059] khách sạn hiện được cấp phép dưới nhãn hiệu IHG® không được phép nhắc đến hoặc dẫn link đến thương hiệu của đối thủ cạnh sắp sửa thay thế khách sạn.

Guidelines Hướng Dẫn

Other hotels licensed under any IHG® brand and applicable Brand logos should be displayed with at least equal prominence to all other hotels that are not licensed under any IHG® Brand properties appearing on the website. [90999] khách sạn khác được cấp phép dưới bất kỳ thương hiệu IHG® nào và logo Thương hiệu hiện hành phải xuất hiện với mức độ nổi bật ít nhất bằng với tất cả các khách sạn khác không được cấp phép theo Thương hiệu IHG® nào xuất hiện trên trang web.

Hotels are not permitted to develop or distribute their own Native Downloadable applications (Apps). [53060] khách sạn không được phép phát triển hoặc phân phối các ứng dụng điện thoại (Ứng dụng) của riêng mình.

Digital Channels Reference guide Tài liệu hướng dẫn về kênh kỹ thuật số https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=ad7f84e2-b966-43a9-a637-c5e0ce99b961

**(Trang 24)**

Hotels must confirm with consumers that their details are correct before proceeding with inclusion in marketing databases. [53064] khách sạn phải xác nhận với khách rằng các thông tin của họ là chính xác trước khi tiến hành đưa vào cơ sở dữ liệu marketing.

Digital Channels Reference guide Tài liệu hướng dẫn về kênh kỹ thuật số https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=ad7f84e2-b966-43a9-a637-c5e0ce99b961

Negative opt-out and default opt-in options must not be used. [53066] Không được sử dụng tùy chọn không cho rút khỏi chương trình và tùy chọn mặc định tham gia chương trình.

Clear and obvious means of removing or editing consumers’ details from a hotel marketing database must be provided. [53069] Phải cung cấp các phương tiện dễ hiểu và rõ ràng để xóa bỏ hoặc chỉnh sửa thông tin của khách từ cơ sở dữ liệu marketing khách sạn.

If requested, consumer details must be removed immediately from marketing lists. [53071] Nếu được yêu cầu, thông tin về khách phải được xóa ngay lập tức khỏi danh sách marketing.

It must be stated that the named hotel owner and/or operator, and not the Brand or IHG, is collecting the information. [53072] Phải khẳng định rằng chủ đầu tư khách sạn và/hoặc nhà điều hành có tên, chứ không phải Thương hiệu hoặc IHG, đang thu thập thông tin.

It must be stated that guest information collected by the hotel could be shared with IHG. [53075] Phải chỉ rõ rằng thông tin khách được khách sạn thu thập có thể được chia sẻ với IHG

Hotels must not sell or purchase any type of consumer details for unsolicited digital marketing purposes. [53076] Khách sạn không được bán hoặc mua bất kỳ loại thông tin khách hàng nào cho mục đích marketing kỹ thuật số tự nguyện.

A hotel's own digital marketing communications relating to campaigns must protect consumer rights and not appear to have come from IHG® or one of its brands. [53077] Truyền thông tiếp thị kỹ thuật số của khách sạn liên quan đến các chiến dịch phải bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và không được tạo ấn tượng rằng chiến dịch xuất phát từ IHG® hoặc một trong những thương hiệu của công ty.

Digital Channels Reference guide Tài liệu hướng dẫn về kênh kỹ thuật số https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=ad7f84e2-b966-43a9-a637-c5e0ce99b961

Content provided or created by IHG must not be reproduced or used in any marketing communications by the hotel unless it is posted on the IHG® Media pages link or is approved by IHG. [53078] Nội dung do IHG cung cấp hoặc tạo ra không được sao chép hoặc sử dụng trong bất kỳ thông tin tiếp thị nào của khách sạn trừ khi nội dung đó được đăng trên liên kết trang IHG® Media hoặc được IHG phê duyệt.

• The Owner, Operator and Name of the hotel, as listed in the Central Reservation System (CRS), referred to as the Guest Reservation System (GRS) or HOLIDEX® Plus (and including IHG Concerto™), must be clearly indicated as the originator of the communication. [53079] Chủ đầu tư, Đơn vị vận hành và Tên của khách sạn, như được liệt kê trong Hệ thống đặt phòng trung tâm (CRS), được gọi là Hệ thống đặt phòng khách (GRS) hoặc HOLIDEX® Plus (và bao gồm cả IHG Concerto ™), phải được ghi rõ là người tạo ra thông điệp truyền thông.

• The hotel mailing address, Email address the guest used to subscribe and reason for receiving the communication must be included. [53080] Địa chỉ gửi thư của khách sạn, địa chỉ Email mà khách sử dụng để đăng ký và lý do nhận thông tin phải được bao gồm.

• A link to the hotel’s privacy statement must be included. [53083] Phải bao gồm một liên kết đến tuyên bố về quyền riêng tư của khách sạn.

• Ability and ways to change preference details must be included. [53084] Phải có cách để thay đổi ưu tiên về cài đặt thông tin.

• A link to unsubscribe must be included. [53085] Phải bao gồm một liên kết để hủy đăng ký.

• Personal Data, IHG® Rewards Club and credit card information must only be collected by methods specifically designed to protect that information. [53088] A hotel or hotel management company's own digital marketing campaign must be specific to the hotel, distinct from any IHG® Brand campaign and maintain consumer confidence in IHG® and its brands. [53089] Dữ liệu cá nhân, CLB Khách hàng Thân thiết IHG® và thông tin thẻ tín dụng chỉ được phép thu thập bằng các phương pháp được thiết kế riêng để bảo vệ thông tin đó. [53088] Chiến dịch tiếp thị kỹ thuật số của một khách sạn hoặc một đơn vị quản lý khách sạn phải thiết kế cụ thể dành cho khách sạn, khác biệt so với các chiến dịch của Thương hiệu IHG® và duy trì niềm tin của khách hàng đối với IHG® và các thương hiệu của IHG.

Digital Channels Reference guide Tài liệu hướng dẫn về kênh kỹ thuật số https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=ad7f84e2-b966-43a9-a637-c5e0ce99b961

• Publicly available retail room rates offered by the hotel in marketing campaigns must be consistent and not differ with those available in the Central Reservation System (CRS), referred to as the Guest Reservation System (GRS) or HOLIDEX® Plus (and including IHG Concerto™). [53090]

Giá phòng bán lẻ có sẵn công khai do khách sạn cung cấp trong các chiến dịch tiếp thị phải nhất quán và không khác biệt với giá phòng có trong Hệ thống đặt phòng trung tâm (CRS), được gọi là Hệ thống đặt phòng khách (GRS) hoặc HOLIDEX® Plus (và bao gồm IHG Concerto ™ ).

Reservation/pre-arrival/post-stay related communications sent by IHG® must not be duplicated. [53091] liên lạc liên quan đến đặt chỗ/trước khi đến/sau khi lưu trú được gửi bởi IHG® không được trùng lặp.

**(Trang 25)**

Any sponsored links, search terms, keywords, creative and display URL used as part of a promotion must be relevant, accurate, truthful and not misleading. [53092] Bất kỳ liên kết được tài trợ, cụm từ tìm kiếm, từ khóa, URL sáng tạo và hiển thị được sử dụng như một phần của chương trình ưu đãi phải có liên quan, chính xác, trung thực và không gây hiểu lầm.

Links within a paid advertisement unit must be in good working order and link to the hotel's page on IHG.com or to the hotel’s own independent website. [53093] liên kết trong một quảng cáo mất phí phải hoạt động tốt và liên kết đến trang của khách sạn trên IHG.com hoặc đến trang web riêng của khách sạn.

• Only the hotel’s official name as it appears in the Guest Reservation System (GRS) or HOLIDEX® Plus (and including IHG Concerto™), can be purchased within a paid advert unit across all languages, locations, and across all search engine domains and referenced in creative or other search marketing sponsored links. [53094] Chỉ tên chính thức của khách sạn như trong Hệ thống đặt phòng khách (GRS) hoặc HOLIDEX® Plus (và bao gồm cả IHG Concerto ™) mới được phép mua trong một quảng cáo mất phí bằng tất cả các ngôn ngữ, địa điểm và trên tất cả các miền của công cụ tìm kiếm và được nhắc đến trong liên kết sáng tạo hoặc liên kết tìm kiếm tài trợ tiếp thị sáng tạo hoặc liên kết khác.

• Official website or similar language must not be used in keywords, creative or other search marketing sponsored links. [53095] Trang web chính thức hoặc ngôn ngữ tương tự không được sử dụng trong các từ khóa, nội dung sáng tạo hoặc liên kết tài trợ marketing tìm kiếm khác.

• Hotels must not use predatory or conquesting advertising to intentionally divert consumers away from IHG Brand.com. [53096] khách sạn không được sử dụng quảng cáo mang tính đe dọa hoặc chinh phục để cố tình đẩy khách hàng khỏi IHG Brand.com.

• All advertising claims must be factually supportable and substantiated on the hotel’s independent website. [719048] Tất cả các tuyên bố trong quảng cáo phải có bằng chứng xác thực trên trang web độc lập của khách sạn

Hotel social media pages must comply with the terms and conditions for each respective social media channel that is being utilised. [4914] trang truyền thông mạng xã hội của khách sạn phải tuân thủ các điều khoản và điều kiện cho từng truyền thông mạng xã hội tương ứng đang được sử dụng.

Hotels that wish to set up a new Twitter or Facebook account must contact socialmarketing@ihg.com and submit requested information to secure local page. [794066] khách sạn muốn thiết lập tài khoản Twitter hoặc Facebook mới phải liên hệ với socialmarketing@ihg.com và gửi các thông tin được yêu cầu để có trang địa phương.

Social Marketing Page/Social Marketing Page and Facebook Guidelines [link]

All hotel social media pages must include accurate and updated hotel listing information per guidelines on www.ihgmerlin.com/socialmarketing [794067] Tất cả các trang truyền thông xã hội của khách sạn phải bao gồm thông tin khách sạn chính xác và cập nhật theo hướng dẫn trên www.ihgmerlin.com/socialmarketing

Social Marketing Page/Social Marketing Page and Facebook Guidelines [link]

All hotel social media pages must be updated regularly with proactive content (posts) according to channel guidelines on www.ihgmerlin.com/socialmarketing [794068] Tất cả các trang truyền thông xã hội của khách sạn phải được cập nhật thường xuyên với nội dung chủ động (bài đăng) theo hướng dẫn trên www.ihgmerlin.com/socialmarketing

Social Marketing Page/Social Marketing Page and Facebook Guidelines [link]

All hotel social media pages must be reviewed for guest comments and any guest questions or concerns must be addressed within 48 hours [794069] Tất cả các trang truyền thông mạng xã hội của khách sạn phải xem xét các phản hồi của khách và mọi thắc mắc hoặc câu hỏi của khách phải được giải quyết trong vòng 48 giờ

Social Marketing Page/Social Marketing Page and Facebook Guidelines [link]

All negative guest reviews (one and two stars) posted on IHG’s branded websites must be responded to within 72 hours. [37] Tất cả các đánh giá tiêu cực của khách (một và hai sao) được đăng trên các trang web mang nhãn hiệu IHG, phải được phản hồi trong vòng 72 giờ.

HeartBeat Medallia Reporting Portal Cổng thông tin báo cáo HeartBeat Medallia https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=29807d24-9951-4010-be8f-789ff2927ffb

Guidelines Hướng Dẫn

Other prominent social review platforms (e.g. TripAdvisor) should be monitored with similar frequency and all negative reviews found on these sites should also be responded to within 72 hours. [39] Các trang tập hợp đánh giá của cộng đồng nổi bật khác (ví dụ: TripAdvisor) nên được theo dõi với tần suất tương tự và tất cả các đánh giá tiêu cực được tìm thấy trên các trang web này cũng sẽ được phản hồi trong vòng 72 giờ.

**(Trang 26)**

More details on how to build a process to handle the volume of social reviews and appropriately respond to guests are available on the Merlin Global HeartBeat Initiatives Page. [40] Thông tin chi tiết về cách xây dựng quy trình xử lý khối lượng đánh giá trên mạng xã hội và phản hồi phù hợp có trên Trang Merlin Global HeartBeat Initiatives.

Global Heartbeat https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=29807d24-9951-4010-be8f-789ff2927ffb

At least 80% of neutral and positive guest reviews (three to five stars) posted on IHG’s branded websites must be responded to within 72 hours. [41]

Ít nhất 80% đánh giá trung lập và tích cực của khách (ba đến năm sao) được đăng trên các trang web thương hiệu IHG, phải được phản hồi trong vòng 72 giờ.

HeartBeat Medallia Reporting Portal Cổng thông tin báo cáo HeartBeat Medallia https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=29807d24-9951-4010-be8f-789ff2927ffb

Guidelines Hướng Dẫn

Other prominent social review platforms (e.g. TripAdvisor) should be monitored with similar frequency and 80% of neutral and positive reviews found on these sites should also be responded to within 72 hours. [43] Các trang tập hợp đánh giá của cộng đồng nổi bật khác (ví dụ: TripAdvisor) nên được theo dõi với tần suất tương tự và 80% đánh giá trung lập và tích cực trên các trang web này cũng sẽ được phản hồi trong vòng 72 giờ.

More details on how to build a process to handle the volume of social reviews and appropriately respond to guests are available on the Merlin Global HeartBeat Initiatives Page. [44] Thông tin chi tiết về cách xây dựng quy trình xử lý khối lượng đánh giá trên mạng xã hội và phản hồi phù hợp có trên Trang Merlin Global HeartBeat Initiatives.

Global Heartbeat https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=29807d24-9951-4010-be8f-789ff2927ffb

Hotels must comply with the Online Hotel Photo Requirements. [565050] Khách sạn phải tuân thủ các Yêu cầu Ảnh Khách sạn Trực tuyến.

IHG Hotel Content Manager Shot List Shot List Của quản lý nội dung khách sạn IHG https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-content-hub

Model Release Form Mẫu phát hành biểu mẫu https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-content-hub

IHG Recognised Photo Vendor by Region Information Nhà cung cấp hình ảnh được công nhận của IHG theo thông tin khu vực https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-content-hub

Photo Standard Requirement Support Manual Hướng dẫn hỗ trợ yêu cầu ảnh tiêu chuẩn https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-content-hub

Responsible Business -> Commercial -> Sales and Revenue Bán hàng và Doanh thu

Brand logos, websites (Uniform Resource Locator "URL") and toll free (Central Reservation Office "CRO") telephone numbers must be provided on all specified items. [50] Logo thương hiệu, trang web (URL "định vị tài nguyên thống nhất", địa chỉ web) và số điện thoại miễn phí (Văn phòng đặt phòng trung tâm "CRO") phải được cung cấp trên tất cả các mục được chỉ định.

Toll free CRO numbers Số điện thoại CRO miễn phí https://www.ihg.com/content/gb/en/customer-care/contact-us.wwr\_offices

Brand.com URLs https://www.ihgbrandcentral.com/%26redirecturl/branding/brand/holiday-inn-resort/region/asia-middle-east-africa/page/401931

Pens [51] Bút mực

Pencils [52] Bút Chì

Notepads [53] Giấy Ghi

Envelopes [54] Phong Bì

Directory of Services [58] Danh bạ dịch vụ

Where URL and/or toll free telephone numbers are used on promotional giveaways and other collateral, the correct brand URL and CRO toll free number must be used. [57] Khi URL và/hoặc số điện thoại miễn phí được sử dụng trên quà tặng truyền thông và các vật phẩm quảng cáo khác, phải sử dụng URL thương hiệu và số điện thoại miễn phí CRO chính xác.

Guidelines Hướng Dẫn

In countries where there are no toll free telephone numbers it is permitted to include just the brand URL details. [59] Ở các quốc gia không có số điện thoại miễn phí, được phép chỉ để chi tiết URL của thương hiệu.

**(Trang 27)**

Where there is insufficient room to include both brand URL and toll free numbers, it is permitted to include just the brand URL details. [93420] Trong trường hợp không đủ chỗ để để cả URL thương hiệu và số điện thoại miễn phí, thì được phép chỉ để chi tiết URL thương hiệu.

The IHG Best Price Guarantee must be honoured. [5518] Đảm bảo giá tốt nhất của IHG phải được tuân thủ.

IHG Best Price Guarantee Terms and Conditions Điều khoản và điều kiện đảm bảo giá tốt nhất của IHG https://www.ihg.com/content/us/en/customer-care/lowest-internet-rate-terms-conditions

IHG Best Price Guarantee - Hotel Solutions Đảm bảo giá tốt nhất của IHG - Giải pháp khách sạn https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=88484311-3ea9-41d7-bd0a-d3985d7985c4

See also ID number [33473] Xem thêm số ID [33473]

Guidelines Hướng Dẫn

The IHG Best Price Guarantee GM Implementation Guide & other guidance documents should be referred to. [75995] Hướng dẫn thực hiện cho GM về Đảm bảo giá tốt nhất của IHG và các tài liệu hướng dẫn khác nên được tham khảo.

The IHG Best Price Guarantee Terms and Conditions should be referred to. [75996] điều khoản và điều kiện đảm bảo giá tốt nhất của IHG nên được tham khảo.

Hotels working with unmanaged Traditional Offline Tour Operators (TOTO) and Wholesalers should follow the recommendations posted on the Global Distribution Strategy Merlin Page. [6723] khách sạn làm việc với Nhà điều hành tour ngoại tuyến truyền thống không được quản lý (TOTO) và Đơn vị bán buôn nên tuân theo các đề xuất được đăng trên Trang Global Distribution Strategy Merlin.

Onward Distribution FAQs Document Tài liệu hỏi đáp để phân phát

Hotels must participate in the IHG Corporate Gold programme. [5561] khách sạn phải tham gia chương trình IHG Corporate Gold.

Corporate Gold https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/way-of-sales/article?webContentID=13271912&fullview=1

See also ID number [4723] Xem thêm số ID [4723]

Corporate Gold rates must be calculated with reference to the Best Flexible Rate, and honoured in all instances. [5562] Giá Corporate Gold phải được tính toán với tham chiếu đến Giá Linh Hoạt Tốt Nhất và được tuân thủ trong mọi trường hợp.

Room rates in the Best Flexible Rate category must be offered for all room types. [4723] Giá phòng trong danh mục Giá Linh Hoạt Tốt Nhất phải được cung cấp cho tất cả các loại phòng.

If discounts are given they must carry restrictions and support differentiated products. [4728] Nếu có giảm giá, phải có hạn chế và hỗ trợ các sản phẩm khác biệt.

If a hotel chooses to participate in the IHG® Sales Business Travel Request for Proposal (RFP) process, the hotel must adhere to the requirements of this process. [5667] Nếu một khách sạn chọn tham gia vào chương trình Đề nghị mời thầu Lữ hành thương mại của IHG® Sales (RFP), khách sạn phải tuân thủ các yêu cầu của quy trình này.

The Sales Source – RFP Nguồn Kinh doanh - RFP https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/way-of-sales

Hotel property profiles in the Hotel Content Management System must be kept updated. [5670] Hồ sơ tòa nhà khách sạn trong Hệ thống quản lý nội dung khách sạn phải được cập nhật.

If a business case is created, it must be done in the IHG® RFP tool. [5671] Nếu có một vụ kinh doanh, nó phải được thực hiện trong công cụ IHG® RFP.

On acceptance, the rate for the contracted period must be honoured. [5672] Khi chấp nhận, giá cho giai đoạn theo hợp đồng phải được tuân thủ.

Submitted bids must be responded to and negotiated in the IHG® RFP tool, by the indicated due date. [5673] Hồ sơ dự thầu đã gửi phải được phản hồi và đàm phán trong công cụ IHG® RFP, trước ngày đáo hạn được chỉ định.

If delegation of authority has been agreed to by an IHG hotel, the IHG Off Property Global Sales person must be allowed to negotiate rates within the parameters defined by the hotel in the agreed rate strategy tool. [5674] Nếu một khách sạn IHG đồng ý ủy quyền, nhân viên bán hàng toàn cầu không thuộc khách sạn này của IHG phải được phép thương lượng giá trong khuôn khổ giá được xác định bởi khách sạn trong công cụ chiến lược giá đã thỏa thuận.

Guidelines Hướng Dẫn

Hotels are recommended to set their rate strategy by creating their Wish Want Walk rates in Merlin or other regionally approved tool. [5675] khách sạn được khuyến nghị thiết lập chiến lược giá của họ bằng cách tạo mức giá Wish Want Walk trong Merlin hoặc công cụ được phê duyệt theo khu vực khác.

**(Trang 28)**

A decision to accept or decline participation in the IHG® Strategic Pricing Programme must be made in response to the Request for Proposal (RFP) by the indicated date. [5676] Quyết định chấp nhận hoặc từ chối tham gia Chương trình Định giá Chiến lược của IHG® phải được đưa ra để phản hồi Đề nghị mời thầu (RFP) trước ngày được chỉ định.

Strategic Pricing Overview Tổng quan về định giá chiến lược https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/way-of-sales/article?webContentID=40219872&fullview=1

Negotiated discount levels must be honoured. [5677] Mức chiết khấu thương lượng phải được tôn trọng.

IHG Strategic Pricing Programme discounts must not be changed. [5678] Chương trình giảm giá chiến lược của IHG không được thay đổi.

Pricing integrity must be maintained in line with normal demand, under normal circumstances during similar calendar months, in anticipation of and during a civil emergency. [4714] Tính toàn vẹn về giá phải được duy trì phù hợp với nhu cầu thông thường, trong trường hợp bình thường trong các tháng theo lịch tương tự, dự phòng và trong trường hợp khẩn cấp dân sự.

Perform https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=ab596bd3-4123-49f8-bbeb-1c1474c642f0

Guidelines Hướng Dẫn

IHG provides tools to assist a hotel’s decision making, including PERFORM™ and PERFORM™ with Price Optimisation. At all times, but especially in times of unpredictable or erratic demand, hotels should carefully monitor these tools to make the best decisions that preserve pricing integrity. [4717] IHG cung cấp các công cụ để hỗ trợ việc ra quyết định của khách sạn, bao gồm PERFORM ™ và PERFORM ™ với công cụ Tối ưu hóa giá. Tại mọi thời điểm, nhưng đặc biệt là trong thời điểm nhu cầu không thể đoán trước hoặc thất thường, các khách sạn nên theo dõi cẩn thận các công cụ này để đưa ra quyết định tốt nhất nhằm duy trì tính toàn vẹn về giá.

Hotels must participate in the Kids Stay & Eat Free programme. [2277] Các khách sạn phải tham gia chương trình Trẻ em Lưu trú & Ăn miễn phí.

Children aged 12 and under only eat for free when they choose meals from the Kids Eat Free menu. Trẻ em từ 12 tuổi trở xuống chỉ được ăn miễn phí khi chọn các bữa ăn trong thực đơn Ăn miễn phí cho trẻ em.

Children aged 12 and under only stay for free when they share the guest room with an adult family member. [6414] Trẻ em từ 12 tuổi trở xuống chỉ được ở miễn phí khi ở chung phòng với một thành viên gia đình trưởng thành.

Children must be accompanied by at least one adult, who is registered as a hotel guest and must order at least one main course from the full priced menu. [76549] Trẻ em phải có ít nhất một người lớn đi kèm, người là khách lưu trú của khách sạn và phải đặt ít nhất một món chính từ thực đơn giá full.

Limited to four kids per dining family per meal or two kids per parent per meal. [76550] Giới hạn bốn trẻ em/gia đình/bữa ăn hoặc hai trẻ em/cha mẹ/bữa ăn.

Maximum room occupancy per guestroom is limited to two adults and two kids for the programme. Công suất phòng tối đa cho mỗi phòng khách được giới hạn ở hai người lớn và hai trẻ em cho chương trình.

All cot/cribs must be complimentary. [76555] Tất cả cũi phải miễn phí.

Extra beds are complimentary for children of 12 years and under. [76556] Miễn phí giường phụ cho trẻ em từ 12 tuổi trở xuống.

Where a buffet breakfast is provided, kids eat free from the buffet when accompanied by at least one adult, who is registered as a hotel guest and orders a buffet breakfast. [782049] Khi cung cấp bữa sáng tự chọn, trẻ em được ăn miễn phí từ bữa tiệc buffet khi đi cùng ít nhất một người lớn, người là khách lưu trú của khách sạn và gọi bữa sáng tự chọn.

The IHG Employee Room Benefit Programme must be participated in. [4545] Phải tham gia chương trình phúc lợi phòng nhân viên IHG.

Employee Room Benefit Programme Chương trình phúc lợi phòng nhân viên https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/init-ihg-employee-room-benefit-programme/home

The following forms of payment must be accepted: [5688] hình thức thanh toán sau phải được chấp nhận:

Cash [5689] Tiền mặt

All major and local credit cards/debit cards. [5693] Tất cả các thẻ tín dụng/thẻ ghi nợ thông dụng và địa phương.

Guidelines Hướng Dẫn

• Other forms of payment may be accepted at the discretion of the hotel. [5698] Hình thức thanh toán khác có thể được chấp nhận theo quyết định của khách sạn.

The IHG Concerto™ system software is required and at minimum must contain the following functionalities: [864049] Phần mềm hệ thống IHG Concerto ™ là bắt buộc và tối thiểu phải có các chức năng sau:

IHG Concerto Microsite https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/concerto/home

**(Trang 29)**

IHG Concerto Educational Series https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/concerto/document-repository

IHG Concerto FAQs https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/concerto/faq

Reservations [864051] Đặt phòng

Inventory Management [864052] Quản trị hàng tồn kho

Revenue Management and Planning [864053] Quản Lý Doanh Thu và Kế Hoạch

Guest Service Delivery [864054] Cung cấp Dịch Vụ Cho Khách

All applications connected to IHG Concerto must be approved by IHG [864055] Tất cả các ứng dụng được kết nối với IHG Concerto phải được IHG chấp thuận

Responsible Business -> Brand Safety An Toàn Thương Hiệu

Responsible Business -> Brand Safety -> Crisis and Incident Khủng hoảng và Sự cố

Hotels are responsible at all times for the management of risks relating to the safety and security of employees, guests, visitors and other "stakeholders". In addition to the standards shown below, IHG® recommends that hotels undertake regular crisis and incident risk assessments to inform the development and maintenance of procedures appropriate to locally identified risks. Guidance on assessing and managing Crisis and Incident risk is provided in the IHG® Crisis Toolkit. Khách sạn luôn có trách nhiệm trong việc quản lý các rủi ro liên quan đến sự an toàn và an ninh của nhân viên, khách lưu trú, khách thăm và các "bên liên quan" khác. Ngoài các tiêu chuẩn được trình bày dưới đây, IHG® khuyến nghị các khách sạn thực hiện đánh giá rủi ro sự cố và khủng hoảng đều đặn để nắm được thông tin phục vụ cho việc xây dựng và duy trì các quy trình ứng phó phù hợp đối với rủi ro được xác định tại địa phương. Hướng dẫn về đánh giá và quản lý rủi ro Khủng hoảng và Sự cố được cung cấp trong Bộ công cụ Khủng hoảng IHG®.

Hotels are required to have a locally developed Crisis Management Plan. [55915] Ksạn bắt buộc phải có Kế hoạch quản lý khủng hoảng được phát triển tại địa phương.

Guidelines Hướng Dẫn

Foreseeable crises or incidents should be identified, recorded and response plans developed. [255054] Các khủng hoảng hoặc sự cố có thể dự đoán cần được xác định, ghi lại và lên kế hoạch ứng phó.

Responsibilities of the Crisis Management Team should be assigned. [255055] Phải phân công trách nhiệm của Đội xử lý khủng hoảng.

The contact details of the Crisis Management Team and one or more Emergency Response Teams, suppliers and service providers should be included. [255056] Phải bao gồm thông tin liên lạc của Đội Xử lý Khủng hoảng và một hoặc nhiều Đội Ứng phó Khẩn cấp, nhà cung cấp và nhà cung cấp dịch vụ

The plan should be updated at least annually or as necessary, for example when circumstances change, to ensure that it remains current. [255057] Kế hoạch nên được cập nhật ít nhất hàng năm hoặc khi cần thiết, ví dụ khi hoàn cảnh thay đổi, để đảm bảo tính hiện hành.

Testing of the Crisis Management Plan by Crisis Management Team should be conducted at least annually. [255058] Tối thiểu nên tiến hành kiểm tra Kế hoạch xử lý khủng hoảng của Đội Xử lý Khủng hoảng hàng năm.

Colleagues, including contract and temporary colleagues, should be instructed and trained in their relevant duties as described in the Crisis Management Plan and records of training should be maintained. [376157] nhân viên, bao gồm cả nhân viên tạm thời và hợp đồng, cần được hướng dẫn và đào tạo về các nhiệm vụ liên quan của họ như được mô tả trong Kế hoạch xử lý khủng hoảng và phải duy trì hồ sơ đào tạo.

Records of testing should be maintained. [255060] Duy trì hồ sơ kiểm tra.

Hotels should consider the templates, examples and guidelines in the IHG Risk Management Crisis Management Toolkit on Merlin. [55923] Khách sạn nên xem xét các mẫu, ví dụ và hướng dẫn trong Bộ công cụ quản lý khủng hoảng quản lý rủi ro của IHG trên Merlin.

A Fire Emergency and Evacuation Plan is required. [55945] Phải có một Kế hoạch Ứng phó hỏa hoạn và Sơ tán .

Guidelines Hướng Dẫn

Colleagues, including contract and temporary, should receive training in the plan at least once every six months. [376158] Nhân viên, bao gồm cả nhân viên hợp đồng và tạm thời, nên được phổ biến nội dung đào tạo trong kế hoạch ít nhất sáu tháng một lần.

Colleagues, who work at night, live on property, or are newly hired may require training more often than every six months. [55951] Các nhân viên làm ca đêm, sống trong khuôn viên khách sạn hoặc mới được tuyển có thể cần đào tạo thường xuyên hơn 6 tháng 1 lần

**(Trang 30)**

Training should include the use of Fire Safety Equipment. [376160] Đào tạo nên bao gồm việc sử dụng Thiết bị cứu hỏa.

Training should include fire prevention. [376161] Đào tạo nên bao gồm vấn đề phòng cháy.

The plan should be tested at least annually. [376163] Kế hoạch nên được kiểm tra ít nhất hàng năm.

The plan should be reviewed at least annually. [376162] Kế hoạch nên được xem xét ít nhất hàng năm.

Training records should be maintained. [302060] Hồ sơ đào tạo nên được duy trì.

Evacuation Drills must be held at least once every six months. [55952] Diễn tập sơ tán phải được tổ chức ít nhất sáu tháng một lần.

Every 12 months, the Evacuation Drill must involve the use of the fire alarm and detection system [55953] Cứ sau 12 tháng, Diễn tập sơ tán phải sử dụng hệ thống phát hiện và báo cháy

Guidelines Hướng Dẫn

Records of drills should be maintained. [376171] Nên duy trì các hồ sơ diễn tập.

Hotels should consider the templates, examples and guidelines in IHG Risk Management Fire Safety. Khách sạn nên xem xét các mẫu, ví dụ và hướng dẫn trong tài liệu IHG Quản lý rủi ro An toàn phòng cháy chữa cháy.

• Guests should be notified in advance of the Evaluation Drill. [254053] Khách cần được thông báo trước về buổi diễn tập sơ tán.

Evacuation procedures must be developed for guests with Special Needs. [55957] Phải phát triển quy trình sơ tán cho khách có Nhu cầu đặc biệt.

At least one colleague trained in first-aid must be on duty in the hotel at all times. [55926] Luôn phải có ít nhất một nhân viên được đào tạo về sơ cứu trực tại khách sạn.

Responsible Business -> Brand Safety -> Fire Safety An toàn cháy

Hotels are responsible at all times for the management of risks relating to the safety and security of employees, guests, visitors and other "stakeholders". In addition to the standards shown below, IHG® recommends that hotels undertake regular fire risk assessments to inform the development and maintenance of procedures appropriate to locally identified risks. Guidance on assessing and managing Fire Safety risk is provided in the IHG® Fire Safety Toolkit. Khách sạn luôn có trách nhiệm trong việc quản lý các rủi ro liên quan đến sự an toàn và an ninh của nhân viên, khách lưu trú, khách thăm và các "bên liên quan" khác. Ngoài các tiêu chuẩn được trình bày dưới đây, IHG® khuyến nghị các khách sạn thực hiện đánh giá rủi ro hỏa hoạn đều đặn để nắm được thông tin phục vụ cho việc xây dựng và duy trì các quy trình ứng phó phù hợp đối với rủi ro được xác định tại địa phương. Hướng dẫn về đánh giá và quản lý rủi ro an toàn hỏa hoạn được cung cấp trong Bộ công cụ an toàn phòng cháy IHG®.

The Structure of the Hotel must have a minimum Fire Resistance of 60 minutes. [55965] Kết cấu khách sạn phải có chống cháy tối thiểu 60 phút.

Public areas and guest rooms/guest corridors [55967] Khu vực công cộng và phòng khách/hành lang khách

Back of house areas and guest rooms/guest corridors [55968] khu BOH và phòng khách/ hành lang phòng khách

Guest rooms and adjoining rooms [55969] phòng khách và phòng liền kề

Plant rooms and all other areas [265106] phòng máy và tất cả các khu vực khác

A minimum Rated Construction is required in the following areas: [581056] Thi Công Chống cháy tối thiểu bắt buộc trong các khu vực sau:

90-minute fire resistance, or 60-minute fire resistance with a Fixed Fire Suppression System for the structure of Medium-rise buildings [581058] Chống cháy 90 phút hoặc 60 phút với Hệ thống chữa cháy cố định cho kết cấu tòa nhà trung tầng

120-minute fire resistance and a Fixed Fire Suppression System for the structure of High-rise buildings [581059] Chống cháy 120 phút và Hệ thống chữa cháy cố định cho kết cấu tòa nhà cao tầng

All penetrations between and through fire resisting constructions must be fire stopped with materials or Assemblies with a fire resistance rating not less than the rating of the surrounding structure. Tất cả các lỗ xuyên tường nằm giữa hoặc xuyên qua kết cấu chống cháy phải được chặn lửa bằng vật liệu hoặc thiết bị có chỉ số chống cháy không thấp hơn mức của kết cấu xung quanh.

Service riser shafts that are not fire stopped at every floor must be fitted with smoke detection at every third floor and at the top of the service riser. [376197] trục ống đứng không chống cháy ở mỗi tầng phải được lắp đặt đầu báo khói ở mỗi ba tầng và trên đỉnh của ống.

All Guest Room entrance doors and door frames must achieve a minimum Fire Resistance of no less than 20 minutes. [55977] Tất cả các cửa ra vào và khung cửa Phòng khách phải chống cháy tối thiểu không dưới 20 phút.

**(Trang 31)**

Doors and door frames in fire rated walls other than Guest room doors, must achieve a minimum Fire Resistance as follows: [581061] Cửa và khung cửa trong tường chống cháy mà không phải cửa phòng khách, phải đạt được khả năng chống cháy tối thiểu như sau:

60-minute construction: A 30-minute rated door and frame is required [581063] Kết cấu 60 phút: Cần có cửa và khung chống cháy 30 phút

90-minute construction: A 60-minute rated door and frame is required [581064] Kết cấu 90 phút: Cần có cửa và khung chống cháy 60 phút

120-minute construction: A 90-minute rated door and frame is required [581065] Kết cấu 120 phút: Cần có cửa và khung chống cháy 90 phút

All Fire Rated Doors except for service riser and/or connecting guest room doors must be equipped with automatic door closers to ensure latching. [55985] Tất cả các cửa chống cháy trừ các cửa mở vào trục ống và/hoặc cửa giữa các phòng connecting phải có tay co tự động để đảm bảo có thể chốt kín.

Where these doors are held open an Automatic Door Release Mechanism is required. [55986] Đối với cửa được giữ mở, cần phải có Cơ chế nhả cửa tự động.

Where fire rated rebated double doors are provided, they must be fitted with Door Selectors. [55987] Trong trường hợp cung cấp cửa đôi giảm tốc chống cháy, chúng phải được gắn Bộ chốt cửa.

Hotels with Atriums must have a Smoke Control System. [55990] khách sạn có giếng trời phải có Hệ thống kiểm soát khói.

In buildings of more than four floors protected by a Fixed Fire Suppression System the attic must be protected with a Fixed Fire Suppression System. [476055] Trong các tòa nhà có hơn bốn tầng được bảo vệ bởi Hệ thống chữa cháy cố định, tầng áp mái phải được bảo vệ bằng Hệ thống chữa cháy cố định.

All attics not protected by a Fixed Fire Suppression System must be subdivided by draft stops (fire breaks) into areas that do not exceed 330m² (3000ft²). [476056] Tất cả các gác mái không được lắp sprinkler tự động phải được chia thành các khu vực không vượt quá 330m2 được chống cháy lan cho mỗi khu.

All cabling and connections for the fire alarm and detection system must be protected against fire and physical damage for a minimum duration of 30 minutes. [55992] Tất cả hệ thống cáp và dây nối cho hệ thống phát hiện và báo cháy phải được bảo vệ chống cháy và hư tổn vật lý trong tối thiểu 30 phút.

High-rise properties are required to provide a lift for use in fire-fighting operations and include the following: [56555] tòa nhà cao tầng bắt buộc lắp đặt thang máy cứu hỏa và bao gồm:

An emergency recall [56558] Tự động gọi cabin về tầng thoát hiểm chỉ định

An in-car fire fighter control [56559] Bảng điều khiển trong cabin cho lính cứu hỏa

An alternative means of power if the main power fails [56560] Nguồn điện dự phòng trong trường hợp mất nguồn điện chính

Rubbish and laundry chutes require the following: [56028] Ống thả rác và ống thả đồ giặt yêu cầu như sau:

At the terminus a 60-minute fire rated door installed [56029] Tại điểm cuối, một cửa chống cháy 60 phút được lắp đặt

Door at the terminus fitted with a self-closing device and held open only by a fusible link [263081] Cửa tại điểm cuối được trang bị tay co tự động và chỉ được giữ mở bằng mối nối có thể tan chảy

In hotels with a Fixed Fire Suppression System, the chute must also have a Fixed Fire Suppression System fitted [263082] Trong các khách sạn có Hệ thống chữa cháy cố định, các ống thả này cũng phải có Hệ thống chữa cháy cố định

All other rubbish and laundry chute doors must be self-closing and have a self latching device [263083] Tất cả các cửa ống thả rác và ống thả đồ giặt khác phải tay co tự đóng và tự khóa

In un-sprinklered buildings, a single automatic sprinkler or approved automatic suppression system must be installed at the top of the chute [56031] Trong các tòa nhà không có sprinkler, một sprinkler tự động duy nhất hoặc một hệ thống chữa cháy tự động được phê duyệt phải được lắp đặt ở đầu ống thả

For car parks located in or directly below the hotel, either sprinklers or all of the following measures must be in place: [56006] Đối với các bãi đỗ xe nằm trong hoặc ngay bên dưới khách sạn, hoặc phải có vòi phun nước hoặc phải áp dụng tất cả các biện pháp sau:

Separated from the hotel with construction providing a fire resistance rating of at least 90-minutes [56010] Được ngăn cách khỏi khách sạn bằng kết cấu chống cháy ít nhất 90 phút

A vestibule with two 30-minute fire and smoke resisting doors at any passes between the car park and the hotel [56013] Một không gian đệm với hai cửa chống cháy và ngăn khói 30 phút tại bất kỳ lối thông nào giữa bãi đậu xe và khách sạn

**(Trang 32)**

Mechanical or natural smoke ventilation sufficient to keep the garage smoke free [56014] Đảm bảo thông khói cơ học hoặc tự nhiên đủ để giữ cho nhà xe không có khói.

A fire alarm and detection system linked to the hotel system [56015] Hệ thống báo cháy và phát hiện cháy liên kết với hệ thống khách sạn

Manual pull stations (call points) provided at all exit points [56016] Nút báo cháy khẩn cấp (call point) tại tất cả các điểm thoát

Emergency exit routes are required to meet the following: [56035] Lối thoát hiểm khẩn cấp bắt buộc phải đáp ứng như sau:

A minimum of two Emergency Exits on each floor [56036] Tối thiểu hai Lối thoát hiểm ở mỗi tầng

Emergency Exits on the same floor that are remote from each other. [263085] Các lối thoát hiểm khẩn cấp trên cùng tầng cách xa nhau.

In hotels without a Fixed Fire Suppression Systems the distance between emergency exits must not exceed 60m [56037] Trong các khách sạn không có Hệ thống chữa cháy cố định, khoảng cách giữa các lối thoát hiểm không được vượt quá 60m

In hotels without a Fixed Fire Suppression System the travel distance to an emergency exit must not exceed 30m (100ft) [56038] Trong các khách sạn không có Hệ thống chữa cháy cố định, khoảng cách di chuyển đến lối thoát khẩn cấp không được vượt quá 30m (100ft)

In hotels with a Fixed Fire Suppression System the travel distance to an exit must not exceed 60m (200ft). [56039] Trong các khách sạn có Hệ thống chữa cháy cố định, khoảng cách di chuyển đến lối ra không được vượt quá 60m (200ft).

In hotels with a Fixed Fire Suppression System the distance between emergency exits must not exceed 120m [56040] Trong các khách sạn có Hệ thống chữa cháy cố định, khoảng cách giữa các lối thoát hiểm không được vượt quá 120m

Internal Exit Doors on Emergency Egress routes must be operable from both sides. [56041] Cửa thoát hiểm trong nhà trên các tuyến đường thoát hiểm có thể vận hành từ cả hai phía.

Exit Doors must swing in the direction of egress [56042] Cửa thoát hiểm phải mở ra hướng thoát hiểm.

Final Emergency Exits must be fitted with panic hardware. [56043] Cửa thoát cuối cùng phải được trang bị thanh đẩy cửa.

The dead-end guest room corridor length must not exceed 8m (25ft) in hotels without a Fixed Fire Suppression System or 15m (50ft) in hotels with a Fixed Fire Suppression System. [56044] Chiều dài hành lang cụt ở khu phòng khách không được vượt quá 8m trong các khách sạn không có Hệ thống chữa cháy cố định hoặc 15m trong các khách sạn có Hệ thống chữa cháy cố định.

Emergency exit routes from Places of Assembly must meet the following minimum requirements: lối thoát hiểm từ nơi tập trung đông người phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau đây:

[56046]

At least separate two exits for 50 to 500 people [56047] Ít nhất hai lối thoát riêng biệt cho 50 đến 500 người

At least three separate exits for 501 to 1000 people [56048] Ít nhất ba lối thoát riêng biệt cho 501 đến 1000 người

More than 1001 people, minimum of four separate exits, to be validated by a Qualified Person. [56049] Hơn 1001 người, tối thiểu bốn lối thoát riêng biệt, được xác nhận bởi một Người có chuyên môn

Exit Doors Remote from each other [56050] Cửa thoát cách xa nhau

Exit Doors at least 90cm (3ft) wide [56051] Cửa thoát rộng tối thiểu 90cm

A diagram showing the emergency exit path to the nearest emergency exit must be displayed on the room side of the guest room door. [56052] Một sơ đồ sơ tán khẩn cấp đến lối thoát gần nhất phải được treo trên mặt trong của cửa phòng khách.

Must be in local language(s) and English [56054] Phải bằng (các) ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh

A diagram showing the emergency exit path to the nearest emergency exit must be displayed on the room side or immediately adjacent to each meeting room door. [263086] Một sơ đồ sơ tán khẩn cấp đến lối thoát gần nhất phải được treo trên mặt trong của cửa phòng họp hoặc bên cạnh mỗi cửa phòng họp.

Must be in local language(s) and English. [263087] Phải bằng (các) ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh

Emergency Exits that are fitted with a Fire Door Retainer must meet the following: [56056] Lối thoát hiểm có cửa trang bị thiết bị giữ mở cửa phải đáp ứng các điều sau:

**(Trang 33)**

Automatically release upon actuation of the fire alarm and detection system [263097] Tự động nhả khi hệ thống phát hiện và báo cháy bị kích hoạt

Fail-safe to unlocked position in case of power failure [56057] Trong trường hợp mất điện, thiết bị giữ cửa trở về trạng thái không khóa

Exit signs are required at each Emergency Exit location [56059] Biển báo thoát được yêu cầu tại mỗi vị trí Thoát hiểm khẩn cấp

Directional exit signage must be provided when the exit is not immediately visible. [56060] Biển báo chỉ hướng lối ra phải có khi không thể ngay lập tức nhìn thấy lối ra.

Signage must be illuminated by normal and Emergency Lighting that automatically comes on when the power supply to the normal lighting provision fails. [56061] Biển báo phải được chiếu sáng bằng ánh sáng bình thường và tự động chuyển sang sử dụng Chiếu sáng khẩn cấp khi nguồn điện cung cấp cho chiếu sáng bình thường không hoạt động.

Emergency power must be provided to illuminate signage for a minimum of 60 minutes. [56062] Phải có nguồn điện khẩn cấp để chiếu sáng các biển báo trong tối thiểu 60 phút.

Guidelines Hướng Dẫn

Exit signs are not required in guest rooms, other public access rooms accommodating fewer than 50 people, and small storerooms of less than 50m² (450ft²). [56063] Không cần biển báo lối thoát trong phòng khách, các phòng công cộng khác có sức chứa dưới 50 người và nhà kho nhỏ dưới 50m²

Emergency Egress must be possible through exit doors at all times. [56058] Đảm bảo luôn có thể thoát hiểm khẩn cấp qua cửa thoát hiểm.

Emergency Egress stairs must meet the following minimum requirements: [56310] Cầu thang thoát hiểm khẩn cấp phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau:

Must exit directly to the exterior or via a Protected Corridor that leads to the exterior [56311] Phải thoát trực tiếp ra bên ngoài hoặc qua Hành lang chống cháy dẫn ra bên ngoài

Continuously illuminated or immediately illuminate upon entry by guest. [56313] Chiếu sáng liên tục hoặc chiếu sáng ngay lập tức khi khách vào.

A handrail must be provided [56312] Cung cấp tay vịn cầu thang

In Buildings with a Fixed Fire Suppression System, up to 50% of Emergency Egress stair routes are permitted to exit to the interior of the building subject to approval by a Qualified Person. [263101] Trong các Tòa nhà có Hệ thống chữa cháy cố định, tối đa 50% các tuyến cầu thang thoát hiểm khẩn cấp được phép mở ở bên trong tòa nhà, phải được Người có chuyên môn phê duyệt.

Guidelines Hướng Dẫn

• Where the staircase is wider than 1.1m (3.6ft) a handrail should be provided on both sides of the staircase. For staircases that are wider than 1.8m (5.9ft) the staircase should be subdivided by placing a handrail in the centre of the staircase, with handrails on either side. [376206] Trong trường hợp cầu thang rộng hơn 1,1m, cần có tay vịn ở cả hai bên cầu thang. Đối với cầu thang rộng hơn 1,8m, cầu thang nên được chia nhỏ bằng cách đặt tay vịn ở chính giữa cầu thang, có tay vịn ở hai bên.

• Stairs should be illuminated in such a way that shadows are not cast over the main part of the treads.

[56314] Cầu thang nên được chiếu sáng sao cho không đổ bóng lên phần chính của mặt bậc thang

• Lights and fittings on stairs should not cause hazards, including electrical, fire or collision hazards.

[56315] Đèn và phụ kiện trên cầu thang không được gây nguy hiểm, bao gồm các nguy cơ về điện, hỏa hoạn hoặc va chạm.

• Stair risers and stair treads should be dimensionally uniform. [376204] Chiều cao bậc thang và chiều rộng mặt bậc thang nên có kích thước đồng bộ.

Storage is not permitted in Emergency Egress stairwells. [56317] Không được phép chứa đồ trong các cầu thang thoát hiểm khẩn cấp.

Storage rooms that open on to an Emergency Egress stairwell must provide the following: [263103] phòng kho mở ra cầu thang thoát khẩn cấp phải cung cấp:

Fire detection [263105] Thiết bị phát hiện cháy

Fire resistant doors with a self-closing mechanism [263104] Cửa chống cháy với tay co

Numbers indicating floor levels are required on Emergency Egress stairwells and must meet the following requirements: [56321] Biển đánh số tầng phải có trên cầu thang thoát hiểm khẩn cấp và phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Be positioned to be clearly visible when the landing/stairwell door is in the open or closed position. [56325] Bố trí sao cho có thể nhìn thấy rõ khi cửa chiếu nghỉ/cửa cầu thang ở vị trí mở hoặc đóng.

**(Trang 34)**

Be located 1.5m (5ft) above the floor landing [56324] Ở tầm cao khoảng 1,5m so với chiếu nghỉ

Be at least 15cm (6in) high [56322] Cao ít nhất 15cm

Have a reflective finish that contrasts with the background [56323] Hoàn thiện phản chiếu, tương phản với nền

Emergency Egress stairwells in High-rise hotels must have one of the following: [56326] Giếng thang bộ thoát hiểm khẩn cấp trong các tòa cao tầng phải đáp ứng một trong số các yêu cầu sau

Mechanical stairwell pressurisation [263119] Tăng áp cơ học cho giếng thang

Access to the stairwell through an open exterior vestibule [263120] Lối vào thang bộ thông qua một không gian đệm mở bên ngoài

A Fire Lobby [263121] Một sảnh cứu hỏa

All fire safety signage must be in the local language(s) and English. [56308] Tất cả các biển báo an toàn phòng cháy phải bằng (các) ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh.

Guidelines Hướng Dẫn

• Signage should include a pictogram, where appropriate. [63895] Biển báo nên bao gồm biểu tượng khi phù hợp.

External Fire Escapes must be approved by a Qualified Person. [56328] Thoát hiểm hỏa hoạn cố định bên ngoài tòa nhà phải được Người có chuyên môn phê duyệt.

Automatic Emergency Lighting must be provided in the following areas: [56329] Chiếu sáng khẩn cấp tự động phải được cung cấp trong các khu vực sau:

Emergency Egress routes [56330] Các tuyến thoát hiểm khẩn cấp

Any area where there are Hazardous Processes or Machinery [56331] Bất kỳ khu vực nào có Quy trình hoặc Máy móc nguy hiểm

Public areas greater than 15m² (150ft²) [263123] khu vực công cộng lớn hơn 15m²

Areas greater than 50m² (540ft²) where colleagues work [263124] khu vực rộng hơn 50m² nơi nhân viên làm việc

Emergency lighting must provide a minimum of 60 minutes of illumination. [263126] Chiếu sáng khẩn cấp phải chiếu sáng tối thiểu 60 phút.

Where there is no national code for lighting levels, emergency lighting must provide an average of 10 lux (1 foot candle) at floor level and a minimum of 1 lux (0.1 foot candle) at any point. [476050] Trong trường hợp không có quy định quốc gia về mức độ chiếu sáng, chiếu sáng khẩn cấp phải cung cấp trung bình 10 lux ở mức sàn và tối thiểu là 1 lux tại bất kỳ điểm nào.

Guidelines Hướng Dẫn

Emergency lighting should provide an average of 10 lux (1 foot candle) at floor level [847131] Chiếu sáng khẩn cấp phải cung cấp trung bình 10 lux ở mức sàn

An automatic fire alarm system is required throughout the hotel that meets the following minimum requirements: [263127] Cần có hệ thống báo cháy tự động trong toàn bộ khách sạn đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau:

Have an automatic standby emergency power supply for a minimum of 24 hours operation [263128] Có nguồn điện khẩn cấp dự phòng tự động để cấp đủ điện cho tối thiểu 24 giờ hoạt động

Have manual devices (call points) [263129] Có thiết bị nút ấn báo cháy khẩn cấp

Zoned hard-wired smoke or heat detectors with a local sounding device, are required in each guest room. [513056] Đầu báo khói hoặc báo nhiệt cục bộ có dây, với báo động âm thanh cục bộ, được yêu cầu trong mỗi phòng khách.

When zoned hard-wired heat detectors are being replaced at the end of the heat detector’s life, they must be replaced with smoke detectors, excluding New Build properties. [513057] Khi các đầu báo nhiệt cục bộ có dây đến hạn thay thế khi hết tuổi thọ, phải được thay thế bằng đầu báo khói, không bao gồm các khách sạn Xây mới.

Smoke detectors are required in interior guest room corridors. [56342] Đầu báo khói được yêu cầu trong hành lang phòng khách trong nhà.

Maximum spacing must not exceed 15m (50ft). [56345] Khoảng cách tối đa không được vượt quá 15m.

Smoke detectors with local sounding device are required in all guest rooms. [581073] Thiết bị phát hiện khói với báo động âm thanh cục bộ được yêu cầu trong tất cả các phòng khách.

Must be addressible Phải có thể định địa chỉ

**(Trang 35)**

• The smoke detectors must be supervised by the main fire alarm panel. [850073] Đầu báo khói phải được giám sát bởi bảng điiều khiển báo cháy trung tâm.

System hard-wired detectors connected to the fire panel are required in the following areas: [56347 Đầu báo có dây được kết nối với bảng điiều khiển báo cháy được yêu cầu trong các khu vực sau:

Public Areas [56348] Khu Vực Công Cộng

Back of House areas [56349] Các khu BOH

Attics without a Fixed Fire Suppression System [56350] Gác mái không có hệ thống chữa cháy cố định

Detectors must be located as per manufacturers requirements at the time of installation. [56352] Đầu báo phải được lắp đặt tại vị trí theo yêu cầu của nhà sản xuất tại thời điểm lắp đặt.

Guidelines Hướng Dẫn

Heat detectors may be used in areas such as kitchens where the room atmosphere is unsuitable for the use of a smoke detector. [56354] Đầu báo nhiệt có thể được sử dụng trong các khu vực như nhà bếp nơi không khí trong phòng không phù hợp để sử dụng đầu báo khói.

Manual initiating devices (call points/pull stations) connected to a fire alarm control panel must be provided in the following locations: [263130] thiết bị báo động bằng tay (nút nhấn/cần gạt khẩn cấp) được kết nối với bảng điều khiển báo cháy phải được cung cấp ở các vị trí sau:

At or close to the front desk [263131] Tại hoặc gần với bàn lễ tân

Each ground floor exit [263133] Mỗi lối ra tầng trệt

Each stair access points [263132] Mỗi lối vào cầu thang

Guidelines Hướng Dẫn

The maximum travel distance to a manual initiating device (call point/pull station) should not exceed 61m (200ft). [376207] Khoảng cách di chuyển tối đa đến một thiết bị báo động khẩn bằng tay (nút nhấn/cần gạt khẩn cấp) không được vượt quá 61m.

A General Alarm must sound throughout the building when the fire detection system is activated and meet the following requirements: [56355] Báo động chung phải phát ra khắp tòa nhà khi hệ thống phát hiện cháy được kích hoạt và đáp ứng các yêu cầu sau:

System detectors must sound an alarm without delay at the point where the fire has been detected [56358] đầu báo hệ thống phải phát ra âm thanh báo động không chậm trễ tại điểm phát hiện đám cháy

System detectors must sound an alarm without delay at an alarm panel [56359] Đầu báo hệ thống phải phát ra âm thanh báo động không chậm trễ tại bảng điều khiển

Provide a minimum sound level of 75dBA at the bed head [56356] Cung cấp mức âm thanh tối thiểu 75dBA ở đầu giường

Provide a minimum sound level of 65dB in all other areas [56357] Cung cấp mức âm thanh tối thiểu 65dB ở tất cả các khu vực khác

The General Alarm must sound if any of the following are activated: [263140] Phải phát Báo động chung nếu kích hoạt bất kỳ mục nào sau đây:

Smoke or heat detector (other than guest room) [263141] Đầu báo khói hoặc nhiệt (trừ trong phòng khách)

Manual initiating device (call points/pull stations) [263143] Nút báo cháy khẩn cấp

Automatic sprinkler water-flow device [263142] Công tắc dòng chảy sprinkler tự động

Two-Stage Fire Alarms are permitted with "addressable" smoke detectors. [263144] Được sử dụng quy tình Báo cháy hai giai đoạn với đầu báo khói "địa chỉ".

Activation of a second alarm initiating device must result in the activation of the General Alarm. [581079] Kích hoạt thiết bị khởi tạo báo động thứ hai phải dẫn đến kích hoạt Báo động chung.

A means of warning guests with impaired hearing in the event of a General Alarm or voice evacuation message must be provided. [56366] Phải cung cấp một phương tiện cảnh báo cho khách khiếm thính trong trường hợp xảy ra báo động hoặc thông báo sơ tán bằng giọng nói.

Guidelines Hướng Dẫn

• Flashing beacons and vibrating pillow pads are recommended. Đèn chớp nháy và gối rung được khuyến nghị.

**(Trang 36)**

The automatic fire alarm system must incorporate a broadcast evacuation message system in the following properties: [56363] Hệ thống báo cháy tự động phải tích hợp hệ thống thông báo sơ tán trong các tòa nhà sau:

High-rise hotels [56364] khách sạn cao tầng

Other hotels without a Fixed Fire Suppression System. [56365] khách sạn khác không có hệ thống chữa cháy cố định.

The broadcast evacuation message system must meet the following requirements: [263146] Hệ thống thông báo sơ tán phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Include a pre-recorded evacuation message in the local language(s) and English [263150] Bao gồm một thông báo sơ tán được ghi âm sẵn bằng (các) ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh

Provide a minimum sound level of 75dBA at the bed head [263147] Cung cấp mức âm thanh tối thiểu 75dBA ở đầu giường

Provide a minimum sound level of 65dBA in Places of Assembly [263148] Cung cấp mức âm thanh tối thiểu 65dBA ở các nơi tập trung đông người

Include an alarm [263149] Cung cấp báo động

An alarm panel must be permanently monitored. [581078] Bảng điều khiển phải được theo giám sát liên tục.

All buildings must be protected by a Fixed Fire Suppression System that is appropriate to the classification of fire loading in the location except: [581083] Tất cả các tòa nhà phải được bảo vệ bởi Hệ thống chữa cháy cố định phù hợp với mức độ nguy cơ cháy tiềm ẩn ở địa điểm cụ thể đó, ngoại trừ:

Low-rise and Medium-rise buildings where a risk assessment carried out by IHG shows that the design, construction and local infrastructure achieves an acceptable level of protection against Special Fire Hazard(s) [581084] tòa nhà thấp tầng và trung tầng nơi IHG thực hiện đánh giá rủi ro cho thấy rằng thiết kế, xây dựng và cơ sở hạ tầng địa phương đạt được mức độ bảo vệ có thể chấp nhận đối với các Nguy cơ hỏa hoạn đặc biệt

Guest room bathrooms with non-combustible fixtures and closets [581085] nhà tắm phòng khách với thiết bị và tủ chống cháy

Non-occupied auxiliary structures, located remotely from principal buildings of the hotel and containing non-critical functions [581086] cấu trúc phụ trợ không sử dụng, nằm cách xa các tòa nhà chính của khách sạn và có các chức năng không quan trọng

Where a hotel is not protected by a Fixed Fire Suppression System, guest rooms equipped with stove type cooking equipment must have a Fixed Fire Suppression System. [56571] Khi một khách sạn không được bảo vệ bởi Hệ thống chữa cháy cố định, các phòng khách được trang bị bếp lửa phải có Hệ thống chữa cháy cố định.

Hotels where more than 50% of guest rooms are equipped with stove type cooking equipment must be protected throughout by a Fixed Fire Suppression System. [513048] khách sạn có hơn 50% phòng khách được trang bị thiết bị bếp lửa phải được bảo vệ toàn bộ bởi Hệ thống chữa cháy cố định.

A Fixed Fire Suppression System is required for Cooking Ranges and must meet the following requirements: [56561] Cần có Hệ thống chữa cháy cố định cho không gian nấu ăn và phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Operated both automatically and manually [56562] Vận hành cả tự động và thủ công

Automatically turn off fuel supply to cooking equipment when system is activated [56564] Tự động ngfắt nguồn cung cấp nhiên liệu cho thiết bị nấu khi hệ thống được kích hoạt

Be manually reset after it has activated [56565] Được thiết lập lại bằng tay sau khi bị kích hoạt

Be connected to the fire alarm control panel [56568] Được kết nối với bảng điều khiển báo cháy

Guidelines Hướng Dẫn

• A wet chemical system should be used. [265085] Nên sử dụng hệ thống hóa chất ướt.

Portable fire extinguishers, are required throughout the building. [56576] Bình chữa cháy xách tay được yêu cầu trong toàn tòa nhà.

Selected and located based on the type of anticipated fire [56578] Được lựa chọn và lắp đặt đặt tại vị trí nào phù hợp với loại lửa dự đoán

The maximum travel distance to a fire extinguisher must not exceed 25m (75ft). [56581] Khoảng cách di chuyển tối đa đến bình chữa cháy không được vượt quá 25m.

Fire hydrants or other water supplies used for fire fighting must be provided at Suitable Locations. [56547] Vòi chữa cháy hoặc nguồn cung cấp nước khác cho cứu hỏa phải được cung cấp tại Vị trí phù hợp.

Standpipes (rising mains) or hose reels must be provided in all High-rise properties. Ống đứng hoặc cuộn ống nước phải được cung cấp trong tất cả các tòa nhà Cao tầng.

**(Trang 37)**

A contract must be in place for specialist cleaning of the kitchen extractor hood(s) and ducts. [56572] Phải một hợp đồng về vệ sinh (các) chụp và ống dẫn máy hút mùi nhà bếp bởi đơn vị chuyên môn

Guidelines Hướng Dẫn

The interior surfaces of kitchen extractor hoods and ducts should be cleaned at least every six months, however more frequent cleaning may be needed in busy kitchens. [476057] Bề mặt bên trong của chụp và ống dẫn máy hút mùi bếp nên được làm sạch ít nhất sáu tháng một lần, tuy nhiên có thể cần phải vệ sinh thường xuyên hơn trong bếp bận rộn.

Where gas fires are provided an automatic ignition source with combustion controls to prevent gas from being released into the room is required. [263053] Nếu cung cấp lò sưởi gas, phải có nguồn đánh lửa tự động với các điều khiển đốt để tự động ngăn khí gas thoát vào phòng khách.

Solid fuel-burning fireplaces are only permitted in public areas and where provided must meet the following: [263057] Lò sưởi đốt nhiên liệu rắn chỉ được phép sử dụng ở các khu vực công cộng và nơi được cung cấp phải đáp ứng các điều sau:

Equipped with an approved, tempered glass door or other suitable guarding arrangement [263058] Được trang bị cửa kính cường lực đã được phê duyệt hoặc bố trí bảo vệ phù hợp khác

A non-combustible floor extending a minimum of 1m (3ft) around an open fireplace [263059] Sàn chống cháy kéo dài tối thiểu 1m xung quanh lò sưởi mở

All foam and non-foam filling material for furniture, upholstered furniture and furnishing fabrics including drapes, curtains and blinds, beds, bed bases, mattresses, mattress toppers and upholstered head boards, duvets, pillows and bed throws, wall coverings and linings and carpets and rugs used in the hotel must be Flame Retardant. [55996] Tất cả các vật liệu nhồi bằng xốp hoặc không phải xốp cho đồ nội thất, vải trang trí nội thất bao gồm màn, rèm, giường, chân giường, nệm, toppers nệm và vách đầu giường có đệm, chăn, gối và chăn trang trí, các vật liệu phủ tường, thảm và thảm trang trí được sử dụng trong khách sạn phải được sản xuất từ vật liệu chống cháy.

Guidelines Hướng Dẫn

• Manufacturers certificates should be available for inspection. [581066] Giấy chứng nhận nhà sản xuất phải có sẵn để kiểm tra.

In guest rooms, halogen bulbs are only permitted in ceiling lights. [56034] Trong phòng khách, bóng đèn halogen chỉ được phép trong đèn trần.

Flammable Materials stored in the main building or any of the interior corridor guest room areas of a hotel must be kept in fire proof lockers or cabinets of a minimum of 30 minutes fire resistance. [56720] Vật liệu dễ cháy được lưu trữ trong tòa nhà chính hoặc bất kỳ khu vực hành lang phòng khách bên trong của khách sạn phải được trữ trong locker hoặc tủ chống cháy tối thiểu 30 phút.

The bulk storage of liquid petroleum gas, petroleum and oil must be in accordance with the recommendations of a Risk Assessment conducted by a Qualified Person. [56722] Việc lưu trữ số lượng lớn dầu khí lỏng, xăng và dầu phải tuân theo các khuyến nghị của Đánh giá rủi ro được thực hiện bởi Người có chuyên môn.

At least once every 12 months maintenance of the Fire Safety Equipment must be carried out in accordance with manufacturers instructions. [476063] Ít nhất 12 tháng một lần phải bảo trì Thiết bị an toàn phòng cháy theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

At least once every 12 months testing of Fire Safety Equipment must be carried out in accordance with manufacturers instructions. [265094] Ít nhất 12 tháng một lần phải thử Thiết bị an toàn phòng cháy theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Where fire pumps are provided, electrical and mechanical performance tests must be carried out in accordance with manufacturers instructions. [265095] Khi máy bơm chữa cháy được cung cấp, các thử nghiệm hiệu suất M&E phải được thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Guidelines Hướng Dẫn

Should be carried out by a Qualified Person. [381052] Nên được thực hiện bởi một người có chuyên môn.

Records of testing should be kept. [381050] Hồ sơ kiểm tra nên được lưu trữ.

Super High-rise hotels must have a Fire Strategy developed by a Qualified Person. [581055] khách sạn siêu cao tầng phải có Chiến lược chữa cháy được phát triển bởi Người có chuyên môn.

Smoke detectors with local sounding device provided in guest rooms must be addressable in hotels without a Fixed Fire Suppression System. [609049] Thiết bị phát hiện khói và thiết bị âm báo cục bộ trong các phòng khách phải là thiết bị "địa chỉ" trong các khách sạn không có Hệ Thống Chống Cháy Cố định.

Responsible Business -> Brand Safety -> Security An ninh

**(Trang 38)**

Hotels are responsible at all times for the management of risks relating to the safety and security of employees, guests, visitors and other "stakeholders". In addition to the standards shown below, IHG® recommends that hotels undertake regular security risk assessments to inform the development and maintenance of procedures appropriate to locally identified risks. Guidance on assessing and managing Security risk is provided in the IHG® Security Toolkit. Khách sạn luôn có trách nhiệm trong việc quản lý các rủi ro liên quan đến sự an toàn và an ninh của nhân viên, khách lưu trú, khách thăm và các "bên liên quan" khác. Ngoài các tiêu chuẩn được trình bày dưới đây, IHG® khuyến nghị các khách sạn thực hiện đánh giá rủi ro an ninh đều đặn để nắm được thông tin phục vụ cho việc xây dựng và duy trì các quy trình ứng phó phù hợp đối với rủi ro được xác định tại địa phương. Hướng dẫn về đánh giá và quản lý rủi ro Bảo mật được cung cấp trong Bộ công cụ bảo mật IHG®.

Electronic Door Locks must be approved by IHG. [56209] Khóa cửa điện tử phải được IHG chấp thuận.

Approved Locksets list Danh sách khóa được phê duyệt https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/documents/13569642/15863296/IHG\_BSS\_Compliant\_Locksets\_EN.xlsx

All guest room entrance doors must be fitted with an Electronic Door Locks. [56213] Tất cả các cửa ra vào phòng khách phải được trang bị Khóa cửa điện tử.

A secondary non-keyed locking device must be provided on all guest room entrance doors. [56216] Một một phụ kiện chốt cửa phải được cung cấp trên tất cả các cửa ra vào phòng khách.

Guidelines Hướng Dẫn

• Examples include safety/night latch, safety chain or other non-keyed locking device. [56220] Ví dụ bao gồm chốt an toàn, xích an toàn, hoặc các phụ kiện không phải khóa khác.

All guest room doors are required to have a one-way view port installed and meet the following requirements: [56221] Tất cả các cửa phòng khách phải lắp mắt thần một chiều và đáp ứng các yêu cầu sau:

View ports equipped with privacy covers [56224] Mắt thần có nắp

1.5m (5ft) above the floor [56222] 1,5m so với sàn nhà

Accessible Rooms must have an additional view port installed no higher than 1.2m (4ft) above the floor

[56223] Phòng cho người khuyết tật phải có một mắt thần bổ sung được lắp đặt không cao quá 1,2m so với sàn nhà

Connecting guest room door locks must meet the following requirements: [56227] khóa cửa phòng connecting phải đáp ứng các yêu cầu sau:

• Mortice lock with a minimum 2cm (¾in) throw thumb-turn deadbolt [56228] Tất cả các cửa phòng connecting phải có khóa lỗ mộng (có tay nắm gạt hoặc tay nắm tròn) với chốt vặn ngón cái tối thiểu 2cm

Thumb-turn lock operation on the guest room side of the door [274132] Núm vặn của chốt nằm trên mặt cửa phía phòng khách

Fixed knob or lever on the guest room side [274133] Tay nắm cửa hoặc tay gạt nằm trên mặt cửa phía phòng khách

Blank plate with no access to screws or bolts on non-guest room side door [274134] Mặt còn lại của cửa phải có ốp trang trí che lỗ khóa để không tiếp cận được ổ khóa bên trong.

Access control is required at all doors used by guests from the car park area into interior guest room corridors. [56212] Phải có kiểm soát truy cập tại tất cả các cửa được sử dụng bởi khách từ khu vực đỗ xe vào hành lang phòng khách bên trong.

Access control is required for lifts that go from basement car park areas to guest room floors. [56755] Phải có kiểm soát truy cập tại tất cả các thang máy đi từ khu vực bãi đậu xe tầng hầm đến tầng phòng khách.

Guidelines Hướng Dẫn

• Access control may include but is not limited to CCTV in the lift car that is monitored 24 hours a day, seven days a week combined with key card access control in lift car controlling access to the guest floors, or key card access control fitted to all doors leading from all basement car park levels towards the lift lobbies or access point(s) from basement car parking levels towards the lift lobbies, or permanently manned by Hotel Security or the lift stopping and the lift car doors opening at the reception floor in line of sight to reception or a permanently staffed location. [56756] Kiểm soát truy cập có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở CCTV trong cabin thang máy được giám sát 24giờ/ngày, 7 ngày/tuần kết hợp với kiểm soát truy cập bằng thẻ khóa trong cabin thang máy để kiểm soát truy cập vào tầng phòng khách, hoặc kiểm soát bằng thẻ khóa tại tất cả các cửa dẫn hoặc lối thông từ tất cả tầng hầm đỗ xe tới sảnh thang máy, hoặc luôn có nhân viên bảo vệ trực, hoặc thang máy dừng và cửa thang mở tại tầng sảnh lễ tân, với tầm nhìn thẳng đến lễ tân hoặc một vị trí luôn có nhân viên trực.

A system of key control must be in place for the safe keeping of: [56154] Phải có một hệ thống kiểm soát khóa để giữ an toàn cho:

• Grand Master Keys [56155]

• Master Keys [56156]

**(Trang 39)**

Sub-master Keys [56157]

Guidelines Hướng Dẫn

General Managers should consider the guidelines in IHG Risk Management Security on Merlin when implementing a system to ensure Master Keys are kept secure. [56165] Tổng Quản lý nên xem xét các hướng dẫn trong Tài liệu Quản lý rủi ro IHG về An ninh trên Merlin khi triển khai hệ thống đảm bảo giữ an toàn Khóa Tổng.

IHG Risk Management Security Quản lý rủi ro IHG về An ninh https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/risk-management/security

Replacement keys must only be issued to guests registered to that room. [56146] Chìa khóa thay thế chỉ được phép cấp cho khách đăng ký tại phòng đó.

Positive identification must be requested and provided before a replacement key is issued. [56147] Yêu cầu xuất trình giấy tờ nhận dạng trước khi cấp khóa thay thế.

Guidelines Hướng Dẫn

Positive identification includes photo identification; passport; driving licence and credit card. [56148] Giấy tờ nhận dạng bao gồm nhận dạng ảnh; hộ chiếu; bằng lái xe và thẻ tín dụng.

Where the guest cannot provide positive identification the guest should be accompanied to their room to retrieve evidence of positive identification. [56149] Trường hợp khách không thể xuất trình giấy tờ nhận dạng, khách sẽ được đưa đến phòng của họ để lấy bằng chứng nhận dạng.

A secure storage area must be available where the luggage of registered guests can be stored temporarily. [56177] Phải có một khu vực giữ đồ an toàn, nơi hành lý của khách lưu trú có thể được bảo quản tạm thời.

Guidelines hướng dẫn

Where guest's luggage is stored temporarily General Managers should consider the guidelines in IHG Risk Management Security on Merlin. [95248] Trường hợp hành lý của khách được bảo quản tạm thời, Tổng Quản lý nên xem xét các hướng dẫn trong Tài liệu Quản lý rủi ro IHG về An ninh trên Merlin.

IHG Risk Management Security Quản lý rủi ro IHG về An ninh https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/risk-management/security

Where provided, house telephones in public areas must not connect directly to guest rooms. [56171] Nếu có điện thoại bàn tại các khu vực công cộng, các điện thoại này không được nối trực tiếp vào phòng khách

Where provided Safe Deposit Boxes must meet the following requirements: [56184] Trường hợp có Két An Toàn, két phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Be located in a secure area [56185] Nằm trong một khu vực an toàn

Be accessible from the lobby [56186] Có thể vào từ lobby

Guidelines Hướng Dẫn

General Managers should consider the guidelines in IHG Risk Management Security on Merlin when implementing a system for the operation of Safe Deposit Boxes. [95250] Tổng Quản lý nên xem xét các hướng dẫn trong Tài liệu Quản lý rủi ro IHG về An ninh trên Merlin khi triển khai hệ thống vận hành Két an toàn.

Where provided In-room Safes must be fixed to a non-portable surface to prevent unauthorised removal. [56194] Trường hợp có Két an toàn trong phòng, kết phải được cố định vào một bề mặt cố định để ngăn chặn việc di chuyển trái phép.

Guidelines Hướng Dẫn

General Managers should consider the guidelines in IHG Risk Management Security on Merlin when implementing a system for the operation of In-room Safes. [274131] Tổng Quản lý nên xem xét các hướng dẫn trong Tài liệu Quản lý rủi ro IHG về An ninh trên Merlin khi triển khai hệ thống vận hành Két an toàn trong phòng.

IHG Risk Management Security Quản lý rủi ro IHG về An ninh https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/risk-management/security

Heating/cooling ducts, exhaust vents and service areas must be designed or modified to prevent unauthorised visual access to guest rooms and acoustic privacy between bathrooms. Các đường ống sưởi/làm mát, lỗ thông hơi và khu vực dịch vụ phải được thiết kế hoặc sửa đổi để không nhìn trực tiếp vào phòng khách và đảm bảo riêng tư về âm thanh giữa các phòng tắm.

**(Trang 40)**

Access to Chase Ways (Service Ducts) between guest rooms must be locked to prevent unauthorised access. [56151] Lối tiếp cận các đường ống giữa các phòng khách phải được khóa để ngăn chặn truy cập trái phép.

Telephone calls must not be connected to a guest room without the caller identifying the name of the person registered to the room. [56166] cuộc gọi điện thoại không được kết nối với phòng khách nếu người gọi người gọi không nêu được tên của khách đăng ký lưu trú tại phòng.

Colleagues must not announce or share room numbers and /or personal information about a guest. [56140] Nhân viên khách sạn không được thông báo hoặc chia sẻ số phòng và/hoặc thông tin cá nhân của khách.

Lists that include the guest name must not be left anywhere visible to the public. [56172] Danh sách bao gồm tên khách không được để tại bất cứ nơi nào người ngoài có thể nhìn thấy.

Guidelines Hướng Dẫn

This includes the Housekeeping trolley; breakfast lists, IHG® Reward Club members on check in and fitness facility sign-in. [56173] Bao gồm xe đẩy buồng phòng; danh sách bữa sáng, các thành viên CLB Khách hàng Thân thiết IHG® khi check in và làm đăng ký sử dụng phòng tập.

Safety and Security information appropriate to the hotel must be made available in guest rooms. [56137] Thông tin An toàn và An ninh phù hợp với khách sạn phải được cung cấp trong phòng khách.

Information provided in the local language(s) and English. [56138] Thông tin được cung cấp bằng (các) ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh.

Guidelines Hướng Dẫn

Safety and security information includes personal security advice; protection of personal property; room security notices; in-room safe advisory notices; car park security notices; CCTV warning notices and guest safety tips. [56139] Thông tin An toàn và An ninh bao gồm lời khuyên về an toàn cá nhân; bảo vệ tài sản cá nhân; lưu ý về an ninh phòng khách; lưu ý về két an toàn trong phòng; lưu ý về an ninh bãi đỗ xe; lưu ý cảnh báo về CCTV và lời khuyên an toàn cho khách.

Responsible Business -> Brand Safety -> Leisure and Fitness Centre Safety Trung tâm giải trí và Phòng tập

Hotels are responsible at all times for the management of risks relating to the safety and security of employees, guests, visitors and other "stakeholders". In addition to the standards shown below, IHG® recommends that hotels undertake regular leisure risk assessments to inform the development and maintenance of procedures appropriate to locally identified risks. Guidance on assessing and managing Security risk is provided in the IHG® Leisure Safety Toolkit. Khách sạn luôn có trách nhiệm trong việc quản lý các rủi ro liên quan đến sự an toàn và an ninh của nhân viên, khách lưu trú, khách thăm và các "bên liên quan" khác. Ngoài các tiêu chuẩn được trình bày dưới đây, IHG® khuyến nghị các khách sạn thực hiện đánh giá rủi ro trong hoạt động giải trí đều đặn để nắm được thông tin phục vụ cho việc xây dựng và duy trì các quy trình ứng phó phù hợp đối với rủi ro được xác định tại địa phương. Hướng dẫn về đánh giá và quản lý Rủi ro bảo mật được cung cấp trong Bộ công cụ An toàn giải trí IHG®.

External Swimming Pools must be secured to prevent unauthorised access. [56426] Các bể bơi ngoài trời phải có biện pháp bảo vệ để ngăn chặn truy cập trái phép.

• Chain link fences are not permitted. [476068] Cấm dùng hàng rào lưới thép.

Guidelines Hướng Dẫn

• Where a fence cannot be used then a Risk Assessment should be carried out to identify the most effective way of providing substantially equivalent protection. [278054] Khi không thể sử dụng hàng rào, phải tiến hành đánh giá rủi ro để xác định cách thức hiệu quả nhất để cung cấp sự bảo vệ tương đương.

• Where a fence is used it should be a minimum height of 1.2m (4ft), with self-closing and latching gates. Hàng rào được sử dụng phải có chiều cao tối thiểu 1,2m, với cổng tự đóng và chốt.

The fence should have vertical pickets that do not allow passage of a 100mm (4in) sphere. [278053] Hàng rào có các cọc đứng, không cho phép vật hình cầu kích thước 100mm lọt qua.

Doors to unsupervised indoor Swimming Pools must be fitted with Electronic Door Locks. [56429] Cửa ra vào các hồ bơi trong nhà không được giám sát phải có khóa điện tử.

If a Swimming Pool is closed for an extended period of time it must be secured to prevent unauthorised access. [56433] Nếu bị đóng cửa trong thời gian dài, hồ bơi phải được bảo vệ để ngăn chặn truy cập trái phép.

Guidelines Hướng Dẫn

Professionally prepared “closed” signs should be posted on each access point. [376211] Biển báo “Đóng cửa” được chế tọa chuyên nghiệp nên được dán tại mỗi lối vào.

If the Swimming Pool is not maintained it should be covered using at least a 12-gauge vinyl mesh with a break-strength of 1,800Kgs (4,000lbs) that is securely anchored in place. Nếu không được bảo trì, hồ bơi phải được che phủ bằng ít nhất một tấm lưới vinyl 12 gauge có độ bền chống rách 1.800Kg neo chắc chắn tại chỗ.

**(Trang 41)**

A minimum of two drains are required in all Swimming Pools and Hot Tubs. [582049] Cần tối thiểu hai ga thoát nước trong tất cả các Bể bơi và Bể nước nóng.

Anti-entrapment drain covers are required in all Swimming Pools and Hot Tub with a single drain. [582050] Nắp thoát sàn chống mắc kẹt được yêu cầu trong tất cả các Bể bơi và Bể nước nóng chỉ có một ga thoát duy nhất.

A minimum of 1.5m (5ft) of clear deck space must be provided around the perimeter of all Swimming Pools. [56485] Tối thiểu 1,5m không gian sàn trống phải được cung cấp xung quanh rìa tất cả các Bể bơi.

The swimming pool deck must be Slip Resistant. [56438] Vật liệu sàn xung quanh hồ bơi phải chống trơn trượt.

Ladders, steps and/or ramps with handrails must be provided at opposite ends of the Swimming Pool. [56441] Thang treo, bậc thang hoặc đường dốc có tay vịn được yêu cầu ở cả hai đầu của hồ bơi.

The exposed metal of ladders, steps and handrails must be Corrosion Resistant. [56442] Các phần kim loại lộ ra của thang treo, bậc thang và tay vịn phải có khả năng chống ăn mòn.

Diving boards, diving platforms and/or trampolines are not permitted. [56439] Không cho phép ván nhảy, bục nhảy ở bể bơi và/hoặc bạt lò xo.

Each Swimming Pool must have life safety equipment and meet the following requirements: [56456] Mỗi bể bơi phải có thiết bị an toàn và đáp ứng các yêu cầu sau:

Include at least two life safety rings or two throwing lines [56457] Bao gồm ít nhất hai phao tròn hoặc hai dây ném

At least one life safety hook [56458] Ít nhất một móc an toàn

Be clearly visible and easily accessible [278066] Dễ nhìn và dễ tiếp cận

Where life safety rings and/or throwing lines are used they must be connected to a rope that extends to 1.5 times the width of the pool [278067] Khi sử dụng phao tròn và/hoặc dây ném, chúng phải được kết nối với một sợi dây có chiều rộng gấp 1,5 lần chiều rộng của bể bơi

Swimming Pool safety signage must be prominently displayed and meet the following requirements: [56445] Biển báo an toàn bể bơi phải được treo nổi bật và đáp ứng các yêu cầu sau:

Permanently installed [278061] Lắp đặt cố định

• Where life guards are not on duty, signage indicating 'No Life Guard on Duty' [56447] Nếu không có nhân viên cứu hộ, biển báo thông báo “Không có Cứu hộ”

• The international 'No Diving' symbol [278059] Biểu tượng quốc tế “Cấm Lặn”

Rules of operation [278058] Quy định khi sử dụng

Hours of operation [56446] Thời gian sử dụng

• 'Use at Your Own Risk' [278057] “Chấp nhận mọi rủi ro khi sử dụng”

Signs in the local language(s) and English [56448] Biển báo bằng (các) ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh

Professionally fabricated [278060] Chế tạo chuyên nghiệp

Swimming Pool depth markings must be clearly displayed. [56449] Phải Đánh dấu rõ ràng độ sâu của Bể Bơi.

Depths markings must be displayed near entry points to the swimming pool, on all sides of the swimming pool and where significant depth changes occur. [56453] Phải có đánh dấu độ sâu gần các lối xuống bể bơi, trên tất cả các bên của bể bơi và vị trí có thay đổi độ sâu đáng kể.

Guidelines Hướng Dẫn

Depths should be shown in both feet and metres. [278063] Số báo độ sâu phải được viết bằng cả đơn vị feet và mét.

Painted depth markings should not be used. [278062] Không sử dụng sơn để đánh dấu độ sâu.

Recommended to be displayed at the pool deck coping and above the waterline at the edge of the Swimming Pool. [56455] Khuyến nghị số đánh dấu độ sâu gắn tại rìa bể bơi và trên mực nước trong bể bơi.

For Deck Level Swimming Pools, the side pool depth signs may be wall mounted. Đối với hồ bơi có mức nước ngang mặt sàn, các biển báo độ sâu hồ bơi có thể được gắn trên tường.

**(Trang 42)**

Beach entry and zero depth type swimming pools should display a sign indicating 'shallow water' at shallow water entrance point. [476069] Các bể bơi có lối xuống bể bơi là dốc thoải phải có biển báo "nước nông" tại lối xuống.

The level of lighting in a Swimming Pool area must allow the entire bottom of the swimming pool to be clearly seen. [56440] Mức độ chiếu sáng trong khu vực Hồ bơi phải cho phép nhìn rõ toàn bộ đáy bể.

Swimming Pools provided solely for use by children under the age of 6 years are required to meet the following: [56467] Bể bơi dành riêng cho trẻ em dưới 6 tuổi sử dụng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Water depth must not be more than 60cm (2ft) deep [63902] Độ sâu của nước không quá 60cm

Guidelines Hướng Dẫn

• The walls should not extend more than 15cm (6in) above the water line. [376209] Thành bể không được cao quá 15cm so với mặt nước.

The quality of swimming pool and/or Hot Tubs and/or children's pools water must be maintained and meet the following requirements: [56472] Chất lượng của bể bơi và/hoặc Bể nước nóng và/hoặc nước hồ bơi trẻ em phải được duy trì và đáp ứng các yêu cầu sau:

Bottom clearly visible [56479] Có thể thấy rõ đáy bể

Free of debris [278075] Không có rác

Guidelines Hướng Dẫn

Chemical checks on the swimming pool and/or Hot Tub water should be carried out three times during pool operating hours and records should be maintained. [278073] Kiểm tra hóa chất trong nước bể bơi và/hoặc bể nước nóng phải được thực hiện ít nhất ba lần một ngày trong giờ hoạt động của hồ bơi và phải duy trì sổ sách theo dõi.

Doors to unsupervised fitness rooms must be secured with an Electronic Door Lock using electronic key access. [56249] Cửa vào phòng tập không có giám sát phải được bảo vệ bằng Khóa điện tử.

An emergency telephone must be provided. [56251] Một điện thoại khẩn cấp phải được cung cấp.

Must be located in the Fitness Room. [476065] Phải được đặt trong phòng tập.

Must be located in the Swimming Pool [476066] Phải được đặt tại khu Hồ bơi

Located in a clearly visible location. [274136] Đặt tại vị trí dễ thấy

Calls must connect to an on-site location that is permanently staffed or directly to the emergency services. [56253] cuộc gọi phải kết nối với một địa điểm trong khuôn viên khách sạn luôn có nhân viên trưc hoặc nối máy trực tiếp đến đơn vị cứu trợ khẩn cấp.

Calls must not be answered by an auto-attendant. [56252] Không được phép trả lời cuộc gọi bằng máy trả lời tự động.

The telephone may be located in either the Fitness Room or Swimming Pool where the two facilities are in the same location. [622048] Điện thoại có thể được đặt trong Phòng tập thể dục hoặc Bể bơi nơi hai cơ sở ở cùng một vị trí.

Saunas and/or steam rooms must meet the following minimum safety requirements: [56264] Phòng sauna và/hoặc phòng xông hơi phải đáp ứng các yêu cầu an toàn tối thiểu sau đây:

Fitted with a non-lockable door [56269] Được trang cửa không khóa

Fitted with an outside observation window [56270] Được trang bị cửa sổ quan sát bên ngoài

Where a Fixed Fire Suppression System is installed in the hotel the sauna cabin must be fitted with a high temperature sprinkler head [56273] Khi lắp đặt hệ thống chữa cháy cố định trong khách sạn, buồng xông hơi phải được trang bị sprinkler nhiệt độ cao

Stove guarded by a permanently fixed heat resisting structure [56272] Bếp được bảo vệ bởi một cấu trúc chịu nhiệt cố định vĩnh viễn

Fitted with a protected shatter-proof light fitting that is capable of withstanding the heat [56271] Trang bị bộ đèn chống vỡ được bảo vệ có khả năng chịu nhiệt

A distress alarm with direct connection to an on-site location that is permanently staffed [56275] Nút gọi khẩn cấp với kết nối trực tiếp đến một vị trí trong khuôn viên khách sạn luôn có nhân viên trực.

**(Trang 43)**

Fitted with a timer that is clearly visible to the user [56268] Được trang bị bộ hẹn giờ dễ thấy cho người dùng

Safety signage displayed in the local language(s) and English [56274] Biển báo an toàn bằng (các) ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh

A warning sign must be displayed around the steam outlet area [56276] Phải có biển cảnh báo quanh khu vực thoát hơi nước

It is recommended that should a thermometer be provided, it should be non-mercury and made visible to guests. [680071] Nếu trang bị nhiệt kế, không được là nhiệt kế thủy ngân và phải ở vị trí khách dễ thấy.

Solarium's/ tanning beds must meet the following minimum safety requirements: [56405] Giường tắm nắng phải đáp ứng các yêu cầu an toàn tối thiểu sau đây:

A distress alarm with direct connection to an on-site location that is permanently staffed [56408] Nút gọi khẩn cấp với kết nối trực tiếp đến một vị trí trong khuôn viên khách sạn luôn có nhân viên trực.

Safety signage displayed in the local language(s) and English. [56409] Biển báo an toàn bằng (các) ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh

A Hot Tub must meet the following safety requirements: [56410] Một bể nước nóng phải đáp ứng các yêu cầu an toàn sau:

Be capable of being secured to prevent unauthorised access [56413] Phải có biện pháp ngăn chặn truy cập trái phép

Fitted with a 15-minute operating timer [56414] Được trang bị bộ đồng hồ bấm giờ vận hành 15 phút

A clearly labelled manual shut-off control mechanism for the water circulation pump located either within 3m (10ft) of the edge of the Hot Tub or at a permanently staffed point with direct line of sight to the Hot Tub [56415] Một cơ chế tắt bằng tay được dán nhãn rõ ràng cho máy bơm tuần hoàn nước nằm trong phạm vi 3 m của mép bồn nước nóng hoặc tại một vị trí luôn có nhân viên trực với tầm nhìn trực tiếp tới bồn nước nóng.

Water depth markings clearly visible [56417] Đánh dấu độ sâu dễ thấy

A No Diving international symbol clearly visible to the user [56416] Biểu tượng quốc tế Cấm Lặn dễ thấy

Safety signage displayed in the local language(s) and English [56422] Biển báo an toàn bằng (các) ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh

Guidelines Hướng Dẫn

40°C (104°F) is the standard maximum temperature for a Hot Tub although the majority of users prefer a water temperature in the range of 38°C - 39°C (100°F - 102°F). [476067] 40°C là nhiệt độ tối đa tiêu chuẩn cho bể nước nóng, mặc dù phần lớn người dùng thích nhiệt độ nước trong khoảng 38°C - 39°C

Records of maintenance should be maintained. [278051] Duy trì hồ sơ bảo trì.

Access to the Hot Tub may be secured by locating the Hot Tub in a locked and secure room or by using a fence that meets the swimming pool fence requirements. [56423] Đảm bảo an ninh lối vào Bể nước nóng bằng cách đặt bể trong phòng kín và an toàn hoặc sử dụng hàng rào đáp ứng yêu cầu hàng rào bể bơi.

Signing-in logs must not include guest room numbers. [56263] Sổ theo dõi khách sử dụng không được bao gồm số phòng khách.

Wall mirrors which go all the way to the floor must be protected by an anti-shatter base or film. [605113] Gương treo tường kéo xuống tận sàn phải được bảo vệ bởi ốp hoặc màng chống vỡ.

Responsible Business -> Brand Safety -> Food Safety An toàn thực phẩm

Hotels are responsible at all times for the management of risks relating to the safety and security of employees, guests, visitors and other "stakeholders". In addition to the standards shown below, IHG® recommends that hotels undertake regular food safety risk assessments to inform the development and maintenance of HACCP procedures appropriate to locally identified risks. Guidance on assessing and managing food safety risk is provided in the IHG® Food Safety Toolkit. Khách sạn luôn có trách nhiệm trong việc quản lý các rủi ro liên quan đến sự an toàn và an ninh của nhân viên, khách lưu trú, khách thăm và các "bên liên quan" khác. Ngoài các tiêu chuẩn được trình bày dưới đây, IHG® khuyến nghị các khách sạn thực hiện đánh giá rủi ro về sức khỏe và an toàn đều đặn để nắm được thông tin phục vụ cho việc xây dựng và duy trì các quy trình ứng phó phù hợp đối với rủi ro được xác định tại địa phương. Hướng dẫn về đánh giá và quản lý rủi ro an toàn thực phẩm được cung cấp trong Bộ công cụ Sức khỏe & An toàn IHG®.

Hotel must ensure periodic food safety audits are conducted by a Qualified Person. [476072] Khách sạn phải đảm bảo việc kiểm nghiệm an toàn thực phẩm định kỳ được thực hiện bởi Người có chuyên môn.

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 44)**

The food safety audit should identify whether or not the hotel is meeting compliance with local food safety regulations, codes of practice and best practice based on the principles of the Hazard Analysis and Critical Control Point System (HACCP). [476074] Kiểm nghiệm an toàn thực phẩm cần xác định liệu khách sạn có đáp ứng các quy định an toàn thực phẩm địa phương, quy tắc hành nghề và quy tắc hành nghề tối ưu dựa trên cơ sở Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP).

A Qualified Person includes but is not limited to audit programs such as Ecosure and the Diversey Consulting - Consultative Food Safety audit. It also includes food safety audits carried out by the Authority Having Jurisdiction (AHJ). [476073] Một Người có chuyên môn bao gồm nhưng không giới hạn trong các đơn vị kiểm nghiệm như Ecosure và Diversey Consulting - Tư vấn kiểm nghiệm an toàn thực phẩm. Việc này cũng bao gồm kiểm nghiệm an toàn thực phẩm được thực hiện bởi Cơ quan có thẩm quyền.

Responsible Business -> Brand Safety -> Health and Safety (including Guest Safety) Sức khỏe và an toàn (bao gồm cả an toàn cho khách)

Hotels are responsible at all times for the management of risks relating to the safety and security of employees, guests, visitors and other "stakeholders". In addition to the standards shown below, IHG® recommends that hotels undertake regular health & safety risk assessments to inform the development and maintenance of procedures appropriate to locally identified risks. Guidance on assessing and managing health and safety risks is provided in the IHG® Health & Safety Toolkit. Khách sạn luôn có trách nhiệm trong việc quản lý các rủi ro liên quan đến sự an toàn và an ninh của nhân viên, khách lưu trú, khách thăm và các "bên liên quan" khác. Ngoài các tiêu chuẩn được trình bày dưới đây, IHG® khuyến nghị các khách sạn thực hiện đánh giá rủi ro về sức khỏe và an toàn đều đặn để nắm được thông tin phục vụ cho việc xây dựng và duy trì các quy trình ứng phó phù hợp đối với rủi ro được xác định tại địa phương. Hướng dẫn về đánh giá và quản lý rủi ro an toàn thực phẩm được cung cấp trong Bộ công cụ Sức khỏe & An toàn IHG®.

The following items must comply with the testing criteria of an IHG recognised Test Authority: [55908] Các hạng mục sau đây phải tuân thủ các tiêu chí kiểm tra của Cơ quan kiểm tra được IHG công nhận:

Products [241065] Sản phẩm

Devices [241066] Thiết bị

Assemblies [241067] Cấu kiện lắp ráp

The following installations must be tested and maintained in accordance with manufacturers’ instructions: [55909] Các thiết bị sau phải được kiểm tra và bảo trì theo hướng dẫn của nhà sản xuất:

Pressure Systems [55910] hệ thống áp suất

Lifts and Lifting Equipment [55911] Thang máy và thiết bị nâng hạ

Electrical Installation [241068] Thiết bị điện

Gas Installations including fittings and connected appliances and gas detection equipment [324254] Thiết bị gas bao gồm các phụ kiện và thiết bị kết nối và thiết bị phát hiện khí gas

Guidelines Hướng Dẫn

A thermography inspection should be conducted at least once every five years by a person who is certified as a qualified thermographer and has documented evidence to show they are able to perform thermography correctly and efficiently on electrical equipment. [324257] Việc kiểm tra nhiệt độ nên được tiến hành ít nhất 5 năm một lần bởi một người có chứng nhận chuyên môn và có bằng chứng trên giấy tờ chứng minh cho thấy họ có thể thực hiện đo nhiệt độ chính xác và hiệu quả trên thiết bị điện.

New Life Safety System installations must be Certified by a Qualified Person. [55912] Cài đặt hệ thống an toàn cháy mới phải được chứng nhận bởi người có chuyên môn.

Changes to Life Safety Systems must be Certified by a Qualified Person. [255050] Thay đổi đối với Hệ thống An toàn Cháy phải được Chứng nhận bởi Người có chuyên môn

Single or multiple station (interconnected) carbon monoxide detectors incorporating an alarm must be installed as follows: [56647] Các máy dò khí CO đơn hoặc nhiều trạm (liên kết với nhau) kết hợp báo động phải được cài đặt như sau:

Where there is a Fuel Burning Appliance [56648] Nơi có thiết bị đốt nhiên liệu

In guest rooms adjacent to the room where there is a Fuel Burning Appliance [56649] Trong các phòng khách liền kề với phòng có Thiết bị đốt nhiên liệu

In guest rooms adjacent to the vent path from a Fuel Burning Appliance [56650] Trong các phòng khách liền kề với đường thông hơi từ Thiết bị đốt nhiên liệu

In Corridors or Common Areas adjacent to the room where there is a Fuel Burning Appliance [56652] Trong Hành lang hoặc Khu vực chung liền kề với phòng có Thiết bị đốt nhiên liệu

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 45)**

• Records of installation should be kept. [285266] Nên lưu giữ hồ sơ lắp đặt

The hotel must ensure that a periodic safety audit is conducted by a Qualified Person to identify and reduce the risk of illness associated with the storage and use of water in the hotel. [56610] Khách sạn phải đảm bảo rằng việc kiểm tra an toàn định kỳ được thực hiện bởi Người có chuyên môn để xác định và giảm nguy cơ gây bệnh liên quan đến việc trữ và sử dụng nước trong khách sạn.

Guidelines Hướng Dẫn

• Hotels should consider the guidelines and procedures for legionella control on Merlin. [285245] khách sạn nên xem xét các hướng dẫn và quy trình kiểm soát khuẩn Legionella trên Merlin.

Legionella Information Thông tin Legionella https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/risk-management/health-and-safety

Water temperature at points of use must not exceed 52°C (125°F). [56605] Nhiệt độ nước tại các điểm sử dụng không được vượt quá 52°C.

Guidelines Hướng Dẫn

Water temperature at point of use should not fluctuate more than 5°C (10°F) once set. [606049] Nhiệt độ nước tại điểm sử dụng không được dao động quá 5°C sau khi mở nước.

Hot and cold water outlets should be clearly marked [285243] Ống nước nóng và lạnh nên được đánh dấu rõ ràng

Where operations require hot water to be distributed above 52°C (125°F) for control of legionella or for water hygiene purposes, a Risk Assessment should be carried out by a Recognised Expert to identify the controls in place to prevent scalding. [285244] Trong trường hợp các quy trình đòi hỏi nước nóng phải trên 52°C để kiểm nghiệm legionella hoặc cho mục đích vệ sinh nước, Đánh giá rủi ro phải được thực hiện bởi Chuyên gia có chứng nhận để xác định các biện pháp kiểm soát tại chỗ để phòng ngừa bỏng.

Electrical outlet in the following areas must be protected by Ground Fault Circuit Interrupters (GFCI)/Residual Current Devices (RCD) in the form of circuit breakers or protected outlets. [56630] Ổ cắm điện trong các khu vực sau phải được bảo vệ bằng Bộ ngắt mạch nối đất (GFCI)/Cầu dao chống rò điện (RCD) dưới dạng bộ ngắt mạch hoặc ổ cắm được bảo vệ.

Electrical outlets in recreational areas within 12m (40ft) of the edge of a swimming pool [56631] ổ cắm điện trong khu vực giải trí trong vòng 12m từ mép hồ bơi

Under water Swimming Pool lighting other than low voltage (<50V) lighting [56632] Chiếu sáng Bể bơi dưới nước mà không phải đèn điện áp thấp (<50V)

Exterior electrical outlets exposed to the weather elements or that are within 6m (20ft) of an external water source [56633] ổ cắm điện ngoài trời tiếp xúc với các yếu tố thời tiết hoặc trong phạm vi 6m từ nguồn nước ngoài trời

Ground Fault Circuit Interrupters (GFCI)/Residual Current Devices (RCD), in the form of circuit breakers or protected outlets, are required in interior areas within 1m (3ft) of a water source. [476086] Bộ ngắt mạch nối đất (GFCI)/Cầu dao chống rò điện (RCD), dưới dạng cầu dao hoặc ổ cắm được bảo vệ, được yêu cầu ở các khu vực trong trong phạm vi 1m của nguồn nước.

All windows must be provided with stops that meet the following requirements: [56514] Tất cả các cửa sổ phải được cung cấp chốt cửa an toàn đáp ứng các yêu cầu sau:

Limit the window opening to a maximum of 10cm (4in) [285220] Giới hạn mở cửa sổ tối đa 10cm

Operable only from inside the guest room [285221] Chỉ có thể vận hành từ bên trong phòng khách

Where window stops are prohibited, a warning sign in the local language(s) and English must be provided [56515] Nếu chốt chặn cửa sổ bị cấm, phải cung cấp một biển cảnh báo bằng (các) ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh

Guidelines Hướng Dẫn

An example of a warning sign is ’Attention! The windows in this room can open fully and guests with young children should exercise care’ [56516] Ví dụ về biển báo cảnh báo “Chú ý! Cửa ban công trong phòng này có thể mở hoàn toàn và khách có trẻ nhỏ nên cẩn thận”

Markings or features to make them easily visible must be included on the following: [56517] Đối với các mục sau phải có đánh dấu giúp thấy rõ:

Floor-to-ceiling windows [285222] cửa sổ từ sàn đến trần

**(Trang 46)**

Glass doors [285223] cửa kính

Glass walls [285224] tường kính

Guidelines Hướng Dẫn

Examples of markings or features include coloured lines, decals, patterns, signage crash bars and planters. [56518] Ví dụ về đánh dấu bao gồm các đường kẻ màu, đề can, họa tiết, thanh đẩy cửa và chậu cây.

Safety Glass must be used for all new and replacement glazed elements in the following: [56519] Kính an toàn phải được sử dụng khi lắp mới va thay thế kính trong các hạng mục sau:

Floor-to-ceiling windows [56520] cửa sổ sàn đến trần

Transparent doors [285225] cửa trong suốt

Transparent gates [285226] cổng trong suốt

Transparent walls [285227] tường trong suốt

Translucent doors [285228] cửa kính mờ

Translucent gates [285229] cổng kính mờ

Translucent walls [285230] tường kính mờ

To protect existing glazed elements anti-shatter film, a screen or a barrier may be used. [56521] Để bảo vệ kính hiện có, màng dán chống vỡ, khung trang trí hoặc rào chắn có thể được sử dụng.

Where a screen or barrier is provided it should be designed to be difficult to climb. [56522] Nếu sử dụng khung trang trí hoặc rào chắn, chúng phải được thiết kế để khó trèo.

Doors opening onto a balcony area must have a secondary device fitted to limit the initial opening of the balcony door. [56523] Cửa mở vào khu vực ban công phải có phụ kiện hạn chế mở cửa ban đầu.

Where secondary locking devices are prohibited, a warning sign, in the local language(s) and English, must be posted on the balcony door. [56524] Khi cấm các thiết bị khóa phụ, một cảnh báo, bằng (các) ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh, phải được dán trên cửa ban công.

For existing balcony constructions with no permanent barrier to prevent risk of falling , a sign, in the local language(s) and English, posted on the balcony door providing a warning must be provided. [606048] Đối với các công trình ban công hiện có không có lan can cố định để phòng ngừa nguy cơ té ngã, phải có một biển báo, bằng (các) ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh, dán trên cửa ban công .

Guidelines Hướng Dẫn

Located at a recommended minimum height of 1.8m (6ft) [285231] Khuyến nghị đặt ở độ cao tối thiểu 1,8m

An example of a warning sign is 'Attention! The balcony door in this room can open fully and guests with young children should exercise care’ [56516] Ví dụ về biển báo cảnh báo “Chú ý! Cửa ban công trong phòng này có thể mở hoàn toàn và khách có trẻ nhỏ nên cẩn thận”

In guest areas where there is a risk of falling from a height, a permanent Barrier must be provided that meets the following: [56526] Ở các khu vực cho khách có nguy cơ ngã từ cao, phải có lan can cố định đáp ứng các điều sau:

• Be at least 1.1m (3ft 6in) high [56528] Cao ít nhất 1,1m

Gaps or openings limited to 10cm (4in) or less [56529] Khoảng trống hoặc khe hở giới hạn từ 10cm trở xuống

Space to the sides and beneath the barrier must not exceed 10cm (4in) [285234] Khoảng cách sang hai bên và bên dưới lan can không được vượt quá 10cm (4in)

Non-climbable [285233] Không thể trèo qua

Securely fixed [56527] Cố định an toàn

Stable [285232] Ổn định

The following areas must have a Slip Resistant finish: Các khu vực sau phải có hoàn thiện chống trơn:

**(Trang 47)**

Bathroom floors [56531] Sàn phòng tắm

Showers [56533] Tắm sen

Hotels must implement one of the following in all bathtub locations: [56535] Khách sạn phải thực hiện một trong những điều sau đây tại tất cả các bồn tắm:

A Balance Bar securely installed to assist guests when entering and exiting the bathtub, designed to resist a single concentrated load anchored to withstand a force of 1.11kN (250lbsf) applied in any direction at any point on the Balance Bar. [56536] Thanh vịn được lắp đặt chắc chắn để hỗ trợ khách khi ra vào bồn tắm, được thiết kế để chống tải trọng trung và gắn sao cho chịu được lực 1,11kN theo bất kỳ hướng nào tại bất kỳ điểm nào trên thanh vịn.

A Slip Resistant bathtub [792048] Bồn tắm chống trơn trượt

A Slip Resistant impervious mat [792049] Một tấm thảm chống thấm chống trượt

Baby cots/cribs must meet the following minimum safety requirements: [56616] Cũi trẻ em phải đáp ứng các yêu cầu an toàn tối thiểu sau đây:

Must be durable [56617] Phải bền

Structurally sound [56618] Kết cấu vững chắc

No sharp or protruding fixings [56619] Không có cấu kiện nhô ra hoặc sắc nhọn

No removable plastic coverings [56620] Không có lớp bọc nilon có thể bóc ra

Cot/crib bars must be no less than 2.5cm (1in) and no more than 6cm (2in) apart [56622] Song cũi phải cách nhau không dưới 2,5cm và không quá 6cm

• The mesh weave must be less than 6mm (¼in) [56623] Lỗ lưới mesh phải nhỏ hơn 6 mm (¼in)

No corner posts extensions, steps, footholds or decorative cutouts in the head or foot boards. [56624] Không có góc chìa ra, bậc, chỗ đặt chân hoặc lỗ cắt trang trí trên các tấm vách đầu hay cuối cũi.

Drop down rail locking mechanism must be unreachable by the child or difficult for a child to release [56625] Cơ chế khóa thành cũi không được để trẻ có thể với tới hoặc phải khó mở đối với trẻ.

No rotating hinge in the centre of the top rails and top rail fasteners [56626] Không có mối nối xoay ở tâm thanh trên thành cũi và ở chốt thanh trên

Self-locking feature on folding cots/cribs [56627] Tính năng tự khóa đối với cũi gấp

Lockable wheels, where provided [56628] Nếu có bánh xe, bánh xe phải có khóa

Snug fitting mattress [63907] Nệm vừa khít

Non-toxic finish [285247] Hoàn thiện không độc hại

Mesh free of tears, holes or loose threads [285252] Lưới không rách, thủng hoặc có chỉ thừa

Guests must be able to call the following from their guest room telephone: [56629] Khách phải có thể gọi đến các máy như sau từ điện thoại trong phòng:

An on-site location that is permanently staffed [285256] Một vị trí trong khuôn viên khách sạn luôn có nhân viên trực

Local emergency services [285255] Đơn vị cứu hộ khẩn cấp địa phương

Doors leading into guest vending and laundry rooms must meet the following: [56640] Cửa dẫn vào phòng máy bán hàng cho khách và phòng giặt phải đáp ứng như sau:

• Include a view window with a minimum area of 60cm² (100in²) [56641] Bao gồm một cửa sổ nhìn ra ngoài với diện tích tối thiểu 60cm²

An un-switched or key switched lighting circuit is required [56644] Cần có một mạch chiếu sáng liên tục hoặc có công tắc

Lighting in guest vending and laundry rooms must remain on or automatically illuminate upon entrance into the room. [606050] Ánh sáng trong phòng máy bán hàng tự động và phòng giặt luôn phải bật hoặc phải tự động bật khi khách vào phòng.

Accessible Rooms must meet the following minimum safety requirements: [56733] Phòng cho người khuyết tật phải đáp ứng các yêu cầu an toàn tối thiểu sau đây:

Emergency lighting [56735] Chiếu sáng khẩn cấp

A delayed action door closer fitted to the guest room door [56734] Trang bị tay co giúp đóng chậm cửa phòng khách

**(Trang 48)**

Exterior areas, including but not limited to the following, must be illuminated during dark hours: [56658] Khu vực bên ngoài, bao gồm nhưng không giới hạn như sau, phải được chiếu sáng khi trời tối

[56658]

Parking areas [56659] khu đỗ xe

Steps [56661] Các bậc thang

Courtyards [56662] Sân trong

Driveways [63911] Đường lái xe

`In the event of a fire alarm being activated, lifts must automatically go to the Designated Floor Level. [56740] Trong trường hợp chuông báo cháy bị kích hoạt, thang máy phải tự động chuyển đến tầng được chỉ định.

• Doors must open to allow passengers to escape. [56742] Cửa phải mở để cho phép khách thoát ra ngoài.

Lifts must be provided with an alternative power supply which must be available immediately in the event of the normal power supply failing. [56744] Thang máy phải được cấp nguồn điện thay thế ngay lập tức trong trường hợp nguồn điện thường bị hỏng.

The lift car must return to a floor level. [56745] Cabin thang máy trở lại một tầng.

Doors must open when they reach the floor level allowing passengers to exit the elevator. [56746] Cửa phải mở khi cabin dừng ở tầng cho phép khách ra khỏi thang máy.

For all hotels where a lift is not provided with an alternative power supply in the event of the normal power supply failing, a contract must be in place with a lift maintenance company to provide a 24 hours a day, seven days a week service to release trapped people from the lift. [513052] Đối với tất cả các khách sạn mà thang máy không được cung cấp nguồn điện thay thế trong trường hợp nguồn điện bình thường bị hỏng, phải có hợp đồng với công ty bảo trì thang máy để cung cấp dịch vụ 24h/ngày, 7 ngày/tuần để giải cứu người kẹt trong thang máy.

Emergency lighting must be provided in the lift car. [56743] Ánh sáng khẩn cấp phải được cung cấp trong cabin thang máy.

Each lift is required to have a house telephone or intercom and meet the following requirements: [56752] Mỗi thang máy phải có điện thoại hoặc máy liên lạc nội bộ và đáp ứng các yêu cầu sau:

Connects directly to a permanently staffed location [289056] Kết nối trực tiếp đến một vị trí trong khuôn viên khách sạn luôn có nhân viên trực.

Calls must not be answered by an auto-attendant at any time [56753] Không được trả lời cuộc gọi bằng máy trả lời tự động bất cứ lúc nào

Guidelines Hướng Dẫn

A permanently staffed location includes a lift maintenance company with a facility to deal with emergencies 24 seven, seven days a week. [56754] Một vị trí luôn có nhân viên trực bao gồm một công ty bảo trì thang máy với cơ sở để ứng phó các trường hợp khẩn cấp 24/7, 7ngày/tuần

A sign must be provided adjacent to the call button(s) in lift lobbies and meet the following requirements: [56748] Một biển báo phải được cung cấp liền kề với (các) nút gọi trong sảnh thang máy và đáp ứng các yêu cầu sau:

Give a clear warning against the use of lifts in the event of fire [289052] Đưa ra cảnh báo rõ ràng về việc không sử dụng thang máy trong trường hợp hỏa hoạn

Pictograms are permitted [581071] Cho phép dùng biểu tượng

Where text is used it must be displayed in the local language(s) and English [56749] Trong trường hợp sử dụng văn bản, văn bản phải có (các) ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh

Clearly readable [56750] Dễ đọc

Protected from damage [289055] Bảo vệ khỏi hư hại

Professionally designed [289053] Thiết kế chuyên nghiệp

Professionally fabricated [289054] Sản xuất chuyên nghiệp

Guidelines Hướng Dẫn

• An example of suitable wording for the signage is: ’In the event of fire do not use the lift; use stairs’. [56751] Một ví dụ về cách diễn đạt phù hợp cho biển báo là: “Trong trường hợp hỏa hoạn không sử dụng thang máy; dùng thang bộ'.

First aid kits must be provided.

Phải cung cấp bộ dụng cụ sơ cứu.

**(Trang 49)**

Guidelines Hướng Dẫn

Kits should be provided in but are not limited to the following areas: front desk; kitchen; housekeeping; laundry; maintenance and engineering areas; chemical storage areas; security office. [63913] Bộ dụng cụ nên được cung cấp tại nhưng không giới hạn ở các khu vực sau: lễ tân; bếp; khu buồng phòng; giặt ủi; khu vực bảo trì và kỹ thuật; khu vực bảo quản hóa chất; văn phòng an ninh.

Human Resources Nhân sự

Human Resources -> General Manager Nhân sự -> Tổng Giám Đốc

Each hotel must have a General Manager. [5555] Mỗi khách sạn phải có một Tổng Quản lý.

Either a General Manager or a designated Manager must be on duty at all times. [5557] Tổng Quản lý hoặc Quản lý được chỉ định phải luôn luôn túc trực.

General Managers must only manage IHG® branded hotels. [13187] Tổng Quản lý chỉ phải quản lý các khách sạn mang thương hiệu IHG®.

All General Managers must complete the IHG® General Manager Programme Onboarding Level within the first six months of becoming an IHG General Manager. [5742] Tất cả các Tổng Quản lý phải hoàn thành Chương trình Tổng Quản lý IHG® Cấp độ đào tạo định hướng trong vòng sáu tháng đầu tiên sau khi trở thành Tổng Quản lý IHG.

GM Programme Chương trình Tổng Quản lý https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=040b2e72-187e-412c-be1b-e0c6a3c77eea

If the General Manager leaves the IHG system for more than one year and returns, they must complete the Onboarding Level of the IHG® General Manager Programme within the first six months of starting in the role. [5744] Nếu Tổng Quản lý rời khỏi hệ thống IHG trong hơn một năm và trở lại, họ phải hoàn thành Chương trình Tổng Quản lý IHG® Cấp độ đào tạo định hướng trong vòng sáu tháng đầu tiên kể từ khi bắt đầu làm việc.

If the General Manager changes IHG brands, they must complete the General Manager Brand Orientation and the brand-specific content of the online learning plans within the first three months of starting with the new brand. [5746] Nếu Tổng Quản lý thay đổi thương hiệu IHG, họ phải hoàn thành Đào tạo chuyển hướng Tổng Quản lý và nội dung cụ thể của thương hiệu trong chương trình học trực tuyến trong vòng ba tháng đầu tiên bắt đầu với thương hiệu mới.

If the General Manager changes IHG regions, they must complete any region-specific elements of the online learning plans and other learning as directed by IHG within the first three months of starting in the new region. [5747] Nếu Tổng Quản lý thay đổi vùng IHG, họ phải hoàn thành các nội dung cụ thể theo vùng của chương trình học trực tuyến và và các chương trình học khác theo chỉ dẫn của IHG trong vòng ba tháng đầu tiên bắt đầu ở khu vực mới.

Must attend a face to face General Manager Onboarding Learning Event. [792050] Phải tham dự trực tiếp sự kiện đào tạo định hướng của Tổng Quản lý.

A new hotel opening General Manager must complete the Onboarding Level within six months of opening the hotel, but must not attend a General Manager Onboarding Learning Event until three months after opening the hotel. [792051] Một Tổng Quản lý của khách sạn mới mở phải hoàn thành Cấp độ Đào Tạo Định Hướng trong vòng sáu tháng kể từ khi mở khách sạn, nhưng không được tham dự sự kiện học tập đào tạo của Tổng Quản lý cho đến ba tháng sau khi mở khách sạn.

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended that the General Manager selection guide is used to recruit all General Managers. [17748] Khuyến nghị nên sử dụng Hướng dẫn tuyển Tổng Quản lý nên để tuyển dụng tất cả các Tổng Quản lý.

The online learning stage of the programme should be started upon taking on the role. [35764] Giai đoạn học trực tuyến của chương trình nên được bắt đầu khi Tổng Quản lý bắt đầu đảm nhận công việc

General Managers will have the option of attending virtual General Manager Onboarding Learning Event sessions instead of the face to face General Manager Onboarding Learning Event as appropriate. [793049] Tổng Quản lý sẽ được tùy chọn tham dự các buổi Sự kiện Học tập Đào Tạo Tổng Quản lý qua mạng thay vì trực tiếp tham gia sự kiện sao cho phù hợp.

Human Resources -> Additional Mandatory Roles Các Vị trí Bắt buộc khác

A Duty Manager must be available at the hotel at all times. Luôn có một Quản lý ca trực tại khách sạn.

**(Trang 50)**

The Duty Manager must have the authority to resolve complaints and problems. [775] Quản lý ca phải có thẩm quyền giải quyết các khiếu nại và vấn đề.

If the Duty Manager does not speak English a colleague who does must be available on the property to be able to translate. [28964] Nếu Quản lý ca không nói tiếng Anh, một nhân viên phiên dịch luôn phải có mặt tại khách sạn.

A sales colleague (such as Director of Sales) must be employed to facilitate sales related functions. [5684] Một nhân viên bán hàng (chẳng hạn như Giám đốc bán hàng) phải được tuyển để hỗ trợ các công việc liên quan đến bán hàng.

Guidelines Hướng Dẫn

• This role may be combined with other job functions such as marketing where appropriate. [96000] Vai trò này có thể được kết hợp với các chức năng công việc khác như tiếp thị khi thích hợp.

There must be a Guest Experience Champion at each hotel. [754] Phải có một Quản lý Trải nghiệm Khách hàng tại mỗi khách sạn.

The individual designated as the Guest Experience Champion cannot also be the General Manager. 755] Cá nhân được chỉ định là Quản lý Trải nghiệm Khách hàng cũng có thể là Tổng Quản lý.

A new Guest Experience Champion must attend initial training within 90 days of starting the job or at the first available training date. [2672] Quản lý Trải nghiệm Khách hàng mới phải tham gia khóa đào tạo ban đầu trong vòng 90 ngày kể từ khi bắt đầu công việc hoặc vào ngày mở lớp đào tạo gần nhất.

The Guest Experience Champion or designated Training Manager must ensure Brand Service Training to new colleagues is implemented and completed within the first 60 days of their employment. [2671] Quản lý Trải nghiệm Khách hàng hoặc Quản lý Đào tạo được chỉ định phải đảm bảo thực hiện Đào tạo Dịch vụ Thương hiệu cho nhân viên và hoàn thành trong vòng 60 ngày đầu tiên nhân viên bắt đầu làm việc.

The Guest Experience Champion or designated Training Manager must ensure all Brand Service Training undertaken in the hotel is implemented and completed. [29166] Quản lý Trải nghiệm Khách hàng hoặc Quản lý Đào tạo được chỉ định phải đảm bảo rằng nội dung Đào tạo Dịch vụ Thương hiệu được thực hành và hoàn thành trong khách sạn.

This role can be combined with other job functions. [29368] Vai trò này có thể được kết hợp với các chức năng công việc khác.

An IHG® Loyalty Champion must be nominated in each hotel. [756] Quản lý CLB Khách hàng Thân thiết IHG® phải được đề cử ở mỗi khách sạn.

IHG® Rewards Club Reference Guide Hướng dẫn tham khảo về CLB Khách hàng Thân thiết IHG® https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=dc1c4a5e-f7a1-45c8-a9d0-d0f8a37c1600

They must be nominated and trained no later than 14 days prior to the hotel opening. [757] Những người này phải được đề cử và đào tạo không muộn hơn 14 ngày trước khi khai trương khách sạn.

They must be assigned on IHG® Rewards Club Source by the General Manager (or their nominated delegate). [758] Họ phải được Tổng Quản lý (hoặc người được ủy quyền) chỉ định trên Nguồn CLB Khách hàng Thân thiết IHG®.

They must complete all required IHG® Rewards Club and IHG® Loyalty Champion training within 14 days of being nominated. [760] Họ phải hoàn thành tất cả các khóa đào tạo CLB Khách hàng Thân thiết IHG® và Quản lý CLB Khách hàng Thân thiết IHG® cần thiết trong vòng 14 ngày kể từ khi được đề cử.

They must complete the IHG® Loyalty Champion Profile on Champions Corner. [759] Họ phải hoàn thành Hồ sơ IHG® Loyalty Champion trên Champions Corner.

They must attend scheduled Champion webinar sessions. [761] Họ phải tham dự các buổi hội thảo trực tuyến Champion theo lịch định sẵn.

If the IHG® Loyalty Champion stops working at a hotel, the General Manager must nominate a new IHG® Loyalty Champion within 14 days of the departure of the previous IHG® Loyalty Champion. [762] Nếu Quản lý CLB Khách hàng Thân thiết ngừng làm việc tại khách sạn, Tổng Giám đốc phải đề cử người mới trong vòng 14 ngày kể từ ngày Quản lý CLB Khách hàng Thân thiết tiền nhiệm rời đi.

Guidelines Hướng Dẫn

• In larger hotels two Loyalty Champions may be nominated per hotel. [763] Trong các khách sạn lớn hơn, hai Quản lý CLB Khách hàng Thân thiết có thể được đề cử cho mỗi khách sạn.

An IHG® Loyalty Champion must carry out the following duties: [764] Quản lý CLB Khách hàng Thân thiết phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

IHG® Rewards Club Reference Guide Hướng dẫn tham khảo về CLB Khách hàng Thân thiết IHG® https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=dc1c4a5e-f7a1-45c8-a9d0-d0f8a37c1600

Monitoring IHG® Rewards Club standards performance [765] Giám sát hiệu suất tiêu chuẩn CLB Khách hàng Thân thiết IHG®

Managing enrolment programmes [766] Quản lý chương trình đăng ký thành viên mới

Ensuring all Front Desk and new colleagues complete IHG® Rewards Club training [767] Đảm bảo tất cả Lễ tân và các nhân viên mới hoàn thành khóa đào tạo CLB Khách hàng Thân thiết IHG®

**(Trang 51)**

Ensuring consistent delivery of IHG® Rewards Club member benefits at the hotel [768] Đảm bảo cung cấp nhất quán các lợi ích thành viên IHG® Rewards Club tại khách sạn

Human Resources -> Management Training Đào Tạo Quản Lý

If a Departmental Head leaves the IHG® system for one year or more, they must re-complete departmental training when they return. [785] Nếu một Trưởng bộ phận rời khỏi hệ thống IHG® từ một năm trở lên, họ phải hoàn thành lại khóa đào tạo cấp bộ phận khi trở về.

IHG Frontline Tiền tuyến IHG https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/init-ihg-frontline/home

IHG True Hospitality Service Skills Kỹ Năng Dịch Vụ Khách Sạn Thực Sự của IHG https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/init-brand-service-programme/home

New Directors of Sales (or equivalent sales roles) must participate in IHG® Sales Professional Onboarding training and Solution Selling training. [5680] Giám đốc bán hàng mới (hoặc vai trò bán hàng tương đương) phải tham gia vào khóa đào tạo Bán hàng Solution Selling và bán hàng chuyên nghiệp của IHG®.

myLearning - Search Sales Onboarding Modules 1 & 2 Mô đun đào tạo bán hàng 1 & 2

myLearning - Search Solution Selling Bán Giải pháp

IHG® Sales Professional Onboarding web-based learning modules must be completed within 30 days of employment. [5681] Các module học trên web Đào tạo Bán hàng Chuyên nghiệp IHG® phải được hoàn thành trong vòng 30 ngày làm việc.

IHG® Way of Sales Solution Selling instructor-led sales training must be successfully completed within six months of employment or within the brand's defined timeframe. [45588] Chương trình đào tạo Phương thức Bán hàng IHG Bán Giải pháp có giảng viên dẫn dắt được hoàn thành thành công trong vòng sáu tháng làm việc hoặc trong khung thời gian xác định của thương hiệu.

Human Resources -> Colleague Training

Đào tạo nhân viên

Colleagues working in areas where business services are available must be trained on equipment and software provided. [62875] Nhân viên làm việc trong các khu vực cung cấp dịch vụ doanh nghiệp phải được đào tạo về thiết bị và phần mềm được cung cấp.

Guidelines Hướng Dẫn

Colleagues working in areas where business services are available should be proficient in helping guests to connect and use personal devices. [62876] Nhân viên làm việc trong các khu vực cung cấp dịch vụ doanh nghiệp nên thành thạo trong việc giúp khách kết nối và sử dụng các thiết bị cá nhân.

On their first day of work, new colleagues must receive training on health & safety, security and emergency procedures. [792] Vào ngày đầu tiên đi làm, các nhân viên mới phải được đào tạo về các quy trình về sức khỏe & an toàn, an ninh và khẩn cấp.

Documented evidence of completed training must be maintained. [793] Lưu giữ bằng chứng tài liệu huấn luyện đã hoàn thành.

All colleagues must complete required departmental training within the first 14 days of employment. [794] Tất cả các nhân viên phải hoàn thành đào tạo cấp bộ phận cần thiết trong vòng 14 ngày đầu tiên làm việc.

IHG Frontline Tiền tuyến IHG https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/init-ihg-frontline/home

IHG True Hospitality Service Skills Kỹ Năng Dịch Vụ Khách Sạn Thực Sự của IHG https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/init-brand-service-programme/home

Guidelines Hướng Dẫn

Departmental training may include but is not limited to uniform requirements, an overview of the hotel and each department’s operation, the IHG® Brand Orientation eLearning module, appropriate hotel and/or management company information, individual job description and performance expectations etc. [15066] Việc đào tạo tại các bộ phận có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở các yêu cầu về đồng phục, tổng quan về khách sạn và hoạt động của từng bộ phận, mô-đun eLearning Định hướng Thương hiệu IHG®, thông tin về khách sạn và/hoặc đơn vị vận hành phù hợp, mô tả công việc cá nhân và kỳ vọng về hiệu quả công việc, v.v.

The following training must be completed by all hotel colleagues: Tất cả các nhân viên khách sạn phải hoàn thành đào tạo sau:

Hotel Orientation [67922] Định hướng trong khách sạn

All colleagues must complete the following: [798] Tất cả các nhân viên phải hoàn thành những chương trình sau đây:

Brand Service Training (includes True Hospitality Service Skills) [803088] Đào tạo Dịch vụ Thương hiệu (bao gồm Kỹ Năng Dịch Vụ Khách Sạn Thực Sự)

True Hospitality Service Skills Kỹ năng Dịch vụ Khách sạn Thật sự https://mylearning.ihg.com/Saba/Web\_wdk/NA3P1PRD0094/index/prelogin.rdf?spfUrl=%2FSaba%2FWeb\_spf%2FNA3P1PRD0094%2Fcommon%2Flearningeventdetail%2Fcurra000000000004154

Brand Orientation [803089] Định hướng thương hiệu

Brand Orientation Training Đào tạo định hướng thương hiệu https://mylearning.ihg.com/Saba/Web\_wdk/NA3P1PRD0094/index/prelogin.rdf?spfUrl=%2FSaba%2FWeb\_spf%2FNA3P1PRD0094%2Fcommon%2Fsearchresults%2FBrand%2BOrientation%2FALL

All General Managers, Department Heads and colleagues must complete any updated Brand Orientation and Brand Service Training within the first 90 days of it being made available. [681127] Tất cả các Tổng Quản lý, Trưởng Bộ phận và nhân viên phải hoàn thành bất kỳ Chương trình đào tạo Dịch vụ Thương hiệu và Định hướng Thương hiệu nào mới được cập nhật trong vòng 90 ngày đầu tiên kể từ khi chương trình được ban hành.

All General Managers, Department Heads and colleagues must complete Brand Orientation Training within the first 14 days of employment. [799] Tất cả các Tổng Quản lý, Trưởng Bộ phận và nhân viên phải hoàn thành chương trình Đào tạo Định hướng Thương hiệu trong vòng 14 ngày đầu tiên làm việc.

Documented evidence of completed training must be maintained. [23221] Lưu giữ bằng chứng ghi nhận hoàn thành đào tạo.

All General Managers, Department Heads and colleagues must complete Brand Orientation Training within the first 14 days and Brand Service Training within the first 60 days of re-employment after a break of greater than 12 months from the role. [97068] Tất cả các Tổng Quản lý, Trưởng Bộ phận và nhân viên phải hoàn thành Đào tạo Định hướng Thương hiệu trong vòng 14 ngày đầu tiên và Đào tạo Dịch vụ Thương hiệu trong vòng 60 ngày đầu tiên làm việc lại sau khi nghỉ hơn 12 tháng.

All General Managers, Department Heads and colleagues must complete Brand Service Training within the first 60 days of employment. [799] Tất cả các Tổng Quản lý, Trưởng Bộ phận và nhân viên phải hoàn thành chương trình Đào tạo Dịch vụ Thương hiệu trong vòng 14 ngày đầu tiên làm việc.

The General Manager and/or their delegate and all Front Desk colleagues must be trained to operate the Property Management System (PMS). [795] Tổng Quản lý và/hoặc người được ủy quyền và tất cả các nhân viên của Bộ phận tiền sảnh phải được đào tạo để vận hành Phần mềm Quản lý Khách sạn (PMS).

The General Manager and/or their delegate and at least one Front Desk colleague must be trained prior to the opening date of the hotel. [796] Tổng Quản lý và/hoặc người được ủy quyền và ít nhất một nhân viên Lễ tân phải được đào tạo trước ngày khai trương của khách sạn.

At least one colleague trained to operate the Property Management System (PMS) must be on duty in the hotel 24 hours a day. [797] Ít nhất một nhân viên được đào tạo sử dụng Phần mềm Quản lý Khách sạn (PMS) phải trực trong khách sạn 24 giờ một ngày.

All colleagues with access to Personal Data and credit card data must participate in training on keeping such information secure. [7009] Tất cả các nhân viên có quyền truy cập vào Dữ liệu cá nhân và dữ liệu thẻ tín dụng phải tham gia đào tạo về việc bảo mật thông tin các thông tin này.

Documented evidence of completed training must be maintained. [7010] Lưu giữ bằng chứng ghi nhận hoàn thành đào tạo.

Training must be carried out within the first 14 days of employment. [7011] Đào tạo phải được thực hiện trong vòng 14 ngày đầu tiên làm việc.

Refresher training must be carried out at least annually. [7012] Đào tạo củng cố phải được thực hiện ít nhất hàng năm.

Guidelines Hướng Dẫn

• Recommended training on Personal Data and credit card data. [641048] Chương trình đào tạo được đề xuất về Dữ Liệu Cá Nhân và dữ liệu thẻ tín dụng.

PCI - Understanding PCI Compliance Hiểu Tiêu chuẩn PCI

PCI Compliance - Best Practices for Hotel Management Tuân thủ tiêu chuẩn PCI - Phương pháp thực hành tốt nhất

Handling Credit Cards Securely - Xử lý vấn đề an ninh thẻ tín dụng

Information Security - An ninh thông tin

Front Desk colleagues must be trained to deliver the Branded Check in guest experience. Nhân viên Lễ tân phải được đào tạo để cung cấp Trải nghiệm check-in thương hiệu.

**(Trang 53)**

Colleagues must acknowledge arriving guests in the queue, at a minimum, with a smile and eye contact. [23280] Nhân viên tối thiểu phải xác nhận với khách là đã biết họ đang đợi với một nụ cười và nhìn vào mắt.

Where guests have been queueing, the colleague must thank them for waiting. [25807] Trường hợp khách xếp hànglâu , nhân viên phải cảm ơn họ vì đã chờ.

Where the guest has had to wait before checking in or out, the colleague must apologise for the delay. [50329] Trường hợp khách phải đợi trước khi nhận hoặc trả phòng, nhân viên phải xin lỗi vì sự chậm trễ.

General Managers and Front Desk colleagues must complete IHG® Rewards Club training within 90 days of commencement of employment. [10263] Tổng Quản lý và nhân viên Bộ phận Lễ tân phải hoàn thành khóa đào tạo CLB Khách hàng Thân thiết IHG® trong vòng 90 ngày kể từ khi bắt đầu việc làm

IHG® Rewards Club Training Đào tạo về CLB Khách hàng Thân thiết IHG® https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=e77039e4-0707-4ed5-ae64-67068be07ee2

Guidelines Hướng Dẫn

All other guest facing colleagues should complete IHG® Rewards Club training within 90 days of commencement of employment. [10369] Tất cả các nhân viên khác làm việc trực tiếp với khách phải hoàn thành khóa đào tạo CLB Khách hàng Thân thiết IHG® trong vòng 90 ngày kể từ khi bắt đầu làm việc.

General Managers and Front Desk colleagues must complete IHG® Rewards Club refresher and on-going training upon notification from IHG. [10370] tổng Quản lý và nhân viên Bộ phận lễ tân phải hoàn thành chương trình đào tạo nhắc lại và đào tạo tiếp tục CLB Khách hàng Thân thiết IHG® khi nhận được thông báo từ IHG.

IHG® Rewards Club Training Đào tạo về CLB Khách hàng Thân thiết IHG® https://myfederate.ihg.com/idp/startSSO.ping?PartnerSpId=https%3A%2F%2Fmyfederate.ihg.com&TargetResource=HTTPS://me2.ihgmerlin.com/web/hotel-solutions/solution-detail?solution-uuid=e77039e4-0707-4ed5-ae64-67068be07ee2

Guidelines Hướng Dẫn

All other guest facing colleagues should complete IHG® Rewards Club refresher and on-going training upon notification from IHG. [10369] Tất cả các nhân viên khác làm việc trực tiếp với khách phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng và đào tạo liên tục của IHG® Rewards Club ® khi nhận được thông báo từ IHG.

Kids Eat Free menu training must be completed by all Food & Beverage colleagues. [300050] Đào tạo về Thực đơn miễn phí cho trẻ em phải được hoàn thành bởi tất cả các nhân viên F&B.

Documented evidence of completed training must be maintained. [300051] Lưu giữ bằng chứng ghi nhận hoàn thành đào tạo.

Make a booking Đặt phòng

Guests must be able to make room reservations 24 hours per day, seven days per week. [62502] Khách phải có thể đặt phòng 24 giờ mỗi ngày, bảy ngày mỗi tuần.

At the end of the reservation call, colleagues must offer to make further reservations via IHG® booking channels for the guest at any other IHG® hotel and then thank them for choosing the Holiday Inn® brand. [62506] Khi kết thúc cuộc gọi đặt phòng, các nhân viên phải đề xuất đặt phòng thêm qua các kênh đặt phòng IHG® cho khách ở bất kỳ khách sạn IHG® nào khác và sau đó cảm ơn họ vì đã chọn thương hiệu Holiday Inn®.

Colleagues must allow guests to hang up first. [62509] Nhân viên phải để khách cúp máy trước.

Colleague must have knowledge of all associated facilities and hours of operation. [62510] Nhân viên phải có kiến thức về tất cả các cơ sở liên quan và giờ hoạt động.

When a phone call must be put on hold, the colleague must advise the caller and tell them the expected waiting time. [44286] Khi phải giữ máy một cuộc gọi, nhân viên phải thông báo cho người gọi và cho họ biết thời gian chờ dự kiến.

The reservation confirmation and/or cancellation number must be provided to the guest using their preferred method of communication. [23274] Việc xác nhận và/hoặc hủy mã số phòng đặt của khách phải được thực hiện thông qua phương thức liên lạc ưa thích của họ

Guaranteed reservations for connecting rooms must be pre-assigned during the reservation process.

[20229] Đặt phòng đảm bảo cho các phòng connecting phải được xác định trong quá trình đặt phòng.

Guaranteed reservations for accessible rooms must be pre-assigned during the reservation process.

[37239] Đặt phòng cho người khuyết tật phải được xác định trong quá trình đặt phòng.

Guaranteed reservations must be held until Check out time the next day. [86] Phải giữ đặt phòng đảm bảo cho đến giờ Check out ngày hôm sau.

An advance deposit procedure must be in place. Phải có quy trình đặt cọc.

**(Trang 54)**

An advance deposit cancellation policy must be listed in the Central Reservation System (CRS), referred to as the Guest Reservation System (GRS) or HOLIDEX® Plus (and including IHG Concerto™). [65] Chính sách hủy đặt cọc trước phải được liệt kê trong Hệ thống đặt phòng trung tâm (CRS), được gọi là Hệ thống đặt phòng khách (GRS) hoặc HOLIDEX® Plus (và bao gồm cả IHG Concerto ™).

Advance deposits must not exceed the room rate, including tax, and can only be taken for up to 99 nights. [66] Tiền đặt cọc trước không được vượt quá giá phòng, bao gồm thuế và chỉ được phép yêu cầu đặt cọc với thời gian lưu trú tối đa 99 đêm.

Advance deposits must be paid directly to the destination hotel. [67] Tiền đặt cọc trước phải được thanh toán trực tiếp cho khách sạn đích.

Reservations pre-payments through all IHG® approved methods of payment must be accepted. [68] Phải chấp nhận thanh toán đặt phòng trước thông qua tất cả các phương thức thanh toán được IHG® phê duyệt.

An advance deposit policy must refund any guest prepayment if the cancellation is received before the destination hotel cancellation deadline time on the arrival date. [69] Chính sách đặt cọc trước phải hoàn trả bất kỳ khoản trả trước nào của khách nếu nhận được yêu cầu hủy trước thời hạn hủy đặt phòng vào ngày đến.

When closing a converted reservation call, the colleague must acknowledge the guest's future visit. [2287] Khi cúp máy cuộc gọi đặt chỗ đã chốt, nhân viên phải xác nhận việc lưu trú trong tương lai của khách.

[2287]

Guidelines Hướng Dẫn

• A closing similar to "we look forward to welcoming you to our hotel" should be used. [29001] Nên sử dụng một câu kết thúc tương tự như "chúng tôi mong được chào đón bạn tại khách sạn của chúng tôi"

Non-guaranteed reservations must be held until hotel cancellation deadline time. [23283] Phải giữ những đặt phòng không đảm bảo cho đến hạn hủy phòng của khách sạn.

Before I arrive Trước khi đến

Guest requests and preferences must be reviewed no later than the day prior to arrival. [62523] Yêu cầu và ưu tiên của khách phải được xem xét không muộn hơn ngày trước khi khách đến.

If a guest’s preferences cannot be accommodated colleagues must inform the guest before they arrive or, if contact details are not available, during Check in. [62525] Nếu không thể cung cấp dịch vụ khách ưu tiên theo yêu cầu, nhân viên phải thông báo cho khách trước khi họ đến hoặc, nếu không có thông tin liên lạc, thông báo khi khách check in.

Before I arrive -> Welcome desk Bàn Lễ tân

Where an offsite welcome desk is provided, the following must be offered: [60120] Trường hợp cung cấp bàn tiếp đón ngoài trời, phải cung cấp như sau:

A mini fridge stocked with cold bottled water. [60121] Một tủ lạnh mini với nước lạnh đóng chai.

A supply of bottled water at room temperature. [60122] Cung cấp nước đóng chai ở nhiệt độ phòng.

Factory-sealed [60123] Đóng kín như khi xuất khỏi nhà máy

Bottled water must be between 200ml and 600ml (6.7fl oz and 20.2fl oz). [60124] Nước đóng chai từ 200ml đến 600ml

Bottled water must be Holiday Inn Resort® branded, either by label or water bottle tag. [163083] Nước đóng chai mang thương hiệu Holiday Inn Resort®, ghi trên nhãn hoặc tag chai nước.

Brand Central Path for artwork files\_Sample water bottle security label sticker Brand Central Path cho các file hình ảnh\_Sample nhãn dán an toàn cho chai nước

Sample water bottle security label sticker Sample nhãn dán an toàn cho chai nước

Hotel brochures must be available [60125] Brochure khách sạn phải có sẵn

Guidelines Hướng Dẫn

• Bottled water size is recommended to be a minimum of 500ml (16.9fl oz) [567048] Kích thước nước đóng chai được khuyến nghị là tối thiểu 500ml

Where offsite welcome desks are provided, peak times must be identified and staffing solutions put in place during these times. [37250] Khi cung cấp bàn tiếp đón ngoài trời, phải xác định giờ cao điểm và có kế hoạch bố trí nhân sự trong thời gian này.

Offsite welcome desks must be clean, well presented and free of clutter at all times [89] Bàn tiếp tân bên ngoài luôn luôn phải sạch sẽ, gọn gàng, được trình bày cẩn thận.

**(Trang 55)**

Before I arrive -> Transportation Dịch vụ vận chuyển

Guests must be well informed when picked up by hotel branded transportation. [37264] Khách phải được thông báo đầy đủ thông tin khi được đưa đón bằng phương tiện của thương hiệu khách sạn.

The destination hotel must be confirmed to the guest as they board and an estimated journey time must be provided. [37267] Phải xác nhận khách sạn điểm đến với khách khi họ lên xe và thông báo thời gian hành trình ước tính.

The driver must be knowledgeable about the surrounding area, the airport terminals, departures and arrivals and transport schedule times. [37271] Người lái xe phải có nắm được thông tin về khu vực xung quanh, các nhà ga sân bay, lịch khởi hành, hạ cánh và thời gian khách cần dịch vụ vận chuyển.

On arrival at the hotel, the driver must direct the guest to the front desk. [37273] Khi đến khách sạn, tài xế phải hướng khách đến quầy lễ tân.

A hand-written sign is not permitted. [367419] Không chấp nhận biển báo viết tay.

Guests at all properties designated as Airport or Airport area hotels must be able to access door-to-door transportation (where local airport regulations permit) to and from the airport. [103] Khách tại tất cả các khách sạn được chỉ định là khách sạn tại Sân bay hoặc khách sạn thuộc khu vực Sân bay phải có thể di chuyển trực tiếp giữa sân bay đến khách sạn (nếu quy định của sân bay địa phương cho phép) khi đến và đi từ sân bay.

Transport must be provided for a minimum of nine hours per day, which must include peak hours. [104] Dịch vụ vận chuyển phải được cung cấp tối thiểu chín giờ mỗi ngày, trong đó phải bao gồm giờ cao điểm.

When offering this service during regular pick up times, the guest must be notified of the approximate wait time for transportation when they call. [105] Khi cung cấp dịch vụ này trong thời gian đón khách thường xuyên, khách phải được thông báo về thời gian chờ ước tính để vận chuyển khi họ gọi.

Transportation must be provided every 30 minutes or appropriate to peak times. [106] Cứ sau 30 phút phải có một lượt xe hoặc sao cho phù hợp trong giờ cao điểm.

Transport arrangements for wheelchair users must also be provided. [107] Phải có bố trí để đưa đón người sử dụng xe lăn.

Schedules must be clearly displayed in the hotel lobby. [108] Lịch trình phải được hiển thị rõ ràng trong sảnh khách sạn.

Information about transport must be accessible to guests at all times. [35765] Thông tin về dịch vụ vận chuyển luôn sẵn sàng khi khách cần biết.

Where signage is used at the airport, it must be professionally prepared, displaying the hotel logo and locater name. [11624] Trường hợp sử dụng biển hiệu tại sân bay, biển phải được chuẩn bị chuyên nghiệp, có logo khách sạn và tên khách cần đón.

Vehicles of a suitable size must be arranged that can accommodate all members of the group. [62541] Phải bố trí xe có kích thước phù hợp để có thể chở tất cả các thành viên trong nhóm.

A hand-written sign is not permitted. [27568] Cấm sử dụng biển tên viết tay.

Guidelines Hướng Dẫn

• Hand-held electronic or printed signage should be used at the airport. [860052] Tại sân bay nên được sử dụng bảng tên điện tử cầm tay hoặc bảng tên in.

• Hours of service do not have to be continuous, they can be split to meet peak hours. [109] Giờ phục vụ không cần liên tục mà có thể tách ra đáp ứng giờ cao điểm.

• Third parties may provide this service. [110] bên thứ ba có thể cung cấp dịch vụ này.

• The airport shuttle should be maintained at a comfortable temperature. [13726] Xe đưa đón sân bay nên được duy trì ở nhiệt độ thoải mái.

• Where possible, schedules should be clearly displayed at the airport. [14401] Nếu có thể, lịch trình nên được hiển thị rõ ràng tại sân bay.

The following must be offered to every guest using an airport hotel vehicle: [61922] Những điều sau đây phải được cung cấp cho mọi khách sử dụng xe của khách sạn tại sân bay:

Bottled water must be between 200ml and 600ml (6.7fl oz and 20.2fl oz). [61927] Nước đóng chai từ 200ml đến 600ml

Factory-sealed [61926] Đóng kín như khi xuất khỏi nhà máy

Cold bottled water stocked in a cooling box. [61924] Nước đóng chai lạnh trữ trong một hộp làm mát.

A supply of bottled water at room temperature. [61925] Nước đóng chai ở nhiệt độ phòng.

Bottled water must be Holiday Inn Resort® branded, either by label or water bottle tag. [163099] Nước đóng chai mang thương hiệu Holiday Inn Resort®, ghi trên nhãn hoặc tag chai nước.

Brand Central Path for artwork files\_Sample water bottle security label sticker Brand Central Path cho các file hình ảnh\_Sample nhãn dán an toàn cho chai nước

Sample water bottle security label sticker Mẫu nhãn hiệu an toàn bình nước

**(Trang 56)**

Guidelines Hướng Dẫn

It is recommended to provide mints inside the car. [567051] Nên cung cấp kẹo bạc hà trong xe.

Bottled water size is recommended to be a minimum of 500ml (16.9fl oz) [571048] Kích thước nước đóng chai nên tối thiểu 500ml

Fresh cold towel can be offered. [61929] Có thể cung cấp khăn ướt mát.

All hotel vehicles must be clean and well maintained at all times. [93] Tất cả các xe của khách sạn luôn phải sạch sẽ và được bảo trì tốt.

Rubbish must be removed from the vehicle at the end of every trip. [23278] Rác phải được dọn khỏi xe vào cuối mỗi chuyến đi.

Guidelines Hướng Dẫn

• Hotel vehicles should be cleaned on the inside and the outside at least once per week. [95] Xe của khách sạn nên được làm sạch bên trong và bên ngoài ít nhất một lần mỗi tuần.

Hotel vehicles used for guest transportation must meet the following: [62526] Xe khách sạn để vận chuyển khách phải đáp ứng như sau:

Must display Holiday Inn® branding. [385068] Phải có dấu hiệu của thương hiệu Holiday Inn®.

Only branded hotel information can be provided in the vehicle [385070] Chỉ có thể cung cấp thông tin khách sạn trong xe

Third party promotional material is not permitted. [385071] Không cho phép ấn phẩm quảng cáo của bên thứ ba.

The driver must welcome incoming guests and thank departing guests. [385072] Tài xế phải chào khách đến và cảm ơn khách khi rời đi.

Destination and estimated journey time must be confirmed. [385073] Phải xác nhận điểm đến và thời gian hành trình ước tính.

At the end of each trip the driver must check for the guest's left luggage and personal belongings. [385074] Vào cuối mỗi chuyến đi, tài xế phải kiểm tra liệu khách có quên hành lý và đồ dùng cá nhân.

Arrival Đến nơi

Arrival -> Service expectations Kỳ vọng về dịch vụ

The main entrance must be manned at a minimum from 07:00 to 23:00 [50309] Lối vào chính phải có người trực tối thiểu từ 07:00 đến 23:00

Welcome the guest to the hotel using the hotel name. [50913] Chào đón khách đến bằng tên của khách sạn

Offer luggage assistance to all guests. [50914] Đề nghị giúp đỡ tất cả các khách với hành lý.

Where luggage assistance is accepted, colleagues must provide guests with a luggage ticket/tag. [50915] Khi khách đồng ý hỗ trợ với hành lý, nhân viên phải cung cấp thẻ hành lý cho khách.

Hotel doors must be opened and guests directed to the lobby. [50916] Phải mở cửa khách sạn và hướng dẫn khách vào lobby.

If a guest has to wait for service, colleagues must apologise and thank them for their patience. [819] Nếu khách phải chờ để được phục vụ, nhân viên phải xin lỗi và cảm ơn vì họ đã dành thời gian đợi.

Guests must be offered assistance with luggage. [50330] Khách phải được hỗ trợ mang vác hành lý.

Where luggage assistance is accepted, colleagues must provide guests a luggage ticket. [95215] Khi khách đồng ý hỗ trợ với hành lý, nhân viên phải cung cấp thẻ hành lý cho khách.

Guidelines Hướng Dẫn

• Colleagues should be trained in how to handle guest luggage. [50926] nhân viên nên được đào tạo về cách xử lý hành lý của khách.

Luggage must not be handed over to guests without positive identification. [708] Hành lý không được giao cho khách mà không có xác nhận danh tính.

Luggage must be stored and secured in a locked room. [64230] Hành lý phải được cất giữ đảm bảo trong một phòng khóa.

Guests must be able to store luggage for up to 30 days. [64231] Khách phải có thể gửi hành lý trong tối đa 30 ngày.

**(Trang 57)**

A luggage storage log book must be in place. [64232] Phải có sổ ghi chép lưu trữ hành lí tại chỗ.

Guidelines Hướng Dẫn

• Recommended to use differentiated tags for individual and group luggage. [64233] Đề nghị sử dụng các thẻ hành lý khác biệt cho hành lý khách cá nhân và khách đoàn.

Arrival -> Exterior Bên ngoài

Arrival -> Exterior -> General Thông tin Chung

The hotel must be screened against excessive noise and undesirable views of neighbouring properties. [57882] Khách sạn phải chống lại tiếng ồn không cần thiết và tầm nhìn không mong muốn của các tòa nhà lân cận.

Guidelines Hướng Dẫn

Screening against railways, highways, industrial sites, apartment complexes and residential neighbourhoods is recommended. [57885] Nên che tầm nhìn ra đường sắt, đường cao tốc, khu công nghiệp, tổ hợp khu chung cư và khu dân cư.

Perimeter walls should not be left exposed but screened with planting. [76623] Tường bao không nên để lộ mà che bằng cây cối.

Hard and/or soft landscaping must be provided within the property boundary and must meet the following: [12271] Cảnh quan cứng và/hoặc mềm phải được cung cấp trong phạm vi khách sạn và phải đáp ứng các điều sau:

Must not obstruct views of driving lanes or building entrances from vehicles. [76497] Không được cản trở tầm nhìn từ xe trên đường chạy xe hoặc từ xe tới lối vào các tòa nhà

Earth slopes exceeding 2:1 must be stabilised. [57608] Độ dốc vượt quá 2:1 phải được ổn định.

Site and building drainage must be designed so it does not cross pedestrian pathways and patios. Hệ thống thoát nước trong khuôn viên và tòa nhà phải được thiết kế sao cho không cắt qua lối đi bộ và sân hiên.

[57610]

Guidelines Hướng Dẫn

Landscape design should consider vehicle and pedestrian circulation, minimize safety concerns along pathways and at building entrances. [57614] Thiết kế cảnh quan nên cân nhắc cả lưu thông xe cộ và người đi bộ, giảm thiểu các nguy cơ mất an toàn trên lối đi và tại các lối vào tòa nhà.

Planting should be selected to suit the climate, location and minimise maintenance requirements. [57612] Cây cối nên được lựa chọn cho phù hợp với khí hậu, khu vực và giảm thiểu yêu cầu bảo trì.

At a minimum, landscaping should be focused near the main entrance, secondary entrances and in front of the porte cochere. [57618] Ở mức tối thiểu, cảnh quan nên được tập trung gần lối vào chính, lối vào phụ và phía trước mái sảnh.

Deciduous trees should not be planted near water features. [57622] Cây rụng lá không nên được trồng gần các khu có nước.

Mulch beds should be provided around all trees. [57616] Nên có bồn đất xung quanh tất cả các cây.

Irrigation should be considered. [57620] Cân nhắc cả vấn đề tưới nước.

Gardens and landscaping must be free from litter and well presented. [127] Vườn và cảnh quan phải sạch rác và được chăm sóc tốt.

A designated smoking area must be provided outdoors for guests. [21229] Một khu vực hút thuốc ngoài trời phải được cung cấp cho khách.

Ash receptacles must be provided in the immediate areas. [21231] thùng đựng tàn thuốc phải được cung cấp ngay gần đó.

Guidelines Hướng Dẫn

Where possible, area should be a minimum of 7.5m (25ft) away from entrances, operable windows and ventilation systems. [22323] Nếu có thể, khu vực này nên cách các lối vào, cửa sổ có thể mở và hệ thống thông gió tối thiểu 7.5m.

Should be located to provide convenient access for smoking guests, and far enough away from entry doors, so as to not offend non-smoking guests. [68498] Nên được đặt ở vị trí thuận tiện cho khách hút thuốc, và đủ xa cửa ra vào để không làm phiền khách không hút thuốc.

Access must be provided to clean and maintain the façade and windows. [15357] Phải có phương tiện giúp tiếp cận làm sạch và duy trì mặt tiền và cửa sổ.

**(Trang 58)**

Guidelines Hướng Dẫn

• Should be from outside the hotel to prevent disruption to guests. [15358] Nên ở bên ngoài khách sạn để tránh làm phiền khách.

Electric power outlets for maintenance must be provided. [17702] Phải cung cấp các ổ cắm điện phục vụ bảo trì.

Where flags are provided the following are permitted: [50307] Khi cung cấp cờ, cho phép như sau:

National [101896] Quốc kỳ

IHG hotel branded [101897] Cờ có thương hiệu khách sạn IHG

IHG [101898] Cờ IHG

IHG Flag Reference Tham chiếu cờ IHG (thiếu link)

External signage must be clean and well maintained. [134] Biển hiệu bên ngoài phải sạch và bảo trì tốt.

A schedule must be in place to ensure that internal and external windows are kept clean and well maintained. [37328] Phải có lịch vệ sinh để đảm bảo rằng các cửa sổ trong nhà và bên ngoài được giữ sạch và được bảo trì tốt.

Particular focus must be given to eye level windows. [37330] Cần đặc biệt chú ý các cửa sổ ở tầm mắt nhìn.

Guidelines Hướng Dẫn

• Environmental and climatic factors should be considered when creating the schedule. [37332] yếu tố môi trường và khí hậu nên được cân nhắc khi lên lịch vệ sinh.

A schedule must be in place to ensure that the external façade of the building is clean and well maintained. [37324] Phải có lịch vệ sinh để đảm bảo rằng mặt tiền bên ngoài tòa nhà được giữ sạch và được bảo trì tốt.

Guidelines Hướng Dẫn

• Environmental and climatic factors should be considered when creating the schedule. [37326] yếu tố môi trường và khí hậu nên được cân nhắc khi lên lịch vệ sinh.

Arrival -> Exterior -> Driveways and Paths Đường lái xe và đường đi

Driveways and on-site circulation must be clear and easy to navigate. [842] Đường lái xe và lưu thông trong khuôn viên phải rõ ràng và dễ định hướng.

See also ID number [56658] Xem thêm số ID [56658]

Guidelines Hướng Dẫn

• Taxi holding areas are recommended. [27812] Khuyến nghị có khu vực đỗ taxi.

Driveways must meet the following: [12221] Đường lái xe phải đáp ứng như sau:

See also ID number [56658] Xem thêm số ID [56658]

Constructed of hard surface materials such as asphalt, natural stone or concrete [54917] Xây dựng bằng vật liệu bề mặt cứng như nhựa đường, đá tự nhiên hoặc bê tông

Even and free from trip hazards [22290] Bằng phẳng và không tiềm ẩn nguy cơ vấp ngã

A continuous kerb is required [15369] Yêu cầu một lề đường liên tục

Pedestrian areas must be clearly identified [22080] Khu vực dành cho người đi bộ phải được xác định rõ ràng

Blind spot mirrors. [75068] Gương điểm mù

**(Trang 59)**

Asphalt curbing is not permitted. [57571] Không cho phép lề đường bằng nhựa đường.

An unobstructed minimum clearance height of 4.2m must be maintained. [57573] Phải duy trì chiều cao thông thủy tối thiểu là 4.2m (14ft).

Treatment to mitigate the effect of staining from vehicle oils is recommended [12223] Khuyến nghị có biện pháp xử lý giảm thiểu ảnh hưởng của vết nhơ từ dầu xe

It is recommended to avoid vehicle circulation near ground floor guest room windows. [12224] Nên tránh lưu thông xe cộ gần cửa sổ phòng khách tầng trệt.

It is recommended that kerbs are not painted. [15371] Lề đường không nên được sơn.

Each driveway lane must be a minimum of 3.6m (12ft) wide. [57569] Mỗi làn đường lái xe phải rộng tối thiểu 3,6m (12ft).

The area in front of the main entrance must meet the following: [15364] Khu vực phía trước lối vào chính phải đáp ứng như sau:

See also ID number [56658] Xem thêm số ID [56658]

Be an alternative decorative surface material to distinguish it from the main driveway [15365] Có vật liệu trang trí bề mặt khác để phân biệt nó với đường lái xe chính

A ramp or level access between the driveway and main entrance [15366] Một lối dốc hoặc cấp độ giữa đường lái xe và lối vào chính

Site utility access is not permitted beneath or on the approach to the porte cochere. [57920] Không cho phép có lối đi bảo trì bên dưới hoặc trên đường tới mái sảnh.

Pedestrian ramps, stairs and paths must meet the following: [57597] Dốc, cầu thang và lối đi cho người đi bộ phải đáp ứng như sau:

Minimum width of 1.2m (4ft). [57599] Chiều rộng tối thiểu 1,2m (4ft).

Even and free from trip hazards. [57605] Bằng phẳng và không có nguy cơ vấp ngã

Control and expansion joints must be provided to minimise cracks. [57603] Có khe co giãn để giảm thiểu rạn nứt.

The driveway must be kept clean and unobstructed. [50305] Đường lái xe phải được giữ sạch sẽ và không bị cản trở.

Arrival -> Exterior -> Car parking Bãi đỗ xe

Where car parks are provided they must meet the following: [12226] Trường hợp cung cấp bãi đậu xe, phải đáp ứng như sau:

See also ID number [56658] Xem thêm số ID [56658]

A minimum clearance height of 2.1m (7ft) must be provided at all car parking bays. [75069] Chiều cao tối thiểu 2,1m (7ft) tại tất cả các bãi đậu xe.

Parking spaces to be a minimum of 2.4m (8ft) x 4.8m (16ft) and free from obstruction [12230] Chỗ để xe kích thước tối thiểu 2,4m x 4,8m và không có vật cản

Stacked parking is only permitted for valet parking. [57578] Đỗ xe xếp chồng chỉ được cho phép nếu có dịch vụ phục vụ đỗ xe.

A hardwearing surface requiring minimal maintenance [12227] Bề mặt chống mòn ít yêu cầu bảo trì

Drainage to be provided [12228] Cung cấp phương án thoát nước

Marked to indicate lanes and parking spaces, with a paint manufactured for traffic use, or a change in surface materials [12229] Có đánh dấu chỉ làn đường và khu đỗ xe bằng sơn chuyên dụng cho giao thông hoặc bằng cách thay đổi vật liệu bề mặt

**(Trang 60)**

Electrical outlets and water supplies are recommended for maintenance of both carpark and hotel vehicles. [22753] Ổ điện và nguồn cấp nước được khuyến nghị để bảo trì bãi đậu và xe khách sạn.

Where valet parking is provided consideration should be given to allow discrete access between the main entrance and car parking areas. [98095] Nếu cung cấp dịch vụ phục vụ đỗ xe, cần xem xét bố trí các lối kín đáo giữa lối vào chính và khu vực đỗ xe.

Car parks must have directional signage to identify pedestrian and vehicle circulation routes. [12239] bãi đỗ xe phải có biển chỉ dẫn để xác định các tuyến đường dành cho người đi bộ và xe cộ.

External car parking must meet the following: [12240] Bãi đậu xe ngoài trời phải đáp ứng như sau:

See also ID number [56658] Xem thêm số ID [56658]

A continuous kerb along the perimeter of the parking area [12241] Một lề đường liên tục dọc theo phạm vi bãi đỗ xe.

Asphalt kerbing is not permitted [22711] Không cho phép lề đường bằng nhựa đường

Asphalt, natural stone, concrete and concrete pavers are permitted [22712] Cho phép sử dụng nhựa đường, đá tự nhiên, bê tông và gạch lát bê tông

A minimum clearance height of 2.2m (7ft 4in) must be provided at all car parking bays [22293] Chiều cao thông thủy tối thiểu là 2,2m tại tất cả các bãi đậu xe ô tô

Guidelines Hướng Dẫn

Change in materials along parking edges may be accepted in lieu of curbing. [98096] Có thể chấp thuận thay đổi vật liệu dọc theo các cạnh bãi đỗ thay cho việc làm lề đường.

Parking areas should be broken up and screened with landscaping or planting. [22292] Khu đỗ xe nên được chia nhỏ và che chắn bằng cảnh quan hoặc cây cối.

Where separate parking buildings are provided, as part of the hotel, they must meet the following:

[12244] Khi cung cấp các tòa nhà đỗ xe riêng biệt, là một phần của khách sạn, các tòa nhà này phải đáp ứng như sau:

See also ID number [56658] Xem thêm số ID [56658]

Coordinate with the architecture of the hotel [54920] Phối hợp với kiến trúc của khách sạn

Consideration should be given to provide parking for oversized vehicles. [54924] Cần xem xét để bố trí chỗ đậu xe cho xe cỡ lớn.

Tight turning circles should be avoided. [54925] Tránh vòng cua tròn gấp.

Where controlled parking is provided, the access point must meet the following: [12252] Khi cung cấp bãi đậu xe có kiểm soát, điểm truy cập phải đáp ứng như sau:

See also ID number [56658] Xem thêm số ID [56658]

Minimum of two exit lanes. [512050] Tối thiểu hai làn lối ra.

Guidelines Hướng Dẫn

• A minimum of 6m (20ft) of straight lane in front of the exit/entrance barriers is recommended. [68801] Nên có tối thiểu 6m làn đường thẳng trước rào chắn lối ra/vào.

Accessible parking must meet the following: [17394] Bãi đỗ xe cho người khuyết tật phải đáp ứng như sau:

Must be 3.6m (12ft) wide including the 1.2m (4ft) access aisle. [76295] Phải rộng 3,6m bao gồm lối đi 1,2m.

For the following hotel locations, vehicle circulation and parking must be designed by a specialist traffic consultant: [57575] Đối với các vị trí khách sạn sau đây, lưu thông xe và bãi đậu xe phải được thiết kế bởi một đơn vị tư vấn giao thông:

**(Trang 61)**

Where the hotel is part of a mixed use development, or classified as an airport or urban location. [73303] Nếu khách sạn là một phần của dự án phát triển phức hợp, hoặc được phân loại là một khách sạn sân bay hoặc khách sạn đô thị.

Guidelines Hướng Dẫn

• For mixed use developments, parking analysis should consider off-peak demands of the various users.

[73306] Đối với các dự án phát triển phức hợp, phân tích đỗ xe nên xem xét nhu cầu ngoài giờ cao điểm của nhiều người dùng.

Ramps in car parks must meet the following: [57589] Dốc ở bãi đỗ xe phải đáp ứng như sau:

At a minimum vehicle traffic width of 3m (10ft) wide. [76496] Chiều rộng lưu thông xe tối thiểu 3m.

Curb access ramps are required at main entrances to all buildings accessed by guests and near all accessible carparks. [58412] Yêu cầu có dốc lên vỉa hè tại các lối vào chính cho tất cả các tòa nhà khách có thể vào và gần tất cả các bãi đỗ xe cho người khuyết tật.

Must have a maximum slope of 1:12 (8%). [58414] Phải có độ dốc tối đa là 1:12 (8%).

Arrival -> Exterior -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

Where bicycle stands are provided, they must meet the following: [17457] Trường hợp cung cấp giá dựng xe đạp, phải đáp ứng như sau:

Integrated into the external landscaping or car parking structure. [103327] Tích hợp vào cảnh quan ngoài trời hoặc cấu trúc bãi đậu xe.

Must not be visually obtrusive. [103329] Không được gây mất mỹ quan.

Must not limit pedestrian access. [103330] Không được cản trở lối đi bộ.

Arrival -> Exterior -> Fixtures and Fittings Đồ đạc và thiết bị

Lighting must be provided to the external areas of the hotel. [102710] Phải cung cấp chiếu sáng khu vực bên ngoài khách sạn.

Vehicular access routes to the building. [136052] Đường cho phương tiện đến tòa nhà.

All pedestrian routes. [136053] Tất cả đường cho người đi bộ.

Service area. [136054] Khu vực dịch vụ

Car parks. [136055] bãi đỗ xe

Delivery areas. [136056] khu vực giao nhận hàng hóa

Porte cochere. [136057] Mái sảnh

Main elevations. [136058] thang máy chính

Landscaped areas. [136059] khu vực cảnh quan

Signs and displays. [136060] biển hiệu

Lighting systems must have the following features: [76619] hệ thống chiếu sáng phải đáp ứng những yêu cầu sau:

Low-energy photoelectric cell [76620] Pin quang điện năng lượng thấp

Timer controlled [76621] Kiểm soát thời gian

Manual override switches [76622] Cơ chế ghi đè bằng tay

Where water features are provided, they must meet the following: [17399] Khi có các yếu tố nước, chúng phải đáp ứng như sau:

Coordinate and harmonise with the landscape design. [17400] Phối hợp và hài hòa với thiết kế cảnh quan.

**(Trang 62)**

Illuminate during hours of darkness. [17401] Chiếu sáng lúc trời tối.

Accessible for maintenance. [17402] Dễ tiếp cận để bảo trì

Where fencing is provided it must meet the following: [102709] Nếu cung cấp hàng rào phải đáp ứng như sau:

Must be decorative and coordinate with the exterior of the hotel. [136048] Phải có tính trang trí và phối hợp với ngoại thất của khách sạn

Chain link fencing is not permitted. [136049] Cấm dùng hàng rào lưới thép.

Vinyl fencing is not permitted. [136050] Cấm dùng hàng rào vinyl.

Where wooden fences are provided they must be finished and sealed to prevent fading and deterioration. [136051] Nếu cung cấp các hàng rào gỗ, chúng phải được hoàn thiện và sơn phủ nhằm tránh phai màu và hỏng hóc.

Where flag poles are required their installation must meet the following: [57923] Trường hợp yêu cầu có cột cờ, phải đáp ứng như sau:

Flag and flagpole quantity, location and size must be approved by IHG. [57936] Số lượng, vị trí và kích thước cờ và cột cờ phải được IHG phê duyệt.

Safe permanent access to the base of flagpole must be provided. [57937] Phải có lối đi an toàn cố định để tiếp cận đế cột cờ.

Either freestanding or fixed to the building façade [57938] Cột cờ đứng độc lập hoặc cố định vào mặt tiền tòa nhà

Lightning protection with arestors at the top [79895] Chống sét bằng cột thu lôi ở trên đỉnh cột

Swivel tops to prevent flags from wrapping [79896] đỉnh cột cờ có thể xoay để lá cờ không bị quấn

Tilted shoe base mounting for periodical maintenance [79897] Gắn đế cột cờ có thể nghiêng để bảo trì định kì

Non corrosive [57933] Chống ăn mòn

Illumination at night is required if flags are flown at night. [57926] Yêu cầu chiếu sáng nếu không hạ cờ vào buổi tối.

Guidelines Hướng Dẫn

• Internal halyard are recommended to reduce wind generated noise. [57939] Dùng cáp kéo bên trong để giảm tiếng ồn gió.

Where flag poles are provided, they must meet the following: [79898] Trường hợp cung cấp cột cờ, cột phải đáp ứng như sau:

Made of alloy 6063-T6 [79899] Làm bằng hợp kim 6063-T6

Non-corrosive [79900] Chống ăn mòn

Tube with uniform conical taper [79901] Ống thuôn dần đều thành hình nón

Powder coated white [79902] Sơn tĩnh điện trắng

Revolving truck assembly with stainless steel bearing [79903] Đế gắn quả cầu trang trí đỉnh cột cờ có thể xoay, ổ trục bi bằng thép không gỉ

Internal door unit [79904] Cửa

Collar: spun aluminum and finished to match pole [79905] Chụp đế: nhôm spun và hoàn thiện để phù hợp với cột

Winch mounted inside the flagpole shaft. [79906] Tời được gắn bên trong thân cột cờ.

Internal halyard [79907] Cáp kéo bên trong thân cột cờ

External halyard is not permitted [79908] Không cho phép dùng cáp kéo bên ngoài

Counter-weight [79909] Đối trọng

Halyard must meet the following: [79910] Dây kéo phải đáp ứng như sau:

Stainless steel aircraft cable [79911] Cáp thép không gỉ

Two chrome plated, bronze swivel snap hooks [79912] Hai móc xoay bronze mạ chrome

Plastic covered counter weight [79913 Đối trọng bọc nhựa

**(Trang 63)**

Beaded sling [79914] Vòng

Internal door unit must meet the following: [79915] Thiết bị cửa bên trong phải đáp ứng như sau:

Located at 1.5m (5ft) from ground level. [79916] Nằm ở độ cao 1,5m (5ft) tính từ mặt đất.

Unit size of 8cm x 4.5cm (3.2in x 1.8in). [79917] Kích thước cửa 8cm x 4,5cm (3,2in x 1,8in).

Sprung cleat and rope guide within aluminum frame [79918] Thanh neo dây cáp có lò xo và định hướng dây trong khung nhôm.

Key secured access door [79919] Nắp thao tác có khóa an toàn

Winch must meet the following: [79920] Tời phải đáp ứng như sau:

Installation height of 50cm to 1m (20in to 40in) above ground. [79921] Chiều cao lắp đặt từ 50 cm đến 1m so với mặt đất

Removable crank handle [79922] Tay quay có thể tháo rời

Automatic brake system [79923] Hệ thống phanh tự động

Counter-weight must meet the following: [79924] Đối trọng phải đáp ứng như sau:

Zinc plated brass swivel clips [79925] Móc xoay đồng mạ kẽm

1.1kg (2.4lb) weight to be selected for 6m (20ft) and 7.5m (24.6ft) flag poles; 1.4kg (3lb) weight to be selected for 9m (30ft) flag poles or 1.7kg (3.7lb) weight for 12m (40ft) flag poles. [79926]

Chọn đối trọng 1,1kg (2,4lb) cho cột cờ 6m (20ft) và 7,5m (24,6ft); 1,4kg (3lb) cho cột cờ 9m (30ft) hoặc 1,7kg (3,7lb) cho cột cờ 12m (40ft)

Foundation for freestanding flag poles must meet the following: [79927] Móng cho cột cờ đứng tự do phải đáp ứng các điều sau:

Ground set [79928] Có móng cố định xuống đất

Sleeve, fabricated from 16-gauge galvanized corrugated steel tube. [79929] Ống sleeve, chế tạo từ ống thép mạ kẽm 16 gauge .

3/16-inch thick steel base plate and support plate. [79930] Bản đế và tấm đỡ thép dày 3/16 inch.

3/4-inch diameter x 18 inch long ground spike [79931] Cọc tiếp địa đường kính 3/4 inch x dài 18 inch

Steel centering wedges [79932] Nêm thép định tâm

Where freestanding flag poles are provided they must be one of the following heights: [79933] Trường hợp cung cấp cột cờ đứng tự do, phải theo một trong những độ cao sau:

6m, 7.5m, 9m, or 12m [79934]

Where flags are provided, one of the following sizes must be used: [79935] Khi cung cấp cờ, phải dùng một trong các kích thước cờ sau:

1.8m x 90cm (6ft x 3ft), 2.25m x 1.125m (7ft 6in x 3ft 9in), 2.74m x 1.37m (9ft 1in x 4ft 6in) or 3.6m x 1.8m (12ft x 6ft) [79936]

1.8m x 90cm, 2.25m x 1.125m, 2.74m x 1.37m hoặc 3.6m x 1.8m

Flags and poles must be installed as per one of the following combinations: [79937] Cờ và cột phải được lắp đặt theo một trong các kết hợp sau:

6m (20ft) high pole with 1.8m (6ft) x 0.9m (3ft) flag [79938] Cột cao 6m (20ft) với cờ 1,8m (6ft) x 0,9m (3ft)

7.5m (25ft) high pole with 2.25m (7.4ft) x 1.125m (3.7ft) flag [103337] Cột cao 7,5m (25ft) với cờ 2,25m (7,4ft) x 1,125m (3,7ft)

9m (29.5ft) high pole with 2.74m (9ft) x 1.37m (4.5ft) flag [103338] Cột cao 9m (29,5ft) với cờ 2,74m (9ft) x 1,37m (4,5ft)

12m (40ft) high pole with 3.6m (12ft) x 1.8m (6ft) flag [103339] Cột cao 12m (40ft) với cờ 3,6m (12ft) x 1,8m (6ft)

Arrival -> Entrances Lối vào

Square door vinyl graphics must be installed. [95813] Dán vinyl đồ họa hình vuông trên cửa

**(Trang 64)**

When used at the main entrance, they must be on each side of the branded arc graphic. [95816] Khi được dùng ở cửa chính, vinyl hình vuông phải ở mỗi bên của đồ họa hình cung của thương hiệu.

Vinyl graphics must include the “H” monogram square and solid squares. [95817] Vinyl đồ họa phải bao gồm ô vuông có chữ H và ô vuông đặc.

“H” monogram squares must be applied to two centre doors and to all rotating doors. [95818]

Các vinyl chữ “H” phải được dán trên hai cánh cửa chính giữa và trên tất cả các cửa xoay.

The left entry door must have the Holiday Inn® logo situated on the second square from the left. [95819] Cửa vào bên trái dán logo Holiday Inn® (chữ "H") ở vị trí ô vuông thứ hai từ bên trái.

The right entry door must have the Holiday Inn® logo situated on the second square from the right. [95820] Cửa vào bên phải dán logo Holiday Inn® (chữ "H") ở vị trí ô vuông thứ hai từ bên phải.

Must be made of a semi-translucent material [95821] Vinyl từ vật liệu bán mờ

Size of the squares must be 8.8cm (3.5in) by 8.8cm (3.5in). [95822] Kích thước hình vuông phải là 8,8cm (3,5 inch) x 8,8cm (3,5 inch).

Square Door Vinyl Guide 2 Hướng dẫn vinyl vuông dán cửa 2 (thiếu link)

Square Door Vinyl Guide 1 Hướng dẫn vinyl vuông dán cửa 1 (thiếu link)

Square door vinyl graphics are not required for open lobbies. [98396] Không yêu cầu vinyl đồ họa hình vuông trên cửa đối với các open lobby.

Where there are two sets of doors with a draft lobby, the squares must be positioned on the internal and external doors. [98398] Trong trường hợp có hai bộ cửa với draft lobby (khoảng không gian giữa hai bộ cửa), các vinyl hình vuông phải được dán ở cả cửa trong và cửa ngoài.

Must be applied horizontally across the full width of all door panels. [98399] Phải được dán theo chiều ngang trên toàn bộ chiều rộng của tất cả các tấm cửa.

Other graphics are not permitted. [98397] Không cho phép dán các hình khác.

Guidelines Hướng Dẫn

• Design reference attached. [95823] Tham khảo thiết kế đính kèm

Brand Arc Door Graphic Đồ họa hình cung dán cửa (thiếu link) Xem thêm về vinyl dán cửa tại https://www.hotelsigns.com/holidayinnrefresh/vinyl-door-graphics-new-and-renovations-holiday-inn

The number of squares can be increased or decreased to meet the specific door width. [98400] Số lượng ô vuông có thể tăng hoặc giảm để đáp ứng chiều rộng cửa cụ thể.

Preferred Supplier: Nhà cung cấp được ưu tiên:

3M Asia Pacific Pte Ltd Tel: +86 137 6116 3601

Email: ayang@mmm.com [98401]

A planter group must be installed on each side of the main entrance. [96011] Một cụm chậu cây phải được đặt ở mỗi bên của lối vào chính.

Plants must be natural and alive. [96012] Cây cối phải tự nhiên và tươi tốt.

Planters must be different in height with 10cm (4in) height difference. [96014] Chậu cây phải có chiều cao khác nhau với chênh lệch chiều cao 10cm (4in).

Each planter group must consist of three planters. [96015] Mỗi cụm phải bao gồm ba chậu cây.

Planter groups must be positioned to allow easy access to the building. [96016] Bố trí các cụm chậu cây sao cho dễ dàng đi lại vào tòa nhà.

Plants must be alive, well maintained and healthy or IHG® approved high quality, flame retardant artificial plants. [96017] Cây cối phải tươi tốt, được chăm sóc tốt hoặc là cây giả từ vật liệu chống cháy chất lượng cao, được IHG® phê duyệt.

Large planter must be at the back, the two smaller ones in front. [98515] Chậu cây lớn phải ở phía sau, hai chậu nhỏ hơn ở phía trước.

Planter containers must have a square cross section and be tapered profile from top to bottom. [98516] Chậu cây phải có tiết diện vuông và thuôn dần từ trên xuống dưới.

**(Trang 65)**

A minimum height of 50cm (20in) to a maximum height of 90cm (36in). [98517] Chiều cao tối thiểu từ 50 cm (20in) đến tối đa 90cm (36in).

All planters must contain plants. [98518] Tất cả chậu cây phải có cây.

Planters must be unobtrusively irrigated and drained. [98519] Cây phải được tưới và thoát nước một cách kín đáo.

All planters must match in colour. [98520] Tất cả chậu cây đồng đều về màu sắc.

All planters must match in finish. [98521] Tất cả chậu cây có hoàn thiện bề mặt đồng đều.

Location and design of planters must be approved by the IHG. [98523] Vị trí và thiết kế của chậu cây cối phải được IHG phê duyệt.

Planters are not required for open lobbies. [203048] Không cần chậu cây đối với open lobby.

Preferred Supplier: Nhà cung cấp được ưu tiên:

Shanghai Pudong Hotel Distribution Center Co., Ltd Tel: +86 21 5892 8000/8016

Email: salesone@shpulv.com [98522]

An arc welcome mat must be placed at the main entrance. [96195] Một thảm chào mừng có hình cung phải được đặt ở lối vào chính.

Welcome Mat Guidelines Hướng Dẫn Thảm Chào Đón (thiếu link)

Welcome mat is not required for hotels with an open lobby. [96198] Không bắt buộc có thảm chào mừng cho các khách sạn có open lobby.

Two-toned green with the Holiday Inn arc. [96199] Hai tông xanh lá cây với hình cung Holiday Inn.



Arrival -> Entrances -> General Lối vào -> Thông tin Chung

A canopy or porte cochere must be provided and meet the following: [57547] Cung cấp một mái sảnh rời (canopy) hoặc gắn liền vào tòa nhà (porte cochere) đáp ứng như sau:

A minimum clear height of 4.2m (14ft) is required. [57552] Yêu cầu chiều cao thông thủy tối thiểu là 4.2m (14ft).

Minimum of two lanes of traffic wide [57554] Rộng tối thiểu hai làn xe lưu thông

Clearance information for vehicle height and width restrictions must be displayed. [73297] Phải treo thông tin chiều cao thông thủy và hạn chế chiều rộng xe rõ ràng.

All lighting must be of low energy type fixtures. [103300] Tất cả đèn phải là loại đèn năng lượng thấp.

Located at the main entrance. [57557] Mái sảnh ở lối vào chính.

Existing structures must have a minimum clear height of 3.6m (12ft). [57559] Các kết cấu hiện trạng phải có chiều cao thông thủy tối thiểu là 3,6m (12ft).

Guidelines Hướng Dẫn

• Minimum heights should be increased if there is a requirement to accommodate double decker buses.

[57567] Chiều cao tối thiểu phải được tăng lên nếu có nhu cầu phục vụ xe buýt hai tầng.

If the hotel has a high level of double-decker bus traffic, a separate set down and parking area for buses are recommended. [73298] Nếu khách sạn có lưu lượng xe buýt hai tầng cao, nên có khu vực đỗ xe và bãi đậu xe riêng cho xe buýt.

Consideration should be given to taxi set down and parking. [73299] Cần xem xét cho việc dừng và đỗ taxi.

Porte cocheres are preferred. [103301] Ưu tiên mái sảnh gắn liền (porte cocheres).

A length of 12m (40ft) at the drop-off area is recommended. [103702] Chiều dài khu vực trả khách khuyến nghị là 12m

Where a third lane can be provided, it can be used for parking. [57561] Trường hợp có làn đường thứ ba, có thể được sử dụng để đỗ xe.

Where glass is used, patterned effect is recommended to mitigate the effects of dirt build up. [57565] Khi sử dụng kính, nên dùng kính có vân họa tiết để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi bẩn tích tụ.

**(Trang 67)**

• Heating or cooling of the porte cochere is recommended in locations with extreme weather conditions. [57563] Nên sưởi ấm hoặc làm mát porte cochere ở những nơi có điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

Where valet parking is provided the following must be provided: [98099] Trường hợp có dịch vụ phục vụ đỗ xe thì phải cung cấp như sau:

A valet desk located adjacent to the main entrance. [98100] Bàn dịch vụ phục vụ đỗ xe cạnh lối vào chính.

Guidelines Hướng Dẫn

When designing the entrance area consideration should be given to provide the shortest possible connection for valet staff to the car park. [98101] Khi thiết kế khu vực lối vào, nên xem xét phương án cung cấp lối đi ngắn nhất có thể cho nhân viên phục vụ đến bãi đậu xe.

Barrier free access must be provided to the following areas: [17565] Cung cấp lối vào không rào cản cho các khu vực sau:

Hotel entrance [77580] Lối vào khách sạn

Hotel lobby [77581] Lobby khách sạn

Front desk/Check in [77582] Bàn lễ tân/ check-in

Meeting rooms [77584] phòng họp

Lift lobby [77585] Sảnh thang máy

Guest room floors [77586] tầng phòng khách

Restaurants and bars [136108] nhà hàng và bar

Pedestrian access must be barrier free and accessible to all guests. [17398] Lối đi bộ không có vật cản và dễ tiếp cận cho tất cả các khách.

Access route from the designated disabled parking spaces to the lobby of the hotel must be barrier free. [77588] Đường đi từ các khu vực đỗ xe cho người khuyết tật được chỉ định đến sảnh khách sạn phải không có vật cản.

Where a main entrance is locked for operation/security reasons, a visible intercom linked to a permanently staffed operator and keycard activated lock must be provided. [98102] Khi một lối vào chính bị khóa vì lý do vận hành/bảo mật, phải cung cấp một hệ thống intercom ở vị trí dễ thấy, liên kết với vị trí luôn có nhân viên trực và bố trí khóa bằng thẻ.

Alternative guest entrances must have the following: [37307] Lối vào thay thế của khách phải như sau:

Square vinyl door graphics [37309] Cửa dán vinyl đồ họa hình vuông

Arc "Welcome" mat [37311] thảm “Chào Mừng” có hình cung

A canopy in exposed external location. [100129] Một mái che ở vị trí ngoài trời không có che chắn

The Signature Scent must be provided. [96018] Cung cấp Mùi hương Đặc trưng.

Signature scent is not required for hotels with an open lobby. [96019] Không yêu cầu mùi hương đặc trưng đối với các khách sạn có open lobby.

Scent machines must operate, at a minimum of 8 hours a day. [96020] Máy tỏa hương phải hoạt động tối thiểu 8 giờ một ngày

Scent machines must operate, at a minimum, from 08:00-22:00. [96028] Máy tỏa hương phải hoạt động tối thiểu từ 08: 00-22: 00.

Scent cartridges and dispensing machines must be from an authorized supplier. [96030] Nguồn cấp hương và máy tỏa hương phải từ nhà cung cấp được ủy quyền.

Numbers and locations of scent machines must reflect the size and layout of the area. [96031] Số lượng và vị trí của máy tỏa hương phải phản ánh kích thước và mặt bằng của khu vực.

Must be delivered at the main entrance into the hotel and throughout the front desk area. [96025] Phải có hương thơm tại lối vào chính và khắp khu vực lễ tân.

Other scent products must not be used. [96021] Không được sử dụng các sản phẩm hương thơm khác.

Cartridges must be replaced monthly or as soon as empty. [96026] hộp chứa hương phải được thay hàng tháng hoặc ngay khi hết.

If scent is used in other locations, it must be the Signature Scent. [96027] Nếu sử dụng hương thơm dùng tại các vị trí khác, đó phải là Mùi hương Đặc trưng.

**(Trang 68)**

Scented cleaning products and air fresheners are excluded from this standard. [96033] Sản phẩm làm sạch có mùi thơm và khử mùi là ngoại lệ, không áp tiêu chuẩn này.

Approved Supplier: Nhà cung cấp được phê duyệt:

Air Aroma International

Tel: +61 3 9017 3511, Fax: +61 3 9584 2971

Email: marijn.kortekaas@air-aroma.com

Brandaroma

Ltd 22 Babbage House Northampton Science Park Kings Park Road Northampton NN3 6LG UK Contact : Katie Welford

Tel: +44 (0) 7534 268497

Tel: +44 (0) 1604 652 011

Email: katiew@brandaroma.com www.brandaroma.com

Scentair Inc

14301-G South Lakes Drive Charlotte NC 28273 USA

Contact: Celia Cleary

Telephone Number: +1 704 504 2320

Fax Number: +1 704 504 2373

Email: ihgservice@scentair.com

www.scentair.com [96034]

Guidelines Hướng Dẫn

• Design reference attached. [98527] Tham khảo thiết kế đính kèm.

InnTunes™ music programme must be subscribed to and played. [880] Phải đăng ký và phát chương trình âm nhạc InnTunes ™.

Music Player connected to high speed Internet or approved device. [881] Trình phát nhạc được kết nối với Internet tốc độ cao hoặc thiết bị được phê duyệt.

• Playing of non InnTunes™ music in the hotel must be IHG® approved. [50856] Phát nhạc không thuộc InnTunes ™ trong khách sạn phải được IHG® phê duyệt.

Must be delivered at the front desk area and main entrance, where external speakers are fitted, at all times. [882] Luôn phải có nhạc phát tại khu vực lễ tân và lối vào chính, nơi lắp loa ngoài.

Radio stations must not be used as background music. [886] Không được sử dụng radio làm nhạc nền.

When live music is available in the lobby, the Signature Sound can be turned off. [50910] Khi chơi nhạc sống trong lobby, có thể tắt Âm thanh Đặc trưng.

Volume adjustment must be provided to align volume with activities taking place in the main entrance and front desk area. [39394] Phải có cơ chế điều chỉnh âm lượng để đảm bảo âm lượng phù hợp với các hoạt động diễn ra ở khu vực lối vào chính và quầy lễ tân.

Imagesound PLC, Music Styling (Tel: +44 (0)1246 572 990, Fax: +44 (0)1246 572 991, Email: HolidayInn@Imagesound.com), or PlayNetwork, Inc (Tel: +1 (508) 381 6915, Fax: +1 (508) 618 1334, Email: JBradley@playnetwork.com) must be used as approved supplier. [24558] Phải dùng Imagesound PLC, Music Styling, hoặc PlayNetwork, Inc là nhà cung cấp được phê duyệt.

The main entrance to the hotel must be clean and well maintained. [112] Lối vào chính của khách sạn phải sạch sẽ và được bảo trì tốt.

Arrival -> Entrances -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Đồ đạc, Hoàn thiện, Nội thất & thiết bị

The arc welcome mat must meet the following: [98408] Thảm chào đón có hình cung phải đáp ứng như sau:

Dimensions: Large – 2.4m x 1.8m (8ft x 6ft) or Small – 1.8m x 1.2m (6ft x 4ft).

Kích thước: Loại lớn - 2,4m x 1,8m (8ft x 6ft) hoặc Loại nhỏ - 1,8m x 1,2m (6ft x 4ft).

**(Trang 69)**

Manufacturing Process: Tufted [98509] Quy trình sản xuất: thảm búi lông

Surface Aspect: Cut Pile [98510] Bề mặt: lông cắt

Pile Yarn Composition: 100% Nylon [98511] Thành phần sợi thảm: 100% nylon

Primary Backing: TM100 [98512] Lớp lót chính: TM100

Machine Gauge 1/8th gauge [136113] Gauge máy 1/8th gauge

Backing PVC [136114] PVC lót

Pile Height 5.4mm [136115] Độ cao lông thảm 5.4mm

Guidelines Hướng Dẫn

• Design reference attached. [98513] Tham khảo thiết kế đính kèm.

Welcome Mat Guidelines Hướng Dẫn Thảm Chào Đón (thiếu link)

Preferred Supplier: Nhà cung cấp được khuyến nghị:

Shanghai Pudong Hotel Distribution Center Co., Ltd Tel: +86 21 5892 8000/8016

Email: salesone@shpulv.com [98514]

Where a second mat is provided, it must meet the following: [41222] Trường hợp cung cấp một tấm thảm thứ hai, phải đáp ứng như sau:

Solid dark green colour. [41225] Màu xanh đậm.

Total Height: 7.6mm (0.3in) [41240] Tổng độ cao: 7.6mm (0.3in)

Pile Weight: 800g/m² [41241] Trọng lượng lông: 800g/m2

Total Weight: 3,160g/m² [41242] Tổng trọng lượng: 3,160g/m²

Number of Tufts: 125,400/m² [41243] Số lượng túm lông: 125,400/m²

CE Fire/Slip: EN14041:2004 EN1307 [41244] tiêu chuẩn chống cháy / chống trơn CE: EN14041:2004 EN1307

Guidelines Hướng Dẫn

Preferred Supplier: Nhà cung cấp được ưu tiên:

Shanghai Pudong Hotel Distribution Center Co., Ltd Tel: +86 21 5892 8000/8016

Email: salesone@shpulv.com [99972]

Walk off mats must be provided. [57672] Phải cung cấp thảm chùi chân

Must be recessed. [76628] Phải âm sàn

Commercial and high quality. [76629] Thảm thương phẩm, chất lượng cao.

Guidelines Hướng Dẫn

• In climates where snowfall is common, a recessed mat with a floor drain is recommended. [57678] Ở những vùng khí hậu nơi thường xuyên có tuyết rơi, nên sử dụng thảm âm sàn kết hợp rãnh thoát nước.

Planter colours must be one of the following: [46105] Màu chậu cây phải là một trong những màu sau:

Anthracite, black, white or red. [46106] Xám antraxit, đen, trắng hoặc đỏ.

Plants for the small planters must meet the following: [17694] Cây trồng trong chậu cây cỡ nhỏ phải đáp ứng như sau:

Plant matrix Sơ đồ cây (thiếu link)

**(Trang 70)**

Plant must be maintained up to a height of 40cm (16in) maximum [76540] Cây phải được duy trì độ cao tối đa 40cm (16in)

Must be a minimum of 10cm (4in) tall at planting. [76541] Phải cao tối thiểu 10cm (4in) khi trồng.

Guidelines Hướng Dẫn

Một số loại cây: Red Gnome Siberian Dogwood Summer, Nordic Inkberry Holly, Red Gnome Siberian Dogwood Winter, Compact Inkberry Holly, Ornamental Grass, Shamrock Holly hoặc Siberian Pearls Dogwood [266062]

Plants for the medium planters must meet the following: [17693] Cây trồng trong chậu cỡ trung đáp ứng như sau:

Plant matrix Sơ đồ cây (thiếu link)

Plant must be maintained up to a height of 45cm (18in) maximum. [76298] Cây phải được duy trì độ cao tối đa 45cm (18in).

Must be a minimum of 30cm (12in) tall at planting. [76299] Phải cao tối thiểu 30cm (12in) khi trồng.

Within the planter group, this planter must be on the side of the entrance. [76300] Trong cụm chậu cây, chậu cây này phải đặt bên cạnh lối vào.

Một số loại cây: Bar Harbour Juniper, Wood's Dwarf Nandina, Blue Rug Juniper, Dakota Sunspot Potentilla, Crimson Pygmy Barberry hoặc Calgary Carpet Juniper. [266063]

Plants for the large planters must meet the following: [17692] Cây trồng trong chậu lớn phải đáp ứng như sau:

Plant matrix Sơ đồ cây (thiếu link)

Must be a minimum of 1m (3ft 4in) tall at planting. [76301] Phải cao tối thiểu 1m (3ft 4in) khi trồng.

Một số loại cây: Blue Cone Arborvitae, Mission Arbovitae, Emerald Aborvitae, Cactus, Hills Dark Green Arborvitae hoặc Small Palm. [266064]

Planter finishes must be one of the following: [17697] Hoàn thiện chậu phải theo một trong số sau:

Stone (serrated finish), lacquered Zinc (polished silver finish), oatmeal or sandstone. [17698] Đá (đá răng lược), Kẽm sơn lacquer (hoàn thiện màu bạc bóng), màu yến mạch hoặc sa thạch.

A rubbish bin must be provided. [866] Phải cung cấp một thùng rác.

Must be of the same or similar design to the existing planters to harmonise appearance. [98524] Phải có cùng thiết kế hoặc thiết kế tương tự với chậu cây hiện có để tạo diện mạo hài hòa.

Located with one of the planter groups. [98525] Đặt với cùng cụm chậu cây.

Guidelines Hướng Dẫn

• Design reference attached. [77312] Tham khảo thiết kế đính kèm.

Rubbish bin 2 Thùng rác 2

Rubbish Bin 1 Thùng rác 1 (thiếu link)

**(Trang 71)**

Preferred Supplier: Nhà cung cấp được ưu tiên:

Shanghai Pudong Hotel Distribution Center Co. Ltd, Tel: +86 21 5892 8000/8016, Email: salesone@shpulv.com [77313]

An ash receptacle must be provided. [869] Cung cấp thùng gạt tàn.

Must be located away from entrance and windows, so as to not offend non-smoking guests. [28566] Phải được đặt cách xa lối vào và cửa sổ, để không làm phiền những người không hút thuốc

A minimum of one ash receptacle must be provided at each outdoor seating area. [87795] Tối thiểu một thùng gạt tàn phải được cung cấp tại mỗi khu ghế ngồi ngoài trời.

It must be placed a minimum of 3m (10ft) away from the entrance doors and away from windows and openings. [87796] Phải được đặt cách lối ra vào tối thiểu 3 m (10ft) và cách xa cửa sổ và lối thông.

The ashtray must have a lockable cylinder floor pan to catch ashes. [87797] Thùng gạt tàn phải có một khay hình trụ có thể khóa để hứng tàn thuốc

The ashtray must have a brushed aluminium finish. [87798] gạt tàn phải có hoàn thiện nhôm xước

• Location and design of the ashtray must be approved by IHG®. [87799] Vị trí và thiết kế của gạt tàn phải được IHG® phê duyệt.

The design of the ash receptacle must coordinate with the bench and conform to attached design options. [87800] Thiết kế của thùng gạt tàn phải đồng bộ với ghế băng và tuân thủ các phương án thiết kế kèm theo.

Where open lobbies are provided, it must be located away from main entrance. [95198] Trường hợp cung cấp open lobby, thùng gạt tàn phải được đặt cách xa lối vào chính.

Guidelines Hướng Dẫn

• Design reference attached [105996] Tham khảo thiết kế đính kèm

Ash Receptacle design 2 Thiết kế thùng gạt tàn 2 (thiếu link)

Ash Receptacle Design 1 Thiết kế thùng gạt tàn 1 (thiếu link)

Preferred Supplier: Nhà cung cấp được ưu tiên:

Shanghai Pudong Hotel Distribution Center Co., Ltd, Tel: +86 21 5892 8000/8016, Email: salesone@shpulv.com [77528]

A minimum of one luggage trolley must be available for guest use. [660] luôn phải có tối thiểu một xe đẩy hành lý cho khách sử dụng.

Floors within the airlock must meet the following: [57660] các tầng có hai lớp cửa phải đáp ứng như sau:

Coordinate with the adjacent flooring materials. [57664] đồng bộ với các vật liệu sàn liền kề.

Guidelines Hướng Dẫn

• Recessed walk off mats should be provided between door sets. [57670] Nên cung cấp thảm chùi chân âm sàn giữa các bộ cửa.

When secondary doors are locked, signage must be provided to include the following: [57682] Khi cửa thứ hai bị khóa, phải cung cấp biển báo như sau:

Timing of access. [57684] Thời gian sử dụng cửa.

Directions to the main entrance. [57688] Hướng đi đến lối vào chính.

Keycard requirements, where provided [57686] Yêu cầu thẻ khóa, nếu có

The sound system delivering the signature sound must meet the following: [76542] Hệ thống âm thanh chơi âm thanh đặc trưng phải đáp ứng như sau:

Playnetwork music player or Imagesound PLC [76543] Trình phát nhạc Playnetwork hoặc Imagesound PLC

Interior speakers must be recessed and ceiling mounted. [76544] Loa trong nhà âm trần.

**(Trang 72)**

All speakers installed in the interior areas must colour match the ceiling they are installed in. [76545] Tất cả các loa lắp đặt trong nhà có màu phù hợp với trần nhà mà chúng được lắp đặt.

All speakers must be commercial grade. [76546] Tất cả các loa phải là loa thương phẩm.

Exterior entry speakers must be weather resistant. [76547] Loa ngoài trời phải chịu được thời tiết

Wiring must not be visible at any speaker installation [76548] Không được để nhìn thấy dây ở bất kỳ loa nào

Arrival -> Entrances -> Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết Bị

The Signature scent must be delivered by the either a scent machine or HVAC system and meet the following: [44522] Mùi hương đặc trưng phải được cung cấp từ máy tỏa hương hoặc hệ thống HVAC và đáp ứng như sau:

Installations must be hidden from guests' view. [81896] Lắp đặt khuất tầm nhìn của khách.

Refill frequency for HVAC method must be scheduled per manufacturer specifications to ensure consistent delivery of scent. [88212] Tần suất nạp lại hương cho phương pháp sử dụng hệ thống HVAC phải được lên lịch theo thông số kỹ thuật của nhà sản xuất để đảm bảo phân phối mùi hương liên tục.

Guidelines Hướng Dẫn

• It may be used in the public restrooms. [88213] Có thể dùng trong các toilet công cộng

Where artwork or artefacts are provided as part of the arrival and entrance area, they must meet the following: [17405] Trường hợp tranh ảnh nghệ thuật hoặc đồ tạo tác được cung cấp như một phần của khu vực tiếp đón khách đến và lối ra vào, chúng phải đáp ứng như sau:

Approved by IHG [17406] Được IHG phê duyệt

Appropriate to the location and meet local cultural requirements. [17407] Phù hợp với địa điểm khách sạn và đáp ứng yêu cầu văn hóa địa phương.

Must be securely fixed. [76625] Phải được cố định an toàn.

Designated accent lighting. [76626] Chiếu sáng điểm nhấn rành riêng.

Location must not restrict access to the main entrance, any guest or service flows. [76627] Vị trí không được cản trở lối vào chính, bất kỳ luồng khách hoặc luồng dịch vụ nào.

Arrival -> Entrances -> Building Services Dịch vụ tòa nhà

Power and data points/receptacles must be provided at each main guest and staff entry point.

[331083] Ổ điện và điểm kết nối mạng phải được cung cấp tại mỗi lối vào chính của khách và nhân viên.

Where a VIP arrival system is provided it must meet the following: [331084] Trường hợp cung dịch vụ chào đón khách VIP, phải đáp ứng như sau:

Push button at each front desk workstation [331085] Nút nhấn ở mỗi quầy lễ tân

Push button at each doorman’s stand [331086] Nút ấn ở mỗi chỗ quầy nhân viên gác cửa

Blue flashing light annunciation in the general manager’s administrative assistant office [331087] Đèn báo chớp ánh sáng xanh trong văn phòng trợ lý hành chính của tổng quản lý

Check in

Check in -> Service Expectations Kỳ vọng về dịch vụ

A colleague must be present and visible at the front desk at all times. Luôn có nhân viên trực tại quầy lễ tân mà khách có thể nhìn thấy

**(Trang 73)**

A Manager on Duty/Manager/Lobby Champion, must be present in the lobby during peak Check in and Check out times. [68630] Quản lý ca/Quản lý/Quản lý tiền sảnh, phải có mặt ở sảnh trong thời gian Nhận phòng và Trả phòng cao điểm.

Colleagues must use a friendly and locally appropriate greeting that includes the guest's title and surname, if known. [28064] Nhân viên phải chào thân thiện và phù hợp với địa phương, bao gồm danh xưng và họ của khách, nếu biết.

Guidelines Hướng Dẫn

When guests arrive at the front desk, colleagues should make informal, welcoming and friendly conversation with them, for example by asking about their day or about their journey to the hotel. [28065] Khi khách đến quầy lễ tân, các nhân viên nên trò chuyện thân mật, cởi mở và thân thiện với họ, ví dụ như bằng cách hỏi thăm ngày của họ ra sao hoặc về hành trình của họ đến khách sạn.

Colleagues must ask the guest if they have stayed at the hotel before if not known. [2502] nhân viên phải hỏi khách đã từng ở khách sạn chưa nếu không rõ.

If yes, the colleague must welcome them back and only provide information about the hotel if the guest requests it. [28567] Nếu có, nhân viên phải chào mừng họ trở lại và chỉ cung cấp thông tin về khách sạn nếu khách yêu cầu.

If no, the guest must be asked if they would like more information about the hotel. [6764] Nếu không, khách phải được hỏi liệu họ có muốn biết thêm thông tin về khách sạn.

Guests must be told about the hotel's free Internet Access and the Kids Stay & Eat Free Programme. [2505] Khách phải được thông báo về việc Truy cập Internet miễn phí và Chương trình Trẻ em ăn uống miễn phí tại khách sạn.

Guests must be given directions to their room and invited both to contact the front desk at any time if they need assistance or have any questions and enjoy their stay. [2506] Khách phải được hướng dẫn đến phòng của họ và mời liên hệ với quầy lễ tân bất cứ lúc nào nếu cần hỗ trợ hoặc có bất kỳ câu hỏi nào và chúc họ tận hưởng kỳ nghỉ.

Guidelines Hướng Dẫn

Colleagues should anticipate guests' questions and suggest appropriate services, for example, highlighting business services for business travellers, or the Kids Stay & Eat Free offer for guests with children. [2507] nhân viên nên đón ý các câu hỏi của khách và đề xuất các dịch vụ phù hợp, ví dụ: làm nổi bật các dịch vụ kinh doanh cho khách doanh nhân hoặc chương trình Ưu đãi trẻ em ăn uống miễn phí cho khách có trẻ nhỏ.

Front Desk colleagues must be knowledgeable about hotel services and facilities. [135] nhân viên lễ tân phải có kiến thức về các dịch vụ và tiện ích của khách sạn.

Including but not limited to room types, Food and Beverage offerings, Meeting & Events facilities and Laundry Services. [136] Bao gồm nhưng không giới hạn trong thông tin về các loại phòng, dịch vụ F&B, các cơ sở Hội nghị & Sự kiện và Dịch vụ Giặt ủi.

Colleagues must be knowledgeable about IHG® Rewards Club. [68631] nhân viên phải có kiến thức về CLB Khách hàng Thân thiết IHG®.

Front Desk colleagues must be knowledgeable about the local area. [140] nhân viên lễ tân phải có kiến thức về khu vực địa phương.

Transport services [141] Dịch vụ vận chuyển

Sights and attractions [142] Các điểm tham quan

Restaurants, bars and cafés [143] Nhà hàng, quán bar và quán cà phê

Events [144] Các sự kiện

Any guest-impacting local law and restriction, e.g. smoking, service of alcohol, etc that impacts the guest's stay in the hotel [145] Bất kỳ luật và hạn chế nào của địa phương có ảnh hưởng đến khách, ví dụ: hút thuốc, phục vụ đồ uống có cồn, vv ảnh hưởng đến khách lưu trú trong khách sạn

Local cultural norms [146] Chuẩn mực văn hóa địa phương

Automatic Teller Machines and currency exchange locations [3578] ATM và địa điểm đổi tiền

Fitness options, e.g. local running routes, gyms, pools [37346] Phương án cho tập thể dục, ví dụ: đường chạy địa phương, phòng gym, hồ bơi

Directions and approximate travel times. [56908] Hướng đi và thời gian di chuyển dự kiến.

A Check in process must be in place and include the following procedures: [50332] Phải có quy trình check in và bao gồm các bước sau:

Check in and handover of the room key must be completed within four minutes for guests with a reservation and no longer than six minutes for guests without a reservation (excluding waiting time in queue). [56910] Kiểm tra và bàn giao chìa khóa phòng phải được hoàn thành trong vòng bốn phút cho khách đã đặt phòng và không quá sáu phút cho khách chưa đặt phòng trước (không bao gồm thời gian chờ đến lượt).

Information on hotel facilities and services, must be provided upon request, otherwise after the key has been issued. [50813] Thông tin về các tiện ích và dịch vụ của khách sạn phải được cung cấp theo yêu cầu, nếu không thì sau khi bàn giao khóa cho khách.

**(Trang 74)**

Guidelines Hướng Dẫn

Check in should be efficient and hassle free. [50815] Thủ tục check-in nên hiệu quả và không rắc rối

To achieve this, the hotel should have a process in place to minimise the Check in time. [50816] Để đạt được điều này, khách sạn nên có một quy trình để giảm thiểu thời gian check in.

It is recommended that all amenities, gifts and welcome letters are placed in the guest room prior to arrival. [50817] Tất cả các tiện nghi, quà tặng và thư chào mừng nên được đặt trong phòng khách trước khi khách đến.

Mode of payment must be determined at the time of Check in. [50333] Phương thức thanh toán phải được xác định tại thời điểm check in.

Deposit (cash or credit card pre-authorisation) must be requested and authorised. [50819] Tiền đặt cọc (tiền mặt hoặc ủy quyền trước thẻ tín dụng) phải được yêu cầu và cho phép.

Guidelines Hướng Dẫn

• All major credit cards should be accepted, including Union Pay. [50820] Tất cả các thẻ tín dụng lớn phải được chấp nhận, bao gồm cả Union Pay.

A Front Desk upsell programme is required. [50334] Yêu cầu có chương trình upsell tại Lễ tân.

When checking in groups, colleagues must adhere to the group Check in process. [37660] Khi check in cho khách đoàn, nhân viên phải tuân thủ quy trình Check-in cho đoàn.

Colleagues must pre-register groups of ten or more rooms with confirmed reservations prior to the guests' arrival, to minimise waiting time at Check in. [37664] nhân viên phải đăng ký trước cho các nhóm khách từ mười phòng trở lên đã có xác nhận đặt phòng trước khi khách đến, để giảm thiểu thời gian chờ đợi khi check in.

Receive a signature from each guest on the group signing in sheet [37666] Nhận chữ ký từ mỗi khách trên danh sách nhận phòng của đoàn

Where required, explain credit card pre-authorisation to guests so they understand how to settle any extras. [37668] Nếu cần, giải thích cho khách về ủy quyền trước thẻ tín dụng để họ hiểu cách giải quyết bất kỳ khoản phí phát sinh nào.

Confirm breakfast times and snacks availability served within the hotel with the tour guide, if applicable [37662] Xác nhận thời gian ăn sáng và đồ ăn nhẹ có sẵn được phục vụ trong khách sạn với hướng dẫn viên, nếu có

Explain the services of the hotel, if guests are not already familiar with them [37673] Giải thích các dịch vụ của khách sạn, nếu khách chưa quen với các dịch vụ.

Provide clear directions to the guest room and other facilities, if needed [37675] Chỉ hướng rõ ràng tới phòng khách và các tiện ích khác, nếu cần

Guidelines Hướng Dẫn

• Group Check in Process Reference [368091] Tham khảo Quy trình check-in cho đoàn

Group Check In Process Reference Tham khảo Quy trình check-in cho đoàn (Thiếu link)

• Group signing in sheet should have a field for the guests to fill in their email address. [68645] Danh sách nhận phòng cho đoàn nên có chỗ cho khách điền địa chỉ email.

During peak Check in and Check out times, a colleague must be present in the lobby to manage queues and minimise waiting times. [2455] Trong giờ check in và check out cao điểm, phải có một nhân viên ở sảnh để hỗ trợ khách đang đợi đến lượt và giảm thời gian chờ.

Hotels must have clear categories for VIP levels with associated room type and amenity guidelines.

[67913] Khách sạn phải có tiêu chí rõ ràng cho các cấp VIP với hạng phòng liên quan và các tiện nghi trong phòng.

Prior to guest arrival, all VIP rooms must be inspected and any problems addressed. [67915] Trước khi khách đến, tất cả các phòng VIP phải được kiểm tra và mọi vấn đề phải được giải quyết.

Colleagues must offer to escort all VIP guests to their room. [67914] nhân viên phải đề nghị hộ tống tất cả khách VIP đến phòng.

Colleagues should offer to provide guests with a description of the room and public facilities, as they walk VIPs to the rooms. [67916] nhân viên nên đề nghị tả cho khách về phòng và các tiện ích công cộng trên đường đến phòng.

A Holiday Inn® Kids Welcome Pack must be provided to all kids from ages 3 to 12 upon check in. Gói quà chào mừng Holiday Inn® cho trẻ em phải được cung cấp cho tất cả trẻ em từ 3 đến 12 tuổi khi nhận phòng.

[151053]

Kids Welcome Pack (Merlin >Brand Central >Holiday Inn Resorts >Brand Warehouse >Brand Info> Campaigns) Gói chào mừng trẻ em (Merlin> Brand Central > Holiday Inn Resort > Kho thương hiệu> Thông tin thương hiệu> Chiến dịch) https://www.ihgbrandcentral.com/%26redirecturl/clusters/brand/holiday-inn-resort/region/asia-middle-east-africa/subcategory/brand-info/campaigns

**(Trang 75)**

• Welcome packs must be available for kids aged 3 to 12. [151054] Luôn có gói quà chào mừng cho trẻ em từ 3 đến 12 tuổi.

Welcome packs must follow the Hotel Implementation Toolkit guidelines. [151056] Gói quà chào mừng phải tuân theo hướng dẫn của Bộ công cụ Hotel Implementation

Must be presented with a pack of at least five different coloured crayons/colour pencils. [151057] Phải gồm một bộ ít nhất năm bút sáp màu/ bút chì màu khác nhau.

Holiday Inn® Kids Welcome Pack Standard Operating Procedure should be followed as detailed in the Hotel Implementation Toolkit. [151058] Nên tuân thủ Quy trình vận hành tiêu chuẩn đối với gói quà chào mừng Holiday Inn® cho trẻ em như được nêu chi tiết trong Bộ công cụ Hotel Implementation

Customisation of content and logos in the Holiday Inn® Kids Welcome Packs is permitted. [151059] Cho phép tùy chỉnh nội dung và logo trong Gói Chào mừng Trẻ em Holiday Inn®.

Packaging for reference. [151060] Đóng gói để tham chiếu.

Confirmed smoking or non-smoking room bookings must be honoured in the room type booked where applicable. [70] Booking phòng hút thuốc hoặc không hút thuốc đã xác nhận phải được tôn trọng nếu áp dụng.

Check in -> Front Desk Quầy Lễ Tân

All colleagues whilst at the front desk must stand up unless they have a medical condition or disability. [185] Tất cả các nhân viên trong quầy lễ tân phải đứng lên trừ khi bị bệnh hoặc khuyết tật.

Two lamps must be placed on the front desk. [94601] Hai đèn bàn phải được đặt trên bàn lễ tân.

The lamps must be positioned at the outer left and right of the desk. [94602] Đèn phải được đặt ở hai mép bàn bên trái và bên phải.

Wiring must not be visible. [94603] không được để nhìn thấy dây điện.

switching or hard wired central switching is permitted. [98555] Cho phép sử dụng công tắc hoặc hoặc công tắc tổng có dây nối cứng

Light source must be low energy, warm white temperature type. [98556] Nguồn sáng phải là loại năng lượng thấp, nhiệt độ trắng ấm.

Lamp style, size and design must coordinate with the lobby interior design. [98557] Kiểu dáng đèn, kích thước và thiết kế phải phối hợp với thiết kế nội thất lobby.

• Must be two identical IHG®-approved accent lights. [116885] Phải là hai đèn điểm nhấn giống nhau được IHG® phê duyệt.

Guidelines Hướng Dẫn

For front desks that are longer than 5m (16ft 4in), additional lamps may be installed across the desk at a ratio of one lamp for every 2.5m (8ft 2in) of counter. [94605] Đối với bàn lễ tân dài hơn 5m (16ft 4in), có thể lắp đặt đèn bổ sung trên bàn với tỷ lệ một đèn mỗi 2,5m của quầy.

Design reference attached. [116014] Tham khảo thiết kế đính kèm

Peak Check in times must be identified and staffing solutions put in place to meet Check in standards 24 hours a day. [153] Thời gian check-in cao điểm phải được xác định và có kế hoạch bố trí nhân sự để đáp ứng tiêu chuẩn Check-in 24 giờ một ngày.

Guidelines Hướng Dẫn

• Groups of 10 or more should be checked in away from the front desk. [67902] nhóm từ 10 người trở lên nên được check in ở xa bàn lễ tân.

When a reservation cannot be honoured, the hotel must pay for and relocate the guest to alternative similar quality accommodation. [219] Khi không thể cấp phòng cho khách, khách sạn phải trả tiền và di dời khách đến chỗ ở khác có chất lượng tương tự.

The reason for the situation must be explained to the guest. [220] Lý do của tình huống phải được giải thích cho khách.

An apology must be made. [221] Phải có một lời xin lỗi.

The procedure to relocate the guest must be explained. [222] Phải giải thích thủ tục di chuyển khách.

**(Trang 76)**

Transport to and back from the alternative hotel must be offered. [224] Phải cung cấp phương tiện vận chuyển đến và đi từ khách sạn thay thế.

The General Manager or Duty Manager must personally contact the guest within 24 hours to apologise again and to confirm the guest's satisfaction with the alternative accommodation. [23284] Tổng Quản lý hoặc Quản lý ca phải trực tiếp liên lạc với khách trong vòng 24 giờ để xin lỗi lần nữa và để xác nhận sự hài lòng của khách với chỗ ở thay thế.

If the guest is not satisfied, the General Manager or Manager on Duty must take additional measures to satisfy the guest. [37628] Nếu khách không hài lòng, Tổng Quản lý hoặc Quản lý ca phải thực hiện các biện pháp bổ sung để thỏa mãn khách.

The Manager on Duty must make arrangements with the sister property or alternative hotel to bill the hotel directly for first night’s accommodation. [50824] Quản lý ca phải sắp xếp với khách sạn cùng hệ thống hoặc khách sạn thay thế để lập hóa đơn trực tiếp về khách sạn cho đêm đầu tiên.

The hotel must also reimburse the guest for any reasonable expenses incurred by the change, including transportation and the cost of telephone calls. [50825] Khách sạn cũng phải hoàn trả cho khách đối với bất kỳ chi phí hợp lý nào phát sinh do việc thay đổi, bao gồm chi phí vận chuyển và gọi điện thoại.

Where the General Manager or Manager on Duty is not able to reach the guest, a personal letter of apology must be sent from the General Manager within 24 hours of the inconvenience. [50826] Trong trường hợp Tổng Quản lý hoặc Quản lý ca không thể liên lạc được với khách, thư xin lỗi cá nhân phải được gửi từ Tổng Quản lý trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự bất tiện.

Internet access must be reimbursed. [50827] Phải hoàn phí truy cập internet.

For groups, a ‘walked room’ must not count toward their contracted complimentary room policy (e.g.‘one complimentary for every 50 rooms occupied’). [50828] Đối với khách theo đoàn, phòng bị di dời sang khách sạn khác không được tính vào phòng chính sách phòng miễn phí theo hợp đồng (ví dụ: miễn phí một phòng cho mỗi 50 phòng sử dụng).

If the guest is relocated, the hotel stay for the first night must be complimentary. [57024] Nếu khách bị di dời, đêm đầu tiên ở khách sạn phải được miễn phí.

Where advance deposits have been taken they must be refunded. [67907] Trường hợp đã thực hiện đặt cọc trước, tiền phải được hoàn trả.

Process must be managed by a senior representative. [67908] Quá trình phải được xử lý bởi một đại diện cấp cao.

Guidelines Hướng Dẫn

Reasonable expenses include any directly related expenses such as transportation and the cost of telephone calls to notify family. [15864] chi phí hợp lý bao gồm mọi chi phí liên quan trực tiếp như chi phí vận chuyển và gọi điện thoại để thông báo cho gia đình.

Compensation could include, but is not limited to, a free return stay at their hotel, food, beverage or other compensation. [37632] Bồi thường có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở, miễn phí đêm nghỉ khi trở lại khách sạn, dịch vụ ăn uống hoặc các dạng bồi thường khác.

If the guest returns to the hotel for the remainder of the stay, the Manager on Duty or a more senior colleague should acknowledge the guest. [67909] Nếu khách trở lại khách sạn trong thời gian còn lại của kỳ nghỉ, Quản lý ca hoặc một nhân viên cấp cao hơn nên bày tỏ lòng biết ơn đối với khách.

Check in must be available from 15:00. [236] Thủ tục check-in nên từ 15:00.

If a guest arrives before Check in time and rooms are available, colleagues must offer the guest the option to Check in early. [8050] Nếu khách đến trước giờ nhận phòng và phòng đã sẵn sàng, các nhân viên phải đề xuất với khách dịch vụ nhận phòng sớm.

When a guest with a confirmed reservation arrives and their room is not available they must be fully informed of the following: [231] Khi một khách có đặt phòng xác nhận đến và phòng của họ chưa sẵn sàng, họ phải được thông báo đầy đủ về những điều sau đây:

The approximate length of the wait [232] Thời gian đợi ước tính

Be offered an appropriate place to change, if required [233] Đề xuất một nơi thích hợp để thay quần áo, nếu có yêu cầu

Offered complimentary luggage storage [234] Đề xuất gửi hành lý miễn phí

The guest must be sent to a clean room that is ready for occupancy as soon as possible. [37648] Khách phải được đưa đến một phòng sạch sẽ sẵn sàng càng sớm càng tốt.

Shower facilities and complimentary water must be offered to guests. [50829] Phải đề xuất với khách sử dụng phòng tắm vòi sen phù hợp và mời nước lọc miễn phí.

Should the room not be ready at the stated Check in time, the guest must be offered service recovery (e.g. offering guests a complimentary beverage). [50830] Nếu phòng chưa sẵn sàng vào thời gian nhận phòng đã báo trước, khách phải được mời dịch vụ đền bù (ví dụ: mời sử dụng một đồ uống miễn phí).

Luggage storage must be in a secured location. [57025] Lưu trữ hành lý phải ở một vị trí an toàn.

When guest luggage is stored, it must be tagged and a receipt provided to the guest. [57026] Khi cất giữ hành lý cho khách, hành lý phải được gắn tag và khách phải được cấp biên lai.

Check in must be processed and a key card in a branded wallet provided to the guest once the room is available. [57027] Phải xử lý thủ tục check-in và cung cấp một thẻ khóa trong ví thương hiệu cho khách ngay khi phòng sẵn sàng.

**(Trang 77)**

Guest's mobile phone number must be requested and guest advised when room is ready. [57028] Phải yêu cầu lấy số điện thoại di động của khách và thông báo cho họ khi phòng đã sẵn sàng.

Guidelines Hướng Dẫn

• Guests should be kept up to date with any changes to the wait time. [57029] Luôn cập nhật cho khách nếu có thay đổi về thời gian đợi.

When checking in a guest arriving outside of restaurant hours, colleagues must inform guests of available food and beverage options. [2512] Khi làm check-in cho một khách đến ngoài giờ nhà hàng hoạt động, các nhân viên phải thông báo cho khách về các lựa chọn đồ ăn uống có sẵn.

Guidelines Hướng Dẫn

• Off-peak food options should include room service, vending machines or external food outlets. [33869] lựa chọn đồ ăn uống ngoài giờ cao điểm nên bao gồm dịch vụ phòng, máy bán hàng tự động hoặc cửa hàng đồ ăn bên ngoài.

The front desk and the area behind the desk that is visible to the guest must be free from clutter. [2964] Quầy lễ tân và khu vực phía sau quầy trong tầm mắt khách phải gọn gàng ngăn nắp.

Only awards presented to the Hotel by external sources, are to be displayed. [26396] Chỉ trưng bày các giải thưởng được trao cho Khách sạn từ các nguồn bên ngoài.

Message and folio racks must be out of guest view [42265] Giá hồ sơ và thông báo phải ngoài tầm nhìn của khách.

Festive decorations are permitted [42271] Cho phép trang trí chủ đề lễ hội.

Cabinets and work surfaces [42273] Tủ đựng và mặt bàn làm việc

Required guest information including IHG® Rewards Club Application forms and local Food & Beverage information must be accessible to the Front Desk colleagues, not on display. [42276] Thông tin khách yêu cầu bao gồm các mẫu Đơn đăng ký CLB Khách hàng Thân thiết IHG® và thông tin về dịch vụ F&B tại địa phương phải được dễ truy cập bởi các nhân viên của Quầy lễ tân, không được trưng ra.

Front Desk colleagues must have a sufficient supply of necessary items available to them 24 hours a day. [175] nhân viên lễ tân phải có đủ các vật dụng cần thiết cho công việc 24 giờ một ngày.

Room keycards and wallets. [176] Thẻ khóa và ví đựng khóa.

Invoice/Folio paper. [178] Hóa đơn/giấy Folio (giấy cỡ 216 × 343 mm hoặc 203 × 330 mm)

Travel and local area information, including city maps, tours, landmarks, attractions, shopping. [181] Thông tin du lịch và khu vực địa phương, bao gồm bản đồ thành phố, tour du lịch, địa danh, điểm tham quan, mua sắm.

Forget Something?™programme supplies. [183] Dự trữ vật phẩm phục vụ chương trình Forget Something?™ (cung cấp cho khách một số vật phẩm dễ quên như bàn chải, kem đánh răng, lược, dao cạo...)

Additional tea and coffee supplies (must be available to guests free of charge, upon request). [184] Cung cấp trà và cà phê bổ sung (phải có sẵn miễn phí cho khách, theo yêu cầu).

Laundry bags and laundry lists with pricing. [57143] Túi giặt và danh sách giặt ủi với bảng giá.

Check in -> Front Desk -> General Thông tin chung

Walls behind the front desk must meet the following: [102716] Tường phía sau bàn lễ tân phải đáp ứng như sau:

Where provided cabinets must be low level. [241104] Trường hợp cung cấp tủ, phải là tủ thấp.

Open cabinets and/or shelves are not permitted. [241103] Không cho phép tủ mở và/hoặc kệ mở.

A dedicated IHG® Rewards Club area must be provided. [98535] Cung cấp một khu vực dành riêng cho CLB Khách hàng Thân thiết IHG®.

Check in -> Front Desk -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

A front desk is required and must meet the following requirements: [12330] Yêu cầu có một quầy lễ tân và phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Televisions located on or behind the front desk are not permitted. [98529] Không cho phép đặt ti vi trên hoặc phía sau quầy lễ tân.

Spacing between terminals must be a minimum of 1.5m (5ft) centres. [180048] Khoảng cách giữa các máy tính phải tối thiểu 1,5m (5ft) tính từ giữa bàn.

Plastic laminate finishes are not permitted on guest facing countertops [54818] Không cho phép hoàn thiện laminate nhựa trên mặt bàn đối diện khách

Storage for front desk collateral [54819] Tủ chứa các tài liệu quảng bá tại quầy lễ tân

**(Trang 78)**

All storage at the front desk must be out of guest view [54820] Tất cả tủ chứa tại quầy lễ tân phải nằm ngoài tầm nhìn của khách

Storage for front desk supplies must be incorporated either into the front desk or kept in a separate storage unit [54821] Tủ chứa cho vật phẩm phục vụ quầy lễ tân phải được tích hợp vào quầy hoặc tách làm tủ chứa riêng

All technical equipment and cabling must be screened from guest facing side. [77620] Tất cả các thiết bị kỹ thuật và hệ thống cáp phải được che từ phía đối diện khách.

The guest facing front section must be a maximum of 1.1m (3ft 8in) in height. [77621] Phần mặt trước quầy đối diện khách có chiều cao tối đa 1,1m (3ft 8in).

Lockable storage for cash and confidential documents. [87087] Tủ khóa đựng tiền và các tài liệu bảo mật

Task lighting [98530] Đèn làm việc

Where hooks to support suit-carriers are installed on the front of the desk, they must be installed discretely. [116010] Trường hợp có móc để treo túi đựng bộ vest ở phía trước quầy, móc phải được lắp một cách kín đáo.

Should be a minimum working surface height of 90cm (36in) on the colleague side. [101226] Khuyến nghị chiều cao mặt làm việc tối thiểu 90cm (36in) ở phía nhân viên.

Where possible its location should offer the staff views to the lift lobby, meeting rooms and entrance to guest room areas [77624] Nếu có thể, vị trí quầy sẽ cho phép nhân viên nhìn ra được sảnh thang máy, phòng họp và lối vào khu vực phòng khách

Should be visible from the main entrance. [103229] Nên dễ thấy từ lối vào chính.

Where computer screens are in use, a non-reflective light source must be provided. [29515] Khi màn hình máy tính được sử dụng, phải cung cấp nguồn sáng chống lóa

The floor at the work area behind the front desk must meet the following: [57690] Sàn tại khu vực làm việc phía sau quầy lễ tân phải đáp ứng như sau:

Be anti-static [57692] Chống tĩnh điện

Cushioned [341082] có lót

Guidelines Hướng Dẫn

Recessed carpet wells are recommended where adjacent flooring is a hard surface. [57694] Khuyến nghị dùng thảm âm sàn nơi sàn liền kề có bề mặt cứng.

Carpet with underlay is recommended. [341083] Nên sử dụng lót thảm.

Televisions located on or behind the front desk are not permitted. [899] Không cho phép ti vi đặt trên hoặc phía sau quầy lễ tân.

Number of Check In/Check Out terminals must meet the following requirements: [102714] Số lượng máy tính phục vụ check in/check out phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Check in desks with more than five terminals must be IHG approved. [116016] Bàn check-in có nhiều hơn năm máy tính phải được IHG phê duyệt.

Minimum three Property Management System (PMS) terminals are required. [116017] Yêu cầu tối thiểu ba máy có cài đặt Phần mềm quản lý Khách sạn (PMS).

For hotels with more than 200 rooms a ratio of at least one terminal per 75 rooms is required. [116018] Đối với các khách sạn có hơn 200 phòng, cần đáp ứng tỉ lệ ít nhất một máy trên 75 phòng.

Security mirrors are not permitted at the front desk. [12323] Không cho phép lắp gương cầu lồi quan sát ở quầy lễ tân.

Check in -> Front Desk -> Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết bị

The wall behind, or adjacent to, the front desk must have the branded signature back wall elements.

[901] Bức tường phía sau hoặc liền kề quầy lễ tân phải có các yếu tố trang trí đặc trưng thương hiệu gắn tường.

The branded wall element must only be located on the adjacent wall when architectural obstructions exist on the wall behind the front desk. [39431] yếu tố trang trí tường thương hiệu chỉ được phép đặt trên tường liền kề khi có vật cản kiến trúc trên bức tường phía sau quầy lễ tân.

**(Trang 79)**

Signature back wall or sculptural art wall, final selection and location must be IHG approved. [100249] Yếu tố trang trí đặc trưng hoặc bức điêu khắc trang trí, lựa chọn cuối cùng và vị trí phải được IHG phê duyệt.

Guidelines Hướng Dẫn

The entrance to the front office should be located or screened in such a way that it is not visible to the guest when standing at the reception desk. [77633] Lối vào quầy lễ tân nên được bố trí hoặc che chắn sao cho khách không nhìn thấy khi đứng ở bàn tiếp tân.

Sculptural art wall is recommended. [94900] Khuyến nghị dùng bức điêu khắc trang trí tường.

Design reference attached. [100248] Tham khảo thiết kế đính kèm.

Design reference image for signature wall Hình ảnh tham khảo cho thiết kế tường đặc trưng. (thiếu link)

Where the signature back wall is installed, it must meet the following: [77598] Trường hợp lắp đặt tường đặc trưng sau quầy lễ tân, phải đáp ứng như sau:

Illuminated back of reception sign. [77636] Phía sau có chiếu sáng của biển quầy lễ tân

Face panel to be formed aluminum. [77637] tấm mặt là nhôm

Three acrylic square lights pushed through the face panel. [77638] Ba đèn vuông acrylic đẩy qua tấm mặt.

The square lights must vary in depth. [77639] đèn hình vuông phải có độ sâu khác nhau.

One acrylic logo with brushed stainless steel effect faces pushed through the face panel. [77640] Một logo acrylic với các mặt hiệu ứng thép không gỉ được chải qua tấm ốp.

Logo must have halo illumination. [77641] Logo phải có quầng sáng

Internally illuminated by means of high frequency cathode tubes. [77643] Chiếu sáng bên trong bằng các ống catốt tần số cao.

Where the sculptural art wall is installed, one of the following sizes must be used: [77607] Nếu lắp đặt bức điêu khắc trang trí, một trong các kích thước sau phải được sử dụng:

Small, medium or large. [77608] Nhỏ, trung bình hoặc lớn.

• Small size: 30'' - 75cm x 50cm (30in x 20in) [77609] Kích thước nhỏ: 30 '' - 75cm x 50 cm (30in x 20in)

• Medium size: 48'' - 120cm x 85cm (48in x 34in) [77610] Kích thước trung bình: 48 '' - 120cm x 85cm (48in x 34in)

• Large size: 72'' - 1.8m x 1.2m (6ft x 4ft) [77611] Kích thước lớn: 72 '' - 1,8m x 1,2m (6ft x 4ft)

Other size variations are not permitted. [77612] Không cho phép sử dụng các kích thước khác.

Where the sculptural art wall is installed, it must meet the following: [77599] Nếu lắp đặt bức điêu khắc trang trí tường, phải đáp ứng như sau:

Must only be mounted on a flat pane, not curved or multi dimensional. [77644] Chỉ phải được gắn trên mặt phẳng, không cong hoặc đa chiều.

Guidelines Hướng Dẫn

• Design reference attached. [77645] Tham khảo thiết kế đính kèm.

Sculpture Art Wall Reference Tham khảo Tường điêu khắc trang trí (thiếu link)

An existing wall finish can be retained if it is contemporary, high quality, in-line with the interior design of the lobby and if it is not compromising the installation or visibility of the art wall sign. [77646] có thể giữ lại hoàn thiện tường sẵn có nếu nó hiện đại, chất lượng cao, phù hợp với thiết kế nội thất của lobby và không gây ảnh hưởng đến việc lắp đặt hoặc độ rõ ràng của bảng hiệu gắn tường.

Where the sculptural art wall is installed, one of the following colours must be used: [77600] Trường hợp lắp đặt bức điêu khắc trang trí tường, một trong những màu sau đây phải được sử dụng:

All green, all frosted or green and frosted. [116011] Toàn bộ màu xanh lá cây, toàn bộ màu màu frosted hoặc màu xanh lá và màu frosted.

**(Trang 80)**

For resort locations variations in natural materials (e.g. Bamboo) can be considered but are subject to IHG® approval and must coordinate with the look and feel of the lobby. [116013] Đối với các địa điểm resort, có thể xem xét các loại vật liệu tự nhiên (ví dụ: Tre) nhưng phải được IHG® phê duyệt và phải phù hợp với diện mạo của lobby.

The scupltural art wall must always be centred on wall it is placed on. [18522] Bức điêu khắc phải luôn được đặt ở chính giữa trên bức tường.

The sculptural art wall location is subject to IHG® approval. [18523] Vị trí tường treo bức điêu khắc trang trí phải được IHG® phê duyệt.

Windows on the back wall, immediately behind the front desk into back of house, are not permitted.

[900] Không cho phép có cửa sổ trên tường phía sau, ngay sau bàn tiếp tân tiếp nối vào khu vực BOH.

Internal windows into the front desk office or any other BOH areas are not permitted. [78063] Không cho phép có cửa sổ trong nhà nhìn vào văn phòng lễ tân hoặc bất kỳ khu vực BOH nào khác.

Guidelines Hướng Dẫn

• Where external windows can provide views into the surrounding landscape, the installation of windows can be considered, subject to IHG® approval. [78064] Khi các cửa sổ hướng ra ngoài có view ra cảnh quan xung quanh, việc lắp đặt các cửa sổ có thể được xem xét, tùy thuộc vào sự chấp thuận của IHG®.

Check in -> Front Desk -> Collateral/Stationery Ấn phẩm quảng bá/Văn phòng phẩm

Keycards are required. [43237] Yêu cầu có khóa thẻ.

Third-party advertising is not permitted, except for manufacturers' details on the reverse of the card.

[43240] Không cho phép quảng cáo của bên thứ ba, ngoại trừ thông tin về nhà sản xuất về mặt trái của thẻ.

Keycard wallets or keycard sleeves are required. [6922] Yêu cầu có ví đựng thẻ khóa

Third-party advertising on the keycard wallet and sleeve is not permitted. [25782] Không được phép có quảng cáo của bên thứ ba trên ví thẻ khóa.

Guidelines Hướng Dẫn

In countries where there are no toll free telephone numbers , just the brand URL details may be included [7131] Ở các quốc gia không có số điện thoại miễn phí, chỉ được bao gồm thông tin trang web của thương hiệu

Lobby

Lobby -> General Thông tin chung

A Lobby must be provided and meet the following: [84537] Một lobby phải được cung cấp và đáp ứng như sau:

Front desk/reception [116019] Bàn lễ tân

Concierge station [116023] quầy concierge

Luggage store room [116020] Phòng để hành lý

Soft seating [116026] Chỗ ngồi êm

Seating must be provided and meet the following: [99205] Phải cung cấp chỗ ngồi và đáp ứng như sau:

Lounge seating. [99207] Chỗ ngồi lounge.

Coffee tables. [99208] bàn cà phê.

Side tables. [99209] bàn phụ.

Located in the main lobby adjacent to reception area. [99210] Đặt tại các sảnh chính liền kề với khu vực lễ tân.

**(Trang 81)**

Lobby lighting must meet the following: [99218] Chiếu sáng sảnh phải đáp ứng như sau:

Warm tone [99219] Tông màu ấm

Spot or specialty lighting to highlight artwork or other details of special interest. [99221] Chiếu sáng bằng đèn chiếu điểm hoặc đèn chuyên dụng để làm nổi bật các tác phẩm nghệ thuật hoặc các chi tiết khác đáng chú ý.

Dimmable and with scene settings. [99228] Đèn có chỉnh độ sáng và có thiết lập quang cảnh

Lighting control functions, where installed in a front of house location, to be screened from guest view. [99229] chức năng điều khiển ánh sáng, nếu được lắp đặt ở khu FOH, phải được che khỏi tầm nhìn của khách.

Lighting control not accessible to guests. [99230] Điều khiển chiếu sáng không cho khách tiếp cận.

A Guest Activities desk must be provided and meet the following: [84540] Bàn Guest Activities (hoạt động của khách) phải được cung cấp và đáp ứng các yêu cầu sau:

A minimum of two seats for guests. [116035] Tối thiểu hai chỗ ngồi cho khách.

A minimum of one seat for staff. [116036] Tối thiểu một chỗ ngồi cho nhân viên.

Task light [116037] Đèn làm việc

Telephone [116038] Điện thoại

Luggage storage must be provided and include the following: [21233] Phải cung cấp kho chứa hành lý bao gồm:

See also ID number [56177] Xem thêm số ID [56177]

Room sized to accommodate short-term storage of guests' luggage [21234] Kích thước phòng kho phù hợp chứa hành lý ngắn hạn cho khách

Hard surface floor finish [21236] Hoàn thiện sàn bề mặt cứng

Painted wall finish [21237] Hoàn thiện tường sơn

Door with card key lock and an automatic closer. [116069] Cửa có khóa thẻ và tay co tự động.

Directly connected to service lifts via back of house corridor. [116070] Kết nối trực tiếp tới thang máy service thông qua hành lang BOH.

Adjacent to concierge station [116072] Liền kề với quầy concierge

A proprietary metal shelving system with hanging rail. [116073] Một hệ thống giá kim loại với thanh treo.

Holding area for the deposit and collection of outsourced guest laundry. [116075] Khu vực chứa đồ giặt thuê giặt ngoài nhận từ khách và chuẩn bị trả.

Must have recessed or surface mounted ceiling lights. [116077] Phải có đèn âm hoặc gắn bề mặt

Finishes of the access door must be coordinated with the adjacent lobby finishes. [116078]

Hoàn thiện cửa vào phải phối hợp với các hoàn thiện lobby liền kề.

Be a minimum size of 15m² (160ft²) [285381] Có kích thước tối thiểu 15m² (160ft²)

Total room size should be determined based on expected guest mix. [84534] Tổng kích thước phòng nên được xác định dựa trên lượng khách dự kiến.

Access to the room should be designed so that guest do not have direct view into the room. [116079] Lối vào phòng nên được thiết kế sao cho khách không thể nhìn trực tiếp vào phòng.

The luggage store should be located, where possible, with exterior access adjacent to the building entrance. [116080] Phòng kho hành lý nên được bố trí sao cho cửa dẫn ra ngoài liền kề với lối vào tòa nhà nếu có thể.

Storage room for luggage trolleys must be provided. [98699] Phải cung cấp phòng kho chứa xe đẩy hành lý.

Direct access off the driveway. [98700] Lối vào trực tiếp từ đường chạy xe.

Adjacent to bell station. [98701] Liền kề quầy nhân viên hành lý.

**(Trang 82)**

Space to park minimum three trolleys [98703] Không gian để đậu tối thiểu ba xe đẩy hành lý

Where a shop is provided it must meet the following: [99212] Trường hợp cung cấp một cửa hàng, phải đáp ứng như sau:

Retail or product display viewable from the public spaces. [99214] Sản phẩm bán lẻ hoặc trưng bày có thể nhìn thấy từ các không gian công cộng.

A sales counter must be provided, with all necessary equipment integrated into the design, so that it is out of guest view. [99216] Phải cung cấp một quầy bán hàng, với tất cả các thiết bị cần thiết được tích hợp vào thiết kế sao cho nằm ngoài tầm nhìn của khách.

Dedicated secure storage room. [99217] Phòng kho an toàn chuyên dụng.

Located with direct access from a public area of the hotel. [99213] Được bố trí với lối vào trực tiếp từ một khu vực công cộng của khách sạn.

Where architectural plants and flowers are provided, they must meet the following: [38360] Trường hợp cung cấp cây cối và hoa kiến trúc, chúng phải đáp ứng như sau:

Location must not restrict any guest or service flows. [38363] Vị trí không được hạn chế bất kỳ luồng khách hoặc dịch vụ nào

Well-maintained and healthy. [38366] được chăm sóc tốt và khỏe mạnh.

Living plants and flower arrangements must be professionally prepared and well maintained. [38373] Phải chăm sóc và chuẩn bị chuyên nghiệp hoa và cây cối.

Holiday Inn® Hotel & Suites properties must provide convenience store items. [116049] Khách sạn Holiday Inn® Hotel & Suites phải cung cấp các mặt hàng cửa hàng tiện lợi.

By means of a gift shop, convenience store or vending machines. [116050] Thông qua một cửa hàng quà tặng, cửa hàng tiện lợi hoặc máy bán hàng tự động.

Where tourist information brochures are displayed, they must be in a brochure rack. [677050] Nơi trưng bày các tài liệu thông tin du lịch, phải ở trên một giá đựng brochure.

Hotel brochures from non IHG® hotels must not be displayed. [677051] Không được trưng bày ấn phẩm quảng cáo của khách sạn không thuộc IHG®.

Lobby -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

A house phone must be provided at/near the main lobby area. [102717] Phải cung cấp một điện thoại bàn tại/gần khu vực lobby chính.

Minimum of one house telephone for every 150 guest rooms. [116082] Tối thiểu một điện thoại trong nhà trên mỗi 150 phòng khách.

House telephones must connect directly with the Guest Service Centre. [116083] Điện thoại bàn phải kết nối trực tiếp với Trung tâm dịch vụ khách hàng

Located in or adjacent to the lobby [116086] Nằm trong hoặc liền kề với sảnh

Artwork and accessories are required in the lobby. [102718] Yêu cầu tranh ảnh và đồ trang trí nghệ thuật tại lobby.

Illuminated with designated accent lighting. [116087] Được chiếu sáng với ánh sáng điểm nhấn chuyên biệt.

Securely fixed [116088] Cố định an toàn

Concierge Dịch vụ đưa đón

Concierge -> General Thông tin chung

Concierge services are permitted. [2932] Cho phép cung cấp các dịch vụ Concierge.

Must be available between 07:00–23:00, seven days a week [2933] Luôn sẵn sàng từ 07:00–23:00, 7 ngày một tuần

From 23:00–07:00 concierge services must be offered by colleagues working at the Front Desk, Guest Service Centre, or by Porters. [2934] Từ 23:00–07:00 các dịch vụ concierge phải được giới thiệu cho khách bởi nhân viên Lễ Tân, nhân viên Trung Tâm Dịch Vụ Khách Hàng, hoặc bởi nhân viên khuân vác hành lý.

**(Trang 83)**

Must be clearly visible from the front desk [6316] Phải dễ thấy từ quầy lễ tân

Assisting guests with queries [6317] Hỗ trợ trả lời thắc mắc của khách

Must be trained to recommend and make reservations for restaurants, theatres, concerts, and other cultural or sporting events [6318] Phải được đào tạo để đề xuất và đặt chỗ cho các nhà hàng, rạp chiếu phim, buổi hòa nhạc và các sự kiện văn hóa hoặc thể thao khác

Providing directions to places of interest, including shopping advice [6319] Cung cấp hướng dẫn đến các địa điểm được quan tâm, bao gồm tư vấn mua sắm

Making transport arrangements - limousine, taxi or car rental [6320] Sắp xếp phương tiện đi lại – cho thuê xe limousine, taxi hoặc xe hơi

Booking, reconfirming, changing or paying for airline or train tickets on guests' behalf [6321] Đặt chỗ, xác nhận lại, thay đổi hoặc trả tiền cho hãng hàng không hoặc vé tàu thay cho khách

Attending to all outgoing guest mail, including packaging, courier or shipping services [6322] Hỗ trợ tất cả các thư khách gửi đi, bao gồm dịch vụ đóng gói, chuyển phát nhanh hoặc vận chuyển

Arranging luggage storage and bell services [6323] Sắp xếp kho chứa hành lý và dịch vụ khuân vác hành lý

Guidelines Hướng Dẫn

• Dedicated concierge services are permitted. [63695] Cho phép các dịch vụ concierge chuyên dụng

Concierge -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

Where a concierge station is provided it must meet the following: [99899] Trường hợp cung cấp một quầy concierge, nó phải đáp ứng như sau:

As part of the front desk or adjacent to it as an individual station. [99900] Là một phần của quầy lễ tân hoặc là một quầy riêng ở vị trí liền kề.

Minimum one computer with internet connection. [99903] Tối thiểu một máy tính có kết nối internet.

One telephone per computer terminal. [99904] Một điện thoại trên mỗi máy tính.

Data, telephone and power outlets. [99905] Ổ mạng, ổ điện thoại và ổ cắm điện.

Task lighting [99906] Đèn làm việc

Access to printer. [99908] Truy cập máy in

Design must coordinate with front desk if provided as separate station. [99909] Nếu là quầy riêng, thiết kế phải đồng bộ với quầy lễ tân.

Storage space for reference materials and stationery. [99911] Tủ chứa cho các tài liệu tham khảo và văn phòng phẩm.

Where telephones are provided they must meet the following: [99952] Trường hợp cung cấp điện thoại, chúng phải đáp ứng như sau:

Must have in-house line. [99953] Phải có đường dây nội bộ.

Must have external line. [99954] Phải có đường dây gọi ra ngoài.

Journey within the hotel Hành trình trong khách sạn

Journey within the hotel -> General Thông tin chung

Merchandising in showcases or display cabinets must be approved by IHG®. [62852] Bán hàng tại quầy hoặc tủ trưng bày phải được IHG® chấp thuận.

Public corridors must meet the following: [102768] Hành lang công cộng phải đáp ứng như sau:

Minimum clear width of 1.5m (5ft). [133094] Chiều rộng tối thiểu 1,5m (5ft).

Finishes and materials must be coordinated with the interior design of the hotel's public areas. [133095] Hoàn thiện và vật liệu phải được phối hợp với thiết kế nội thất khu vực công cộng của khách sạn.

**(Trang 84)**

Guidelines Hướng Dẫn

• Corridor widths should be sized to handle occupant use in the spaces that they are serving. [133096] Hành lang phải đủ rộng để phục vụ khách sử dụng.

Permanent screening must be provided around all service areas, plant, equipment and waste collection areas that may be visible to guests. [62843] Cung cấp che chắn cố định xung quanh tất cả các khu vực dịch vụ, máy móc, thiết bị và khu thu gom chất thải mà khách có thể nhìn thấy.

Must coordinate with interior design of adjacent areas. [99095] Phải phối hợp với thiết kế nội thất các khu vực liền kề.

A process must be in place for timely reporting, record, and resolution of cleaning and maintenance faults and problems. [5377] Phải hoàn thiện một quy trình để báo cáo, ghi lại và giải quyết kịp thời các lỗi và sự cố vệ sinh và bảo trì.

Guests must be given a time frame in which their complaint or issue will be resolved. [64807] Cung cấp cho khách một khung thời gian trong đó khiếu nại hoặc vấn đề của họ sẽ được giải quyết.

Colleagues must follow up with the guest after the issue has been resolved and offer further assistance. Nhân viên phải cập nhật cho khách sau khi vấn đề đã được giải quyết và đề nghị hỗ trợ thêm.

[68647]

Process must be documented and evidence must be kept. [91428] Phải ghi lại quá trình và lưu giữ bằng chứng.

All areas and surfaces throughout the hotel must be kept clutter free. [23675] Tất cả các khu vực và bề mặt trong toàn khách sạn không được bề bộn.

Decorative items must be kept to a minimum and approved by IHG®. [23676] Vật trang trí phải được giữ ở mức tối thiểu và được IHG® chấp thuận.

Any non IHG® collateral can only be provided in the Directory of Services. [23677] Bất kỳ ấn phẩm không phải của IHG® chỉ được phép cung cấp trong Danh mục dịch vụ

An automated external defibrillator (AED) must be provided. [65895] Phải cung cấp máy khử rung tim ngoài tự động (AED)

Guidelines Hướng Dẫn

• Location of AED should be determined by risk assessment. [425048] Vị trí máy AED nên được xác định thông qua đánh giá rủi ro.

Smoking, in any form, is prohibited in all non-smoking areas, including without limitation the use of tobacco products such as pipes, cigars, cigarettes and electronic cigarettes. [782048] Hút thuốc, dưới mọi hình thức, đều bị cấm trong tất cả các khu vực cấm hút thuốc, bao gồm nhưng không giới hạn trong việc sử dụng các sản phẩm từ tobacco như ống hút, xì gà, thuốc lá và thuốc lá điện tử.

Journey within the hotel -> Guest Corridors & Elevator/Lift Lobbies Hành lang của khách & Sảnh Thang máy

Journey within the hotel -> Guest Corridors & Elevator/Lift Lobbies -> General Thông tin chung

The main elevator/lift lobby must meet the following: [12380] Sảnh thang máy chính phải đáp ứng như sau:

See also ID number [56740, 56743, 56744, 56748, 56752, 56755] Xem thêm số ID [56740, 56743, 56744, 56748, 56752, 56755]

Must be adjacent to the lobby. [15516] Phải liền kề lobby.

Interior finishes to be coordinated with the lobby. [15520] Hoàn thiện nội thất phải đồng bộ với lobby.

Durable materials must be used at the entry to each lift. [57704] Vật liệu bền phải được sử dụng tại lối vào mỗi thang máy.

Guidelines Hướng Dẫn

• Recommended minimum clear width between opposing banks of elevator/lift car doors is 3m (10ft). [32265] Chiều rộng tối thiểu cho sảnh thang máy được đề xuất là 3 m (10ft).

• Recommended to be within the view of the front desk. [15509] Khuyến nghị bố trí trong tầm nhìn của quầy lễ tân

Guest floor elevator/lift lobbies must meet the following: [12386] Sảnh thang máy tầng khách phải đáp ứng như sau:

**(Trang 85)**

Lift doors must not be located directly across from guest room doors. [57709] Cửa thang máy không được đặt đối diện trực tiếp với cửa phòng khách.

Furniture and finishes to coordinate with the guest room corridor [15532] Nội thất và hoàn thiện phải đồng bộ với hành lang phòng khách

Durable materials must be used at the entry to each lift. [57707] Phải dùng các vật liệu bền tại lối vào mỗi thang máy.

Guidelines Hướng Dẫn

• Natural light is recommended. [57711] Khuyến nghị dùng ánh sáng tự nhiên.

Guest room corridors must meet the following: [12453] hành lang phòng khách phải đáp ứng như sau:

Finishes to coordinate with guest rooms [68806] Hoàn thiện đồng bộ với phòng khách

Minimum clear width of 1.5m (5ft) [133098] Chiều rộng tối thiểu 1,5m (5ft)

At the guest room doors corridor walls should be set back between 15cm (6in) to 30cm (12in) towards the guest rooms. [133100] Tại cửa phòng khách, tường hành lang nên hõm vào từ 15cm (6in) đến 30cm (12in) về phía phòng khách.

A clear width of 1.8m (6ft) is recommended. [138052] Đề xuất chiều rộng là 1,8m (6ft)

Housekeepers’ trolleys and cleaning equipment must not interfere with guests using the corridor. [269] xe đẩy buồng phòng và trang bị làm vệ sinh không được ảnh hưởng đến khách sử dụng hành lang.

Journey within the hotel -> Guest Corridors & Elevator/Lift Lobbies -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

All exposed external wall corners on circulation routes must be protected. [12584] Tất cả các góc tường lộ ra trên các đường lưu thông phải được bảo vệ.

Minimum height of 1.2m (4ft). [12585] Chiều cao tối thiểu 1,2m (4ft).

Secure concealed fastenings. [12587] Cố định kín và chắc chắn.

Material and detail of corner protection must coordinate with corridor and lobby finishes [78005] Vật liệu và chi tiết của bảo vệ góc tườmg phải phối hợp với hoàn thiện hành lang và lobby

Journey within the hotel -> Guest Corridors & Elevator/Lift Lobbies -> Fixtures and Fittings Đồ đạc và Phụ kiện

The following signage must be provided within the main lift lobby: [57696] Phải cung cấp các loại biển báo trong sảnh thang máy chính:

Where lifts do not serve all floors, identify the floors serviced by each lift bank. [57698] Trường hợp thang máy không phục vụ tất cả các tầng, phải xác định các tầng được phục vụ bởi từng cụm thang máy

Public restrooms. [78017] Nhà vệ sinh công cộng

Fitness room [78019] Phòng tập thể dục

Meeting facilities [99475] cơ sở phòng họp

Pool [252064] Bể bơi

The following signage must be provided within the guest floor elevator/lift lobby: [12388] Các loại biển sau phải được cung cấp trong sảnh thang máy của khách:

The floor level [12390] Số tầng

Guest rooms numbering must be provided and meet the following: [57871] Phải cung cấp đánh số phòng khách và đáp ứng như sau:

Must be sequential [57873] Phải tuần tự

Permanently installed on the guest room door or adjacent to it. [78021] Lắp đặt cố định trên cửa phòng hoặc liền kề với cửa.

**(Trang 85)**

Guidelines Hướng Dẫn

Should stack vertically throughout the hotel for ease of directing guests to rooms. [57875] Nên xếp theo chiều dọc khắp khách sạn để dễ dàng hướng khách đến phòng.

Typical room numbering layout. [57877] Bố trí số phòng điển hình.

Room Numbering layout reference Tham khảo bố trí Đánh Số Phòng (thiếu link)

Where faceplates for lift call buttons are provided they must meet the following: [58386] Trường hợp nút gọi thang máy là kim loại, chúng phải đáp ứng như sau:

Durable and scratch resistant. [58388] Bền và chống trầy xước

Must coordinate with the adjacent interior design. [58390] Phải đồng bộ với thiết kế nội thất.

On floors where smoking is permitted in public areas, ash receptacles must be located in the lift lobbies. [39443] Trên các tầng cho phép hút thuốc ở khu vực công cộng, gạt tàn phải được đặt trong các sản thang máy.

Must be metal. [39445] Phải là kim loại.

A rubbish bin must not be provided or attached. [39446] Không được cung cấp thùng rác hoặc thùng rác gắn liền gạt tàn

Top must be sand filled. [62857] Gạt tàn phải đổ cát.

Journey within the hotel -> Guest Lifts Thang máy cho khách

Journey within the hotel -> Guest Lifts -> Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết bị

A handrail must be provided in each lift/elevator and meet the following: [12424] Phải cung cấp tay vịn trong mỗi thang máy và đáp ứng những điều sau đây:

A minimum of one wall-mounted handrail to be provided. [22967] Cung cấp tối thiểu một tay vịn gắn tường.

Elevators/lifts which have both front and rear door openings must have handrails on both side walls [12425] Thang máy có cả cửa trước và sau phải có tay vịn ở hai bên tường

Handrails must be installed at 80cm (32in) above finished floor level. [78002] Phải lắp đặt tay vịn ở 80cm (32in) so với mức sàn hoàn thiện.

Journey within the hotel -> Guest Stairs Thang bộ cho khách

Journey within the hotel -> Guest Stairs -> General Thông tin chung

Any staircases intended for guest use during normal operation must meet the following: [12435] Bất kỳ cầu thang cho khách sử dụng thông thường phải đáp ứng như sau:

See also ID number [56310] Xem thêm số ID [56310]

Be finished to coordinate with the guest facing areas it serves. [54822] Được hoàn thiện đồng bộ với các khu vực đối diện khách mà nó phục vụ.

Handrails must be provided on both sides [57714] Tay vịn phải được cung cấp ở cả hai bên

Minimum clear head height of 2.2m (7ft 4in) is required. [78004] Yêu cầu chiều cao thông thủy tối thiểu là 2,2m (7ft 4in).

**(Trang 86)**

Guidelines Hướng Dẫn

• Closed stair risers are recommended to maintain guest privacy. [22730] Khuyến khích thang có mặt đứng bậc thang kín để đảm bảo riêng tư cho khách.

Egress/escape stairs must meet the following: [335177] cầu thang thoát hiểm phải đáp ứng như sau:

Solid and free from holes [335178] Rắn và không có lỗ

Free from any trip hazards [335179] Không có các rủi ro vấp ngã

Width must be based on 7.6mm (0.3in)/person [335180] Chiều rộng phải dựa trên cơ sở 7.6mm (0.3in)/người

Minimum clear unobstructed width: 1.10m (3.6ft) [335181] Chiều rộng tối thiểu không bị cản trở: 1.10m (3.6ft)

The following dimensions are recommended: maximum riser height of 180mm (7inch) and minimum tread depth of 280mm (11inch) [335182] Các kích thước sau được khuyến nghị: chiều cao mặt đứng bậc thang tối đa 180mm (7 inch) và chiều sâu bậc thang tối thiểu 280mm (11 inch)

Egress/escape stair door width must meet the following: [335183] Chiều rộng cửa cầu thang thoát hiểm phải đáp ứng như sau:

Minimum width: 2/3 of fire stair width [335184] Chiều rộng tối thiểu: 2/3 chiều rộng cầu thang thoát hiểm

Minimum clear width of 900mm (3ft) [335185] Chiều rộng tối thiểu 900mm (3ft)

Where a wheel chair refuge is provided in staircases it must meet the following: [356095] Trường hợp cung cấp vị trí chờ cho xe lăn trên cầu thang thoát hiểm, phải đáp ứng như sau:

Minimum area: 0.76m x 1.2m (2ft 9in x 3ft 12in) [356096] Diện tích tối thiểu: 0,76m x 1,2m (2ft 9in x 3ft 12in)

No overlap with escape routes or circulation spaces [356097] Không chồng chéo với các lối thoát hoặc không gian lưu thông

Direct access to a final exit from the building [356098] Tiếp cận trực tiếp đến lối thoát cuối cùng từ tòa nhà

Telephone connecting with a continuously staffed position [356099] Điện thoại kết nối với một vị trí luôn có nhân viên trực

Adequate area allowing the wheelchair user to manoeuvre into the refuge spot should be considered and provided. [356100] Nên xem xét và cung cấp đủ diện tích cho phép người sử dụng xe lăn có thể di chuyển trong vị trí chờ.

Journey within the hotel -> Guest Stairs -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

Finishes of emergency egress stairs must meet the following: [15674] Hoàn thiện cầu thang thoát hiểm khẩn cấp phải đáp ứng như sau:

Exposed concrete is permitted [15675] Cho phép hoàn thiện bê tông

Unfinished concrete floors and treads must have an inherent hardener [15676] Sàn và mặt bê tông chưa hoàn thiện phải có chất làm cứng trong vật liệu xây

Where nosings are installed they must be flush and securely fastened [15677] Nếu lắp bọc mép bậc cầu thang, chúng phải phẳng và được cố định chắc chắn

Journey within the hotel -> Guest Stairs -> Fixtures and Fittings Đồ đạc và Thiết bị

Inside handrails must be continuous. [12445] Tay vịn bên trong phải liên tục

Handrails must meet the following: [15680] Tay vịn phải đáp ứng như sau:

Box tube and horizontal style railings are not permitted. [78006] Không cho phép lan can kiểu thanh ngang và ống hộp.

Must extend past the last tread [15682] Phải kéo dài qua bậc thang cuối cùng

90° radius bend at each end of the handrail back to the wall [15681] Uốn cong 90° trở lại tường ở mỗi đầu tay vịn

**(Trang 87)**

Must be painted or factory finished metal for egress stairs. [57960] Thanh vịn cầu thang thoát hiểm phải được sơn hoặc hoàn thiện trong nhà máy.

Journey within the hotel -> Public Restrooms Nhà vệ sinh công cộng

Journey within the hotel -> Public Restrooms -> General Thông tin chung

The following hotel facilities must be provided with designated suites of toilets: [99222] Các tiện ích khách sạn sau phải được cung cấp nhà vệ sinh được chuyên dùng:

Lobby, restaurant and bar [99223] Lobby, nhà hàng và bar

Function and meeting room area [99224] Khu vực chức năng và khu vực phòng họp

Facilities for entertainment lounges, fitness centres and/or swimming pools must be separate from all other uses. [99225] Tiện ích cho phòng lounge giải trí, gym và/hoặc bể bơi phải tách biệt với tất cả các tiện sử dụng vào mục đích khác.

Guidelines Hướng Dẫn

• Restrooms are recommended to be combined where appropriate and if convenient for guest use. [99226] Phòng vệ sinh được khuyến nghị kết hợp sao cho phù hợp và nếu thuận tiện cho khách sử dụng.

Public restrooms must be provided and meet the following: [906] Phải cung cấp phòng vệ sinh công cộng và đáp ứng như sau:

Separate male and female facilities must be provided. [77671] Phải cung cấp các phòng cho nam và nữ riêng biệt.

Wheel chair accessible restrooms must be provided [77672] Phải cung cấp phòng vệ sinh cho người khuyết tật dùng xe lăn

Number of fixtures must be determined by the size of the hotel facilities and agreed with IHG [22306] Số lượng thiết bị phải được xác định bởi kích thước của các tiện ích khách sạn và được chấp thuận bởi IHG

Located conveniently to all public areas and meeting rooms [68802] Đặt ở vị trí thuận tiện cho tất cả các khu vực công cộng và phòng họp

Direct views into the public restrooms are not permitted [68803] Không cho phép nhìn tầm nhìn trực tiếp vào phòng vệ sinh công cộng

All perimeter walls to public restrooms must be full height to the underside of slab above [68804] Tất cả các bức tường bao cho nhà vệ sinh công cộng phải cao đến sát tấm trần.

Where swimming pools are provided guests must be able to access restrooms from the swimming pool area directly without having to pass through other public areas. [99206] Khi cung cấp bể bơi, khách phải có thể vào nhà vệ sinh trực tiếp từ khu vực bể bơi mà không phải đi qua các khu vực công cộng khác.

Where single occupant restrooms are provided, they must be lockable from the inside by the guest [22325] Khi cung cấp phòng vệ sinh một người dùng, khách phải có thể khóa từ bên trong

Multi-occupant unisex facilities are not permitted. [57415] Không cho phép các phòng vệ sinh nhiều người dùng không phân biệt giới tính.

Individual unisex facilities are permitted. [99211] Cho phép các phòng vệ sinh một người dùng không phân biệt giới tính.

Vestibules or screen walls are recommended at the restroom entrance. [103215] Khuyến nghị có không gian đệm hoặc tường/màn chắn ở lối vào nhà vệ sinh

Main entrances must meet the following: [99264] lối vào chính phải đáp ứng như sau:

Airlock [99265] Kín gió

Privacy [99266] Riêng tư

All public restrooms must be identified with signage using international symbols. [12975] Tất cả các phòng vệ sinh công cộng phải được xác định bằng các biển báo sử dụng các biểu tượng quốc tế.

Must identify gender. [12976] Biểu tượng giới tính

**(Trang 88)**

Accessibility [99350] Biểu tượng cho người khuyết tật

All public restrooms must be fresh smelling, clean and well presented at all times. [730] Tất cả các phòng vệ sinh công cộng phải có mùi tươi mát, sạch sẽ và được trình bày tốt.

A schedule must be in place for periodic deep cleaning of public restrooms. [5368] Phải có lịch làm sạch sâu định kỳ cho nhà vệ sinh công cộng.

Schedule must be documented. [25789] Lịch phải được ghi lại

Cloth towels are not permitted. [105397] Không cho phép dùng khăn vải.

The following supplies must be provided in public restrooms: [62847] vật tư sau đây phải được cung cấp trong phòng vệ sinh công cộng:

Hand soap in a bottle or dispenser. [62849] Xà phòng rửa tay trong chai hoặc hộp.

Facial tissues. [62851] Giấy lau mặt



Paper towels, where used. [95219] Khăn giấy, nơi được sử dụng.



Guidelines Hướng Dẫn

• Recommended to coordinate the bottle or dispenser with the design of the paper towel dispenser.[62870] Khuyến nghị phối hợp thiết kế chai hoặc hộp xà phòng với thiết kế của hộp đựng giấy

Journey within the hotel -> Public Restrooms -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

Air freshener with a scent dispenser must be provided in the toilets. [62874] Phải cung cấp máy xịt thơm với mùi hương làm thơm mát không khí trong nhà vệ sinh.

Paper towel dispensers must meet the following: [215051] Hộp đựng giấy phải đáp ứng như sau:

Schedule must be in place for replenishment. [216049] Có lịch bổ sung giấy.

Built in [216050] Gắn tường

Accessible from each washbasin. [216051] Có thể sử dụng từ mỗi chậu rửa

Electrical hand dryers are recommended in addition to paper towel dispensers. [216052] ngoài hộp rút khăn giấy, máy sấy tay dùng điện cũng được khuyên dùng.

Wall fitted unit combining paper towel dispenser, hand dryer and disposal bin is recommended. [216053] Khuyến nghị bộ tích hợp liền tường gồm hộp đựng giấy, máy sấy tay và thùng rác.

Soap dispensers are required and must meet the following: [27767] Yêu cầu hộp đựng xà phòng rửa tay và phải đáp ứng như sau:

Installed on side walls above the vanity top area or integrated in the vanity. [88241] Được gắn tường phía trên mặt vanity hoặc tích hợp vào vanity.

Accessible from each washbasin. [88242] Có thể sử dụng từ mỗi chậu rửa

At a minimum, two rolls of toilet tissue are required in each toilet cubicle. [24810] Tối thiểu có hai cuộn giấy vệ sinh trong mỗi buồng vệ sinh.

White, biodegradable, two-ply toilet tissue [24811] Giấy vệ sinh hai lớp màu trắng, phân hủy sinh học

The second roll must be individually wrapped and placed within a recess or shelf near the toilet when it is not in a double roll tissue holder or spare toilet roll holder. [24812] Cuộn thứ hai phải được bọc riêng và đặt trong hốc hoặc kệ gần toilet nếu nó không được gắn trên giá đỡ cuộn giấy kép hoặc giá đỡ cuộn giấy vệ sinh dự phòng.

A rubbish bin must be provided. [37728] Phải cung cấp một thùng rác.

Must be non-flammable and washable. [37737] Thùng rác phải chống cháy và có thể rửa

When freestanding must be a minimum of 7.5 litres (254fl oz) with lid and foot pedal. [37738] Nếu là thùng rác đứng độc lập, thì phải to tối thiểu 7,5 lít (254fl oz) với nắp và bàn đạp chân.

Baby changing facilities must be provided. [2528] Phải cung cấp các tiện ích thay tã cho em bé.

**(Trang 90)**

Nappy bins must be located within easy reach of the changing room table. [41670] Thùng rác đựng tã phải được đặt trong tầm với của bàn phòng thay tã.

Must have one changing table [99347] Phải có một bàn thay tã

Must have access to wash hand basin and hand drying facility. [99348] Phải có thể dùng bồn rửa tay và máy sấy tay.

A nappy disposal bin must be provided. [99349] Phải cung cấp một thùng rác đựng tã

Guidelines Hướng Dẫn

• Either in both men's and women's public restrooms or in a unisex accessible restroom. [28998] Hoặc có trong phòng vệ sinh công cộng của cả nam và nữ hoặc trong phòng vệ sinh không phân giới tính cho người khuyết tật .

Where accessible restrooms are provided, they must meet the following: [77900] Trường hợp cung cấp nhà vệ cho người khuyết tật, chúng phải đáp ứng như sau:

Outward opening door with a minimum 90cm (3ft) clear opening width. [77902] Cửa mở ra ngoài với chiều rộng mở tối thiểu 90cm (3ft).

Threshold must be level. [77903] Ngưỡng cửa phải phẳng.

Unobstructed floor area/turning circle of 1.5m (5ft) diameter. [77904] Diện tích sàn không bị cản trở / không gian quay xe lăn đường kính 1,5m (5ft).

Unobstructed clear area of 1m (3.3ft) in front of the toilet. [77905] Khu vực trống không bị cản trở 1m (3,3ft) trước bệ toilet.

Toilet seat height must be 43cm (17.2in) from above finished floor level. [77906] Chiều cao bệ toilet là 43cm (17,2in) so với mức sàn hoàn thiện.

Grab rail bar installed at 75cm (30in) on one side of the toilet. [77907] Thanh vịn được lắp cao 75cm (30in) ở một bên toilet.

Pull alarm cord [123062] Dây kéo báo động

Floor finishes must meet the following: [133051] Hoàn thiện sàn phải đáp ứng như sau:

Natural stone or porcelain tiles. [133059] Đá tự nhiên hoặc gạch gốm.

Non-slip, with a minimum rating equivalent to R10. [133060] Không trơn trượt, độ chống trơn trượt tối thiểu tương đương với R10.

Journey within the hotel -> Public Restrooms -> Fixtures and Fittings Đồ đạc và thiết bị

Public restrooms must have the following fixtures: [20165] Nhà vệ sinh công cộng phải có đồ đạc sau đây:

Vanity area [20166] bàn vanity

Wash basins [20167] Bồn rửa tay

Tap/faucets [77677] Vòi nước

Soap dispensers [77675] Hộp đựng xà phòng

Toilets [20168] bồn cầu

Urinals, in male restrooms only [20169] Bồn tiểu, chỉ trong nhà vệ sinh nam

Towel dispenser or air hand dryer [77676] Hộp đựng giấy hoặc máy sấy tay

Vanity units must meet the following: [77679] vanity phải đáp ứng như sau:

Top-mounted at 80cm (32in) to 90cm (36in) height [77680] Mặt vanity gắn ở độ cao 80cm (32in) đến 90cm (36in)

Corian, stone or cultured marble [77681] Đá Corian, đá hoặc đá marble nhân tạo

Minimum 50cm (20in) deep [77682] Sâu tối thiểu 50 cm (20in)

Matching backsplash [77683] Đồng bộ với ốp chống bắn nước phía sau bồn rửa

Wall mounted [77685] Gắn tường

**(Trang 90)**

Support legs are not permitted. [77686] Không cho phép sử dụng chân đỡ.

Hand wash basin [99457] Bồn rửa tay

All plumbing must be concealed from guest view. [99459] Tất các đường ống nước phải khuất khỏi tầm nhìn của khách.

Hand wash basins must meet the following: [77688] Bồn rửa tay phải đáp ứng như sau:

Acid resistant material [77689] Vật liệu chống axít

With overflow [77690] với lỗ thoát chống tràn nước

The waste outlet must be provided with waste strainer/filter. [77692] Lỗ thoát nước chính phải có lọc rác.

A stopper is not permitted. [77691] Không cho phép dùng nút chặn.

Taps/faucets must meet the following: [13019] Vòi nước phải đáp ứng như sau:

See also ID number [56605] Xem thêm số ID [56605]

Lever style mixing valves or sensor operated [13021] Vòi gật gù nóng lạnh hoặc hoạt động bằng cảm biến

Must be brass with chrome plated finish. [86700] Phải là đồng thau hoàn thiện mạ chrome

Hot and cold must be clearly marked where mixing valves are installed. [86701] Chế độ nước nóng và lạnh phải được đánh dấu rõ ràng nếu dùng vòi nóng lạnh.

Guidelines Hướng Dẫn

• Fixtures should have an automated operation. (E.g. infra-red sensor mixers) [81996] Vòi nên có thể vận hành tự động. (Ví dụ: vòi cảm biến hồng ngoại)

Lighting must be provided at the vanity and meet the following: [99464] Chiếu sáng phải được cung cấp tại vanity và đáp ứng như sau:

Shadowless face illumination [99465] Chiếu sáng sao cho mặt không đổ bóng

Mirrors must be provided above the vanity and meet the following: [13025] Phải cung cấp gương trên vanity và đáp ứng như sau:

Securely fitted and theft-proof. [77678] Cố định chắc chắn và chống trộm.

Must have polished edges or frame ensuring no sharp edges. [88249] Phải có các cạnh hoặc khung được mài nhẵn, đảm bảo không có cạnh sắc.

Polished float glass mirror. [88250] Gương kính nổi.

Minimum height of 90cm (3ft) [133092] Chiều cao tối thiểu 90cm (3ft)

Guidelines Hướng Dẫn

• Recommended to cover the full width of vanity unit. [133093] Khuyến nghị gương tương đương toàn bộ chiều rộng của vanity.

Toilet cubicles or individual toilet rooms must provide the following: [13034] Khoang vệ sinh hoặc phòng vệ sinh cá nhân phải cung cấp như sau:

A toilet roll/paper holder [13036] Một hộp đựng cuộn giấy vệ sinh

A spare toilet roll/paper holder [13037] Một hộp đựng cuộn giấy vệ sinh dự phòng

Coat hook [13035] Móc treo áo

Sanitary waste disposal in women’s facilities [13038] Thùng đựng sản phẩm vệ sinh trong phòng vệ sinh nữ

Guidelines Hướng Dẫn

• Toilet roll holder with an integrated shelf is recommended. [77693] Khuyến nghị giá treo giấy vệ sinh tích hợp kệ.

Toilet cubicles must be provided, except in single occupancy facilities and meet the following: [88256] Khoang vệ sinh phải được cung cấp, ngoại trừ trong phòng vệ sinh cá nhân và đáp ứng như sau:

Minimum width must be 90cm (3ft). [88257] Chiều rộng tối thiểu phải là 90cm (3ft).

**(Trang 91)**

Cubicle doors must provide total visual privacy. [88258] Cửa khoang phải kín và riêng tư, chống nhìn trộm

Must have lockable privacy hardware. [88259] Phải có khóa

Guidelines Hướng Dẫn

• Should have privacy hardware indicating occupancy. [88260] Nên có cơ chế chỉ rõ có người đang sử dụng

Toilets must meet the following: [57762] Toilet phải đáp ứng như sau:

Wall mounted [57764] Gắn tường

Must be white ceramic. [77896] Phải là sứ trắng.

Must have a concealed cistern. [77897] Phải có một bể chứa kín đáo

Guidelines Hướng Dẫn

• Automated flushing operation is preferred. [57772] Ưu tiên bồn xả nước tự động.

Where urinals are provided, they must meet the following: [57774] Trường hợp cung cấp bồn tiểu nam, phải đáp ứng như sau:

Must be wall mounted. [57776] Phải gắn tường.

White ceramic [77898] Sứ trắng

Wall mounted privacy screens [99351] Màn che đảm bảo riêng tư gắn tường

Individual fixtures. [100252] thiết bị cá nhân.

Guidelines Hướng Dẫn

• An automatic flushing control system activated by timer and movement sensor is recommended. [57778] Nên sử dụng hệ thống điều khiển xả tự động được kích hoạt bởi bộ hẹn giờ và cảm biến chuyển động.

Cubicle doors must meet the following: [99269] Cửa khoang vệ sinh phải đáp ứng như sau:

Minimum clear width of 61cm (25in). [99300] Chiều rộng tối thiểu là 61 cm (25in)

Provide visual privacy [99311] Đảm bảo riêng tư không bị nhìn lén

Lockable privacy hardware [99312] Có khóa

Hardware must indicate occupancy [99313] khóa phải cho thấy đang có người dùng

A full length mirror must be provided. [99453] Phải cung cấp gương lớn full chiều dài

Must be installed at the vanity area. [99454] Phải được lắp tại khu vanity

Minimum size of 60cm (2ft) x 150cm (5ft) [99455] Kích thước tối thiểu 60cm (2ft) x 150cm (5ft)

Journey within the hotel -> Public Restrooms -> Building Services Dịch vụ tòa nhà

A minimum of one floor drain must be provided. [99440] Phải cung cấp tối thiểu một ga thoát sàn.

See also ID number [305188, 305185] Xem thêm số ID

Stainless steel strainer [394066] Lưới lọc thép không gỉ

Journey within the hotel -> Sundry/Retail Shop Cửa hàng bán lẻ

**(Trang 92)**

Magazines and/or publications featuring pornography, including publications regularly featuring nude photography, erotic writing or other sexual content are not permitted. [565055] Không cho phép tạp chí và/hoặc ấn phẩm có nội dung khiêu dâm, bao gồm các ấn phẩm thường xuyên có ảnh khỏa thân, bài viết khiêu dâm hoặc nội dung khiêu dâm khác.

Journey within the hotel -> Other Areas khu vực khác

Journey within the hotel -> Other Areas -> General Thông tin chung

Where a gift shop is provided it must meet the following: [84542] Trường hợp cung cấp một cửa hàng quà tặng, phải đáp ứng như sau:

Located with direct access from a public area of the hotel. [116044] Bố trí có lối vào trực tiếp từ một khu vực công cộng của khách sạn.

Retail or product display viewable from the public spaces. [116045] Sản phẩm bán lẻ hoặc trưng bày có thể thấy từ các không gian công cộng.

A sales counter must be provided, with all necessary equipment integrated into the design, so that it is out of guest view. [116046] Phải cung cấp một quầy bán hàng, với tất cả các thiết bị cần thiết được tích hợp vào thiết kế sao cho nằm ngoài tầm nhìn của khách.

Dedicated secure storage room. [116047] Phòng kho an toàn chuyên dụng

Provision of a gift shop is subject to location and market demand and must be approved by IHG®. [116048] Sản phẩm bán cửa hàng quà tặng phụ thuộc vào vị trí khách sạn và nhu cầu thị trường và phải được IHG® phê duyệt.

Where automated teller machines (ATMs) are provided they must meet the following: [21243] Trường hợp cung cấp máy rút tiền tự động (ATM), phải đáp ứng các điều sau đây

Located next to the public area [21244] Đặt cạnh khu vực công cộng

Not directly visible from lobby [21245] Không nhìn được trực tiếp từ lobby

Guidelines Hướng Dẫn

Where sundries shops are provided and open 24 hours a day, the automated teller machine may be located inside the sundries shop. [21247] Nếu cung cấp các cửa hàng tạp hóa và mở cửa 24 giờ một ngày, ATM có thể được đặt bên trong cửa hàng này.

Should be in an alcove [22324] Nên bố trí trong góc

The following areas of the hotel must coordinate with the main hotel lobby design. [17715] Các khu vực sau đây của khách sạn phải phối hợp với thiết kế lobby chính.

Alternative guest entrances. [77590] lối vào thay thế cho khách

Public corridors throughout the commercial area. [77591] Hành lang công cộng trên toàn khu thương mại.

Barriers must be provided where vertical clearance of less than 2m (6ft8in) exists. [58042] Rào chắn phải được cung cấp khi có khoảng cách dọc dưới 2m (6ft8in).

Journey within the hotel -> Other Areas -> Fixtures and Fittings

Đồ đạc và Thiết bị

Artwork is required in all public corridors and lift lobbies. [904] Yêu cầu tranh ảnh nghệ thuật trong tất cả các hành lang công cộng và các sảnh thang máy.

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to current IHG Brand direction or guide documents for content and style of art work. [350231]

Tham chiếu các tài liệu Hướng dẫn Thương hiệu IHG hiện tại để biết nội dung và phong cách các tác phẩm nghệ thuật

Where vending or ice machines are provided they must meet the following: [150048] Trường hợp cung cấp máy bán hàng tự động hoặc máy làm đá, chúng phải đáp ứng như sau:

Located in an alcove or room. [150049] Nằm trong một góc hoặc phòng.

Sides, backs, power cords and other service connections must be screened from guest view. Các mặt bên, mặt sau, dây nguồn và các kết nối dịch vụ khác phải được che chắn khỏi tầm nhìn của khách.

**(Trang 93)**

A heating, ventilating and air conditioning system must be provided to remove excess heat and maintain same temperature as guest corridors. [150051] Một hệ thống sưởi ấm, thông gió và điều hòa không khí (HVAC) phải được cung cấp để loại bỏ nhiệt dư thừa và duy trì nhiệt độ tương tự như hành lang của khách.

Where vending functions are located on guest floors they must be installed in a noise-isolated alcove or room. [150052] Khi các tiện ích bán hàng tự động được đặt trên các tầng phòng khách, chúng phải được lắp đặt trong một phòng hoặc góc có cách âm.

The design finishes and materials of the alcoves/rooms must be coordinated with the adjoining public areas. [150053] thiết kế hoàn thiện và vật liệu của các góc/phòng phải phối hợp với các khu vực công cộng liền kề.

Journey within the hotel -> Other Areas -> Building Services Dịch vụ tòa nhà

Power outlets must be provided for housekeeping equipment. [57729] ổ cắm điện phải được cung cấp cho các thiết bị buồng phòng.

Maximum spacing of 15m (50ft) [57732] Khoảng cách giữa các ổ tối đa 15m (50ft)

Circuited independent of general purpose outlets. [57735] Mạch điện độc lập khỏi mạch cho các ổ cắm thông dụng

Must not be located adjacent to guest room doors. [57740] Không được bố trí liền kề với cửa phòng khách.

Guidelines Hướng Dẫn

• Mounting height of outlets should be at least 40cm (16in) off finished floor level. [57748] Chiều cao lắp đặt các ổ cắm tối thiểu 40cm (16in) so với mức sàn đã hoàn thiện.

My Room Phòng của tôi

My Room -> Service Expectations Kỳ vọng về dịch vụ

When entering a guest room colleagues must knock on the door or ring the doorbell three times, announce their department and wait before entering the room. [95303] Khi vào phòng khách, nhân viên phải gõ cửa hoặc bấm chuông cửa ba lần, thông báo họ từ bộ phận nào và đợi trước khi vào phòng.

If no reply is received, colleagues must knock or ring the doorbell again, announce their department and wait for the guest to open the door. [95304] Nếu không nhận được phản hồi, nhân viên phải gõ hoặc bấm chuông cửa lần nữa, thông báo họ từ bộ phận nào và chờ khách mở cửa.

If no reply is received a second time, colleagues must knock or ring the doorbell, announce their department and enter the room. [95305] Nếu không nhận được phản hồi lần thứ hai, nhân viên phải gõ hoặc bấm chuông cửa, thông báo cho bộ phận của họ và vào phòng.

Follow the "Do Not Disturb" procedures when "Do Not Disturb" is indicated. [95306] Thực hiện theo quy trình "Không làm phiền" khi khách treo biển "Không làm phiền".

Guidelines Hướng Dẫn

• To avoid disturbing other guests, colleagues should only knock or ring after 09:00 and before 21:00.

[95307] Để tránh làm phiền các khách khác, nhân viên chỉ nên gõ cử hoặc bấm chuông sau 09:00 và trước 21:00

Full room cleaning must be provided within 20 minutes of the guest’s request, at a minimum between the hours of 08:00 and 16:00. [38299] Phải dọn dẹp phòng đầy đủ trong vòng 20 phút theo yêu cầu của khách, tối thiểu trong khoảng thời gian từ 08:00 đến 16:00.

Outside of these hours all requests must be honoured within an hour of these times. [38301] Ngoài những giờ này, tất cả các yêu cầu phải được thực hiện trong vòng một giờ so với yêu cầu của khách.

From 16:00 to 08:00, the following services must be provided upon guests' request: [58839] Từ 16:00 đến 08:00, phải cung cấp các dịch vụ sau phải theo yêu cầu của khách:

Change of bed linen [58840] Thay khăn trải giường

Removal of rubbish [58842] Đổ rác

Turndown service is permitted for VIP guests only. [94606] Dịch vụ dọn phòng vào buổi tối (turndown service) chỉ cung cấp cho khách VIP.

A process must be in place to satisfy pillow requests within 15 minutes of request being received [414] Phải có một quy trình để đáp ứng yêu cầu về gối trong vòng 15 phút kể từ khi nhận được yêu cầu

**(Trang 94)**

Guidelines Hướng Dẫn

Supply of extra soft and firm pillows should be kept with Housekeeping to honour additional guest requests. [13749] Buồng phòng nên dự trữ gối mềm và gối cứng để hỗ trợ các yêu cầu bổ sung của khách.

Towels or amenities requests must be provided within 15 minutes. [38306] Phải cung cấp khăn hoặc tiện ích trong vòng 15 phút so với yêu cầu của khách.

Requests for information, replenishment of in-room supplies or maintenance must be honoured 24 hours a day. [38310] Các yêu cầu cung cấp thông tin, bổ sung vật dụng trong phòng hoặc bảo trì phải được thực hiện 24 giờ một ngày.

Guidelines Hướng Dẫn

• Where items are collected from Front Desk, a stock of commonly requested items should be available. [38318] Khi các vật phẩm trong phòng được cung cấp tại quầy lễ tân, nên có sẵn trữ sẵn các vật thường được yêu cầu.

A "Do Not Disturb" facility must be provided. [423] Phải cung cấp cơ chế thông báo "Không làm phiền"

Where there is no electronic "Do Not Disturb" facility, one "Do Not Disturb" door hanger is required per guest room. [26390] Trong trường hợp không có cơ chế thông báo "Không làm phiền" điện tử, cần có một bảng treo cửa ghi "Không làm phiền" cho mỗi phòng khách.

"Do Not Disturb" signs must be respected until Check out time, except in an event requiring life safety measures. [38244] biển báo "Không làm phiền" phải được tôn trọng cho đến lúc Check-out, ngoại trừ trong trường hợp cần các biện pháp an toàn cháy.

Guests must not be disturbed between 22:00 and 08:00. [56597] Không được quấy rầy khách trong khoảng thời gian từ 22:00 đến 08:00.

Action must be taken when a Do Not Disturb sign has not been removed at a minimum for 24 hours. [5388] Phải có hành động khi biển báo Không làm phiền chưa bỏ sau tối thiểu trong 24 giờ.

The Manager on Duty or Housekeeping Supervisor must establish contact with the guest by calling the room. [5389] Quản lý ca hoặc Giám sát buồng phòng phải liên lạc với khách bằng cách gọi phòng.

If there is no response to the room call, two senior colleagues must visit the room to check on the safety of the guest. [6100] Nếu không có phản hồi cuộc gọi, hai nhân viên senior phải đến phòng để kiểm tra sự an toàn của khách.

Each occupied room that has not been serviced must be contacted or checked at least once daily to ensure guest safety. [56594] Mỗi phòng có người không được phục vụ phải được liên hệ hoặc kiểm tra ít nhất một lần mỗi ngày để đảm bảo an toàn cho khách.

If no contact is made with the guest, the room must be visually checked for guest safety. [56595] Nếu không liên lạc được với khách, phải kiểm tra trực quan phòng để đảm bảo an toàn cho khách

Wake-up calls must be provided upon request. [698] Cung cấp các cuộc gọi báo thức theo yêu cầu.

Acceptable forms of confirmation include an audible tone or an automated voice confirmation that a wake-up call has been entered and accepted by the system. [38964] Hình thức xác nhận được chấp nhận bao gồm âm báo hoặc xác nhận bằng giọng nói tự động rằng cuộc gọi báo thức đã được hệ thống ghi nhận.

The automated wake up system must have a voice recorded message. [64266] Hệ thống báo thức tự động phải có một tin nhắn ghi âm giọng nói.

Wake-up calls must be available to guests 24 hours a day, seven days a week. [64267] Dịch vụ cuộc gọi báo thức phải phục vụ khách 24 giờ một ngày, bảy ngày một tuần.

Guidelines Hướng Dẫn

A follow up wake-up call confirmation by a hotel colleague may be provided five minutes after every scheduled wake-up call. [64269] Một nhân viên khách sạn có thể follow up xác nhận cuộc gọi báo thức sau năm phút của mỗi cuộc gọi báo thức đã vào lịch.

All linen and bathrobes must be changed after Check out. [57344] Phải thay tất cả đồ vải và áo choàng tắm sau khi Check-out.

The in room safe must be checked and reset if needed after each guest departure. [66020] Két trong phòng phải được kiểm tra và cài đặt lại nếu cần sau mỗi lần khách rời đi.

[5374] The temperature of the guest room must be set between 20-24 °C (68-75.2 °F). [5374] Nhiệt độ của phòng khách phải được đặt trong khoảng 20-24°C (68-75,2 ° F).

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended to set the temperature at 24°C (75.2 °F). [346197] • Nên đặt ở nhiệt độ 24°C (75,2 ° F).

My Room -> General

Thông tin chung

**(Trang 95)**

A window must be provided in each guestroom and must meet the following: [79155] Phải cung cấp một cửa sổ trong mỗi phòng khách và phải đáp ứng như sau:

Minimum of 1.4m² (15 sq ft) glass area. [79156] Tối thiểu 1,4m² (15 sq ft) diện tích kính.

Installed in the external wall. [79157] Lắp trên tường hướng ra ngoài.

Guidelines Hướng Dẫn

• Depending on location operable windows are recommended. [113705] • phụ thuộc vào vị trí cửa, nên cung cấp cửa sổ có thể mở.

Where a balcony or out-door space is provided it must meet the following: [89396] Trường hợp cung cấp ban công hoặc không gian bên ngoài, phải đáp ứng như sau:

Provide space for seating for two guest and one cocktail table as a minimum. [89398] Cung cấp không gian cho tối thiểu hai chỗ ngồi cho khách và một bàn cocktail.

Guidelines Hướng Dẫn

• A minimum size of 8m² is recommended. [89399] • Kích thước tối thiểu nên là 8m².

Room and bathroom facilities must be maintained in excellent condition and working order. [428] Tiện ích trong phòng và phòng tắm phải được duy trì tốt và hoạt động trơn tru

A system must be in place to identify, report and repair all in room fixtures, fittings, furniture and equipment when rooms are serviced. [38255] Phải có một hệ thống nhằm xác định, báo cáo và sửa chữa tất cả trong đồ đạc, phụ kiện, đồ nội thất và thiết bị trong phòng khi phòng được dọn dẹp

Any visible mould must be cleaned. [59054] Làm sạch mốc có thể trông thấy.

Housekeeping staff must report any problems with fixtures, fittings and/or equipment to the Maintenance department. [59055] Nhân viên buồng phòng phải báo cáo bất kỳ vấn đề nào về đồ đạc, nội thất và/hoặc thiết bị cho bộ phận Bảo trì.

Where minibars are provided, a system must be in place to ensure that they are checked, cleaned, replenished and charged on a daily basis. [50706] Khi cung cấp minibar, phải có một hệ thống đảm bảo rằng minibar được kiểm tra, làm sạch, bổ sung và tính phí hàng ngày.

Expendable items must be clean and well maintained, including but not limited to: [23464] vật phẩm tiêu hao phải sạch sẽ và được bảo trì tốt, bao gồm nhưng không giới hạn ở:

Do Not Disturb signage [23465] Biển báo Không Làm Phiền

Notepad and branded pen [23466] Sổ viết và bút thương hiệu

Branded Pen (Brand Central> Holiday Inn Resorts>Brand Warehouse>Collateral>Artwork>Hotel Collateral) Bút có thương hiệu (Trung tâm thương hiệu> Khu nghỉ mát Holiday Inn> Kho thương hiệu> Tài liệu quảng bá> Tranh ảnh nghệ thuật> Tài liệu quảng bá của khách sạn) https://www.ihgbrandcentral.com/%26redirecturl/clusters/brand/holiday-inn-resort/region/asia-middle-east-africa/subcategory/collateral/artwork

TV channel listing, if applicable [23467] Danh sách kênh truyền hình, nếu có

Laundry bag [57219] Túi giặt

Laundry list [57220] Danh sách giặt ủi

Printed Directory of Services, if applicable. [163103] Bản giấy Danh mục dịch vụ, nếu có

A cot/crib must be provided when requested. [295] Phải cung cấp cũi trẻ em khi được yêu cầu.

Cots must be completely made up with appropriately sized bed coverings [58863] Cũi phải được lắp đặt hoàn chỉnh với trải giường có kích thước phù hợp

Before being delivered to a guestroom, the crib must be sanitised using child-safe products. [58864] Trước khi được chuyển đến phòng khách, cũi phải được khử trùng bằng các sản phẩm an toàn cho trẻ em.

A note must be placed on the mattress that the crib has been sanitised. [58865]Một lưu ý phải được đặt trên nệm, thông báo rằng cũi đã được khử trùng [58865]

Crib Cleaning Card Reference 2 Tham khảo Thẻ thông báo đã làm sạch cũi 2

Crib Cleaning Card Reference 1 Tham khảo Thẻ thông báo đã làm sạch cũi 1

Crib Cleaning Card Reference 3 Tham khảo Thẻ thông báo đã làm sạch cũi 3

**(Trang 96)**

All cot/cribs must be complimentary. [58867] Tất cả cũi phải miễn phí.

Cots must come with safety rails. [58868] Cũi phải có thanh chắn an toàn.

Cots/cribs must be delivered to the guest room within 15 minutes of the request. [296] Cũi phải được chuyển đến phòng khách trong vòng 15 phút kể từ khi yêu cầu

Cots/cribs that are requested prior to arrival must be in the guest room upon the guest's arrival. [297] Cũi được yêu cầu trước khi khách đến phải ở trong phòng của khách khi khách đến.

The cot/crib must be cleaned daily. [23679] Cũi phải được làm sạch hàng ngày.

All cot/crib linen must be replaced daily. [23680] Tất cả đồ vải trong cũi phải được thay thế hàng ngày.

No extra person fee can be charged for children using a cot/crib in the same room as their parents. [26397] Không tính phí thêm người cho trẻ em dùng cũi trong cùng phòng với cha mẹ của chúng. Guidelines Hướng Dẫn

• A minimum of one baby cot for every 100 guest rooms is recommended. [89400] Nên có tối thiểu một cũi trẻ em cho mỗi 100 phòng khách.

Natural light is required through a window or a glazed door. [22314] Yêu cầu ánh sáng tự nhiên thông qua một cửa sổ hoặc cửa ra vào kính mờ.

A schedule must be in place to ensure that rooms are deep cleaned as required. [38353] Phải có lịch vệ sinh để đảm bảo các phòng được làm sạch sâu.

Hotels must implement a periodic cleaning schedule for all guest rooms [58837] Khách sạn phải có lịch trình vệ sinh định kỳ cho tất cả các phòng khách

Documentation for routine inspections must be maintained. [58838] Phải duy trì tài liệu kiểm tra thường xuyên.

At least 25% of the guest rooms should be deep cleaned on a quarterly basis. [38355] Ít nhất 25% số phòng của khách nên được làm sạch sâu mỗi quý.

All rooms should be deep cleaned at least once per year. [38357] Tất cả các phòng nên được làm sạch sâu ít nhất mỗi năm một lần.

Where religious articles are provided, they must be placed discreetly. [6745] Trường hợp cung cấp các ấn phẩm tôn giáo, chúng phải được đặt ở vị trí kín đáo.

Guest room sizes must meet the following: [102697] Kích thước phòng khách phải đáp ứng như sau:

Minimum Gross area: 27m² (290 sq ft) exclusive of balcony or outdoor space. [111704] Diện tích tối thiểu: 27m² (290 sq ft) không bao gồm ban công hoặc không gian ngoài trời.

Guidelines Hướng Dẫn

• Gross and Net area calculation [111011] Tính toán diện tích tổng (gross) và diện tích hiệu dụng (net)

Gross and Net area calculation Tính toán diện tích tổng (gross) và diện tích hiệu dụng (net)

A linen re-use programme must be implemented. [5722] Phải thực hiện một chương trình tái sử dụng vải.

If used towels are left hanging, they must not be changed. [5724] Nếu khăn đã qua sử dụng đang đợi xử lý, chúng không được thay đổi.

The programme must be communicated with in-room collateral. [5725] Chương trình phải được truyền đạt với tài liệu quảng bá trong phòng.

My Room -> Room Types Phòng Của Tôi -> Loại Phòng

The final room mix must be IHG approved and meet the following: [17149] Hỗn hợp phòng cuối cùng phải được IHG phê duyệt và đáp ứng như sau:

Based on location, market analysis and demand. [136204] Dựa trên vị trí, phân tích thị trường và nhu cầu.

Standard guestrooms. [89407] Phòng tiêu chuẩn.

Suites. [89409] phòng suites.

Provide a combination of King, Queen and Double/Double or Twin bedded rooms. Cung cấp một sự kết hợp của các phòng có giường cỡ King, Queen và Double/Double hoặc Twin.

**(Trang 98)**

Non smoking rooms [111019] phòng cấm hút thuốc

• KidSuites® [140063]

Executive rooms are not permitted. [89412] Không cho phép các phòng executive.

Interconnecting guest rooms are required. [45086] Yêu cầu các phòng liên kết.

• Final number is subject to market demand and IHG® approval. [89401] Số cuối cùng tùy thuộc vào nhu cầu thị trường và sự chấp thuận của IHG®

10% of key count. [89402] 10% số phòng.

Accessible guest rooms must be provided and meet the following: [58416] Phải cung cấp các phòng cho người khuyết tật và đáp ứng như sau:

At a ratio of one per 100 keys. [89405] Tại tỷ lệ 1 trên 100 căn.

All accessible rooms must interconnect with an adjacent twin guestroom. [58420] Tất cả các phòng cho người khuyết tật phải kết nối với một phòng đôi liền kề.

Guidelines Hướng Dẫn

• Should be located as close as practical to lift lobbies. [58421] Nên được đặt càng gần thực tế với sảnh thang máy.

To use the "Holiday Inn Hotel & Suites" naming convention a hotel must meet the following: [111022] Để sử dụng quy ước đặt tên "Holiday Inn Hotel & Suites", một khách sạn phải đáp ứng các điều sau:

The number of suites must be 15% of the total key count, any percentage difference must be IHG® approved. [111023] Số lượng phòng suites phải là 15% tổng số căn, bất kỳ phần trăm chênh lệch nào cũng phải được IHG® phê duyệt.

Must combine standards guest rooms with two- or three-room suites with kitchenettes in a single property. [111024] Phải kết hợp phòng khách tiêu chuẩn với phòng suite hai hoặc ba phòng với bếp nhỏ trong một tòa nhà.

Where provided KidSuites® do not count as part of the total required suite count. [111025] Trường hợp được cung cấp, KidSuites® không được tính là một phần của tổng số bộ yêu cầu.

Convenience Store or Gift Shop. [111026] Cửa hàng tiện lợi hoặc Cửa hàng quà tặng.

Additional KidSuites® are optional and subject to location and market demand, their provision must be IHG® approved. [111027] KidSuites® bổ sung là tùy chọn và tùy theo địa điểm và nhu cầu thị trường, điều khoản phải được IHG® phê duyệt.

My Room -> Room Types -> Accessible guest rooms Phòng của tôi -> Loại phòng -> Phòng cho người khuyết tật

Furniture and room layout must provide the following: [79133] Bố trí nội thất và phòng phải cung cấp như sau:

1.5m x 1.5m (5ft x 5ft) wheelchair turning space within guest room. [79134] Không gian xoay xe lăn 1,5m x 1,5m (5ft x 5ft) trong phòng khách.

At least 90cm (3ft) of clear space on both sides of the bed, or if the guestroom contains two beds, between the two beds. [79135] Ít nhất 90cm (3ft) là khoảng trống ở hai bên giường hoặc nếu phòng khách có hai giường, giữa hai giường.

Guidelines Hướng Dẫn

• A room layout with the bed being accessible from both sides is recommended. [89001] Khuyến khích bố trí phòng với giường có thể truy cập từ cả hai bên.

Where a disabled guest is accompanied by a personal assistant, an accessible guest room with two separate beds must be made available. [38133] Khi một khách khuyết tật đi cùng với một trợ lý cá nhân, phải cung cấp một phòng cho khách khuyết tật với hai giường riêng biệt.

When this is not possible, an interconnecting room must be made available at no additional cost. [38136] Nếu không thể, phải cung cấp một phòng kết nối miễn phí.

Entrance doors must meet the following: [58425] Cửa ra vào phải đáp ứng như sau

At the maximum door locks must be installed at 1.1m (3ft 8in) above finish floor level (FFL). [79116] khóa cửa tối đa phải được lắp đặt ở mức 1.1m (3ft 8in) trên mức sàn hoàn thiện (FFL).

**(Trang 99)**

Clear opening width of 90cm (3ft). [79117] Chiều rộng mở 90cm (3ft).

Inter-connecting doors must meet the following: [79118] Cửa liên thông phải đáp ứng như sau:

At the maximum door locks must be installed at 1.1m (3ft 8in) above finish floor level (FFL). [79119] khóa cửa tối đa phải được lắp đặt ở mức 1.1m (3ft 8in) trên mức sàn hoàn thiện (FFL).

Clear opening width of 87.5cm (2ft 9in). [79120] Chiều rộng mở 87.5cm (2ft 9in).

Bathrooms must meet the following: [58435] Phòng tắm phải đáp ứng như sau:

Clear and unobstructed 1.5m x 1.5m (5ft x 5ft) wheelchair turning space. [79121] Không gian quay xe lăn thoáng đãng và không bị cản trở 1,5m x 1,5m (5ft x 5ft).

Clearance of 1m (3ft 3in) in front of toilet. [79122] Khoảng trống 1m (3ft 3in) trước nhà vệ sinh.

All wall-mounted accessories must be mounted at an accessible height. [58439] Tất cả các thiết bị treo tường phải được gắn ở độ cao cho người khuyết tật.

Guidelines Hướng Dẫn

• Floor drain is recommended. [79123] Khuyến nghị cống thoát nước.

Bathroom doors must meet the following: [79124] Cửa phòng tắm phải đáp ứng như sau:

Clear opening width of 87.5cm (2ft 9in). [79125] Chiều rộng mở 87,5cm (2ft 9in).

Outwards opening into the guestroom. [79126] Mở ra ngoài vào phòng khách.

Showers must meet the following: [58458] Vòi hoa sen phải đáp ứng như sau:

Must have an adjustable slide type hand shower spray. [58461] Phải có một vòi trượt xịt tay điều chỉnh.

Shower floors must be sloped towards the shower drain. [58464] Sàn tắm phải được dốc về phía cống thoát nước.

Shower must be roll-in type. [58467] Vòi hoa sen phải là loại cuộn.

Wall mounted fold down seat. [79128] Ghế ngồi gấp gắn tường.

Must have flexible metal hose with a minimum length of 1.5m (5ft). [111029] Phải có ống kim loại linh hoạt với chiều dài tối thiểu 1,5m (5ft).

Vanities must meet the following: [58442] Cơ sở trang điểm phải đáp ứng như sau:

Top surface must be at 81cm (2ft 8in) above finished floor level. [58444] Bề mặt trên cùng phải ở mức 81cm (2ft 8in) so với mức sàn đã hoàn thiện.

Must have a clearance below the vanity of 75cm (30in) wide x 67.5cm (27in) high. [58446] Phải có một khoảng trống dưới quầy trang điểm rộng 75cm (30in) x cao 67,5cm (27in).

Exposed plumbing pipes must be insulated. [58449] Đường ống dẫn nước phải được cách nhiệt

Plumbing must not reduce the clear space underneath the vanity. [79127] Hệ thống nước không được giảm không gian trống bên dưới bàn trang điểm.

One clothes rail must be installed at an accessible height: [39744] Một thanh treo quần áo phải được cài đặt ở độ cao cho người khuyết tật:

At the maximum 1.2m (4ft) above floor level. [111030] Ở mức tối đa 1,2m (4ft) trên mức sàn.

Robe hooks and towel bars must be provided. [89000] Phải cung cấp móc áo và thanh treo khăn.

Must be mounted 1.2m (4ft) above floors. [111031] Phải được gắn 1,2m (4ft) trên các tầng.

Switches, thermostats, key card holders and other controls intended for guest use must meet the following: [79129] Công tắc, bộ điều nhiệt, hộp đựng thẻ khóa và các điều khiển khác dành cho khách sử dụng phải đáp ứng như sau:

Installed within a height range of 75cm (30in) to 1.2m (4ft) above finished floor level. [79130] Được lắp đặt trong phạm vi chiều cao từ 75cm (30in) đến 1,2m (4ft) so với mức sàn hoàn thiện.

Guidelines Hướng Dẫn

• Height range of 85cm (34in) to 90cm (3ft) above finished floor level is recommended. [79131] Nên sử dụng phạm vi chiều cao từ 85cm (34in) đến 90cm (3ft) so với mức sàn hoàn thiện.

**(Trang 100)**

Wall mounted sockets, outlets, connection points must be installed within a height range of 45cm (18in) to 1m (3ft 4in) above finished floor level. [79132] Ổ cắm gắn trên tường, bảng điện, điểm kết nối phải được lắp đặt trong phạm vi chiều cao từ 45cm (18in) đến 1m (3ft 4in) so với mức sàn hoàn thiện.

A visual fire alarm is required in all occupiable areas of a guest room. [58472] Một báo động cháy hình ảnh trong tất cả các khu vực có thể ở của một phòng khách.

Pull alarm cords must be provided. [111696] Phải cung cấp dây kéo báo động.

One in bathroom, located by the WC and the adjacent floor area. [111697] Một trong phòng tắm, nằm ở WC và khu vực sàn liền kề.

One in room, operable from the bed and the adjacent floor area. [111698] Một trong phòng, khả thi từ giường và khu vực sàn liền kề.

Depending on size and layout of the bathroom an additional pull cord is recommended in the shower area. [111699] Tùy thuộc vào kích thước và cách bố trí phòng tắm, nên sử dụng dây kéo bổ sung trong khu vực tắm.

My Room -> Room Types -> Suites Phòng của tôi -> Loại phòng -> Phòng Suites

Only the following suite types are permitted: [58959] Chỉ cho phép các loại suite như sau:

Junior suite [58960] Phòng junior suite

One bedroom suite [58961] Phòng suite một phòng ngủ

Two bedroom suite [58962] Phòng suite hai giường ngủ

• KidSuite® [58963]

Family suite [95196]

The percentage and mix of suites must be determined by local market demand for each hotel project. [111701] Tỷ lệ phần trăm và hỗn hợp của các suites phải được xác định bởi nhu cầu thị trường địa phương cho từng dự án khách sạn.

Final mix must be IHG approved. [111702] Hỗn hợp cuối cùng phải được IHG phê duyệt.

Suites must meet the following: [89020] phòng suites phải đáp ứng như sau:

Have an interconnecting door to the adjacent guest room through the living space. [89022] Có một cửa kết nối với phòng khách liền kề thông qua không gian sống.

Junior suites must meet the following: [89026] phòng junior suites phải đáp ứng như sau:

One and a half standard modules in size. [89027] 1.5 mô đun tiêu chuẩn theo kích thước

Standard bedroom. [89028] Giường ngủ tiêu chuẩn.

Standard bathroom. [89029] Nhà tắm tiêu chuẩn.

Living area. [89030] Khu vực sống.

Working area. [89031] Khu vực làm việc.

It is recommended to screen the sleeping area from the living/working area. [112595] Nên che khuất khu vực ngủ với khu vực tiếp khách/ làm việc.

It is recommended to use non standard modules (e.g. at staircases, external corners) for these suites. [112596] Nên sử dụng các mô đun không tiêu chuẩn (ví dụ tại cầu thang, các góc bên ngoài) cho những phòng suites này.

One bedroom suites must meet the following: [136208] phòng suites một giường ngủ phải đáp ứng như sau:

Two standard modules in size. [136209] Hai mô đun tiêu chuẩn theo kích thước.

**(Trang 101)**

Guestroom with one king bed. [136210] Phòng có 1 giường king.

Standard bathroom [136211] Phòng tắm tiêu chuẩn

Living area. [136212] Khu vực sống.

Working area. [136213] Khu vực làm việc.

Two bedroom suites must meet the following: [112605] Phòng suites hai phòng ngủ phải đáp ứng như sau:

One bedroom suite with interconnecting door to a standard twin room. [112606] Phòng suite một phòng ngủ với cửa kết nối với phòng đôi tiêu chuẩn

The standard twin room must interconnect to the suite via the living or dining area. [112607] Phòng đôi tiêu chuẩn phải kết nối với phòng suite thông qua khu vực tiếp khách hoặc ăn uống.

KidSuites® must meet the following: [58972] Phòng KidSuites® phải đáp ứng như sau:

One and a half standard modules in size. [112770] 1.5 mô đun tiêu chuẩn theo kích thước.

Guestroom with one king bed. [112771] Phòng khách với một giường king.

One standard bathroom. [112772] Một nhà tắm tiêu chuẩn.

Room (sleeping area) with bunk bed [112773] Phòng (khu vực ngủ) với giường tầng

Television. [112774] Tivi

Electronic gaming device. [112775] Thiết bị trò chơi điện tử.

DVD player. [112776] Máy phát DVD.

All guest rooms or suites that are part of the KidSuites® offering must meet the following: [112777] Tất cả các phòng khách hoặc suites là một phần của dịch vụ KidSuites® phải đáp ứng như sau:

Be non-smoking [112778] Cấm hút thuốc

All KidSuites® not in use electrical outlets must be childproof type or must have childproof covers. Tất cả ổ cắm điện không sử dụng của KidSuites® phải là loại không cho trẻ em động đến hoặc phải có vỏ bọc cho trẻ em không sử dụng.

[112779]

Ceiling fans are not permitted in KidSuites® units or rooms where bunk beds are provided. [112780] Quạt trần không được phép sử dụng trong các phòng KidSuites® hoặc các phòng có giường tầng.

Guidelines Hướng Dẫn

Where space permits, it is recommended to provide a child-sized play table with two chairs or a kids' desk with one chair or bench. [112781] Nếu không gian cho phép, nên cung cấp một bàn chơi cỡ trẻ em với hai ghế hoặc bàn trẻ em với một ghế hoặc ghê dài.

A television must be provided in KidSuites®. [71615] Phải cung cấp một ti vi tại KidSuites®.

At a minimum diagonal screen size of 48cm (19in). [71616] Ở kích thước màn hình đường chéo tối thiểu 48cm (19in).

Guidelines Hướng Dẫn

• A swivel mounting device is recommended. [71617] Nên lắp thiết bị xoay

Where Family suites are provided, they must meet the following: [112782] Trường hợp cung cấp bộ phòng Suites cho gia đình, chúng phải đáp ứng như sau:

Two standard modules in size. [112783] Hai mô-đun tiêu chuẩn theo kích thước.

Guestroom with one king bed. [112784] Phòng có 1 giường king.

One standard bathroom. [112785] Một phòng tắm tiêu chuẩn.

Guestroom with twin bed. [112786] Phòng có giường đôi.

Bathroom designed for children. [112787] Phòng tắm được thiết kế cho trẻ em.

The living room area of suites must contain the following furnishings: [112839 Khu vực phòng khách của suites phải có đồ đạc sau đây:

**(Trang 102)**

• One lounge chair with side table and lamp lighting suitable for reading [112841] Một ghế lounge với bàn phụ và chiếu sáng đèn cho việc đọc sách

One television chest sized for a 106cm (42in) flat panel television. [112842] Một chiếc tủ kệ có kích thước cho một tivi màn hình phẳng 106cm (42in).

• One desk with desk chair and desk lamp [112843] Một bàn với ghế bàn và đèn bàn

One large activity table with two activity chairs with one floor lamp is recommended near the kitchen area. [113095] Khuyến nghị một bàn hoạt động lớn với hai ghế hoạt động với một đèn sàn gần khu vực bếp.

• One full size sofa bed with coffee table and end table with lamp is recommended [847109] Khuyến nghị một giường sofa kích thước đầy đủ với bàn cà phê và bàn với đèn

One sofa must be provided. [33866] Cung cấp một sofa.

Suites in properties branded as "Holiday Inn® & Suites" must meet the following: [112788] phòng suites tại khách sạn mang nhãn hiệu "Holiday Inn® & Suites" phải đáp ứng các điều sau:

Separate living room. [112789] Phòng khách riêng.

Kitchen area/kitchenette. [112790] Khu vực bếp/bếp nhỏ.

Bedroom. [112791] Phòng ngủ.

Standard bathroom. [112792] Phòng tắm tiêu chuẩn.

All requirements of guest rooms apply to the suites unless amended or added to the suites standard . Tất cả các yêu cầu của phòng khách áp dụng cho các phòng suites trừ khi được sửa đổi hoặc thêm vào tiêu chuẩn của suites.

[112793]

The interior design of the suites must match the standard guest room design program. [112794] Thiết kế nội thất của các suites phải phù hợp với chương trình thiết kế phòng khách tiêu chuẩn.

The living area in the suites of a "Holiday Inn® & Suites" property must meet the following: [112795] Khu vực tiếp khách trong các suites của khách sạn "Holiday Inn® & Suites" phải đáp ứng những điều sau đây

One full size sofa bed with coffee table and end table(s) with lamp(s). [112796] Một giường sofa kích thước đầy đủ với bàn cà phê và (các) bàn cạnh ghế với đèn.

One lounge chair with ottoman and occasional table and reading light. [112797] Một ghế phòng lounge với bàn ottoman và bàn occasional và đèn đọc sách.

One flat screen television 106cm (42in). [112798] Một tivi màn hình phẳng 106cm (42in).

One large activity table with two chairs is recommended near the kitchen area. [112799] Khuyến nghị một bàn hoạt động lớn với hai ghế gần khu vực bếp.

Activity table is permitted to replace standard desk/work zone, subject to IHG approval. [112800] Cho phép bảng hoạt động thay thế bàn/khu vực làm việc tiêu chuẩn, phải được IHG phê duyệt.

Planters are not permitted. [63834] Không cho phép các chậu cây.

My Room -> Collateral/Stationery Phòng của tôi -> Tài liệu quảng bá/Văn phòng phẩm

A minimum of one notepad must be provided. [329] Cung cấp tối thiểu một notepad.

One pen must be provided with the notepad. [25802] Cung cấp bút với notepad.

Must be placed next to the bedside telephone. [37954] Phải đặt cạnh điện thoại cạnh giường.

Notepad and pen must not be placed in the bath zone. [56846] Không được đặt notepad và bút trong khu vực nhà tắm.

Pencils are not permitted. [56847] Không cho phép bút chì.

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 103)**

Preferred Supplier: Nhà cung cấp được ưu tiên:

Shanghai Pudong Hotel Distribution Center Co., Ltd, Tel: +86 21 5892 8000/8016, Email: salesone@shpulv.com [17125]

Materials should be recyclable and recycled wherever possible. [37957] Vật liệu nên được tái chế và tái chế bất cứ khi nào có thể.

Magazines and/or publications that contain adult content are not permitted. [277] Không cho phép tạp chí và/hoặc ấn phẩm có chứa nội dung người lớn.

Telephone faceplates must meet the following: [78098] Bản mặt điện thoại phải đáp ứng như sau:

Hotel name [78099] Tên khách sạn

Room number [78100] Số phòng

Address [78101] Địa chỉ

Telephone/fax number [78102] Số điện thoại/ fax

Hotel logo [78103] Logo khách sạn

Instructions for International Direct Dialing (IDD), local, room-to-room calling, and local emergency number (if available in country). [78104] Hướng dẫn về Quay số trực tiếp quốc tế (IDD), gọi nội địa, gọi từ phòng này sang phòng khác và quay số khẩn cấp địa phương (nếu có ở trong nước).

My Room -> Bedding Phòng của tôi -> Bộ đồ giường

A bed throw must be placed at the end of each bed. [96206] Khăn trải giường phải được đặt ở cuối mỗi giường.

Bed throws must be clean and free from visible stains. [96209] Khăn trải giường phải sạch sẽ và không có vết bẩn có thể nhìn thấy.

Width: Minimum 50cm (20in), standard for all bed sizes. [569049] Chiều rộng: Tối thiểu 50 cm (20 in), tiêu chuẩn cho tất cả các kích cỡ giường.

Firm pillows must be provided on the bed and must meet the following: [65926] Cung cấp gối bền phải trên giường và phải đáp ứng như sau:

Colour: White [65928] Màu sắc: Trắng

Pillow size: King bed - 50cm (20in) x 90cm (36in) [89600] Kích thước gối: Giường King - 50 cm (20in) x 90cm (36in)

Pillow size: Single, Double and Queen beds - 50cm (20in) x 66cm (26.4in) [96013] Kích thước gối: Giường đơn, giường đôi và giường cỡ Queen - 50 cm (20 in) x 66cm (26,4in)

Fill weight: Minimum 1700g for King bed or 1000g for Queen, Double and Single beds. [96022] Trọng lượng lấp đầy: Tối thiểu 1700g cho giường King hoặc 1000g cho giường Queen, giường đôi và giường đơn

Quantity: Two firm pillows for King, Queen and double or one for single [65927] Số lượng: Hai chiếc gối bền cho King, Queen và đôi hoặc một cho đơn

Casing material: 100% Cotton [65929] Chất liệu vỏ: 100% Cotton

Minimum casing thread count per square inch: 233 [65930] Số lượng ren ống tối thiểu trên mỗi inch vuông: 233

Casing weave: Plain single pick [65931] Dệt ren: bình thường kiểu đơn

Filling material: Outer filling 50% duck down, inner filling 5% duck down [65938] Vật liệu làm đầy: Nhồi đầy bên ngoài 50% lông tơ vịt, nhồi đầy bên trong 5% lông tơ vịt

Hypo-allergenic. [65935] Không gây dị ứng

Stitching: Double needle [65936] Khâu: Kim đôi

Treatment: Airy DuPont Teflon treated (water & oil repellent), stain-resistant fabric [96008] Xử lý: Airy DuPont Teflon được xử lý (chống thấm nước & dầu), vải chống ố

Piping: Yellow (Queen, Double and Single) or Blue (King) [65940] Đường ống: Vàng (Queen, Đôi và Đơn) hoặc Xanh lam (King)

**(Trang 104)**

Suggested suppliers: Nhà cung cấp được đề xuất:

UAE (Dubai), B&B Solutions FZC, Anita Dey, bnbsolns@emirates.net.ae, +971 4 327 3664 UAE (Sharjah], Greenline FZC, T. Ramachandran, ram@greenline.biz, +971 6 557 8990

Egypt (Cairo), Smart Hotel Supplies, Amir Abdullah, Amir.abdullah@smartcnt.com, +202 241 2211 Australia (Brisbane), Killarney Linen, David Bray, davidb@killarney-linen.com.au, +614 1864 0090 Australia (Melbourne), Polar Linen, John Childs, jchilds@internode.on.net, +614 3167 4414 Australia (Melbourne), Calzac Australia, Sam Samarasekera, ceronus@bigpond.com, +614 3441 1656 Australia (Melbourne), Auxico Corporation, Monica Teh, monica@auxico.com.au, +613 9338 7388 China (Huai’an), Jiangsu Canasin Weaving Co, Maureen Gao, gyq@canasin.com, +86 51785 206926 China (Jiangsu), Nantong SIDEFU Textile Co, Leo Qian, leo@sidefu-china.an, +86 51383 584896

China (Shenzhen), Shenzhen Heng An Xing Hotel Supplies Co, Crystal Guo, Crystal@haxgroup.com, +86 75525 128790 [66886]

Soft pillows must be provided on the bed and must meet the following: [65898] Phải cung cấp gối mềm trên giường và đáp ứng như sau:

Colour: White [65901] Màu sắc: Trắng

Pillow size: King beds - 50cm (20in) x 90cm (36in) [89601] Kích thước gối: Giường King - 50 cm (20in) x 90cm (36in)

Pillow size: Single, Double and Queen beds - 50cm (20in) x 66cm (26.4in) [96035] Kích thước gối: Giường đơn, giường đôi và giường cỡ Queen - 50 cm (20 in) x 66cm (26,4in)

Filling material: 50% duck feather, 50% duck down [96036] Chất liệu nhồi: 50% lông vũ vịt, 50% lông tơ vịt

Quantity: Two soft pillows for King, Queen and Double or one for Single. [65900] Số lượng: Hai gối mềm cho King, Queen và Double hoặc một cho Single.

Casing material: 100% Cotton Chất liệu vỏ: 100% cotton

Fill weight: Minimum 1200g for King bed or 800g for Queen, Double and Single beds. [65909] Tối thiểu 1200g cho giường King hoặc 800g cho giường Queen, giường đôi và giường đơn.

Casing weave: Plain single pick Dệt ren: bình thường kiểu đơn

Filling material: Outer filling 50% duck down, inner filling 5% duck down Vật liệu làm đầy: Nhồi đầy bên ngoài 50% lông tơ vịt, nhồi đầy bên trong 5% lông tơ vịt

Hypo-allergenic. Không gây dị ứng

Stitching: Double needle Khâu: Kim đôi

Treatment: Airy DuPont Teflon treated (water & oil repellent), stain-resistant fabric [96008] Xử lý: Airy DuPont Teflon được xử lý (chống thấm nước & dầu), vải chống ố

Piping: White (Queen, Double and Single) or Red (King) Đường ống: Trắng (Queen, Đôi và Đơn) hoặc Đỏ (King)

**(Trang 105)**

Suggested suppliers: nhà cung cấp được đề xuất:

UAE (Dubai), B&B Solutions FZC, Anita Dey, bnbsolns@emirates.net.ae, +971 4 327 3664 UAE (Sharjah], Greenline FZC, T. Ramachandran, ram@greenline.biz, +971 6 557 8990

Egypt (Cairo), Smart Hotel Supplies, Amir Abdullah, Amir.abdullah@smartcnt.com, +202 241 2211 Australia (Brisbane), Killarney Linen, David Bray, davidb@killarney-linen.com.au, +614 1864 0090 Australia (Melbourne), Polar Linen, John Childs, jchilds@internode.on.net, +614 3167 4414 Australia (Melbourne), Calzac Australia, Sam Samarasekera, ceronus@bigpond.com, +614 3441 1656 Australia (Melbourne), Auxico Corporation, Monica Teh, monica@auxico.com.au, +613 9338 7388 China (Huai’an), Jiangsu Canasin Weaving Co, Maureen Gao, gyq@canasin.com, +86 51785 206926 China (Jiangsu), Nantong SIDEFU Textile Co, Leo Qian, leo@sidefu-china.an, +86 51383 584896

China (Shenzhen), Shenzhen Heng An Xing Hotel Supplies Co, Crystal Guo, Crystal@haxgroup.com, +86 75525 128790 [66883]

Soft or firm designation must be clearly indicated. [321] Chọn lựa loại mềm hoặc chắc chắn phải được chỉ ra rõ ràng.

The words “soft” and “firm” must be embroidered on the top right corner of the sealed end of the pillow case. [13795]

dòng chữ “Mềm” và “Chắc Chắn” phải được thêu ở góc trên bên phải của đầu bịt kín của vỏ gối.

Pillow placement and embroidery example Ví dụ về ị trí đặt gối và thêu

Must be in Myriad Pro font. [13796] Phải ở phông chữ Myriad Pro.

Direction of embroidery must be read from bottom to top. [88346] Hướng thêu phải được đọc từ dưới lên trên.

Where "soft" and "firm" indication of pillows is embroidered, queen beds must have a minimum of one firm and one soft pillow on each side of the bed. [94897] Khi thêu nhận diện gối “mềm” và "chắc chắn", giường queen phải có tối thiểu một gối chắc chắn và một gối mềm ở mỗi bên của giường.

Where "soft" and "firm" indication of pillows is embroidered, twin beds must have a minimum of one firm and one soft pillow on each the bed. [94898] Khi thêu nhận diện gối “mềm” và "chắc chắn", giường đôi phải có tối thiểu một giường chắc chắn và một gối mềm trên mỗi giường.

Width in between letters: 0.5cm (0.2in) [95588] Chiều rộng ở giữa các chữ cái: 0,5cm (0,2 in)

Font height (SOFT): 3cm (1.2in) (for the f in “soft”), 2.3cm (0.92in) (for t in “soft”) and 2cm (0.8in) (for s, o in “soft”). [95646] Chiều cao phông chữ (SOFT): 3cm (1,2in) (đối với chữ f trong soft), 2,3cm (0,92in) (đối với chữ t trong “soft”) và 2cm (0,8 in) (đối với chữ s, o trong chữ soft).

Embroidery yarn colour: Pantone 429C [95648] Màu thêu sợi: Pantone 429C

Embroidery stitches: SOFT: 3590 stitches; FIRM: 3735 stitches [95649] Mũi khâu thêu: SOFT: 3590 mũi khâu; FIRM: 3735 mũi khâu

Font height (FIRM): 3cm (1.2in) (f in “firm”) and 2cm (0.8in) (i, r, m in “firm”). [95651] Chiều cao phông chữ (FIRM): 3cm (1.2in) (f trong “firm”) và 2cm (0.8in) (i, r, m trong “firm”).

Embroidery yarn type: Polyester (Bleach resistance) [95590] Loại thêu: Polyester (Kháng tẩy trắng)

Synthetic pillows must be available on request. [66506] Gối tổng hợp phải có sẵn theo yêu cầu.

Colour: White [66507] Màu: Trắng

Casing Material: 100% cotton [66508] Chất liệu vỏ gối: 100% cotton

**(Trang 106)**

Minimum casing thread count per square inch: 233 Số lượng ren ống tối thiểu trên mỗi inch vuông: 233

Casing weave: Plain single pick Dệt ren: bình thường kiểu đơn

Filling material: 100% polyester, microdenier blowable fibre, 0.7 DTex solid siliconised, core cut length 12mm [66511] Chất liệu nhồi đầy: 100% polyester, sợi microdenier blowable, silicon rắn 0,7 DTex, chiều dài cắt lõi 12 mm

Fill weight: 1000g for medium [66513] Trọng lượng nhồi: 1000g đối với loại trung bình

Stitching: Double needle [66514] Mũi khâu: Kim đôi

Suggested suppliers: nhà cung cấp được đề xuất:

UAE (Dubai), B&B Solutions FZC, Anita Dey, bnbsolns@emirates.net.ae, +971 4 327 3664 UAE (Sharjah], Greenline FZC, T. Ramachandran, ram@greenline.biz, +971 6 557 8990

Egypt (Cairo), Smart Hotel Supplies, Amir Abdullah, Amir.abdullah@smartcnt.com, +202 241 2211 Australia (Brisbane), Killarney Linen, David Bray, davidb@killarney-linen.com.au, +614 1864 0090 Australia (Melbourne), Polar Linen, John Childs, jchilds@internode.on.net, +614 3167 4414 Australia (Melbourne), Calzac Australia, Sam Samarasekera, ceronus@bigpond.com, +614 3441 1656 Australia (Melbourne), Auxico Corporation, Monica Teh, monica@auxico.com.au, +613 9338 7388 China (Huai’an), Jiangsu Canasin Weaving Co, Maureen Gao, gyq@canasin.com, +86 51785 206926 China (Jiangsu), Nantong SIDEFU Textile Co, Leo Qian, leo@sidefu-china.an, +86 51383 584896

China (Shenzhen), Shenzhen Heng An Xing Hotel Supplies Co, Crystal Guo, Crystal@haxgroup.com, +86 75525 128790 [66884]

Piping: Green (Medium) [87899] Đường ống: Xanh (Trung bình)

Treatment: Airy, DuPont Teflon treated (water & oil repellent), stain-resistant fabric [95802] Xử lý: Thoáng mát, xử lý bằng DuPont Teflon (chống thấm nước & dầu), vải chống ố

Pillow protectors must be provided and meet the following: [66775] Phải cung cấp lớp bảo vệ gối và đáp ứng như sau:

Colour: white [66776] Màu sắc: trắng

Design pattern: Not permitted [66777] Mẫu thiết kế: Không được phép

Material: 100% cotton. [66778] Chất liệu: 100% cotton

Thread count per square inch: Minimum 200 [66779] Số lượng chỉ trên mỗi inch vuông: Tối thiểu 200

Weave: Plain single pick [66780] Dệt: Dệt bình thường loại đơn

Yarn: 32's [66781] Sợi: 32’s

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 107)**

Suggested suppliers: nhà cung cấp được đề xuất:

UAE (Dubai), B&B Solutions FZC, Anita Dey, bnbsolns@emirates.net.ae, +971 4 327 3664 UAE (Sharjah], Greenline FZC, T. Ramachandran, ram@greenline.biz, +971 6 557 8990

Egypt (Cairo), Smart Hotel Supplies, Amir Abdullah, Amir.abdullah@smartcnt.com, +202 241 2211 Australia (Brisbane), Killarney Linen, David Bray, davidb@killarney-linen.com.au, +614 1864 0090 Australia (Melbourne), Polar Linen, John Childs, jchilds@internode.on.net, +614 3167 4414 Australia (Melbourne), Calzac Australia, Sam Samarasekera, ceronus@bigpond.com, +614 3441 1656 Australia (Melbourne), Auxico Corporation, Monica Teh, monica@auxico.com.au, +613 9338 7388 China (Huai’an), Jiangsu Canasin Weaving Co, Maureen Gao, gyq@canasin.com, +86 51785 206926 China (Jiangsu), Nantong SIDEFU Textile Co, Leo Qian, leo@sidefu-china.an, +86 51383 584896

China (Shenzhen), Shenzhen Heng An Xing Hotel Supplies Co, Crystal Guo, Crystal@haxgroup.com, +86 75525 128790 [66881]

Sheets and pillow covers must be provided and meet the following: [66517] Phải cung cấp khăn trải giường và vỏ gối và đáp ứng như sau:

Material: Cotton with a maximum of 20% polyester [66760] Chất liệu: Cotton với tối đa 20% polyester

Thread count per square inch: Minimum 200 [66763] Số lượng chỉ trên mỗi inch vuông: Tối thiểu 200

Weave: Plain Single Pick [66766] Dệt: Dệt bình thường loại đơn

Yarn: 40's [66768] Sợi: 40’s

Embroidery: Only for soft and firm pillows [66773] Thêu: Chỉ dành cho gối mềm và gối chắc

Colour: White [96795] Màu sắc: Trắng

Pattern: White-on-white patterns are permitted [66877] Khuôn mẫu: cho phép White-on-white

Mass is recommended to be a minimum of 145gm² [521048] Khối lượng được khuyến nghị là tối thiểu 145gm

**(Trang 108)**

Suggested suppliers: nhà cung cấp được đề xuất:

UAE (Dubai), B&B Solutions FZC, Anita Dey, bnbsolns@emirates.net.ae, +971 4 327 3664 UAE (Sharjah], Greenline FZC, T. Ramachandran, ram@greenline.biz, +971 6 557 8990

Egypt (Cairo), Smart Hotel Supplies, Amir Abdullah, Amir.abdullah@smartcnt.com, +202 241 2211 Australia (Brisbane), Killarney Linen, David Bray, davidb@killarney-linen.com.au, +614 1864 0090 Australia (Melbourne), Polar Linen, John Childs, jchilds@internode.on.net, +614 3167 4414 Australia (Melbourne), Calzac Australia, Sam Samarasekera, ceronus@bigpond.com, +614 3441 1656 Australia (Melbourne), Auxico Corporation, Monica Teh, monica@auxico.com.au, +613 9338 7388 China (Huai’an), Jiangsu Canasin Weaving Co, Maureen Gao, gyq@canasin.com, +86 51785 206926 China (Jiangsu), Nantong SIDEFU Textile Co, Leo Qian, leo@sidefu-china.an, +86 51383 584896

China (Shenzhen), Shenzhen Heng An Xing Hotel Supplies Co, Crystal Guo, Crystal@haxgroup.com, +86 75525 128790 [66876]

Duvet must be provided and meet the following: [66782] Phải cung cấp chăn duvet và đáp ứng như sau

Colour: white [66785] Màu sắc: trắng

Size: Duvet length must exceed the bed. [88255] Kích thước: Chiều dài duvet phải vượt quá giường.

Casing material: 100% Cotton [66786] Chất liệu vỏ: 100% Cotton

Minimum casing thread count per square inch: 233 [66787] Số lượng chỉ vỏ tối thiểu trên mỗi inch vuông: 233

Casing Weave: Percale Single Pick [66788] Dệt ren: bình thường kiểu đơn

Filling material: Duck down filling 50% cluster [66784] Chất liệu nhồi đầy: Nhồi đầy lông tơ vịt 50%

Fill weight: Tropical minimum 150 gm², moderate minimum 200 gm², cold climate minimum 220 gm². [66789] Trọng lượng nhồi đầy: Khi hậu nhiệt đới tối thiểu 150 gm², nhiệt độ vừa phải tối thiểu 200 gm², khí hậu lạnh tối thiểu 220 gm².

Stitching: Double Needle [66791] Mũi khâu: Kim đôi

Size: Duvet width must exceed the bed by a minimum of 40cm (16in). [88302] Kích thước: Chiều rộng của Duvet phải vượt quá giường tối thiểu 40cm (16in).

Hypo-allergenic [66790] Không gây dị ứng

Filling material: Goose down/feather is recommended. [66792] Chất liệu nhồi: Khuyến nghị lông vũ/ lông tơ ngỗng

Quilting: 25x25cm squares stitched through is recommended. [66794] Chần vải Quilting: khâu vuông 25x25cm

Piping: Green (King), Blue (Queen), Red (Double), White (Single) is recommended. [66795] Đường ống: Màu xanh lá cây (King), Xanh da trời (Queen), Đỏ (Double), Trắng (Single).

**(Trang 109)**

Suggested suppliers: nhà cung cấp được đề xuất:

UAE (Dubai), B&B Solutions FZC, Anita Dey, bnbsolns@emirates.net.ae, +971 4 327 3664 UAE (Sharjah], Greenline FZC, T. Ramachandran, ram@greenline.biz, +971 6 557 8990

Egypt (Cairo), Smart Hotel Supplies, Amir Abdullah, Amir.abdullah@smartcnt.com, +202 241 2211 Australia (Brisbane), Killarney Linen, David Bray, davidb@killarney-linen.com.au, +614 1864 0090 Australia (Melbourne), Polar Linen, John Childs, jchilds@internode.on.net, +614 3167 4414 Australia (Melbourne), Calzac Australia, Sam Samarasekera, ceronus@bigpond.com, +614 3441 1656 Australia (Melbourne), Auxico Corporation, Monica Teh, monica@auxico.com.au, +613 9338 7388 China (Huai’an), Jiangsu Canasin Weaving Co, Maureen Gao, gyq@canasin.com, +86 51785 206926 China (Jiangsu), Nantong SIDEFU Textile Co, Leo Qian, leo@sidefu-china.an, +86 51383 584896

China (Shenzhen), Shenzhen Heng An Xing Hotel Supplies Co, Crystal Guo, Crystal@haxgroup.com, +86 75525 128790 [66882]

Duvet cover must be provided and meet the following: [66798] Phải cung cấp vỏ chăn duvet và đáp ứng như sau:

Colour: white [66799] Màu sắc: trắng

Material: Cotton with maximum 20% polyester. [66801] Chất liệu: Cotton với tối đa 20% polyester.

Weave: Plain single pick [66804] Dệt: bình thường kiểu đơn

Yarn: 40's [66806] Sợi: 40’s

Size: must be measured to guarantee a proper fit. [66809] Kích thước: phải được đo để đảm bảo phù hợp.

Thread count per square inch: Minimum 200 [66812] Số lượng chỉ trên mỗi inch vuông: Tối thiểu 200

The bottom of the cover must be opened for inserting duvet with a 5cm flange or internal fold hiding the insert opening. [88344] Đáy vỏ phải được mở để chèn duvet với mặt bích 5cm hoặc nếp gấp bên trong ẩn lỗ mở chèn.

Pattern: White-on-white patterns are permitted. [66813] Hoa văn: cho phép white-on-white

Internal fold: 15-20cm (7-8in) recommended. [66816] Gấp bên trong: 15-20cm (7-8in)

Mass is recommended to be a minimum of 145gm² [521049]

**(Trang 110)**

Suggested suppliers: nhà cung cấp được đề xuất:

UAE (Dubai), B&B Solutions FZC, Anita Dey, bnbsolns@emirates.net.ae, +971 4 327 3664 UAE (Sharjah], Greenline FZC, T. Ramachandran, ram@greenline.biz, +971 6 557 8990

Egypt (Cairo), Smart Hotel Supplies, Amir Abdullah, Amir.abdullah@smartcnt.com, +202 241 2211 Australia (Brisbane), Killarney Linen, David Bray, davidb@killarney-linen.com.au, +614 1864 0090 Australia (Melbourne), Polar Linen, John Childs, jchilds@internode.on.net, +614 3167 4414 Australia (Melbourne), Calzac Australia, Sam Samarasekera, ceronus@bigpond.com, +614 3441 1656 Australia (Melbourne), Auxico Corporation, Monica Teh, monica@auxico.com.au, +613 9338 7388 China (Huai’an), Jiangsu Canasin Weaving Co, Maureen Gao, gyq@canasin.com, +86 51785 206926 China (Jiangsu), Nantong SIDEFU Textile Co, Leo Qian, leo@sidefu-china.an, +86 51383 584896

China (Shenzhen), Shenzhen Heng An Xing Hotel Supplies Co, Crystal Guo, Crystal@haxgroup.com, +86 75525 128790 [66880]

Mattress protector must be provided and meet the following: [66817] Phải cung cấp lớp bảo vệ đệm giường và đáp ứng như sau:

Colour: white [66818] Màu sắc: trắng

Casing material: Cotton with maximum 50% polyester. [66819] Chất liệu vỏ: Cotton với tối đa 50% polyester.

Minimum casing thread count per square inch: 233 [66820] Số lượng chỉ khâu tối thiểu trên mỗi inch vuông: 233

Casing weave: Plain [66821] Dệt vỏ: phẳng

Yarn: 32's [66822] Sợi: 32’s

Filling: Hollow fibre polyester [66823] Nhồi đầy: sợi polyester rỗng

Weight: 120gsm [66824] Trọng lượng: 120gsm

Fastening: 45cm x 3.5cm (18in x 1.4in) elastic straps at corners. [66826] Chốt: dây thun 45cm x 3,5cm (18in x 1,4in) ở các góc.

Size: Must fully cover the top of the mattress after normal shrinkage due to laundering. [66828] Kích thước: Phải che hoàn toàn mặt trên của nệm sau khi co rút bình thường do giặt.

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 111)**

Suggested suppliers: nhà cung cấp được đề xuất:

UAE (Dubai), B&B Solutions FZC, Anita Dey, bnbsolns@emirates.net.ae, +971 4 327 3664 UAE (Sharjah], Greenline FZC, T. Ramachandran, ram@greenline.biz, +971 6 557 8990

Egypt (Cairo), Smart Hotel Supplies, Amir Abdullah, Amir.abdullah@smartcnt.com, +202 241 2211 Australia (Brisbane), Killarney Linen, David Bray, davidb@killarney-linen.com.au, +614 1864 0090 Australia (Melbourne), Polar Linen, John Childs, jchilds@internode.on.net, +614 3167 4414 Australia (Melbourne), Calzac Australia, Sam Samarasekera, ceronus@bigpond.com, +614 3441 1656 Australia (Melbourne), Auxico Corporation, Monica Teh, monica@auxico.com.au, +613 9338 7388 China (Huai’an), Jiangsu Canasin Weaving Co, Maureen Gao, gyq@canasin.com, +86 51785 206926 China (Jiangsu), Nantong SIDEFU Textile Co, Leo Qian, leo@sidefu-china.an, +86 51383 584896

China (Shenzhen), Shenzhen Heng An Xing Hotel Supplies Co, Crystal Guo, Crystal@haxgroup.com, +86 75525 128790 [66879]

Treatment: Airy, DuPont Teflon treated (water & oil repellent), stain-resistant fabric [95804] Xử lý: Thoáng khí, xử lý bằng DuPont Teflon (chống thấm nước & dầu), vải chống ố bẩn

Quilting: 25cm x 25cm (10in x 10in) diamond pattern [96140] Chần vải Quilting: khuôn kim cương 25x25cm

A separate mattress topper or integrated mattress topper must be provided. [346198] Phải cung cấp một topper nệm riêng hoặc topper phủ nệm tích hợp

The separate mattress topper must meet the following minimum requirements: [8542] topper nệm riêng biệt phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau đây:

Colour: White [87920] Màu sắc: Trắng

Casing material: 100% Cotton [36465] Chất liệu vỏ: 100% Cotton

Minimum casing threadcount per square inch: 233 [8548] Số lượng sợi vỏ tối thiểu trên mỗi inch vuông: 233

Yarn: 40's [78897] Sợi: 40’s

Casing weave: Plain [87927] Dệt vỏ: phẳng

Filling material: 5% duck down/95% duck feather. [8545] Chất liệu nhồi: 5% lông tơ vịt/95% lông vịt.

Fill weight: 1100gsm [87921] Trọng lượng nhồi: 1100gsm

Hypo-allergenic. [8547] Không gây dị ứng

Baffled Box Feather Bed [8544] Giường lông vũ có vách ngăn

Must be sized to fully cover the top of the mattress after normal shrinkage due to laundering [8543] Phải có kích thước để che hoàn toàn mặt trên của nệm sau khi co rút bình thường do giặt giũ

Guidelines Hướng Dẫn

Treatment: Airy, DuPont Teflon treated (water & oil repellent), stain-resistant fabric [96007] Xử lý: Thoáng mát, xử lý bằng DuPont Teflon (chống thấm nước & dầu), vải chống ố

Stitching: 5cm (2in) baffles, end to end, double stitched to prevent leakage is recommended. [87922] Khâu: Vách ngăn 5cm (2in), từ đầu đến cuối, khâu đôi để tránh rò rỉ.

Quilting: 30cm (12in) x 30cm (12in) squares are recommended. [87923] Chần vải Quilting: khuyến nghị khâu vuông 25x25cm

**(Trang 112)**

Piping: White is recommended. [87924] Đường ống: khuyến nghị màu trắng

Fastening: Four 3.5cm (1.4in) x 45cm (18in) elastic straps at corner. [87919] Chốt: Bốn thun 3,5cm (1,4in) x 45cm (18in) ở góc.

Extra blankets must be stored in the wardrobe or be available on request. [58870] Chăn thêm phải được để trong tủ quần áo hoặc có sẵn theo yêu cầu.

Where an extra bed is requested, the following amenities must be provided: [58854] Khi yêu cầu một giường phụ, phải cung cấp các tiện nghi sau đây:

One bath towel [58855]Một khăn tắm

One wash cloth [58856] Một khăn lau mặt

One hand towel [58857] Một khăn lau tay

One pair of slippers [58858] Một đôi dép

One bathroom tumbler [58859] Một cốc vại nhà tắm

One mug [58860] Một cốc

One teaspoon [58861] Một thìa

Maximum one rollaway bed per room [58862] Tối đa một giường gấp cho mỗi phòng

Guidelines Hướng Dẫn

• Bathroom amenities should be adjusted to the number of guests in the guest room. [68651] Tiện nghi phòng tắm nên được điều chỉnh theo số lượng khách trong phòng khách.

All bedding must be free from visible stains, clean and well maintained. [310] Tất cả các bộ đồ giường phải không được có ố bẩn dễ trông thấy, sạch sẽ và được bảo trì tốt.

Linen must be removed from service when visible permanent staining or frayed edges occur. [28565] Vải lanh phải được loại bỏ khỏi dịch vụ nếu xuất hiện vết bẩn vĩnh viễn hoặc sờn.

All linen must be changed at the request of the guest. [37889] Phải thay đổi tất cả vải lanh theo yêu cầu của khách.

Unless requested by a guest, linen must be changed at a minimum every third day, after second night, for consecutive stays. [37892] Trừ khi khách yêu cầu, phải thay đổi vải lanh tối thiểu mỗi lần vào ngày thứ ba, sau đêm thứ hai, cho các lần lưu trú liên tiếp.

All linen in the room, regardless of whether they were used, must be changed and laundered at a minimum upon each guest departure. [37896] Tất cả vải lanh trong phòng, bất kể chúng được sử dụng, phải được thay đổi và giặt tối thiểu mỗi lần khách rời đi.

Decorative pillows, covers or cushions are not permitted. [955] Không cho phép gối trang trí, vỏ hoặc đệm.

My Room -> Guest Supplies Phòng của tôi -> Đồ dùng cho khách

The Directory of Services must be provided. [278] Danh mục dịch vụ phải được cung cấp.

It must be displayed in its entirety, as either a printed version or loaded on the TV system. [87018] Nó phải được hiển thị toàn bộ, dưới dạng bản in hoặc được tải trên hệ thống TV.

The directory must be reviewed at a minimum every three months by the hotel and updated where necessary or at the direction of IHG. [37797] Thư mục phải được xem xét tối thiểu ba tháng một lần bởi khách sạn và được cập nhật khi cần thiết hoặc theo hướng của IHG.

Where printed, the Directory of Services must be placed on or within visible access of the work desk. [13736] Khi được in, Danh mục Dịch vụ phải được đặt trên hoặc trong lối vào có thể nhìn thấy của bàn làm việc.

Smoking policy and limitations must be advised to guests in the Directory of Services. [25808] Chính sách và giới hạn hút thuốc phải được thông báo cho khách trong Danh mục dịch vụ.

Guidelines Hướng Dẫn

British English is recommended. [57050] Khuyến nghị Tiếng Anh -Anh

The recommended text for the smoking policy and limitations in the Directory of Services are as follow: [Hotel name] is committed to providing guests and colleagues with a smoke-free environment in non-smoking guestrooms and public spaces. If in the event of failure to comply, a minimum fee of [$$$] will be imposed to restore the guest room or public space to a smoke-free condition. [569048] Văn bản được đề xuất cho chính sách và giới hạn hút thuốc trong Danh mục dịch vụ như sau: [Tên khách sạn] cam kết cung cấp cho khách và nhân viên môi trường không khói thuốc trong phòng và không gian công cộng cấm hút thuốc. Nếu trong trường hợp không tuân thủ, một khoản phí tối thiểu [$$$] sẽ được áp dụng để khôi phục phòng khách hoặc không gian công cộng về điều kiện không khói thuốc.

**(Trang 113)**

Additional languages may be used where appropriate, including language of origin for high feeder markets. [20009] ngôn ngữ bổ sung có thể được sử dụng khi thích hợp, bao gồm ngôn ngữ xuất xứ cho các feeder market cao.

Minimum of six hangers must be provided. [58785] Cung cấp tối thiểu sáu móc treo.

Hangers must be a uniform size, shape, colour and material. [58786] Móc treo phải có kích thước, hình dạng, màu sắc và chất liệu đồng bộ.

A minimum of three skirt hangers are required. [58788] Yêu cầu tối thiểu ba móc treo váy.

Security hangers, theft-proof hangers and removable open hooks are not permitted. [58790] Không cho phép móc treo an ninh, móc chống trộm và móc mở có thể tháo rời.

Must be wooden with securely fastened metal hook [58791] Phải bằng gỗ với móc kim loại buộc chặt

Must have a natural lacquered finish [58792] Phải có hoàn thiện sơn mài tự nhiên

Must have a metal hook size to fit closet rod [58793] Móc kim loại có kích thước phù hợp với thanh tủ quần áo

Must be a minimum overall width of 44cm (17.6in). [58794] Phải có chiều rộng tổng thể tối thiểu là 44cm (17,6in).

Must have indentation for garment loops [58795] Phải có vết lõm cho móc vải

Hanger with Indentation for Garment Loops Example Ví dụ về móc treo có vết lõm cho móc vải

Clips must be padded on the inside [58796] Ghim phải được đệm ở bên trong

An electric hairdryer must be provided. [355] Phải cung cấp một máy sấy tóc điện.

Automatic power off when over heating. [90528] Tự động tắt nguồn khi quá nhiệt.

Minimum 1500 watts. [95585] Tối thiểu 1500 watt.

Hair dryer must not have hold down on/off switch. [8394] Máy sấy tóc không được có công tắc bật/tắt

Coiled electrical cord. [38038] Dây điện cuộn.

Hair/lint filter must be accessible for cleaning purposes. [38041] Có thể tiếp cận bộ lọc công suất/ tóc cho mục đích làm sạch.

Minimum of two speeds [58647] Tối thiểu hai tốc độ

Minimum electrical cord length when extended: 1.5m (5ft) [58768] Chiều dài dây điện tối thiểu khi mở rộng: 1,5m (5ft)

Hairdryer must not be presented in a soft branded bag [58770] Máy sấy tóc không được để trong một túi thương hiệu mềm

The laundry bag must meet the following specifications: [65021] Túi giặt phải đáp ứng các thông số kỹ thuật sau:

Eco-friendly (bio-degradable) material (e.g. PLA) [65023] Vật liệu thân thiện với môi trường (phân hủy sinh học) (ví dụ: PLA)

Re-usable, laundry bag can be washed [65024] Túi giặt, tái sử dụng có thể được giặt

Plastic bags are not permitted. [65025] Không cho phép túi nhựa.

Must be displayed in wardrobe. [65026] Phải được hiển thị trong tủ quần áo.

Drawstring closure [65028] Bao dây rút

One electric kettle must be supplied. [8066] Phải cung cấp một siêu điện.

High impact plastic or brushed stainless steel. [57079] Nhựa chịu lực cao hoặc thép không gỉ được chải.

High Impact Plastic or Brushed Stainless Steel Kettle Example Ví dụ về ấm đun nước bằng nhựa chịu lực cao hoặc thép không gỉ chải

Brushed Stainless Steel Kettle Example Ví dụ về ấm đun nước bằng thép không gỉ

Dry boil safety protection [57081] Bảo vệ an toàn đun cạn

**(Trang 114)**

Cool grip handle [57082] Tay nắm lạnh

Minimum volume of 750ml (25fl oz). [8067] Thể tích tối thiểu 750ml (25fl oz).

Kettle must be a cordless model with a hard-wired base plate [8072] Ấm đun nước phải là một mẫu không dây với tấm đế dây cứng

Hard-wired Base Plate Example (white) Ví dụ về tấm đế dây cứng (màu trắng)

Hard-wired Base Plate Example (black) Ví dụ về tấm đế dây cứng (màu đen)

360° cordless rotational base required for left or right handed use. [8073] Chân đế xoay không dây 360 ° cần thiết cho việc sử dụng tay trái hoặc tay phải.

360° Cordless Rotational Base Example 2 Ví dụ 2 chấn đế xoay không dây 360°

360° Cordless Rotational Base Example 1 Ví dụ 1 chấn đế xoay không dây 360°

Must have a water level indicator window. [8074] Phải có cửa sổ chỉ báo mực nước.

Water Level Indicator Window 2 Cửa sổ chỉ báo mực nước 2

Water Level Indicator Window 1 Cửa sổ chỉ báo mực nước 1

Attached and assisted lid [13754] Nắp đính kèm và hỗ trợ

On/Off power indicator [13755] Đèn báo bật/tắt

Flat base plate to prevent water collection [13756] Tấm đế phẳng để ngăn nước

Flat Base Plate 2 Tấm đế phẳng 2

Flat Base Plate 1 Tấm đế phẳng 1

Automatic switch off when water boils. [13757] Tự động tắt khi nước sôi.

Stainless-steel anti-scale concealed heating element [13758] Thiết bị đốu nóng kín chống cặn bằng thép không gỉ

Guidelines Hướng Dẫn

• Removable and washable filter for collection of lime scale particles. [25264] Bộ lọc có thể tháo rời và rửa được để thu thập các mảnh cặn vôi.

Tea and coffee making facilities and supplies must be provided. [343] Phải cung cấp các cơ sở và nguồn cung cấp làm trà và cà phê.

Minimum of three and maximum of six types of tea must be provided, including one Black (e.g English Breakfast), one Green and one Herbal (e.g. Chamomile). [675080] Phải cung cấp tối thiểu ba và tối đa sáu loại trà, bao gồm một Đen (ví dụ Bữa sáng kiểu Anh), một Xanh và một Thảo dược (ví dụ: Hoa cúc).

For each type of tea, a minimum of two and maximum of four packs of tea must be provided. [675081] Đối với mỗi loại trà, phải cung cấp tối thiểu hai và tối đa bốn gói trà.

Minimum of two and maximum of four sachets of instant freeze dried coffee are required. [93396] Yêu cầu tối thiểu hai và tối đa bốn gói cà phê khô đông lạnh ngay lập tức.

Minimum of two and maximum of four sachets of instant freeze dried decaffeinated coffee sachets are required. [93397] Yêu cầu tối thiểu hai và tối đa bốn gói cà phê khô đã khử đông lạnh ngay lập tức.

Minimum two milk or powdered creamer servings [93401] Tối thiểu hai suất sữa hoặc bột kem

Minimum two white sugar servings. [93398] Tối thiểu hai suất đường trắng.

Minimum two brown sugar servings. [93399] Tối thiểu hai suất đường nâu.

**(Trang 116)**

Minimum two artificial sweetener servings. [93400] Tối thiểu hai phần đường hóa học.

Minimum two stainless steel teaspoons. [61057] Tối thiểu hai muỗng cà phê thép không gỉ.

Tea, coffee, milk/creamer and sugar supplies must be replenished daily. [37983] Phải bổ sung trà, cà phê, sữa/kem và đường hàng ngày

Tea and coffee facilities must be placed adjacent to the tea and coffee supplies. [59401] cơ sở trà và cà phê phải được đặt liền kề với các nguồn cung cấp trà và cà phê.

Must not be provided in the bathroom. [67322] Không được cung cấp trong phòng tắm.

Where milk is provided, it is recommended to provide a dairy-free option on request. [675082] Trường hợp cung cấp sữa, nên cung cấp lựa chọn không sữa theo yêu cầu.

Dilmah Tea is recommended [675083] Trà Dilmah được khuyên dùng

Amenity tray should have compartment for kettle base and wiring. [36064] Khay tiện ích nên có ngăn cho chân đế ấm và hệ thống dây điện.

Four sachets of all sugar types are recommended. [93395] Khuyến nghị bốn gói của tất cả các loại đường.

Mugs are required. [8083] Yêu cầu cốc

Two matching mugs with a minimum capacity of 250ml (8.4fl oz) [8084] Hai cốc phù hợp với dung tích tối thiểu 250ml (8.4fl oz)

Mugs must not feature the brand or logo [8086] Cốc không được có thương hiệu hoặc logo

Must be plain. [36267] Phải đơn giản

Minimum two complimentary bottles of water must be provided in each guest room. [64913]   
Cung cấp tối thiểu hai chai nước trong mỗi phòng.

Bottled water must be Holiday Inn Resort® branded, either by label or water bottle tag. [211049] Nước đóng chai phải là nhãn hiệu Holiday Inn Resort®, theo nhãn hoặc thẻ chai nước.

Brand Central Path for artwork files\_Sample water bottle security label sticker Sample water bottle security label sticker Đường dẫn trung tâm thương hiệu cho các tệp tác phẩm nghệ thuật\_ Mẫu miếng dán an toàn chai nước

A 250ml (8.8fl oz) minimum size bottle. [64915] Một chai kích thước tối thiểu 250ml (8,8fl oz)

Factory-sealed [64918] Niêm phong kín từ nhà máy

Must be placed either in the refreshment zone or on the bathroom vanity [64919] Phải được đặt trong khu vực giải khát hoặc trên bàn trang điểm phòng tắm

Must be replenished daily. [64914] Phải được bổ sung hàng ngày

Where stocked, the mini fridge must contain the following at the minimum: [57308] Trường hợp dự trữ, tủ lạnh mini phải có tối thiểu những loại sau:

One regular Coca Cola or Pepsi Cola bottle or can [57326] Một chai hoặc lon Coca Cola hoặc Pepsi Cola thông thường

One low sugar or no sugar Coca Cola or Pepsi Cola in bottle or can. [57327] Một Coca Cola hoặc Pepsi Cola ít đường hoặc không đường trong chai hoặc lon

Two additional flavours of carbonated soft drinks (e.g. ginger ale, ginger beer, orangina) [57328] Hai hương vị bổ sung của nước ngọt có ga (ví dụ: nước ngọt có ga hương gừng, bia gừng, cam)

One soda water in bottle or can [57329] Một chai hoặc lon nước soda

One bottle of still mineral water [57334] Một chai nước khoáng

One bottle of sparkling mineral water [57335] Một chai nước khoáng sparkling

One juice option [57331] Một loại nước ép

One international beer (e.g: Heineken, Stella Artois, Carlsberg, Corona) [57332] Một loại bia quốc tế (ví dụ: Heineken, Stella Artois, Carlsberg, Corona)

One local or regional beer option [57333] Một loại bia địa phương hoặc khu vực

Where gin is provided in the mini fridge, one bottle or can of tonic water is required [57330] Trong trường hợp gin được cung cấp trong tủ lạnh mini, cần có một chai hoặc lon nước tonic tăng lực

**(Trang 117)**

Guidelines Hướng Dẫn

Drinks that contain taurine are considered energy drinks, not soft drinks. [714054] Đồ uống có chứa taurine được coi là nước tăng lực, không phải nước ngọt.

One bottle or can of energy drink is recommended. [576048] Khuyến khích một chai hoặc lon nước tăng lực.

Recommended to have a local beer [57338] Khuyến khích có bia địa phương

Where minibars are provided, a minimum of three of the following snacks must be available: [507048] Khi cung cấp minibar, tối thiểu ba trong số các món ăn nhẹ sau đây phải có:

Crisps, chocolates, nuts, energy bars, sweets or biscuits. [507049] Crisps, sôcôla, các loại hạt, thanh kẹo, đồ ngọt hoặc bánh quy.

One snack item must be local or regional [507050] Một món ăn vặt địa phương hoặc khu vực

A maximum of three of the following spirits are required: [67508] Yêu cầu tối đa ba trong số các loại spirit sau đây:

Whiskey/Bourbon, Vodka, Gin, Brandy/Cognac or Rum [67515] Whiskey/Bourbon, Vodka, Gin, Brandy/Cognac hoặc Rum

Where the mini fridge is stocked with bottled products, the relevant wine or bottle openers must be provided. [607063] Nếu tủ lạnh mini có các sản phẩm đóng chai, phải cung cấp dụng cụ mở rượu hoặc mở chai đi kèm.

Where the mini fridge is stocked, the minimum glassware must be provided: [607059] Nếu để đồ tủ lạnh mini, phải cung cấp dụng cụ thủy tinh tối thiểu:

Two high ball glasses by the mini bar [607060] Hai ly highball để ở quầy bar mini

Where wine is provided, two wine glasses by the mini bar [607061] Nếu cung cấp rượu vang, hai ly rượu vang để quầy bar mini

Where cultural regulations apply to alcohol, wine glasses and champagne flutes are not required

[607062] Trường hợp quy định văn hóa cho rượu, không yêu cầu cốc và ly rượu champagne

At a minimum two paper or cork coasters must be provided. [59210] Tối thiểu cung cấp hai lốc chịu nhiệt bằng giấy hoặc gỗ mềm cork

Must be unbranded [67538] Không dán thương hiệu

A minimum of two paper cocktail napkins must be provided. [59207] Phải cung cấp tối thiểu hai khăn cocktail giấy.

Cups and saucers are not permitted. [60966] Không cho phép ly và đĩa.

Cups & saucers are permitted for Suites room categories [575054] Cho phép ly và đĩa cho các loại phòng Suites

Cigarettes are not permitted in the minibar. [57340] Không cho phép thuốc lá trong minibar.

Sleeping amenities are not permitted. [63832] Không cho phép các tiện ích ngủ.

My Room -> Guest Supplies -> Bathroom Phòng của tôi -> Đồ dùng cho khách -> Phòng tắm

The following bathroom amenities must be provided: [381] Phải cung cấp các tiện ích phòng tắm sau:

Hand soap at the hand wash basin and bath soap at the shower or bath tub [6389] Xà phòng rửa tay tại bồn rửa tay và xà phòng tắm khi tắm hoặc bồn tắm

One 25g (0.88 oz) hand soap. [57361] Một xà phòng rửa tay 25g (0,88 oz).

One 40g (1.35 oz) bath soap. [57362] Một xà phòng tắm 40g (1,35 oz).

One 30ml (1 fl oz) shampoo [57363] Một dầu gội 30ml (1 fl oz)

One 30ml (1 fl oz) conditioner [57364] Một dầu xả 30ml (1 fl oz)

One 30ml (1 fl oz) bath gel [57365] Một gel tắm 30ml (1 fl oz)

One 30ml (1 fl oz) body lotion [57366] Một loại sữa dưỡng thể 30ml (1 fl oz)

Dental kit available upon request [57367] Bộ dụng cụ nha khoa có sẵn theo yêu cầu

**(Trang 118)**

• Shaving kit available upon request. [57368] Bộ cạo râu có sẵn theo yêu cầu.

• Pack of two cotton pads and cotton buds available on request. [57382] Gói hai miếng vải bông và tắm bông có sẵn theo yêu cầu.

• Sanitary bag available upon request. [57390] Túi vệ sinh có sẵn theo yêu cầu

• Amenity supplies must be replenished daily. [57369] Vật tư tiện ích phải được bổ sung hàng ngày

Guidelines Hướng Dẫn

• Additional amenities should be supplied when more than two guests occupy a room, to reflect the number of guests per room. [883048] Nên cung cấp các tiện nghi bổ sung khi có nhiều hơn hai khách ở một phòng, để phản ánh số lượng khách mỗi phòng

• Preferred Supplier: Diversey Singapore Pte Ltd; Nhà cung cấp ưu tiên: Diversey Singapore Pte Ltd

73 Science Park Drive

#02-14 CINTECH I

Singapore Science Park I

Singapore 118254

Tel: +65 6271 1838; www.diversey.com [25777]

An amenity caddy must be provided. [2178] Phải cung cấp một caddy đựng nhiều ngăn

Amenity Caddy Design 2 Thiết Kế caddy chứa nhiều ngăn 2

Amenity Caddy Design 1 Thiết Kế caddy chứa nhiều ngăn 1

• One per bathroom placed on counter top. [58606] Một cho mỗi phòng tắm được đặt trên đầu quầy.

• Amenity caddy design must be approved by IHG. [203062] Thiết kế caddy nhiều ngăn phải được phía IHG phê duyệt.

• “Forget Something?” tent card must be displayed in English. [203063] Thẻ tent card “Bạn Quên Thứ Gì?” phải bằng tiếng Anh.

Bath towels must be provided and meet the following: [66887] Phải cung cấp khăn tắm và đáp ứng như sau:

• Colour: White [66891] Màu sắc: Trắng

• Quantity: three per guest room [66889] Số lượng: ba khăn mỗi phòng khách

• Logo: Not permitted [66890] Logo: Không được phép

• Material: 100% cotton [66892] Chất liệu: 100% cotton

• Pile: Twofold [66893] Đầu lông nhung: gấp đôi

• Size: 76cm (30.4in) x 152cm (60.8in). [66996] Kích thước: 76cm (30,4in) x 152cm (60,8in).

• Weight: 635g (550gsm) [66998] Trọng lượng: 635g (550gsm)

Guidelines Hướng Dẫn

Construction: 2/20s x Ne 10/1 x Ne 16/1 is recommended [67000] Thi công: khuyến nghị 2/20s x Ne 10/1 x Ne 16/1

Hemming: Towels should be hemmed on four sides. Hem width is approximately 10mm, double stitched. Cross hems should be lock-stitched, minimum 3 stitches per 10mm using polyester or polycotton thread which must not shrink in excess of the fabric. [67001] Uốn mép: Khăn nên được uốn mép ở bốn phía. Chiều rộng viền xấp xỉ 10 mm, khâu đôi. đường chéo phải được khâu khóa, tối thiểu 3 mũi trên 10 mm bằng cách sử dụng sợi polyester hoặc polycotton không được co lại quá mức của vải.

**(Trang 119)**

Suggested suppliers: nhà cung cấp được đề xuất:

UAE (Dubai), B&B Solutions FZC, Anita Dey, bnbsolns@emirates.net.ae, +971 4 327 3664 UAE (Sharjah], Greenline FZC, T. Ramachandran, ram@greenline.biz, +971 6 557 8990

Egypt (Cairo), Smart Hotel Supplies, Amir Abdullah, Amir.abdullah@smartcnt.com, +202 241 2211 Australia (Brisbane), Killarney Linen, David Bray, davidb@killarney-linen.com.au, +614 1864 0090 Australia (Melbourne), Polar Linen, John Childs, jchilds@internode.on.net, +614 3167 4414 Australia (Melbourne), Calzac Australia, Sam Samarasekera, ceronus@bigpond.com, +614 3441 1656 Australia (Melbourne), Auxico Corporation, Monica Teh, monica@auxico.com.au, +613 9338 7388 China (Huai’an), Jiangsu Canasin Weaving Co, Maureen Gao, gyq@canasin.com, +86 51785 206926 China (Jiangsu), Nantong SIDEFU Textile Co, Leo Qian, leo@sidefu-china.an, +86 51383 584896

China (Shenzhen), Shenzhen Heng An Xing Hotel Supplies Co, Crystal Guo, Crystal@haxgroup.com, +86 75525 128790 [67002]

Hand towels must be provided and meet the following: [67003] Phải cung cấp khăn tay và đáp ứng như sau:

Colour: White [67007] Màu sắc: Trắng

Quantity: Three per guestroom [67004] Số lượng: Ba khăn cho mỗi phòng

Logo: Not permitted [67005] Logo: Không được phép

Design: Must be plain finish without patterns or woven motifs [67006] Thiết kế: Phải hoàn thiện đơn giản mà không có hoa văn hoặc họa tiết dệt

Material: 100% cotton [67008] Chất liệu: 100% cotton

Size: 41cm (16.4in) x 76cm (30.4in). [67012] Kích thước: 41cm (16,4in) x 76cm (30,4in).

Weight: 171g (549gsm) [67014] Trọng lượng: 171g (549gsm)

Pile: Twofold [67019] Đầu lông nhung: gấp đối

Construction: Ne 10/1 x Ne 16/1 x Ne 10/1 is recommended [67016] Thi công: khuyến nghị Ne 10/1 x Ne 16/1 x Ne 10/1

Hemming: Towels should be hemmed on four sides. Hem width is approximately 10mm, double stitched. Cross hems should be lock-stitched, minimum 3 stitches per 10mm using polyester or polycotton thread which must not shrink in excess of the fabric. [67017] Uốn mép: Khăn nên được uốn mép ở bốn phía. Chiều rộng viền xấp xỉ 10 mm, khâu đôi. đường chéo phải được khâu khóa, tối thiểu 3 mũi trên 10 mm bằng cách sử dụng sợi polyester hoặc polycotton không được co lại quá mức của vải.

**(Trang 120)**

Suggested suppliers: nhà cung cấp được đề xuất:

UAE (Dubai), B&B Solutions FZC, Anita Dey, bnbsolns@emirates.net.ae, +971 4 327 3664 UAE (Sharjah], Greenline FZC, T. Ramachandran, ram@greenline.biz, +971 6 557 8990

Egypt (Cairo), Smart Hotel Supplies, Amir Abdullah, Amir.abdullah@smartcnt.com, +202 241 2211 Australia (Brisbane), Killarney Linen, David Bray, davidb@killarney-linen.com.au, +614 1864 0090 Australia (Melbourne), Polar Linen, John Childs, jchilds@internode.on.net, +614 3167 4414 Australia (Melbourne), Calzac Australia, Sam Samarasekera, ceronus@bigpond.com, +614 3441 1656 Australia (Melbourne), Auxico Corporation, Monica Teh, monica@auxico.com.au, +613 9338 7388 China (Huai’an), Jiangsu Canasin Weaving Co, Maureen Gao, gyq@canasin.com, +86 51785 206926 China (Jiangsu), Nantong SIDEFU Textile Co, Leo Qian, leo@sidefu-china.an, +86 51383 584896

China (Shenzhen), Shenzhen Heng An Xing Hotel Supplies Co, Crystal Guo, Crystal@haxgroup.com, +86 75525 128790 [67018]

Wash cloth must be provided and meet the following: [67020] Phải cung cấp khăn rửa mặt và đáp ứng như sau:

Colour: White [67024] Màu sắc: Trắng

Quantity: three per guestroom [67021] Số lượng: Ba khăn cho mỗi phòng

Logo: Not permitted [67022] Logo: Không được phép

Design: Must be plain finish without patterns or woven motifs [67023] Thiết kế: Phải hoàn thiện đơn giản mà không có hoa văn hoặc họa tiết dệt

Material: 100% cotton [67025] Chất liệu: 100% cotton

Pile: Twofold [67026] Chất liệu: 100% cotton

Size: minimum 30cm x 30cm (12in x 12in) [67030] Kích thước: 30cm x 30cm (12in x 12in)

Weight: 50g (556gsm) [67031] Trọng lượng: 171g (549gsm)

Construction: Ne 10/1 x Ne 16/1 x Ne 10/1 is recommended [67028] Thi công: khuyến nghị Ne 10/1 x Ne 16/1 x Ne 10/1

Hemming: Towels should be hemmed on four sides. Hem width is approximately 10mm, double stitched. Cross hems should be lock-stitched, minimum 3 stitches per 10mm using polyester or polycotton thread which must not shrink in excess of the fabric. [67032] Uốn mép: Khăn nên được uốn mép ở bốn phía. Chiều rộng viền xấp xỉ 10 mm, khâu đôi. đường chéo phải được khâu khóa, tối thiểu 3 mũi trên 10 mm bằng cách sử dụng sợi polyester hoặc polycotton không được co lại quá mức của vải.

**(Trang 121)**

Suggested suppliers: nhà cung cấp được đề xuất:

UAE (Dubai), B&B Solutions FZC, Anita Dey, bnbsolns@emirates.net.ae, +971 4 327 3664 UAE (Sharjah], Greenline FZC, T. Ramachandran, ram@greenline.biz, +971 6 557 8990

Egypt (Cairo), Smart Hotel Supplies, Amir Abdullah, Amir.abdullah@smartcnt.com, +202 241 2211 Australia (Brisbane), Killarney Linen, David Bray, davidb@killarney-linen.com.au, +614 1864 0090 Australia (Melbourne), Polar Linen, John Childs, jchilds@internode.on.net, +614 3167 4414 Australia (Melbourne), Calzac Australia, Sam Samarasekera, ceronus@bigpond.com, +614 3441 1656 Australia (Melbourne), Auxico Corporation, Monica Teh, monica@auxico.com.au, +613 9338 7388 China (Huai’an), Jiangsu Canasin Weaving Co, Maureen Gao, gyq@canasin.com, +86 51785 206926 China (Jiangsu), Nantong SIDEFU Textile Co, Leo Qian, leo@sidefu-china.an, +86 51383 584896

China (Shenzhen), Shenzhen Heng An Xing Hotel Supplies Co, Crystal Guo, Crystal@haxgroup.com, +86 75525 128790 [67033]

Two tumblers are required. [370] Yêu cầu hai cốc vại.

Minimum volume of 240ml (8fl oz) [8412] Thể tích tối thiểu 240ml (8fl oz)

Must be clear or frosted [58630] Phải rõ ràng hoặc mờ

Polystyrene is not permitted. [58633] Không cho phép Polystyrene

Toughened glass is recommended. [91429] Khuyến nghị dùng cốc thủy tinh cường lực

The tumblers are recommended to have straight sides. [18560] cốc vại được khuyến nghị có các cạnh thẳng

Caps or coasters are required. [58637] Yêu cầu nắp hoặc đế lót ly

Logos on caps or coasters are not permitted. [58638] Không cho phép logo trên nắp hoặc đế lót cốc.

Where coasters are used, the tumblers must be placed upside down [58639] Khi sử dụng đế lót, các cốc phải được úp ngược

Facial tissues must be provided in a dispenser. [379] Phải cung cấp khăn giấy trong hộp đựng.

Must be replenished when less than one third is remaining [13748] Phải được bổ sung khi còn ít hơn một phần ba

Facial tissues must be white. [57358] Khăn giấy phải trắng.

Facial Tissue Example Ví dụ về khăn giấy

Facial tissues must be two-ply [57359] Khăn giấy phải hai lớp

Bath mats must be provided and meet the following: [67034] Phải cung cấp thảm nhà tắm và đáp ứng như sau:

Colour: White [67038] Màu sắc: Trắng

If bathroom has four fixtures, a second bathmat is required. [94805] Nếu phòng tắm có bốn thiết bị, cần có một thảm nhà tắm nữa.

**(Trang 122)**

Quantity: Minimum one [67035] Số lượng: Tối thiểu một

Logo: Not permitted [67036] Logo: Không cho phép

Design: Must be plain finish without patterns or woven motifs [67037] Thiết kế: Phải hoàn thiện đơn giản mà không có hoa văn hoặc họa tiết dệt

Material: 100% cotton [67039] Chất liệu: 100% cotton

Pile: Minimum twofold [67040] Đầu lông nhung: Tối thiểu gập đôi

Size: Minimum of 50cm(20in) x 76cm(30.4in). [67045] Kích thước: Tối thiểu 50 cm (20in) x 76cm (30,4in).

Weight: 327g (860gsm) [67046] Trọng lượng: 327g (860gsm)

Guidelines Hướng Dẫn

• An internal border is permitted [677061] Cho phép mép trong

Bathmat with Internal Border Thảm nhà tắm với mép trong

Construction: Ne 10/1 x Ne 16/1 x Ne 10/1 is recommended [67042] Thi công: Khuyến nghị Ne 10/1 x Ne 16/1 x Ne 10/1

Hemming: Towels should be hemmed on four sides. Hem width is approximately 10mm, double stitched. Cross hems should be lock-stitched, minimum 3 stitches per 10mm using polyester or polycotton thread which must not shrink in excess of the fabric. [67047] Uốn mép: Khăn nên được uốn mép ở bốn phía. Chiều rộng viền xấp xỉ 10 mm, khâu đôi. đường chéo phải được khâu khóa, tối thiểu 3 mũi trên 10 mm bằng cách sử dụng sợi polyester hoặc polycotton không được co lại quá mức của vải.

Suggested suppliers: nhà cung cấp được đề xuất:

UAE (Dubai), B&B Solutions FZC, Anita Dey, bnbsolns@emirates.net.ae, +971 4 327 3664 UAE (Sharjah], Greenline FZC, T. Ramachandran, ram@greenline.biz, +971 6 557 8990

Egypt (Cairo), Smart Hotel Supplies, Amir Abdullah, Amir.abdullah@smartcnt.com, +202 241 2211 Australia (Brisbane), Killarney Linen, David Bray, davidb@killarney-linen.com.au, +614 1864 0090 Australia (Melbourne), Polar Linen, John Childs, jchilds@internode.on.net, +614 3167 4414 Australia (Melbourne), Calzac Australia, Sam Samarasekera, ceronus@bigpond.com, +614 3441 1656 Australia (Melbourne), Auxico Corporation, Monica Teh, monica@auxico.com.au, +613 9338 7388 China (Huai’an), Jiangsu Canasin Weaving Co, Maureen Gao, gyq@canasin.com, +86 51785 206926 China (Jiangsu), Nantong SIDEFU Textile Co, Leo Qian, leo@sidefu-china.an, +86 51383 584896

China (Shenzhen), Shenzhen Heng An Xing Hotel Supplies Co, Crystal Guo, Crystal@haxgroup.com, +86 75525 128790 [67048]

If provided, bathrobes must meet the following: [67080] Nếu được cung cấp, áo choàng tắm phải đáp ứng như sau:

Design: Must be plain finish with no header or coloured borders [67081] Thiết kế: Phải là hoàn thiện đơn giản không có tiêu đề hoặc viền màu

Colour: White [67082] Màu sắc: Trắng

Size: One size fits all [67090] Kích thước: Một kích thước cho tất cả

Guidelines Hướng Dẫn

• Logo: The Holiday Inn H logo may be embroidered on the left breast. [67083] Logo: Logo chữ H của Holiday Inn có thể được thêu ở ngực trái.

**(Trang 123)**

Pockets: Hand pockets are permitted [67084] Túi: cho phép túi xách tay

Material: 100% cotton [67085] Chất liệu: 100% cotton

Pile: Twofold [67086] Đầu lông vũ: Gấp đôi

Construction: Ne 10/1 x Ne 16/1 x Ne 10/1 is recommended [67088] Thi công: Khuyến nghị Ne 10/1 x Ne 16/1 x Ne 10/1

Weight: 475 gm² [67091] Trọng lượng: 475 gm²

Suggested suppliers: nhà cung cấp được đề xuất:

UAE (Dubai), B&B Solutions FZC, Anita Dey, bnbsolns@emirates.net.ae, +971 4 327 3664 UAE (Sharjah], Greenline FZC, T. Ramachandran, ram@greenline.biz, +971 6 557 8990

Egypt (Cairo), Smart Hotel Supplies, Amir Abdullah, Amir.abdullah@smartcnt.com, +202 241 2211 Australia (Brisbane), Killarney Linen, David Bray, davidb@killarney-linen.com.au, +614 1864 0090 Australia (Melbourne), Polar Linen, John Childs, jchilds@internode.on.net, +614 3167 4414 Australia (Melbourne), Calzac Australia, Sam Samarasekera, ceronus@bigpond.com, +614 3441 1656 Australia (Melbourne), Auxico Corporation, Monica Teh, monica@auxico.com.au, +613 9338 7388 China (Huai’an), Jiangsu Canasin Weaving Co, Maureen Gao, gyq@canasin.com, +86 51785 206926 China (Jiangsu), Nantong SIDEFU Textile Co, Leo Qian, leo@sidefu-china.an, +86 51383 584896

China (Shenzhen), Shenzhen Heng An Xing Hotel Supplies Co, Crystal Guo, Crystal@haxgroup.com, +86 75525 128790 [67116]

Slippers must be provided and meet the following: [67092] Phải cung cấp dép nhà tắm và đáp ứng như sau:

Quantity: two per guestroom [67094] Số lượng: hai mỗi phòng

Colour: White [67095] Màu sắc: Trắng

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 124)**

Suggested suppliers: nhà cung cấp được đề xuất:

UAE (Dubai), B&B Solutions FZC, Anita Dey, bnbsolns@emirates.net.ae, +971 4 327 3664 UAE (Sharjah], Greenline FZC, T. Ramachandran, ram@greenline.biz, +971 6 557 8990

Egypt (Cairo), Smart Hotel Supplies, Amir Abdullah, Amir.abdullah@smartcnt.com, +202 241 2211 Australia (Brisbane), Killarney Linen, David Bray, davidb@killarney-linen.com.au, +614 1864 0090 Australia (Melbourne), Polar Linen, John Childs, jchilds@internode.on.net, +614 3167 4414 Australia (Melbourne), Calzac Australia, Sam Samarasekera, ceronus@bigpond.com, +614 3441 1656 Australia (Melbourne), Auxico Corporation, Monica Teh, monica@auxico.com.au, +613 9338 7388 China (Huai’an), Jiangsu Canasin Weaving Co, Maureen Gao, gyq@canasin.com, +86 51785 206926 China (Jiangsu), Nantong SIDEFU Textile Co, Leo Qian, leo@sidefu-china.an, +86 51383 584896

China (Shenzhen), Shenzhen Heng An Xing Hotel Supplies Co, Crystal Guo, Crystal@haxgroup.com, +86 75525 128790 [67115]

Slippers should be stored in the wardrobe. [91798] Phải để dép trong tủ đựng.

Two rolls of toilet tissue are required. [44312] Yêu cầu hai cuộn giấy vệ sinh.

White [57350] Trắng

Biodegradable [57351] Phân hủy sinh học

Two-ply toilet tissue [57352] Khăn giấy vệ sinh hai lớp

Paper seals for toilet seat are not permitted [57353] Không cho phép bịt giấy vào chỗ ngồi nhà vệ sinh

Toilet roll stickers are not permitted [57354] Không cho phép miếng dán cuộn giấy vệ sinh.

Guidelines Hướng Dẫn

• An additional toilet roll and holder is permitted. [90530] Cho phép bổ sung một hộp đựng và cuộn giấy vệ sinh.

My Room -> Guest Supplies -> Kitchen Area Phòng của tôi -> Đồ dùng cho khách -> Khu vực bếp

For a "Holiday Inn® & Suites" property, the following items must be available for the service of four guests: [112824] Đối với tòa nhà "Holiday Inn® & Suites", các mục sau đây luôn có sẵn để phục vụ bốn khách:

Cutlery. [112825] Dao dĩa

Plates. [112826] Đĩa

Bowls. [112827] Bát ăn

Coffee cups/mugs. [112828] Ly/cốc cà phê

Large plastic glasses. [112829] Cốc nhựa lớn.

One microwave safe dish for heating food items. [112830] Một đĩa an toàn lò vi sóng để sưởi ấm các mặt hàng thực phẩm.

One pot holder. [112831] Một miếng lót nồi.

**(Trang 125)**

One can/bottle opener. [112832] Một dụng cụ mở chai/ lon.

Napkins or paper towels. [112833] Khăn ăn hoặc khăn giấy

Dishwashing liquid. [112834] Nước rửa bát

Item that are available upon request must be indicated. [112835] Mục có sẵn theo yêu cầu phải được chỉ ra

Indication must be professionally produced. [112836] Sản xuất chuyên nghiệp chỉ báo.

Indication must be either a stand-alone signage (i.e. tent card) or information included in the Guest Directory. [112837] Chỉ báo phải là một biển báo độc lập (ví dụ: thẻ tent card) hoặc thông tin có trong Danh mục của khách.

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended that these items be placed in the kitchenette area. [112838] Chúng tôi đề nghị những vật dụng này được đặt trong khu vực bếp nhỏ.

My Room -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Phòng của tôi -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

A mattress must be provided and meet the following: [102638] Phải cung cấp một tấm đệm và đáp ứng như sau:

A King bed must be a minimum of 1.81m (6ft) wide. [113145] Giường King phải rộng tối thiểu 1,81m (6ft).

A Queen bed must be a minimum of 1.53m (5ft 1in) wide. [113146] Giường Queen phải rộng tối thiểu 1,53m (5ft 1 in).

A Twin bed must be a minimum of 1.05m (3ft 6in) wide. [113147] Giường đôi phải rộng tối thiểu 1,05m (3ft 6in).

A Double bed must be a minimum 1,39m (4ft 6in) wide. [113148] Giường đôi phải rộng tối thiểu 1,39m (4ft 6in)

Minimum length must be 2.03m (6ft 9in). [113149] Chiều dài tối thiểu phải là 2,03m (6ft 9in).

Mattresses must be supplied from preferred supplier and must be in accordance with the associated specification. [113150] Nệm phải được cung cấp từ nhà cung cấp ưu tiên và phải phù hợp với đặc điểm kỹ thuật liên quan.

2017 Refreshed Mattress Specifications: GM Implementation Guide, Pricing & Distributors List (Brand Central>Holiday Inn Resort>Brand Warehouse>Brand Info>Guidelines>2017 Refreshed Mattress Specifications: GM Implementation Guide, Pricing & Distributors List) Thông số kỹ thuật của nệm được làm mới 2017: Hướng dẫn triển khai GM, Danh sách giá & nhà phân phối (Trung tâm thương hiệu> Holiday Inn Resort> Kho thương hiệu> Thông tin thương hiệu> Hướng dẫn> Thông số kỹ thuật nệm được làm mới 2017: Hướng dẫn thực hiện GM, Danh sách giá & phân phối)

Minimum warranty of 10 years against manufacturing defects, sagging and body impression. [113151] Bảo hành tối thiểu 10 năm chống lại khuyết tật sản xuất, lún và dấu vết.

All approved mattress models must carry the branded model label as produced and issued by authorised manufacturers only. [113152] Tất cả các mẫu nệm được phê duyệt phải mang nhãn hiệu mô hình thương hiệu như được sản xuất và phát hành chỉ bởi các nhà sản xuất được ủy quyền.

Seasonal turning labels are required. [113153] Yêu cầu các nhãn hiệu chuyển mùa.

Final selection of bed base and mattress must be IHG approved. [304065] Lựa chọn cuối cùng của đế giường và nệm phải được IHG phê duyệt.

Guidelines Hướng Dẫn

• IHG preferred suppliers are: Serta®, Hypnos®, Slumberland®, King Koil® [674048] nhà cung cấp ưa tiên của IHG là: Serta®, Hypnos®, Slumberland®, King Koil®

The following conditions warrant replacement of the mattress: [78866] điều kiện sau bảo hành thay thế đệm:

Mattress sagging [78867] Đệm chùng

Formation of body impression [78868] Xuất hiện dấu vết đệm

Failing customer satisfaction scores [78869] Không đạt được điểm thỏa mãn khách hàng

Failing condition audit [78870] Không đạt kiểm toán điều kiện

**(Trang 126)**

Failing hygiene standards [78871] Không đạt tiêu chuẩn vệ sinh

Failing fire & safety standard [78872] Không đạt tiêu chuẩn an toàn và chữa cháy

Losing 50% or more of original comfort layer or spring strength (as determined by independent lab test report) [78873] Mất hơn 50% lớp thoải mái ban đầu hoặc độ bền của lò xo (như được xác định bằng báo cáo thử nghiệm độc lập)

Where hollywood twin beds are zip linked, one mattress topper must fully cover both beds. [17147] Trường hợp giường đôi hollywood được liên kết bằng zip, một lớp phủ nệm phải phủ đầy đủ cho cả hai giường.

A headboard must be provided. [941] Phải cung cấp một tấm ván đầu giường.

Must be at least the width of the bed. [113167] Phải ít nhất là chiều rộng của giường.

Must be wall mounted. [103227] Phải gắn tường.

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended that the headboard is wide enough to include bed and bedside tables. [113171] Khuyến nghị đầu giường đủ rộng để có giường và bàn cạnh giường ngủ.

All mattresses and bed bases must be clean, stain-free and well maintained at all times. [281] Tất cả các nệm và chân giường phải luôn sạch sẽ, không có vết bẩn và được bảo trì tốt.

Mattresses must be turned according to manufacturers’ requirements. [282] Nệm phải được thay đổi theo yêu cầu của nhà sản xuất.

Where there are no manufacturer instructions, the mattress must be turned every three months. [26764] Trường hợp không có hướng dẫn của nhà sản xuất, nệm phải được thay đổi ba tháng một lần.

Mattress protectors are required and must be cleaned on a regular basis. [28864] Yêu cầu lớp bảo vệ nệm và phải thường xuyên làm sạch.

If there is no label on the mattress, a log must be kept to reflect the mattress rotation schedule. [58845] Nếu không có nhãn hiệu trên nệm, phải có một sổ ghi để ghi rõ lịch trình quay nệm

Artwork is required. [1097] Yêu cầu tác phẩm nghệ thuật.

See also ID number [22723] Xem thêm số ID

Securely wall mounted. [88310] Gắn an toàn trên tường.

Guidelines Hướng Dẫn

• Installation height should consider typical guest's eye level. [88311] Chiều cao lắp đặt nên được xem xét tầm mắt điển hình của khách.

Extra beds must be available upon request. [45422] Giường phụ phải được cung cấp theo yêu cầu.

If requested in advance by the guest, an extra bed must be placed in the guest room before arrival. [45423] Nếu khách yêu cầu trước, một giường phụ phải được đặt trong phòng trước khi đến.

Fees must not be charged for rollaways when used by children. [45424] Không phải trả phí cho các giường cuộn cho trẻ em dùng.

Extra beds with mattress must include pillows and be completely made up. [58850] Giường phụ có nệm phải có gối và được dọn dẹp hoàn toàn.

Extra beds must be delivered to the guestroom within 15 minutes of the request. [58853] Giường phụ phải được chuyển đến phòng khách trong vòng 15 phút kể từ khi yêu cầu.

Where provided, rollaway beds must meet the following: [43230] Trường hợp được cung cấp, giường gấp phải đáp ứng như sau:

Minimum size must be 1m (3ft 4in) wide and 1.85m (6ft 2in) long. [43232] Kích thước tối thiểu phải rộng 1m (3ft 4in) và dài 1,85m (6ft 2in).

Innerspring mattress must be a minimum of 10cm (4in) thick. [43234] Nệm có lò xo bọc bên trong phải dày tối thiểu 10cm (4in).

Bedside tables(s) must be provided as follows: [945] (Các) bàn cạnh giường ngủ phải được cung cấp như sau:

Where there is one bed in the room a bedside table is required on both sides [946] Trường hợp có một giường trong phòng thì phải có bàn cạnh giường ngủ ở cả hai bên

Where there are two beds in the room a minimum of one bedside table is required [947] Trong trường hợp có hai giường trong phòng thì cần tối thiểu một bàn cạnh giường ngủ

**(Trang 127)**

In twin rooms with zip and link beds, the bedside table must be moveable. [29520] Trong phòng đôi có khóa kéo và giường liên kết, bàn cạnh giường ngủ phải có thể di chuyển được.

Must have a minimum surface area of 0.16m². [90560] Phải có diện tích bề mặt tối thiểu 0,16m².

Larger bedside tables should be provided where there is only one bedside table. [1966] Bàn cạnh giường ngủ lớn hơn nên được cung cấp khi chỉ có một bàn cạnh giường ngủ.

It is recommended that the top of the bedside table is at least 5cm (2in) below the top of the mattress. [16033] Đề xuất rằng đỉnh của bàn cạnh giường ngủ ít nhất là 5cm (2in) dưới đầu nệm.

• Fixed bedside tables should be cantilevered off the headboard. [29521] Bàn đầu giường cố định nên được đúc hẫng khỏi đầu giường

Lighting by the bed is required. [78901] Yêu cầu chiếu sáng cạnh giường.

• Reading lighting. [78903] Chiếu sáng đọc sách.

• Bedside lighting. [78902] Chiếu sáng cạnh giường.

Reading lighting must meet the following: [78907] Chiếu sáng phải đáp ứng như sau:

• One individually controlled light source per sleeping position. [78908] Một nguồn sáng được kiểm soát riêng lẻ cho mỗi vị trí ngủ

• Placed beside or above of each bed. [78909] Đặt bên cạnh hoặc phía trên của mỗi giường.

• Narrow beam angle at maximum 24 degrees. [710110] Góc chùm hẹp tối đa 24 độ

Guidelines Hướng Dẫn

• Dimmer controlled recommended. [710109] Đề xuất đèn dimmer có kiểm soát.

Bedside lighting must meet the following: [23097] Chiếu sáng cạnh giường phải đáp ứng như sau:

• Rooms with one bed: placed on both sides. [78904] Phòng có một giường: đặt ở hai bên

• Rooms with two beds: between the beds. [78905] Phòng có hai giường: giữa giường.

• CFL 20W [78906]

• 2700K warm white. [107597] 2700K trắng ấm.

The wardrobe/closet must meet the following: [102639] Tủ quần áo/tủ đựng phải đáp ứng như sau

• Minimum clear depth of 60cm (2ft). [113177] Độ sâu tối thiểu 60cm (2ft)

• A full width shelf with a metal hanging rod below. [113178] Một kệ đủ rộng với một thanh treo kim loại bên dưới.

• Internal lighting. [113179] Chiếu sáng bên trong.

• Storage for a full sized ironing board and iron. [113181] Tủ đựng ủi và bàn ủi kích thước toàn phần.

Full Sized Ironing Board and Iron Example Ví dụ ủi và bàn ủi kích thước toàn phần

Position for the in room safe. [113182] Vị trí cho két an toàn trong phòng.

Storage for additional bedding. [113183] Tủ đựng bộ giường bổ sung.

Walk-in wardrobes are not permitted. [113185] Không cho phép tủ đựng lớn.

Guidelines Hướng Dẫn

• Hinged swing doors are recommended. [113184] Đề xuất cửa xoay bản lề.

• Open wardrobes are subject to IHG® approval. [113186] Tủ quần áo mở phải được IHG® phê duyệt.

**(Trang 128)**

• A hanging rail of 1.20m (4ft) length is recommended. [113187] Đề xuất một thanh treo có chiều dài 1,20m (4ft)

The wardrobe internal light must meet the following: [89256] Đèn trong tủ quần áo phải đáp ứng như sau:

Located to illuminate the hanging space. [89257] Lắp để chiếu sáng không gian treo.

Activated by a pressure switch. [89258] Kích hoạt bằng một công tắc áp suất.

Concealed [89259] Che kín

Drawers or shelves must be provided and meet the following: [89264] Phải cung cấp các ngăn kéo hoặc kệ và đáp ứng như sau:

A minimum of two. [89265] Tối thiểu là hai.

Integrated in the wardrobe or provided in the sleeping area as a standalone unit. [89267] Được tích hợp trong tủ quần áo hoặc được cung cấp trong khu vực ngủ như một thiết bị độc lập.

Minimum dimensions of 45cm (1.5ft) wide and 50cm (1.64ft) deep. [89268] Kích thước tối thiểu rộng 45cm (1,5ft) và sâu 50 cm (1,64ft).

A torchlight must be provided: [89269] Phải cung cấp một đèn pin:

Battery operated unit [89270] Thiết bị dùng pin

Stored in wardrobe or drawer [89271] Đựng trong tủ hoặc ngăn kéo

Where an in-room emergency light supply for power failure is available, a torchlight will not be required. [490048] Nếu có nguồn cung cấp ánh sáng khẩn cấp trong phòng khi mất điện, không cần có đèn pin.

The work zone must include: Khu vực làm việc phải bao gồm:

• One desk chair [56853] Một ghế làm việc

One work desk [56854] Một bàn làm việc

One task light [56855] Một đèn bổ sung

A desk must be provided. [37939] Phải cung cấp một bàn làm việc.

Minimum surface area of 0.58m² (6.24ft²) [37945] Diện tích bề mặt tối thiểu 0,58m² (6,24ft²)

Guidelines Hướng Dẫn

• A surface area of 0.64m² is recommended. [116166] Khuyến nghị diện tích bề mặt 0,64m²

Task lighting must be provided at the desk. [13170] Phải cung cấp đèn bổ sung tại bàn làm việc.

Achieve 300 lux at work surface level. [78181] Đạt được 300 lux ở cấp độ bề mặt làm việc.

2700K - 3000K (warm white). [78180] 2700K - 3000K (trắng ấm).

A rubbish bin must be provided. [334] Phải cung cấp một thùng rác.

Must be washable [20205] Phải có thể rửa.

Must be placed under the desk. [20206] Phải đặt dưới bàn làm việc.

Minimum size: 18cm x 25cm (7.2in x 10in) (D x H) [78127] Kích thước tối thiểu: 18cm x 25cm (7.2in x 10in) (D x H)

• Maximum size: 26cm x 36cm (10in x 14in) (D x H) [78128] Kích thước tối đa: 26cm x 36cm (10in x 14in) (D x H)

Lid is not permitted. [37963] Không cho phép có nắp

Logo is not permitted. [37966] Không cho phép có logo.

Plastic bins are not permitted. [56907] Không cho phép thùng nhựa đựng rác.

Rubbish Bin Example Ví dụ thùng nhựa đựng rác

**(Trang 129)**

Guidelines Hướng Dẫn

• Recycling collection rubbish bins can be placed in guestrooms. [36266] Thùng rác thu gom tái chế có thể đặt trong phòng khách.

The working space must be free from clutter. [56859] Không gian làm việc phải không bừa bộn

Only the following collateral items can be placed on the desk: [98646] Chỉ có thể đặt các tài liệu quảng bá sau đây trên bàn:

Branded pen [98648] Bút thương hiệu

In-Room dining/ Room Service menu [98649] Thực đơn Dịch Vụ Phòng/ Ăn Uống Trong Phòng

Smoking/non smoking sign [98650] biển báo hút thuốc/ cấm hút thuốc

Directory of Services folder [98651] Thư Mục Dịch Vụ

Guest feedback form, where provided [847122] Mẫu phản hồi của khách, nơi cung cấp

Branded notepad, where provided [847123] Notepad thương hiệu, nếu cung cấp

A full-length mirror must be provided. [102668] Phải cung cấp gương dài toàn phần.

Be mounted in the sleeping area or entry area. [102669] Được gắn trong khu vực ngủ hoặc khu vực lối vào.

Minimum dimensions of 45cm (18in) wide and 150cm (5ft) in height. [113652] Kích thước tối thiểu rộng 45cm (18in) và cao 150cm (5ft).

Must be mounted in the sleeping area or entry area. [113653] Được gắn trong khu vực ngủ hoặc khu vực lối vào.

Must be securely fixed. [113654] Phải được cố định an toàn.

Must be decoratively framed. [113655] Phải được lên khung trang trí.

Guidelines Hướng Dẫn

• Location next to the wardrobe is preferable. [136231] Vị trí bên cạnh tủ quần áo là thích hợp.

A minimum of one piece of lounge seating or sofa is required. [956] Yêu cầu tối thiểu một ghế ngồi lounge hoặc ghế sofa.

A minimum of one coffee table. [140051] Tối thiểu một bàn cà phê.

One lounge/easy chair or sofa. [140052] Một ghế có tay dựa/ lounge hoặc ghế sofa.

Reclining chairs are not permitted. [957] Không cho phép ghế ngả.

Guidelines Hướng Dẫn

• Lounge seating is an addition to the desk chair. [78134] Ghế lounge bổ sung cho ghế làm việc.

Where provided, lounge chairs must meet the following: [90575] Trường hợp được cung cấp, ghế lounge phải đáp ứng như sau:

Fully cushioned and upholstered. [90576] Đệm và bọc toàn bộ

Have arm rests. [90577] Có tựa tay.

Fabric upholstery. [90578] Bọc vải.

Vinyl upholstery is not permitted. [90579] Không cho phép bọc vinyl.

Where sofa beds are provided, they must meet the following: [125058] Trường hợp cung cấp giường sofa, chúng phải đáp ứng như sau:

Be fully cushioned and upholstered with fabric [125060] Được đệm và bọc hoàn toàn bằng vải

Operating instructions must be provided. [125061] Phải cung cấp các hướng dẫn vận hành.

Must be metal framed with folding action and three fold sprung mattress. [125062] Phải là khung kim loại với hành động gấp và nệm lò xo gấp ba.

**(Trang 130)**

Room layout must allow for full extension of sofa bed. [125065] Bố trí phòng phải cho phép mở rộng toàn phần giường sofa

Integrated storage box for bed linen. [125067] Hộp đựng tích hợp cho khăn trải giường.

Minimum seating width of 1.35m (4ft 6in) [125069] Chiều rộng chỗ ngồi tối thiểu 1,35m (4ft 6in)

Must include a regular double sized 112cm (44.8in) minimum width mattress. [125070] Phải có một tấm nệm có chiều rộng tối thiểu 112cm (44,8 in) kích thước đôi thông thường.

Sleeping surface must have minimum length of 1.98m (6ft 5in). [125071] Bề mặt ngủ phải có chiều dài tối thiểu 1,98m (6ft 5in).

Reading/task lighting adjacent to lounge seating and tables must be provided. [27964] Phải cung cấp đèn đọc sách/ đèn bổ sung cạnh ghế ngồi lounge và bàn.

Guidelines Hướng Dẫn

• At least one desk lamp and one floor lamp may be provided. [710111] Cung cấp ít nhất một đèn làm việc và một đèn sàn.

A television must be provided. [1969] Cung cấp một ti vi.

Minimum diagonal screen size of 80cm (32in) [40510] Kích thước màn hình chéo tối thiểu 80cm (32in)

Screen must be proportionate to the room size and viewing distance and angle (See Table 1), minimum diagonal screen size 80cm (32in) [350311] Màn hình phải cân xứng với kích thước phòng và khoảng cách và góc nhìn (Xem Bảng 1), kích thước màn hình chéo tối thiểu 80cm (32in)

See also ID number [291098] Xem thêm số ID

Must have volume limitation. [711060] Phải có giới hạn âm lượng.

Must have direct lit LED display. [723048] Phải có màn hình LED sáng trực tiếp

Must have minimum 1080P resolution. [723049] Phải có độ phân giải 1080P tối thiểu.

Minimum of two HDMI & one coaxial inputs, one HDMI output and speaker audio out. [723050] Tối thiểu hai đầu vào HDMI và một đầu vào đồng trục, một đầu ra HDMI và đầu ra âm thanh loa.

Must have minimum RS232 or LAN control features. [723051] Phải có các tính năng điều khiển RS232 hoặc LAN tối thiểu.

Must have lockable hospitality menu. [723052] Phải có thực đơn khách sạn có khóa.

Must allow ease of viewing from the bed and seating positions within the room. [723053] Phải cho phép dễ dàng quan sát từ giường và vị trí chỗ ngồi trong phòng.

Support for MP3, digital camera and other multimedia devices is recommended. [29516] Khuyến nghị hỗ trợ cho MP3, máy ảnh kỹ thuật số và các thiết bị đa phương tiện khác.

It is recommended that the television enables guests to watch or listen to their own entertainment via personal devices. [710076] TV nên cho phép khách xem hoặc nghe giải trí các kênh riêng của họ thông qua các thiết bị cá nhân.

It is recommended to have an Energy Efficient Model (Energy Star). [710077] Nên có Mô hình hiệu quả năng lượng (Ngôi sao năng lượng)

IHG recommended brands are LG, Samsung and Philips. [711059] thương hiệu được đề nghị của IHG là LG, Samsung và Philips.

Where self-standing televisions are provided they must meet the following: [58009] Trường hợp cung cấp TV tự đứng, chúng phải đáp ứng như sau:

Swivel base must allow viewing from the sleeping and seating positions in the room. [82910] Đế xoay phải cho phép quan sát từ vị trí ngủ và chỗ ngồi trong phòng.

Where wall-mounted televisions are provided they must meet the following: [58000] Trường hợp cung cấp TV gắn tường, chúng phải đáp ứng như sau:

Video Electronics Standards Association (VESA) compliant [58003] Tuân thủ Hiệp hội Tiêu chuẩn Điện tử Video (VESA)

Where provided, arms must allow smooth extension. [58004] Nếu được cung cấp, phần tay phải cho phép mở rộng trơn tru

Cable management system. [58006] Hệ thống quản lý cáp

**(Trang 131)**

Installation must not compromise the acoustic performance of the wall it is installed onto. [77778] Lắp đặt không được làm giảm hiệu suất âm thanh của bức tường được lắp đặt.

Guidelines Hướng Dẫn

Viewing from the work area is recommended. [77779] Nên quan sát từ khu vực làm việc

Wall mounted is preferred. [113699] Ưu tiên gắn tường.

A television with the following channels must be provided. [56598] Phải cung cấp một tivi có các kênh sau.

A minimum of one English language international news channel. [56600] Tối thiểu một kênh tin tức quốc tế tiếng Anh.

A minimum of one English language sports channel featuring international sports. [56601] Tối thiểu một kênh thể thao tiếng Anh có các môn thể thao quốc tế.

A minimum of two educational entertainment channels with at least one channel in English. [56602] Tối thiểu hai kênh giải trí giáo dục với ít nhất một kênh bằng tiếng Anh.

A minimum of one music channel [56603] Tối thiểu một kênh âm nhạc

A minimum of one English movie channel featuring international box-office movies. [56604] Tối thiểu một kênh phim tiếng Anh có các bộ phim phòng vé quốc tế.

A minimum of one local channel [56805] Tối thiểu một kênh địa phương

Must be free of charge. [56806] Phải miễn phí.

A minimum of one English kids channel. [56807] Tối thiểu một kênh tiếng Anh trẻ em.

One channel displaying hotel services and facilities, IHG programmes and promotions. [711055] Một kênh hiển thị các dịch vụ và tiện nghi của khách sạn, các chương trình và chương trình khuyến mãi của IHG.

Guidelines Hướng Dẫn

Recommended English language international news channels options are BBC World, CNN, SBS World News, Sky News, Bloomberg, CNBC, Fox News, Al Jazeera. [56808] kênh tin tức quốc tế bằng tiếng Anh được đề xuất là BBC World, CNN, SBS World News, Sky News, Bloomberg, CNBC, Fox News, Al Jazeera.

Recommended English language sports channel options are ESPN, Fox Sports, Setanta, Eurosport, Star Sports. [56809] kênh thể thao ngôn ngữ tiếng Anh được đề xuất là ESPN, Fox Sports, Setanta, Eurosport, Star Sports.

Recommended English language educational entertainment channel options are Discovery, National Geographic, BBC Knowledge , TLC. [56810] kênh giải trí giáo dục tiếng Anh được đề xuất là Discovery, National Geographic, BBC Knowledge, TLC.

Recommended English movie channel options are Foxtel Movies, Showcase, M Premiere, M Action/Adventure, World Movies, Premiere, HBO. [56811] kênh phim tiếng Anh được đề xuất là Foxtel Phim, Showcase, M Premiere, M Action/Adventure, World Film, Premiere, HBO.

Recommended English kids channel options are Disney, Nickelodeon, Cartoon Network, Nick Jr, Disney Jr, ABC Kids. [367331] kênh tiếng Anh cho trẻ em được đề xuất là Disney, Nickelodeon, Cartoon Network, Nick Jr, Disney Jr, ABC Kids.

A telephone must be provided. [926] Phải cung cấp một ti vi.

One on the bedside table. [20196] Một cái trên bàn cạnh giường ngủ.

Single-line [39526] Đường đơn

In a twin room configuration, must be placed on the bedside table between the beds. [78105] Trong cấu hình phòng đôi, phải được đặt trên bàn cạnh giường giữa các giường.

In a one bed configuration, must be placed on a bedside table nearest to the seating area. [78106] Trong cấu hình một giường, phải được đặt trên bàn cạnh giường gần khu vực chỗ ngồi nhất.

If redial button is provided, memory for last number dialed must be reset after Check out or at fixed intervals to protect guest privacy. [79112] Nếu cung cấp nút quay số lại, bộ nhớ cho số cuối được quay số phải được đặt lại sau khi Trả phòng hoặc theo các khoảng thời gian cố định để bảo vệ quyền riêng tư của khách.

Guidelines Hướng Dẫn

The telephone at the desk is recommended to be hands free. [413048] Điện thoại tại bàn được khuyến nghị là loại không cần tổ hợp (hand-free).

The telephone may include: clock, radio, alarm function and minimum of two USB ports for charging. [860049] Điện thoại có thể bao gồm: đồng hồ, radio, chức năng báo thức và tối thiểu hai cổng USB để sạc

A default numbering convention is required on telephones. Yêu cầu một quy ước đánh số mặc định trên điện thoại.

**(Trang 132)**

Guidelines Hướng Dẫn

• 9: operator [847115] 9: nhân viên vận hành

• 0: outside line [847116] 0: đường dây bên ngoài

An in room wake-up alarm facility must be provided. [323] Phải cung cấp một cơ sở báo thức trong phòng

Dimmable/black out LCD back-lit display in case of digital alarm [874055] Màn hình LCD có thể điều chỉnh độ sáng dimmable/tắt trong trường hợp báo động kỹ thuật số

Single day alarm functionality is required. [722049] Yêu cầu chức năng báo thức một ngày.

Must be able to be set by the guest. [325] Phải có thể được thiết lập bởi khách.

• Snooze function in case of digital alarm [58875] Chức năng báo lại trong trường hợp báo động kỹ thuật số

• AC or battery [58876] AC hoặc pin

Auto battery cut-over when unplugged or during power failure [58877] Tự động cắt qua pin khi rút phích cắm hoặc khi mất điện

Alarm facility must have accurate time set. [58880] Cơ sở báo động phải có cài đặt thời gian chính xác.

Wake-up alarm facility must include a clock. [58879] Cơ sở báo thức phải có một đồng hồ.

Alarm facility must be deactivated when the guest departs. [58883] Thiết bị báo động phải được hủy kích hoạt khi khách rời đi

• If the telephone includes clock, radio and alarm functionality, a separate in room wake-up alarm facility is not required. [847117] Nếu điện thoại có chức năng đồng hồ, radio và báo thức, không cần có thiết bị báo thức trong phòng riêng.

IPTV is a permitted additional solution. [348113] IPTV là một giải pháp bổ sung được phép.

It is recommended to have a minimum of two USB sockets for charging external devices. [711054] Nên có tối thiểu hai ổ cắm USB để sạc các thiết bị bên ngoài.

Alarm clock may be combined with the bedside telephone as an integrated unit. [722050] Đồng hồ báo thức có thể được kết hợp với điện thoại đầu giường như một thiết bị tích hợp.

The following equipment must be provided in the guestroom: [89759] Phải cung cấp các thiết bị sau đây trong phòng khách:

A luggage rack. [89760] Một giá để hành lý.

A full sized iron and ironing board. [89761] Một máy ủi và bàn ủi kích thước toàn phần.

Guidelines Hướng Dẫn

• Folding luggage racks are recommended to be kept in the wardrobe. [390051] Khuyến nghị giá để hành lý gấp trong tủ đựng.

An iron organiser is required. [95130] Yêu cầu một giá đựng bàn là.

Iron Organiser Example Ví Dụ về Giá Đựng Bàn Là

Used to store the iron and ironing board. [95134] Dùng để đựng bàn là và bảng là

Heat-resistant [95135] Chống nhiệt

Be stored in the case unit or wardrobe. [95136] Lưu trữ trong tủ đựng hoặc thiết bị đựng

An iron must be available for guest use and meet the following: [58815] Một bàn ủi phải có sẵn cho khách sử dụng và đáp ứng như sau:

An easy fill of a minimum of 250ml (8.8fl oz) water tank Dễ dàng đổ đầy bình chứa tối thiểu 250ml (8,8fl oz)

**(Trang 133)**

Steam and dry ironing mode [58817] Chế độ ủi hơi và khô

Variable temperature dial [58824] Quay số nhiệt độ thay đổi

Must be full size. [58825] Phải là kích thước toàn phần.

A minimum of 1.8m (6ft) length cord with a soft grip handle [58827] Dây dài tối thiểu 1,8m (6ft) với tay cầm mềm

Weigh between 900g (2lbs) to 1.8kg (4lbs) [58826] Cân nặng từ 900g (2lbs) đến 1,8kg (4lbs)

A power light to indicate when the unit is in auto shut-off mode [58829] Đèn điện để báo khi thiết bị ở chế độ tự động tắt

Must not leak. [58834] Không được rò rỉ.

Be able to prevent scale build up and flushes scale particles [58833] Có thể ngăn chặn cặn vôi bám và loại bỏ mảnh cặn vôi

Travel sized irons are not permitted. [58835] Không cho phép bàn là thiết kế travel size

A minimum of 1000 watts. [58821] Tối thiểu 1000 watt

Colleague should ensure that iron is placed in wardrobe with an empty tank after use. [90899] Nhân viên cần đảm bảo rằng bàn là được đặt trong tủ quần áo với một thùng rỗng sau khi sử dụng.

All electrical items should be manufactured according to prevailing local codes or minimally to conform to 'UL','CE', 'CCC' listing mark. [95806] Tất cả các thiết bị điện phải được sản xuất theo quy định địa phương hiện hành hoặc tối thiểu để tuân thủ nhãn hiệu 'UL', 'CE', 'CCC'

Recommended size: 29cm (11.6in) (L) x 15cm (6in) (W) [151049] Kích thước đề xuất: 29cm (11,6in) (L) x 15cm (6in) (W)

Ionic steam and 3m (10ft) cord are preferred. [58836] Ưu tiên hơi nước ion và dây 3m (10ft)

An ironing board must be available for guest use and meet the following: [58801] Một bàn ủi phải có sẵn cho khách sử dụng và đáp ứng như sau:

Ironing board must be full size. [90534] Bàn ủi phải có kích thước toàn phần.

Steel construction with durable paint finish, baked or ebony process is required. [90542] Chế tạo thép với hoàn thiện sơn bền, xử lý nướng hoặc gỗ mun.

Be height adjustable [90536] Có thể điều chỉnh chiều cao

Must have a stable floor standing unit. [90541] Phải có một chân đứng sàn ổn định

Must have an iron rest section. [90537] Phải có tấm kê bàn là khi nghỉ tay.

Ironing board must be covered with a pad and securely fitted with no sharp edges. [90538] Bàn ủi phải được phủ bằng một miếng đệm và được gắn an toàn không có cạnh sắc

Well fitted and stain free ironing board cover [90535] Lớp bọc bàn ủi không ố bẩn và lắp đặt tốt

Table-top ironing board is not permitted. [90540] Không cho phép tấm bàn ủi mặt bàn

Guidelines Hướng Dẫn

• Minimum recommended ironing surface: 110cm(44in) x 30cm(12in) [151048] Bề mặt ủi tối thiểu được đề nghị: 110cm (44in) x 30cm (12in)

A luggage rack must be provided. [1217] Phải cung cấp một giá hành lý.

Built-in or foldable. [196102] Lắp sẵn hoặc có thể gấp lại.

Guidelines Hướng Dẫn

• Built-in unit is recommended. [196104] Thiết bị lắp sẵn được đề xuất.

Where a built-in luggage rack is provided it must meet the following: [89766] Khi cung cấp giá hành lý tích hợp, phải đáp ứng như sau:

80cm (32in) wide and 50cm (20in) deep. [89767] Rộng 80cm (32in) và sâu 50 cm (20in).

Hospitality Promise signage must be displayed. [53100] Phải trưng bày bảng hiệu Cam Kết Khách Sạn.

**(Trang 134)**

Making your stay a complete success is our goal. Just let our Manager on Duty or Front Desk staff know if any part of your stay isn’t satisfactory. We promise to make it right or you won't pay for that part of your stay. [57221] Đem đến sự thành công cho kì nghỉ của bạn là mục tiêu của chúng tôi. Hãy báo Giám Đốc Ca hoặc nhân viên lễ tân nếu có bất kỳ bất tiện nào. Chúng tôi cam kết đảm bảo quyền lợi hoặc quý khách không phải thanh toán cho việc lưu trú này.

Must be included in the Directory of Services. [60695] Phải có trong Danh Mục Dịch Vụ.

A mini fridge is required [61111] Yêu cầu một tủ lạnh mini.

Where stocked, a printed and priced menu of items in the minibar and minifridge must be displayed. [61113] Nếu dự trữ, phải trưng bày một thực đơn định giá và in ra các hạng mục trong minibar và tủ lạnh nhỏ.

Must not be connected to the master switch. [61114] Không được kết nối với công tắc chính

Minimum 40 litres capacity. [113194] Dung tích tối thiểu 40 lít.

Run noiseless. [61115] Chạy không ồn.

With convertible left or right hand door hinge. [113189] Với bản lề cửa bên trái hoặc bên phải chuyển đổi.

Securely mounted to the base of the cabinet or enclosure. [113192] Gắn chắc chắn vào đế tủ hoặc vỏ tủ.

Fridge enclosure must provide ventilation in accordance with the manufacturers recommendations. [113193] Vỏ tủ lạnh phải cung cấp thông gió theo các khuyến nghị của nhà sản xuất.

Minimum energy star, EU Label A or an equivalent local standard as per Green Engage Guidelines. [113190] Ngôi sao năng lượng tối thiểu, Nhãn EU A hoặc tiêu chuẩn địa phương tương đương theo Nguyên tắc Tiêu Chuẩn Xanh.

Stable and adjustable defrost cycle. [113191] Chu kỳ rã đông ổn định và tùy chỉnh.

Guidelines Hướng Dẫn

Items should be reasonably priced with nominal mark-ups on market prices [61116] mặt hàng nên được định giá hợp lý với tăng giá danh nghĩa trên giá thị trường

When the mini fridge is stocked, it should contain regionally appropriate recognised brands of snacks and drinks. [67502] Khi tủ lạnh mini được dự trữ, nó nên chứa các nhãn hiệu đồ ăn nhẹ và đồ uống được công nhận phù hợp trong khu vực.

Suggested brands: Dometic, Suites International, Indel B, Bartech, Polar, JVD and Minibar Systems. [113196] nhãn hiệu được đề xuất: Dometic, Suites International, Indel B, Bartech, Polar, JVD và Minibar Systems.

• Recommended to comply with Restriction of Hazardous Substances Directive (ROHS). [113197] Khuyến nghị tuân thủ Chỉ thị hạn chế các chất độc hại (RoHS).

One of the following types of fridges must be installed: [78121] Một trong những loại tủ lạnh sau đây phải được lắp đặt:

Absorption or silent compressor. [78122] Hấp thụ hoặc máy nén im lặng

Guidelines Hướng Dẫn

• Non-ammonia systems are recommended. [78123] Được khuyến nghị hệ thống không amoniac.

Where an absorption type fridge is provided, it must meet the following: [78817] Trường hợp cung cấp một tủ lạnh loại hấp thụ, phải đáp ứng như sau:

Ammonia leak and auto shut off sensor. [78821] Rò rỉ amoniac và tự động tắt cảm biến.

Minimum warranty of two years. [78822] Bảo hành tối thiểu hai năm.

Where a silent compressor fridge is provided, it must meet the following: [78823] Trường hợp cung cấp tủ lạnh nén im lặng, phải đáp ứng như sau:

Silent compressor type with no more than 30dB. [78825] Loại máy nén im lặng không quá 30dB.

Minimum warranty of 5 years for the compressor. [78826] Bảo hành tối thiểu 5 năm cho máy nén.

An in room safe must be provided. [44552] Phải cung cấp một két an toàn trong phòng.

At a minimum, it must be able to fit a 38cm (15in) laptop. [58948] Tối thiểu, nó phải có thể vừa với máy tính xách tay 38cm (15in).

**(Trang 135)**

Installed at eye level. [113209] Lắp ngang tầm mắt.

Operated by electronic push buttons [44583] Hoạt động bằng các nút ấn điện tử

Simple instructions and a diagram detailing system usage must be displayed in English and the local language, where local language is applicable. [44571] hướng dẫn đơn giản và sử dụng hệ thống sơ đồ chi tiết phải bằng tiếng Anh và ngôn ngữ địa phương, nếu ngôn ngữ địa phương được áp dụng.

Sample Instructions and Diagram Hướng dẫn và sơ đồ mẫu

Simple instructions and a diagram must be provided in the view of the user. [44572] Phải cung cấp hướng dẫn đơn giản và sơ đồ trong tầm nhìn của người dùng.

Sample Instructions and Diagram Hướng dẫn và sơ đồ mẫu

Guidelines Hướng Dẫn

• Eye level is recommended to be between the range of 1.4 - 1.6m height. (4.6 - 5.2ft) [65019] Mức mắt được khuyến nghị là trong khoảng từ 1,4 - 1,6m chiều cao. (4.6 - 5.2ft)

At least one ashtray must be provided in smoking rooms. [338] Ít nhất một cái gạt tàn phải được cung cấp trong phòng hút thuốc.

Must not have a logo printed. [37971] Không được có logo in.

Window treatments must be provided to all guest room exterior windows and glazed doors and meet the following: [2538] Phải xử lý cửa sổ cho tất cả các cửa sổ bên ngoài phòng khách và cửa ra vào bằng kính và đáp ứng như sau:

Provide complete blackout [2539] Cung cấp che tối hoàn toàn

Provide privacy from views into the room but allow light in [2540] Cung cấp sự riêng tư từ góc nhìn vào phòng nhưng cho phép ánh sáng vào

Sheers are required. [79136] Yêu cầu vải mỏng (sheer)

Must be adjustable by guest. [79137] Phải được khách điều chỉnh.

Where curtains are provided they must meet the following: [88229] Trường hợp cung cấp rèm cửa, chúng phải đáp ứng như sau:

Must have a minimum fullness of 150%. [88230] Phải có độ đầy đủ tối thiểu 150%.

The length of the non-decorative fabric elements (linings/sheers/blackouts) must not exceed the length of the decorative element. [88231] Chiều dài của các yếu tố vải không trang trí (lót/vải mỏng/ vải tối) không được vượt quá chiều dài của các yếu tố trang trí.

Pattern must be matched at seams with seams hidden behind pleats. [88232] Hoa văn phải được khớp tại các đường nối với các đường nối ẩn sau nếp gấp

Cover entire window. [88314] Bao phủ toàn bộ cửa sổ.

Minimum overlap where fabric meets fabric is 10cm (4in). [88315] Xếp chồng tối thiểu nơi vải đáp ứng vải là 10cm (4in).

Hardware (except batons) or non-decorative fabric must not be visible to the guest. [88316] Phần cứng (trừ dùi cui) hoặc vải không trang trí không được cho khách nhìn thấy.

Batons for operating. [88317] Dùi để vận hành

Where a balcony or patio is provided, balcony/patio furniture must meet the following: [45228] Trường hợp cung cấp ban công hoặc hiên, nội thất ban công/hiên phải đáp ứng như sau:

Commercial quality and rated for exterior use. [45236] Chất lượng thương mại và định mức cho sử dụng bên ngoài.

One style. [113697] Một phong cách.

All table tops must be shatter resistant. [113698] Tất cả các mặt bàn phải chống vỡ.

Vertical blinds are not permitted. [16030] Không cho phép rèm dọc.

Dedicated shoe shine services are not permitted. [96204] Không cho phép dịch vụ đánh bóngchuyên

**(Trang 136)**

Shoe shine amenities are permitted. [96205] Cho phép các tiện ích đánh bóng.

Ashtrays are not permitted in non-smoking rooms. [37969] Không để gạt tàn thuốc trong phòng không hút thuốc

Planters and floral arrangements are not permitted. [36464] Không cho phép sắp xếp hoa và cây cối.

A chair must be provided at the desk. [886048] Cung cấp ghế tại bàn.

Guidelines Hướng Dẫn

Chair and desk must coordinate in design and heights to allow for the chair to be rolled underneath the desk. [886049] Ghế và bàn phải phối hợp trong thiết kế và chiều cao để cho phép ghế được cuộn bên dưới bàn.

Adjustable seat height [886050] Chiều cao chỗ ngồi tùy chỉnh

Where hard surface flooring is provided in the room, glides should be installed. [886051]

Trường hợp cung cấp sàn bề mặt cứng trong phòng, cần lắp đặt các thanh trượt

Allow for the chair to be moved underneath the desk. [886052] Cho phép ghế được di chuyển dưới bàn

My Room -> Fixtures and Fittings Phòng của tôi -> Đồ đạc và Thiết bị

Signage must indicate non-smoking rooms. [29012] Biển báo phải chỉ ra phòng cấm hút thuốc.

Indicated by tent card or door signage [78346] Được chỉ định bởi thẻ tent card hoặc biển báo cửa

Built-in design is permitted. [390087] Cho phép thiết kế tích hợp.

Where door signage is provided to indicate smoking or non-smoking rooms, it must meet the following: [78347] Trường hợp cung cấp biển báo cửa để chỉ phòng hút thuốc hoặc không hút thuốc, thì phải đáp ứng như sau:

Installed on the corridor side of the guest room entrance. [78348] Được lắp đặt ở phía hành lang của lối vào phòng khách.

Material and design must coordinate with room/corridor signage and door ironmongery. [78349] Vật liệu và thiết kế phải phối hợp với bảng chỉ dẫn phòng/hành lang và cửa sắt.

Guidelines Hướng Dẫn

On dedicated smoking and non-smoking floors, signage should be provided either in the elevator lobby area or on the exterior of each guest room door. [78350] Trên sàn hút thuốc và không hút thuốc chuyên dụng, phải cung cấp biển báo ở khu vực sảnh thang máy hoặc bên ngoài mỗi cửa phòng khách.

Electrical sockets must be located adjacent to the equipment they are providing power to. [83160] ổ cắm điện phải được đặt liền kề với thiết bị mà chúng đang cấp điện.

Location must allow minimum cord length. [83161] Vị trí phải cho phép chiều dài dây tối thiểu.

Extension cords are not permitted. [83162] Không cho phép dây mở rộng.

Adapters without built-in circuit breakers are not permitted. [83163] Không cho phép bộ điều hợp không có bộ ngắt mạch tích hợp

My Room -> Building Services Phòng của tôi -> Dịch vụ xây dựng

Electrical sockets available for guest use must be provided in easily accessible locations. [964] Phải cung cấp ổ cắm điện có sẵn cho khách sử dụng ở những vị trí dễ tiếp cận.

See also ID number [56630] Xem thêm số ID

Minimum of two sockets on or above the working area surface. [965] Tối thiểu hai ổ cắm trên hoặc trên bề mặt khu vực làm việc.

**(Trang 137)**

Minimum of two sockets at the bed side tables, either together or separate. [27266] Tối thiểu hai ổ cắm ở bàn bên giường, hoặc cùng nhau hoặc riêng biệt.

One low-level plug for housekeeper's use. [78136] Một phích cắm mức dưới để sử dụng cho buồng phòng.

At a minimum one international plug sockets must be provided close to the bed or desk. [113704] Phải cung cấp tối thiểu một ổ cắm quốc tế gần giường hoặc bàn.

Guidelines Hướng Dẫn

Additional low-level plugs for housekeeper's use are recommended. [8101] Nên sử dụng phích cắm mức dưới cho nhân viên buồng phòng sử dụng.

One socket adjacent to the clothes hanging/storage area is recommended. [78135] Nên sử dụng một ổ cắm liền kề với khu vực treo/lưu trữ quần áo

All lighting must be controlled by a master switch. [90507] Tất cả ánh sáng phải được kiểm soát bởi một công tắc chính.

Switches must be positioned at entrance and bedside. [90508] Công tắc phải được đặt ở lối vào và đầu giường.

Control must include light fittings and outlets for light fittings. [90509] Kiểm soát phải bao gồm các thiết bị đèn và ổ cắm cho các thiết bị này.

Socket outlets at the desk level, for minibars and TV and clock are to remain live. [90510] ổ cắm ở mức bàn, cho minibar và TV và đồng hồ vẫn duy trì.

Provision of a toilet or nightlight is recommended. If provided it should be of commercial grade and integrated into the design of the switch. [90511] Nên cung cấp một nhà vệ sinh hoặc đèn ngủ. Nếu được cung cấp, nó phải là loại thương mại và được tích hợp vào thiết kế của công tắc.

Where a balcony is accessible from the guest room, the following must be provided: [58508] Trường hợp có thể đến ban công từ phòng khách, phải cung cấp các thông tin sau:

An air conditioning cut-out switch. [58510] Một công tắc ngắt điều hòa không khí.

External balcony lighting [58512] Ánh sáng ban công bên ngoài

Lighting control inside the guestroom. [78880] Điều khiển ánh sáng bên trong phòng khách

My Room -> Bathroom Phòng của tôi -> Phòng tắm

The bathroom must meet the following: [982] Phòng tắm phải đáp ứng như sau:

Three fixtures. [113102] Ba thiết bị.

Toilet [984] Nhà vệ sinh

Vanity with washbasin [983] Bàn trang điểm với chậu rửa mặt

Either standalone shower or bath (with shower over). [113109] Nhà tắm có vòi sen hoặc nhà tắm độc lập (có màn che vòi sen).

Twin interconnecting rooms and KidSuites® must have a bath with shower over. [113110] Phòng kết nối đôi và KidSuites® phải có bồn tắm với màn che vòi hoa sen.

My Room -> Bathroom -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Phòng của tôi -> Phòng tắm -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

A rubbish bin must be provided. [375] Phải cung cấp một thùng rác.

Minimum size: 18cm (D) x 25cm (H) (7.2in x 10in) [8419] Kích thước tối thiểu: 18cm (D) x 25cm (H) (7.2in x 10in)

Maximum size: 26cm (D) x 36cm (H) (10in x 14in) [8420] Kích thước tối đa: 26cm (D) x 36cm (H) (10in x 14in)

Must be washable. [96713] Phải rửa được.

Logo is not permitted. [38099] Không được gắn logo.

Disposable plastic or paper liners are not permitted. [20213] Không cho phép giấy lót hoặc lót nhựa dùng một lần

**(Trang 138)**

Must not have a lid. [57346] Không được có nắp.

Must have a matching flame retardant removable insert. [57347] Phải có một miếng chèn chống cháy phù hợp

Where space permits, it must be placed below the vanity. [77775] Nếu cho phép không gian, chúng phải được đặt dưới bàn trang điểm.

Plastic bins are not permitted. [57349] Không cho phép thùng nhựa.

My Room -> Bathroom -> Fixtures and Fittings Phòng của tôi -> Phòng tắm -> Đồ đạc và thiết bị

The vanity must meet the following: [991] Bàn trang điểm phải đáp ứng như sau:

See also ID number [13011] Xem thêm số ID

• On or adjacent to the vanity there must be a flat surface, minimum 45cm x 30cm (18in x 12in) of clear space available for guest use [992] Trên hoặc liền kề với bàn trang điểm phải có bề mặt phẳng, tối thiểu 45cm x 30cm (18in x 12in) không gian trống cho khách sử dụng

Ground fault outlet (for electric shavers) must be provided in adjacent to vanity mirror. [78150] Ổ điện nối đất (đối với máy cạo râu điện) phải được cung cấp liền kề với gương trang điểm.

Minimum depth of 50cm (20in). [107098] Độ sâu tối thiểu là 50 cm (20in).

Include a wash basin [113118] Bao gồm một chậu rửa

Minimum length of 90cm (35.4in) [113119] Chiều dài tối thiểu 90cm (35,4in)

All elements must be matching material. [113120] Tất cả các yếu tố phải phù hợp với vật liệu.

Side splashes to adjoining walls. [113123] Bắn tóe vào tường liền kề.

Backsplash. [113124] Bề mặt phóa sau bồn rửa.

Apron/skirt with a minimum height of 10cm (4in). [113126] Tạp dề/váy có chiều cao tối thiểu 10cm (4in).

Clear space must be provided for waste bin to be placed under vanity. [113128] Phải cung cấp không gian trống cho thùng rác dưới bàn trang điểm

A length of 1.2m (4ft) is recommended. [113129] Nên sử dụng chiều dài 1,2m (4ft).

Additional shelves are recommended where the vanity length is less than 1.0m (26ft). [113130] giá đỡ bổ sung được khuyến nghị nếu chiều dài bàn trang điểm nhỏ hơn 1,0m (26ft).

A mirror above the vanity must be provided and meet the following: [13233] Phải cung cấp một tấm gương phía trên bàn trang điểm và đáp ứng như sau:

A minimum of 45 cm (18in) wide x 90cm (36in) high. [180050] Cao tối thiểu 45 cm (18in) rộng x 90cm (36in).

Polished float glass mirror [13235] Gương nổi đánh bóng.

Polished edges or frame with no sharp edges [13236] cạnh hoặc khung được đánh bóng không có cạnh sắc

Shaving mirrors are not permitted. [16244] Không cho phép gương cạo râu.

Wash basin must meet the following: [78154] Chậu rửa tay phải đáp ứng như sau:

Mixer tap, single lever. [78155] Vòi, một đòn.

Pop up waste. [78156] Kéo chất thải lên.

Acid resistant material. [78157] Vật liệu chống axit

Overflow outlet [78158] Ổ điện quá dòng

Where stand-alone showers are provided they must meet the following: [89795] Trường hợp cung cấp vòi hoa sen độc lập, chúng phải đáp ứng như sau:

**(Trang 139)**

Amenity shelf or niche [89799] Giá đỡ tiện ích hoặc hốc tường

Enclosed to limit water egress. [89800] Kín để hạn chế thoát nước.

Wall mounted, vertically adjustable shower head. [89802] Đầu vòi hoa sen có thể điều chỉnh dọc, gắn tường.

Minimum clear internal area of 90cm (3ft) x 90cm (3ft). [89804] Diện tích bên trong rõ ràng tối thiểu 90cm (3ft) x 90cm (3ft).

Built-in acid resistant shower tray with removable waste fitting. [89805] Máng nhà tắm chống axit tích hợp với thiết bị thoát nước thải có thể tháo rời.

Ceramic tiled walls. [89806] Tường lát gạch

Shower curtain or tempered glass/perspex door. [89808] Rèm tắm hoặc cửa kính tôi an toàn/pespec.

Guidelines Hướng Dẫn

• One wall mounted dispenser for combined shampoo and body wash is optional. [89809] Không bắt buộc một hộp treo tường để dầu gội và sữa tắm kết hợp.

A shower head must be provided. [89864] Phải cung cấp một vòi tắm hoa sen.

With three adjustable spray settings. [89865] Với ba bộ phun điều chỉnh.

Minimum rose diameter of 7.5cm (3in). [89866] Tay vặn tối thiểu 7,5cm (3in).

Height adjustable and handheld. [89867] Điều chỉnh chiều cao và cầm tay

Inclusive of massage function. [89868] Bao gồm chức năng massage.

Provide a minimum clearance of 1.8m (6ft) between bottom of shower head and shower or bath floor.[89870] Cung cấp một khoảng trống tối thiểu 1,8m (6ft) giữa đáy vòi hoa sen và vòi sen hoặc sàn tắm.

Slide bar mounted between 85cm - 2.25m (34in - 7ft 6in) above shower or bath floor. [89871] Thanh trượt gắn giữa 85cm - 2,25m (34in - 7ft 6in) phía trên vòi hoa sen hoặc sàn tắm.

Guidelines Hướng Dẫn

• Preferred suppliers: Moen, Grohe, TOTO, Kohler and Methven Satinjet. [89872] nhà cung cấp ưu tiên: Moen, Grohe, TOTO, Kohler và Methven Satinjet.

Where a fixed shower head is provided it must meet the following: [89486] Trường hợp cung cấp một vòi hoa sen cố định, phải đáp ứng như sau:

Minimum diameter of 180mm (7.2in). [89487] Đường kính tối thiểu 180mm (7.2in).

Installed at a minimum height of 2.1m (7ft) from above finished shower floor level. [89488] Được lắp đặt ở độ cao tối thiểu 2,1m (7ft) từ mức sàn tắm hoàn thiện ở trên.

Where baths are provided they must meet the following: [89478] Nếu cung cấp nhà tắm, phải đáp ứng như sau:

Overflow outlet. [89479] Ổ điện quá dòng

Minimum 1.5m (5ft) length with overflow. [89481] Chiều dài tối thiểu 1,5m (5ft) với tràn

With pop up stopper. [89482] Với chặn kéo lên.

Wall mounted grab rail. [89483] Lan can gắn tường.

White enamel. [113133] Men trắng

Handheld shower controlled from diverter. [113134] Vòi cầm tay điều khiển từ diverter

Acrylic materials and fiberglass are not permitted. [89480] Không cho phép vật liệu acrylic và sợi thủy tinh.

One wall mounted dispenser for combined shampoo and body wash is optional. [89484] Không bắt buộc một hộp treo tường để dầu gội và sữa tắm kết hợp.

The provision of baths is recommended for family rooms. [89485] Nên cung cấp nhà tắm cho các phòng gia đình.

The bath trap access panel should be concealed, integrated into the design of the bathroom. [113137] Bảng truy cập thoát nước nhà tắm nên che kín, gắn với thiết kế nhà tắm.

Where a shower rail is installed, it must be the brand approved curved shower rail and meet the following: [79106] Nếu lắp đặt thanh treo nhà tắm, nó phải là thanh cong nhà tắm được phê duyệt và đáp ứng như sau:

**(Trang 140)**

Crescent-shaped or bar, 152cm to 220cm (5ft to 7ft 4in). [79107] Thanh hoặc cần hình lưỡi liềm, 152cm đến 220cm (5ft đến 7ft 4in).

2/3-hole mounting system. [79108] Hệ thống gắn 2/3 lỗ.

Satin or polished chrome finish. [79109] Hoàn thiện Satin hoặc chrome đánh bóng.

Flat bar or tubular rod. [79110] Thanh phẳng hoặc thanh hình ống.

Guidelines Hướng Dẫn

• Ceiling mounted options are also available to fit unique bathroom configurations. [79111] lựa chọn gắn trần cũng có sẵn để phù hợp với cấu hình phòng tắm độc đáo

Where a shower curtain is installed it must be the branded shower curtain and meet the following:

[79095] Khi lắp đặt rèm tắm, nó phải là rèm tắm có thương hiệu và đáp ứng các yêu cầu sau:

Dimensions: 180cm x 196cm (6ft x 6ft 6in). [79096] Kích thước: 180cm x 196cm (6ft x 6ft 6in).

One curtain only per shower. [79097] Chỉ một rèm cho mỗi vòi hoa sen.

Bottom Portion: opaque white colour, branded tone-on-tone square pattern. [79098] Phần dưới cùng: màu trắng đục, hoa văn vuông tông màu thương hiệu

Top Portion: arc shaped sheer panel sewn into the top of the curtain. [79099] Phần trên cùng: tấm lót hình vòng cung được khâu vào đỉnh của bức màn.

Washable [79100] có thể giặt

100% polyester [79101]

Water-repellent [79102] Không thấm nước

Backside of curtain to have snap-on opaque white, non-patterned, waterproof fabric liner to be attached to shower curtain along curve of arc. [79103] Mặt sau của rèm phải có lớp lót vải màu trắng đục để lắp, không hoa văn, không thấm nước được gắn vào rèm tắm dọc theo đường cong của vòng cung.

Hook-less built-in grommet system. [79104] Hệ thống vòng đệm gắn sẵn không móc.

Guidelines Hướng Dẫn

Preferred suppliers: nhà cung cấp ưu tiên:

Arcs & Angles and its approved agents, Arc & Angles, Tel: +1 (212) 625 6622, Email:dewees@arcsandangles.com

Shanghai Pudong Hotel Distribution Center Co., Ltd, Tel: +86 21 5892 8000/8016, Email:alesone@shpulv.com

Manufactured by Arcs & Angles specifically for the Holiday Inn brand, Item number: HBH67HI01X HI INTL Lunch, Box/Chrome and a Snap White 180cm x 195cm (71” x 77”) [79105] Được sản xuất bởi Arcs & Angles dành riêng cho thương hiệu Holiday Inn, Số vật phẩm: HBH67HI01X HI INTL Lunch, Hộp/Chrome và Snap White 180cm x 195cm (71’’x 77’’)

A clothes line is required [58603] Bắt buộc có dây phơi quần áo.

Must be a free-standing, exterior clothes drying rack [60448] Phải là một giá phơi quần áo độc lập, bên ngoài

Towel re-use signage must be provided. [63528] Cung cấp biển báo tái sử dụng khăn tắm.

One per bathroom. [63529] Một cho mỗi nhà tắm.

Signage must be waterproof. [63531] Biển báo phải chống thấm nước.

Towel reuse signage read as follows: Towels on the rail: "I will use them again." Towels on the floor: "Please replace them." [63533] Biển báo tái sử dụng khăn tắm như sau: Khăn trên thanh treo: "Tôi sẽ sử dụng lại chúng." Khăn trên sàn: "Hãy thay thế chúng."

Guidelines Hướng Dẫn

Signage in additional languages may be provided. [63534] Phải cung cấp biển báo bằng các ngôn ngữ bổ sung.

'Forget something' and towel reuse signage should be displayed on the same signage to minimise clutter. [63535] Nên treo biển 'Quên một cái gì đó' và các biển báo tái sử dụng khăn trên cùng một biển báo để giảm thiểu sự lộn xộn.

**(Trang 141)**

• Additional towel re-use signage can be placed on the counter-top or the wall. [196059] Có thể đặt thêm các biển báo tái sử dụng khăn trên mặt bàn hoặc tường.

A toilet paper holder is required. [1972] Một hộp đựng giấy vệ sinh là cần thiết.

Polished chrome. [285181] Đánh bóng chrome

Concealed fixings [285182] Gắn kín

Floor standing holders are not permitted. [285180] Không cho phép bệ giữ đứng sàn

Facility must be provided for spare toilet paper. [1973] Phải cung cấp cho cơ sở giấy vệ sinh dự phòng.

Wall mounted. [285176] Gắn tường

Polished chrome [285177] Đánh bóng chrome

Concealed fixings. [285178] Gắn kín

Floor standing holders are not permitted. [285179] Không cho phép bệ giữ đứng sàn

Towel storage must be provided. [1011] Phải cung cấp tủ đựng khăn giấy.

A towel rail must be provided. [1012] Phải cung cấp một thanh treo khăn giấy.

Robe hooks must be provided. [1013] Phải cung cấp móc treo áo.

Robe hook is to be finished to coordinate with plumbing hardware [39736] Móc áo được hoàn thiện để phối hợp với phần cứng hệ thống ống nước

Minimum of two (E.g. double hook). [78175] Tối thiểu là hai (ví dụ: móc kép).

Must have concealed fixings. [89491] Phải có thiết bị kín

"Forget something?™" signage must be provided. [369] Phải cung cấp biển báo “Quên Thứ Gì Đó?”

One per bathroom [36981] Một cho mỗi nhà tắm

Signage must be waterproof. [58628] Biển báo phải chống thấm nước

Must read: If you have forgotten any essential toiletry item, then please contact the Housekeeping Department. We will be pleased to deliver with our compliments: shaving cream, disposable razor, comb, toothbrush, cotton wool & female sanitary products. [93405] Phải đọc: Nếu bạn quên bất kỳ vật dụng vệ sinh thiết yếu nào, vui lòng liên hệ với Phòng buồng phòng. Chúng tôi sẽ vui lòng cung cấp miễn phí: kem cạo râu, dao cạo dùng một lần, lược, bàn chải đánh răng, bông gòn và các sản phẩm vệ sinh phụ nữ.

Guidelines Hướng Dẫn

Signage in additional languages may be provided. [58629] Cung cấp biển hiệu bằng các ngôn ngữ bổ sung.

'Forget something' and towel reuse signage should be displayed on the same signage to minimise clutter. [93406] Hiển thị “Quên Thứ Gì Đó?” và biển báo tái sử dụng khăn tắm trên cùng một biển báo để giảm thiểu lộn xộn.

Lighting must meet the following: [102706] Ánh sáng phải đáp ứng như sau:

Guest controlled. [113096] Khách được kiểm soát.

My Room -> Kitchen Area Phòng của tôi -> Khu vực bếp

Kitchen areas/kitchenettes in a "Holiday Inn® & Suites" property must meet the following: [112801] Khu vực bếp/bếp nhỏ trong khách sạn "Holiday Inn® & Suites" phải đáp ứng như sau:

Continuous counter top with a length between 90cm (3ft) and 1.8m (6ft). [112802] Mặt quầy liên tục với chiều dài từ 90cm (3ft) đến 1,8m (6ft).

Base cabinets with a depth of 60cm (24in). [112803] Tủ đế có độ sâu 60cm (24in).

Provide an under counter or full sized refrigerator. [112804] Cung cấp một tủ lạnh dưới quầy hoặc kích thước toàn phần.

**(Trang 142)**

Wall-mounted upper cabinets the full length of the countertop [112805] Tủ trên treo tường chiều dài toàn phần của mặt bàn

Electrical outlets located behind the installed appliances to conceal power cords. [112806] ổ cắm điện được đặt phía sau các thiết bị lắp đặt để che dây điện.

Provide a microwave oven mounted under the upper wall cabinets. [112807] Cung cấp một lò vi sóng gắn dưới tủ tường trên.

Coffeemaker. [112808] Máy làm cà phê.

At a minimum, one stainless steel sink. [112809] Tối thiểu, một bồn rửa thép không gỉ.

Cook tops are not permitted. [112810] Không cho phép mặt quầy nấu ăn.

Refrigerators in a "Holiday Inn® & Suites" property must meet the following: [112811] Tủ lạnh trong khách sạn "Holiday Inn® & Suites" phải đáp ứng như sau:

Stable and adjustable defrost cycle. [112812] Chu kỳ rã đông ổn định và điều chỉnh

Have a freezer compartment. [112813] Có một ngăn đông lạnh.

Connected to a concealed outlet behind the refrigerator or cabinetry. [112814] Kết nối với một ổ cắm giấu đằng sau tủ lạnh hoặc tủ

Installation must provide clearance for ventilation in accordance with manufacturers recommendation. Lắp đặt phải cung cấp khoảng trống cho thông gió theo khuyến nghị của nhà sản xuất.

[112815]

Under counter refrigerators must be installed in the base cabinet and must fit below a continuous counter top. [112816] Tủ lạnh dưới bàn phải được lắp đặt trong tủ dưới và phải nằm dưới mặt bàn.

With convertible left or right hand door hinge. [112817] Với bản lề cửa bên trái hoặc bên phải chuyển đổi

Minimum energy star: EU label A or an equivalent local standard as per Green Engage guidelines. Ngôi sao năng lượng tối thiểu: Nhãn EU A hoặc tiêu chuẩn địa phương tương đương theo hướng dẫn của Tiêu Chuẩn Xanh.

[112818]

Microwave ovens must meet the following: [112819 Lò vi sóng phải đáp ứng như sau

Minimum 17 litres (0.6ft³) and 500 watts. [112820] Tối thiểu 17 lít (0,6ft³) và 500 watt.

Operations instructions must be affixed to the oven in guest sight. [112821] Hướng dẫn vận hành phải được dán vào lò trong tầm nhìn của khách.

Must be mounted under the overhead kitchen cabinet. [112822] Phải được gắn dưới tủ bếp trên cao.

Must be connected to an outlet concealed behind the microwave or microwave cabinetry. [112823] Phải được kết nối với một ổ cắm sau lò vi sóng hoặc tủ lò vi sóng.

Food & Beverage F&B

Food & Beverage -> General F&B -> Chung

The following Food and Beverage outlets must be provided as a minimum: [102722] quầy F&B sau đây phải được cung cấp tối thiểu:

One restaurant. [115902] Một nhà hàng.

One beverage outlet. [115903] Một quầy đồ uống.

Guidelines Hướng Dẫn

• Additional specialty restaurants and bars are recommended but are subject to location, market analysis and IHG® approval. [115904] nhà hàng và quán bar chuyên doanh khác được khuyến nghị nhưng phải tuân theo địa điểm, phân tích thị trường và phê duyệt IHG®.

Third party outlets by recognized brands or concepts are permitted subject to IHG® approval. [115905] cửa hàng của bên thứ ba có các thương hiệu hoặc ý tưởng được công nhận được phép theo chấp thuận IHG®.

A full service bar is recommended. Where local culture or regulations do not permit a bar, a café or lounge concept are acceptable alternatives. [138051] Khuyến nghị có một bar. Trong trường hợp văn hóa địa phương hoặc các quy định không cho phép mở quán bar, ỷ tưởng về quán cà phê hoặc phòng lounge là những lựa chọn thay thế được chấp nhận.

**(Trang 143)**

Every hotel must have at least one restaurant and one bar open 365 days a year. [65496] Mỗi khách sạn phải có ít nhất một nhà hàng và một quán bar mở 365 ngày một năm.

At a minimum, a restaurant must be open for three consecutive hours per meal period [65497] Tối thiểu, một nhà hàng phải mở trong ba giờ liên tục mỗi bữa ăn

Breakfast, lunch and dinner must be available in a full-service restaurant seven days a week. [59705] Luôn phục vụ bữa sáng, bữa trưa và bữa tối trong một nhà hàng trọn gói bảy ngày một tuần.

The breakfast buffet must be stocked until the end of the advertised breakfast service time [59707] Buffet bữa sáng phải được dự trữ cho đến khi kết thúc thời gian phục vụ bữa sáng được báo trước

Breakfast in the full-service restaurant must include a buffet and offer a limited à la carte menu. [59706] Bữa sáng trong nhà hàng trọn gói phải bao gồm tiệc buffet và phục vụ thực đơn gọi món giới hạn (à la carte).

Colleagues must explain to guests how the breakfast service works including à la carte and buffet service. [93408] nhân viên phải giải thích cho khách về cách thức phục vụ bữa sáng bao gồm cả gọi món à la carte và dịch vụ buffet.

It is recommended for the breakfast buffet /individual dishes to be stocked, at a minimum of one third full at the end of the advertised breakfast service time [578056] Khuyến nghị cho bữa sáng tự chọn/các món ăn riêng lẻ đặt ra, tối thiểu là một phần ba đầy đủ vào cuối thời gian phục vụ bữa sáng được báo trước

Food and beverage outlets must meet the following requirements: [92594] Quầy hàng F&B phải đáp ứng như sau:

Restrooms availability [92596] Nhà vệ sinh có sẵn

A dedicated outdoor smoking area is recommended. [92597] Một khu vực hút thuốc ngoài trời dành riêng được khuyến khích.

Outdoor dining areas as an extension to the restaurants are recommended. [92598] Nên có khu vực ăn uống ngoài trời như một phần mở rộng cho các nhà hàng.

An additional separate external entrance is recommended for all Food & Beverage outlets. [92599] Nên có một lối vào bên ngoài riêng biệt cho tất cả các cửa hàng F&B.

A partially screened dining area seating 12-15 guests for groups is recommended depending on outlet size and concept. [92600] Nên có một khu vực ăn uống được che kín một phần có sức chứa 12-15 khách cho các nhóm tùy thuộc vào quy mô và ý tưởng cửa hàng.

Food & Beverage flow chart/design reference attached. [92601] Lưu đồ ượng F&B/ tham chiếu thiết kế đính kèm

Food & Beverage flow chart Lưu đồ F&B

All available food offerings (breakfast, lunch when offered, dinner, banquet) must include: [2262] Tất cả các dịch vụ thực phẩm có sẵn (bữa sáng, bữa trưa khi được cung cấp, bữa tối, bữa tiệc) phải bao gồm:

A minimum of one vegetarian option [2264] Tối thiểu một lựa chọn ăn chay

Popular internationally recognised dishes must be provided [67312] Phải cung cấp các món ăn phổ biến quốc tế được công nhận.

Guidelines Hướng Dẫn

• Recommended list of popular internationally recognised dishes [605052] Danh sách đề xuất các món ăn phổ biến quốc tế được công nhận

Popular Internationally Recognised Dishes List Danh sách món ăn quốc tế phổ biến

Dishes suitable for guests with allergies, sensitivities or preferences should be provided. [29008] Món ăn phù hợp cho khách bị dị ứng, nhạy cảm hoặc ưu tiên.

Menu should include freshly prepared items including grilled lean meats and fish, steamed vegetables, wholegrains and fruits. [32569] Thực đơn nên bao gồm các món mới được chế biến bao gồm thịt nạc nướng và cá, rau hấp, gạo lứt và trái cây.

Dinner and bar menus should include familiar and regionally relevant food and beverage items. [32578] Thực đơn bữa tối và quầy bar nên bao gồm các mặt hàng thực phẩm và đồ uống quen thuộc và theo vùng.

Take away deliveries are permitted to the front desk only. [28865] Giao hàng tận nơi chỉ được phép đến quầy lễ tân.

Buffet and a la carte menu must consist of local or regional and western dishes. [60712] Thực đơn tự chọn và thực đơn gọi món phải bao gồm các món ăn địa phương hoặc khu vực và phương Tây

**(Trang 144)**

In restaurants, the following beverage requirements must be met: [59713] Trong các nhà hàng, phải đáp ứng các yêu cầu đồ uống sau đây:

A minimum of three red wines by the glass [59714] Tối thiểu ba loại rượu vang đỏ bằng ly

A minimum of three white wines by the glass [65596] Tối thiểu ba loại rượu vang trắng bằng ly

Champagne [65597] Rượu sâm banh

Sparkling wines [65598] Rượu vang sparkling

Beer [65599] Bia

Spirits [65600] rượu spirit

A range of non-alcoholic beverages and cocktails must be available. [59716] Một loạt các đồ uống không cồn và cocktail phải có sẵn.

Freshly squeezed juices and local or national speciality beverages must be available [59717] Nước trái cây tươi và đồ uống đặc sản địa phương hoặc quốc gia phải có sẵn

Prior to serving, guests must be offered to taste the wine, if ordered by bottle [59720] Trước khi phục vụ, khách phải được mời nếm rượu, nếu được gọi bằng chai

Tables must be clean and fully set before guests are seated. [60748] Bàn phải sạch sẽ và được chuẩn bị đầy đủ trước khi khách ngồi.

Tables must be cleared, cleaned and set within five minutes of a guest leaving during service hours

[60749] Bàn phải được dọn sạch, làm sạch và đặt trong vòng năm phút sau khi khách rời khỏi trong giờ phục vụ

Cutlery must be replenished at the table. [70295] Dao dĩa phải được bổ sung tại bàn.

Tableware made from polystyrene is not permitted. [2191] Không cho phép bộ đồ bếp làm từ polystyrene.

At minimum, the following Kids tableware and cutlery must be offered to a kid aged 0-2 years when seated at the dining table: [304051] Tối thiểu, phải cung cấp bộ đồ ăn và dao dĩa trẻ em như sau cho trẻ từ 0-2 tuổi khi ngồi vào bàn ăn:

Kids Tableware & Cutlery Reference Tham chiếu Bộ đồ ăn & Dao dĩa

Plastic spoon [304052] thìa nhựa

Plastic fork [304053] Dĩa nhựa

Plastic or Disposable bib [304054] Yếm nhựa hoặc dùng một lần

Plastic cup [304055] Cốc nhựa

Plastic plate [304056] Đĩa nhựa

Dishwasher safe [304057] Sản phẩm Diswasher safe

BPA free [304058] BPA miễn phí

Spoons and forks are recommended to have soft-touch coating, ergonomic design, base-heavy rocking design. [304059] Thìa và dĩa nên có lớp phủ mềm, thiết kế công thái học, thiết kế kiểu rocking đế nặng.

Plates are recommended to have non-flip design. [304060] Đĩa nên có thiết kế không lật

Kids cutlery is recommended to be heat-resistant. [307049] Dao dĩa trẻ em nên chịu nhiệt.

Double-handles, non-spill straw cups are recommended [369369] Nên sử dụng tay cầm đôi, cốc không tràn

At minimum, the following Kids tableware and cutlery must be offered to a kid aged 3-6 years when seated at the dining table: [63209] Tối thiểu, phải cung cấp bộ đồ ăn và dao dĩa trẻ em như sau cho trẻ từ 3-6 tuổi khi ngồi vào bàn ăn

Kids Tableware & Cutlery Reference Tham chiếu Bộ đồ ăn & Dao dĩa

**(Trang 145)**

Spoon [63242] Thìa

Fork [300060] Dĩa

Plate [300061] Đĩa

Plastic cup [300062] Cốc nhựa

BPA free [300063] BPA miễn phí

Dishwasher safe [300064] Dụng cụ Diswasher safe

Spoons and forks are recommended to have soft-touch coating, ergonomic design, base-heavy rocking design. [300065] Thìa và dĩa nên có lớp phủ mềm, thiết kế công thái học, thiết kế kiểu rocking đế nặng.

Plates are recommended to have non-flip design, [300066] Đĩa nên thiết kế không lật

Plastic cups are recommended to have non-slip rubber base and base-heavy rocking design. [300067] Cốc nhựa nên có đế cao su chống trượt và thiết kế rocking đế nặng.

Kids cutlery is recommended to be heat-resistant. [307050] Dao dĩa trẻ em nên chịu nhiệt.

Children’s activity materials must be available. [522] Luôn có sẵn các chất liệu hoạt động của trẻ.

When Kids are seated at the dining table, Kids activity placemat must be offered. [7850] Khi trẻ em ngồi vào bàn ăn, phải cung cấp miếng vải lót dĩa cho trẻ.

Kids activity placemat (Brand Central > Holiday Inn Resort > Brand Warehouse> Brand info > Campaigns > Kids Menu > Kids Menu Final Artwork EN folder) Miếng vải lót dĩa cho trẻ (Trung tâm thương hiệu> Holiday Inn Resort> Kho thương hiệu> Thông tin thương hiệu> Chiến dịch> Menu trẻ em> Menu trẻ em Thư mục EN tác phẩm nghệ thuật cuối cùng thực đơn cho trẻ)

Activity materials must be limited to simple and inexpensive games that can be easily stocked, stored and replenished. [7937] Chất liệu hoạt động phải được giới hạn trong các trò chơi đơn giản và không đắt có thể dễ dàng bày biện, lưu trữ và bổ sung.

Kids activity placemat should be presented with a pack of non-toxic colouring material. [501048] Vải lót cho trẻ hoạt động nên được bày với một gói vật liệu màu không độc hại.

It is recommended that games or toys are not given out at breakfast times [7851] trò chơi hoặc đồ chơi không nên được bày ra vào bữa sáng

Newspapers must be available. [50891] Phải luôn có báo tạp chí.

A minimum of one local or regional newspaper [50892] Tối thiểu một tờ báo địa phương hoặc khu vực

A minimum of one English language newspaper [65507] Tối thiểu một tờ báo tiếng Anh

International and local newspapers must be available in hard copy or in digital format [578064] Báo quốc tế và địa phương phải có sẵn ở dạng bản cứng hoặc ở định dạng kỹ thuật số

Where digital newspapers are requested, colleagues must be able to assist guests with installation and passwords for their own devices [578065] Khi yêu cầu báo kỹ thuật số, các nhân viên phải có thể hỗ trợ khách lắp đặt và mật khẩu cho thiết bị của riêng họ

Where digital newspaper is provided, the host/hostess or delegated host/hostess must inform the guest of its availability and offer assistance [578066] Khi cung cấp báo kỹ thuật số, chủ nhà hoặc chủ nhà được ủy quyền phải thông báo cho khách về các hỗ trợ sẵn có này.

Recommended to have one for each of the key customer groups [50893] Đề xuất có một cho mỗi nhóm khách hàng quan trọng

British/USA papers: The Times, The Daily Telegraph, Wall Street Journal etc [50894] tờ báo Anh/ Mỹ: The Times, The Daily Telegraph, Wall Street Journal etc

Recommended to have a selection of international magazines. [50895] Đề nghị có một lựa chọn các tạp chí quốc tế

Digital newspaper via app format is permitted and the password to be provided on complimentary basis Cho phép báo kỹ thuật số thông qua định dạng ứng dụng và cung cấp mật khẩu miễn phí

[578067]

All Food & Beverage areas must be clean and well presented at all times. [45425] Khu vực F&B phải luôn sạch sẽ và được bày biện tốt.

**(Trang 146)**

At a minimum, these areas must be cleaned after all meal occasions and/or peak periods. [45426] Tối thiểu, các khu vực này phải được dọn dẹp sau khi ăn uống và/hoặc giờ cao điểm.

A private dining experience option must be offered. [60759] Phải đề xuất một lựa chọn trải nghiệm ăn uống riêng tư.

Guidelines Hướng Dẫn

• Beach or garden, roof top are recommended [60760] Nên có bãi biển hoặc vườn, mái nhà.

Restrooms must meet the following: [115906] nhà vệ sinh phải đáp ứng như sau:

Where provided outside of the outlet the maximum walking distance for guest must not exceed 15m (50ft) from entrance of the outlet to the restrooms. [115907] Trường hợp cung cấp bên ngoài cửa hàng, khoảng cách đi bộ tối đa cho khách không được vượt quá 15m (50ft) từ lối vào của cửa hàng đến phòng vệ sinh.

For restaurants with more than 165 seats or larger than 500m² (5382 sq ft) access to the restrooms must be from within the outlet. [115908] Đối với các nhà hàng hơn 165 chỗ ngồi hoặc hơn 500m² (5382 sq ft) lối vào phòng vệ sinh phải từ trong cửa hàng.

All standards for public restrooms apply. [115909] Tất cả các tiêu chuẩn cho nhà vệ sinh công cộng áp dụng

All restaurant kitchens must have direct back of house access and connection to the main kitchen.

[92618] Tất cả các bếp nhà hàng phải có lối vàp trực tiếp BOH và kết nối với bếp chính.

Transfer of food and beverage to restaurant kitchens through public areas is not permitted. [92619] Không cho phép chuyển thực phẩm và đồ uống đến bếp nhà hàng qua các khu vực công cộng.

Professionally programmed background music must be played during opening hours. [54105] Nhạc nền được lập trình chuyên nghiệp phải được phát trong giờ mở cửa.

Must be appropriate to the area and the time of the day [59731] Phải phù hợp với khu vực và thời gian trong ngày

InnTunes music must be used [59733] Phải sử dụng nhạc InnTunes

Radio must not be used. [59732] Không sử dụng radio.

Only biodegradable drinking straws can be used throughout the hotel. [861052] Chỉ dùng ống hút phân hủy sinh học trong toàn khách sạn.

Best Practices Guideline for Biodegradable Straws Hướng Dẫn Thực Tiễn Tốt Nhất cho Ống Hút Phân Hủy Sinh Học.

• Must only be provided upon request. [859055] Chỉ được cung cấp theo yêu cầu.

14 Jun 2019 Guidelines Hướng dẫn ngày 14 tháng 6 năm 2019

Paper straws recommended. [859103] Đề xuất ống hút giấy.

Biodegradable straws should be fully compostable and/or biodegradable in landfill. [859104] Ống hút phân hủy sinh học phải được phân hủy hoàn toàn và/hoặc phân hủy sinh học trong bãi rác

Only reusable or biodegradable drinks stirrers may be used in any part of the hotel. [862084] Chỉ dùng máy khuấy đồ uống có thể tái sử dụng hoặc phân hủy sinh học trong bất kỳ nơi nào của khách sạn.

Food & Beverage -> General -> Service Expectations Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Chung -> Mong đợi dịch vụ

The food outlet(s) must comply with the minimum opening and closing times. [478] (Các) quầy hàng thực phẩm phải tuân thủ thời gian đóng và mở tối thiểu.

Breakfast must be a minimum of four hours between 05:00 to 12:00. [59695] Bữa sáng phải tối thiểu bốn giờ trong khoảng từ 05:00 đến 12:00.

Lunch must be for a minimum of three hours, between 11:00 to 16:00. [59696] Bữa trưa phải tối thiểu ba giờ, từ 11:00 đến 16:00.

Dinner must be for a minimum of three hours, between 17:00 to 01:00. [59697] Bữa tối phải tối thiểu ba giờ, từ 17:00 đến 01:00.

Bar must be for a minimum of five hours, between 10:00 to 03:00. [59698] Quầy bar phải tối thiểu năm giờ, từ 10:00 đến 03:00.

In-Room dining/ Room Service must operate for 24 hours, seven days a week. [61054] Dịch vụ ăn uống trong phòng/dịch vụ phòng phải hoạt động trong 24 giờ, bảy ngày một tuần.

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 147)**

• Opening hours may be extended to meet business needs. [59699] Giờ mở cửa có thể được kéo dài để đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

Food & Beverage colleagues must be trained to understand all menu items and dietary components.

[2280] nhân viên F&B phải được đào tạo để hiểu tất cả các mục trong thực đơn và các thành phần chế độ ăn uống.

A colleague must be present and visible in the restaurant and other Food & Beverage outlets at all times during hours of operation. [2235] Luôn phải có một nhân viên và dễ thấy trong nhà hàng và các quầy hàng F&B khác trong giờ vận hành.

Guidelines Hướng Dẫn

• Colleagues should read guest's body language and engage in conversation as appropriate. [40779] nhân viên nên đọc ngôn ngữ cơ thể của khách và trò chuyện khi thích hợp.

Peak times must be identified and staffing solutions put in place to meet Food & Beverage standards 24 hours a day. [38388] Thời gian cao điểm phải được xác định và các giải pháp nhân sự được đưa ra để đáp ứng các tiêu chuẩn F&B 24 giờ một ngày.

All guests must be greeted at the entrance of every full service restaurant. [60382] Tất cả khách phải được chào đón ở lối vào của tất cả nhà hàng phục vụ.

A delegated host or hostess is required at the entrance to greet guests [60383] Yêu cầu một chủ nhà được ủy nhiệm chào đón khách ở lối vào.

Upon arrival at breakfast, guests must be greeted first and asked for their last names and room number only when unknown. [579056] Khi đến bữa sáng, khách phải được chào đón trước và sau đó hỏi tên họ và số phòng chỉ trong trường hợp không biết.

Kids must be greeted individually. [300052] Trẻ em phải được chào đón riêng

All guests must be escorted to their table at every full service restaurant [60384] Tất cả khách phải được hộ tống đến bàn của họ tại tất cả nhà hàng phục vụ.

Kids should be addressed by names, if known. [300053] Nên gọi trẻ bằng tên, nếu biết.

It is recommended to address Kids directly at dining service. [300054] Nên hướng dẫn trẻ trực tiếp tại khu vực ăn uống.

Kids Eat Free menu SOPs for reference. [300055] SOPs thực đơn miễn phí cho trẻ để tham chiếu.

SOP Reference Tham chiếu SOP

Occupied tables must be serviced/checked regularly during the meal occasion. [23564] Bàn có người ăn phải được phục vụ/kiểm tra thường xuyên trong khi ăn uống.

Bills must be presented within three minutes and only upon guest request [42134] Hóa đơn phải được xuất trình trong vòng ba phút và chỉ khi khách yêu cầu

Bills must be accurately itemised, totalled and clearly indicate whether service and taxes are included. Hóa đơn phải được chia thành từng khoản chính xác, tổng hợp và chỉ rõ có bao gồm dịch vụ và thuế hay không.

[42142]

Branded pen must be used. [97104] Phải dùng bút có thương hiệu.

Guests must be thanked for dining before leaving the restaurant. [2236] Khách phải được cảm ơn vì đã dùng bữa trước khi rời nhà hàng

Guidelines Hướng Dẫn

• Where known, the guest's name should be used [578070] Nếu biết, nên dùng tên khách

Food & Beverage -> General -> Collateral/Stationery Thực phẩm và đồ uống (F&B)-> Chung -> Tài liệu quảng bá/Văn phòng phẩm

A Kids Eat Free menu must be available for all meal periods provided in the main restaurant. [2492] Luôn có một thực đơn miễn phí cho trẻ trong tất cả các bữa ăn tại nhà hàng chính

Kids Eat Free menu template must be used. [41582] Phải dùng mẫu thực đơn miễn phí cho trẻ.

Kids Eat Free Menu Template (Brand Central > Holiday Inn Resort > Brand Warehouse > Brand Info > Campaigns > Kids Menu > Kids Menu Final Artwork EN folder) Mẫu thực đơn miễn phí cho trẻ(Trung tâm thương hiệu> Holiday Inn Resort> Kho thương hiệu> Thông tin thương hiệu> Chiến dịch> Thực đơn trẻ em> Thư mục tác phẩm nghệ thuật cuối cùng thực đơn cho trẻ)

**(Trang 148)**

Only Kids Eat Free menu approved photography must be used. [41586] Phải chỉ được dùng ảnh được phế duyệt cho thực đơn đồ ăn miễn phí cho trẻ.

Kids Menu Approved Photography (Brand Central > Holiday Inn Resort > Brand Warehouse > Brand Info > Campaigns > Kids Menu > Kids Menu Approved Photography)

Ảnh Được Phê Duyệt của Thực Đơn cho Trẻ (Trung tâm thương hiệu> Holiday Inn Resort> Kho thương hiệu> Thông tin thương hiệu> Chiến dịch> Thực đơn trẻ em> Ảnh được phê duyệt cho thực đơn cho trẻ)

Kids Eat Free menu must use IHG approved recipes except “Chef’s specials” section. [300069] Thực đơn cho trẻ em ăn miễn phí phải sử dụng các công thức nấu ăn được IHG phê duyệt, ngoại trừ phần “đặc biệt của Đầu bếp”.

Kids Eat Free menus must offer a minimum of one vegetarian option. [2495] Thực đơn miễn phí cho trẻ phải cung cấp tối thiểu một lựa chọn ăn chay.

Guidelines Hướng Dẫn

• Kids Eat Free menu toolkit for reference. [300048] Bộ thực đơn ăn miễn phí cho trẻ để tham chiếu.

Kids Menu Toolkit (Brand Central > Holiday Inn Resort > Brand Warehouse > Brand Info > Campaigns > Kids Menu > Kids Menu EN folder) Bộ Thực Đơn Cho Trẻ (Trung tâm thương hiệu> Holiday Inn Resort> Kho thương hiệu> Thông tin thương hiệu> Chiến dịch> Thực Đơn Trẻ Em> Thư Mục Thực Đơn Cho Trẻ EN

It is recommended to have a minimum of 3 dishes and a maximum of 5 dishes under the "Chef Specials" section in the Kids Menu [800049] Nên có tối thiểu 3 món và tối đa 5 món trong phần "Đặc sản " trong Menu trẻ em

Dishes suitable for guests with allergies, sensitivities or preferences should be provided. [29010] Nên có món ăn phù hợp cho khách bị dị ứng, nhạy cảm hoặc theo sở thích.

Kids Eat Free menu should include freshly prepared items including grilled lean meats and fish, steamed vegetables, wholegrains and fruits. [32570] Thực đơn cho trẻ em ăn miễn phí nên có các món được chế biến tươi bao gồm thịt nạc nướng và cá, rau hấp, gạo lứt và trái cây.

It is recommended that a Kids Eat Free Menu is provided in all hotel owned restaurants [76553] Cung cấp thực đơn miễn phí cho trẻ em trong tất cả các nhà hàng thuộc sở hữu của khách sạn

Dinner and bar menus should include familiar and regionally relevant food and beverage items. [93409] Thực đơn bữa tối và quầy bar nên bao gồm các mặt hàng thực phẩm và đồ uống quen thuộc và theo vùng.

Food tags must be provided and meet the following: [59859] Phải cung cấp thẻ đồ ăn và đáp ứng như sau:

Brand Central Path for artwork files\_Sample food label tag for buffet

Sample food label tag for buffet

Đường dẫn thương hiệu trung tâm cho các hồ sơ tác phẩm nghệ thuật. Thẻ nhãn thực phẩm mẫu cho tiệc buffet

Thẻ nhãn thực phẩm mẫu cho tiệc buffet

All composed dishes on the buffet must have a food tag. [440048] Tất cả các món ăn mới trong tiệc buffet phải có thẻ thực phẩm.

Items displayed in their commercial packaging (e.g. bottles, jars) do not require a food tag [580055] sản phẩm trong bao bì thương mại của họ (ví dụ: chai, lọ) không yêu cầu thẻ thực phẩm

Guidelines Hướng Dẫn

Information on food allergies and intolerance can be found in the Food Safety section of the Risk Management portal on Merlin. [387086] Thông tin về dị ứng và không dung nạp thực phẩm có thể được tìm thấy trong phần An toàn thực phẩm của cổng thông tin Quản lý rủi ro trên Merlin.

Signage with the following wording is recommended: "Please inform your server of any food allergies, food intolerance, dietary requirements or religious interest that you or any of your party may have" Biển báo với dòng chữ sau được khuyến nghị: "Vui lòng thông báo cho máy chủ của bạn về bất kỳ dị ứng thực phẩm, không dung nạp thực phẩm, yêu cầu ăn kiêng hoặc yêu cầu tôn giáo mà bạn hoặc bất kỳ bên nào của bạn"

[388072]

Where English is not the local language, food tags are recommended to be displayed in two languages, with English as one of the two languages. [580056] Nếu tiếng Anh không phải là ngôn ngữ địa phương, các thẻ thực phẩm nên bằng hai ngôn ngữ, với tiếng Anh là một trong hai ngôn ngữ.

Menu must be presented at a minimum in English. [65603] Thực đơn phải ở mức tối thiểu bằng tiếng Anh.

Guidelines Hướng Dẫn

• Menus in other languages are recommended for main nationality of the guests in the hotel Thực đơn bằng các ngôn ngữ khác được khuyến nghị cho quốc tịch chính của khách trong khách sạn

**(Trang 149)**

• A separate menu is recommended for each language [580057] Một thực đơn riêng được khuyến nghị cho mỗi ngôn ngữ

Food & Beverage -> Dining Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Ăn uống

All Day Dining restaurant must meet the following: [102723] Nhà hàng All Day Dining phải đáp ứng như sau:

Net area must be 1.85 to 2.50sqm (20 to 27 sq ft) per seat. [116168] Diện tích thực phải là 1,85 đến 2,50sqm (20 đến 27 sq ft) mỗi chỗ ngồi.

Minimum of 1.5m (5ft) clear circulation space around the buffet counter and/or display kitchen server. [116167] Tối thiểu 1,5m (5ft) không gian lưu thông xung quanh quầy buffet và/hoặc hiển thị máy chủ nhà bếp.

Reception/maitre d’ station. [116169] Quầy lễ tân/ maitre d’ station.

Waiter stations. [116170] Quầy phục vụ.

Point of sale stations. [116171] quầy POS

The seat count must be established based on the key count of the hotel: [92605] Số lượng ghế phải dựa trên số lượng key của khách sạn

Minimum 40% of the key count. [92608] Tối thiểu 40% số lượng key.

Proposed seat count must be calibrated against the room density. [92606] Số lượng ghế dự kiến phải được hiệu chỉnh theo mật độ phòng

Final seat count must be IHG approved. [92607] Số ghế cuối cùng phải được IHG phê duyệt

Access to a limited selection of hot and cold food and beverage items must be available 24 hours a day, seven days a week, with options to go. [40799] Lựa chọn có giới hạn các sản phẩm F&B nóng và lạnh luôn có sẵn 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần, với các lựa chọn để đi.

Disposable containers must be provided for 'to go' use. [40807] Phải cung cấp các thùng chứa dùng một lần để sử dụng 'to go'.

Vending machines must not be the only option. [40811] Máy bán hàng tự động không phải là lựa chọn duy nhất.

Lighting levels must be adjustable to suit the time of day and guest activity in the restaurant. [2488] Mức độ chiếu sáng phải được điều chỉnh cho phù hợp với thời gian trong ngày và hoạt động của khách trong nhà hàng

Food & Beverage -> Dining -> Breakfast Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Ăn uống -> Ăn sáng

Breakfast must be included in the room rate or charged to the guest. [32966] Bữa sáng phải bao gồm trong giá phòng hoặc tính phí cho khách

Breakfast must not be advertised as free. [32967] Bữa sáng không được quảng cáo là miễn phí.

Breakfast packages must be available and include, at a minimum: [60834] gói bữa sáng phải có sẵn và bao gồm, tối thiểu:

A minimum of one breakfast package (eg: picnic, adventure with kids, romantic on the balcony/beach). Tối thiểu một gói bữa sáng (ví dụ: dã ngoại, phiêu lưu với trẻ em, lãng mạn trên ban công/bãi biển).

[67314]

Guidelines Hướng Dẫn

• Locally sourced food is recommended [581053] Khuyến nghị thực phẩm có nguồn gốc địa phương.

Breakfast must include the following: [2273] Bữa sáng phải bao gồm như sau:

A selection of locally relevant hot and cold dishes [32964] Lựa chọn đồ ăn nóng và lạnh có liên quan địa phương

Hot and cold food and beverage options "To Go", clearly labelled with use by the indicated time [32965] Lựa chọn F&B nóng và lạnh "To Go", được dán nhãn rõ ràng với thời gian sử dụng

Guidelines Hướng Dẫn

• Heating instructions should be provided, where appropriate. [93421] Nên cung cấp hướng dẫn sưởi ấm, khi thích hợp

At a minimum, each guest table set up must include: [60369] Tối thiểu, mỗi bàn setup cho khách phải bao gồm:

**(Trang 150)**

Tables must be set for a minimum of two covers [60371] bảng phải có tối thiểu hai vải phủ

One each: fork, knife and dessert spoon [60370] Mỗi bàn được setup: dĩa, dao và muỗng tráng miệng

Glassware is not permitted with the cover set up [60379] Không cho phép phủ đồ thủy tinh

Table top set up must include: [60342] Mặt bàn phải có:

Salt and pepper shakers or grinders. [60350] Hộp đựng/ xay muối và tiêu

Sugar bowl/container [98424] Bát/ chai đường

White sugar [98425] Đường trắng

Brown or raw sugar [98426] Đường nâu hoặc đường thô

Sweetener [98427] Chất làm ngọt

Jam and honey that are commercially packaged into individual portion controlled glass jars are not permitted. [60345] Không cho phép mứt và mật ong được đóng gói thương mại vào lọ thủy tinh điều chỉnh lượng cân riêng lẻ

Toothpicks must be individually wrapped, available on request and not pre-set on the table [60353] Tăm xỉa răng phải được bọc riêng, có sẵn theo yêu cầu và không được đặt sẵn trên bàn

Milk setup is not permitted [60351] Không cho phép bày sữa

Acrylic sugar bowl or container is not permitted [60346] Không cho phép bát hoặc hộp đựng đường acrylic

Individual ice chilled butter domes are not permitted. [60349] Không cho phép các vòm bơ đông lạnh cá nhân.

Fabric and leather placemats are not permitted. [95583] Không cho phép vải lót lông và vải.

Linen and cotton table cloths are not permitted [60364] Không cho phép khăn trải bàn cotton và vải lanh.

Sugar sachets are recommended. [581050] Khuyến nghị các bao/ túi đường nhỏ.

Salt and pepper shakers are recommended [60362] Khuyến nghị các lọ rắc muối tiêu

Synthetic placemats (e.g. chilewich) are recommended [60360] Khuyến nghị vải lót tổng hợp (ví dụ chilewich)

Paper and synthetic placemats are permitted. [63844] Cho phép vải lót tổng hợp và giấy.

Cotton mix or paper napkins are permitted. [63846] Cho phép khăn giấy hoặc hỗn hợp cotton.

Napkins are required. [60336] Yêu cầu có khăn ăn.

A minimum of paper and a maximum of cotton mix [60338] Tối thiểu là giấy và tối đa là hỗn hợp cotton

Guidelines Hướng Dẫn

• Cotton mix is recommended [581049] Khuyến nghị dùng hỗn hợp CT

Glasses must be set at the beverage section of the buffet set-up [59976] Ly thủy tinh phải được để tại quầy đồ uống khu vực bày biện buffet

Must be of the same size and style. [59977] Phải cùng kích thước và phong cách.

Must be minimum 250ml (8.8fl oz) [59978] Phải tối thiểu 250ml (8.8fl oz)

The following must be served to the table: [50869] Phải phục vụ cho bàn ăn như sau:

Upon request, all beverages must be replenished at the table. [50878] Theo yêu cầu, tất cả đồ uống phải được bổ sung tại bàn

Cutlery must be replenished at the table [50875] Dao dĩa phải được bổ sung tại bàn

Guidelines Hướng Dẫn

• Black coffee and tea replenishments are permitted to be offered at the table. [53605] Cho phép cà phê đen và trà cung cấp bổ sung tại bàn.

Breakfast must not be advertised as complimentary or free. [581052] Bữa sáng không được quảng cáo là miễn phí.

**(Trang 151)**

Food & Beverage -> Dining -> Breakfast -> Service Expectations Thực phẩm và đồ uống F&B-> Ăn uống -> Ăn sáng -> Mong đợi dịch vụ

On request, guests must be offered a description of the buffet by the colleague who escorts them to their table. [50858] Theo yêu cầu, khách phải được cung cấp một bản mô tả về tiệc buffet từ nhân viên hộ tống họ đến bàn ăn.

Guests who do not have breakfast included in their room rate must be informed that an a la carte menu is available at extra cost by the colleague who escorts them to their table [50859] Những khách không bao gồm bữa sáng trong giá phòng của họ phải được nhân viên hộ tống đến bàn ăn thông báo rằng thực đơn gọi món a la carte có chi phí tính thêm.

Food & Beverage -> Dining -> Breakfast Buffet Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Ăn uống -> Bữa sáng tự chọn

A breakfast buffet must be provided. [92624] Phải cung cấp buffet bữa sáng.

Frontage must be millwork, stone, metal, glass or tile. [92625] Mặt tiền phải là đồ gỗ millwork, đá, kim loại, thủy tinh hoặc gạch

Sneeze guards are required on all food display units. [92626] Yêu cầu các tấm chắn hắt hơi cho tất cả khu trưng bày thực phẩm.

Built in tray storage, if trays are provided. [92627] Tủ đựng khay gắn sẵn, nếu cung cấp khay đựng.

Guest facing circulation space around the breakfast bar counter must be a minimum of 1.5m (5ft).

[92628] Không gian lưu thông đối diện khách xung quanh quầy bar ăn sáng phải tối thiểu 1,5m (5ft).

Portable units or skirted tables are not permitted. [92629] Không cho phép thiết bị xách tay hoặc bàn phủ khăn váy

Where display-cooking stations are provided as part of the buffet concept, proper extract ventilation is required. [92630] Nếu cung cấp các quầy nấu ăn trưng bày như một phần của ý tưởng buffet, yêu cầu thông hút gió.

The counter top level must be a minimum of 85cm (34in) above finished floor level. [92631] Mức cao nhất của quầy phải tối thiểu 85cm (34in) so với mức sàn hoàn thiện.

In hotels with over 150 guestrooms, an egg and pancake cooking station must also be provided as part of the overall buffet concept, unless local legislation prohibits this. [92632] Trong các khách sạn có hơn 150 phòng, phải cung cấp một trạm nấu trứng và bánh kếp cũng như một phần của ý tưởng buffet chung, trừ khi quy định địa phương cấm điều này

Where open storage is provided it must not be installed below 40cm (16in) above finished floor level. Trường hợp cung cấp tủ đựng mở, không được lắp đặt dưới 40cm (16in) trên mức sàn hoàn thiện.

[92633]

Guidelines Hướng Dẫn

• Allow flexibility of use and a design that enables it to be closed down and/or used for other purposes.

[92634] Cho phép sử dụng linh hoạt và thiết kế cho phép đóng và/hoặc sử dụng cho các mục đích khác

• The hot food sections should be located closest to access from the kitchen for shortest circulation.

[92636] phần thức ăn nóng nên được đặt gần lối vào nhất từ nhà bếp để đi lại ngắn nhất.

It is recommended that the lighting design reflects the layout of the buffet and provides an accent on the food presentation. [92637] Khuyến cáo rằng thiết kế ánh sáng phản ánh bố cục của tiệc buffet và tạo điểm nhấn cho khu bày biện món ăn

Salads must have a minimum of four and a maximum of eight ingredients and include: [59810] Salad phải có tối thiểu bốn và tối đa tám thành phần và bao gồm:

Minimum two types of leaves (e.g. cos, iceberg, rocket, baby spinach, lettuce) [59811] Tối thiểu hai loại lá (ví dụ: cos, xà lách búp, xà lách rocket, rau bina bé, rau xà lách)

Minimum two types of other vegetables (e.g: carrot, cucumber, corn, avocado, onion) [59812] Tối thiểu hai loại rau khác (ví dụ: cà rốt, dưa chuột, ngô, bơ, hành tây)

At a minimum, two types of salad dressings must be provided and include: [59823] Tối thiểu, phải cung cấp hai loại salad trộn và bao gồm:

One vinaigrette [59824] Một vinaigrette

One yoghurt based [59825] Một loại salad sữa chua

A process to deliver live cooking stations orders is required. [60827] Cần có một quy trình để cung cấp các đơn đặt hàng trạm nấu ăn trực tiếp.

Brand Central Path for artwork files\_Sample table numbering card for live stations Đường Trung Tâm Thương Hiệu cho các hồ sơ tác phẩm nghệ thuật\_Thẻ đánh số bàn mẫu cho cho các quầy trực tiếp.

**(Trang 152)**

Sample table numbering card for live stations Thẻ đánh số bàn mẫu cho cho các quầy trực tiếp.

• Order forms or cards with guest's table numbers placed on guest table, or cards issued at live stations are accepted.

Chấp nhận đơn đặt hàng mẫu hoặc thẻ với số bàn của khách được đặt trên bàn của khách hoặc thẻ được phát hành tại các trạm trực tiếp.

[881051]

A colleague must explain the process of the card usage to the guest [60829] Một nhân viên phải giải thích quá trình sử dụng thẻ cho khách

A minimum of three and a maximum of four types of fruit compotes or preserved fruits must be offered: [59980] Phải cung cấp tối thiểu ba và tối đa bốn loại mứt trái cây hoặc trái cây được bảo quản.

Must be presented in bowls or jars [59982] Phải đựng trong bát hoặc lọ.

Guidelines Hướng Dẫn

• The same type of fruit compote or preserved fruits is permitted in several sections of the buffet [581100] Cho phép cùng loại mứt hoa quả hoặc hoa quả bảo quản trong một số phần của buffet

At a minimum, two types of jams are required and include: [59985] Tối thiểu, yêu cầu hai loại mứt và bao gồm:

One marmalade [60195] Một mứt

One jam must not contain any added sugar [60196] Một lọ mứt không có thêm đường

Jam without any added sugar must be clearly labelled [65513] Lọ không có đường phải được dán nhãn

Jams are permitted to be in their individually commercial packaging (e.g. mini jam jars) on the buffet display [581108] Mứt được phép đóng gói thương mại cá nhân (ví dụ mứt mini/0 trên kệ buffet

At a minimum, three types of spreads are required and include: [67495] Tối thiểu, yêu cầu ba phết bánh và bao gồm:

Hazelnut chocolate spread (eg. Nutella) [70302] Loại sô cô la Hazelnut (ví dụ Nutella)

Peanut butter [70303] Bơ đậu phộng

Honey [581112] Mật ong

Honey must be in a dispenser or bowl or in individual commercially packaged serving [581118] Mật ong phải ở trong một hộp đựng hoặc bát hoặc đóng gói thương mại riêng lẻ

Spreads must be in individually portion controlled servings. [70304] loại phết bánh phải phục vụ điều khiển thành phần riêng lẻ.

A local or regional spread is recommended (e.g. kaya, vegemite) [581103] Khuyến nghị loại phết bánh hương vị khu vực hoặc địa phương (ví dụ kaya, vegemite)

Spreads are permitted to be in their individually commercial packaging (e.g. mini jars) on the buffet display [581111] Loại phết bánh được phép đóng gói thương mại cá nhân (ví dụ mứt minu) trên kệ buffet

At a minimum, the following condiments must be available: [60221] Tối thiểu, các gia vị sau đây phải có sẵn:

Tomato ketchup [60222] Tương cà

Mustard [60223] Mù tạt

Tabasco sauce [60224] Sốt tabasco

HP or A1 sauce [60225] Sốt HP hoặc A1

Worcestershire sauce [60226] Sốt Worcestershire

Chilli Sauce [60227] Tương ớt

Condiments are permitted to be displayed in their original commercially packaged bottles. [583049] Đồ gia vị được phép đựng trong các chai thương mại chính thức.

Where condiments are displayed in their original commercially packaged bottles, food tags are not required. [583050] Nếu đồ gia vị đựng trong chai đóng kiểu thương mại ban đầu, không yêu cầu thẻ thực phẩm.

**(Trang 153)**

Guidelines Hướng Dẫn

Additional sauces are permitted as per regional buffet offers. [60228] Cho phép các loại sốt bổ sung cho mỗi đề xuất buffet khu vực.

Where condiments are presented in containers, they should be at least half full. [71995]

Butter andmargarine must be offered. [60217] Nếu đồ gia vị đựng trong lọ, nên đựng đầy ít nhất một nửa lọ.

In individual commercially packaged servings [65652] Trong các suất ăn gói thương mại riêng lẻ

Salted butter must be available either set up on the buffet or on request [67295] Bơ mặn phải luôn có trên bàn setup quầy buffet hoặc theo yêu cầu

A live cooking egg station is required and must offer: [59795] Yêu cầu quầy trứng chế biến trực tiếp và phải cung cấp:

Fried eggs [59797] Trứng rán

Poached eggs [59798] Trứng chần

Scrambled eggs [59799] Trứng cuộn

Boiled eggs [59800] Trứng luộc

Boiled eggs must be served in an egg cup [59802] Trứng luộc phải được phục vụ trong một ly trứng

Omelette [59801] Trứng ốp lết

A minimum of six ingredients must be available for omelettes [581094] Tối thiểu sáu thành phần phải có sẵn cho món trứng tráng ốp lết

Egg white omelette must be available. [59803]

Egg menu must be displayed at the live cooking egg station [195048] Thực đơn trứng phải để tại quầy chế biến trứng trực tiếp.

Standard omelette uses three eggs or 150ml liquid egg. [195052] Trứng ốp lết tiêu chuẩn dùng ba quả trứng hoặc 150ml trứng lỏng.

It is recommended to use fresh eggs [195053] Đề xuất sử dụng trứng tươi

Refer to IHG Frontline Egg Recipes [196062] Tham chiếu Bí quyết trứng của IHG Frontline

IHG Frontline - Recipes for Egg Dishes IHG Frontline – Công Thức Cho Món Trứng

Only scrambled and hard boiled eggs are permitted to be served on the buffet. [98423] Cho phép phục vụ trứng luộc cứng và trứng cuộn trong buffet.

Must be replenished after a maximum of 30 minutes intervals [583057] Phải được bổ sung sau khoảng thời gian tối đa 30 phút

Dried fruit, nuts and seeds must be offered and include: [60320] Phải cung cấp trái cây sấy, hạt và hạt khô và bao gồm:

A minimum of two and a maximum of three types of nuts (e.g. walnuts, macadamia, pecans) [60323] Tối thiểu hai và tối đa ba loại hạt (ví dụ: quả óc chó, hạt macadamia, quả hồ đào)

A minimum of two and a maximum of three types of dried fruits (e.g. apricots, prunes, raisins) [60326] Tối thiểu hai và tối đa ba loại trái cây sấy khô (ví dụ: mơ, mận, nho khô)

A minimum of one and a maximum of two types of seeds (e.g. pumpkin seeds, sunflower seeds) [60329] Tối thiểu một và tối đa hai loại hạt (ví dụ: hạt bí ngô, hạt hướng dương)

At a minimum, three types of milk must be offered and include: [59936] Tối thiểu, phải cung cấp ba loại sữa và bao gồm:

Full cream milk [59946] Sữa nguyên kem

Skimmed milk or low fat milk [59947] Sữa tách béo hoặc sữa ít béo

Soya bean milk or lactose free milk [59950] Sữa đậu nành hoặc sữa không đường

Must be served in either a dispenser, carafes or glass jugs [59952] Phải được phục vụ trong một bình pha, bình đựng hoặc bình thủy tinh

All milk products must be chilled. [59953] Tất cả các sản phẩm sữa phải được làm lạnh

**(Trang 154)**

All milks must be clearly labelled for guest convenience. [59954] Tất cả các loại sữa phải được dán nhãn rõ ràng để thuận tiện cho khách

Hot milk must be available on request [59955] Sữa nóng phải có sẵn theo yêu cầu

Hot soya milk is permitted to be offered on the buffet or on request. [195054] Được phép phục vụ sữa đậu nành nóng trong bữa tiệc buffet hoặc theo yêu cầu

Chilled milk should be served at the correct temperature, ranged between 3°C to 8°C. [196057] Sữa ướp lạnh nên được phục vụ ở nhiệt độ chính xác, dao động trong khoảng từ 3 ° C đến 8 ° C.

The recommended dispensers are as per the attached presentation [581098] máy pha được đề xuất theo bản trình bày đính kèm

Holiday Inn Brand\_Recommended Beverage Dispensers Holiday Inn Brand\_Máy Pha Đồ Uống Được Đề Xuất

Ice water must be offered on the buffet and be served in the following: [60106] Nước đá phải được cung cấp trong tiệc buffet và được phục vụ như sau:

Must be served in dispensers or carafes or glass jugs [60108] Phải được phục vụ trong các máy pha chế hoặc bình đựng hoặc bình thủy tinh

Guidelines Hướng Dẫn

• The recommended dispensers are as per the attached presentation [581102] máy pha chế được đề xuất theo bản trình bày đính kèm

Holiday Inn Brand\_Recommended Beverage Dispensers (as of Nov 2016) Holiday Inn Brand\_Máy Pha Đồ Uống Được Đề Xuất (tính đến tháng 11/2016)

Pass around items are not permitted [60334] Không cho phép các vật phẩm pass around

One pass around item for kids during breakfast is permitted [583054] Cho phép một vật phẩm pass around cho trẻ em trong bữa sáng

Food & Beverage -> Dining -> Breakfast Buffet -> Cold Station Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Ăn uống -> Bữa sáng buffet -> Quầy đồ lạnh

One cold fish must be offered. [59884] Phải cung cấp một con cái lạnh.

Must be smoked or marinated [583059] Phải hun khói hoặc ướp

A minimum of two and a maximum of four types of cold cuts must be displayed. [60234] Phải bày tối thiểu hai và tối đa bốn loại thịt nguội với pho mát (cold cuts)

Guidelines Hướng Dẫn

• One ham, one turkey or chicken based are recommended [583073] Khuyến nghị có thịt giăm bông, gà tây hoặc gà

Meats, cold cuts and fish must be displayed chilled [60235] Thịt, thịt nguội và cá phải được bày biện ướp lạnh

A minimum of two and a maximum of six types of cheeses must be displayed and include: [60231] Tối thiểu hai và tối đa sáu loại phô mai phải được bày biện và bao gồm:

Minimum one [583069] Tối thiểu một pho mát vỏ trắng

Minimum one hard cheese [583070] Tối thiểu một pho mát cứng

A minimum of three and a maximum of four types of yoghurt must be offered and include: [59960] Phải cung cấp tối thiểu ba và tối đa bốn loại sữa chua và bao gồm:

Natural unsweetened yoghurt [59969] Sữa chua không đường tự nhiên

Minimum one fruit flavored [59970] Tối thiểu một loại hương vị trái cây

Low fat or diet [59971] Ít béo hoặc ăn kiêng

Glass jars are not permitted. [59973] Không cho phép lọ thủy tinh.

Yoghurts must be displayed chilled. [59974] Bày biện đông lạnh sữa chua.

**(Trang 155)**

Guidelines Hướng Dẫn

• Commercially packaged, portion controlled servings are permitted. [583062] Cho phép suất ăn kiểm soát thành phần, đóng gói thương mại.

Individual Commercially Packaged Yoghurt

Sữa Chua Đóng Gói Thương Mại

Food & Beverage -> Dining -> Breakfast Buffet -> Hot Food Station Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Ăn uống -> Bữa sáng buffet -> Quầy đồ ăn nóng

At a minimum, five hot side dishes must be displayed from the following: [583075] Tối thiểu, năm món ăn phụ nóng phải được cung cấp như sau:

Potato [583076] Khoai tây

Sausage [583077] Xúc xích

Bacon or pork-free bacon [583078] Thịt xông khói hoặc thịt xông khói không dùng thịt lợn

Mushroom [583079] Nấm

Tomatoes [583080] Cà chua

Baked beans [583081] Đậu nướng

Guidelines Hướng Dẫn

It is recommended for the above items to be on rotation [583082] cật phẩm trên được khuyến nghị luân chuyển

Variations of bacon should be considered as one dish [583083] Biến thể của thịt xông khói nên được coi là một món ăn

Variations of sausage should be considered as one dish [583084] Biến thể của xúc xích nên được coi là một món ăn

A minimum of six and a maximum of ten types of hot dishes must be displayed and include: [59848] Tối thiểu sáu và tối đa mười loại đồ nóng phải được bày biện và bao gồm:

Minimum two proteins (white and red meat) [59855] Tối thiểu hai protein (thịt trắng và đỏ)

Minimum one vegetarian dish [583085] Tối thiểu một món chay

Minimum one starch [583088] Tối thiểu một đồ tinh bột

Minimum one local or regional dish [59857] Tối thiểu một món ăn địa phương hoặc khu vực

Minimum one dish for each main nationality of the guests in the hotel [59858] Tối thiểu một món ăn cho mỗi quốc tịch chính của khách trong khách sạn

One roast item must be provided [61603] Phải có một món nướng

Guidelines Hướng Dẫn

Dishes consisting of several variations should be considered as one dish e.g. a variety of dim sum (har gow, siu mai), a range of sushi or chinese congee with its necessary condiments [67296] món ăn bao gồm một số biến thể nên được coi là một món ăn, ví dụ: nhiều loại dim sum (har gow, siu mai), các loại sushi hoặc cháo Trung Quốc với gia vị cần thiết của nó

Where pancakes and waffles are offered, they must be served hot in either a chaffing dish or under a heat lamp. [65660] Khi cung cấp bánh kếp và bánh quế, chúng phải được phục vụ nóng trong lò điện hoặc dưới đèn nhiệt.

Waffles and pancakes must be replaced with fresh product every 30 minutes. [95715] Bánh quế và bánh kếp phải được thay thế bằng sản phẩm tươi cứ sau 30 phút

Guidelines Hướng Dẫn

• Alternatively cooked to order from a live station or back of house is recommended [65661] Khuyến khích nấu thay thế để đặt hàng từ một quầy trực tiếp hoặc BOH

Where pancakes or waffles are offered, a minimum of two and a maximum of four condiments must include: [59872] Trường hợp cung cấp bánh kếp hoặc bánh quế, tối thiểu hai và tối đa bốn gia vị phải bao gồm:

Minimum one berry compote [59873] Tối thiểu mứt hoa quả

**(Trang 156)**

Maple Syrup [61607]

Food & Beverage -> Dining -> Breakfast Buffet -> Bakery Station Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Ăn uống -> Bữa sáng buffet -> Quầy Bánh

All pastries and bread rolls must be baked fresh daily [583099] Tất cả bánh ngọt và bánh mì bread roll phải được nướng tươi hàng ngày

Guidelines Hướng Dẫn

Outsourced bakeries are permitted [583100] Cho phép tiệm bánh mỳ bên ngoài

All breads and pastries are recommended to be baked maximum two hours before breakfast service starts [583101] Tất cả bánh mì và bánh ngọt được khuyến nghị nướng tối đa hai giờ trước khi bắt đầu dịch vụ bữa sáng

A minimum of two and a maximum of four types of muffins must be available and include: [59927] Phải có tối thiểu hai và tối đa bốn loại bánh nướng xốp và bao gồm:

At least one muffin must be low fat or low calorie [59930] Ít nhất một muffin phải ít chất béo hoặc ít calo

Low fat and healthy options must be labelled. [59931] lựa chọn ít chất béo và tốt cho sức khỏe phải được dán nhãn

A minimum of one and a maximum of three types of croissants must be displayed and include: [59920] Cung cấp tối thiểu một và tối đa ba loại bánh sừng bò phải và bao gồm:

One plain [59922] Một plain

A minimum of two and a maximum of four types of Danish pastries must be displayed. [59924] Cung cấp tối thiểu hai và tối đa bốn loại bánh ngọt Đan Mạch.

A minimum of three and a maximum of four types of breads must be displayed and include: [59792] Phải cung cấp tối thiểu ba và tối đa bốn loại bánh mì và bao gồm:

White and whole meal sliced bread [59911] Bánh mì lát trắng và nguyên hạt

Rye bread [583092] Bánh mỳ đen

Multi grain bread [583093] Bánh mì nhiều lớp

Gluten free bread must be available on request. [65500] Bánh mì không gluten phải có sẵn theo yêu cầu

Guidelines Hướng Dẫn

• Additional bread loaves may include: baguette, raisin, rustic white, country grain, potato bread [583096] ổ bánh mì bổ sung có thể bao gồm: baguette, nho khô, trắng mộc mạc, ngũ cốc, bánh mì khoai tây

At a minimum, two types of bread rolls must be displayed. [59917] Tối thiểu, cung cấp hai loại bánh mì bread roll

Toasters are required: [65656] Yêu cầu lò nướng bánh:

For hotels with fewer than 200 rooms, a 4-slot toaster is required at minimum. [65657] Đối với các khách sạn có ít hơn 200 phòng, tối thiểu phải có máy nướng bánh 4 khe.

Guidelines Hướng Dẫn

• For hotels with more than 200 rooms, a rotatory toaster is recommended [583102] Đối với các khách sạn có hơn 200 phòng, nên sử dụng máy nướng bánh mì xoay

Food & Beverage -> Dining -> Breakfast Buffet -> Juice Station Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Ăn uống -> Bữa sáng buffet -> Quầy nước ép

At a minimum, three types of chilled or pasteurised juices must be available and include: [59893] Tối thiểu, ba loại nước ép ướp lạnh hoặc thanh trùng phải có sẵn và bao gồm:

Orange juice is required. [60095] Yêu cầu có nước cam.

All juices must be 100% pure, and not a blend of juices. [59894] Tất cả các loại nước ép phải nguyên chất 100% và không phải là hỗn hợp nước ép

Must be displayed in either a dispenser or glass jug. [60096] Phải được đựng trong một bình hoặc ly thủy tinh.

Freshly squeezed or pressed juices are permitted. [583104] Cho phép nước ép tươi hoặc vắt

**(Trang 157)**

Guidelines Hướng Dẫn

Dispenser is recommended. [422053] Khuyến nghị máy pha

A Signature juice that includes a minimum of one vegetable on a rotational basis is recommended Khuyến nghị nước ép đặc trưng bao gồm tối thiểu một loại rau luân phiên

[583105]

At a minimum, three types of whole fruits must be available and include: [59780] Tối thiểu, luôn có ba loại trái cây và bao gồm:

Bananas [59785] Chuối

One citrus [581067] Một quả cam

All stickers must be removed [59786] Phải gỡ bỏ tất cả nhãn dán

Guidelines Hướng Dẫn

• Locally sourced fruits are recommended [581069] Khuyến nghị các hoa quả có nguồn gốc địa phương

At a minimum, four types of fresh cut fruit are required and include: [59760] Tối thiểu, yêu cầu bốn loại trái cây tươi và bao gồm:

One melon [59768] Một quả dưa

One citrus [59769] Một quả cam

Minimum one tropical or local or regional fruit [59770] Tối thiểu một trái cây nhiệt đới hoặc địa phương hoặc khu vực

One fresh fruit salad must be displayed with no added sugar [59773] Một món salad trái cây tươi phải được bày biện và không thêm đường

A juice station is required at the all day dining breakfast. [606053] Yêu cầu một quầy nước trái cây vào bữa sáng all day dining

Self-serve commercial juicer is permitted [606054] Cho phép máy ép trái cây thương mại tự phục vụ

A live juice station is permitted [606055] Cho phép quầy nước ép pha trực tiếp

Juice dispensers must be refilled using jugs or pitchers [606056] Máy ép nước trái cây phải được đổ đầy lại bằng bình hoặc bình đựng

Food & Beverage -> Dining -> Breakfast Buffet -> Coffee Station Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Ăn uống -> Bữa sáng buffet -> Quầy cà phê

A minimum of four and a maximum of eight types of teas must be available. [60300] Phải có tối thiểu bốn và tối đa tám loại trà

A minimum of tea from a self serviced automated machine and a maximum of brewed batched tea served to the table in a jug. [65668] Tối thiểu trà từ một máy tự động tự phục vụ và tối đa trà pha được phục vụ trên bàn trong một cái bình.

Guidelines Hướng Dẫn

• Dilmah Tea is reccommended [60301] Khuyên dùng trà Dilmah

Self-service coffee/tea must be on the buffet. [60318] Cà phê/trà tự phục vụ phải có trong tiệc buffet.

Extra charge for specialty coffees or hot chocolate is not permitted. [60319] Không tính phí thêm cho cà phê đặc biệt hoặc sô cô la nóng

Self-service coffee/tea machine is required. [65672] Bắt buộc có máy pha cà phê/trà tự phục vụ

Mug must be available. [151061] Phải luôn có cốc đầy.

Tea spoon must be available. [151062] Phải luôn có thìa uống trà.

The following hot beverages must be provided: [582055] Phải cung cấp các đồ uống nóng như sau:

Black coffee [582058] Cà phê đen

Espresso [582061]

**(Trang 158)**

Cappuccino [582056]

Café latte [582057]

Decaffeinated coffee option must be available [582059] Luôn có cà phê decaf

Hot chocolate [582060] Ca cao nóng

Food & Beverage -> Dining -> Breakfast Buffet -> Cereal Station

Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Ăn uống -> Bữa sáng buffet -> Quầy ngũ cốc

A minimum of three and a maximum of six types of cereals must be displayed and include: [59736] Phải bày biện tối thiểu ba và tối đa sáu loại ngũ cốc và bao gồm:

One all bran cereal [59753] Ngũ cốc all bran

Minimum one dry muesli or granola [59754] Tối thiểu một muesli hoặc granola khô

Minimum one children's cereal [65508] Tối thiểu một loại ngũ cốc cho trẻ em

Minimum one cereal must be low sugar or sugar-free [59752] Tối thiểu một loại ngũ cốc phải ít đường hoặc không đường

In addition, oatmeal porridge must be available on request. [59757] Ngoài ra, luôn có cháo bột yến mạch theo yêu cầu.

Guidelines Hướng Dẫn

• Cereal dispensers are recommended. [59758] Khuyến nghị máy pha chế ngũ cốc

Bircher muesli is required [582063] Yêu cầu bircher muesli

Must be displayed chilled [582065] Phải bày biện ướp lạnh

Food & Beverage -> Dining -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment

Thực phẩm & Đồ uống (F&B) -> Ăn uống -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

Dining tables must be provided and meet the following: [39994] Phải cung cấp các bàn ăn và đáp ứng như sau:

Mix of two-top and four-top tables. [39998] Hỗn hợp các bàn 2 đỉnh và 4 đỉnh

Four seater table size 0.90m x 0.90m (3ft x 3ft). [117047] Bàn bốn chỗ kích thước 0,90m x 0,90m (3ft x 3ft).

Two seater table size 0.90m x 0.70m (3ft x 2.3ft). [117048] Kích thước bàn hai chỗ ngồi 0,90m x 0,70m (3ft x 2,3ft).

Dining chairs must be provided. [39982] Phải cung cấp ghế ăn.

Arm chairs are not permitted. [117044] Không cho phép ghế bành.

Stack chairs are not permitted. [39990] Không cho phép các ghế chồng

High chairs must be available and be clean and well maintained. [498] Luôn có các ghế cao, sạch sẽ và bảo trì tốt.

Must be sanitised after use. [499] Phải được vệ sinh sau khi dùng.

Guidelines Hướng Dẫn

• Booster seat is recommended for Kids aged 3-6 years. [300068] Nên dùng ghế nâng cho trẻ từ 3-6 tuổi.

Crockery and glassware must be in good condition, free of chips, clean and spot-free. [60394] Đồ sành sứ và thủy tinh phải ở trong tình trạng tốt, không có chip, sạch sẽ và không có vết bẩn.

Food & Beverage -> Dining -> Fixtures and Fittings

Thực phẩm và đồ uống (F&B)-> Ăn uống -> Đồ đạc và thiết bị

Lighting must be provided and meet the following: [124061] Phải cung cấp chiếu sáng và đáp ứng như sau:

**(Trang 159)**

Lighting control functions, where installed in a front of house location, must be screened from guest view. [124065] chức năng điều khiển ánh sáng, được lắp đặt ở vị trí FOH, phải che chắn khỏi tầm nhìn của khách.

Warm tone [124068] Tông màu ấm

Spot or specialty lighting to highlight artwork or other details of special interest. [124070] Chiếu sáng tiêu điểm hoặc đặc biệt để làm nổi bật tác phẩm nghệ thuật hoặc các chi tiết khác được quan tâm đặc biệt.

Dimmable and with scene settings. [124072] Đèn điều chỉnh độ sáng và với điều chỉnh cảnh.

Lighting control not accessible to guests. [124066] Kiểm soát ánh sáng không cho khách truy cập

Food & Beverage -> Speciality Restaurants Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Nhà hàng chuyên doanh

Where speciality restaurants are provided they must meet the following: [102721] Nếu có các nhà hàng chuyên doanh, chúng phải đáp ứng như sau:

Concept must be IHG approved. [117038] Ý tưởng phải được IHG phê duyệt.

Separate kitchen. [117039] Tách biệt bếp.

Separate staff facilities when operated independently by third parties. [117040] Tách biệt các cơ sở nhân viên khi được các bên thứ ba vận hành độc lập.

Guidelines Hướng Dẫn

A separate external entrance is recommended. [117041] Đề xuất một lối vào bên ngoài riêng biệt.

The interior design should give the restaurant its own identity and atmosphere, therefore it is recommended that the design is clearly distinct from the interior design of the public areas of the hotel. Thiết kế nội thất nên mang lại cho nhà hàng bản sắc và không khí riêng, do đó, thiết kế nên khác biệt rõ ràng với thiết kế nội thất của các khu vực công cộng của khách sạn

[117042]

Where a restaurant is operated independently from the hotel, security risks associated with third party operations must be taken into consideration when designing the delivery, preparation, storage and kitchen areas, and the staff facilities. [92173] Khi một nhà hàng được vận hành độc lập với khách sạn, các rủi ro an ninh liên quan đến hoạt động của bên thứ ba phải được xem xét khi thiết kế khu vực giao hàng, chuẩn bị, lưu trữ và nhà bếp, và các cơ sở nhân viên.

Food & Beverage -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

Reception or maitre d' stations must meet the following: [92149] quầy tiếp nhận hoặc maitre d' phải đáp ứng như sau:

Telephone with guest name display. [92151] Điện thoại với hiển thị tên khách.

Located at the entrance to the bar or restaurant. [92152] Nằm ở lối vào quán bar hoặc nhà hàng.

Guidelines Hướng Dẫn

• Provision of a coat storage in proximity is recommended. [92153] Nên cung cấp một kho đựng áo khoác liền kề.

The following types of waiter stations must be provided and meet the following: [92154] Phải cung cấp các loại quầy nhân viên phục vụ sau đây và đáp ứng như sau:

Located within or in close proximity to the restaurant they are serving. [92155] Nằm trong hoặc gần với nhà hàng họ đang phục vụ.

One utility/service station per 50 covers. [116173] Một quầy tiện ích/dịch vụ trên 50 áo.

Clearing stations. [116174] quầy điều động.

Guidelines Hướng Dẫn

• Recommended to be placed in concealed locations out of guest view. [92156] Đề nghị được đặt ở các vị trí khuất khỏi tầm nhìn của khách.

Utility/Service stations must provide storage for the following: [116178] quầy tiện ích/dịch vụ phải cung cấp lưu trữ cho các mục sau:

Cutlery. [116179] Dao dĩa.

Crockery. [116180] Đồ sành sứ.

**(Trang 160)**

Napkins. [116181] Khăn ăn.

Menus. [116182] Thực đơn.

Point of sale stations must meet the following: [92157] quầy POS phải đáp ứng như sau:

Cashiering terminals. [116183] Thiết bị đầu cuối Cashiering

Inputting terminals. [116184] Thiết bị đầu vào.

Located within or in close proximity to the restaurant they are serving. [92158] Nằm trong hoặc gần nhà hàng họ đang phục vụ

Guidelines Hướng Dẫn

• Recommended to be placed in concealed locations out of guest view. [92159] Đề nghị được đặt ở các vị trí khuất khỏi tầm nhìn của khách.

Cashiering terminals must meet the following: [116185] Thiết bị đầu cuối Cashiering phải đáp ứng như sau:

Cash drawer. [116186] Ngăn kéo đựng tiền

Credit card machine(s). [116187] (Các) máy rút tiền

Guest cheque printer. [116188] Máy in hóa đơn cho khách

Kitchen or bar printer. [116189] Máy in bar hoặc nhà bếp.

Telephone. [116190] Điện thoại.

Work surface: 90cm wide x 60cm deep (35in x 24in). [116191] Bề mặt làm việc: rộng 90cm x sâu 60cm (35in x 24in).

Power and data. [116192] Nguồn điện và dữ liệu.

One Point of Sales System (POS) terminal per 50 covers [116193] Một máy hệ thống POS cho 50 covers

Inputting terminals must meet the following: [116194] thiết bị đầu vào phải đáp ứng như sau:

Guest cheque printer. [116196] Máy in hóa đơn cho khách

Kitchen or bar printer. [116197] Máy in bar hoặc nhà bếp.

Work surface: 60cm wide x 60cm deep (24in x 24in). [116198] Bề mặt làm việc: rộng 60cm x sâu 60cm (24in x 24in).

Power and data. [116199] Nguồn điện và dữ liệu.

One Point of Sales System (POS) terminal per 50 covers [116195] Một máy hệ thống POS cho 50 covers

Telephones are required: [92610] Yêu cầu điện thoại:

Minimum of one cordless phone at reception/maitre d’ station or one of the Point of Sales System (POS) stations [92611] Tối thiểu một điện thoại không dây tại quầy lễ tân/maitre d’ hoặc một trong các quầy của Hệ thống POS

One wireless telephone for customer use for inbound or outbound calls [92612] Một điện thoại không dây cho khách hàng gọi trong hoặc ngoài nước

Guest name display. [92613] Hiển thị tên khách.

Must be dual line. [116200] Phải là đường dây đôi.

Where coat storage is provided it must meet the following: [92160] Trường hợp cung cấp kho lưu trữ áo, phải đáp ứng như sau:

• At entrance adjacent to reception/maitre d' station [92161] Ở lối vào liền kề với quầy lễ tân/maitre d '

Out of guest view in alcove or separate room. [92162] Ngoài tầm nhìn của khách trong góc hoặc phòng riêng

Power outlets must be provided for guest use throughout the dining area. [116201] Phải cung cấp các ổ cắm điện cho khách sử dụng trên toàn khu vực ăn uống.

Either wall mounted or integrated in base of banquette seating. [116202] Gắn tường hoặc gắn trong đế của ghế dài.

At a ratio of 10 to 15% of the seat count. [116203] Với tỷ lệ 10 đến 15% số ghế

**(Trang 161)**

Must be twin sockets. [116204] Phải là ổ cắm đôi

Evenly distributed. [116205] Phân bố đều.

International sockets and USB ports are recommended. [116206] Khuyến nghị ổ cắm quốc tế và cổng USB.

Twin sockets with cover is recommended. [266065] Khuyến nghị các ổ điện đôi có vỏ bọc.

Power outlets for maintenance must be provided. [116207] Phải cung cấp các ổ điện để bảo trì.

With cover. [116208] Có vỏ bọc.

Maximum spacing of 15m (50ft). [116209] Khoảng cách tối đa 15m (50ft).

A background music system must be provided. [92621] Phải cung cấp một hệ thống nhạc nền.

The flooring around buffets and food stations must be tile or stone. [40141] Sàn xung quanh khu vực buffet và quầy thực phẩm phải là gạch hoặc đá

Hard wearing [133062] Bền

Slip resistant [133063] Chống trơn

Non porous [133064] Không xốp

Chemical resistant [133065] Chống thuốc hóa học

Food & Beverage -> Fixtures and Fittings Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Đồ đạc và phụ kiện

Hours of operation must be displayed at the entrance to Food & Beverage outlets. [2482] Hiển thi thời gian hoạt động tại lối vào các quầy F&B.

Where local culture dictates, a facility to screen Food & Beverage outlets from public view must be available. [38503] Nếu theo văn hóa địa phương, phải có một cơ sở che chắn các cửa hàng F&B khỏi tầm nhìn công cộng.

Artwork must be provided in all Food and Beverage outlets. [102720] Phải cung cấp tác phẩm nghệ thuật trong tất cả các quầy hàng F&B.

Illuminated with designated accent lighting. [124057] Chiếu sáng với đèn tiêu điểm chỉ định.

Securely fixed. [124058] Cố định an toàn.

Food & Beverage -> In Room Dining/Room Service Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Ăn uống trong phòng/Dịch vụ phòng

Room Service must be available 24 hours a day, seven days a week. [60713] Luôn cung cấp dịch vụ phòng 24 giờ một ngày, bảy ngày một tuần.

Room service trays must be removed from all corridors by 23:00. [2525] khay dịch vụ phòng phải được gỡ bỏ khỏi tất cả các hành lang trước 23:00

Food & Beverage -> In Room Dining/Room Service -> Service Expectations

Thực phẩm và đồ uống (F&B)-> Ăn uống trong phòng/Dịch vụ phòng -> Mong đợi dịch vụ

In Room dining/Room Service meal servings must meet the following: [60678] Phục vụ ăn uống trong phòng/ dịch vụ phòng phải đáp ứng như sau:

After presenting the food, covers are permitted to be left covering the food upon guest request [60679] Sau khi bày biện thực phẩm, cho phép lớp phủ để lại che đậy thực phẩm theo yêu cầu của khách

All beverages served by the bottle must be opened in front of the guest [60682] Tất cả đồ uống được phục vụ bằng chai phải được mở trước mặt khách

Plate covers must be made of fibreglass or metal. [60683] Dụng cụ đậy phải được làm bằng sợi thủy tinh hoặc kim loại

**(Trang 162)**

Where beverages are served by glass, they must not have brand logos on the disposable lid [60681] Trường hợp đồ uống được phục vụ bằng cốc, chúng không được có logo thương hiệu trên nắp dùng một lần

Plastic wrap or aluminium foil is not permitted. [60680] Không cho phép bọc nhựa hoặc lá nhôm.

Guidelines Hướng Dẫn

• Sample cloche or food covers [582067] Mẫu cloche hoặc bọc thực phẩm

Sample Cloche or Food Cover for Holiday Inn brand Mẫu cloche hoặc bọc thực phẩm cho thương hiệu Holiday Inn

• Take-out packaging is permitted [64999] Cho phép bao bì mang đi

When presenting the room service tray to the guest, colleagues must confirm the food and beverage items and ensure the guest has everything they need before departing. [2907] Khi bày khay dịch vụ phòng cho khách, nhân viên phải xác nhận các mặt hàng F&B và đảm bảo khách có mọi thứ họ cần trước khi khởi hành

The guest must be informed of the tray collection procedure. [42162] Khách phải được thông báo về quy trình thu gom khay

Room service must be delivered within the following time frames: [60807] Dịch vụ phòng phải được giao trong các khung giờ sau:

Items ordered from the room service menu must be delivered within 30 minutes of ordering [60808] mặt hàng được đặt từ thực đơn dịch vụ phòng phải được giao trong vòng 30 phút kể từ khi đặt hàng

At the end of the room service order, the order must be repeated to the guest including the guest’s name, and an estimated delivery time. [60809] Khi kết thúc đơn đặt hàng dịch vụ phòng, đơn hàng phải được lặp lại cho khách bao gồm tên khách, và thời gian giao hàng ước tính.

Items that typically take longer than 20 minutes must be noted on the menu and guests must be informed at the time of ordering. [60810] món thường mất hơn 20 phút phải được ghi chú trong thực đơn và khách phải được thông báo tại thời điểm đặt hàng.

If there is a further delay, guests must be advised of the delay at least five minutes before the advised delivery time. [60811] Nếu có sự chậm trễ hơn nữa, khách phải được thông báo về sự chậm trễ ít nhất năm phút trước thời gian giao hàng được thông báo.

Guidelines Hướng Dẫn

Guests should be notified if there is to be any delay for any reason over and above the time stipulated at the time of ordering. [60812] Khách cần được thông báo nếu có bất kỳ sự chậm trễ nào vì bất kỳ lý do nào vượt quá thời gian quy định tại thời điểm đặt hàng

Corridors must be cleared of guest trays and trolleys every two hours and/or as requested by the guest. [60825] Hành lang phải được dọn sạch các khay và xe đẩy của khách hai giờ một lần và/hoặc theo yêu cầu của khách.

Food & Beverage -> In Room Dining/Room Service -> Doorknob Menu Thực phẩm & Đồ uống (F&B) -> Ăn uống trong phòng/Dịch vụ phòng -> Thực đơn Doorknob

Where doorknob menu is provided, the following must be offered at a minimum: [584048] Trường hợp cung cấp thực đơn doorknob, tối thiểu phải cung cấp các mục sau:

Continental and American breakfast sets [584051] Bữa sáng kiểu Âu và Mỹ

One local or regional breakfast set [584052] Một bữa ăn sáng địa phương hoặc khu vực

Bread basket with jam, honey and butter [584060] Giỏ bánh mì với mứt, mật ong và bơ

Eggs preparations, any style [584053] Chuẩn bị trứng, bất kì kiểu nào

One type of muesli [584054] Một loại muesli

Two types of cereals [584057] Hai loại ngũ cốc

Two types of yoghurt [584058] Hai loại sữa chua

Three types of milk [584059] Ba loại sữa

Two types of cold cuts [584061] Hai loại thịt nguội với pho mát (cold cuts)

One type of cheese [584063] Một loại phô mai

**(Trang 163)**

Waffles or pancakes [584064] Bánh quế hoặc bánh kếp

Fruit salad with no added sugar [584055] Salad trái cây không thêm đường

Fresh whole fruits or cut fruits [584056] Trái cây tươi hoặc trái cây cắt

A selection of Tea & Coffee [584049] Một loại Trà & Cà phê

Three types of juices [584050] Ba loại nước ép

Items on offer must be from breakfast items in the room service/in-room dining menu or all day dining menu [584065] món ăn được cung cấp phải từ các món ăn sáng trong dịch vụ phòng/thực đơn ăn uống trong phòng hoặc thực đơn all day dining

Food & Beverage -> In Room Dining/Room Service -> Room Service Menu Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Ăn uống trong phòng/ Dịch vụ phòng -> Thực đơn Dịch vụ phòng

Room service menu must offer: [585053] Thực đơn dịch vụ phòng phải cung cấp:

Minimum four cereals (e.g. plain oatmeal porridge) [585055] Tối thiểu bốn loại ngũ cốc (ví dụ: cháo bột yến mạch nguyên chất)

Minimum three types of sliced fruits [585056] Tối thiểu ba loại trái cây thái lát

Minimum two types of toast (e.g. white, brown, multi grain, whole wheat) [585057] Tối thiểu hai loại bánh mì nướng (ví dụ: trắng, nâu, multi grain, lúa mì nguyên hạt)

Minimum three types of loaf bread; of which one must be baguette [585058] Tối thiểu ba loại bánh mì ổ; trong đó phải có baguette

A minimum of three and a maximum of five sweet bakery products [585060] Tối thiểu ba và tối đa năm sản phẩm bánh ngọt

A minimum of three and a maximum of five types of breakfast set menus must be offered and include: [51703] Tối thiểu ba và tối đa năm loại thực đơn bữa sáng phải được cung cấp và bao gồm:

One Continental [51704] Một kiểu Âu

One American [51905] Một kiểu Mỹ

Minimum one local or regional [51906] Tối thiểu một kiểu địa phương hoặc khu vực

At a minimum, two types of local or regional breakfast dishes must be offered. [51250] Tối thiểu, phải cung cấp hai loại món ăn sáng địa phương hoặc khu vực

At a minimum, one breakfast dishes must be offered for the main nationalities of the hotel's guests. [51255] Tối thiểu, phải cung cấp một món ăn sáng cho các quốc tịch chính của khách trong khách sạn.

A minimum of one and a maximum of three types of fruit compotes must be available. [52148]

Phải có tối thiểu một và tối đa ba loại mứt trái cây

At a minimum, of one type of jam and one honey must be available and include: [52154] Tối thiểu, phải luôn có một loại mứt và một loại mật ong

One marmalade. [52156] Một mứt cam.

One honey. [52158] Một mật ong.

Commercially packaged into individual portions [53341] Đóng gói thương mại thành các phần riêng biệt

Guidelines Hướng Dẫn

• Local and reputable products are recommended [67540] Đề xuất các sản phẩm địa phương và uy tín

The following types of egg preparations must be offered: [53315] Phải cung cấp các loại trứng sau đây:

Fried [60509] Chiên

Poached [60510] Chần

Scrambled [60511] Trứng bác

**(Trang 164)**

Boiled [60512] Luộc

Omelettes must be offered and include: [53316] Phải cung cấp trứng ốp lét và bao gồm:

All white [60513] Hoàn toàn trắng

Regular [60514] Bình thường

A minimum of six fillings must be available. [60515] Phải có tối thiểu sáu lần đổ đầy

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to IHG Frontline Egg Recipes [587073] Tham chiếu Công Thức Nấu Trứng của IHG Frontline

IHG Frontline - Recipe for Egg Dishes IHG Frontline – Công Thức cho Món Trứng

The following types of hot side dishes must be offered and include: [53319] Phải cung cấp thêm các món ăn nóng sau đây và bao gồm

Hash brown or potato dish [60523] Khoai tây hash brown hoặc khoai tây

Sausage [60524] Xúc xích

Bacon [60525] Thịt xông khói

Mushroom [60526] Nấm

Tomatoes [60527] Cà chua

Baked beans [60528] Đậu nướng

At a minimum, two types of sweet hot dishes must be offered and include: [53322] Tối thiểu, phải cung cấp hai loại đồ nóng ngọt và bao gồm:

Pancakes [60538] Bánh xèo

Waffles [60539] Bánh quế

Guidelines Hướng Dẫn

• One local or regional sweet hot dish is recommended [587075] Khuyến nghị một món ăn nóng ngọt địa phương hoặc khu vực

A minimum of two and maximum of four soups must be available from the following: [52294] Tối thiểu phải có hai và tối đa bốn súp từ sau:

Guidelines Hướng Dẫn

• One local or regional soup is recommended [587061] Khuyến nghị một loại súp địa phương hoặc khu vực

A minimum of three and a maximum of five types of salads must be available and include: [52305] Phải có tối thiểu ba và tối đa năm loại salad và bao gồm:

Minimum one vegetarian salad [52310] Tối thiểu một món salad chay

Minimum one garden salad [52311] Tối thiểu một món garden salad

One Caesar salad [52312] Một Caesar salad

Minimum one local or regional salad [53336] Tối thiểu một món salad địa phương hoặc khu vực

A minimum of two and a maximum of four types of cold cuts must be available: [53312] Phải có tối thiểu hai và tối đa bốn loại thịt nguội với pho mát:

Minimum one item must be pork free. [97815] Tối thiểu một mặt hàng không phải là thịt lợn.

Guidelines Hướng Dẫn

• One ham, one turkey or chicken based are recommended [587072] Khuyến nghị giăm bông, gà tây hoặc gà

A minimum of two and a maximum of six types of cheeses must be available and include: Tối thiểu phải có hai và tối đa sáu loại phô mai và bao gồm:

**(Trang 165)**

Minimum one white rind cheese [587068] Tối thiểu một pho mát vỏ trắng

Minimum one hard cheese [587069] Tối thiểu một pho mát cứng

At a minimum, three types of appetisers must be available and include: [52278] Tối thiểu, phải có ba loại đồ khai vị và bao gồm:

One vegetarian [52279] Một chay.

One protein [52281] Một protein

One local or regional [52282] Một món địa phương hoặc khu vực

At a minimum, two types of light bites must be available and include: [587057] Tối thiểu, phải có hai loại đồ nhẹ và bao gồm:

One wrap [587058] Một gói

One local or regional item [587059] Một vật phẩm địa phương hoặc khu vực

At a minimum, two burgers or sandwiches must be available and include: [52267] Tối thiểu, phải có hai burgers hoặc bánh sandwich và bao gồm:

One club sandwich [52272] Một club sandwich

One burger [52273] Một burger

A minimum of eight and a maximum of fifteen types of main courses must be offered and include:

[53340] Phải cung cấp tối thiểu tám và tối đa mười lăm loại khóa học chính và bao gồm:

Minimum one type of pasta dish [60618] Tối thiểu một món mì pasta

Minimum two types of vegetarian dishes [60619] Tối thiểu hai loại món chay

Minimum three types of protein dishes (e.g. red meat or white meat or fish) [60620] Tối thiểu ba loại món ăn protein (ví dụ: thịt đỏ hoặc thịt trắng hoặc cá)

Minimum two local or regional dish [60624] Tối thiểu hai món ăn địa phương hoặc khu vực

Guidelines Hướng Dẫn

• Recommended to count pasta dishes by sauce type. [711050] Đề nghị tính các món pasta theo loại nước sốt

At a minimum, five types of side accompaniments must be available and include: [52259] Tối thiểu, phải có năm loại ăn kèm và bao gồm:

One French fries [52262] Một khoai tây chiên

One type of salad [52263] Một loại salad

Two types of vegetables [52261] Hai loại rau

Steamed rice [52260] Cơm

At a minimum, six types of condiments must be available upon request from the following: [53335] Tối thiểu, phải có sáu loại gia vị theo yêu cầu từ như sau:

HP or A1 sauce [587092] Sốt HP hoặc A1

Tomato ketchup [60594] Sốt cà chua

Mustard [60595] Mù tạt

Mayonnaise [60596] Sốt mayonnaise

Tabasco sauce [60597] Sốt tabasco

Maple syrup [60600]

At a minimum, five types of desserts must be available and include: [52232] Tối thiểu, phải có năm loại món tráng miệng và bao gồm:

One fresh cut fruit platter [52233] Một đĩa trái cây tươi cắt

**(Trang 166)**

Three ice-cream flavours [52234] Ba vị kem

One baked dessert [52235] Một món nướng tráng miệng

One chocolate based dessert. [52239] Một món tráng miệng sô cô la

One local or regional dessert [52238] Một món tráng miệng địa phương hoặc khu vực

The following types of hot beverages must be offered and include: [53334] Phải cung cấp các loại đồ uống nóng sau đây và bao gồm:

Cappuccino [60589]

Café latte [60590]

Black coffee with a minimum serving of two cups [60591] Cà phê đen với tối thiểu phục vụ hai ly

Hot chocolate [60592] Ca cao nóng

At a minimum, three tea options must be available and include: [53333] Tối thiểu, phải có ba loại trà để lựa chọn và bao gồm:

Black, e.g English Breakfast [60583] Đen, ví dụ bữa sáng kiểu Anh

Green [60585] Xanh

Herbal, e.g Chamomile [60587] Thảo dược, ví dụ hoa cúc Chamomile

Earl Grey, peppermint, fruit [67548] Trà Bá Tước, bạc hà, trái cây

Local option is recommended. [67551] Khuyến nghị loại địa phương

Dilmah Tea is recommended [67799] Khuyến nghị trà Dilmah

When tea and/or coffee is ordered, the following must be offered at a minimum: [51345] Khi đặt hàng trà và/hoặc cà phê, phải cung cấp tối thiểu như sau:

White sugar [102512] Đường trắng

Raw or brown sugar [102514] Đường thô hoặc nâu

Sweetener [102516] Chất làm ngọt

At a minimum, the following dairy products must be provided and include: [52139] Tối thiểu, phải cung cấp các sản phẩm sữa sau đây và bao gồm:

Full cream milk [52140] Sữa nguyên kem

Low fat milk or skimmed milk [52141] Sữa ít béo hoặc sữa tách kem

Soya milk or lactose-free milk [52142] Sữa đậu nành hoặc sữa không đường

Low fat yoghurt [52143] Sữa chua giảm béo

Natural unsweetened yoghurt [52144] Sữa chua không đường tự nhiên

Fruit yoghurt [52145] Sữa chua hoa quả

At a minimum, the following types of non-alcoholic beverages must be provided and include: [52223] Tối thiểu, phải cung cấp các loại đồ uống không cồn sau đây và bao gồm:

Regular Coca Cola or Pepsi Cola bottle or can [52224] Chai hoặc lon Coca Cola hoặc Pepsi Cola bình thường

Low sugar or no sugar Coca Cola or Pepsi Cola in bottle or can [52225] Chai hoặc lon Coca Cola hoặc Pepsi Cola không đường hoặc ít đường

Additional flavours of carbonated soft drinks (e.g. ginger ale, orangina) [52226] Hương vị bổ sung của nước ngọt có ga (ví dụ: rượu gừng, cam)

Soda water [52227] Nước soda

Tonic water [52228] Nước tonic

Juice options [52229] nước ép lựa chọn

**(Trang 167)**

Guidelines Hướng Dẫn

• Drinks that contain taurine are considered energy drinks, not soft drinks. [714056] Đồ uống có chứa taurine được coi là nước tăng lực, không phải nước ngọt.

At a minimum, four types of juices must be available and include: [53329] Tối thiểu, phải luôn có bốn loại nước ép và bao gồm:

Apple [60555] Táo

Orange [60556] Cam

Vegetable [60557] Rau

Two types must be freshly pressed [67547] Hai loại phải được ép tươi

The following juices are recommended to be available; pineapple, tomato and cranberry [587080] Đề nghị luôn có các loại nước ép sau; nước dứa, cà chua và việt quất

One local or regional fruit is recommended [587083] Khuyến nghị một loại trái cây địa phương hoặc khu vực.

At a minimum, two types of ice blended drinks must be available and include: [53331] Tối thiểu, luôn phải có hai loại đồ uống pha đá và bao gồm:

Coffee or Tea [60568] Cà phê hoặc trà

Blended chocolate milk. [60566] Sữa ca cao.

One local or regional drink is recommended [587086] Khuyến nghị một đồ uống địa phương hoặc khu vực

Fruit smoothies are recommended [587084] Khuyến nghị sinh tố hoa quả

Milkshakes are recommended [587088] Khuyến nghị có milkshake

A minimum of four and a maximum of six types of beers must be available and include: [51833] Phải có tối thiểu bốn và tối đa sáu loại bia và bao gồm:

Minimum one international beer [52205] Tối thiểu một loại bia quốc tế

Minimum one local or regional beer [52206] Tối thiểu một loại bia địa phương hoặc khu vực

At a minimum, two types of white wines must be available by the glass: [53821] Tối thiểu, luôn có hai loại rượu vang trắng trong ly:

One must be Sauvignon Blanc or the main grape variety in a blend [53824] Một phải là Sauvignon Blanc hoặc giống nho chính trong một pha trộn

One must be Chardonnay or the main grape variety in a blend [587093] Một phải là Chardonnay hoặc giống nho chính trong một pha trộn

At a minimum, two types of red wines must be available by the glass: [53826] Tối thiểu, luôn có hai loại rượu vang đỏ bằng ly:

One must be Cabernet Sauvignon or the main grape variety in a blend [53829] Một phải là Cabernet Sauvignon hoặc giống nho chính trong một pha trộn

One must be Pinot Noir or the main grape variety in a blend [98435] Một phải là Cabernet Pinot Noir hoặc giống nho chính trong một pha trộn

At a minimum, one sparkling wine must be available by the bottle. [587096] Tối thiểu, luôn có một chai rượu vang trong chai

Guidelines Hướng Dẫn

Champagne is permitted [587097] Cho phép rượu sâm banh

In addition, half bottles can be provided [587098] Ngoài ra, có thể cung cấp nửa chai

Food & Beverage -> In Room Dining/Room Service -> Late Night Menu

Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Dịch vụ phòng/ăn uống trong phòng -> Thực đơn đêm muộn

At a minimum, a limited late night menu must be available between 00:00hrs to 05:30hrs (overnight hours): [51688] Tối thiểu, luôn có một thực đơn đêm muộn có giới hạn trong khoảng từ 00: 00 giờ đến 05: 30 giờ (giờ qua đêm):

**(Trang 168)**

The late night menu must be extracted from the room service menu [587106] Thực đơn đêm muộn phải được trích xuất từ thực đơn dịch vụ phòng

The late night menu must be an extra section in the room service or in-room dining menu and clearly marked as such [587107] Thực đơn đêm muộn phải là một phần phụ trong dịch vụ phòng hoặc thực đơn ăn uống trong phòng và được đánh dấu rõ ràng như vậy

At a minimum, the late night menu must include the following dishes: [588050] Tối thiểu, thực đơn đêm muộn phải bao gồm các món ăn sau:

One type of soup [588052] Một loại súp

One type of salad including Caesar salad [588053] Một loại salad bao gồm salad Caesar

One type of egg preparation [588057] Một loại trứng chế biến

Two types of appetisers [588051] Hai loại khai vị

Two types of light bites including a wrap [588055] Hai loại đồ ăn nhẹ bao gồm một gói

Two types of burgers or sandwiches including a Club Sandwich [588054] Hai loại burgers hoặc bánh sandwich bao gồm Club Sandwich

Four types of main courses, including one type of pasta dish and two types of protein dishes [588056] Bốn loại món chính, bao gồm một loại món mì pasta và hai loại món ăn protein

Two types of desserts including a fresh fruit plate [588058] Hai loại món tráng miệng bao gồm một đĩa trái cây tươi

Guidelines Hướng Dẫn

• One local or regional dish is recommended [588059] Khuyến nghị một món ăn địa phương hoặc khu vực

Food & Beverage -> In Room Dining/Room Service -> General

Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Ăn uống trong phòng/Dịch vụ phòng -> Chung

All food items must be presented on chinaware or crockery. [44502] Tất cả các món ăn phải được bày biện trên đồ sành hoặc sứ

Guidelines Hướng Dẫn

•Traditional ware is recommended for local or regional dishes [588070] Hàng hóa truyền thống được khuyến khích cho các món ăn địa phương hoặc khu vực

Food & Beverage -> In Room Dining/Room Service -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Thực phẩm & Đồ uống (F&B) -> Ăn uống trong phòng/Dịch vụ phòng -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

Trolley or tray must be used. [60685] Phải dùng xe đẩy hoặc khay.

Every trolley must have a protective layer between the table cloth and the surface of the trolley [60686] Mỗi xe đẩy phải có một lớp bảo vệ giữa khăn trải bàn và bề mặt của xe đẩy

Molton Cover Lớp trải Molton

Molton Cover Material Example Ví dụ Chất Liệu Trải Molton

All hot food items must be delivered hot to the room [60687] Tất cả các món ăn nóng phải được giao nóng đến phòng

Hot Box Example 2 Ví Dụ Hộp Đồ Nóng 2

Hot Box Example 1 Ví Dụ Hộp Đồ Nóng 1

Where savoury dishes are served, salt & pepper must be set up on trolley or tray [60691] Khi phục vụ các món ăn mặn, muối và hạt tiêu phải được chuẩn bị trên xe đẩy hoặc khay

A tent card advising guests to call for tray/trolley clearance must be placed on the in room dining trolley/tray. [124048] Một thẻ tent card khuyên khách gọi cho khoảng trống khay/ xe đẩy phải được đặt trên xe đẩy/khay ăn trong phòng.

New Build Thi công mới

**(Trang 169)**

Brand Central Path for artwork files\_Sample room service tray pick-up card Đường dẫn trung tâm thương hiệu cho các tập tin tác phẩm nghệ thuật\_Thẻ mẫu lấy khay dịch vụ phòng

Sample room service tray pick-up card Thẻ mẫu lấy khay dịch vụ phòng

Guidelines Hướng Dẫn

• Square trolley is recommended [60688] Khuyến nghị xe đẩy vuông

Trolley Example Ví dụ về xe đẩy

A transparent trolley cloche is permitted [60689] Cho phép một lồng chụp xe đẩy trong suốt

Molton or rubber covers are recommended [588071] Khuyến nghị lớp bảo vệ cao su hoặc Molton

Molton Cover Material Example Ví Dụ Chất Liệu Lớp Bảo Vệ Molton

In room Dining Service Trolley with Molton Cover Xe Đẩy Dịch Vụ Ăn Uống Trong Phòng với Lớp Bảo Vệ Molton

• Hot boxes, hot plates and covers are recommended to deliver the hot food [588072] Hộp đồ nóng, đĩa nóng và lớp bảo vệ được khuyến khích để vận chuyển đồ ăn nóng

In room Dining Trolley with Hot Box\_2 Xe Đẩy Ăn Uống Trong Phòng với Hộp Đồ Nóng\_2

In room Dining Trolley with Hot Box\_1 Xe Đẩy Ăn Uống Trong Phòng với Hộp Đồ Nóng\_1

Trolley or tray set up must include: [60690] Thiết lập xe đẩy hoặc khay bao gồm:

A minimum of paper and a maximum of cotton mix [60797] Tối thiểu giấy và tối đa hỗn hợp cotton

Guidelines Hướng Dẫn

• Cotton mix is recommended [588073] Khuyến nghị hỗn hợp cotton

Food & Beverage -> Lobby Lounge

Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Lobby Lounge

Where a Lobby Lounge is provided, it must meet the following: [592049] Trường hợp cung cấp Lobby Lounge, nó phải đáp ứng như sau:

Feature an integrated bar [592050] Đặc trưng có một quầy bar tích hợp.

The bar must be a show and dispense bar only [592051] Quầy bar chỉ là bar pha chế và trình diễn

Soft and lounge seating for a minimum of 20 guest [592053] Chỗ ngồi lounge và êm cho tối thiểu 20 khách

Bar seating is not permitted [592052] Không có chỗ ngồi bar

A minimum of two and a maximum of three salads must be available and include: [51357] Phải có tối thiểu hai và tối đa ba món salad và bao gồm:

Caesar salad [51360]

Garden salad [51361]

Two soups must be available [51362] Luôn có hai loại súp.

One vegetarian [51364] Một súp chay

At a minimum, two light bites must be available and include: [51377] Tối thiểu, luôn có hai món đồ ăn nhẹ và bao gồm:

**(Trang 170)**

One wrap [51382] Một gói

One local or regional item [51383] Một loại địa phương hoặc khu vực

At a minimum, two burgers or sandwiches must be available and include: [51366] Tối thiểu, luôn có hai burgers hoặc bánh sandwich và bao gồm:

One club sandwich [51369] Một club sandwich

One burger [51372] Một burger

Guidelines Hướng Dẫn

• Cold sandwich is permitted. [67754] Cho phép sandwich lạnh

A minimum of three and a maximum of five light snacks (finger food) must be available and include:

[51544] Luôn có tối thiểu ba và tối đa năm loại đồ ăn nhẹ (finger food) và bao gồm:

Minimum one vegetarian [51558] Tối thiểu một món chay

Minimum one starch [51559] Tối thiểu một món tinh bột

Minimum one protein [51560] Tối thiểu một món protein

Minimum one local or regional item [51561] Tối thiểu một món địa phương hoặc khu vực

Guidelines Hướng Dẫn

It is recommended to list the evening menu in the form of a card and keep the menu separate from the All Day Menu. [51562] Nên lên danh sách thực đơn bữa tối theo dạng thẻ và giữ cho thực đơn tách biệt so với Thực Đơn All Day.

A minimum of four and a maximum of six types of main dishes must be available and include: [588079] Phải có tối thiểu bốn và tối đa sáu loại món ăn chính và bao gồm:

Minimum one vegetarian [588080] Tối thiểu một món ăn chay

Minimum three types of protein dishes (e.g. red meat or white meat or fish) [588081] Tối thiểu ba loại món ăn protein (ví dụ: thịt đỏ hoặc thịt trắng hoặc cá)

Guidelines Hướng Dẫn

• Dishes are recommended to be in smaller portions and easily edible with a fork or spoon [588082] món ăn được khuyến nghị nên theo những phần nhỏ hơn và dễ dàng ăn được bằng dĩa hoặc thìa

A minimum of three and a maximum of five types of desserts must be available and include: [51396] Phải có tối thiểu ba và tối đa năm loại món tráng miệng và bao gồm:

One fruit platter [51406] Một đĩa trái cây

Minimum one baked [67733] Tối thiểu một bánh nướng

Minimum two ice cream flavours [51407] Tối thiểu hai hương vị kem

Guidelines Hướng Dẫn

• A local or regional dessert is recommended [588084] Khuyến nghị một món tráng miệng địa phương hoặc khu vực

Where a display cake counter is available, the following must be provided, at a minimum: [51502] Khi có sẵn quầy bán bánh trưng bày, tối thiểu phải cung cấp các thông tin sau:

One tart, flan or pie [51505] Bánh tart, bánh flan hoặc bánh pie

One torte [51508] Một bánh torte

One cake [51509] Một bánh

Two types of cookies [67407] Hai loại bánh quy

Two types of pastries [67410] Hai loại bánh ngọt

A napkin, a side plate and cutlery is required for every food item. [51535] Yêu cầu một khăn ăn, một đĩa phụ và dao kéo cho mỗi loại đồ ăn.

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 171)**

Cotton mix is recommended [589052] Khuyến nghị hỗn hợp cotton

At a minimum, the following types of hot beverages must be provided: [51427] Tối thiểu, phải cung cấp các loại đồ uống nóng sau đây:

Cappuccino [51428]

Café latte [51429]

Black coffee [51430] Cà phê đen

Espresso [51431]

Decaffeinated coffee option [51433] Cà phê decaf

Hot chocolate [51432] Ca cao nóng

At a minimum, four tea options must be available and include; [51462] Tối thiểu, luôn phải có bốn loại trà và bao gồm;

English Breakfast [67727] Bữa sáng kiểu Anh

Green [67728] Trà xanh

Chamomile [67729] Trà hoa cúc

Minimum of tea bag and maximum of tea envelope served in individual pot to the table [67732] Tối thiểu túi trà và tối đa phong bì trà phục vụ trong bình cá nhân để bàn

Earl Grey, Peppermint, Fruit [51479] Trà bá tước, trà bạc hà, trà trái cây

Local or regional tea is recommended [51485] Khuyến nghị trà địa phương hoặc khu vực

Dilmah Tea is recommended. [67706] Khuyến nghị trà Dilmah

Tea menu is recommended to be included in beverage menu. [67708] Nên cho thực đơn trà vào thực đơn đồ uống.

All hot beverages must be served with white, brown or raw sugar and sweetener. [67787] Tất cả đồ uống nóng phải được phục vụ với đường trắng, nâu hoặc đường thô và chất làm ngọt.

Hot and non-alcoholic milk based beverages must be served with biscuits or chocolates. [53809] For every beverage order, a cocktail napkin and a coaster are required [51538] Đồ uống có nguồn gốc từ sữa nóng và không cồn phải được phục vụ với bánh quy hoặc sôcôla. [53809] Đối với mỗi đơn hàng đồ uống, cần có khăn ăn cocktail và khay lót cốc

Guidelines Hướng Dẫn

Paper coaster is recommended. [67400] Khuyến nghị lót cốc bằng giấy

Cotton mix napkin is recommended [589054] Khuyến nghị khăn ăn hỗn hợp cotton

At a minimum, the following types of non-alcoholic beverages must be available: [51449] Tối thiểu, luôn phải có các loại đồ uống không cồn sau đây:

Regular Coca Cola or Pepsi Cola bottle or can [51450] Chai hoặc lon Coca Cola hoặc Pepsi Cola bình thường

Low sugar or no sugar Coca Cola or Pepsi Cola in bottle or can [51451] Chai hoặc lon Coca Cola hoặc Pepsi Cola không đường hoặc ít đường

Additional carbonated soft drinks (e.g. ginger ale, ginger beer, orangina) [51452] Hương vị bổ sung của nước ngọt có ga (ví dụ: rượu gừng, cam)

Tonic water [51454] Nước tonic

Sparkling mineral water [51453] Nước khoáng sparkling

Still mineral water [588086] Nước suối

One freshly squeezed juice [588087] Nước ép tươi

Guidelines Hướng Dẫn

• Drinks that contain taurine are considered energy drinks, not soft drinks. [714058] Đồ uống có chứa taurine được coi là nước tăng lực, không phải nước ngọt.

Cold alcoholic beverages must be served with complimentary salted tidbits [51523] Đồ uống có cồn lạnh phải được phục vụ với muối miễn phí

**(Trang 172)**

At a minimum, two types of beers must be available and include: [51581] Tối thiểu, phải có hai loại bia và bao gồm

One international beer [51585] Một bia quốc tế

Guidelines Hướng Dẫn

• Local or regional beer options are recommended [589049] Khuyến nghị các loại bia địa phương hoặc khu vực để lựa chọn

A minimum of two and a maximum of three white wines by the glass must be available. [53396] Phải có tối thiểu hai và tối đa ba loại rượu vang trắng theo ly

Sauvignon Blanc or a blend where it is the main grape variety OR Chardonnay or a blend where it is the maingrape variety [53397] Sauvignon Blanc hoặc một pha trộn trong đó nó là giống nho chính HOẶC Chardonnay hoặc một hỗn hợp trong đó nó là giống nho chính

A minimum of two and a maximum of three red wines by the glass must be available. [53400] Phải có tối thiểu hai và tối đa ba loại rượu vang đỏ theo ly.

Cabernet Sauvignon or a blend where it is the main grape variety OR Pinot Noir or a blend where it is the main grape variety [60654] Cabernet Sauvignon hoặc một pha trộn trong đó nó là giống nho chính HOẶC Pinot Noir hoặc một pha trộn trong đó nó là giống nho chính

At a minimum, one sparkling wine must be available by the glass [53402] Tối thiểu, một loại rượu vang sparkling phải có sẵn theo ly

Guidelines Hướng Dẫn

• One champagne is recommended to be available by the glass [589051] Nên có rượu sâm banh có sẵn theo ly

Food & Beverage -> Lobby Lounge -> Service Expectations

Thực phẩm và đồ uống -> Lobby Lounge -> Mong đợi dịch vụ

Where a Lobby Lounge is provided, it must meet the following: [592054] Trường hợp cung cấp Lobby Lounge, nó phải đáp ứng như sau:

Must serve food and beverages [592055] Phải phục vụ đồ ăn thức uống

Must operate between 08:00 to 00:00 for a minimum of 12 consecutive hours [592056] Phải hoạt động từ 08:00 đến 00:00 trong tối thiểu 12 giờ liên tục

Breakfast items are required from 08:00 to 12:00 [592057] Đồ ăn sáng được yêu cầu từ 08:00 đến 12:00

All Day Menu is required from 11:00 to the time of closing [592058] Thực đơn ALL Day được yêu cầu từ 11:00 đến thời điểm đóng cửa

Afternoon tea must be for a minimum of two and a maximum of four hours [592059] Trà chiều phải tối thiểu hai và tối đa bốn giờ

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended to have a separate breakfast menu [592060] Khuyến nghị có thực đơn bữa sáng riêng biệt

Food & Beverage -> Bars & Pubs Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Bars & Pubs

A bar must meet the following: [102725] Một bar phải đáp ứng như sau:

Minimum of 30 guests. [133079] Tối thiểu 30 khách.

All under counter equipment must be concealed from guest’s view. [133082] Tất cả các thiết bị dưới quầy phải được che khuất khỏi tầm nhìn của khách.

Minimum of one point of sale stations for 30 seats. [133083] Tối thiểu một quầy POS cho 30 chỗ.

Dedicated public restrooms in close proximity. [133084] Nhà vệ sinh công cộng chuyên dụng ở gần.

A variety of seating including high seating at the bar and lounge seating. [133086] Một loạt các chỗ ngồi bao gồm chỗ ngồi cao tại quầy bar và chỗ ngồi lounge.

The bar must not be located directly under or over guest accommodation. [133087] Quán bar không được đặt trực tiếp phía dưới hoặc trên chỗ ở của khách

When planning location and design of the bar its acoustics should be considered to ensure that it has no impact on other guest areas. [133088] Khi quy hoạch vị trí và thiết kế của quán bar, âm thanh nên được xem xét để đảm bảo không có tác động đến các khu vực khác có khách.

**(Trang 173)**

A separate external entrance is recommended. [133089] Khuyến nghị một lối vào bên ngoài riêng biệt.

Access to an outdoor smoking area is recommended. [133090] Khuyến nghị một lối vào khu vực hút thuốc ngoài trời.

Subject to location and market demand a public destination bar is recommended. [133091] Tùy thuộc vào vị trí và nhu cầu thị trường, khuyến nghị một bar công cộng.

The bar must offer a bar menu for food and drinks [59722] Quầy bar phải cung cấp một thực đơn bar về đồ ăn và đồ uống

Any alcoholic beverages order must be served with complimentary salted tidbits and replenished upon request [59723] Bất kỳ yêu cầu đồ uống có cồn phải được phục vụ với muối miễn phí và bổ sung theo yêu cầu

A selection of spirits, beer, wine and non alcoholic beverages must be provided. [2283] Phải cung cấp rượu mạnh, bia, rượu vang và đồ uống không cồn để lựa chọn.

Food & Beverage -> Poolside Thực phẩm và đồ uống (F&B) -> Bên hồ bơi

A food and beverage offering is required at any outdoor recreational poolside. [51596] Cung cấp đồ ăn và đồ uống là bắt buộc tại bất kỳ bể bơi giải trí ngoài trời.

A menu is required [612048] Yêu cầu một thực đơn.

The menu must be weatherproof [60657] Thực đơn chống chịu thời tiết

Hours of service for food and beverage must be indicated on the menu. [51597] Thời gian phục vụ đồ ăn và đồ uống phải được ghi rõ trên thực đơn.

Menu must be visible on dining tables or on the deck chair side tables during pool operation hours Thực đơn phải đặt dễ nhìn trên bàn hoặc trên các bàn phụ trong thời gian làm việc

[60659]

Children's menu must be available [51600] Luôn có thực đơn cho trẻ em

At a minimum, an attendant is required to take food and beverage orders and clear tables [589061] Tối thiểu, một nhân viên phải nhận đơn đặt hàng và dọn dẹp bàn

Coasters must be provided [60662] Phải cung cấp đế lót ly

Cold beverages are not permitted to be served in breakable glassware [60660] Đồ uống lạnh không được phép phục vụ trong cốc thủy tinh dễ vỡ

Guidelines Hướng Dẫn

• Strahl is the recommended supplier for polycarbonate [60665] Strahl là nhà cung cấp được đề nghị cho polycarbonate

All exposed food must be covered. [60714] Tất cả đồ ăn hở phải được đậy lại

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended to leave the cover after presenting the food to the guest [589087] Nên bỏ lớp che đậy sau khi trưng bày thức ăn cho khách

At a minimum, the following breakfast items must be available at all times and include: [53354]

Tối thiểu, phải luôn có các món ăn sáng sau đây và bao gồm:

One breakfast set menu [589078] Một thực đơn bữa sáng

All egg preparations [589079] Tất cả các món trứng

Bread basket and spreads [589080] Giỏ bánh mì và thành phần phết bánh

At a minimum, two types of salads must be available and include: [51639] Tối thiểu, luôn có hai loại salad và bao gồm:

Caesar salad. [51643]

At a minimum, two burgers or sandwiches must be available and include: [51663] Tối thiểu, luôn có hai bánh mì burgers hoặc bánh sandwich và bao gồm:

Club sandwich. [51664]

Burger [51665]

At a minimum, two types of light bites must be available and include: [589068] Tối thiểu, phải có hai loại đồ nhẹ và bao gồm:

**(Trang 174)**

One wrap [589069] Một gói

One local or regional item [589070] Một loại địa phương hoặc khu vực

At a minimum, three types of light snacks (finger food) must be available and include: [51647] Tối thiểu, phải có sẵn ba loại đồ ăn nhẹ (finger food) và bao gồm:

One vegetarian [51648] Một món chay

One starch [51649] Một món tinh bột

One protein [51650] Một món protein

Guidelines Hướng Dẫn

• One local or regional snack is recommended [589057] Khuyến nghị món ăn nhẹ địa phương hoặc khu vực.

At a minimum, five types of condiments must be available on request and include: [589071] Tối thiểu, luôn có năm loại gia vị theo yêu cầu và bao gồm:

Tomato ketchup [589072] Tương cà chua

Mustard [589073] Mù tạt

Mayonnaise [589074] Sốt mayonnaise

Tabasco sauce [589075] Sốt tabasco

HP or A1 sauce [589076] Sốt HP hoặc A1

At a minimum, the following types of desserts must be available and include: [51669] Tối thiểu, luôn có các loại món tráng miệng sau đây và bao gồm

Three ice cream or sorbet options [51670] Ba lựa chọn kem hoặc kem sorbet

One fresh fruit plate. [51671] Một đĩa trái cây tươi.

One local or regional item [51672] Một món địa phương hoặc khu vực

The following hot beverages must be provided: [51638] Phải cung cấp các đồ uống nóng sau:

Black coffee [60668] Cà phê đen

Espresso [60669]

Cappuccino [60666]

Café latte [60667]

Hot chocolate [51642] Ca cao nóng

The following types of teas must be served at the poolside: [52112] Phải phục vụ các loại trà sau đây tại hồ bơi

English Breakfast [52113] Bữa sáng kiểu Anh

Fruit or herbal, e.g. Chamomile. [52114] Trái cây hoặc thảo dược, ví dụ: Hoa cúc chamomile

At a minimum, two juices must be served and include: [51634] Tối thiểu, phải phục vụ hai loại nước ép và bao gồm:

Guidelines Hướng Dẫn

• One freshly squeezed juice option is recommended. [53404] Khuyến nghị một lựa chọn nước ép tươi

At a minimum, three types of iced blended beverages must be available and include: [61597] Tối thiểu, phải có sẵn ba loại đồ uống pha trộn đá và bao gồm

Chocolate milk [61598] Sữa sô cô la

Coffee or Tea [61599] Cà phê hoặc trà

Milkshakes [61600]

**(Trang 175)**

Guidelines Hướng Dẫn

• Fruit smoothies are recommended [589062] Khuyến nghị sinh tố trái cây

At a minimum, the following types of non-alcoholic beverages must be available: [51680]

Sparkling mineral water [605053] Nước khoáng sparkling

Regular Coca Cola or Pepsi Cola bottle or can [51681] Chai hoặc lon Coca Cola hoặc Pepsi Cola bình thường

Low sugar or no sugar Coca Cola or Pepsi Cola in bottle or can [51682] Một Coca Cola hoặc Pepsi Cola ít đường hoặc không đường trong chai hoặc lon

Tonic water [51685] Nước tonic

Additional flavours of carbonated soft drinks [51683] Hương vị bổ sung của nước ngọt có ga

Soda water [51684] Nước soda

Guidelines Hướng Dẫn

• Drinks that contain taurine are considered energy drinks, not soft drinks. [714057] Đồ uống có chứa taurine được coi là nước tăng lực, không phải nước ngọt.

Takeaway options for non-alcoholic beverages must be available. [51687] Luôn có các lựa chọn Takeaway cho đồ uống không cồn.

At a minimum, three types of beer must be available: [61557] Tối thiểu, luôn có ba loại bia:

One international beer. [61559] Một bia quốc tế

One local or regional beer [61570] Một bia địa phương hoặc khu vực

At a minimum, one type of white wine must be available by the glass: [53356] Tối thiểu, luôn có một loại rượu vang trắng theo ly:

Sauvignon Blanc or it is the main grape in a blend OR Chardonnay or it is the main grape in a blend

[589081] Sauvignon Blanc hoặc một pha trộn trong đó nó là giống nho chính HOẶC Chardonnay hoặc một hỗn hợp trong đó nó là giống nho chính

At a minimum, one type of red wine must be available by the glass: [53358] Phải có tối thiểu hai và tối đa ba loại rượu vang đỏ theo ly.

Cabernet Sauvignon or it is the main grape in a blend OR Pinot Noir or it is the main grape in a blend

[589082] Cabernet Sauvignon hoặc một pha trộn trong đó nó là giống nho chính HOẶC Pinot Noir hoặc một pha trộn trong đó nó là giống nho chính

At a minimum, one sparkling wine must be available by the bottle. [53361] Tối thiểu, một loại rượu vang sparkling phải có sẵn theo chai

Champagne is permitted [589085] Cho phép rượu sâm banh

Guidelines Hướng Dẫn

• In addition, half bottles can be provided [589086] Ngoài ra, có thể cung cấp nửa chai

Club Lounge

Club Lounge -> General Club Loung -> Chung

An Executive Lounge is not permitted. [97898] Không cho phép có một Executive Lounge

Meetings & Events cuộc họp và sự kiện

Meetings & Events -> Service Expectations cuộc họp và sự kiện -> Mong đợi dịch vụ

**(Trang 176)**

At least one colleague from the Meetings team must be available throughout the duration of the meeting. [50340] Ít nhất luôn có một nhân viên từ nhóm họp có mặt trong suốt thời gian của cuộc họp.

Guidelines Hướng Dẫn

A colleague from the Meetings team should make themself available by i.e: mobile or email if meetings desk is not staffed at all times. [72000] Một nhân viên từ nhóm họp nên trang bị và sẵn sàng với điện thoại di động hoặc email nếu bàn họp không có nhân viên

All meeting rooms must be fully functional, clean and well-maintained [50367] Tất cả các phòng họp phải có đầy đủ chức năng, sạch sẽ và được bảo trì tốt

Meeting enquiries must be taken via the following: [55442] Yêu cầu họp phải được thực hiện thông qua sau đây:

Telephone [55443] Điện thoại

Fax [55444]

By hand or in person [55445] Bằng tay hoặc trực tiếp

Any publicly posted email address [55446] Bất kỳ địa chỉ email được đăng công khai

IHG® and third party groups and event websites [55447] IHG® và các nhóm bên thứ ba và các trang web sự kiện

All meeting delegates must have access to wireless internet. [45001] Tất cả người tham gia họp phải có quyền truy cập vào internet không dây.

24 hours wireless connection must be available. [45008] Luôn có kết nối không dây 24 giờ.

Meeting colleagues, upon notification, must acknowledge and respond to any request within five minutes. [29000] Gặp nhân viên, sau khi thông báo, phải xác nhận và trả lời bất kỳ yêu cầu nào trong vòng năm phút.

Technical support must be available within 10 minutes of the guest request. [38588] Hỗ trợ kỹ thuật phải sẵn sàng trong vòng 10 phút kể từ khi khách yêu cầu.

Meeting rooms and facilities must be kept clean and presentable at all times, even when not in use by guests. [38591] Phòng họp và các cơ sở phải được dọn dẹp sạch sẽ và luôn sẵn sàng cho thuyết trình, ngay cả khi khách không dùng.

Meetings & Events -> General cuộc họp và sự kiện -> Chung

The total meeting space provided must be as follows: [32571] Tổng không gian cuộc họp được cung cấp phải như sau:

0-99 rooms a minimum of 45m² (500ft²) [32572] 0-99 phòng tối thiểu 45m² (500ft²)

100+ a minimum of 167m² (1800ft²) [32573] Trên 100 tối thiểu là 167m² (1800ft²)

Meeting facilities area program must be developed based on location, market demand and submitted to Phát triển chương trình khu vực cơ sở hội họp dựa trên địa điểm, nhu cầu thị trường và nộp cho

One meeting room with 35m² (376.7 ft²) net area. [115641] Một phòng họp với diện tích thực 35m² (376,7 ft²).

The Meetings Satisfaction Tracking System (MSTS) must be actively implemented and maintained.

[55448] Hệ thống theo dõi sự hài lòng của các cuộc họp (MSTS) phải được tích cực triển khai và duy trì.

Guidelines Hướng Dẫn

Meetings team should inform meeting planner about the MSTS survey and their feedback is important to the hotel. [72001] Nhóm họp nên thông báo cho người lập kế hoạch cuộc họp về khảo sát MSTS và phản hồi của họ rất quan trọng đối với khách sạn.

A deep cleaning schedule must be in place and documented for all meeting rooms and public spaces. [38598] Một lịch trình làm sạch sâu phải được đặt ra và ghi lại cho tất cả các phòng họp và không gian công cộng.

Meetings & Events -> Pre event cuộc họp và sự kiện -> Trước sự kiện

**(Trang 177)**

Colleagues must acknowledge the receipt of a business enquiry or Request for Proposal within two business hours, providing a verbal or written response where contact information is available. [2392] nhân viên phải xác nhận đã nhận được yêu cầu kinh doanh hoặc Yêu cầu đề xuất trong vòng hai giờ làm việc, cung cấp phản hồi bằng lời nói hoặc bằng văn bản khi có thông tin liên hệ.

Available space, rates and dates [58982] Luôn có không gian, giá phòng và ngày

Provisional booking [58983] Đặt phòng tạm thời

Offer of a showround tour [58984] Cung cấp một tour du lịch thăm thú

A tracking system must be implemented to monitor all incoming enquiries. [58985] Phải thực hiện một hệ thống theo dõi để giám sát tất cả các yêu cầu đến.

If a meeting or event can not be accommodated, a colleague must contact the client before the proposal deadline to discuss alternative solutions. [2408] Nếu cung cấp một cuộc họp hoặc sự kiện, một nhân viên phải liên hệ với khách hàng trước thời hạn đề xuất để thảo luận về các giải pháp thay thế.

Colleagues must give clients details of alternative Holiday Inn® branded hotels (where possible) or other IHG® branded hotels. [2410] nhân viên phải cung cấp cho khách hàng chi tiết về các khách sạn mang nhãn hiệu Holiday Inn® thay thế (nếu có thể) hoặc các khách sạn mang nhãn hiệu IHG® khác.

A detailed proposal must be provided within one working day of the initial response and include the following: [2401] Một đề xuất chi tiết phải được cung cấp trong vòng một ngày làm việc kể từ phản hồi ban đầu và bao gồm như sau:

Available space, rates and dates confirmation [2404] Luôn có xác nhận không gian, giá phòng và ngày

Next steps, including but not limited to, options for holding space, rates valid for a period of time, etc. bước tiếp theo, bao gồm nhưng không giới hạn, các tùy chọn để giữ không gian, giá phòng hợp lệ trong một khoảng thời gian, v.v.

[29021]

Offer of a show round tour [29022] Cung cấp một tour du lịch vòng quanh

Enquiry about the Meeting Planner's preferred method of communication (for example, phone, text, email, letter) [29023] Thắc mắc về phương thức liên lạc ưa thích của Người lập kế hoạch (ví dụ: điện thoại, văn bản, email, thư)

Key hotel contact must be managerial level or above. [51612] Liên hệ chính của khách sạn phải là cấp quản lý trở lên.

All proposals must be followed up with the client within two working days. [59012] Tất cả các đề xuất phải được theo dõi với khách hàng trong vòng hai ngày làm việc.

The proposal must be reviewed with the client. [59013] Đề xuất phải được xem xét với khách hàng.

A site inspection with the client must be scheduled at the client’s earliest convenience at mutually agreed hours. [59003] Việc kiểm tra vị trí với khách hàng phải được lên lịch sao cho thuận tiện nhất cho khách tại giờ thỏa thuận

A Thank You letter or email must be sent to the client within one working day after their site inspection/show around. [59001] Phải gửi một bức thư hoặc email cảm ơn cho khách hàng trong vòng một ngày làm việc sau khi kiểm tra/tham quan.

Must include an updated proposal/contract if one is requested by the client during the site inspection/show around. [59002] Phải bao gồm một đề xuất/hợp đồng cập nhật nếu khách hàng yêu cầu trong quá trình kiểm tra/tham quan.

A written contract must be provided to the client within 24 hours of the client’s request. [59008] Phải cung cấp một hợp đồng bằng văn bản cho khách hàng trong vòng 24 giờ kể từ khi khách hàng yêu cầu.

Each contract must be tailored to the individual client’s event. [59009] Phải điều chỉnh mỗi hợp đồng theo sự kiện của khách hàng cá nhân.

Within two business days of providing a client with a written contract, a Sales colleague must contact the client about the proposed contract. [59004] Trong vòng hai ngày làm việc kể từ khi cung cấp cho khách hàng một hợp đồng bằng văn bản, nhân viên Bán hàng phải liên hệ với khách hàng về hợp đồng được đề xuất.

The contract must be reviewed by the Sales colleague with the client to ensure all terms and conditions are understood. [59005] Hợp đồng phải được xem xét bởi nhân viên Bán hàng với khách hàng để đảm bảo tất cả các điều khoản và điều kiện được hiểu.

Guidelines Hướng Dẫn

The Sales colleague and the client should establish a date for the contract to be signed and returned to the Sales colleague. [59006] Nhân viên bán hàng và khách hàng nên sắp xếp một ngày để ký kết và trả lại hợp đồng cho nhân viên Bán hàng.

Contracts must include deposit, pre-payment details and cut-off date. [59007] Hợp đồng phải bao gồm đặt cọc, chi tiết thanh toán trước và hạn chót.

When the Meeting Planner confirms the booking, a colleague must give them the name and contact details of the hotel colleague who will be handling the event. [2412] Khi Người lập kế hoạch cuộc họp xác nhận đặt phòng, một nhân viên phải cung cấp cho họ tên và thông tin liên lạc của nhân viên khách sạn, người sẽ xử lý sự kiện này.

**(Trang 178)**

A personalised welcome letter must be sent to all meeting planners within 48 hours of receipt of a signed contract with a copy of the counter-signed and/or executed contract. [28574] Phải gửi một lá thư chào đón cá nhân cho tất cả các nhân viên lập kế hoạch cuộc họp trong vòng 48 tiếng nhận hợp đồng ký kết với một bản sao hợp đồng được thực hiện và/ hoặc ký kết.

The welcome letter or email must thank the client for their business and introduce the Catering Sales team member as the single point of contact for all future questions or enquiries. [51614] Thư hoặc email chào mừng phải cảm ơn khách hàng về doanh nghiệp của họ và giới thiệu thành viên nhóm Catering như là điểm liên lạc duy nhất cho tất cả các câu hỏi hoặc thắc mắc trong tương lai.

Meeting set-ups must be inspected by the colleague responsible for the event at least one hour prior to the start of the meeting to confirm that everything is as agreed. [38551] Thiết lập cuộc họp phải được kiểm tra bởi nhân viên chịu trách nhiệm cho sự kiện ít nhất một giờ trước khi bắt đầu cuộc họp để xác nhận rằng mọi thứ đã như thỏa thuận.

Guidelines Hướng Dẫn

The Meeting Organiser should be present for the inspection. [38554] Ban tổ chức cuộc họp cần có mặt để kiểm tra.

A setup checklist should be implemented for use one hour prior to start of meeting or event. [72003] Nên thực hiện một danh sách setup để sử dụng một giờ trước khi bắt đầu cuộc họp hoặc sự kiện.

Signage must display the meeting name or organisation. [38572] Biển báo phải hiển thị tên cuộc họp hoặc tổ chức.

Meeting room supplies must be available for all business meetings [2348] Phải luôn có vật tư phòng họp cho tất cả các cuộc họp kinh doanh

Flipchart [27677] Bảng flipchart

Pad of flipchart paper at least 50% full [291049] Bệ bảng flipchart ít nhất đầy đủ 50%

Four different coloured pens [291048] Bốn bút màu khác nhau

Self-adhesive style flipcharts are recommended. [29011] Khuyến nghị bảng flipchart loại tự dính.

Healthier options (for example wrapped dried fruit) may be provided. [41107] Có thể cung cấp các lựa chọn lành mạnh hơn (ví dụ như trái cây sấy khô).

Recycled paper is preferred. [41111] Giấy tái chế được ưa tiên.

The colleague responsible for the meeting or event must greet the Meeting Organiser before the start of the meeting or event and ensure that all the arrangements are in place. [550] Nhân viên chịu trách nhiệm cho cuộc họp hoặc sự kiện phải chào đón Người tổ chức cuộc họp trước khi bắt đầu cuộc họp hoặc sự kiện và đảm bảo rằng tất cả các sắp xếp đã được thực hiện.

All pre-booked audiovisual (AV) equipment must be in the room and set up before the meeting organiser arrives. [23565] Tất cả các thiết bị nghe nhìn (AV) đã đặt trước phải ở trong phòng và được thiết lập trước khi người tổ chức cuộc họp đến.

Measures must be in place to allow guests to find their meeting room easily. [23566] Phải đưa ra các biện pháp để cho phép khách dễ dàng tìm thấy phòng họp của họ.

The Front Desk colleagues must know about each event/meeting that is taking place in the hotel and be able to direct delegates to the assigned room, where necessary. [23567] nhân viên của Quầy lễ tân phải biết về mỗi sự kiện/cuộc họp đang diễn ra trong khách sạn và có thể hướng dẫn các đại biểu đến phòng được chỉ định, khi cần thiết.

Directional signage must be in place. [23568] Phải có biển báo chỉ hướng.

A colleague from the Meetings team must be available to show guests the operation of the AV equipment before the start of the meeting. [51626] Một nhân viên từ nhóm họp phải có mặt để cho khách xem hoạt động của thiết bị AV trước khi bắt đầu cuộc họp.

Hand-written signage is not allowed. [532048] Không cho phép biển báo viết tay.

Handwritten signage is not allowed. [874056] Không cho phép biển báo viết tay.

The lobby champion or staff to actively direct delegates during peak times. [874057] Lobby champion hoặc nhân viên chủ động chỉ đạo người tham dự trong giờ cao điểm.

Guidelines Hướng Dẫn

• Where possible, a bedroom upgrade should be offered to the Meeting Organiser. [38530] Nếu có thể, nên nâng cấp phòng ngủ cho Người tổ chức cuộc họp.

Upon arrival, a Holiday Inn® branded welcome pack must be given to the meeting planner and include the following: [2362] Khi đến nơi, gói chào mừng thương hiệu Holiday Inn® phải được trao cho người lên kế hoạch cuộc họp và bao gồm như sau:

Personalised Welcome letter referring to the specific meeting or event and its purpose (business or leisure) [2364] Thư chào mừng riêng đề cập đến cuộc họp hoặc sự kiện cụ thể và mục đích của nó (kinh doanh hoặc giải trí)

Telephone numbers (landline and mobile) and email address for the Meeting Planners main hotel contact. [2365] Số điện thoại (điện thoại cố định và điện thoại di động) và địa chỉ email để liên hệ với khách sạn chính của Người lập kế hoạch cuộc họp.

**(Trang 179)**

• Meeting itinerary and details of Food & Beverage order [2366] Lịch trình và chi tiết cuộc họp về đơn hàng F&B

• Messaging services and list of business services [2368] Dịch vụ tin nhắn và danh sách các dịch vụ kinh doanh

Guidelines on how to use the equipment in the meeting room including, but not limited to: making a telephone call, using the air conditioning, Internet access and audiovisual (AV) equipment. [2370] Hướng dẫn cách sử dụng thiết bị trong phòng họp bao gồm, nhưng không giới hạn ở: gọi điện thoại, sử dụng điều hòa, truy cập Internet và thiết bị nghe nhìn (AV).

• List of facilities and services for guests with disabilities (equipment available and refrigerated medicine store) [2372] Danh sách các cơ sở và dịch vụ cho khách khuyết tật (luôn có thiết bị và lưu trữ thuốc đông lạnh)

• Safety information [2374] Thông tin bảo mật

• Information including, but not limited to, food & beverage and leisure facility hours of operation, check out and departure times Thông tin bao gồm, nhưng không giới hạn, giờ vận hành cơ sở giải trí và F&B, thời gian checkout và rời đi

• Contact numbers for local car parking (if applicable) and taxis [2378] Số điện thoại liên lạc cho bãi đậu xe địa phương (nếu có) và taxi

Colleagues must acknowledge any request from a Meeting Planner and provide an indication of how long it will take for the request to be fulfilled. [59014] nhân viên phải thừa nhận bất kỳ yêu cầu nào từ Người lập kế hoạch cuộc họp và cung cấp một biển báo cho biết sẽ mất bao lâu để thực hiện yêu cầu

Meeting Planners must meet with the General Manager or a senior member of the management team over the course of their meeting. [58999] Người lập kế hoạch cuộc họp phải gặp Tổng Giám đốc hoặc thành viên cấp cao của nhóm quản lý trong suốt cuộc họp của họ.

Key high impact meetings and events must be highlighted in the Daily Operations Meeting. [59000] cuộc họp và sự kiện có ảnh hưởng lớn phải được nêu bật trong Cuộc họp vận hành hàng ngày.

Basic meeting services must be offered on the day of the meeting. [38558] Phải cung cấp các dịch vụ họp cơ bản vào ngày họp.

Availability of colleagues within five minutes of the request. [38561] Nhân viên luôn có mặt trong vòng 5 phút yêu cầu.

Respond to reasonable requests for changes to set-up or service within five minutes. [38564] Phản hồi các yêu cầu hợp lý để thay đổi setup hoặc dịch vụ trong vòng năm phút

Timely delivery of all agreed requirements [38567] Giao hàng kịp thời tất cả các yêu cầu đã thỏa thuận

At the end of the day's events a colleague must meet with the Meeting Planner and review the event.

[27965] Vào cuối các sự kiện trong ngày, một nhân viên phải gặp Người lập kế hoạch cuộc họp và xem xét sự kiện.

A safety briefing must be provided upon the guest's request. [50352] Phải cung cấp một thủ tục an toàn theo yêu cầu của khách.

All final bills/invoices must be sent out within one working day from the end of the event. [27966] Tất cả các hóa đơn/chứng từ cuối cùng phải được gửi trong vòng một ngày làm việc kể từ khi kết thúc sự kiện

Meetings & Events -> Boardrooms cuộc họp và sự kiện -> phòng boardroom

Where boardrooms are provided they must meet the following: [68807] Trường hợp cung cấp phòng họp, chúng phải đáp ứng như sau:

Fixed board room table and chairs. [114507] Bàn ghế phòng boardroom cố định.

Accommodate a minimum of 10 people [114509] Chứa được tối thiểu 10 người

Meetings & Events -> Boardrooms -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment

cuộc họp và sự kiện -> Phòng họp -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

Boardroom chairs must meet the following: [82045] Ghế boardroom phải đáp ứng như sau:

High or mid back with ergonomic design. [114523] Phần lưng cao hoặc tầm trung với thiết kế công thái học.

With armrest [114524] Với tay vịn

Tilting mechanism [114525] Cơ chế nghiêng

Leather upholstery [114526] Bọc da

**(Trang 180)**

Guidelines Hướng Dẫn

• Ergonomic chairs are recommended. [114527] Khuyến nghị dùng ghế công thái học.

Boardrooms must provide the following facilities and equipment: [82048] phòng boardroom phải cung cấp các cơ sở và thiết bị sau:

Have a flat screen television with remote control. [82049] Có ti vi màn hình phẳng với điều khiển từ xa.

Audio visual display [114510] Hiển thị AV

Ceiling recessed roll-up projection screen [114511] Màn hình máy chiếu cuộn lên lõm vào trần

Whiteboard (or colour backed glass) [114512] Bảng trắng (hoặc kính màu)

Credenza or build in cabinet [114513] Tủ Credenza hoặc gắn sẵn

AV equipment support [114514] Hỗ trợ thiết bị AV

Telephone with speakerphone function. [114515] Điện thoại với chức năng thu âm

High Speed Internet Access (HSIA) [114516] Truy cập Internet tốc độ cao (HSIA)

Wired for video presentation and conferencing. [246048] Có dây để thuyết trình và trình chiếu video

A boardroom table must meet the following: [375201] Một bàn boardroom phải đáp ứng như sau:

A minimum of 1.5m (5ft) wide. [375204] Tối thiểu rộng 1,5m (5ft)

Timber veneer finish with rounded/bevelled edges. [375205] Hoàn thiện veneer gỗ với các cạnh tròn/vát.

Integrated and concealed power and data support. [375206] Hỗ trợ nguồn điện và dữ liệu che kín và tích hợp.

Permanently assembled and installed as single table. [375207] Lắp ráp và lắp đặt vĩnh viễn như một bảng duy nhất.

Telephone and audio/visual connection points concealed and integrated into the table design. [375208] điểm kết nối điện thoại và AV được che giấu và tích hợp vào thiết kế bảng.

Power/telephone pop-up outlets set in the floor beneath the table. [375209] ổ điện kéo lên điện thoại/ nguồn điện đặt ở tầng bên dưới bàn.

Exposed cables crossing the floor are not permitted. [375210] Không cho phép cáp tiếp xúc qua sàn.

Meetings & Events -> Ballrooms cuộc họp và sự kiện -> Phòng ballroom

Where a ballroom is provided it must meet the following: [24112] Nếu cung cấp phòng ballroom, phải đáp ứng như sau:

Room size and number of divisions must be determined by local demand and approved by IHG®

[114528] Kích thước phòng và số lượng các bộ phận phải được xác định theo nhu cầu địa phương và được IHG® phê duyệt

Have moveable walls/operable partitions to divide the space. [24113] Có các vách ngăn di động/ tường ngăn di động để phân chia không gian.

A stage platform. [24114] Một nền tảng sân khấu.

Structural ceiling suspension system [114529] Hệ thống treo trần cấu trúc

Infrastructure for special lighting, sound system and projection [114530] Cơ sở hạ tầng cho chiếu sáng đặc biệt, hệ thống âm thanh và máy chiếu

A temporary stage is permitted. [109008] Cho phép một giai đoạn tạm thời.

Design should take into consideration vehicle access. [114399] Thiết kế nên xem xét lối vào phương tiện.

Meetings & Events -> Ballrooms -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment cuộc họp và sự kiện -> phòng ballroom -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

**(Trang 181)**

Ballroom must provide the following facilities and equipments: [82047] Phòng ballroom phải cung cấp các cơ sở và thiết bị sau đây:

One automated drop-down projection screen and projector in each ballroom subdivision. [115512] Một màn hình chiếu thả xuống tự động và máy chiếu trong mỗi khu vực ballroom.

One automated drop-down projection screen and projector for a full ballroom configuration. [115513] Một màn hình chiếu thả xuống tự động và máy chiếu cho cấu hình toàn bộ phòng ballroom.

The size of the screens must be determined by the manufacturer’s recommendation in relation to the size of the room. [115514] Kích thước của màn hình phải được xác định theo khuyến nghị của nhà sản xuất liên quan đến kích thước của phòng.

Ballroom tables must meet the following: [104999] Bàn phòng ballroom phải đáp ứng như sau:

Flock tops [115515] Mặt bàn flock

Be stackable [115516] Có thể xếp chồng lên nhau

Must be dressed [115517] Phải được xếp thẳng hàng

Guidelines Hướng Dẫn

• Provision of a dedicated trolley to enable the tables to be handled and stored easily is recommended.

[115518] Nên cung cấp một xe đẩy chuyên dụng để xử lý và lưu trữ dễ dàng các bàn.

Ballroom chairs must meet the following: [82044] Phòng ballroom phải đáp ứng như sau:

Safe and secure stacking of up to ten chairs. [115519] Xếp chồng an toàn lên đến mười ghế.

Frame must be steel or aluminum. [115520] Khung phải bằng thép hoặc nhôm

Flexible back [115521] Phía lưng linh hoạt

Seat material must be breathable and distribute the user’s weight evenly. [115522] Chất liệu ghế phải thoáng khí và phân bổ trọng lượng người dùng đồng đều.

Guidelines Hướng Dẫn

• Provision of a dedicated trolley to enable the chairs to be handled and stored easily is recommended.

[115523] Nên cung cấp một xe đẩy chuyên dụng để xử lý và lưu trữ dễ dàng các bàn.

• Weight of chair should not exceed 7kg (15.4lbs). [115524] Trọng lượng của ghế không được vượt quá 7kg (15,4lbs).

Meetings & Events -> Meeting Facilities cuộc họp và sự kiện -> cơ sở cuộc họp

Dedicated meeting facilities must be provided and include: [2288] Phải cung cấp các cơ sở họp chuyên dụng và bao gồm:

Dimmable lights in every meeting room and function area. [28867] Đèn mờ dimmable trong mỗi phòng họp và khu vực chức năng.

A meeting storage room available for guest use. [28868] Một phòng kho cuộc họp có sẵn cho khách sử dụng

The use of operable walls must be used to provide flexible meetings space to allow for a variety of requirements. [40955] Sử dụng các vách tường di động đẻ ngăn không gian phòng họp linh hoạt cho phép đa dạng các yêu cầu.

Pre-function area where meeting facilities exceed 50 seats. [115635] Khu vực pre-function có thiết bị hội họp vượt quá 50 chỗ

Ballrooms are permitted. [115637] Cho phép các phòng ballroom.

A prayer room is permitted. [65897] Cho phép một phòng cầu nguyện.

A boardroom is recommended. [115636] Khuyến nghị một phòng boardroom.

For hotels with significant wedding business, a wedding/events planning lounge is recommended. Đối với các khách sạn có dịch vụ đám cưới lớn, nên có lounge tổ chức tiệc cưới/tổ chức sự kiện.

[115638]

**(Trang 182)**

• A sales centre dedicated for meetings/catering/events is recommended. [115639] Khuyến nghị một trung tâm bán hàng dành riêng cho các cuộc họp/phục vụ catering/sự kiện.

Meeting facilities must meet the following: [90806] cơ sở hội họp phải đáp ứng như sau:

All meeting rooms must be accessible via an enclosed or covered passage from the hotel's public areas. [90807] Tất cả các phòng họp có thể đến thông qua một lối đi kín hoặc có mái che từ các khu vực công cộng của khách sạn.

Where any meeting room can accommodate more than 300 people, a separate entrance located away from the main hotel lobby is recommended. [90809] Trường hợp bất kỳ phòng họp nào có thể chứa hơn 300 người, nên sử dụng lối vào riêng biệt cách xa sảnh khách sạn chính.

Meeting rooms with natural daylight are recommended. [90810] Khuyến nghị phòng họp với ánh sáng ban ngày tự nhiên.

Meeting rooms must meet the following: [19605] Phòng họp phải đáp ứng như sau:

Be directly accessible from the pre-function area or a public corridor. [91303] Có thể truy cập trực tiếp từ khu vực pre-function hoặc hành lang công cộng.

Guidelines Hướng Dẫn

• Configuration of meeting rooms should give maximum flexibility through the use of operable partitions. Cấu hình của các phòng họp sẽ cung cấp sự linh hoạt tối đa thông qua việc sử dụng các vách ngăn di động.

[19607]

Natural light is recommended. [54825] Khuyến nghị ánh sáng tự nhiên.

Design of audiovisual provision should consider providing control to individual meeting rooms as well as combined control for multiple rooms that open into one. [91305] Thiết kế cung cấp nghe nhìn nên xem xét việc cung cấp kiểm soát cho các phòng họp riêng lẻ cũng như kiểm soát kết hợp cho nhiều phòng mở thành một.

Concealed service access from the back of house corridor is recommended. [91306] Nên có lối vào dịch vụ kín đáo từ hành lang BOH.

Furniture storage must be provided and meet the following: [82035] Phải cung cấp kho đồ đạc và đáp ứng như sau:

The net area must be a minimum of 25% of the total meeting facilities net area, including a ballroom where provided. [115537] Diện tích thực phải tối thiểu 25% trên tổng diện tích net phòng họp, bao gồm phòng ballroom nếu được cung cấp.

Dedicated secured room(s) [115535] (Các) phòng bảo mật chuyên dụng

Access must be from service corridor. [115536] Lối vào phải từ hành lang dịch vụ.

Direct back of house connection to service lifts. [115538] Kết nối BOH trực tiếp với các thang máy dịch vụ.

Access doors must be two-leaf with a minimum clear opening of 1.1m (3ft 7in). [115539] Cửa ra vào phải là hai cánh với độ mở rõ ràng tối thiểu là 1,1m (3ft 7in).

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended to locate the storage rooms adjacent and on the same level as the meeting facilities. Nên xác định vị trí các phòng lưu trữ liền kề và cùng cấp với các thiết bị hội họp.

[115574]

Where pantries for meeting & event facilities are provided they must meet the following: [82032] Trường hợp cung cấp các tủ đựng thức ăn cho các cơ sở phòng họp & sự kiện, chúng phải đáp ứng như sau:

Direct access to Back of House service corridor. [115525] Lối vào trực tiếp vào hành lang dịch vụ BOH.

Direct views into pantries must be screened from guest facing side. [115526] Tủ đựng thức ăn phải được che khuất khỏi tầm nhìn đối diện của khách.

Where a business center is provided, it must meet the following: [91128] Trường hợp cung cấp một trung tâm dịch vụ văn phòng, nó phải đáp ứng như sau:

Located off the main lift lobby or adjacent to the front desk or concierge station, meeting room area or administration offices. [91129] Nằm ngoài sảnh thang máy chính hoặc liền kề với quầy lễ tân hoặc quầy concierge, khu vực phòng họp hoặc văn phòng hành chính.

A minimum of two workstations for guest use. [91130] Tối thiểu hai máy trạm cho khách sử dụng.

Meeting rooms must be set up as follows: [29017] Phòng họp phải được bố trí như sau:

Notepad, branded pen and glass at each place setting, unless a different set up is requested. Notepad, bút thương hiệu và kính ở mỗi địa điểm, trừ khi yêu cầu thiết lập khác nhau.

**(Trang 183)**

Water must be provided [29019] Phải cung cấp nước.

Wrapped confectionery (hard candies or mints) [29020] Bánh kẹo gói (kẹo cứng hoặc bạc hà)

Guidelines Hướng Dẫn

• A coat rack should be provided upon guests' request. [51081] Nên cung cấp một giá treo áo theo yêu cầu của khách.

A rubbish bin must be provided. [8774] Phải cung cấp một thùng rác.

Meetings & Events -> Meeting Facilities -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment

phòng họp & Sự kiện -> Thiết bị phòng họp -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

Meeting room tables must meet the following: [104998] Bàn phòng họp phải đáp ứng như sau:

Modular [115540] Mô đun

Compatible with the meeting room chairs. [115541] Tương thích với ghế phòng họp

Screens must be provided when used in training style set up. [115542] Phải cung cấp màn hình khi được sử dụng trong bố trí phong cách đào tạo.

Adjustable feet are recommended. [115543] Khuyến nghị các chân tùy chỉnh.

Linking clips are recommended. [115544] Khuyến nghị các kẹp kết nối.

Meeting room chairs must meet the following: [82042] Ghế phòng họp phải đáp ứng như sau:

One style [115545] Một phong cách

Back of the chair must be flexible or contoured. [115546] Lưng ghế phải linh hoạt hoặc có đường viền

Frame must be high strength, steel or aluminum alloy. [115547] Khung phải có độ bền cao, hợp kim thép hoặc nhôm.

Coordinate with the design of the meeting room. [115549] Phối hợp với thiết kế phòng họp.

Fully upholstered with cushioned seat and padded back. [115550] Được bọc hoàn toàn với ghế đệm và đệm lưng.

Painted metal frames and vinyl upholstery are not permitted. [115548] Không cho phép khung kim loại sơn và bọc vinyl.

Stackable chairs are recommended. [115551] Khuyến nghị ghế xếp.

Weight of chair should not exceed 9kg (19.8lbs) [115552] Trọng lượng ghế không được vượt quá 9kg (19,8lbs)

Where stackable chairs are provided, they must have bumpers or a stacking plate. [78062] Trường hợp cung cấp ghế xếp, họ phải có cản hoặc tấm xếp.

Safe and secure stacking of up to six chairs. [91156] Xếp chồng an toàn lên đến sáu ghế.

One telephone must be provided in each meeting room for internal and external calls. [540] Phải cung cấp một điện thoại trong mỗi phòng họp để gọi nội bộ và bên ngoài.

A telephone with built-in speaker function must be available. [78038] Luôn có điện thoại với chức năng loa gắn sẵn

Guidelines hướng dẫn

• A guide on how to use the phone and a list of numbers to call should be available. [71997] Nên có hướng dẫn về cách sử dụng điện thoại và danh sách các số cần gọi.

Meetings & Events -> Meeting Facilities -> Fixtures and Fittings cuộc họp và sự kiện -> Thiết bị phòng họp-> Đồ đạc và thiết bị

Entrance and service doors into meeting rooms must meet the following: [13296] Lối vào và cửa dịch vụ vào phòng họp phải đáp ứng như sau:

**(Trang 184)**

Door viewer must be installed at 1.5m (5ft) above the floor. [78061] Lỗ nhìn trên cửa phải được lắp đặt ở độ cao 1,5m (5ft) so với sàn nhà.

Minimum single, one-way door viewer per meeting room installed to view into the meeting room area Lỗ nhìn một chiều tối thiểu cho mỗi phòng họp để nhìn vào khu vực phòng họp

[13300]

Lockable from both sides with appropriate manual override (thumb turn or similar) to meeting room side. [13299] Có thể khóa từ cả hai phía với khắc phục thủ công thích hợp (xoay ngón tay cái hoặc tương tự) vào phía phòng họp.

See also ID number [56046] Xem thêm số ID

Meetings & Events -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment

cuộc họp và sự kiện -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

Where curtains are provided they must meet the following: [13117] Trường hợp cung cấp rèm cửa, chúng phải đáp ứng như sau:

Batons where curtains are operated manually. [79149] Dùi trong đó rèm cửa được vận hành bằng tay

Hardware (except batons) or non-decorative fabric must not be visible to the guest. [79150] Thiết bị cứng (trừ dùi cui) hoặc vải không trang trí không được cho khách nhìn thấy.

Minimum overlap where fabric meets fabric is 10cm (4in). [79151] Sự chồng chéo tối thiểu nơi vải đáp ứng 10cm (4in).

Cover entire window. [79152] Bao phủ toàn bộ cửa sổ

The length of the non-decorative fabric elements (linings/sheers/blackouts) must not exceed the length of the decorative element. [16091] Chiều dài của các yếu tố vải không trang trí (vải lót/vải mỏng/vải tối) không được vượt quá chiều dài của các yếu tố trang trí.

Pattern must be matched at seams with seams hidden behind pleats. [13119] Hoa văn phải được kết hợp tại các đường nối với các đường nối ẩn đằng sau nếp gấp.

Guidelines Hướng Dẫn

• Automated curtains are recommended. [82402] Khuyến nghị rèm cửa tự động.

Window treatments must be provided and meet the following: [82398] Cung cấp đồ đạc trang trí cửa sổ và đáp ứng như sau:

Must be curtains, roller shades, or blinds [82399] Phải là rèm cửa, rèm cuộn, hoặc rèm

Must be manufactured with blackout fabrics or materials [82400] Phải được sản xuất với vải hoặc chất liệu tối

Provide complete blackout [82401] Cung cấp rèm tối toàn bộ

A credenza is required in each meeting room. [44338] Yêu cầu một tủ đựng đồ ăn uống trong mỗi phòng họp.

Minimum depth of 45cm (17.7in) [44344] Độ sâu tối thiểu 45cm (17,7in)

Minimum length of 90cm (2ft 11in) [115553] Chiều dài tối thiểu 90cm (2ft 11in)

Where a mini fridge is provided, it must be built in below the counter. [44347] Trường hợp cung cấp một tủ lạnh mini, nó phải được xây dựng bên dưới quầy.

Minimum length of 1.2m (3ft 11in) is recommended. [115554] Khuyến nghị chiều dài tối thiểu 1,2m (3ft 11in).

Storage facility below counter should be provided. [44352] Nên cung cấp kho chứa đồ bên dưới quầy.

Storage must be provided for the audio visual equipment in the meeting room. [23100] Phải cung cấp kho chứa cho các thiết bị AV trong phòng họp

Integrated into the credenza, as a cupboard or closet. [78039] Được tích hợp vào credenza, như một tủ hoặc tủ quần áo.

All audio visual closets must be acoustically rated to prevent sound from transferring to adjoining meeting facilities or to private guest areas. [91182] Tất cả các tủ AV phải chống âm để ngăn âm thanh chuyển đến các phòng họp liền kề hoặc đến các khu vực khách riêng.

Covering doors must be ventilated. [91183] Cửa che phải được thông gió.

Audio visual displays must be available in meeting rooms. [58922] Phải có bộ hiển thị AV trong phòng họp.

**(Trang 185)**

A minimum of one recessed screen or large flat screen TV. [58923] Tối thiểu một màn hình lõm hoặc TV màn hình phẳng lớn.

Built-in projectors [58924] máy chiếu gắn sẵn

Sound system [58925] Hệ thống âm thanh

Where fixed counters are provided they must meet the following: [82034] Trường hợp cung cấp các quầy cố định, chúng phải đáp ứng như sau:

Minimum of 1.5m (5ft) clear circulation space on guest facing sides. [115532] Tối thiểu 1,5m (5ft) không gian lưu thông rõ ràng ở phía đối diện khách.

Location must not restrict main circulation or reduce corridor width. [115530] Vị trí không được hạn chế lưu thông chính hoặc giảm chiều rộng hành lang.

Any integrated cabinets must be lockable. [115531] Bất kỳ tủ gắn sẵn phải có khóa.

Where a mini fridge is provided in a meeting room it must meet the following: [91175] Trường hợp cung cấp tủ lạnh mini trong phòng họp thì phải đáp ứng như sau:

Glass front door [91176] Cửa kính phía trước

Built in to the credenza unit. [91177] Gắn vào tủ credenza

Freestanding fridges are not permitted. [91178] Không cho phép tủ lạnh đứng độc lập.

Where a clock is provided it must meet the following: [91179] Trường hợp cung cấp đồng hồ, nó phải đáp ứng như sau:

Located on a wall facing the organizer or presenter, not the audience. [91180] Nằm trên một bức tường đối diện với người tổ chức hoặc người thuyết trình, không phải khán giả.

Tables and chairs, of a uniform style, must be provided. [544] Bàn và ghế, kiểu đồng phục, phải được cung cấp.

Guidelines Hướng Dẫn

• Meeting room furniture should allow for informal breakout sessions. [58941] Nội thất phòng họp nên cho phép các cuộc họp nhóm thoải mái.

Communication equipment must be provided in every meeting room. [41123] Phải cung cấp thiết bị liên lạc trong mỗi phòng họp

Guidelines Hướng Dẫn

Equipment can be, for example, one or more of: a tablet device, software application, walkie-talkie two-way radio, mobile phone, landline phone, intercom system. [41131] Thiết bị có thể, ví dụ, một hoặc nhiều: thiết bị máy tính bảng, ứng dụng phần mềm, radio hai chiều, điện thoại di động, điện thoại cố định, hệ thống liên lạc nội bộ.

A Meeting Planner tool box must be provided in all meeting rooms. [2332] Hộp công cụ họp kế hoạch phải được cung cấp trong tất cả các phòng họp.

Two highlighter pens [2333] Hai bút dạ quang

Pencils and sharpener [2334] Bút chì và gọt

Eraser [2335] Tẩy

Ruler [2336] Thước

Hole punch [2337] Đục lỗ

Stapler, staples and staple remover [2338] Dập ghim, gim và dụng cụ bỏ gim

Paper clips [2340] Kẹp giấy

Scissors [2341] Kéo

Glue stick [2342] Keo dán

Temporary adhesive (sticky tape or equivalent) [2344] Chất kết dính tạm thời (băng dính hoặc tương đương)

Universal adaptor [50347] Bộ chuyển đổi phổ quát

Should be constructed from a quality wood or metal. [27775] Nên được thi công từ một loại gỗ hoặc kim loại chất lượng.

Branding of the stationery box is optional. [41075] Tùy chọn xây dựng thương hiệu của hộp đựng văn phòng phẩm.

**(Trang 186)**

Post-it notes are recommended [50346] Khuyến nghị các miếng giấy vuông nhỏ ghi chú có thể dính

A clock or timer for facilitators is recommended. [70402] Khuyến nghị một đồng hồ hoặc máy hẹn giờ cho người hướng dẫn.

The following items must be available with 24 hours notice: [407050] Luôn có các mục sau đây với thông báo 24 giờ:

DVD player [407051] Đầu đĩa DVD

Wireless microphone [407052] Micro không dây

Data projector [407053] Máy chiếu dữ liệu

Computer and laptop and printer [407054] Máy tính và máy tính xách tay và máy in

Portable sound system [407055] Hệ thống âm thanh di động

Staging and platforms [407056] Dàn dựng và nền tảng

Dance Floor [407057] Sàn nhảy

Television with a screen size of 80cm (32in) [407058] Ti vi có kích thước màn hình 80cm (32in)

Portable dance floor [407060] Sàn nhảy di động

The following items must be available immediately upon request: [407061] mục sau đây phải có sẵn ngay khi có yêu cầu:

Projection screen or flat screen monitor [407062] Màn hình chiếu hoặc màn hình phẳng

Speakerphone [407063] Loa ngoài

Extension cords or power strips [407064] Dây nối dài hoặc ổ cắm power strips

Laser pointer and clicker [407065] Máy chỉ và máy ấn laze

6m (19ft 8in) VGA cable to connect a projector to a computer must accommodate a MAC and PC computer [407066] Cáp VGA 6m (19ft 8 in) để kết nối máy chiếu với máy tính phải chứa máy tính MAC và PC

Podium (table top or full) [407067] Bục (mặt bàn hoặc toàn phần)

Corded microphone [407068] Micro có dây

Two hours turnaround time is permitted [407069] Cho phép thời gian quay vòng hai giờ

A 9m (29ft 6in) VGA cable is recommended. [407070] Nên sử dụng cáp VGA 9m (29ft 6in)

It is recommended that in traffic areas, extension cords should be in fixed, plastic covers. [407071] Khuyến cáo rằng trong các khu vực giao thông, dây nối dài phải được bọc trong các vỏ nhựa cố định.

Meetings & Events -> Fixtures and Fittings phòng họp và sự kiện -> Đồ đạc và thiết bị

Signage must be provided to identify meetings and events located outside the entrance to the room.

[102745] Phải cung cấp biển báo để xác định các cuộc họp và sự kiện nằm bên ngoài lối vào phòng.

Signage must be provided and meet the following: [91184] Phải cung cấp biển báo và đáp ứng như sau:

Identify the meeting rooms. [91185] Nhận diện các phòng họp.

Posted outside every dedicated meeting room when a meeting is in progress. [91188] Thông báo bên ngoài mỗi phòng họp riêng biệt khi cuộc họp đang diễn ra.

Must be provided via a permanent fixture and integrated into the finishes of the pre-function area.

[91189] Phải được cung cấp thông qua một thiết bị cố định vĩnh viễn và tích hợp vào hoàn thiện của khu vực pre-function.

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 187)**

• Digital signage and screens are recommended. [91190] Khuyến nghị biển báo kỹ thuật số và màn hình.

A meeting and event summary board must be provided. [115566] Cung cấp một bảng tóm tắt sự kiện và cuộc họp.

In the hotel lobby adjacent to concierge or front desk. [115567] Trong sảnh khách sạn liền kề với quầy concierge hoặc quầy lễ tân.

At the entrance to the meeting facilities. [115568] Ở lối vào các cơ sở phòng họp

In the prefunction area. [115569] Trong khu vực prefunction.

At the registration area of the meeting facilities where provided. [115570] Tại khu vực đăng ký của các phòng họp, nơi được cung cấp.

Meeting signage must be fully functional, clean and well-maintained [50363] Biển báo cuộc họp phải đầy đủ chức năng, sạch sẽ và được bảo trì tốt

Where moveable walls/operable partitions are provided they must meet the following: [13332] Trường hợp cung cấp các vách ngăn/ tường di động thì chúng phải đáp ứng như sau:

Continuous acoustic separation to be provided between adjacent spaces [13334] Cung cấp tách âm liên tục giữa các không gian liền kề

Walls at the termination of operable partitions to be constructed to absorb the impact of the partitions bức tường khi kết thúc các vách ngăn di động phải được thi công để hấp thụ tác động của các vách ngăn

[13336]

Accordion style folding walls are not permitted [13337] Không cho phép tường gấp phong cách Accordion.

Curtain partitions and portable partitions are not permitted [82913] Không cho phép các vách ngăn di động và rèm ngăn

Finishes must coordinate with the interior design concept of the room. [91195] hoàn thiện phải phối hợp với ý tưởng thiết kế nội thất của căn phòng.

The installation of operable walls must be detailed on the underside of the overhead structure in a way that precludes sound transfer between areas created within the meetings rooms/ballrooms. [91196] Lắp đặt các bức tường di động phải được chi tiết ở mặt dưới của cấu trúc trên cao theo cách ngăn chặn sự truyền âm giữa các khu vực trong phòng họp/phòng ballroom.

Configuration must allow movement of any individual partition to occur without removing or relocating another partition. [91197] Cấu hình phải cho phép di chuyển bất kỳ vách ngăn riêng lẻ mà không loại bỏ hoặc di chuyển vách ngăn khác.

When folded away be stored within a concealed stacking alcove [105002] Khi gấp lại được lưu trữ trong một hốc xếp kín

Artwork must be provided in all meeting and function rooms. [102740] Phải cung cấp tác phẩm nghệ thuật trong tất cả các phòng họp và phòng chức năng

Must have designated accent lighting. [115571] Phải có ánh sáng nhấn được chỉ định.

Location of sculptures, where provided, must not restrict any guest or service flows. [115572]

Vị trí của các tác phẩm điêu khắc, nếu được cung cấp, không được hạn chế bất kỳ luồng khách hoặc dịch vụ nào

High quality and professionally displayed. [115573] Chất lượng cao và được trưng bàychuyên nghiệp

Meetings & Events -> Collateral/Stationery phòng họp và sự kiện -> Tài liệu quảng bá/ Văn phòng phẩm

The following collateral and information must be provided in the meeting room. [38514] Phải cung cấp các tài liệu và thông tin sau đây trong phòng họp.

Welcome pack for organiser [38517] Gói chào mừng cho nhà tổ chức

Pictorial fire evacuation notice [38520] Thông báo hình ảnh sơ tán hỏa hoạn

Telephone and internet charges notice on request. [38523] Thông báo chi phí điện thoại và internet theo yêu cầu

Internet access collateral [38526] Tài liệu truy cập internet

Meetings & Events -> Food & Beverage cuộc họp và sự kiện -> Thực phẩm và đồ uống (F&B)

Food & Beverage options must be available for all meetings and events. [2354] Luôn có các lựa chọn F&B cho tất cả phòng họp và sự kiện.

**(Trang 188)**

A coffee and tea station must be provided throughout the meeting duration upon guest request; either set inside or outside the room [50359] Phải cung cấp một quầy cà phê và trà trong suốt thời gian họp theo yêu cầu của khách; hoặc đặt bên trong hoặc bên ngoài phòng

Coffee breaks must be manned [591050] Nghỉ giải lao uống cà phê được phục vụ

Where a banqueting kitchen is provided it must meet the following: [115575] Trường hợp cung cấp một nhà bếp tiệc, nó phải đáp ứng như sau:

Direct connection to back of house corridor for serving the ball room. [115576] Kết nối trực tiếp đến hành lang BOH để phục vụ phòng ballroom.

Located to serve prefunction area. [115577] Bố trí để phục vụ khu vực prefunction.

Located to serve meeting rooms and break out areas. [115578] Bố trí để phục vụ các phòng họp và khu vực giải lao.

Storage area for live cooking stations. [115579] Khu vực lưu trữ cho các quầy nấu ăn trực tiếp

Dish washing area is recommended depending on distance to main kitchen. [115580] Khuyên nghị khu vực rửa chén tùy thuộc vào khoảng cách đến bếp chính

Space to receive, unpack and store food products is recommended. [115581] Khuyến nghị có không gian để nhận, mở và lưu trữ các sản phẩm thực phẩm

Separate and dedicated food storage is recommended. [115582] Khuyến nghị bảo quản thực phẩm riêng biệt và chuyên dụng

Meetings & Events -> Building Services cuộc họp và sự kiện -> Dịch vụ xây dựng

Lighting in the meetings and events spaces must meet the following: [102708] Chiếu sáng trong không gian hội nghị và sự kiện phải đáp ứng như sau:

Dimmer controlled or with series of selectable set lighting levels. [240048] Điều khiển mờ hoặc với một loạt các mức ánh sáng được thiết lập có thể lựa chọn.

Each meeting room or subdivision must have individual lighting control. [240049] Mỗi phòng họp hoặc phòng nhỏ phải có điều khiển ánh sáng riêng.

Central switching [240050] Chuyển mạch trung tâm

Guidelines Hướng Dẫn

• Display lighting for walls and artwork is recommended in larger rooms and pre-function areas. [240051] Khuyến nghị chiếu sáng quảng cáo cho tường và tác phẩm nghệ thuật trong các phòng lớn hơn và khu vực pre-function

Daylight and external views must be controllable. [88235] Ánh sáng ban ngày và hướng nhìn bên ngoài phải được kiểm soát.

Visual privacy must be provided. [88236] Phải cung cấp bảo mật trực quan.

Guidelines Hướng Dẫn

• This can be achieved with sheers, sun shades, horizontal blinds etc. [88237] Điều này có thể đạt được với vải sheer, vải che nắng, rèm ngang, vv

Individual controls and switches must be provided in each meeting room. [2384] Phải cung cấp điều khiển và công tắc riêng trong mỗi phòng họp.

All controls and switches must be grouped together. [68503] Tất cả các điều khiển và công tắc phải được nhóm lại với nhau.

Finishes of all outlets and switch points must coordinate with the interior design. [78057] Hoàn thiện của tất cả các ổ điện và điểm chuyển đổi phải phối hợp với thiết kế nội thất.

All light switches must be fully functional, clean and easy to use. [38506] Tất cả các công tắc đèn phải có đầy đủ chức năng, sạch sẽ và dễ sử dụng.

Floor boxes must be provided and meet the following: [91312] Phải cung cấp ổ cắm âm sàn và đáp ứng như sau:

At predetermined locations within the floor space, allowing for the changing configuration of seating, differing meeting formats, temporary set ups (registration desks or food and beverage stations) and other uses. [91313] Tại các vị trí được xác định trước trong không gian sàn, cho phép thay đổi cấu hình chỗ ngồi, các định dạng cuộc họp khác nhau, thiết lập tạm thời (bàn đăng ký hoặc quầy thực phẩm và đồ uống) và các mục đích sử dụng khác.

Power [115583] Nguồn điện

Data [115584] Dữ liệu

**(Trang 189)**

Telephone outlets [115585] ổ cắm điện thoại

All floor boxes must meet the following: [91191] Tất cả các ổ cắm âm điện phải đáp ứng như sau:

Cover lid with inset to match adjacent floor finishes. [91192] Nắp ghép phù hợp với hoàn thiện sàn liền kề.

Hinged cover [91193] Nắp lật

Hinged outlets for connecting cables. [115586] ổ điện có bản lề để kết nối cáp.

Fully recessed in floor with cover being flush to adjacent floor finishes. [115587]

Hoàn toàn chìm trên sàn với lắp phẳng với các hoàn thiện sàn liền kề.

Power outlets for maintenance must be provided. [115614] Phải cung cấp các ổ cắm điện để bảo trì

With hinged cover [115615] Với nắp lật

Maximum spacing of 15m (50ft) [115616] Khoảng cách tối đa 15m (50ft)

Throughout all meeting facilities including ballrooms and prefunction areas. [115617] Trong toàn bộ cơ sở phòng họp bao gồm phòng ballroom và khu vực prefunction.

Meetings & Events -> Ancillary Facilities cuộc họp và sự kiện -> Cơ sở bổ sung

Public restrooms must be provided and meet the following: [102734] Phải cung cấp nhà vệ sinh công cộng và đáp ứng như sau:

Be adjacent to pre-function meeting areas [109010] Liền kề khu vực họp pre-function

Where cloakrooms are provided they must meet the following: [82036] Trường hợp cung cấp phòng vệ sinh, chúng phải đáp ứng như sau

A minimum of one adjacent to the pre-function area. [115622] Tối thiểu một phòng liền kề với khu vực pre-function

A transaction counter. [115623] Một quầy giao dịch.

Designed to be able to be “closed down” when not in use. [115624] Được thiết kế để có thể “đóng” khi không sử dụng

Finishes in the cloakroom visible to the guest must be continuation of finishes in the pre-function. hoàn thiện trong phòng vệ sinh cho khách dễ nhìn phải tiếp tục hoàn thiện trong pre-function.

[115625]

Guidelines Hướng Dẫn

Depending on climate zones, it is recommended to provide a small closet/wardrobe within the meeting rooms. [115626] Tùy thuộc vào vùng khí hậu, nên cung cấp một tủ đựng/tủ nhỏ trong phòng họp.

Where a prayer room is provided it must meet the following: [8492] Trường hợp cung cấp phòng cầu nguyện, nó phải đáp ứng như sau:

Clearly signed as a prayer room. [78045] Có dấu rõ ràng như một phòng cầu nguyện.

Finishes must coordinate with adjacent public areas. [78046] Hoàn thiện phải phối hợp với các khu vực công cộng liền kề.

Directly accessible from guest circulation area. [78047] Có thể truy cập trực tiếp từ khu vực lưu thông của khách

Meetings & Events -> Pre Function & Breakout Areas cuộc họp và sự kiện -> Pre Function & Khu vực thảo luận

Meetings & Events -> Pre Function & Breakout Areas -> General cuộc họp và sự kiện -> Pre Function & Khu vực thảo luận -> Chung

Pre-function areas must meet the following: [19580] khu vực pre-function phải đáp ứng như sau:

Have one house telephone. [110498] Có một điện thoại trong nhà.

Provided directly adjacent to the meeting facilities. [111296] Cung cấp liền kề với các cơ sở cuộc họp.

**(Trang 190)**

Minimum net area: 30% of the meeting facilities net area. [111297] Diện tích thực tối thiểu: 30% diện tích hiệu dụng phòng họp.

The pre-function area dedicated to a ballroom must be 30% of the ballrooms Net internal area. [114311] Khu vực pre-function dành riêng cho phòng ballroom phải bằng 30% diện tích thực dụng bên trong phòng ballroom.

Guidelines Hướng Dẫn

Natural light is preferred. [19584] Ánh sáng tự nhiên được ưu tiên.

It is recommended that a pantry or a fixed counter for food and beverage service is provided. [103096] Chúng tôi đề nghị cung cấp phòng pantry hoặc quầy cố định cho dịch vụ F&B.

Cloakrooms are recommended adjacent to the pre-function area [221053] Khuyến nghị phòng vệ sinh liền kề với khu vực pre-function

A pre-function area must provide the following facilities: [82403] Một khu vực pre-function phải cung cấp các cơ sở sau:

Dedicated public restrooms [114499] Nhà vệ sinh công cộng chuyên dụng

Temporary check in facilities [114500] cơ sở check-in tạm thời

Beverage stations [114501] quầy đồ uống

Guidelines Hướng Dẫn

The pre-function space should be capable of accommodating several breakout groups in semiprivate areas. [114503] Không gian pre-function phải có khả năng chứa một số nhóm thảo luận trong khu vực bán riêng tư.

Where break out areas are provided they must meet the following: [82031] Trường hợp cung cấp các khu vực thảo luận, chúng phải đáp ứng như sau:

Centrally located and shared between the individual meeting rooms. [116877] Nằm ở trung tâm và chung giữa các phòng họp cá nhân.

Should have a pantry or provide a fixed counter for food and beverage service. [104905] Nên có một phòng pantry hoặc cung cấp một quầy cố định cho dịch vụ F&B.

Natural light is recommended. [115628] Khuyến nghị chiếu sáng tự nhiên.

A external area in addition and with direct connection is recommended. [115629] Ngoài ra, khuyến nghị có một khu vực bên ngoài và với kết nối trực tiếp.

Corridors must meet the following: [90867] hành lang phải đáp ứng như sau:

Minimum 3m (10ft) clear width at meeting rooms. [90872] Chiều rộng tối thiểu 3m (10ft) tại các phòng họp.

Minimum 4.5m (15ft) clear width at ball rooms [90876] Chiều rộng tối thiểu 4,5m (15ft) tại phòng ballrooms.

Minimum ceiling height of 3m (10ft) [90877] Chiều cao trần tối thiểu là 3 m (10ft)

Meetings & Events -> Pre Function & Breakout Areas -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment cuộc họp và sự kiện -> Phòng Pre Function & Khu vực thảo luận -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

Where provided registration desks must meet the following: [90857] Khi được cung cấp các bàn đăng phải đáp ứng như sau:

Counter-top in natural stone or solid surface material. [90858] Mặt bàn bằng đá tự nhiên hoặc vật liệu bề mặt cứng.

Modesty panels or screens [90860] tấm vách ngăn hoặc các tấm che

Designed to be able to be closed off or put into storage when not in use. [90859] Được thiết kế để có thể đóng lại hoặc cất vào kho khi không sử dụng.

Guidelines Hướng Dẫn

• Removable desks that can be put into storage are recommended. [115555] Khuyến nghị có thể cất các bàn có thể di chuyển vào kho.

Meetings & Events -> Pre Function & Breakout Areas -> Fixtures and Fittings cuộc họp và sự kiện -> Phòng Pre Function & Khu vực thảo luận -> Đồ đạc và Thiết bị

**(Trag 191)**

Where planters and floral arrangements are provided they must meet the following: [50344] Trường hợp cung cấp hoa và cây cối, chúng phải đáp ứng như sau:

Coordinate with the interior design. [90795] Phối hợp với thiết kế nội thất.

Their location must not restrict any guest or service flows, and must not reduce flexibility of meeting facilities. [90796] Vị trí của họ không được hạn chế bất kỳ luồng khách hoặc dịch vụ nào và không được giảm tính linh hoạt của các cơ sở phòng họp.

Fitness & Recreation Fitness & Giải trí

Fitness & Recreation -> Fitness Facilities Fitness & Giải trí -> cơ sở fitness

A fitness room must be provided. [2420] Phải cung cấp một phòng fitness.

Directly accessible from public areas away from guest rooms. [41320] Có thể truy cập trực tiếp từ các khu vực công cộng từ các phòng khách.

Guidelines Hướng Dẫn

• Natural daylight and external views are recommended. [241050] Khuyến nghị ánh sáng tự nhiên ban ngày và cảnh quan bên ngoài.

Fitness & Recreation -> Fitness Facilities -> Service Expectations Fitness & Giải trí -> cơ sở fitness -> Mong đợi dịch vụ

Guests must have secured access to a fully equipped on-site fitness centre 24 hours a day, seven days a week. [65501] Khách phải có quyền truy cập an toàn vào trung tâm fitness tại chỗ được trang bị đầy đủ 24 giờ một ngày, bảy ngày một tuần.

The fitness facility must be cleaned regularly throughout the day with a cleaning schedule displayed. Phải dọn dẹp các cơ sở fitness thường xuyên trong suốt cả ngày với một lịch trình dọn dẹp được hiển thị.

[90900]

Fitness centre must be complimentary for in-house guests. [91800] Trung tâm fitness phải miễn phí cho khách lưu trú tại khách sạn.

On-site saunas, swimming pool or spas are not required to be operable 24 hours a day. [859048] Không bắt buộc phòng xông hơi tại chỗ, hồ bơi hoặc spa phải hoạt động 24 giờ một ngày.

Off-site fitness centres are not required to be operable 24 hours a day. [859049] Không bắt buộc các trung tâm fitness ngoài cơ sở phải hoạt động 24 giờ một ngày.

If there is more than one fitness centre on-site, all must have the same operating hours. [65503] Nếu có nhiều hơn một trung tâm fitness tại chỗ, tất cả phải cùng giờ hoạt động.

The 24-hour hours of operation must be posted outside the fitness facility. [65504] 24 giờ hoạt động phải được thông báo bên ngoài cơ sở fitness.

Where the fitness centre is manned, the following must be provided: [66664] Trường hợp trung tâm fitness có người vận hành, phải cung cấp như sau:

Colleagues must be certified in cardiopulmonary resuscitation (CPR) [66665] nhân viên phải được chứng nhận trong hồi sức tim phổi (CPR)

Colleagues must greet guests upon arrival, offer assistance and tour of facilities, equipment and policies [66666] nhân viên phải chào đón khách khi đến, cung cấp hỗ trợ và tham quan các cơ sở, thiết bị và chính sách

Colleagues must offer towel and water service to guests. [66667] nhân viên phải cung cấp dịch vụ khăn tắm và nước cho khách.

Colleagues must thank guests upon departure. [66668] nhân viên phải cảm ơn khách khi rời đi.

Secured access must be provided 24 hours a day, seven days a week. [350399] Phải cung cấp truy cập an toàn 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần.

Colleagues should maintain and respect guest privacy at all times. [66669]   
nhân viên nên phải duy trì và tôn trọng quyền riêng tư của khách.

All fitness centres that exceed 93m² (1,000ft²) should be supported with dedicated, qualified staff.

[350401] Tất cả các trung tâm fitness hơn 93m² (1.000ft²) nên được hỗ trợ với đội ngũ nhân viên tận tâm, có trình độ.

**(Trang 192)**

If the hotel fitness centre is closed for any reason (e.g. renovation), hotel must offer complimentary passes to an off-site facility. [65505] Nếu trung tâm fitness của khách sạn bị đóng cửa vì bất kỳ lý do gì (ví dụ: cải tạo), khách sạn phải cung cấp vé miễn phí cho một cơ sở bên ngoài.

Saunas, swimming pool or spas, are not required to be operable 24 hours a day. [66652] Phòng xông hơi, hồ bơi hoặc spa, không bắt buộc phải vận hành 24 giờ một ngày.

Guests must have access to wireless internet service. [65047] Khách phải có quyền truy cập vào dịch vụ internet không dây.

Broken or damaged equipment must be taken out of service immediately. [66670] Thiết bị hỏng hoặc vỡ phải loại bỏ khỏi dịch vụ ngay lập tức.

Guidelines Hướng Dẫn

• Should be replaced or repaired within 72 hours. [66671] Nên được thay thế hoặc sửa chữa trong vòng 72 giờ.

Professionally presented signage must be placed on any inoperative equipment. [66672] Phải đặt các biển báo được trình bày chuyên nghiệp trên bất kỳ thiết bị không làm việc.

Where a fitness facilities membership is sold to non-residents, a pricing matrix must be in place.

[42193] Khi một thành viên của các cơ sở fitness được bán cho người không cư trú, phải có một sơ đồ giá tại chỗ.

Where third parties are used to provide services, they must adhere to all fitness and recreation related standards. [42196] Khi dùng các bên thứ ba để cung cấp dịch vụ, họ phải tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn liên quan đến fitness và giải trí.

Fitness & Recreation -> Fitness Facilities -> General Fitness & Giải trí -> cơ sở fitness -> Chung

The fitness room floor area must be provided according to the following: [81997] Phải cung cấp diện tích sàn phòng fitness như sau:

One room module for up to 99 rooms. [81998] Một mô-đun phòng cho tối đa 99 phòng.

Two room modules for of 100-249 rooms. [81999] Hai mô-đun phòng cho 100-249 phòng.

Three room modules for a hotel larger than 250 rooms. [82000] Ba mô-đun phòng cho một khách sạn lớn hơn 250 phòng.

Final area requirements and equipment count should be established in consultation with the equipment supplier's technical advisor team. [82001] Nên thiết lập các yêu cầu và số lượng thiết bị khu vực cuối cùng với sự tư vấn với nhóm cố vấn kỹ thuật của nhà cung cấp thiết bị.

The entrance door to the fitness area must meet the following: [51768] Cửa vào khu vực fitness phải đáp ứng như sau:

Must be fully glazed. [134053] Phải được tráng men toàn bộ

Minimum 90cm (3ft) wide [134055] Tối thiểu 90cm (3ft) rộng

Examples of features/markings include coloured lines, decals or patterns. [54544] Ví dụ về các tính năng/đánh dấu bao gồm các dòng màu, đề can hoặc các mẫu.

Double leaf doors are recommended. [134054] Khuyến nghị cửa hai cánh.

Changing facilities must be provided. [91333] Phải cung cấp các cơ sở thay đồ.

Adjacent to the fitness centre [91334] Liền kề với trung tâm fitness

Toilets must be included. [116878] Phải có nhà vệ sinh.

English and local language signage must be provided and based on market need. [78416] Phải cung cấp biển báo tiếng Anh và tiếng địa phương và dựa trên nhu cầu của thị trường.

An area without any equipment must be provided for stretching: [91335] Phải cung cấp một khu vực không có bất kỳ thiết bị phải để mở rộng:

Minimum size of 4.5m² (50ft²) [91336] Kích thước tối thiểu 4,5m² (50ft²)

Cleaning products for equipment must be available for guest use. [45429] Phải luôn có sản phẩm vệ sinh cho thiết bị cho khách sử dụng.

**(Trang 193)**

Must be either disinfectant wipes or spray with paper towels. [45430] Phải là khăn lau khử trùng hoặc xịt bằng khăn giấy

Disclaimer notices on the use of products is required. [45431] Bắt buộc có các thông báo từ chối trách nhiệm sử dụng các sản phẩm.

When paper towels are provided, a wall-mounted dispenser is required. [65046] Khi cung cấp khăn giấy, cần có một hộp đựng treo tường.

Fitness and recreation facilities, including all fixtures and equipment, must be kept clean, tidy and in a hygienic condition. [45433] cơ sở fitness và giải trí, bao gồm tất cả đồ đạc và thiết bị, phải được giữ sạch sẽ, gọn gàng và trong điều kiện vệ sinh.

Supplies must be replenished throughout the day. [45434] Bổ sung các vật tư cả ngày.

Fitness centre must be odour-free. [66937] Trung tâm fitness phải không có mùi.

White towels must be provided for guest use. [350404] Phải cung cấp khăn trắng phải cho khách sử dụng.

Use of towels must be free of charge to guests. [350405] Khách được sử dụng khăn miễn phí.

Material: 100% cotton [350406] Chất liệu: 100% cotton

Available during all hours of operation [350407] Luôn sẵn có trong giờ vận hành hoạt động

Logo: Not permitted [350408] Logo: Không được phép

Design: Must be plain finish with no header or coloured borders. [350409] Thiết kế: Phải được hoàn thiện đơn giản không có tiêu đề hoặc viền màu.

Weight: Minimum 549gm² [350410] Trọng lượng: Tối thiểu 549gm²

Unused towels must be neatly folded and displayed on a shelf or counter top. [8368] Khăn không sử dụng phải được xếp gọn gàng và bày trên kệ hoặc mặt quầy.

Planters and floral arrangements are not permitted in the fitness room. [38618] Không cho phép hoa và cấy cối trong phòng fitness.

Fitness & Recreation -> Fitness Facilities -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment

Fitness & Giải trí -> Cơ sở Fitness -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

Where the fitness centre is manned, a reception desk is required. [91329] Trường hợp trung tâm fitness có người quản lý, cần có bàn tiếp tân.

Reception counter [91330] Quầy lễ tân

Minimum area of 6m² (65 ft²). [91331] Diện tích tối thiểu 6m² (65 ft²).

At minimum, the following fitness equipment must be provided: [2914] Tối thiểu, phải cung cấp các thiết bị thể dục sau đây:

Stretching mats [123058] Thảm trải dài

Motorised treadmill [2915] Máy chạy bộ

Upright or recumbent bike with computerised ergometer [2916] Xe đạp thẳng đứng hoặc ngả với máy đo điện áp

Up to 99 guest rooms: The required three pieces of equipment [32576] Lên đến 99 phòng khách: Ba thiết bị cần thiết

100-249 guest rooms: The required three pieces of equipment plus one additional piece of equipment.

[32575] 100-249 phòng khách: Ba phần thiết bị cần thiết cộng với một phần thiết bị bổ sung.

250+ guest room: The required three pieces of equipment plus two additional piece of equipment. 250+ phòng khách: Ba phần thiết bị cần thiết cộng với hai phần thiết bị bổ sung.

[32574]

Stability balls [116886] Bóng stability ball

Stability Ball 2 Bóng stability ball 2

Stability Ball Example Ví dụ về bóng stability ball

**(Trang 194)**

Guidelines Hướng Dẫn

• Personal headphones should be available for guest's use. [116888] Luôn có tai nghe cá nhân để cho khách sử dụng.

Disposable headphone units should be provided in sealed plastic packaging to prevent re-use. [116889] Nên cung cấp các bộ tai nghe dùng một lần trong bao bì nhựa kín để tránh sử dụng lại.

Separate storage bins for unused and used headphones should be provided. [116890] Nên cung cấp các thùng đựng riêng cho tai nghe không sử dụng và đã qua sử dụng.

If fitness centre is unmanned it is recommended that free weights are not to exceed 9 kg (20lbs).

[116891] Nếu trung tâm fitness khôngd dược quản lý, khuyến nghị rằng free weight không vượt quá 9 kg (20lbs).

Fitness equipment must be commercial grade. [2430] Thiết bị fitness phải là loại thương mại.

Guidelines Hướng Dẫn

Fitness equipment should be provided by either one of the following preferred suppliers: Technogym, Life Fitness, Precor, Nautilus. Nên cung cấp thiết bị fitness bởi một trong những nhà cung cấp ưu tiên sau: Technogym, Life Fitness, Precor, Nautilus.

Or, subject to IHG® approval, from alternative suppliers of equivalent quality equipment. [78065]

Hoặc, theo sự chấp thuận của IHG®, từ các nhà cung cấp thay thế thiết bị chất lượng tương đương.

Treadmills must have the following features as a minimum: [91358] Máy chạy bộ phải có các tính năng tối thiểu như sau:

Treadmill Example 2 Ví dụ máy chạy bộ 2

Motorized [91359] Gắn động cơ

Incline range of 0 to 12% in 10% increments. [91360] Mức độ nghiêng từ 0 đến 12% với gia số 10%.

Treadmill must automatically reset speed to 0kph/mph when restarted. [91361] Máy chạy bộ phải tự động đặt lại tốc độ về 0kph/mph khi khởi động lại.

Automatic belt/deck waxing system [91362] Hệ thống waxing đai/sàn tự động

Reversible deck [91363] Sàn ngược

Minimum 2HP motor system [91364] Hệ thống động cơ tối thiểu 2HP

Heart rate monitoring [91365] Theo dõi nhịp tim

Self-diagnostic system [91368] Hệ thống tự chẩn đoán

Minimum six workout programme options plus a quick start feature [91369] Tối thiểu sáu lựa chọn chương trình workout cộng với tính năng bắt đầu nhanh

LED high visibility console readout to include elapsed time, distance in kilometres, total calories burned, calories burned/hour, heart rate, incline, speed, kph/mph, program profile, Watts [9137 Bảng điều khiển hiển thị đền LED bao gồm thời gian trôi qua, khoảng cách tính bằng km, tổng lượng calo bị đốt cháy, lượng calo bị đốt cháy/giờ, nhịp tim, độ nghiêng, tốc độ, kph/mph, hồ sơ chương trình, Watts .

Cross trainer must have the following features as a minimum: [91371] Thiết bị cross trainer phải có các tính năng tối thiểu như sau:

Electronic [91372] Điện tử

Minimum four workout programme options plus a quick start feature [91373] Tối thiểu bốn lựa chọn chương trình workout cộng với tính năng bắt đầu nhanh

LED high visibility console readout to include elapsed time, distance in kilometres, total calories burned, calories burned/hour, heart rate, incline, speed, kph/mph, program profile, Watts [91374] Bảng điều khiển hiển thị đền LED bao gồm thời gian trôi qua, khoảng cách tính bằng km, tổng lượng calo bị đốt cháy, lượng calo bị đốt cháy/giờ, nhịp tim, độ nghiêng, tốc độ, kph/mph, hồ sơ chương trình, Watts .

Stair climbers must have the following features as a minimum: [91375] Thiết bị stair climber phải có các tính năng tối thiểu như sau:

Minimum eight workout programme options plus a quick start feature [91377] Tối thiểu tám lựa chọn chương trình workout cộng với tính năng bắt đầu nhanh

Electronic [91376] Điện tử

Heart rate monitoring capability with a built in telemetry receiver [91378] Khả năng theo dõi nhịp tim với một máy thu từ xa tích hợp

Minimum 30cm (12in) [91379] Độ cao bậc tối thiểu 30cm (12in)

**(Trang 195)**

LED high visibility console readout to include elapsed time, floors, floors per minute, total calories burned, calories burned/hour, heart rate, program profile, Watts [91380] Bảng điều khiển hiển thị đèn LED bao gồm thời gian chạy máy, sàn, sàn trên phút, tổng lượng calo bị đốt cháy, lượng calo bị đốt cháy/giờ, nhịp tim, độ nghiêng, tốc độ, kph/mph, hồ sơ chương trình, Watts .

Upright bikes must have the following features as a minimum: [91381] Xe đạp thẳng upright bike phải có các tính năng tối thiểu như sau:

Self-powered (no external power source required) [91382] Tự cấp nguồn (không cần nguồn điện bên ngoài)

Constant power feature where workload rate (power) is always the same; as RPM decreases resistance increases, as RPM increases resistance decreases. [91383] Đặc trưng năng lượng không đổi trong đó tốc độ khối lượng công việc (công suất) luôn giống nhau; khi RPM giảm sức chịu đựng tăng, và RPM tăng sức chịu đựng giảm.

Five programme options with quick start feature [91384] Năm lựa chọn chương trình với tính năng bắt đầu nhanh

LED console readout to include elapsed time, distance, total calories burned, calories per hour, kph/mph, pedal RPM, programme profile, Watts [91385] Bảng điều khiển LED bao gồm thời gian chạy máy, khoảng cách, tổng lượng calo bị đốt cháy, lượng calo mỗi giờ, kph/mph, pedal RPM, hồ sơ chương trình, Watts

Recumbent bikes must have the following features as a minimum: [91386] Xe đạp nằm recumbent bike phải có các tính năng tối thiểu:

Self-powered (no external power source required) [91387] Tự cấp nguồn (không cần nguồn điện bên ngoài)

Five programme options with quick start feature [91388] Năm lựa chọn chương trình với tính năng bắt đầu nhanh

LED high visibility console readout to include elapsed time, total calories burned, calories per hour, kph/mph, distance, level, pedal RPM, programme profile, Watts [91389] Bảng điều khiển LED bao gồm thời gian chạy máy, tổng lượng calo bị đốt cháy, lượng calo mỗi giờ, kph/mph, khoảng cách, mức độ, pedal RPM, hồ sơ chương trình, Watts

Individual usage instructions must be displayed on or by each piece of equipment. [45435] Hướng dẫn sử dụng riêng lẻ phải được hiển thị trên hoặc theo từng thiết bị.

All equipment must be well maintained with all displays and features in full working order. [105399] A towel receptacle must be provided for used towels. [599] Tất cả các thiết bị phải được bảo trì tốt với tất cả các màn hình và tính năng hoạt động đầy đủ. [105399] Phải cung cấp một hộp đựng cho khăn đã sử dụng.

A rubbish bin is not a permitted alternative. [38639] Một thùng rác không cho phép như vật thay thế.

Guidelines Hướng Dẫn

• Where the receptacle is free standing, a lid is recommended. [66895] Trường hợp thùng chứa đứng độc lập, nên có nắp

Water must be available from a dispenser or factory-sealed bottles must be provided. [38620] Luôn có nước từ một bộ phân phối hoặc cung cấp chai dán kín công nghiệp

Where bottled water is provided, these must be neatly placed on a shelf, counter-top or in a fridge

[38625] Khi cung cấp nước đóng chai, phải được đặt gọn gàng trên kệ, mặt quầy hoặc trên tủ lạnh

Where bottled water is provided, it must be Holiday Inn Resort® branded, either by label or water bottle tag. [163106] Khi cung cấp nước đóng chai, nó phải có nhãn hiệu Holiday Inn Resort®, theo nhãn hoặc thẻ chai nước.

Brand Central Path for artwork files\_Sample water bottle security label sticker Brand Central Path cho các file hình ảnh\_Sample nhãn dán an toàn cho chai nước

Sample water bottle security label sticker Sample nhãn dán an toàn cho chai nước

Đường Trung Tâm Thương Hiệu cho các hồ sơ tác phẩm nghệ thuật\_ Nhãn dán an toàn chai nước mẫu

Nhãn dán an toàn chai nước mẫu

Guidelines Hướng Dẫn

Water dispensers are recommended [78425] Khuyến nghị dùng bình nước lọc

Empty water dispensers should be stored at the back of house [91435] bình nước lọc rỗng nên được để tại khu vực BOH.

Disposable paper cups are recommended [591052] Khuyến nghị các cốc giấy dùng một lần.

A television must be provided and meet the following: [102712] Cung cấp một ti vi và đáp ứng như sau:

TV and/or radio channels are required in the fitness facilities. [110520] Yêu cầu các kênh radio và/ ti vi trong các phòng fitness.

Wall mounted and securely fixed [116937] Gắn tường và cố định an toàn

Minimum diagonal screen size of 81cm (32in). [136223] Kích thước màn hình chéo tối thiểu 81cm (32in).

**(Trang 196)**

The following channels must be provided: [105411] kênh sau phải được cung cấp:

24-hour news [105412] Tin tức 24 giờ

Music channel. [105413] Kênh âm nhạc.

At least one hand sanitiser dispenser must be provided. [78428] Ít nhất phải cung cấp một thiết bị đựng nước rửa tay.

A wall mounted clock must be provided. [78424] Phải cung cấp một đồng hồ treo tường.

Seconds must be displayed. [91390] Hiển thị giây.

Guidelines Hướng Dẫn

• A digital clock is preferred. [91391] Một chiếc đồng hồ kỹ thuật số được ưa tiên.

A rubbish bin must be provided. [607] Cung cấp một thùng rác.

Placed close to the exit [78395] Đặt gần lối thoát.

Weighing scales must be provided. [43771] Phải cung cấp cân đĩa.

All facilities and equipment must be clean and well maintained at all times. [66933] Tất cả các cơ sở và thiết bị phải sạch sẽ và được bảo trì tốt.

Floor finishes in the fitness area must meet the following: [102713] Hoàn thiện sàn trong khu fitness phải đáp ứng như sau:

Anti-microbial carpeting or timber or vinyl flooring. [138048] Thảm kháng khuẩn hoặc sàn gỗ hoặc vinyl.

Appropriate shock resistant mats below equipment. [138049] Thảm chống sốc phù hợp dưới thiết bị.

Concrete floor finishes are not permitted. [138050] Không cho phép hoàn thiện sàn bê tông.

Fitness & Recreation -> Fitness Facilities -> Fixtures and Fittings Fitness & Giải trí -> cơ sở fitness -> Đồ đạc và Thiết bị

The fitness centre entrance must be clearly marked with signage. [78415] Lối vào trung tâm fitness phải được đánh dấu rõ ràng bằng biển báo.

Professionally prepared signage must be provided: [582] Phải cung cấp biển báo chuẩn bị chuyên nghiệp.

Hours of operation must be posted at the entrance to the fitness room. [583] Phải thông báo thời gian vận hành tại lối vào phòng fitness.

A purpose built unit must be provided to store the following: [78420] Phải cung cấp thiết bị cho các mục địch để đựng như sau:

Towels. [78421] Khăn tắm.

Water bottles where provided. [78422] chai nước nếu được cung cấp.

Located at entrance [78423] Đặt tại lối vào.

Mirrors must be provided and meet the following: [40185] Phải cung cấp gương và đáp ứng như sau:

Wall mounted and securely fixed [78398] Gắn tường và cố định an toàn

With polished edges or frame. [78399] Với các cạnh hoặc khung được đánh bóng.

A minimum of one wall with full height mirrors. [91393] Tối thiểu một bức tường với gương cao toàn phần.

Artwork and artefacts are not permitted. [40193] Không cho phép tác phẩm nghệ thuật và đồ tạo tác.

Fitness & Recreation -> Pool Fitness & Giải trí -> Bể bơi

Fitness & Recreation -> Pool -> General Fitness & Giải trí -> Bể bơi -> Chung

**(Trang 197)**

A swimming pool is required. [41410] Yêu cầu một bể bơi.

The main pool must meet the following: [78405] bể bơi chính phải đáp ứng như sau:

Minimum size of 15m (50ft) by 7m (23ft) [91596] Kích thước tối thiểu 15m (50ft) x 7m (23ft)

A minimum perimeter pool deck of 1.5m (5ft) hard surface. [78407] Một sàn hồ bơi phạm vi tối thiểu 1,5m (5ft) bề mặt cứng.

Standing shower. [78408] Nhà tắm đứng.

Sun deck (outdoor pools only), seating or lounge area [78409] Sân thượng tắm nắng (chỉ bể bơi ngoài trời), khu vực tiếp khách hoặc phòng lounge

Pool depths must be clearly displayed in both feet and metres. [91600] Độ sâu bể bơi phải được hiển thị rõ ràng ở cả hai feet và mét.

Guidelines Hướng Dẫn

• A depth range of 1.2m (4ft) to 1.5m (5ft) is recommended. [116944] Khuyến nghị phạm vi độ sâu từ 1,2m (4ft) đến 1,5m (5ft)

The main poolmust have a towel station. [91608] hồ bơi chính có một quầy khăn.

Pool towels must be provided and meet the following: [67102] Phải cung cấp khăn tắm bể bơi và đáp ứng như sau:

Towels must be neatly displayed within a purpose built unit. [66950] Khăn phải được xếp gọn gàng trong một thiết bị được xây dựng cho một mục đích nhất định.

Logo: Not permitted [67103] Logo: Không được phép

Design: Must be distinguished from bathroom towels by coloured stripes or other markings [67104] Thiết kế: Phải được phân biệt với khăn tắm bằng sọc màu hoặc các nhãn khác

Materials: 100% Cotton [67106] Chất liệu: 100% Cotton

Pile: Twofold [67107] Đầu lông nhung: gấp đôi

Size: 102cm (41 in) x 203cm (81 in) [67111] Kích thước: 102cm (41 in) x 203cm (81 in)

Weight: Minimum 500gm² [67112] Trọng lượng: Tối thiểu 500gm²

Colour: Either green and white (city hotels) or purple and white (resorts). [67525]

Màu sắc: Màu xanh lá cây và màu trắng (khách sạn thành phố) hoặc màu tím và trắng (khu nghỉ dưỡng).

Colour: Plain white towels are not permitted [67105] Màu sắc: Không cho phép khăn trắng trơn

Guidelines Hướng Dẫn

Towel inventory should be replenished a minimum of two times per day, after early morning and evening peak usage periods. [66951] Hàng tồn kho khăn nên được bổ sung tối thiểu hai lần mỗi ngày, sau thời gian sử dụng cao điểm vào sáng sớm và buổi tối.

Yarn: NE 20s Zero Twist [67108] Sợi: NE 20s Zero Twist

Construction: 2/20s x Ne 10/1 x Ne 16/1 [67109]

Thi công: 2/20s x Ne 10/1 x Ne 16/1

Hemming: Towels should be hemmed on four sides. Hem width is approximately 10mm (0.4in), double stitched. Cross hems should be lock-stitched, minimum three stitches per 10mm (0.4in) using polyester or polycotton thread which must not shrink in excess of the fabric. [67113]

Đường viền: Khăn nên được viền ở bốn phía. Chiều rộng viền xấp xỉ 10 mm (0,4in), khâu đôi. đường viền chéo phải được khâu chằng, tối thiểu ba mũi trên 10 mm (0,4in) bằng cách sử dụng sợi polyester hoặc polyc Bông không được co lại quá mức của vải.

**(Trang 198)**

Suggested suppliers: nhà cung cấp được gợi ý:

UAE (Dubai), B&B Solutions FZC, Anita Dey, bnbsolns@emirates.net.ae, +971 4 327 3664 UAE (Sharjah], Greenline FZC, T. Ramachandran, ram@greenline.biz, +971 6 557 8990

Egypt (Cairo), Smart Hotel Supplies, Amir Abdullah, Amir.abdullah@smartcnt.com, +202 241 2211 Australia (Brisbane), Killarney Linen, David Bray, davidb@killarney-linen.com.au, +614 1864 0090 Australia (Melbourne), Polar Linen, John Childs, jchilds@internode.on.net, +614 3167 4414 Australia (Melbourne), Calzac Australia, Sam Samarasekera, ceronus@bigpond.com, +614 3441 1656 Australia (Melbourne), Auxico Corporation, Monica Teh, monica@auxico.com.au,+613 9338 7388 China (Huai’an), Jiangsu Canasin Weaving Co, Maureen Gao, gyq@canasin.com, +86 51785 206926 China (Jiangsu), Nantong SIDEFU Textile Co, Leo Qian, leo@sidefu-china.an, +86 51383 584896

China (Shenzhen), Shenzhen Heng An Xing Hotel Supplies Co, Crystal Guo, Crystal@haxgroup.com, +86 75525 128790 [67114]

A receptacle for used pool towels must be provided. [28572] Phải cung cấp một thùng đựng các khăn tắm đã qua sử dụng.

All pools must be constructed as in-ground pools. [240053] Tất cả các hồ bơi phải được xây dựng như hồ bơi trên mặt đất.

For outdoor pools, landscaping is required around the exterior perimeter of the pool enclosure fence.

[40197] Đối với hồ bơi ngoài trời, yêu cầu cảnh quan xung quanh phạm vi bên ngoài của hàng rào bao quanh hồ bơi.

Where a children's pool is provided it must meet the following: [91606] Trường hợp cung cấp một bể bơi trẻ em, nó phải đáp ứng những điều sau đây:

Separated from the main pool by a minimum of 3m (9.1ft) [91607] Tách khỏi bể chính tối thiểu là 3 m (9.1ft)

Whirlpools are not permitted. [65010] Không cho phép xoáy nước.

Fitness & Recreation -> Pool -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment

Fitness & Giải trí -> Bể bơi -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

Pool loungers are required and must meet the following: [243048] Yêu cầu ghế hồ bơi và phải đáp ứng như sau:

Must be commercial quality and rated for exterior use. [243049] Phải có chất lượng thương mại và tính toán để sử dụng bên ngoài.

One style and coordinate with the design of the pool area [243050] Một phong cách và phối hợp với thiết kế của khu vực hồ bơi

Must not intrude on the clear deck space required around the perimeter of the pool. [243051] Không được xâm nhập vào không gian boong rõ ràng được yêu cầu xung quanh phạm vi của hồ bơi.

Guidelines Hướng Dẫn

• Chaise lounges are recommended. [243052] Khuyến nghị ghế dài.

Tables must be provided. [40214] Phải cung cấp các bàn.

Must be commercial quality and rated for exterior use. [40218] Phải có chất lượng thương mại và tính toán để sử dụng bên ngoài.

All tabletops must be shatter resistant. [40222] Tất cả các mặt bàn phải chống vỡ.

Where a pool bar is provided it must meet the following: [91444] Trường hợp cung cấp một bar bể bơi, nó phải đáp ứng như sau:

**(Trang 199)**

All under counter equipment must be concealed from guest’s view. [116946] Tất cả các thiết bị dưới quầy phải được che khuất khỏi tầm nhìn của khách.

Minimum of two point of sale stations. [116947] Tối thiểu hai trạm POS.

A variety of seating including high seating at the bar and low seating adjacent. [116948] Một loạt các chỗ ngồi bao gồm chỗ ngồi cao tại quầy bar và chỗ ngồi thấp liền kề.

One main telephone with guest name display. [116949] Một điện thoại chính có hiển thị tên khách.

Fitness & Recreation -> Spa Fitness & Giải trí -> Spa

Fitness & Recreation -> Spa -> Service Expectations Fitness & Giải trí -> Spa -> Mong đợi dịch vụ

Printed spa treatment menus must be available in all guest rooms. [70987] Luôn có tài liệu thực đơn trị liệu spa trong tất cả các phòng khách.

Must be current. [70988] Phải phổ biến.

Guidelines Hướng Dẫn

Where possible, a digital menu on the TV may also be additionally provided. [70990] Nếu có thể, cung cấp thêm một menu kỹ thuật số trên TV.

Where possible guests should be able to make/see spa reservations/appointment availability via the electronic guest directory. [70994] Nếu có thể, khách sẽ có thể đặt/xem đặt phòng spa/phòng hẹn thông qua thư mục khách điện tử.

The spa must be open and ready for guests at the advertised opening time. [69219] Spa phải mở và sẵn sàng cho khách vào giờ mở cửa được quảng cáo.

Guidelines Hướng Dẫn

Each spa should have an up to date checklist, that includes all daily opening tasks and visual checks required. [70442] Mỗi spa nên có một danh sách cập nhật, bao gồm tất cả các nhiệm vụ mở hàng ngày và kiểm tra trực quan bắt buộc.

Guests must be able to make reservations for spa services outside of spa operating hours. [70909] Khách phải có thể đặt chỗ cho các dịch vụ spa ngoài giờ vận hành của spa.

Guidelines Hướng Dẫn

Where possible access to the spa software booking system should be available at hotel reception and the hotel reception team empowered to make a reservation. [70910] Nếu có thể, nên cho phép truy cập vào hệ thống đặt phòng phần mềm spa tại quầy lễ tân khách sạn và phía lễ tân sẽ cho phép đặt phòng.

When registering for a treatment, spa colleagues must advise guests of suitable attire for thermal cabin use. [70946] Khi đăng ký trị liệu, các nhân viên spa phải tư vấn cho khách về trang phục phù hợp để sử dụng cabin nhiệt.

Guidelines Hướng Dẫn

The code of dress for a thermal cabin/area should be dependent upon local cultural sensibilities and availability of single sex or mixed thermal facilities. [70947] Trang phục cho cabin/khu vực nhiệt nên phụ thuộc vào độ nhạy cảm văn hóa địa phương và tính sẵn có của giới tính đơn lẻ hoặc các cơ sở nhiệt hỗn hợp.

Where bathing costumes are required to be worn in thermal cabins, spa colleague should offer either a disposable option or a bathing costume for purchase. [70948] Trong trường hợp bắt buộc mặc trang phục tắm trong cabin nhiệt, nhân viên spa nên cung cấp tùy chọn dùng một lần hoặc trang phục tắm để mua bán.

All reserved spa services must have a cancellation policy. [70917] Tất cả các dịch vụ spa kín đáo phải có chính sách hủy bỏ.

The guest must be advised of the cancellation policy at the time of booking. [70918] Khách phải được thông báo về chính sách hủy tại thời điểm đặt phòng.

Guests must be advised of complimentary or additional services at the time of making a reservation.

[70911] Khách phải được thông báo về các dịch vụ miễn phí hoặc bổ sung tại thời điểm đặt phòng.

Guest must be advised of any related services to enhance their visit. (e.g. thermal cabins, complementing treatments) [70912] Khách phải được thông báo về bất kỳ dịch vụ liên quan để tăng cường trải nghiệm lưu trú của họ. (ví dụ: cabin nhiệt, phương pháp trị liệu bổ sung)

Guidelines Hướng Dẫn

• Guest should be asked upon checking in to the hotel if they wish to make any spa reservations. [70913] Khách nên được hỏi sau khi nhận phòng khách sạn xem họ muốn đặt phòng spa.

**(Trang 200)**

• Hotel colleagues in other departments should be educated on spa services. [70914] nhân viên khách sạn ở các bộ phận khác nên được giáo dục về các dịch vụ spa.

All external enquiries must be dealt with immediately, where possible, or responded to within 24 hours (by telephone, e-mail or in writing). [70915] Tất cả các yêu cầu bên ngoài phải được xử lý ngay lập tức, nếu có thể hoặc phản hồi trong vòng 24 giờ (qua điện thoại, e-mail hoặc bằng văn bản).

Internal phone inquiries must be responded to within one hour. [70916] Yêu cầu điện thoại nội bộ phải được trả lời trong vòng một giờ.

All guests must be welcomed as they approach and enter the spa. [70898] Tất cả khách phải được chào đón khi họ đến gần và vào spa.

A designated receptionist must welcome guests during operation hours. [70899] Một nhân viên tiếp tân được chỉ định phải đón khách trong giờ hoạt động.

The guest must be greeted in a warm and friendly manner and offered assistance. [70900] Khách phải được đón tiếp thân thiện và nồng ấm và được đề nghị hỗ trợ.

Colleagues must welcome each guest using a locally appropriate greeting, suited to the time of day.

[70901] Nhân viên phải chào đón từng vị khách theo phong tục địa phương, phù hợp với thời điểm trong ngày.

Returning spa guests must be recognised and acknowledged by using their name and a polite greeting. [70902] Khách trở về spa phải được xác nhận và báo nhận bằng cách sử dụng tên của họ và lời chào lịch sự.

All spa guests visiting for the first time must be offered and given a tour of the spa facilities. [70933] Tất cả khách đến spa lần đầu tiên phải được mời tham quan các cơ sở spa.

The spa must have a complimentary Welcome Offering for each guest at the beginning of their spa visit. [70903] Spa phải có Dịch Vụ Chào Đón miễn phí cho mỗi khách khi bắt đầu chuyến thăm spa của họ.

Guidelines Hướng Dẫn

The Welcome Offering should represent local culture and style. [70904] Dịch Vụ Chào Đón nên đạo diện cho văn hóa và phong cách địa phương.

Each member of the spa team should be trained to prepare and deliver the Welcome Offering. [70905] Mỗi thành viên của nhóm spa nên được đào tạo để chuẩn bị và cung cấp Dịch Vụ Chào Đón.

Each spa colleague who is expected to sell retail items must have comprehensive knowledge of the related retail product. [70928] Mỗi nhân viên spa dự kiến bán các mặt hàng bán lẻ phải có kiến thức chuyên sâu về sản phẩm bán lẻ liên quan.

All spa retail selling employees must participate in sales training. [70929] Tất cả nhân viên bán lẻ spa phải tham gia đào tạo bán hàng.

Documented sales training must be maintained. [91440] Phải duy trì đào tạo bán hàng dưới dạng văn bản.

Guidelines Hướng Dẫn

Each spa should endeavour to create a 'retail culture' by e.g. consistent programmes of refresher product knowledge training, product of the week, recognition of good sales performance and coaching of poor sales performance. [70930] Mỗi spa nên cố gắng xây dựng một “văn hóa bán lẻ” theo, ví dụ như các chương trình đào tạo bồi dưỡng kiến thức sản phẩm nhất quán, sản phẩm của tuần, công nhận nhân viên bán hàng giỏi và đào tạo nhân viên bán hàng kém.

The spa therapist must indicate to the guest once the treatment is finished. [70961] Nhà trị liệu spa phải chỉ định cho khách sau khi hoàn thành trị liệu.

The spa therapist must ask the guest if they have enjoyed the treatment upon completion and thank them. [70962] Nhà trị liệu spa phải hỏi khách xem họ có tận hưởng sau khi hoàn thành trị liệu và cảm ơn họ.

The spa therapist must offer the guest a beverage at the end of the treatment and serve it to them.

[70963] Nhà trị liệu spa phải cung cấp cho khách một đồ uống vào cuối quá trình điều trị và phục vụ cho họ.

Guests must be provided with access to drinking water as a minimum in the thermal suite and wet relaxation rooms. [70941] Phải cung cấp cho khách nước uống tối thiểu trong phòng suite nhiệt và phòng thư giãn ẩm ướt.

Fresh clean towels for guest use must be available. [70944] Luôn có khăn tắm sạch và mới cho khách sử dụng.

Any serveware used must be non-breakable. [91441] Tất cả các thiết bị serveware phải không thể làm vỡ.

Glassware is not permitted in the thermal suite area. [70942] Không cho phép đồ thủy tinh trong khu vực suite nhiệt.

Alcohol is not permitted in the thermal suite or hydro-pool area. [70943] Không cho phép đồ cồn trong phòng suite nhiệt hoặc khu vực bể bơi.

Fitness & Recreation -> Spa -> General Fitness & Giải trí -> Spa -> Fitness chung

**(Trang 201)**

Where a spa is provided it must include the following: [91445] Trường hợp cung cấp một spa, phải bao gồm như sau:

Lobby and reception. [91446] Sảnh và quầy lễ tân.

Treatment rooms [91447] phòng trị liệu

Locker/dressing rooms [91448] phòng thay đồ/ đựng quần áo

Toilets [91450] nhà vệ sinh

Relaxation room [91454] Phòng nghỉ ngơi

The lobby and reception must include the following: [91458] Tiền sảnh và quầy lễ tân phải bao gồm:

Reception desk [91459] Bàn lễ tân

Lounge seating for two guests as a minimum [91462] Tối thiếu có chỗ ngồi lounge cho hai khách

Where a spa is provided, acoustical and visual separation must be provided between the fitness centre and spa. [91332] Khi cung cấp một spa, phải phân tách âm thanh và hình ảnh giữa trung tâm fitness và spa.

Spa collateral must be provided and include the following: [70919] Cung cấp tài liệu spa và bao gồm như sau:

Must be clean with no creasing or dogged corners. [101023] Phải được làm sạch không có nếp nhăn hoặc góc.

Current information [241048] Thông tin hiện tại

Where spa retail items are offered, they must be placed near to the spa reception or at a dedicated retail area. [70921] Nếu cung cấp các mặt hàng bán lẻ spa, chúng phải được đặt gần quầy lễ tân spa hoặc tại một khu vực bán lẻ chuyên dụng.

Retail sales items must be in date and in brand new condition. [70923] mặt hàng bán lẻ phải được cập nhật và trong tình trạng hoàn toàn mới.

Any labels or written text that forms part of a display must be printed. [70925] Phải in bất kì nhãn dán hoặc chữ viết tạo thành phần của màn hiển thị.

A list/menu of currently stocked items for sale must be available. [70926] Luôn có một danh sách/menu của các mặt hàng hiện đang được bán

List/menu sales items must be displayed as spa collateral or available for employees at the point of sale or within the retail area. [91442] Phải trưng bày các tài liệu bán hàng menu/ danh sách như tài liệu spa hoặc luôn sẵn có cho các nhân viện tại điểm bán hàng POS hoặc trong khu vực bán lẻ.

Must be secured or kept under supervision. [70922] Phải được giữ an toàn hoặc giám sát.

Prices on the list/menu of sales items must be displayed in the local currency. [91443]

Any items for retail sale must meet legal and contractual guidelines. [91399] Bất kỳ mặt hàng để bán lẻ phải đáp ứng các hướng dẫn hợp pháp và hợp đồng.

All retail and/or decorative displays must be clean and well maintained. [70924] Phải dọn dẹp sạch sẽ và bảo trì tốt tất cả các quầy trang trí và/ hoặc bán lẻ.

Hand written labels are not permitted. [91400] Không cho phép các nhãn dán viết tay.

Guidelines Hướng Dẫn

Recommend that each spa identify the retail products that link with each spa treatment, including spa massage and categorise them. (E.g.: facial skin care products with facials, body care products with spa body treatments, massage oils with massage). [70927] Đề nghị mỗi spa xác định các sản phẩm bán lẻ liên kết với từng trị liệu spa, bao gồm massage spa và phân loại chúng. (Ví dụ: các sản phẩm chăm sóc da mặt với chăm sóc da mặt, các sản phẩm chăm sóc cơ thể với các liệu pháp chăm sóc cơ thể spa, dầu massage với massage).

Treatment rooms must meet the following: [91482] Phòng điều trị phải đáp ứng như sau:

Equipped with its own dedicated sound system. [91488] Được trang bị hệ thống âm thanh chuyên dụng của riêng mình.

Lighting must be dimmable. [91490] Ánh sáng phải được làm mờ dimmable.

Mix of treatment rooms must be established to meet local market demands and is subject to IHG® approval. [91484] Tổ hợp các phòng điều trị phải được thành lập để đáp ứng nhu cầu thị trường địa phương và phải được IHG® phê duyệt.

Signage must indicate whether room is in use or not. [91485] Biển hiệu phải cho biết phòng đang có người dùng hay không.

**(Trang 202)**

Minimum of one robe hook [91486] Tối thiểu một móc áo

Minimum of one guest chair. [91487] Tối thiểu một ghế ngồi cho khách

Individual temperature control. [91489] Kiểm soát nhiệt độ cá nhân.

All relaxation rooms must have reading materials, accessible to all guests. [70934] Tất cả các phòng nghỉ ngơi phải có tài liệu đọc, cho tất cả khách vào.

Reading materials must include newspapers, periodicals and books. [70935] Tài liệu đọc phải bao gồm báo, tạp chí và sách.

All reading materials must be current, with newspapers changed daily and periodicals changed at least once every two months. [91401] Tất cả các tài liệu đọc phải mới, với các tờ báo thay đổi hàng ngày và định kỳ thay đổi ít nhất hai tháng một lần.

All reading materials must be clean with no creasing or dogged corners. [91402] Tất cả các tài liệu đọc phải được sạch sẽ, không có nếp nhăn hoặc quăn góc.

Guidelines Hướng Dẫn

Each spa should ensure that their 'reading list' meets or exceeds expectations of guests from their main source markets. [70936] Mỗi spa phải đảm bảo rằng 'danh sách đọc' của họ đáp ứng hoặc vượt trên mong đợi của khách hàng từ các thị trường nguồn chính của họ.

Relaxation rooms must meet the following: [91474] Phòng thư giãn phải đáp ứng như sau:

Refreshment station [91476] Quầy nghỉ ngơi

Individual temperature control [91478] Kiểm soát nhiệt độ cá nhân

Lighting must be dimmable. [91479] Ánh sáng phải được làm mờ

Equipped with its own dedicated sound system. [91483] Được trang bị hệ thống âm thanh chuyên dụng của riêng mình.

Screened from sound [91477] Che chắn khỏi âm thanh

Treatment rooms must not open directly into the relaxation room. [116601] Phòng trị liệu không được mở trực tiếp vào phòng thư giãn.

Guidelines Hướng Dẫn

Depending on the size of spa and market demand, single sex relaxation areas are recommended. In this case, seats should be provided at a ratio of 70% of the number of treatment rooms for women and 30% of the number of treatment rooms for men. [91481] Tùy thuộc vào quy mô của spa và nhu cầu thị trường, khuyến nghị các khu vực thư giãn cho từng giới tính. Trong trường hợp này, chỗ ngồi nên được phân bổ với tỷ lệ 70% số phòng trị liệu cho phụ nữ và 30% số phòng trị liệu cho nam giới.

Minimum of 1.5 seats per treatment room. [91480] Tối thiểu 1,5 chỗ cho mỗi phòng trị liệu.

All towelling or linen used on loungers in the dry relaxation room must be changed after each guest use. [70937] Tất cả khăn hoặc vải lanh được sử dụng trên ghế trong phòng thư giãn khô phải được thay đổi sau mỗi lần khách sử dụng.

At a minimum guest amenities in the toilets and at hand basin stations must include the following:

[70986] Tối thiểu các tiện nghi cho khách trong nhà vệ sinh và quầy rửa tay phải bao gồm như sau:

Hand lotion [101025] Chăm sóc tay

Hand wash [101026] Rửa tay

Facial tissues [91421] Khăn lau

Facial Tissue Example Ví dụ về khăn lau

Sanitary bags are required in female facilities only. [96797] Yêu cầu có các túi vệ sinh chỉ trong các cơ sở cho nữ.

All parts of the spa must be clean and well maintained at all times. [70456] Tất cả các bộ phận của spa phải luôn sạch sẽ và được bảo trì tốt.

All treatment room furniture, equipment and utensils must be kept clean and well maintained at all times. [70461] Tất cả đồ nội thất, thiết bị và dụng cụ phòng trị liệu phải được giữ sạch sẽ và bảo trì tốt.

**(Trang 203)**

Walls and floors must be free of mould, dirt, scuffs and stains. [70462] Tường và sàn phải không có nấm mốc, bụi bẩn, trầy xước và vết bẩn.

All spa linen must be stored in conditions that allow the linen to remain clean and free of moisture. [70463] Tất cả vải lanh spa phải được bảo quản trong điều kiện cho phép vải lanh sạch và không bị ẩm.

Daily cleaning of spa areas must not be carried out when guests are present. [70469] Phải vệ sinh khu vực spa hàng ngày khi có khách.

The reception desk must be kept tidy and free of clutter. [70471] Bàn tiếp tân phải được giữ gọn gàng và không lộn xộn.

Where possible the majority of cleaning in the spa should be conducted out of operating hours. [70472] Nếu có thể, phần lớn việc dọn dẹp spa nên được tiến hành ngoài giờ vận hành.

Each spa reception should have a separate day and evening/night light setting. [70473] Mỗi quầy lễ tân spa nên có một cài đặt chiếu sáng ban ngày và buổi tối/đêm riêng biệt.

Where possible all wiring for electrical devices such as computers and telephone should be hidden from view. [70475] Nếu có thể, tất cả hệ thống dây điện cho các thiết bị điện như máy tính và điện thoại nên được khuất khỏi tầm nhìn.

Daylight and external views must be controllable. [91697] Chiếu sáng ban ngày và bên ngoài phải được kiểm soát.

Visual privacy must be provided. [91698] Phải cung cấp tính bảo mật trực quan.

Guidelines Hướng Dẫn

• This can be achieved with sheers, sun shades, horizontal blinds etc. [91699] Có thể dùng vải sheer, vải che nắng, rèm ngang, vv

Fitness & Recreation -> Spa -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment

Fitness & Giải trí -> Spa -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

The reception desk must meet the following: [91464] Bàn lễ tân phải đáp ứng như sau:

Be visible from the main entrance. [91465] Có thể thấy từ lối vào chính.

Storage for collateral. [91466] Tủ đựng tài liệu.

All storage must be out of guest view. [91467] Tất cả tủ đựng phải ngoài tầm nhìn của khách

All technical equipment and cabling must be screened from guest facing side. [91468] Tất cả các thiết bị kỹ thuật và hệ thống cáp phải được che khuất khỏi đối diện khách.

Tasklighting [91469] Chiếu sáng bổ sung

Finished materials that coordinate with the interior design scheme of the spa. [91471] Vật liệu hoàn thiện phối hợp với sơ đồ thiết kế nội thất của spa.

Point of Sale (POS) system [116599] Hệ thống POS

For spas with more than ten treatment rooms, one additional station for every further five rooms or part thereof must be provided. [116600] Đối với các spa có hơn mười phòng trị liệu, phải cung cấp thêm một trạm cho năm phòng một hoặc một phần trong số đó.

Ceilings in treatment rooms must meet the following: [91700] Trần trong phòng điều trị phải đáp ứng như sau:

All services and their outlets must be screened from guest views. [91701] Tất cả các dịch vụ và quầy hàng của họ phải khuất khỏi tầm nhìn của khách.

Lighting must be indirect. [91702] Chiếu sáng phải không trực tiếp.

Fitness & Recreation -> Changing Rooms Fitness & Giải trí -> Phòng thay đồ

Fitness & Recreation -> Changing Rooms -> General Fitness & Giải trí -> Phòng thay đồ -> Chung

Where changing rooms are provided they must meet the following:

Trường hợp cung cấp phòng thay đồ, chúng phải đáp ứng như sau:

**(Trang 204)**

Separate male and female facilities must be provided. [91729] Phải cung cấp các cơ sở nam và nữ riêng biệt.

Changing cubicles [91730] tủ thay đồ

Lockers [91731] tủ đựng

Toilets [91732] phòng vệ sinh

Showers [91733] phòng tắm

Wet grooming area [91734] Khu vực chải chuốt ướt

Dry grooming area [91735] Khu vực chải chuốt khô

Wash hand basins [91736] bồn rửa tay

Vanity area [91737] Khu vực trang điểm

Full length mirror [91738] Gương dài toàn phần

Guidelines Hướng Dẫn

• Locker room toilets should be positioned in the dry zone of the locker and changing room area. [91739] Nhà vệ sinh phòng thay đồ nên được đặt ở khu vực khô ráo của tủ khóa và khu vực phòng thay đồ.

Male toilets must meet the following: [92555] Nhà vệ sinh nam phải đáp ứng như sau:

Minimum of two cubicles must be provided. [92556] Phải cung cấp tối thiểu hai tủ.

One additional cubicle for every five treatment room over 15. [92557] Một tủ bổ sung cứ mỗi năm phòng trị liệu trên 15.

Minimum of two urinals. [92558] Tối thiểu hai bồn tiểu.

Three urinal for spas with more than 12 treatment rooms. [92559] Ba bồn tiểu cho các spa với hơn 12 phòng trị liệu.

Four urinal for spas with more than 20 treatment rooms. [92560] Bốn bồn tiểu cho các spa với hơn 20 phòng trị liệu.

Female toilets must meet the following: [92552] Nhà vệ sinh nữ phải đáp ứng như sau:

Minimum of two cubicles must be provided. [92553] Cung cấp tối thiểu hai khối.

One additional cubicle for every five treatment rooms over eight. [92554] Một tủ bổ sung cứ mỗi năm phòng trị liệu trên tám.

Wet grooming areas must meet the following: [92561] Phải đáp ứng các khu vực chải chuốt ướt như sau:

Vanity area with hand wash basins. [92562] Khu vực trang điểm với bồn rửa tay.

Vanity area must be located adjacent to the toilets. [92563] Khu vực trang điểm phải liền kề với nhà vệ sinh.

Rubbish bins [92564] thùng rác

Receptacles for used towels [92565] thùng đựng khăn đã sử dụng

Display storage for fresh towels [92566] Tủ đựng bày biện các khăn mới

Dry grooming areas must meet the following: [92569] Phải đáp ứng các khu vực chải chuốt khô ráo như sau:

Vanity [92570] Trang điểm

Decorative and make up mirrors [92571] gương trang điểm và trang trí.

Task lighting in the vanity area [92572] Chiếu sáng bổ sung trong khu vực trang điểm

Vanity should be designed as an extension of the wet grooming area. [92573] Quầy trang điểm nên được thiết kế như một phần mở rộng của khu vực chải chuốt ướt.

Installation height of vanity should allow for both standing and sitting down. [92574] Lắp đặt chiều cao quầy trang điểm sao cho cả đúng cả ngồi.

Wet areas must meet the following: [92575] khu vực ướt phải đáp ứng như sau:

**(Trang 205)**

Shower cubicles [92576] phòng tắm

Shower cubicles must meet the following: [92578] phòng tắm phải đáp ứng như sau:

Two compartments: drying area and shower area [92579] Hai ngăn: khu vực sấy và khu vực tắm

Bench seat in the drying area [92581] Ghế băng trong khu vực sấy

Two robe/towel hooks in the drying area [92582] Hai móc khăn tắm/áo tắm trong khu vực sấy

Fixed "Drench" type shower head [92583] Vòi hoa sen kiểu "Ướt" cố định

Amenities shelf [92584] Giá các tiện ích

Guidelines Hướng Dẫn

• Should be located adjacent to the "wet lounge". [92585] Nên đặt gần phòng “lounge ướt”.

Fitness & Recreation -> Changing Rooms -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment Fitness & Giải trí -> Phòng thay đồ -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

Lockers must meet the following: [92545] tủ đựng phải đáp ứng như sau:

Must be provided at a ratio of 2.5-3 lockers per treatment room for women and 1.5-1.75 lockers per treatment room for men. [92546] Phải được cung cấp với tỷ lệ 2,5-3 tủ khóa cho mỗi phòng trị liệu cho phụ nữ và 1,5-1,75 tủ khóa cho mỗi phòng trị liệu cho nam giới.

Minimum standard size: 38cm (1ft 3in) width and 50cm (1ft 8in) depth [92547] Kích thước tiêu chuẩn tối thiểu: chiều rộng 38cm (1ft 3in) và chiều sâu 50 cm (1ft 8in)

Accessories to allow for storage of clothing and personal items [92548] Phụ kiện cho phép lưu trữ quần áo và vật dụng cá nhân

Storage at high or low level for sports bags and briefcases [92549] Lưu trữ ở mức cao hoặc thấp cho túi thể thao và cặp tài liệu

Include seating in front of the lockers at a minimum of one seat for every four lockers [92550] Bao gồm chỗ ngồi trước tủ khóa tối thiểu một chỗ ngồi cứ mỗi bốn tủ khóa

A combination of full and half size lockers, based on individual spa criteria and the culture of the hotel’s location, is recommended. [92551] Nên kết hợp tủ khóa kích thước toàn phần và một nửa, dựa trên các tiêu chí spa riêng biệt và văn hóa của vị trí khách sạn.

Towel display storage must meet the following: [92567] Khăn treo khăn tắm phải đáp ứng như sau:

Minimum depth of 30cm (1ft) [92568] Độ sâu tối thiểu 30cm (1ft)

Fitness & Recreation -> Changing Rooms -> Fixtures and Fittings Fitness & Giải trí -> Phòng thay đồ -> Đồ đạc và Thiết bị

Changing cubicles must meet the following: [91808] phòng thay đồ phải đáp ứng như sau:

Must have lockable privacy hardware. [92541] Phải có tủ đựng bảo mật có khóa.

Cubicle doors must provide visual privacy for the guest. [92542] Cửa phòng phải cung cấp tính bảo mật khỏi nhìn ngó cho khách.

Robe hooks [92543] Móc áo

Bench [123048] Ghế dài

Guidelines Hướng Dẫn

• Minimum clear width of 1m is recommended. [92544] Khuyến nghị chiều rộng tối thiểu 1m.

Fitness & Recreation -> Other Fitness & Giải trí -> Khác

**(Trang 206)**

Where provided, games rooms or areas must meet the following: [44433] Nếu được cung cấp, phòng hoặc khu vực trò chơi phải đáp ứng như sau:

Located of the public circulation. [123050] Nằm ở lối lưu thông công cộng.

Exterior visibility into the room is required. [123051] Tầm nhìn bên ngoài vào phòng là bắt buộc.

Must be sound isolated from other areas [123052] Phải cách ly âm thanh với các khu vực khác

This includes but is not limited to, video, billiards or any table games. [44442] Bao gồm nhưng không giới hạn ở video, bi-a hoặc bất kỳ trò chơi trên bàn nào.

Should be discreetly sited to minimize visual intrusion for ambiance of the public areas. [123053] Nên kín đáo để giảm thiểu sự xâm nhập thị giác cho môi trường công cộng.

Where steam room, sauna or whirlpool are provided a dedicated mechanical room must be provided.

[92586] Trường hợp cung cấp phòng xông hơi, phòng tắm hơi hoặc bồn tạo sóng, cung cấp cả phòng cơ khí chuyên dụng.

Minimum area of 2.4m x 4m (8ft x 10ft) [92587] Diện tích tối thiểu 2,4m x 4m (8ft x 10ft)

Access should be from back of house area. [92589] Lối vào nên từ khu vực BOH.

Located as close as possible [92590] Đặt gần như có thể

Business Services Dịch Vụ Kinh Doanh

Business Services -> General Dịch Vụ Kinh Doanh -> Chung

Business services must be provided at the front desk or dedicated business centre and include the following: [28068] Phải cung cấp các dịch vụ kinh doanh tại quầy lễ tân hoặc trung tâm dịch vụ văn phòng chuyên dụng và bao gồm như sau:

Colour printing [28069] In màu

Copying [28070] Sao chép

Faxing [28071] Gửi fax

Scanning [28072] Scanning

Computers [63251] máy tính

Black and white and colour printers [63252] Máy in màu và đen trắng

WiFi [63253]

Binding services [63254] dịch vụ liên kết

Guests must be provided with access to secured printing. [96188] Phải cung cấp cho khách hàng quyền sử dụng máy in an toàn.

A list of business services, including costs and turnaround time must be provided. [63298] Phải cung cấp một danh sách các dịch vụ kinh doanh, bao gồm chi phí và thời gian quay vòng

Services for handling outgoing mail, incoming or outgoing messages or packages, and overnight shipping must be provided. [63295] Phải cung cấp dịch vụ xử lý thư đi, thư đến hoặc gửi đi hoặc gói và vận chuyển qua đêm

Outgoing mail, messages or packages must be sent or collected by the third-party service provider at a time agreed with the guest. [63296] Thư, tin nhắn hoặc gói gửi đi phải được gửi hoặc thu thập bởi nhà cung cấp dịch vụ bên thứ ba tại một thời điểm đã thỏa thuận với khách.

Fax services must be provided. [63290] Phải cung cấp các dịch vụ fax.

**(Trang 207)**

Outgoing fax messages must be sent within ten minutes of the guest’s request unless otherwise instructed by the guest. [63292] Tin nhắn fax đi phải được gửi trong vòng mười phút kể từ khi khách yêu cầu, trừ khi khách có hướng dẫn khác.

Business Services -> Fixtures and Fittings dịch vụ kinh doanh -> Đồ đạc và Thiết bị

A minimum of two computers with internet access must be provided for dedicated guest use in the lobby. [44450] Tối thiểu hai máy tính có truy cập internet phải được cung cấp cho khách sử dụng chuyên dụng trong sảnh.

Computers can be provided on standalone desks or built into another piece of furniture in the lobby. Máy tính có thể được cung cấp trên bàn độc lập hoặc được gắn vào một đồ nội thất khác trong sảnh.

[44454]

Business Services -> Business Service Centre Dịch vụ kinh doanh -> Trung tâm dịch vụ văn phòng

Business Services -> Business Service Centre -> General Dịch vụ kinh doanh -> Trung tâm dịch vụ văn phòng -> Chung

Where a manned business centre is provided it must meet the following: [115557] Trường hợp cung cấp một trung tâm kinh doanh có quản lý, nó phải đáp ứng như sau:

Black and white and colour printers. [115558] máy in màu và đen trắng.

Scanner [115559] Máy scanner

Fax machine [115560] Máy fax

Photocopier [115561] Máy photo

Business Services -> Business Service Centre -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment dịch vụ kinh doanh -> Trung tâm dịch vụ văn phòng -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

Each point of service at the reception desk of the business centre must meet the following: [91147] Mỗi điểm phục vụ tại quầy lễ tân của trung tâm dịch vụ văn phòng phải đáp ứng như sau:

A telephone with guest name display. [91148] Một điện thoại với hiển thị tên khách.

Computer with PMS access. [91149] Máy tính có quyền truy cập PMS.

Printer. (Can be shared) [91150] Máy in. (có thể in chung)

Credit card clearing facility to enable posting of charges for resident as well as non-resident guests.

[91151] Cơ sở thanh toán bù trừ thẻ tín dụng để cho phép đăng phí cho cư dân cũng như khách không cư trú.

Where a reception desk is provided for the business center it must meet the following: [91139] Trường hợp cung cấp bàn tiếp tân cho trung tâm dịch vụ văn phòng thì phải đáp ứng như sau:

Minimum of one point of service station for a member of staff. [91140] Tối thiểu một trạm dịch vụ cho một thành viên của nhân viên.

Storage for any required collateral. [91141] Tủ đựng bất kì tài liệu cần thiết.

All storage at reception must be out of guest view. [91142] Tất cả tủ tại lễ tân phải khuất khỏi tầm nhìn của khách.

All technical equipment and cabling, must be screened from guest facing side. [91143] Tất cả các thiết bị kỹ thuật và hệ thống cáp, phải được che khuất khỏi đối diện khách.

Task lighting [91144] Chiếu sáng bổ sung

One chair per station. [91145] Một ghế cho mỗi quầy

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 208)**

Seating for guests is recommended. [91146] Khuyến nghị chỗ ngồi cho khách.

Guest Services Dịch Vụ Khách Hàng

Guest Services -> Service Expectations Dịch Vụ Khách Hàng -> Mong Đợi về Dịch Vụ

When the guest arrives within 3m (10ft) of the front desk, the colleague must immediately acknowledge and greet the guest. [26405] Khi khách đến trong vòng 3 m (10ft) của quầy lễ tân, nhân viên phải ngay lập tức xác nhận và chào đón khách.

Colleagues must establish eye contact, smile and greet the guest. [26407] nhân viên phải giao tiếp bằng mắt, mỉm cười và chào khách.

If the front desk is busy, the guests presence must be acknowledged. [50317] Nếu quầy lễ tân bận rộn, phải ghi nhận sự có mặt của khách.

All calls must be answered within four rings. [2176] Tất cả các cuộc gọi phải được trả lời trong vòng bốn hồi chuông.

All telephones must ring directly to a location that is monitored 24 hours a day. [9622] Tất cả các điện thoại phải đổ chuông trực tiếp đến một vị trí được theo dõi 24 giờ một ngày.

External calls must be answered by a colleague or auto attendant using a local brand greeting. [2185] cuộc gọi bên ngoài phải được trả lời bởi một nhân viên hoặc trả lời tự động lời chào thương hiệu địa phương.

For external calls, if an auto attendant system is used, an option to speak directly to the hotel must be included. [23275] Đối với các cuộc gọi bên ngoài, nếu sử dụng hệ thống trả lời tự động, phải có lựa chọn nói chuyện trực tiếp với khách sạn.

Internal calls must be answered by a colleague and must never be re-directed to an auto attendant.

[2177] cuộc gọi nội bộ phải được trả lời bởi một nhân viên và không bao giờ được chuyển hướng lại đến chế độ trả lời tự động.

Internal calls must be answered with a friendly and locally appropriate greeting that includes the guest's title and surname, if known. [2180] cuộc gọi nội bộ phải được trả lời bằng một lời chào thân thiện và phù hợp theo địa phương bao gồm tiêu đề và họ của khách, nếu biết.

Callers must be thanked for their call. [23277] Phải cảm ơn người gọi vì đã gọi.

Guidelines Hướng Dẫn

• All reservations calls may be forwarded to the Central Reservations Office (Premium Voice Product).

[40599] Tất cả các cuộc gọi đặt phòng có thể được chuyển tiếp đến Văn phòng đặt phòng trung tâm (Sản phẩm thoại cao cấp).

All colleagues must be knowledgeable about the hotel and local area. [635] Tất cả các nhân viên phải có kiến thức về khách sạn và khu vực địa phương.

Colleagues must receive a hotel induction within the first week of joining the hotel. [636] nhân viên phải nhận được nhậm chức trong tuần đầu tiên gia nhập khách sạn.

Colleagues must be trained on the most frequently asked questions within their department. [637] nhân viên phải được đào tạo về các câu hỏi thường gặp nhất trong bộ phận của họ.

At any point of contact with a hotel guest, all hotel associates are expected to greet appropriately, by addressing the guest by last name if known (e.g. “Good evening Mr. Smith”). [64209] Tại bất kỳ điểm liên lạc nào với khách của khách sạn, tất cả các hội viên của khách sạn đều được mong đợi chào đón một cách thích hợp, bằng cách gọi khách bằng tên họ nếu biết (ví dụ: Chào buổi tối, ông Smith).

Colleagues must attempt to deliver all guest messages and/or packages within one hour of receiving them. [38829] nhân viên phải cố gắng gửi tất cả tin nhắn của khách và/hoặc gói trong vòng một giờ sau khi nhận được chúng.

Colleagues must ensure that any hotel or service problems have been resolved to the guest’s satisfaction before their departure. [38861] nhân viên phải đảm bảo giải quyết bất kỳ vấn đề về khách sạn hoặc dịch vụ nào cho khách hài lòng trước khi rời đi.

A complaint and problem resolution process must be in place. [38865] Một khiếu nại và quá trình giải quyết vấn đề phải được thực hiện tại chỗ.

A system of authority limits for guest facing colleagues must be established, thereby enabling them to make immediate judgements, grant concessions and waive payments, without seeking higher authority.

[38867] Một hệ thống giới hạn thẩm quyền cho các nhân viên làm việc trực tiếp với khách phải được thiết lập, từ đó cho phép họ đưa ra quyết định ngay lập tức, nhượng bộ và từ bỏ thanh toán, mà không cần tới thẩm quyền cao hơn.

Authority limits must be fully communicated to all guest facing colleagues. [38868] Giới hạn quyền hạn phải được truyền đạt đầy đủ đến tất cả các nhân viên làm việc trực tiếp với khách.

**(Trang 209)**

Whenever a guest complains to a colleague, that colleague must take full ownership for the resolution of the complaint. [38870] Bất cứ khi nào khách phàn nàn với nhân viên, nhân viên đó phải có toàn quyền quản trị để giải quyết khiếu nại.

For in house guests, they must be kept informed as to the status of their problem/resolution. [38872] Đối với khách trong nhà, họ phải luôn được thông báo về tình trạng vấn đề/giải quyết.

If the guest’s complaint cannot be resolved before their departure, the guest must be advised and a resolution provided within 48 hours of departure. [38874] Nếu không thể giải quyết khiếu nại của khách trước khi khách rời đi, khách phải được thông báo và giải quyết trong vòng 48 giờ sau khi rời đi.

Guidelines Hướng Dẫn

A log-book, either electronic or physical, that lists all guest comments should be provided and signed off by the hotel’s General Manager or Operations Manager on a daily basis. [38885] Một cuốn sổ theo dõi, dù là điện tử hay giấy viết, liệt kê tất cả các bình luận của khách nên được cung cấp và ký tên bởi Tổng giám đốc khách sạn hay Giám đốc vận hành hàng ngày.

If a guest complaint is received after the guest has checked out, it must be responded to in a timely manner and at the latest within 72 hours. [681] Nếu một khiếu nại của khách được nhận sau khi khách đã trả phòng, nó phải được trả lời kịp thời và chậm nhất là trong vòng 72 giờ.

Guidelines Hướng Dẫn

• Hotels should acknowledge and respond to guest complaints as soon as possible. [100002] Khách sạn nên thừa nhận và trả lời khiếu nại của khách càng sớm càng tốt.

All maintenance requests must be resolved within 45 minutes, 24 hours a day. [731] Tất cả các yêu cầu bảo trì phải được giải quyết trong vòng 45 phút, 24 giờ một ngày.

If it is not possible to resolve a maintenance issue within 45 minutes, the guest must be offered another room. [23569] Nếu không thể giải quyết vấn đề bảo trì trong vòng 45 phút, khách phải được cung cấp một phòng khác.

Guidelines Hướng Dẫn

• Assistance should be offered in the event the guest is moved to another room. [91422] Nên đề nghị hỗ trợ trong trường hợp khách được chuyển đến một phòng khác.

Guest Services -> General Dịch vụ khách hàng-> Chung

The Hospitality Promise programme must be participated in. [29273] Phải tham gia chương trình Cam Kết Khách Sạn.

Guests that are dissatisfied with any part of the product or service experienced at the hotel must be refunded all or part of the charge before leaving the hotel. [29366] Khách không hài lòng với bất kỳ phần nào của sản phẩm hoặc dịch vụ đã trải nghiệm tại khách sạn phải được hoàn trả toàn bộ hoặc một phần phí trước khi rời khách sạn.

Required promise language: “Hospitality Promise: Making your stay a complete success is our goal. Just let our Manager on Duty or front desk staff know if any part of your stay isn’t satisfactory. We promise to make it right or you won’t pay for that part of your stay.” [29367] Thông điệp cam kết bắt buộc: “Cam Kết Khách Sạn: Mục tiêu của chúng tôi là đem đến sự thành công cho chuyến lưu trú của quý khách. Xin hãy báo Quản Lý Ca hoặc nhân viên lễ tân của chúng tôi nếu có bất kì điều gì bất tiện. Chúng tôi cam kết sẽ xử lý vấn đề hoặc quý khách sẽ không phải trả tiền cho sản phẩm/ dịch vụ này”.

Third party retail outlets are permitted and must be approved by IHG®. [64817] Cho phép các cửa hàng bán lẻ của bên thứ ba và phải được IHG® phê duyệt.

Complimentary newspapers must be provided. [53103] Phải cung cấp báo chí miễn phí.

Newspapers must be available every day except public holidays. [73095] Luôn có báo chí mỗi ngày trừ ngày lễ.

Must be available by 09:00 [73096] Phải luôn có trước 09:00

Must be provided at a minimum in the lobby or elevator lobby. [73097]

Phải được cung cấp tối thiểu tại tiền sảnh hoặc sảnh thang máy.

Guidelines Hướng Dẫn

• Sufficient quantities should be available for each occupied room. [54011] Luôn đủ số lượng cho mỗi phòng có người dùng.

Guest laundry and dry cleaning services must be provided. [2467] Phải cung cấp dịch vụ giặt ủi và giặt khô.

Laundry and dry cleaning must be returned to guests within 24 hours. [2468] Phải trả lại đồ giặt ủi và giặt khô cho khách trong vòng 24 giờ.

A laundry bag and price list must be available in each guest room. [50705] Luôn có một túi giặt là và bảng giá trong mỗi phòng khách.

Place hung garments on a valet hook or inside the wardrobe. [58901] Đặt quần áo treo trên móc valet hoặc bên trong tủ quần áo.

**(Trang 210)**

Where there are irremovable stains, include a courtesy card when the garment is returned, advising the guest of this. [58902] Trường hợp có vết bẩn không thể khắc phục, bao gồm một thẻ courtesy card khi trả lại quần áo, thông báo cho khách về điều này.

Garments left for overnight pressing must be returned by 07:00, unless a later time has been arranged with the guest. [94568] sản phẩm còn lại để ép qua đêm phải được trả lại trước 07:00, trừ khi đã sắp xếp với khách trả muộn hơn.

If there is a “Do Not Disturb” sign when colleagues return laundry, dry cleaning or pressing, a ”Please Call Us” card must be slipped under the door. [65009] Nếu có một biển báo “Không làm phiền” khi các nhân viên trả lại đồ giặt, giặt khô hoặc ép, phải đặt dưới cửa một thẻ “Xin vui lòng gọi cho chúng tôi”.

Please Call Us Card Reference 2 Tham chiếu thẻ “Xin vui lòng gọi cho chúng tôi” 2

Please Call Us Card Reference 1 Tham chiếu thẻ “Xin vui lòng gọi cho chúng tôi” 1

Pricing list must be provided at a minimum in English. [91801] Phải cung cấp bảng giá tối thiểu bằng tiếng Anh.

Guidelines Hướng Dẫn

Pricing list in local language is recommended. [215072] Khuyến nghị bảng giá bằng ngôn ngữ địa phương.

Upon delivery the garments should be placed conveniently and neatly in the room. [59024] Khi giao hàng, nên đặt hàng may mặc thuận tiện và gọn gàng trong phòng.

Each Holiday Inn® Hotel & Suites brand property must provide a retail option available 24 hours a day, seven days a week. [44478] Mỗi khách sạn thương hiệu Holiday Inn® Hotel & Suites phải cung cấp bán lẻ mở 24 giờ một ngày, bảy ngày một tuần.

Convenience food and beverage items [44482] mặt hàng tiện lợi F&B

Health and beauty aids [44486] Hỗ trợ sức khỏe và sắc đẹp

Microwaveable food items [44490] mặt hàng thực phẩm vi sóng

Packaged snacks [44494] Đồ ăn nhẹ đóng gói

Paperback books and magazines [238049] Sách và tạp chí bìa thường

Postcards and postage stamps [238050] Bưu thiếp và tem thư

Small office supplies [238051] Thiết bị văn phòng nhỏ

Writing tablets and pens [238052] Bảng viết và bút

A lost and found service must be in place. [704] Dịch vụ đồ thất lạc tại chỗ.

Guests must be given a range of delivery options for the return of their item(s) and must not be charged more than the cost of postage/delivery. [64625] Khách phải được cung cấp các lựa chọn giao hàng cho việc trả lại (các) mặt hàng của họ và không được tính phí nhiều hơn chi phí bưu chính/giao hàng.

Claimed items must be dispatched within three days. [64627] mặt hàng được yêu cầu phải được gửi trong vòng ba ngày.

Unless the owner of the lost item can be clearly identified, colleagues must not notify guests to inform them on any items left behind. [64628] Trừ khi chủ sở hữu của món đồ bị mất được xác định rõ ràng, nhân viên không được thông báo cho khách về bất kỳ mục nào bị bỏ lại.

A secure storage facility must be provided for items. [20236] Phải cung cấp một cơ sở lưu trữ an toàn cho các mặt hàng.

A lost and found log must be in place. [20237] Sổ ghi chép đồ thất lạc tại chỗ.

Lost items must be retained for a minimum of 90 days. [26166] mặt hàng bị mất phải được giữ lại trong tối thiểu 90 ngày.

A process to handle queues must be in place. [703] Một quy trình để xử lý hàng đợi phải phù hợp.

All areas must be clean and well maintained at all times. [716] Tất cả các khu vực luôn phải được sạch sẽ và duy trì tốt.

All fixtures and fittings must be fully functional. [38987] Tất cả đồ đạc và thiết bị phải có đầy đủ chức năng.

All fixtures and fittings must be kept clean at all times. [38990] Tất cả đồ đạc và thiết bị phải luôn sạch sẽ.

**(Trang 211)**

All collateral, brochures, stationery and guest information must be fully stocked and in good condition. Tất cả tài liệu, tài liệu quảng cáo, văn phòng phẩm và thông tin khách phải được lưu trữ đầy đủ và trong tình trạng tốt.

[38995]

A schedule must be in place to ensure that all exterior areas of the hotel grounds are clean and well presented at all times. [38997] Phải có lịch trình phù hợp để đảm bảo rằng tất cả các khu vực bên ngoài của khuôn viên khách sạn luôn sạch sẽ và đẹp mắt.

The schedule must include at a minimum arrival areas, façade, car park, gardens and grounds. [38999] Lịch trình phải bao gồm tối thiểu các khu vực đến, mặt tiền, bãi đậu xe, vườn và khuôn viên.

Schedules must be available for review. [39001] Luôn có các lịch trình để đánh giá.

Guidelines Hướng Dẫn

• Arrival areas should be checked throughout the day to ensure they remain well presented. [39003] Nên kiểm tra các khu vực đến cả ngày để đảm bảo chúng vẫn đẹp mắt.

A schedule must be in place to ensure all public areas of the hotel are clean and presented in good condition, free from damage, at all times. [39005] Một lịch trình phải phù hợp để đảm bảo tất cả các khu vực công cộng của khách sạn luôn sạch sẽ và trong tình trạng tốt, không bị hư hại.

Cleaning and maintenance schedules must be available for review upon request. [39007] Phải luôn có lịch trình dọn dẹp và bảo trì để xem xét theo yêu cầu.

A schedule must be in place to ensure that guest room corridors are clean and presented in good condition, free from damage, at all times. [39009] Một lịch trình phải phù hợp để đảm bảo tất cả các hành lang phòng khách luôn sạch sẽ và trong tình trạng tốt, không bị hư hại.

Cleaning and maintenance schedules must be available for review upon request. [39011] Phải luôn có lịch trình dọn dẹp và bảo trì để xem xét theo yêu cầu.

Guidelines Hướng Dẫn

• Corridors should be cleaned at least daily and include the reporting of maintenance issues. [39013] Hành lang nên được dọn dẹp ít nhất hàng ngày và bao gồm báo cáo các vấn đề bảo trì.

A Planned Preventative Maintenance plan for all systems, equipment, areas and aspects of the hotel must be in place. [823] Một kế hoạch bảo trì phòng ngừa có kế hoạch cho tất cả các hệ thống, thiết bị, khu vực và các khía cạnh của khách sạn phải phù hợp.

A documented master plan must be provided that schedules all Planned Preventative Maintenance activities required to meet the hotel’s operating profile. [39254] Một quy hoạch tổng thể dươi dạng tài liệu phải được cung cấp để lên lịch cho tất cả các hoạt động Bảo trì phòng ngừa có kế hoạch cần thiết để đáp ứng hồ sơ vận hành của khách sạn.

Guidelines Hướng Dẫn

Consider a plan for the fabric of the building (walls, roofs, ceilings, floors, doors, windows, signage, lighting, etc.). [39256] Xem xét một kế hoạch cho vải của tòa nhà (tường, mái nhà, trần nhà, sàn nhà, cửa ra vào, cửa sổ, biển báo, chiếu sáng, vv).

Consider a plan for building services systems (mechanical, electrical, HVAC, plumbing, IT, etc.). [39258] Xem xét một kế hoạch xây dựng các hệ thống dịch vụ (cơ khí, điện, HVAC, hệ thống ống nước, CNTT, v.v.).

Consider a plan for fire and life safety equipment (fire detection, alarm, suppression, emergency power, emergency lighting, lightening protection, etc.). [39260] Xem xét một kế hoạch cho các thiết bị phòng cháy chữa cháy (phát hiện cháy, báo động, triệt tiêu, cấp cứu, chiếu sáng khẩn cấp, chống sét, v.v.).

Consider a plan for all fixtures, fittings and equipment (bedroom, bathroom, public areas). [39262] Xem xét một kế hoạch cho tất cả đồ đạc, nội thất và thiết bị (phòng ngủ, phòng tắm, khu vực công cộng).

Consider a plan for all operating equipment. [39264] Hãy xem xét một kế hoạch cho tất cả các thiết bị hoạt động.

Consider a plan for all external areas, including car parks, driveways, walkways, fences, canopies and retaining walls and outdoor lighting. [39266] Xem xét một kế hoạch cho tất cả các khu vực bên ngoài, bao gồm bãi đậu xe, đường lái xe, lối đi, hàng rào, tán cây và tường chắn và chiếu sáng ngoài trời.

Consider a plan for gardens and landscapes. [39268] Hãy xem xét một kế hoạch cho các khu vườn và cảnh quan.

Hotels should implement the IHG Standard Maintenance programmes namely Planned Programmed Maintenance Management (PMM), Preventative Maintenance (PM) and Fire Protection Maintenance Management (FPMM) as specified in the IHG Engineering Operation Manual. [710112] khách sạn nên thực hiện các chương trình Bảo trì Tiêu chuẩn IHG, cụ thể là Quản lý bảo trì theo chương trình có kế hoạch (PMM), Bảo trì phòng ngừa (PM) và Quản lý bảo trì phòng cháy chữa cháy (FPMM) như được quy định trong Hướng dẫn vận hành kỹ thuật của IHG.

IHG Engineering Operation Manual Hướng dẫn vận hành kỹ thuật của IHG

Guest Services -> Collateral/Stationery Dịch vụ cho khách -> Tài liệu quảng bá/Văn phòng phẩm

All advertising, promotion, collateral, signage and branded supplies must meet the following: Tất cả quảng cáo, khuyến mãi, tài liệu quảng bá, biển báo và vật tư có thương hiệu phải đáp ứng như sau:

**(Trang 212)**

Brand Identity and Collateral Guidelines as found on IHG Brand Central. [64213] huowsngd ẫn nhận dạng thương hiệu và tài liệu quảng bá như trên IHG Brand Central.

A hotel must be available. [64215] Luôn có một thẻ địa chỉ khách sạn.

Business cards must be available for key guest contact colleagues [64228] Luôn có sẵn danh thiếp cho nhân viên liên lạc chính với khách.

Guest Services -> Guest Supplies Dịch vụ khách -> Nguồn cung cấp cho khách

All complimentary guest amenities must be available 24 hours a day. [648] Luôn có sẵn tất cả các tiện ích cho khách miễn phí 24 giờ một ngày.

Shaving cream [38728] Kem cạo râu

Disposable razor [38732] Dao cạo dùng một lần

Toothbrush [38736] Bàn chải đánh răng

Internationally branded toothpaste, e.g. Colgate, minimum volume 6g [38740] Kem đánh răng có thương hiệu quốc tế, ví dụ: Colgate, khối lượng tối thiểu 6g

Cotton wool [38744] Bông gòn

Female sanitary products [38748] sản phẩm vệ sinh phụ nữ

Sewing kit [38752] Đồ may vá

Nail file [38756] Giũa móng tay

Comb [38760] Lược chải

A minimum of two international power converters or adapters must be available at the front desk for guest use. [2868] Tối thiểu hai bộ chuyển đổi công suất hoặc bộ sạc quốc tế phải có sẵn ở quầy lễ tân để cho khách sử dụng.

Guest Services -> Equipment Dịch vụ cho khách -> Thiết bị

Guest Services -> Equipment -> Internet Dịch vụ cho khách -> Thiết bị -> Internet

The standard level of Internet access must be provided and meet the following: [678057] Phải cung cấp mức độ truy cập Internet tiêu chuẩn và đáp ứng như sau:

Free of charge for all guests with a room reservation [681128] Miễn phí cho tất cả khách hàng đặt phòng

Provided in all public areas and guest rooms [681129] Cung cấp trong tất cả các khu vực công cộng và phòng khách

The standard level of Internet access must be extended in public areas, at no cost, to all guests visiting the hotel who have no room reservation. [678058] Mức độ truy cập Internet tiêu chuẩn phải được kéo ra các khu vực công cộng, miễn phí, cho tất cả khách đến khách sạn không có đặt phòng

The IHG® Connect broadband program minimum bandwidth for Internet must be provided as follows:

[678048] Băng thông tối thiểu của chương trình băng thông rộng IHG® Connect cho Internet phải được cung cấp như sau:

For room counts up to 119, a minimum 30MB port speed with a 100MB access connection [678049] Đối với số phòng lên tới 119, tốc độ cổng tối thiểu 30 MB với kết nối truy cập 100 MB

For room counts of 120-159, a minimum 40MB port speed with a 100MB access connection [678050] Đối với số lượng phòng là 120-159, tốc độ cổng tối thiểu 40 MB với kết nối truy cập 100 MB

For room counts of 160-199, a minimum 50MB port speed with a 100MB access connection [678051] Đối với số lượng phòng là 160-199, tốc độ cổng tối thiểu 50 MB với kết nối truy cập 100 MB

For room counts of 200-249, a minimum 70MB port speed with a 100MB access connection [678052] Đối với số lượng phòng 200-249, tốc độ cổng tối thiểu 70 MB với kết nối truy cập 100 MB

**(Trang 213)**

For room counts 250 and higher, a minimum 100MB port speed with a 1GB access connection [678053] Đối với số phòng từ 250 trở lên, tốc độ cổng tối thiểu 100MB với kết nối truy cập 1GB

Must install a dedicated synchronous circuit into the hotel [678054] Phải lắp đặt mạch đồng bộ chuyên dụng vào khách sạn

Guidelines Hướng Dẫn

• Hotels should install a fibre circuit where available. [678055] Khách sạn nên lắp đặt một mạch sợi nếu có.

Bandwidth Internet Circuit Guidance Hướng Dẫn Mạch Internet Băng Thông

The installed guest Internet system must provide a guest experience which achieves your winning metric HeartBeat score for all Internet related questions (three month rolling scores). [52915] Hệ thống Internet dành cho khách phải cung cấp trải nghiệm cho khách đạt được số điểm HeartBeat chiến thắng cho tất cả các câu hỏi liên quan đến Internet (điểm số luân phiên ba tháng).

IHG Guest Internet - Global Design Solution IHG Guest Internet - Giải pháp thiết kế toàn cầu

IHG Technical Guidelines Hướng dẫn kỹ thuật của IHG

Once a guest or a visitor has logged into the Guest Internet system provided by the hotel, they must not be required to re login for the duration of their stay. [291096] Khi khách hàng hoặc khácthăm đã đăng nhập vào hệ thống Internet của Khách được khách sạn cung cấp, họ không phải đăng nhập lại trong suốt thời gian lưu trú.

The IHG® Connect programme for Guest Internet Access must be implemented. [720055] Chương trình IHG® Connect để truy cập Internet của khách phải được triển khai.

30 Nov 2020 Ngày 30 tháng 11 năm 2020

• Must comply with the IHG® Connect Program solutions specifications manual. [720056] Phải tuân thủ hướng dẫn sử dụng thông số kỹ thuật của Chương trình IHG® Connect

30 Nov 2020 Ngày 30 tháng 11 năm 2020

• An approved IHG® Hardware platform must be used. [720057] Phải sử dụng nền tảng Phần cứng IHG® đã được phê duyệt.

30 Nov 2020 Ngày 30 tháng 11 năm 2020

• A minimum signal strength of -65 dBm in all guest rooms & public areas. [720058] Cường độ tín hiệu tối thiểu -65 dBm trong tất cả các phòng khách & khu vực công cộng.

30 Nov 2020 Ngày 30 tháng 11 năm 2020

Each connected guest device provided with a minimum bandwidth speed of 5Mb download and 5Mb upload. [720060] Mỗi thiết bị khách được kết nối được cung cấp với tốc độ băng thông tối thiểu là tải xuống 5Mb và tải lên 5Mb.

30 Nov 2020 Ngày 30 tháng 11 năm 2020

• Must comply with the programme bandwidth shaping policies. [720061] Phải tuân thủ các chính sách định hình băng thông chương trình.

30 Nov 2020 Ngày 30 tháng 11 năm 2020

• Each guest must be allowed to connect a minimum of four devices. [720063] Mỗi khách phải được phép kết nối tối thiểu bốn thiết bị.

30 Nov 2020 Ngày 30 tháng 11 năm 2020

Security measures implemented and configured to prevent any user from viewing the devices or network traffic of any other user while connected to the guest Internet system. [720064] biện pháp bảo mật được triển khai và định cấu hình để ngăn người dùng xem thiết bị hoặc lưu lượng mạng của bất kỳ người dùng nào khác trong khi kết nối với hệ thống Internet của khách.

• A single service set identifier (SSID) in place, reflecting the programme "IHGConnect". [720065] Một bộ định danh bộ dịch vụ (SSID) tại chỗ, phản ánh chương trình "IHGConnect".

30 Nov 2020 Ngày 30 tháng 11 năm 2020

The approved wireless access points must be 802.11AC on 5GHz backwardly compatible with 802.11b/g/n at 2.4GHz. [720067] điểm truy cập không dây được phê duyệt phải là 802.11AC trên 5GHz tương thích ngược với 802.11b /g/n tại 2,4 GHz.

30 Nov 2020 Ngày 30 tháng 11 năm 2020

• The landing page meets IHG® requirements. [720068] Trang đích đáp ứng các yêu cầu của IHG®.

30 Nov 2020 Ngày 30 tháng 11 năm 2020

Guidelines Hướng Dẫn

• High density, dual band Wireless Access Points should be installed in all meeting and event areas. điểm truy cập không dây băng tần kép, mật độ cao nên được lắp đặt trong tất cả các khu vực hội nghị và sự kiện.

[720069]

Meeting and event areas should have 100% wireless coverage with minimum signal strength of -65 dBm. [720070] Khu vực hội nghị và sự kiện nên có vùng phủ sóng không dây 100% với cường độ tín hiệu tối thiểu là -65 dBm.

**(Trang 214)**

Each conference delegate should be provided with Guest Internet access for a minimum of two concurrent devices. [720071] Nên cung cấp mỗi đại biểu hội nghị quyền truy cập Internet cho Khách tối thiểu cho hai thiết bị đồng thời.

Access Point location and/or Wireless Controller should enable load balancing of clients across access points. [720072] Vị trí điểm truy cập và/hoặc Bộ điều khiển không dây sẽ cho phép cân bằng tải của khách hàng trên các điểm truy cập.

A Wired Internet service may also be installed following the Wired Internet Guidelines. [720074] Dịch vụ Internet có dây cũng có thể được lắp đặt theo Hướng dẫn Internet có dây.

Where provided, Wired Internet must meet the following: [720076] Khi được cung cấp, Internet có dây phải đáp ứng như sau:

30 Nov 2020 Ngày 30 tháng 11 năm 2020

• Must be connected to IHG® Connect program managed switches [720077] Phải được kết nối với các công tắc được quản lý của chương trình IHG® Connect

30 Nov 2020 Ngày 30 tháng 11 năm 2020

• Wired Ethernet implementations must use RJ-45 terminations [720078] Việc triển khai Ethernet có dây phải sử dụng cổng mạng RJ-45

30 Nov 2020 Ngày 30 tháng 11 năm 2020

Guest Internet Access must be installed and supported by an IHG approved vendor (part of the IHG® Connect program) [720081] Quyền truy cập Internet của khách phải được cài đặt và hỗ trợ bởi nhà cung cấp được IHG phê duyệt (một phần của chương trình Kết nối IHG®)

30 Nov 2020 Ngày 30 tháng 11 năm 2020

A support contract with one of the approved IHG WiFi Service Partners must be in place which includes the IHG certified Service Level Agreements (SLAs) [720082] Hợp đồng hỗ trợ với một trong các Đối tác dịch vụ WiFi mà IHG đã phê duyệt phải phù hợp bao gồm Thỏa thuận cấp độ dịch vụ được chứng nhận của IHG (SLAs)

24 hours, seven days a week remote monitoring and troubleshooting must be provided to support guest use of the internet [720083] 24 giờ, bảy ngày một tuần phải giám sát và khắc phục sự cố từ xa để hỗ trợ khách sử dụng internet

Service and support procedures to deal with guest internet service queries and problems must be developed and maintained [720084] quy trình dịch vụ và hỗ trợ để giải quyết các vấn đề và thắc mắc về dịch vụ internet của khách phải được phát triển và duy trì

Guidelines Hướng Dẫn

Service and support procedures should be available 24 hours, 7 days a week and include: 1) processes to resolve problems, 2) escalation procedures and guidelines, 3) contact details and resolution procedures before onsite support is required. [720085] thủ tục dịch vụ và hỗ trợ nên có sẵn 24 giờ, 7 ngày một tuần và bao gồm: 1) các quy trình để giải quyết vấn đề, 2) quy trình và hướng dẫn leo thang, 3) chi tiết liên hệ và quy trình giải quyết trước khi cần hỗ trợ tại chỗ.

If the entire system, or a piece of installed equipment, is damaged to a point where a complete replacement is necessary but not covered under the warranty or maintenance contract, best efforts should be made to replace the equipment and/or influence the manufacturer to do so, as quickly as possible. If this cannot be done, a substitute system, or piece of equipment, should be installed on an interim basis. [720086] Nếu toàn bộ hệ thống, hoặc một phần của thiết bị được lắp đặt bị hỏng đến mức cần phải thay thế hoàn toàn nhưng không được bảo hành theo hợp đồng bảo hành hoặc bảo trì, cần nỗ lực để thay thế thiết bị và/hoặc tác động đến nhà sản xuất thay thế, càng nhanh càng tốt. Nếu điều này không thể được thực hiện, một hệ thống thay thế hoặc một phần của thiết bị, nên được cài đặt tạm thời.

Where Premium Internet is provided the following must be met: [722060] Trường hợp cung cấp Internet cao cấp, phải được đáp ứng như sau:

Provided throughout the hotel, in guest rooms and all public areas [722061] Được cung cấp trong toàn bộ khách sạn, trong phòng của khách và tất cả các khu vực công cộng.

Available only to guests staying in the hotel [722062] Chỉ dành cho khách lưu trú trong khách sạn

Must be charged for [722063] Phải tính phí cho

Must be at least twice the speed of the advertised Standard level of Internet [722064] Phải ít nhất gấp đôi tốc độ của Internet tiêu chuẩn được quảng cáo

Internet

Departure -> Service Expectations Rời đi -> Mong đợi của dịch vụ

Excluding guest initiated queries and queuing time, the Check out must not take more than five minutes. [50319] Ngoại trừ các truy vấn khởi tạo của khách và thời gian xếp hàng, Check-out không được mất quá năm phút.

Luggage collection must be offered [50320] Phải đề nghị thu hành lý

**(Trang 215)**

Colleagues must check the guestroom to make sure that all the luggage has been collected and that the guest has not left behind any personal items. [51006] nhân viên phải kiểm tra phòng khách để đảm bảo rằng tất cả hành lý đã được thu và khách không bỏ lại bất kỳ vật dụng cá nhân nào

Luggage must be collected from the guest's room within 10 minutes of their request. [57034] Hành lý phải được thu từ phòng khách trong vòng 10 phút kể từ khi họ yêu cầu.

If guest is in the room and checking out, colleague should remind the guest to check the safe and drawers for personal belongings. [70298] Nếu khách đang ở trong phòng và trả phòng, nhân viên nên nhắc khách kiểm tra két và ngăn kéo để đồ cá nhân.

Guests must be thanked for staying at the hotel during the Check out process. [39019] Khách phải được cảm ơn vì đã ở tại khách sạn trong quá trình Trả phòng.

Departure -> General Rời đi -> Chung

The Check out process must include the following: [9322] Quy trình Trả phòng phải bao gồm như sau:

Where possible, colleagues must offer payment by credit card in home currency. [51007] Nếu có thể, các nhân viên phải cung cấp thanh toán bằng thẻ tín dụng bằng đồng tiền quốc gia.

When loading luggage into a vehicle, additional check with guest on the number of pieces must be made. [51016] Khi tải hành lý vào một chiếc xe, phải kiểm tra thêm với khách về số lượng các mảnh phải được thực hiện.

Must take note of guests' feedback. [53305] Phải lưu ý phản hồi của khách.

Colleagues must present the guest with a hotel bill to check and agree. [55437] nhân viên phải xuất trình cho khách một hóa đơn khách sạn để kiểm tra và đồng ý.

Guests must be addressed using their title and surname [9323] Khách phải được gọi bằng cách sử dụng chức dnah và tên họ.

The bill must be presented with a branded pen [13545] Hóa đơn phải được xuất trình với một cây bút có thương hiệu.

Colleagues must ask the guest about their stay [9324] nhân viên phải hỏi khách về thời gian lưu trú của họ

Colleagues must provide luggage assistance upon request [9325] nhân viên phải hỗ trợ hành lý theo yêu cầu

On completion of the Check out process, colleagues must ask the guest if they require any further help or information [9326] Khi hoàn tất quy trình Trả phòng, nhân viên phải hỏi khách xem họ cần thêm trợ giúp hoặc thông tin

Colleagues must thank the guest for their stay and wish them a safe journey. [25334] Cácnhân viên phải cảm ơn khách đã ở lại và chúc họ có một hành trình an toàn.

Colleagues must present the invoice to the guest prior to processing any payments. [25790] nhân viên phải xuất trình hóa đơn cho khách trước khi xử lý bất kỳ khoản thanh toán nào.

Any issues/complaints raised by the guest must be logged and actioned. [25791] Bất kỳ vấn đề/khiếu nại nào được khách đưa ra phải được ghi lại và xử lý.

Prior to presenting the hotel bill, guests should be advised verbally if there are no additional charges to the room rate. [25792] Trước khi xuất trình hóa đơn khách sạn, khách nên được thông báo bằng lời nói nếu không có phí bổ sung vào giá phòng.

Peak Check out times must be identified and staffing solutions put in place to meet Check out standards at all times. [736] Thời gian Nhận phòng cao điểm phải được xác định và các giải pháp nhân sự được đưa ra để luôn đáp ứng các tiêu chuẩn Trả phòng.

Where a voicemail system for guest room telephones is provided, guest voicemails must be deleted after the guest has departed. [45436] Khi cung cấp hệ thống thư thoại cho điện thoại phòng khách, thư thoại của khách phải được xóa sau khi khách rời đi.

Colleague Experience Trải nhiệm nhân viên

Colleague Experience -> General Trải nghiệm nhân viên -> Chung

Employees of third parties must be professionally dressed in keeping with their role and the hotel.

[92640] Nhân viên của bên thứ ba phải ăn mặc chuyên nghiệp phù hợp với vai trò của họ và khách sạn.

**(Trang 216)**

All colleagues must present themselves for work in a clean, tidy and professional manner. [816] Tất cả các nhân viên phải luôn sạch sẽ, gọn gàng và chuyên nghiệp.

Uniforms must be clean, well-fitted and neatly pressed. [26288] Đồng phục phải sạch sẽ, vừa vặn và được ép gọn gàng.

Hairstyles must be kept tidy. [241051] Kiểu tóc phải được giữ gọn gàng.

Hair colour must be close to natural hair colour. [241052] Màu tóc phải gần với màu tóc tự nhiên.

Good personal hygiene must be practised. [241053] Phải vệ sinh cá nhân tốt.

All facial hair must be neatly groomed. [241054] Tóc phải được chải chuốt gọn gàng.

Any necessary personal items worn with uniforms must be of a discreet design and colour, and eye glasses or contact lenses must use clear lenses. [241055] Bất kỳ vật dụng cá nhân cần thiết nào với đồng phục phải có thiết kế và màu sắc kín đáo, và kính mắt hoặc kính áp tròng phải sử dụng kính áp tròng rõ ràng.

Tattoos must not be visible when the colleague is in uniform. [241056] Không để lộ hình xăm khi nhân viên mặc đồng phục.

Fingernails must be clean and well-maintained. [241057] Móng tay phải sạch sẽ và giữ gìn tốt.

Shoes and socks/stockings must be in accordance with the uniform standard. [241058] Giày và tất/vớ phải phù hợp với tiêu chuẩn đồng phục.

Where used, nail polish must be transparent, neutral or dark red colour. [241059] Khi sử dụng, sơn móng tay phải có màu trong suốt, trung tính hoặc đỏ sẫm.

Colleagues involved in food preparation must not wear nail polish. [241060] đồng nghiệp tham gia chuẩn bị thực phẩm không được sơn móng tay.

Colleagues must display positive behaviours and a positive attitude at all times. [241061] nhân viên phải luôn thể hiện những hành vi tích cực và thái độ tích cực.

While interacting with guests, eye contact must be maintained as much as possible. [241062] Trong khi tương tác với khách, phải luôn duy trì giao tiếp bằng mắt càng nhiều càng tốt.

Back of House Khu vực BOH

Back of House -> Functional Areas Khu vực BOH

A designated colleague entrance leading into Back of House must be provided. [136152] Phải cung cấp một lối vào được chỉ định cho nhân viên dẫn vào khu vực BOH.

Must lead directly into a colleague area [136153] Phải dẫn trực tiếp vào khu vực nhân viên

Where a designated loading/unloading area is provided it must meet the following: [136116] Khi cung cấp một khu vực bốc/dỡ hàng được chỉ định, nó phải đáp ứng như sau:

Water outlet must be located near loading/unloading area. [136117] Cửa thoát nước phải được đặt gần khu vực bốc xếp.

Must be able to accommodate a minimum of two delivery vehicles. [136118] Phải có khả năng chứa tối thiểu hai xe giao hàng.

Where an elevated loading/unloading dock is used a ramp and a stair must be provided for access.

[136119] Khi sử dụng một bãi bốc dỡ hàng, phải cung cấp một đoạn đường dốc và cầu thang để đi lại.

Must be screened from guest view, except in basement car parks. [136120] Phải được che khuất khỏi tầm nhìn của khách, ngoại trừ trong các bãi đậu xe tầng hầm.

Include a rubbish/recycling area. [136121] Bao gồm một khu vực rác/tái chế.

A safety glass window should be provided to give a clear view of circulation near the loading dock and staff entrance. [136123] Nên cung cấp một cửa sổ kính an toàn để nhìn rõ ràng khu vực lưu thông đi lại gần bãi bốc dỡ và lối vào của nhân viên.

Dock levellers should be provided where necessary to adjust the loading dock elevation platform. Nên cung cấp thiết bị nâng hạ dock leveller khi cần thiết để điều chỉnh nền tảng độ cao của bãi bốc hàng.

[136124]

A washing alcove for rubbish bins should be provided near the loading dock. [136125] Nên cung cấp một góc rửa thùng rác gần bãi bốc hàng.

An enclosed room should be provided adjacent to the loading dock for refrigerated rubbish. [136126] Nên cung cấp một phòng kín liền kề với bãi bốc hàng cho rác lạnh.

**(Trang 217)**

It is recommended to provide a hand wash facility within the loading bay in close proximity to the area where food delivery is handled. [136127] Chúng tôi đề nghị cung cấp một chỗ rửa tay trong khoang bốc gần với khu vực xử lý giao nhận thực phẩm.

Recommended layout [136122] Bố trí đề xuất

Loading/unloading dock recommended layout Bố trí bãi bốc/ dỡ hàng đề xuất

A rubbish/recycling area must be provided and the following zones must be considered: [136141] Phải cung cấp một khu vực rác/tái chế và phải xem xét các khu vực sau:

Rubbish sorting [136142] Phân loại rác

Recycling [136143] Tái chế

Can wash [136144] Rửa thùng

Empty bottle store [136145] Cửa hàng chai rỗng

Refrigerated storage [136146] Kho lạnh

Dry waste store [136147] Cửa hàng rác khô

Compactor [136148] Máy dầm

Guidelines Hướng Dẫn

• As a minimum segregation and storage for recycling of cardboard, oil, metal, glass should be provided.

[136150] Tối thiểu nên phân tách và lưu trữ để tái chế các tông, dầu, kim loại, thủy tinh.

It is recommended to consider a facility or equipment for food recycling, but this is subject to market and location. [348052] Nên xem xét một cơ sở hoặc thiết bị để tái chế thực phẩm, nhưng điều này tùy thuộc vào thị trường và địa điểm.

Service corridors must meet the following: [136128] Hành lang dịch vụ phải đáp ứng như sau:

Wall bumper rails made from heavy duty or scratch proof material must be provided at 15cm (6in) and/or 1m (40in) high. [136129] Phải cung cấp thanh ốp tường làm từ vật liệu nặng hoặc chống trầy xước ở độ cao 15cm (6in) và/hoặc 1m (40in).

A minimum clear width of 1.8m. [136130] Chiều rộng tối thiểu là 1,8m.

Corners must have vertical corner guards installed up to a minimum height of 2m. [136131] góc phải có lớp bảo vệ dọc được lắp đặt với chiều cao tối thiểu là 2m.

Ramps must be used to accommodate changes in level. [136132] Phải dùng đường dốc để phù hợp với những thay đổi về cấp độ.

Steps are not permitted within Back of House circulation areas. [136133] Không cho phép bậc thang trong các khu vực đi lại của BOH.

It is recommended that a continuous buffer rail is provided to prevent damage to the walls. [136134] Khuyến cáo cung cấp một thanh ốp tường liên tục để ngăn ngừa thiệt hại cho các bức tường.

Where ramps are provided the gradient should be limited to 5%. [136135] Trường hợp cung cấp đường dốc, độ dốc nên được giới hạn ở mức 5%.

Sealed flooring is recommended. [136136] Khuyến nghị sàn kín.

A minimum clear width of 2.0m is recommended. [223051] Nên sử dụng chiều rộng tối thiểu 2.0m.

Corner guards are required to all exposed external wall corners on circulation routes. [136151]

Lớp bảo vệ góc nên có cho tất cả các góc tường lộ ra bên ngoài trên đường đi lại.

Where laundry is provided on-site the following areas and equipment must be provided: [100224] Trường hợp giặt là được cung cấp tại chỗ, phải cung cấp các khu vực và thiết bị sau đây:

Sorting [100225] Phân loại

**(Trang 218)**

Cleaning [100226] Giặt sạch

Ironing and folding [100227] Ủi và gấp

Storage of clean linen [100228] Cất vải sạch

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended to locate the facilities close to the service lifts and adjacent to housekeeping. [100229] Nên đặt các cơ sở gần thang máy dịch vụ và liền kề với buồng phòng.

Where laundry is provided off-site the following areas and equipment must be provided: [100230] Trường hợp cung cấp giặt là bên ngoài, phải cung cấp các khu vực và thiết bị sau đây:

Sorting [100231] Phân loại

Receipt and storage of clean linen delivery [100232] Tiếp nhận và lưu trữ vận chuyển vải sạch

Facilities for incidental and emergency cleaning are recommended. [100233] Nên có các cơ sở để làm sạch sự cố và khẩn cấp.

It is recommended to locate the facilities close to the service lifts and adjacent to housekeeping. [100234] Nên đặt các cơ sở gần thang máy dịch vụ và liền kề với buồng phòng.

A dedicated area for delivery and pick up should be incorporated within the general goods and service delivery area. [100235] Một khu vực chuyên dụng để giao và nhận hàng nên được kết hợp trong khu vực cung cấp dịch vụ và hàng hóa nói chung.

The following areas must be provided within the engineering department: [99575] Phải cung cấp các khu vực sau trong bộ phận kỹ thuật:

Engineering shop [99576] Cửa hàng kỹ thuật

Engineering stores [99577] cửa hàng kỹ thuật

Chief engineer's office [99578] Văn phòng của kỹ sư trưởng

Assistant chief engineers office [99579] Văn phòng của trợ lý kỹ sư trưởng

Duty officer's office [99580] Văn phòng của nhân viên ca

Guidelines Hướng Dẫn

• Provision of separate lockers and washrooms for engineering staff is recommended. [99581] Nên cung cấp tủ khóa và phòng vệ sinh riêng cho nhân viên kỹ thuật.

Mechanical equipment rooms must meet the following: [99587] Phòng thiết bị cơ khí phải đáp ứng như sau:

All rooms for incoming services and large scale MEP equipment rooms must be located in back of house areas with no access by the public. [99588] Tất cả các phòng cho các dịch vụ đến và các phòng thiết bị MEP quy mô lớn phải được đặt ở khu vực BOH không cho người bên ngoài đi vào.

Rooms with equipment that uses water must be provided with curbs and/or water proofing to contain any potential spills. [99589] Phải cung cấp lề và/hoặc chống nước cho sự cố tràn cho các phòng có thiết bị sử dụng nước.

Guidelines Hướng Dẫn

• MEP distribution closets should be located in back of house areas if building design permits. [99590] Nên đặt tủ phân phối MEP ở khu vực BOH nếu thiết kế tòa nhà cho phép.

Housekeeping facilities must be provided and meet the following: [136137] Phải cung cấp các cơ sở vệ sinh và đáp ứng như sau:

Must be close to the service lifts. [136138] Phải gần với thang máy dịch vụ.

Must be adjacent to the laundry facilities, where provided. [136139] Phải liền kề với các cơ sở giặt ủi, nơi cung cấp.

Direct access to service lifts serving the guest room floors. [136140] Truy cập trực tiếp vào thang máy dịch vụ phục vụ sàn phòng khách.

The housekeeping area must include the following: [22785] Khu vực buồng phòng phải bao gồm như sau:

**(Trang 219)**

Clean linen storage area. [22786] Khu vực lưu trữ vải sạch

Dirty linen sorting and storage area [22787] Khu vực phân loại và lưu trữ vải sạch

Secure guest amenity storage [22790] Kho chứa tiện ích cho khách an toàn

In-house telephone [78853] Điện thoại trong nhà

Housekeeper's office [100208] Văn phòng của buồng phòng

General office [100209] Văn phòng tổng hợp

Uniform storage and distribution [100210] Lưu trữ và phân phối đồng phục

Lost & Found [100211] Đồ thất lạc

Cleaning equipment store [100212] Cửa hàng thiết bị vệ sinh

A housekeeping/linen store must be provided on every floor and meet the following: [58150] Phải cung cấp một cửa hàng buồng phòng/vải trên mỗi tầng và đáp ứng như sau:

Direct access to the linen chute [78824] Lối vào trực tiếp ống xả vải

Direct Back of House access to service lifts. [100218] Lối vào BOH trực tiếp đến các thang máy dịch vụ.

Lockable storage space with shelves [100219] Không gian lưu trữ có khóa với giá đựng

Should have a colleague toilet on alternate floors. [58166] Nên có nhà vệ sinh cho nhân viên trên sàn thay thế.

Racking and hanging space for garments is recommended. [100221] Khuyến nghị kệ và không gian treo cho hàng may mặc

Recommended layout [58164] Bố trí đề xuất

Housekeeping/linen store recommended layout Bố trí cửa hàng vải/ buồng phòng được đề xuất

Maintenance facilities must be provided and meet the following: [58134] Phải cung cấp các cơ sở bảo trì và đáp ứng như sau:

A maintenance workshop and store must be provided. [58136] Phải cung cấp một workshop và cửa hàng bảo trì.

Double entry doors [58139] Cửa ra vào đôi

Located in non-guest facing area [78818] Nằm trong khu vực không có khách

Located adjacent to hotel main plant [78819] Nằm liền kề cây chính của khách sạn.

Access to service lifts via service corridor [78820] Vào thang máy dịch vụ qua hành lang dịch vụ

Back of House -> Colleague Areas Khu vực BOH -> Khu Vực cho nhân viên

The following areas must be provided as part of the administration offices: [100153] Phải cung cấp các lĩnh vực sau đây như một phần của văn phòng hành chính:

Front Office [100154] Quầy Lễ tân

Guest Service Center [100155] Trung tâm dịch vụ khách hàng

Front Office Manager [100156] Giám đốc quầy lễ tân

General Manager [100157] Tổng giám đốc

Resident Manager [100158] Giám đốc tòa nhà

Reservations Office [100159] Văn phòng đặt phòng

**(Trang 220)**

Meeting Room seating up to 12 people [100160] Phòng họp có sức chứa tối đa 12 người

General manager's office must meet the following: [78831] Văn phòng tổng giám đốc phải đáp ứng như sau:

One desk with desk chair [78834] Một bàn làm việc có ghế

Two guest chairs [78836] Hai ghế cho khách

Back of House hotel administration offices must meet the following: [100192]   
Văn phòng quản trị khách sạn khu vực BOH phải đáp ứng như sau:

Reception area [100193] Khu vực tiếp tân

Meeting room for staff meetings [100194] Phòng họp nhân viên

Dedicated suite of WCs [100195] Phòng suite chuyên dụng của các WC

Guidelines Hướng Dẫn

• Natural daylight is recommended. [100196] Khuyến nghị chiếu sáng ban ngày tự nhiên.

The reception area for the administration offices must meet the following: [100197] Khu vực tiếp tân cho các văn phòng hành chính phải đáp ứng như sau:

Reception desk and desk chair [100198] Bàn tiếp tân và ghế

Seating for a minimum of two guests [100199] Chỗ ngồi cho tối thiểu hai khách

Design and finishes must complement the interior design of the hotel since this area will be accessible by guests. [100200] Thiết kế và hoàn thiện phải bổ sung cho thiết kế nội thất của khách sạn vì khu vực này sẽ được khách truy cập.

It is recommended to design the reception area that it can be shared between all administrative office functions. [100201] Khuyến nghị thiết kế khu vực lễ tân có thể dùng chung cho tất cả các chức năng văn phòng hành chính.

The following areas must be provided: [78800] Cung cấp các khu vực sau:

Colleague changing facilities [78802] cơ sở thay đồ cho nhân viên

Colleague dining [78803] Khu ăn uống nhân viên

Housekeeping area [78804] Khu vực buồng phòng

Housekeeping/linen store on guest room floor [78805] Cửa hàng vải/ buồng phòng trên tầng phòng khách

Maintenance facilities [78806] cơ sở bảo trì

Support kitchen for colleague dining [99996] Hỗ trợ bếp cho nhân viên ăn uống

Break room [99997] Phòng giải lao

Training room [99998] Phòng đào tạo

The following areas must be provided as part of the executive administration offices: [100161] Phải cung cấp các lĩnh vực sau đây như một phần của văn phòng điều hành:

Director of Marketing [100162] Giám đốc Marketing

Director of Public Relations [100163] Giám Đốc Truyền thông

Food & Beverage Manager [100164] Giám Đốc F&B

Sales Manager [100165] Giám Đốc Kinh Doanh

General office area [100166] Khu vực văn phòng tổng hợp

Area for filing, storage and copying [100167] Khu vực tài liệu, lưu trữ và sao chép

Banquetting Sales and Manager subject to IHG approval [100168] Kinh Doanh và Giám Đốc Tiệc tùy thuộc vào phê duyệt từ phía IHG

**(Trang 221)**

The following areas must be provided as part of the Human Resource offices: [100185] Phải cung cấp các lĩnh vực sau như một phần của văn phòng Nhân sự:

Training Room [100186] Phòng đào tạo

Director of Human Resources [100187] Giám đốc nhân sự

Administrative Assistant/General Personnel Office [100188] Văn phòng trợ lý hành chính/nhân sự

Interview Room [100189] Phòng phỏng vấn

Training Manager [100190] Quản lý đào tạo

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended to locate these offices near staff entrance and security office. [100191] Đề xuất đặt những phòng này gần lối vào nhân viên và phòng bảo vệ.

A front office must be provided and meet the following: [136169] Phải cung cấp một quầy lễ tân và đáp ứng như sau:

Be positioned behind or adjacent to the front desk. [136170] Được đặt phía sau hoặc liền kề với quầy lễ tân.

Directly accessible from the front desk. [136171] Nhìn trực tiếp từ quầy lễ tân.

Out of guest view. [136172] Ngoài tầm nhìn của khách.

A colleague dining area is required. [136175] Yêu cầu một khu vực ăn uống của nhân viên.

Where tap water is not potable, water dispenser must be provided. [136177] Trường hợp nước máy không thể uống được, phải cung cấp cây nước.

Wall mounted television with a minimum screen size of 32in. [136178] Tivi treo tường có kích thước màn hình tối thiểu 32in.

Clearance area for dirty dishes [136179] Khu vực cho bát đĩa bẩn

Tables and chairs must be provided. [136181] Phải cung cấp bàn ghế.

Varied seating types are required. [136182] Yêu cầu các loại chỗ ngồi thay đổi.

Beverage station must be provided. [136184] Phải cung cấp quầy đồ uống.

Serviced by a pantry with immediate access to the servery area for both food and serving utensils. Có quầy pantry phục vụ với lối vào trực tiếp khu vực phục vụ cho cả thực phẩm và dụng cụ phục vụ.

[136185]

Guidelines Hướng Dẫn

Efficient colleague flow from entry, to tray pick up, food and beverage pick up and on to seating should be considered. [136186] Nên xem xét lưu lượng nhân viên hiệu dụng từ lối vào, đến khay lấy đồ, lấy thực phẩm và đồ uống và đến chỗ ngồi.

Provision of two computer stations with internet access for staff use are recommended. [136187] Nên cung cấp hai trạm máy tính có truy cập internet cho nhân viên sử dụng.

Colleague changing facilities must be provided and meet the following: [136154] Phải cung cấp các cơ sở thay đồ cho nhân viên và đáp ứng như sau:

One locker for every colleague. [136155] Một tủ khóa cho mỗi nhân viên.

Bench [136156] Ghế dài.

Clothes hooks [136157] Móc quần áo.

Mirrors above vanity or wash basins. [136158] Gương trên quầy trang điểm hoặc quầy rửa tay.

Separate male and female locker, toilet and shower areas. [136159] khu vực nhà tắm và nhà vệ sinh, tủ khóa nam nữ riêng biệt.

Entry must be through the locker area and not via the toilet/shower zone. [136160] Lối vào phải qua khu vực tủ khóa và không qua khu vực nhà tắm/ nhà vệ sinh.

Showers and wash basins must be separate from the toilet and urinal area. [136161] Nhà tắm và quầy rửa tay phải tách biệt với nhà vệ sinh và khu vực bồn tiểu.

Hand wash basins with mirror above. [136162] Quầy rửa tay có gương phía trên.

Full length mirror at the entry/exit. [136164] Gương dài toàn phần tại lối vào/ lối thoát.

**(Trang 222)**

Hair Dryer [348053] Máy sấy tóc

Guidelines Hướng Dẫn

• Lighting and ventilation layout should consider the final position of lockers. [136165] Bố trí ánh sáng và thông gió nên xem xét vị trí cuối cùng của tủ khóa.

Colleague facilities must be clean and well maintained. [833] phòng cho nhân viên phải sạch sẽ và duy trì tốt.

Colleague restrooms must be fresh smelling, brightly lit and kept clean at all times. [25335] Phòng vệ sinh của nhân viên phải có hương thơm mát, chiếu sáng và luôn giữ sạch sẽ.

Colleague dining facilities should be cleaned following each meal period at a minimum. [39273] cơ sở ăn uống của nhân viên nên được dọn dẹp tối thiểu sau mỗi bữa ăn.

Offices and corridor areas should be cleaned daily. [39275] Văn phòng và khu vực hành lang nên được dọn dẹp hàng ngày.

Where provided, colleague kitchen areas should follow the same standards of cleanliness as other kitchen facilities. [39277] Khi được cung cấp, khu vực bếp của nhân viên phải tuân theo các tiêu chuẩn dọn dẹp như các thiết bị nhà bếp khác.

A designated smoking area must be provided outdoors for colleagues. [136166] Phải cung cấp một khu vực hút thuốc được chỉ định ngoài trời cho nhân viên.

Area must be a minimum of 3m (10ft) from entrances, operable windows and ventilation systems to ensure smoke does not enter these areas. [136167] Diện tích phải tối thiểu 3 m (10ft) từ lối vào, cửa sổ di động và hệ thống thông gió để đảm bảo khói không xâm nhập vào các khu vực này.

Ash receptacles must be provided. [136168] Phải cung cấp thùng rác.

Back of House -> Kitchen/Pantry Khu vực BOH -> Bếp/ Pantry

The main kitchen must meet the following: [99591] Bếp chính phải đáp ứng như sau:

Located adjacent to the all day dining restaurant. [99592] Nằm liền kề với nhà hàng all day dining.

It is recommended to locate the main kitchen that it can also serve the destination restaurants where provided. [99593] Đề xuất đặt bếp chính để cũng phục vụ cho các nhà hàng du lịch nếu cung cấp.

Where the building layout permits the main kitchen should be combined with the banqueting kitchen. Trường hợp bố trí tòa nhà cho phép, nhà bếp chính nên được kết hợp với nhà bếp tiệc.

[99594]

Headroom clearances and potential impact by exhaust hoods and ducts should be taken into account when planning the layout. [100395] Nên tính toán khoảng trống phía trên và tác động của hút chụp và ống dẫn khi lập quy hoạch bố trí.

The main kitchen must provide the following functions: [100396] Bếp chính phải cung cấp các chức năng sau:

Food preparation [100397] Chuẩn bị đồ ăn

Hot food [100398] Đồ ăn nóng

Cold food [100399] Đồ nguội

Service ice/bar. [100400] Đá dịch vụ/ quầy bar.

Bakery, pastry, finishing [100401] Tiệm bánh mỳ, pantry, hoàn thiện

Cart/tray make-up area [100402] Khu vực cấp khay/ xe đẩy

Waiter's pantry [100403] Pantry của nhân viên phục vụ

Banquet pantry [100404] Pantry tiệc

Lobby Lounge pantry [100405] Pantry của Lounge Sảnh

Dish/glass washing [100406] Rửa cốc/ đĩa

**(Trang 223)**

Pot washing [100407] Rửa nồi nấu

Hand wash basins must be provided in the kitchen/pantry and meet the following: [79948] Phải cung cấp bồn rửa tay trong nhà bếp/phòng pantry và đáp ứng như sau:

Preset water temperature [79949] Nhiệt độ nước đặt trước

Faucets must be stainless steel and sensor or knee push operated. [79950] Vòi phải là thép không gỉ và cảm biến hoặc đẩy khớp xoay.

Rubbish bin [79951] Thùng rác

Hand sanitizer [79952] Nước rửa tay diệt khuẩn

Paper towel dispenser [79953] Hộp khăn giấy

Hand wash dispenser [79954] Hộp đựng nước rửa tay

Insect killers are required in the following areas: [79942] Yêu cầu thuốc diệt côn trùng tại các khu vực sau:

Receiving bay [79943] Khu vực tiếp nhận

Entry corridor [79944] Hành lang lối vào

Within 2m (6ft 8in) of the kitchen door. [79945] Trong vòng 2m (6ft 8in) của cửa bếp.

Must be unobstructed. [79946] Phải không bị cản trở.

Guidelines Hướng Dẫn

• Recommended to be placed above each door [79947] Đề nghị được đặt trên mỗi cửa

The pantry/kitchen floor finish must meet the following: [79964] Hoàn thiện sàn nhà bếp/phòng pantry phải đáp ứng như sau:

Hard wearing [79965] Bền

Slip resistant [79966] Chống trơn

Non-porous [79967] Bề mặt không xốp

Chemical resistant [79968] Chống hóa chất

Waterproof membrane as underlay. [79969] Màng chống thấm như lớp lót

Must be laid to falls at 1:200 to floor drains. [79970] Phải được đặt để rơi ở tỷ lệ 1: 200 xuống cống.

Guidelines Hướng Dẫn

• Slip resistant rating of R12 is recommended. [79971] Khuyến nghị chống trượt mức độ R12.

All pantry/kitchen floor drains must meet the following: [79972] Tất cả cống thoát nước nhà bếp/ pantry phải đáp ứng như sau:

Stainless steel 304 [79973] Thép không gỉ 304

Anti-slip grating [79974] Lưới chống trượt

Strainer basket [79975] Giỏ lọc

Must be sealed with stainless steel cover. [79976] Phải bịt kín bằng vỏ bọc thép không gỉ.

Basket must be removable. [79977] Giỏ phải có thể tháo rời.

Must be fully recessed into structural slab [79978] Phải lõm hoàn toàn vào tấm kết cấu

Grating and finished floor level must be the same. [79979] Mức lưới và sàn hoàn thiện phải giống nhau

All pantry/kitchen floor to wall junctions must be coved. [79982] Tất cả các sàn phòng pantry/sàn nhà bếp đến tường phải có gờ.

Minimum radius of 2cm (0.8in). [79983] Bán kính tối thiểu 2cm (0,8in).

**(Trang 224)**

Minimum height of 15cm (6in) above finished floor level. [79984] Chiều cao tối thiểu 15cm (6in) so với mức sàn hoàn thiện.

All pantry/kitchen wall finishes must meet the following: [80097] Tất cả các hoàn thiện tường pantry/nhà bếp phải đáp ứng như sau:

Hard wearing [80098] Bền

Non-porous [80099] Bề mặt không xốp

Smooth finish. [80100] Hoàn thiện mượt

Fire retardant [80101] Chống cháy

Chemical resistant [80102] Chống hóa chất

Installed floor to ceiling. [115100] Sàn lắp đặt đến trần.

All pantry/kitchen wall finishes must be one of the following: [80103] Tất cả các hoàn thiện tường pantry/ bếp phải là một trong những điều sau đây:

Glazed Ceramic tile with epoxy resin grouting. [107104] Gạch men tráng men với vữa epoxy.

Stainless Steel cladding must be provided where cooking equipment abuts to wall. [82505] Phải cung cấp lớp thép không gỉ ở nơi thiết bị nấu ăn tiếp giáp với tường.

Wall finishes must meet the following: [114998] Hoàn thiện tường phải đáp ứng như sau:

Ceramic tile up to a minimum of 2.4m (8ft) from above finished floor. [114999] Gạch gốm lên đến tối thiểu 2,4m (8ft) từ tầng hoàn thiện phía trên.

Colour: white [115000] Màu: trắng

Wall construction of the pantry/kitchen must meet the following: [79992] Thi công tường của pantry/ nhà bếp phải đáp ứng như sau:

Full height to underside of the slab. [79993] Chiều cao toàn phần đến mặt dưới của tấm.

Constructed as solid masonry. [79994] Thi công theo như khối xây chắc đặc.

Clear floor to ceiling height must meet the following: [80116] Chiều cao từ sàn đến trần phải đáp ứng như sau:

A minimum of 2.5m (8ft 4in). [80117] Tối thiểu 2,5m (8ft 4in).

Guidelines Hướng Dẫn

• A minimum of 3.7m (12ft 2in) from slab to slab is recommended. [80118] Khuyến nghị tối thiểu 3,7m (12ft 2in) từ tấm đến tấm

All pantry/kitchen ceilings must meet the following: [80119]

Fire retardant [80120] Chống cháy

Removable. [115101] Dễ chuyển rời

White [80121] Trắng

Washable [80122] Dễ rửa

Non-absorbent [80123] Không thấm

Exhaust system fully boxed up to the ceiling. [80124] Hệ thống ống xả toàn phần lên đến trần nhà.

Suspended grid system ceiling must meet the following: [80125] Trần hệ thống lưới treo phải đáp ứng như sau:

Powder coated aluminum or sealed calcium silicate/fibre board panels. [80126] Nhôm sơn tĩnh điện hoặc tấm canxi silicat/tấm ván sợi.

Aluminum suspension system. [115102] Hệ thống treo nhôm.

Ceiling tiles with closed butt joints. [80128] Gạch trần có ghép đối tiếp kín.

Open ceilings with exposed installations are not permitted [80129] Không để trần mở với lắp đặt hở

Lighting in the pantry/kitchen must meet the following: [80171] Chiếu sáng trong pantry/bếp phải đáp ứng như sau:

**(Trang 225)**

Fluorescent or LED [80172] Huỳnh quang hoặc LED

Fully recessed into suspended ceiling [80173] Lõm hoàn toàn vào trần treo

Enclosed vapour proof [80174] Kín hơi

Fire retardant [80175] Chống cháy

Shatter proof [80176] Không vỡ

500 Lux on all work surfaces. [80177] 500 Lux trên tất cả các bề mặt làm việc

Where a separate banqueting kitchen is provided it must meet the following: [100418] Trường hợp cung cấp một nhà bếp tiệc riêng, nó phải đáp ứng như sau:

Dishwashing area [100419] Khu vực rửa chén

Directly connected to back of house corridor for the ball room/function room. [100420] Kết nối trực tiếp với hành lang BOH cho phòng ballroom/phòng chức năng.

Serving pre-function space. [100421] Không gian pre-function phục vụ.

Food service for other break out spaces and meeting rooms where provided. [100422] Cung cấp dịch vụ ăn uống cho các không gian thảo luận và phòng họp.

The following offices must be provided for the Food & Beverage area: [100409] Phải cung cấp các văn phòng như sau cho khu vực F&B:

Room service [100410] Dịch vụ phòng

Stewards office [100411] Phòng nhân viên

Chef's office [100412] Phòng đầu bếp

Janitor's office [100413] Văn phòng của người trông coi

The Food & Beverage office work stations must meet the following: [100414] quầy làm việc văn phòng F&B phải đáp ứng như sau:

Telephone with guest name display. [100415] Điện thoại có hiển thị tên khách.

Computer with POS access where required [100416] Máy tính có quyền truy cập POS khi cần thiết

Access to printer [100417] Truy cập máy in

The following Food & Beverage storage needs to be provided: [100423] Cần được cung cấp kho lưu trữ thực phẩm và đồ uống sau đây:

Bulk store [100424]

Secure store [100425] Cửa hàng an toàn

Food store [100426] Cửa hàng thực phẩm

Beverage store [100427] Cửa hàng đồ uống

Refrigerated store [100428] Cửa hàng đồ đông lạnh

Stewards store [100429] Stewards store

Ball room/meeting store [100430] Phòng ballroom/ cửa hàng họp

Banqueting managers store [100431] Cửa hàng quản lý tiệc

Area for receiving, unpacking and distributing should be provided. [100432] Nên cung cấp khu vực tiếp nhận, mở gói và phân phối.

Where banqueting is provided a dedicated separate store for food is recommended. [100433] Trường hợp cung cấp tiệc, đề xuất một cửa hàng riêng dành cho thực phẩm.

All pipe work must be hidden, mechanically protected and suitably insulated. [77654] Tất cả các đường ống phải được che khuất, lắp đặt bảo vệ và cách nhiệt phù hợp.

Service Corridors that are part of the route for food delivery from loading dock to the kitchen/pantry must meet the following: [78796] Hành lang dịch vụ là một phần của tuyến đường vận chuyển thực phẩm từ bãi bốc hàng đến nhà bếp/pantry phải đáp ứng như sau:

**(Trang 226)**

Wall, floor and ceiling finish must match the finishes of the kitchen/pantry. [78797] Tường, sàn và trần hoàn thiện phải phù hợp với hoàn thiện của nhà bếp/pantry.

Lighting must follow the same specifications as the kitchen/pantry. [78798] Chiếu sáng phải tuân theo các thông số kỹ thuật tương tự như nhà bếp/pantry.

Back of House -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment

Khu vực BOH -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

The workstations in the administration offices must meet the following: [100202] máy trạm trong văn phòng hành chính phải đáp ứng như sau:

Telephone with guest name display [100203] Điện thoại có hiển thị tên khách

Computer with PMS access where required. [100204] Máy tính có quyền truy cập PMS nếu cần.

Access to shared printer [100205] Truy cập vào máy in dùng chung.

Access to shared fax [100206] Truy cập vào fax dùng chung.

Front Office work stations must provide the following equipment as a minimum: [100242] trạm làm việc của Quầy lễ tân phải cung cấp tối thiểu các thiết bị sau:

Telephone with guest name display. [100243] Điện thoại có hiển thị tên khách hàng.

Computer with PMS access [100244] Máy tính có quyền truy cập PMS

Access to shared printer [100245] Truy cập vào máy in dùng chung

Access to shared fax facility [100246] Truy cập vào fax dùng chung.

Task lighting [100247] Chiếu sáng bổ sung.

Laundry and Housekeeping Office workstations must meet the following: [100214] máy trạm văn phòng giặt là và dọn phòng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Telephone with guest name display. [100215] Điện thoại có hiển thị tên khách hàng.

Computer with PMS access. [100216] Máy tính có quyền truy cập PMS

Access to printer. [100217] Truy cập máy in.

All Engineering and Maintenance office workstations must meet the following as a minimum: [99583] Tất cả các máy trạm văn phòng Kỹ thuật và Bảo trì phải đáp ứng tối thiểu như sau:

Telephone with guest name display. [99584] Điện thoại có hiển thị tên khách.

Computer with PMS access. [99585] Máy tính có quyền truy cập PMS

Access to printer [99586] Truy cập vào máy in

General Thông tin chung

A full team of professional consultants must be appointed, members of the team must meet the following: [99956] Phải chỉ định một đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp đầy đủ, các thành viên của nhóm phải đáp ứng như sau:

Submit the qualifications of the professional consultants to IHG. [99957] Gửi bằng cấp của các chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp cho IHG.

Experience relevant to the scope of works. [99958] Kinh nghiệm liên quan đến phạm vi công trình.

Guidelines Hướng Dẫn

Design consultants include but are not limited to architects, structural engineers, MEP engineers, interior designers, kitchen, lighting, landscape and security consultants. [99959] Tư vấn thiết kế bao gồm nhưng không giới hạn ở các kiến trúc sư, kỹ sư kết cấu, kỹ sư MEP, thiết kế nội thất, nhà bếp, ánh sáng, cảnh quan và tư vấn an ninh.

Build Journey - Process -> Use of Build Standards Hành Trình Xây Dựng – Quá Trình -> Sử dụng Tiêu Chuẩn Xây Dựng

**(Trang 227)**

All hotels must submit designs, plans, specification proposals and material samples to IHG for review and written approval, prior to ordering, purchasing, and commencing works. [19264] Tất cả các khách sạn phải gửi thiết kế, kế hoạch, đề xuất quy cách và mẫu vật liệu cho IHG để xem xét và phê duyệt bằng văn bản, trước khi đặt hàng, mua và bắt đầu công trình.

IHG reserves the right to require hotels to replace or modify at the Hotel's cost, any materials or work not formally submitted to and accepted by IHG if unapproved materials or work do not meet applicable standards or design level, as solely determined by IHG. [31464] IHG có quyền yêu cầu các khách sạn thay thế hoặc sửa đổi với chi phí của Khách sạn, mọi tài liệu hoặc công việc không được IHG chính thức đệ trình và chấp nhận nếu các tài liệu hoặc công việc không được phê duyệt không đáp ứng các tiêu chuẩn hoặc mức thiết kế hiện hành, như IHG xác định.

Qualified architects, engineers, interior designers, or other qualified professionals must be hired to produce design and construction drawings, interior decor proposals, material samples, and specifications describing all new hotel developments, conversions, renovation, or additions. [82908] Phải thuê kiến trúc sư, kỹ sư, thiết kế nội thất hoặc các chuyên gia có trình độ khác để tạo ra các bản vẽ thiết kế và xây dựng, đề xuất trang trí nội thất, mẫu vật liệu và thông số kỹ thuật mô tả tất cả các dự án phát triển, chuyển đổi, cải tạo hoặc bổ sung mới của khách sạn.

Any revisions, additions, or alterations of any kind made that conflict with documents previously agreed with IHG must be re-submitted for IHG’s written approval. [19267] Bất kỳ sửa đổi, bổ sung hoặc thay đổi dưới bất kỳ hình thức nào xung đột với các tài liệu đã thỏa thuận trước đó với IHG đều phải được gửi lại để phía IHG phê duyệt bằng văn bản.

Build Journey - Process -> General Building Codes Hành Trình Xây Dựng – Quá Trình -> Quy Tắc Xây Dựng Chung

The following International standards and codes are recognised by IHG and, where chosen, must be applied in its entirety throughout the hotel: [19268] tiêu chuẩn và quy tắc quốc tế sau đây được IHG công nhận và, trong trường hợp được chọn, phải được áp dụng trong toàn bộ khách sạn:

Guidelines Hướng Dẫn

British Standards [27170] Tiêu Chuẩn Anh

National Fire Protection Authority Standards [27171] Tiêu Chuẩn Chính Quyền về Phòng Cháy Chữa Cháy Quốc Gia

European Standards [27172] Tiêu Chuẩn Châu Âu

Charter Institute of Building Services Engineers [27173] Viện Kỹ Sư Dịch Vụ Xây Dựng

American Society of Heating Refrigeration and Air Conditioning [27174] Hiệp Hội Điều Hòa và Làm Mát Hoa Kỳ

Australian Standards [27175] Tiêu Chuẩn Úc

International Building Code [54905] Quy Tắc Xây Dựng Quốc Tế

All applicable international, national and local codes, laws and regulations must be complied with

[412048] Tất cả các quy tắc, quy định và luật địa phương, quốc gia và quốc tế phải tuân thủ với

In the event of a discrepancy between international, national and local codes, laws or regulations, and the standards or specifications, the more stringent requirement must take precedence (unless the more stringent IHG requirement is forbidden locally). [412049] Trong trường hợp có sự khác biệt giữa các luật, quy tắc hoặc quy định quốc tế, quốc gia và địa phương và các tiêu chuẩn hoặc thông số kỹ thuật, ưu tiên yêu cầu nghiêm ngặt hơn (trừ khi yêu cầu IHG nghiêm ngặt hơn bị cấm tại địa phương).

The Owner/Franchisee/its appointed consultants must notify IHG of any conflicts between IHG standards and applicable international, national and local codes, laws or regulations. [412050] Chủ sở hữu/Đại lý độc quyền/chuyên gia tư vấn được chỉ định của mình phải thông báo cho IHG về bất kỳ xung đột nào giữa các tiêu chuẩn IHG và các luật, quy tắc hoặc quy định quốc tế, quốc gia và địa phương.

Build Journey - Process -> Design Submission, Review & Approval Process Hành trình xây dựng - Quy trình -> Quy trình đệ trình thiết kế, xem xét & phê duyệt

The following design submittals must be provided by the hotel and approved by IHG prior to commencement of construction: [22003] Khách sạn phải cung cấp các đệ trình thiết kế như sau và được phía IHG phê duyệt trước khi khởi công xây dựng:

Consultant submittal schedule [86396] Tiến độ đệ trình tư vấn

Consultant Submittals đệ trình tư vấn

**(Trang 228)**

Documentation submission of the following consultants/disciplines is required. [79418] Yêu cầu nộp tài liệu của các chuyên gia tư vấn/quy tắc sau đây.

Owner, feasibility consultant, architect. [79420] Chủ đầu tư, tư vấn khả thi, kiến trúc sư.

Acoustics. [79421] Tiêu âm.

Architecture [79422] Kiến trúc

Artwork and accessories [79423] Tác phẩm nghệ thuật và phụ kiện

Audio visual [79424] Thiết bị AV

FLS - Fire Life Safety [79425] FLS – Chống Hỏa Hoạn

Food and Beverage [79426] Thực phẩm và Đồ uống

Graphics and signage [79427] Đồ họa và biển báo

Interior design [79428] Thiết kế nội thất

IT systems [79429] hệ thống IT

Kitchen and laundry [79430] Khu vực bếp và giặt là

Landscape [79431] Cảnh quan

Lighting [79432] Chiếu sáng

MEP [79433]

Project Management [79434] Quản lý dự án

Traffic [79435] Giao thông

Procurement [79436] Thu mua

Contractor & sub contractors [79437] Nhàu thầu & các nhà thầu phụ

Mock up rooms are required and must be IHG approved. [58085] Yêu cầu các phòng mẫu và phải được IHG phê duyệt.

Must be provided for each standard room type, corridor type and service riser. [58088] Phải được cung cấp cho từng loại phòng tiêu chuẩn, loại hành lang và ống đứng dịch vụ.

Must be approved prior to final design approval of the hotel. [58095] Phải được phê duyệt trước phê duyệt thiết kế cuối của khách sạn.

Must remain intact, as approved, until completion of the hotel. [58097] Phải còn nguyên vẹn, như đã được phê duyệt, cho đến khi khách sạn hoàn thành.

Guidelines Hướng Dẫn

Typically the room types required will be at least a one-bedded room and a two-bedded room. For more complex floor plates additional room types may be required. [58100] Thông thường các loại phòng yêu cầu sẽ có ít nhất là phòng một giường và phòng hai giường. Đối với các tấm lát sàn phức tạp hơn, có thể yêu cầu các loại phòng khác.

Mock up room design submittal must be approved by IHG prior to construction of the room commencing, and must include the following: [58106] Phải phê duyệt đệ trình thiết kế phòng mẫu từ phía IHG trước khi thi công phòng, và phải bao gồm như sau:

Floor plan. [79440] Mặt bằng sàn

Reflected ceiling plan. [79441] Mặt bằng trần.

Electrical power layout plan. [79442] Sơ đồ bố trí nguồn điện

Floor finish plan. [79443] Mặt bằng hoàn thiện sàn.

Floor general arrangement plan. [79444] Mặt bằng sắp xếp chung sàn.

Interior elevations of all walls. [79445] Độ cao bên trong của tất cả bức tường.

Interior elevation of the guest room corridor section across the width of the room module. [79446] Cao độ bên trong của phần hành lang phòng khách trên chiều rộng của mô-đun phòng.

**(Trang 229)**

Floor plan bathroom. [79447] Mặt bằng sàn nhà tắm.

Interior elevations of all bathroom walls. [79448] Cao độ bên trong của tất cả tường nhà tắm.

Standard details ceilings. [79449] Trần chi tiết tiêu chuẩn.

Standard details wall. [79450] Tường chi tiết tiêu chuẩn.

Standard details floors. [79451] tầng chi tiết tiêu chuẩn.

Door details for entrance and bathroom door, including all thresholds. [79452]

Chi tiết cửa cho lối vào và cửa phòng tắm, bao gồm tất cả các ngưỡng.

Window details. [79453] Chi tiết cửa sổ.

Details shower enclosure. [79454] Chi tiết buồng tắm.

Details vanity unit and mirror. [79455] Chi tiết cơ sở trang điểm và gương.

Details wardrobe or clothes hanging unit. [79456] Chi tiết tủ đựng hoặc thiết bị treo quần áo

Details desk. [79457] Chi tiết bàn làm việc.

Details and bedside tables. [79458] Chi tiết đầu giường và bàn cạnh giường.

Door schedule. [79459] Lịch trình cửa.

Window schedule. [79460] Lịch trình cửa sổ.

Furniture, fixture and equipment schedule. [79461] Lịch trình đồ nội thất, đồ đạc và thiết bị

Finishes schedule. [79462] Lịch trình hoàn thiện

Fabric schedule. [79463] Lịch trình vải

Hardware schedule. [79464] Lịch trình phần cứng

Lighting schedule. [79465] Lịch trình chiếu sáng

Artwork proposal. [79466] Đề xuất tác phẩm nghệ thuật.

Room floor plans and elevations must be a maximum scale of 1:50. [79467] Mặt bằng sàn và độ cao của phòng phải là tỷ lệ tối đa 1:50.

Bathroom plans and elevations must be a maximum scale of 1:25. [79468] Mặt bằng phòng tắm và độ cao phải là tỷ lệ tối đa 1:25.

Mood boards. [79469] mood board.

Material sample board including all materials proposed and to be used. [79470] Bảng mẫu vật liệu bao gồm tất cả các vật liệu được đề xuất và sẽ được sử dụng.

Coloured sketches or perspectives. [79471] Phác họa màu hoặc phối cảnh.

Reproductive renderings of the typical hotel guest room and all public areas of the hotel of a quality and character suitable for marketing and advertising must be issued to IHG by an agreed date. [79472] phối cảnh phòng khách sạn điển hình và tất cả các khu vực công cộng của khách sạn có chất lượng và đặc tính phù hợp với marketing và quảng cáo phải được IHG cấp trước ngày thỏa thuận.

Mock up room construction approval process must be as follows: [58112] Quy trình phê thi công phòng mẫu phải như sau:

At least three week’s notice must be given to IHG for the scheduled review date. [58115] Phải gửi thông báo ít nhất ba tuần cho IHG về ngày đánh giá theo lịch trình.

Prior to IHG inspection of the mock up room all consultants must confirm that the room is complete as per the approved design. [58128] Trước khi phía IHG kiểm tra phòng mẫu, tất cả các chuyên gia tư vấn phải xác nhận rằng phòng đã hoàn thành theo thiết kế đã được phê duyệt.

Any non compliances identified as part of the review process must be rectified and re-inspected prior to mock up room approval being issued. [58123] Bất kỳ sự không tuân thủ nào được xác định là một phần của quy trình xem xét phải được sửa chữa và kiểm tra lại trước khi phê duyệt phòng được ban hành.

In addition to the formal IHG approval, the Owner and each consultant must approve the mock up room. [58120] Ngoài phía IHG phê duyệt chính thức, Chủ đầu tư và mỗi nhà tư vấn phải phê duyệt phòng mẫu.

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 230)**

This approval confirms IHG’s acceptance of the Guestroom Design and Quality of Furniture, Fittings, and Workmanship and the Standard to which the rooms should be constructed and fitted out. [58131] Phê duyệt này xác nhận sự chấp nhận của IHG về Thiết kế phòng và Chất lượng của Nội thất, Đồ đạc và Tay nghề và Tiêu chuẩn mà các phòng nên được xây dựng và trang bị.

Lighting plan must be IHG approved prior to installation. [76612] Sơ đồ chiếu sáng phải được phía IHG phê duyệt trước khi lắp đặt.

Must include the main entrance and any additional area of the building where façade brand lighting is proposed. [76613] Phải bao gồm lối vào chính và bất kỳ khu vực bổ sung nào của tòa nhà nơi đề xuất chiếu sáng thương hiệu mặt tiền.

Build Journey - Process -> Design Submission, Review & Approval Process -> Engineering

Hành trình xây dựng – Quy trình -> Quy trình đệ trình, đánh giá & phê duyệt thiết kế -> Kỹ thuật

Engineering design compliance check-lists must be completed and submitted to IHG prior to detailed design commencing. [322311] Danh sách tuân thủ thiết kế kỹ thuật phải được hoàn thành và nộp cho IHG trước khi bắt đầu thiết kế chi tiết.

Guidelines Hướng Dẫn

• For examples of engineering design compliance check-lists refer to Annexure- 67. [322312] Để biết ví dụ về danh sách tuân thủ thiết kế kỹ thuật, hãy tham khảo Phụ lục- 67.

Annexure- 67 Design Compliance Checklists Phụ lục- 67 Danh sách tuân thủ thiết kế

Design information must be provided to IHG at key stages throughout the development of the hotel by the following data sheets: [322313] Phải cung cấp thông tin thiết kế cho phía IHG ở các giai đoạn chính trong suốt quá trình phát triển khách sạn bằng các bảng dữ liệu sau:

Climatological data [322314] Dữ liệu khí hậu

Site location/summary details [322315] Chi tiết tổng kết/ vị trí

Electrical services data [322316] Dữ liệu dịch vụ điện

Energy/fuel service data [322317] Dữ liệu dịch vụ nhiên liệu/ năng lượng

Portable water data [322318] Dữ liệu nước uống

Sewage disposal data [322319] Dữ liệu xử lý nước thải

Fire protection systems data [322320] Dữ liệu các hệ thống chống cháy

Sample mechanical load schedules [322321] tiến độ tải cơ khí mẫu

Sample electrical load schedules [322322] tiến độ tải điện mẫu

Building air balance schedules [322323] tiến độ cân bằng không khí tòa nhà

Design stage compliance verification check sheet [322324] Phiếu kiểm tra xác nhận tuân thủ giai đoạn thiết kế

District steam/heating/cooling [322325] Hơi/ Làm nóng/ làm mát

Boiler fuel options [322326] lựa chọn nhiên liệu nồi hơi

Telephone [322327] Điện thoại

Television [322328] Tivi

Consultants must maintain a schedule of the agreed variations including the following: [338048]

Tư vấn phải duy trì một lịch trình của các thay đổi đã thỏa thuận bao gồm:

Item reference and applicable section of the IHG standards [338049] Tham chiếu vật phẩm và phần áp dụng của các tiêu chuẩn IHG

Reason for the variation [338050] Nguyên nhân cho thay đổi

Agreed variation [338051] thay đổi đã thỏa thuận

**(Trang 231)**

Variation agreed by/sign off documentation [338052] Hồ sơ kí kết/ phê duyệt thay đổi

Benefits for the project - including cost programme implications [338053] Lợi ích cho dự án - bao gồm cả chương trình chi phí

Build Journey - Process -> Design Submission, Review & Approval Process -> Existing Construction

Hành trình xây dựng – Quy trình -> Quy trình đệ trình, đánh giá & phê duyệt thiết kế -> Thi công hiện tại

A Property Improvement Plan (PIP) or Property Report, provided by IHG, will be required for all existing properties undergoing the following license/contract actions: [21253] Kế hoạch cải thiện tòa nhà (PIP) hoặc Báo cáo tòa nhà, do IHG cung cấp, sẽ bắt buộc cho tất cả các tòa nhà hiện có trải qua việc cấp phép/hợp đồng sau đây:

Non IHG Brand conversion [21254] Chuyển đổi thương hiệu khôn phải IHG

Change of Ownership [21255] Đổi Quyền Sở Hữu

License or Management Contract Renewal [21256] Gia Hạn Hợp Đồng Quản Lý hoặc Cấp Phép

• Brand Conversion within the IHG® brand family [21257] Chuyển đổi thương hiệu trong gia đình thương hiệu IHG®

All refurbishment and renovation works must meet the following: [99961] Tất cả các công trình tân trang và cải tạo phải đáp ứng như sau:

All items required by the license agreement and/or Property Improvement Plan must be completed by the agreed milestone dates. [99962] Tất cả các mục theo yêu cầu của thỏa thuận cấp phép và/hoặc Kế hoạch cải thiện tòa nhà phải được hoàn thành trước các mốc thời gian đã thống nhất.

IHG reserves the right to require replacement and or modification of any materials or work not formally submitted to and approved by IHG. [99963] IHG có quyền yêu cầu thay thế và sửa đổi bất kỳ tài liệu hoặc công việc nào không được IHG chính thức đệ trình và phê duyệt.

Licensed architects, engineers, interior designers and/or other qualified professionals with prior experience executing similar scope of works must be engaged. [99964] kiến trúc sư được cấp phép, kỹ sư, thiết kế nội thất và/hoặc các chuyên gia khác có trình độ với kinh nghiệm trước khi thực hiện phạm vi công việc tương tự phải được tham gia.

Guidelines Hướng Dẫn

• Voluntary renovations do not typically require a Property Improvement Plan inspection. [99965] Cải tạo tự nguyện thường không yêu cầu giám định Kế hoạch cải thiện tòa nhà.

Build Journey - Process -> Design Submission, Review & Approval Process -> Handover

Hành trình xây dựng – Quy trình -> Quy trình đệ trình, đánh giá & phê duyệt thiết kế -> Bàn giao

Build Journey - Process -> Design Submission, Review & Approval Process -> Handover -> Testing & Commissioning

Hành trình xây dựng – Quy trình -> Quy trình đệ trình, đánh giá & phê duyệt thiết kế -> Bàn giao -> Kiểm tra & Chạy thử

The following systems must be tested and commissioned: [322090] hệ thống sau phải được kiểm tra và chạy thử:

Heating Ventilation and Air Conditioning (HVAC) [322091] Thông gió sưởi ấm và điều hòa không khí (HVAC)

Extra-low voltage (ELV) [322092] Điện áp cực thấp (ELV)

Low-voltage (LV) [322093] Điện áp thấp (LV)

Plumbing [322094] Hệ thống ống nước

Drainage [322095] Thoát nước

Fire and life safety [322096] Phòng cháy chữa cháy

Lifts (front and back of house) [322097] thang máy (khu vực FOH và BOH)

Escalators [322098] Thang cuốn

All utility connections [322113] Tất cả các kết nối tiện ích

Security [322114] An ninh

**(Trang 232)**

A comprehensive programme covering all testing and commissioning activities must be submitted to IHG and include the following: [322099] Một chương trình toàn diện gồm tất cả các hoạt động thử nghiệm và chạy thử phải được nộp cho IHG và bao gồm các nội dung sau:

All dates must be agreed with IHG. [322100] Tất cả ngày phải được phê duyệt từ phía IHG.

Submission of method statements and procedures [322101] Đệ trình báo cáo phương thức và các thủ tục

Utility connection dates [322105] Ngày kết nối tiện ích

Testing dates [322103] Ngày thử nghiệm

Commissoning dates [322102] Ngày chạy thử

Hand over dates [322104] Ngày bàn giao

Witnessing dates for authorities/IHG [322106] Ngày chứng kiến cho các cơ quan có thẩm quyền/ phía IHG

Guidelines Hướng Dẫn

• For an example testing and commissioning program refer to Annexure-72. [322107] Để biết một ví dụ về chương trình thử nghiệm và chạy thử, hãy tham khảo Phụ lục-72.

Annexure-72 MEPF Services sample testing and commissioning program Phụ lục-72 Chương trình thử nghiệm và chạy thử mẫu Dịch vụ MEPF

All systems in the hotel must be fully commissioned before handover for occupation. [322108] Tất cả các hệ thống trong khách sạn phải được chạy nghiệm thu đầy đủ trước khi bàn giao để ở.

Full and detailed method statements must be provided for the following procedures: [322115] Phải cung cấp báo cáo phương pháp đầy đủ và chi tiết cho các thủ tục sau:

Pre-commissioning [322116] Chạy thử trước

Setting to work [322118] Thiết lập làm việc

Commissioning [322119] Chạy thử

Testing [322120] Kiểm tra

Hand over [322121] Bàn giao

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended to issue examples of all check lists, record data sheets and certificates used to IHG.

[322123] Nên cấp các ví dụ về tất cả danh sách, phiếu dữ liệu và chứng nhận cho phía IHG.

Method statements must be issued prior to all testing/carrying out any works and include the following information: [322125] Báo cáo phương pháp phải được cấp trước khi thử nghiệm/thực hiện bất kỳ công việc nào và bao gồm các thông tin sau:

Health and safety issues [322126] vấn đề an toàn và sức khỏe

Instruments to be used including their calibration certificates [322127] công cụ được sử dụng bao gồm chứng nhận hiệu chuẩn của chúng

Test Sequence [322128] Trình tự kiểm tra

Documentation which will be provided to record results. [322129] Tài liệu sẽ được cung cấp để ghi lại kết quả.

Full and detailed method statements must include the following: [322130] Báo cáo phương pháp đầy đủ và chi tiết phải bao gồm các nội dung sau:

Logic diagram of the process [322131] Sơ đồ logic của quá trình

Outline programme [322132] Chương trình phác thảo

Copies of all check lists, record sheets, etc [322133] bản sao của tất cả danh sách, phiếu dữ liệu,…

Permit to work systems and documentation [322134] Cho phép các hệ thống làm việc và hồ sơ

**(Trang 233)**

Details of works by others affecting progress of works [322135] chi tiết công trình bởi bên khác ảnh hưởng tiến độ công trình

Proposed off-site testing [322136] Đề xuất thử nghiệm bên ngoài

Proposed completion sequence [322137] Trình tự hoàn thành đề xuất

Proposals for quality control [322138] Đề xuất kiểm soát chất lượng

Handover [322139] Bàn giao

Demonstration [322140] Trưng bày giới thiệu

Training [322141] Đào tạo

Periodic tests of utility connections and systems must be carried out throughout construction to ensure performance and quality is maintained. [322168] Phải thực hiện các thử nghiệm định kỳ về các kết nối và hệ thống tiện ích trong suốt quá trình thi công để đảm bảo duy trì hiệu suất và chất lượng.

Documentation must be provided recording all test results and submitted to IHG for review and approval. [322169] Phải cung cấp tài liệu ghi lại tất cả các kết quả kiểm tra và nộp cho IHG để xem xét và phê duyệt.

Low-voltage (LV) systems that must be tested and commissioned include: [322170] hệ thống điện áp thấp (LV) phải được thử nghiệm và chạy thử bao gồm:

Power [322171] Nguồn điện

Lighting [322172] Chiếu sáng

Extra-low-voltage (ELV) systems that must be tested and commissioned include: [322173] hệ thống điện áp cực thấp (ELV) phải được thử nghiệm và chạy thử bao gồm:

Audio visual (AV) systems [322174] hệ thống AV

Lighting control [322175] Kiểm soát chiếu sáng

Building Management System (BMS) [322176] Hệ thống quản lý xây dựng (BMS)

Telephone [322177] Điện thoại

Data [322178] Dữ liệu

Television [322179] Tivi

Information technology (IT) [322180] Công nghệ thông tin (IT)

Security [371056] An ninh

Underwater lighting systems [371057] hệ thống chiếu sáng dưới nước

General testing and commissioning must meet the following: [322181] Thử nghiệm và vận hành chung phải đáp ứng như sau:

Upon completion of all testing and commissioning two signed copies of all commissioning documentation and certificates must be provided. [322182] Sau khi hoàn thành tất cả các thử nghiệm và chạy thử, phải cung cấp hai bản sao đã ký của tất cả các tài liệu vận hành và chứng nhận.

Copies of all testing and commissioning reports must be submitted to IHG within 14 days of the results having been obtained. [322183] bản sao của tất cả các báo cáo thử nghiệm và chạy thử phải được nộp cho IHG trong vòng 14 ngày kể từ khi có kết quả.

Be completed one month ahead of the official opening date of the hotel for all systems infrastructure and equipment. [322184] Hoàn thành một tháng trước ngày khai trương chính thức của khách sạn đối với tất cả các hệ thống cơ sở hạ tầng và thiết bị.

Certificates, documentation and operating manuals must be issued to IHG one month before the agreed opening date for the hotel. [322185] Giấy chứng nhận, tài liệu và hướng dẫn vận hành phải được cấp cho IHG một tháng trước ngày mở cửa đã được thống nhất cho khách sạn.

Installer and designer must verify the correct operation of the completed system, including items of plant, in order to ensure they are operating within the agreed parameters. [322186] Người lắp đặt và thiết kế phải xác minh hoạt động chính xác của hệ thống đã hoàn thành, bao gồm các hạng mục máy móc, để đảm bảo vận hành trong các tham số đã thỏa thuận.

The installer must provide, at his own cost, all utilities and resource required for all testing and commissioning to be completed. [322187] Người lắp đặt phải cung cấp, bằng chi phí của mình, tất cả các tiện ích và tài nguyên cần thiết cho tất cả các thử nghiệm và vận hành cần được hoàn thành.

**(Trang 234)**

Build Journey - Process -> Design Submission, Review & Approval Process -> Handover -> Testing & Commissioning ->

Building Management System Hệ thống Quản lý Tòa nhà

Hành trình xây dựng – Quy trình -> Quy trình đệ trình, đánh giá & phê duyệt thiết kế -> Bàn giao -> Kiểm tra & Chạy thử -> Hệ Thống Quản Lý Tòa Nhà

The commissioning of the Building Management System (BMS) must meet the following: [322188] Việc chạy thử Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) phải đáp ứng như sau:

All pre-testing, testing and commissioning for pre-configured applications must be carried out during production. [322189] Tất cả các thử nghiệm trước, thử nghiệm và chạy thử cho các ứng dụng được cấu hình sẵn phải được thực hiện trong quá trình sản xuất.

Setting to work of the building management system associated controllers and peripheral equipment must be carried out on site. [322190] Thiết lập hệ thống quản lý tòa nhà liên quan đến bộ điều khiển và thiết bị ngoại vi phải được thực hiện tại chỗ.

The commissioning of the Building Management System (BMS) must be carried out by the BMS supplier. [322191] Việc chạy thử Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) phải đáp ứng như sau:

All control applications must be in-active during the wiring test with the associated outputs disabled.

[322192] Tất cả các ứng dụng điều khiển phải hoạt động trong quá trình kiểm tra nối dây với các đầu ra liên quan bị vô hiệu hóa.

Modification of the specified control scheme must be IHG approved. [322193] Sửa đổi sơ đồ điều khiển được chỉ định phải được IHG phê duyệt.

A fault diagnosis and wiring test must be undertaken as part of the commissioning process. [322194] Phải chẩn đoán lỗi và kiểm tra hệ thống dây điện như một phần của quy trình vận hành.

Commissioning of the Building Management System (BMS) must take place once the following systems are operational: [322195] Vận hành hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) khi các hệ thống sau hoạt động:

Air and water systems must be balanced. [322196] Hệ thống không khí và nước phải được cân bằng.

Mains power must be available. [322197] Luôn có sẵn nguồn điện mains power

The building services control equipment must be functioning correctly. [322198] thiết bị điều khiển dịch vụ tòa nhà phải hoạt động chính xác.

Handover of the Building Management System (BMS) must meet the following: [322199] Bàn giao Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) phải đáp ứng như sau:

Date of handover must be agreed with IHG. [322200] Ngày bàn giao phải được thỏa thuận với IHG.

The system's operation must be demonstrated as per the IHG approved design. [322201] Hoạt động của hệ thống phải được thể hiện theo thiết kế được IHG phê duyệt.

All discrepancies between specification and actual performance must be rectified and re-tested. [322202] Tất cả độ lệch giữa đặc điểm kỹ thuật và hiệu suất thực tế phải được sửa chữa và kiểm tra lại.

Spare parts must be provided. [322208] Phải cung cấp các phần bổ sung.

Equipment for system tests and diagnostic must be provided. [322209] Phải cung cấp thiết bị cho kiểm tra và chẩn đoán hệ thống.

A maintenance and service contract must be in place. [322210] Một hợp đồng bảo trì và dịch vụ phải được đưa ra.

All controllers and peripheral devices must be supported for a minimum of five years and any software or device upgrades that may be required within that five year period must be provided under the system guarantee. [322211] Tất cả các bộ điều khiển và thiết bị ngoại vi phải được hỗ trợ tối thiểu năm năm và mọi nâng cấp phần mềm hoặc thiết bị có thể được yêu cầu trong khoảng thời gian năm năm đó phải được cung cấp theo bảo đảm hệ thống.

In the event that the opening date or quality is at risk IHG will require the appointment of an independent IHG approved commissioning company to be paid for by the hotel owner. [322203] Trong trường hợp ngày khai trương hoặc chất lượng có rủi ro, IHG sẽ yêu cầu bổ nhiệm một công ty vận hành độc lập được IHG phê duyệt để được chủ khách sạn thanh toán.

The handover of the complete Building Management System (BMS) must be documented as follows:

[322204] Việc bàn giao Hệ thống quản lý tòa nhà hoàn chỉnh (BMS) phải được ghi lại như sau:

Comprehensive commissioning report with test results and relevant as-build drawings [322205] Báo cáo chạy thử toàn diện với kết quả thử nghiệm và bản vẽ thi công có liên quan

**(Trang 235)**

Commissioning deviations [322206] Độ lệch chạy thử

Complete controller configuration and settings [322207] Hoàn tất cấu hình và cài đặt bộ điều khiển

Build Journey - Process -> Design Submission, Review & Approval Process -> Handover -> Building Management

Hành trình xây dựng – Quy trình -> Quy trình đệ trình, đánh giá & phê duyệt thiết kế -> Bàn giao -> Quản lý tòa nhà

System Training Đào tạo hệ thống

Training on the Building Management System (BMS) operation must be provided: [322212] Phải cung cấp đào tạo về vận hành Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS):

A minimum of 40 hours training must be provided on the use and operation. [322213] Tối thiểu 40 giờ đào tạo về việc sử dụng và vận hành.

Training must take place at both the manufacturers works and completed on-site once the systems are fully operational. [322214] Đào tạo phải tại cả công trình nhà sản xuất và hoàn thành tại chỗ khi hệ thống hoạt động đầy đủ.

Training on the Building Management System (BMS) must include the following: [322215] Đào tạo về Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) phải bao gồm các nội dung sau:

A walk-through of control installation must be provided to identify control components and to explain functions. [322216] Giám định lắp đặt điều khiển để xác định các thành phần điều khiển và để giải thích các chức năng.

Read-out of plant data and values [322217] Số liệu đưa ra về dữ liệu và giá trị máy móc

Alarm functions plant analysis [322218] Phân tích chức năng báo động

Presentation and function of operator work station and peripherals [322219] Trình bày và chức năng của trạm làm việc điều hành và các thiết bị ngoại vi

Controller functionality [322220] Chức năng điều khiển

Controller user level operation [322221] Vận hành mức người dùng kiểm soát

Controller fault diagnostics [322222] Chẩn đoán lỗi điều khiển

Explanation of the system documentation provided. [322224] Giải thích về tài liệu hệ thống được cấp.

Guidelines Hướng Dẫn

Where further technical training of the control system, HVAC control theory or applications are required, it is recommended that this training is provided from the control system supplier in a separate contract.

[322223] Khi cần đào tạo thêm về kỹ thuật của hệ thống điều khiển, cần phải có lý thuyết hoặc ứng dụng điều khiển HVAC, đào tạo này nên được cung cấp từ nhà cung cấp hệ thống điều khiển trong một hợp đồng riêng.

The explanation of the system documentation should cover plant drawings, controller operating instructions and operating and maintenance manuals as a minimum. [322225] Việc giải thích tài liệu hệ thống nên bao gồm các bản vẽ kỹ thuật, hướng dẫn vận hành bộ điều khiển và hướng dẫn vận hành và bảo trì ở mức tối thiểu

Build Journey - Process -> Design Submission, Review & Approval Process -> Handover -> Record Documentation

Hành trình xây dựng – Quy trình -> Quy trình đệ trình, đánh giá & phê duyệt thiết kế -> Bàn giao -> Hồ sơ

Record documentation must meet the following: [322226] Hồ sơ lưu trữ phải đáp ứng như sau:

Operating and maintenance manuals [322227] Hướng dẫn vận hành và bảo trì

As-built drawings [322228] bản vẽ thi công

As a minimum in an English version [322229] Tối thiểu trong bản Tiếng Anh

Format must be agreed with IHG. [322230] Định dạng phải được thỏa thuận với IHG.

Editable [322272] Có thể chỉnh sửa

PDF [322273]

Soft copy [322274] Bản mềm

**(Trang 236)**

Hard copy [322275] Bản cứng

Guidelines Hướng Dẫn

A version in local language is recommended depending on location. [322231] Nên có một phiên bản bằng ngôn ngữ địa phương tùy thuộc vào vị trí.

It is recommended that all record drawings are provided in electronic form (CD ROM and memory stick, Windows) in addition to paper copies and that drawings are provided to the latest AutoCAD release and prepared using agreed CAD layering convention. [322232] Tất cả các bản vẽ nên được cung cấp ở dạng điện tử (CD ROM và thẻ nhớ, Windows) ngoài các bản sao giấy và các bản vẽ cho bản phát hành AutoCAD mới nhất và được chuẩn bị bằng cách sử dụng quy ước phân lớp CAD đã thỏa thuận.

It is recommended to provide three paper copies and three CD ROM copies. [322233] Nên cung cấp ba bản sao giấy và ba bản sao CD ROM.

As-built/record documentation of the following systems must be provided: [322234] Phải cung cấp tài liệu thi công/ ghi lại của các hệ thống sau:

All infrastructure/utilities [322235] Tất cả cơ sở hạ tầng/tiện ích

Building plans and sections [322236] Mặt bằng và mặt cắt tòa nhà

Building structure [322237] Cấu trúc tòa nhà

Mechanical/Heating Ventilation Air Conditioning System (HVAC) [322238] Hệ thống điều hòa không khí/sưởi ấm cơ khí (HVAC)

Extra-low voltage (ELV) [322239] Điện áp cực thấp (ELV)

Low-voltage (LV) [322240] Điện áp thấp (LV)

Plumbing [322241] Hệ thống ống nước

Drainage [322242] Thoát nước

Lifts [322243] Thang máy

Escalators [322244] Cầu thang tự động

Life Safety [322245] Chống Cháy

As-built drawings must be provided and include the following information as a minimum: [322246] Phải cung cấp các bản vẽ thi công và bao gồm các thông tin tối thiểu sau đây:

Technical and equipment rooms [322247] Phòng kỹ thuật và thiết bị

Building Management System (BMS) control schematics [322248] Sơ đồ điều khiển hệ thống quản lý tòa nhà (BMS)

Building Management System (BMS) sequences of operations [322249] Trình tự vận hành của hệ thống quản lý tòa nhà (BMS)

Location of all public service connections/utilities [322250] Vị trí của tất cả các kết nối/tiện ích dịch vụ công cộng

The layout, location and extent of all main and sub-mains cables and piped services together with all isolation points, valves and test points. [322251] Bố trí, vị trí và phạm vi của tất cả các cáp chính và cáp phụ và các dịch vụ đường ống cùng với tất cả các điểm cách ly, van và điểm kiểm tra.

Location, identity, size and details of all control equipment [322252] Vị trí, nhận diện, kích thước và chi tiết của tất cả các thiết bị điều khiển

Layout, location and extent of all electrical services and systems, including containment [322253] Bố trí, vị trí và phạm vi của tất cả các dịch vụ và hệ thống điện, bao gồm cả hộp chứa

Layout, location and extent of all air ducts, control dampers, silencers and air in take points [322254] Bố trí, vị trí và phạm vi của tất cả các ống dẫn khí, giảm chấn điều khiển, ống giảm thanh và không khí trong các điểm vào

Location and identity of every technical plant space, housing system infrastructures and equipment

[322255] Vị trí và nhận diện của mỗi không gian máy móc kỹ thuật, cơ sở hạ tầng hệ thống nhà ở và thiết bị

Detailed arrangements of all technical rooms providing location, identity, manufacturer, size and rating of all equipment. [322256] Sắp xếp chi tiết của tất cả các phòng kỹ thuật cung cấp vị trí, nhận diện, nhà sản xuất, kích thước và đánh giá của tất cả các thiết bị.

Plans, sections, elevations, isometrics, schematics and three dimensional details of all plant arrangements [322257] Mặt bằng, mặt cắt, cao độ, hình học, sơ đồ và chi tiết kích thước ba chiều của tất cả các sắp xếp máy móc

**(Trang 237)**

All Building Management System (BMS) control wiring diagrams [322258] Tất cả các sơ đồ điều khiển Hệ Thống Quản Lý Tòa Nhà (BMS)

Documentation of all public service connections must include the following: [322259] Tài liệu của tất cả các kết nối dịch vụ công cộng phải bao gồm:

Location [322260] Vị trí

Contact/reference of the installer [322261] Liên lạc/ tham chiếu của người lắp đặt

Points of origin [322262] điểm bắt đầu

Points of termination [322263] điểm kết thúc

Size reference [322264] Tham chiếu kích thước

Material reference [322265] Tham chiếu vật liệu

Line pressure [322266] Áp suất đường ống

Flow rate [322267] Tốc độ luồng gió

Capacity [322268] Dung tích

As-built drawings must be provided in the following formats: [322269] Cung cấp các bản vẽ thi công theo các định dạng sau:

Floor layout at a 1:100 scale minimum. [322270] Bố trí sàn ở tỷ lệ tối thiểu 1: 100.

Technical rooms at a 1:50 scale minimum. [322271] Phòng kỹ thuật ở mức tối thiểu 1:50.

The following wall-mounted, glass covered and framed schedules and schematics must be provided:

[322276] Phải cung cấp các lịch trình và sơ đồ đóng khung, phủ kính và gắn tường sau đây:

Colour schematic drawings of all systems showing identification and duties of equipment. [322277] Bản vẽ sơ đồ màu của tất cả các hệ thống thể hiện nhận dạng và nhiệm vụ của thiết bị.

Building Management System (BMS) control schematics and sequences of operations [322278] Sơ đồ kiểm soát và trình tự hoạt động Hệ Thống Quản Lý Tòa Nhà (BMS)

Health and Safety notice(s) [322279] (Các) lưu ý về An Toàn và Sức Khỏe

Emergency operating procedures and telephone contact numbers for emergency call out services

[322280] Quy trình vận hành khẩn cấp và số điện thoại liên lạc cho các dịch vụ gọi khẩn cấp

Final location and installation must be IHG approved. [322281] Vị trí và lắp đặt cuối cùng phải được IHG phê duyệt.

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended to place this information in plant rooms and other appropriate locations. [322282] Nên đặt thông tin này trong phòng máy và các vị trí thích hợp khác.

All record/as-built drawings must be signed and checked by the installer and designer in accordance with agreed quality control procedures. [322283] Tất cả các bản vẽ/bản dựng thi công phải được ký và kiểm tra bởi người lắp đặt và người thiết kế theo các quy trình kiểm soát chất lượng đã thỏa thuận.

Build Journey - Process -> Design Submission, Review & Approval Process -> Handover -> Pre-opening process Hành trình xây dựng – Quy trình -> Quy trình đệ trình, đánh giá & phê duyệt thiết kế -> Bàn giao -> Mở trước

Prior to the hotel opening a full set of operating and maintenance manuals must be provided and include the following: [322284] Trước khi khách sạn khai trương, phải cung cấp một bộ hướng dẫn vận hành và bảo trì đầy đủ và bao gồm như sau:

Descriptions of all systems and infrastructure installed [322285] Mô tả của tất cả các hệ thống và cơ sở hạ tầng được lắp đặt

System narratives [322299] Tường thuật hệ thống

Manufacturer installer/equipment provider detail with system narrative [322292] Chi tiết nhà lắp đặt sản xuất/nhà cung cấp thiết bị với tường thuật hệ thống

Sequence of operation [322287] Chuỗi hoạt động

**(Trang 238)**

Operating instructions for all systems and equipment [322288] Hướng dẫn vận hành cho tất cả các hệ thống và thiết bị

Procedures to be taken in the case of malfunction or failure [322289] thủ tục được thực hiện trong trường hợp hỏng hóc hoặc lỗi

Preventative and reactive maintenance instructions [322290] Hướng dẫn bảo trì phòng ngừa và phản ứng

Building operation plan [322291] Kế hoạch vận hành tòa nhà

Details of warranties and guarantees [322293] Chi tiết cam kết và đảm bảo

Record/as-built drawings of all systems [322294] Hồ sơ/ các bản vẽ thi công của tất cả các hệ thống.

List of abbreviations used [322295] Danh sách các từ viết tắt được sử dụng

Health and safety working notices [322296] lưu ý làm việc an toàn và sức khỏe

Risk assessments [322297] Đánh giá rủi ro

General prelims [322298] Kiểm tra chung

Main plant components [322300] Thành phần máy móc chính

Mode of operation of automatic control systems [322301] Phương thức hoạt động của hệ thống điều khiển tự động

Listing of all systems infrastructure and equipment controlled by the Building Management System (BMS) [322302] Danh sách tất cả các cơ sở hạ tầng và thiết bị hệ thống được kiểm soát bởi Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS)

All systems infrastructure and equipment technical data [322303] Tất cả các cơ sở hạ tầng hệ thống và dữ liệu kỹ thuật thiết bị

All procedures necessary for start up, running and shut down of systems infrastructure and equipment

[322304] Tất cả các thủ tục cần thiết để khởi động, chạy và tắt cơ sở hạ tầng hệ thống và thiết bị

Maintenance operation on a daily, weekly, monthly, quarterly and annual basis for each system infrastructure and equipment [322305] Hoạt động bảo trì hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý và hàng năm cho mỗi cơ sở hạ tầng hệ thống và thiết bị

Any emergency procedures to be adopted by personal engaged in the operating and maintenance of the systems infrastructure and equipment [322306] Bất kỳ thủ tục khẩn cấp nào được thông qua bởi cá nhân tham gia vận hành và bảo trì cơ sở hạ tầng và thiết bị hệ thống

Action to be taken on equipment failure or malfunction [322307] Hành động khi thiết bị hỏng hóc hoặc trục trặc

Required and recommended spare parts and lubricants [322308] Phụ tùng và chất bôi trơn cần thiết và được đề xuất

All test certificates and commissioning reports [322309] Tất cả các chứng nhận kiểm nghiệm và báo cáo chạy thử

List of all manufacturers details including addresses, telephone numbers, and listing of specific equipment supplied. [322310] Danh sách tất cả các chi tiết của nhà sản xuất bao gồm địa chỉ, số điện thoại và danh sách các thiết bị cụ thể được cung cấp.

Complete Green Engage compliance document [322286] Toàn bộ tài liệu tuân thủ Tiêu Chuẩn Xanh

Build Journey - Process -> Design Submission, Review & Approval Process -> Handover -> Attic stock

Hành trình xây dựng – Quy trình -> Quy trình đệ trình, đánh giá & phê duyệt thiết kế -> Bàn giao -> Kho gác mái

Attic stock and spare parts must be provided. [19628] Phải cung cấp kho gác mái và phụ tùng.

Project design team must establish a schedule of attic stock and spare parts considered appropriate for the property. [79473] Đội ngũ thiết kế dự án phải thiết lập một lịch trình của kho gác mái và phụ tùng được coi là phù hợp với tòa nhà.

Proposed schedule must be submitted to IHG® for review and approval prior to any items being sourced, purchased and supplied. [79474] Lịch trình đề xuất phải được gửi tới IHG® để xem xét và phê duyệt trước khi bất kỳ mục nào được thu, mua và cung cấp.

Attic stock and spare parts must be handed over at a date agreed with IHG® prior to the opening of the hotel. [79476] Kho gác mái và phụ tùng thay thế phải được bàn giao vào ngày đã thỏa thuận với IHG® trước khi khai trương khách sạn.

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 239)**

When finalising the schedule, storage requirements for the attic stock should be considered and addressed. [79477] Khi hoàn thành lịch trình, các yêu cầu lưu trữ cho kho gác mái cần được xem xét và giải quyết.

When developing the schedule consideration should be given to the size of the property, its location, access to suppliers and availability of items. Quantities and types of items should relate to the equipment, item or area specified. [79478] Khi phát triển lịch trình nên xem xét kích thước tòa nhà, vị trí của nó, quyền truy cập cho các nhà cung cấp và tính sẵn có của các mặt hàng. Số lượng và loại vật phẩm nên liên quan đến thiết bị, vật phẩm hoặc khu vực được chỉ định.

Reference document: example for attic stock and spare part schedule. [88253] Tài liệu tham khảo: ví dụ cho lịch trình phụ tùng và kho gác mái.

AMEA Attic Stock Schedule Lịch Trình Kho Gác Mái AMEA

Annexure-68 Attic Stock Schedule example engineering Phụ lục-68 Kỹ thuật mẫu Lịch Trình Kho Gác Mái

General Thông tin chung

All products and material finishes used during construction and/or installed in the hotel must meet the following: [17247] Tất cả các sản phẩm và vật liệu hoàn thiện được sử dụng trong quá trình xây dựng và/hoặc lắp đặt trong khách sạn phải đáp ứng như sau:

Be installed and maintained in accordance with all manufacturer's recommendations and directions

[17248] Được lắp đặt và bảo trì theo tất cả các khuyến nghị và chỉ đạo của nhà sản xuất

Easily cleaned [27824] Dễ làm sạch

Durable and intended for commercial use [27830] Bền và cho mục đích thương mại

Where used in high humidity areas, materials and products must be moisture resistant. [27831] Trường hợp sử dụng trong khu vực độ ẩm cao, vật liệu và sản phẩm phải chống ẩm.

Guidelines Hướng Dẫn

• Non-toxic materials should be used, where possible. [33664] Nên dùng vật liệu không độc hại, nếu có thể.

Build Journey - Base Build -> Acoustics

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Tiêu Âm

Back to back wall penetrations are not permitted unless the acoustic rating of the partition can be maintained where they are deemed to be necessary. [13082] Không cho phép thấm tường giáp lưng trừ khi có thể duy trì mức độ tiêu âm của vách ngăn nếu cần.

Guidelines Hướng Dẫn

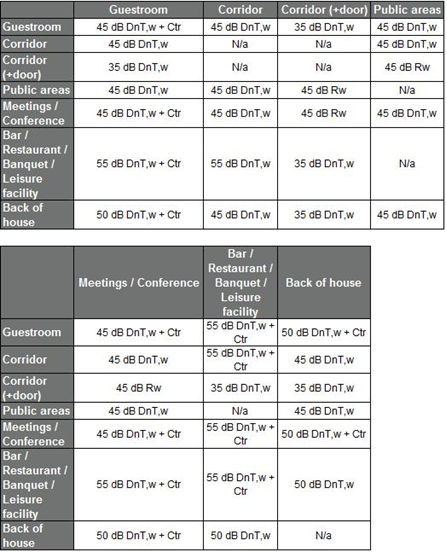
• Staggered socket positions to reduce potential of noise transfer are preferred. [99966] Ưu tiên vị trí ổ cắm so le để giảm khả năng truyền tiếng ồn.

Partitions, floor and ceiling construction must meet the following as a minimum: [322329] vách ngăn, sàn và trần phải đáp ứng tối thiểu như sau:

Testing and rating of building elements and on--site testing must be carried out in accordance with the requirements of BS EN ISO 140 and BS EN ISO 717. [322330] Thử nghiệm và đánh giá các yếu tố xây dựng và thử nghiệm tại chỗ theo các yêu cầu của BS EN ISO 140 và BS EN ISO 717.

Criteria listed in Annexure -71.2 [322332] tiêu chí được liệt kê trong Phụ lục -71.2

**(Trang 240)**



Guestroom Phòng khách

Corridor Hành lang

Corridor (+door) Hành lang (+cửa)

Public areas khu vực công cộng

Guestroom Phòng khách

Meeting/ Conference Phòng họp/ hội nghị

Bar/ Restaurant/ Banquet/ Leisure facility

Quầy bar/ Nhà hàng/ Tiệc/ Cơ sở giải trí

Back of house Khu vực BOH

Guidelines Hướng Dẫn

• Normal conversations should be inaudible in the adjoining rooms in order to provide speech privacy. [387050] Nên để nghe thấy các cuộc hội thoại thông thường trong các phòng liền kề để cung cấp bảo mật.

Reverberation times must meet the following: [322334] Thời gian vang lại phải đáp ứng như sau:

Reverberation time in conference rooms and leisure facilities must not exceed 1 second in any single octave band in the frequency range 500 to 4,000 Hz. [322335] Thời gian vang trong phòng hội nghị và các cơ sở giải trí không được vượt quá 1 giây trong bất kỳ dải quãng tám nào trong dải tần số 500 đến 4.000 Hz.

Reverberation time in corridors serving guest bedrooms must not exceed 0.7 seconds in any single octave band in the frequency range 500 to 4,000 Hz. [322336] Thời gian cvang trong hành lang phục vụ phòng ngủ của khách không được vượt quá 0,7 giây trong bất kỳ dải quãng tám nào trong dải tần số 500 đến 4.000 Hz.

Reverberation time within atria must not exceed 1.7 seconds in any single octave band in the frequency range 500 to 4,000 Hz. [322337] Thời gian vang trong tâm nhĩ không được vượt quá 1,7 giây trong bất kỳ dải quãng tám nào trong dải tần số 500 đến 4.000 Hz.

Movable walls between public rooms must provide a minimum sound insulation performance of 43dB DnT,w. [322339] bức tường di động giữa các phòng công cộng phải có hiệu suất cách âm tối thiểu là 43dB DnT, w.

Lift equipment and its operation must not exceed NC-35 in the following areas: [322341] Thiết bị nâng và hoạt động không được vượt quá NC-35 trong các khu vực sau:

**(Trang 241)**

Elevator lobbies [322342] sảnh thang máy

Elevator cars [322343] khoang tháng máy

Occupied guest areas [322344] khu vực khách sử dụng

All building services must be designed and installed to meet the following maximum NC ratings:

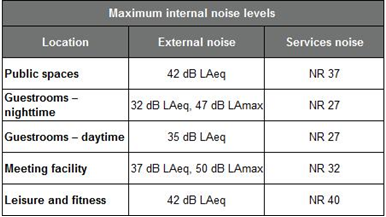
[327048] Tất cả các dịch vụ xây dựng phải được thiết kế và lắp đặt để đáp ứng mức độ NC tối đa sau đây

Noise from drainage systems must not exceed 32dB LA max in guest rooms. [327049] Tiếng ồn từ hệ thống thoát nước không được vượt quá 32dB LA tối đa trong phòng khách.

Noise from drainage system must not exceed 45dB LA max in public areas [327050] Tiếng ồn từ hệ thống thoát nước không được vượt quá 45dB LA tối đa ở các khu vực công cộng

Noise at outdoor public areas must not exceed 50dBA [327051] Tiếng ồn tại khu vực công cộng ngoài trời không được vượt quá 50dBA

As per criteria listed in Annexure-70.2 [387048] Theo tiêu chí được liệt kê trong Phụ lục-70.2



Maximum internal noise levels Mức ồn tối đa bên trong

Location Vị trí

External noise Tiếng ồn bên ngoài

Services noise Tiếng ồn dịch vụ

Public spaces không gian công cộng

Guestrooms-nighttime phòng khách – ban đêm

Guestrooms – daytime phòng khách – ban ngày

Meeting facility Cơ sở phòng họp

Leisure and fitness Giải trí và fitness

All building services must not cause the following when operating: [327053] Tất cả các dịch vụ tòa nhà không được gây ra những điều sau đây khi vận hành:

Objectionable structure borne noise [327054] Cấu trúc khó chịu sinh ra tiếng ồn

Vibration to occupied spaces [327055] Dao động đến các không gian có người dùng

The following areas must not produce a noise level exceeding 90dBA: [327056] khu vực sau không được tạo ra mức ồn vượt quá 90dBA:

Kitchens [327057] Nhà bếp

Plant rooms [327058] phòng máy

Laundry [327059] Giặt là

All ductwork must be adequately treated. [378050] Tất cả các ống dẫn phải được xử lý đầy đủ

All moving plant, equipment and pipework connected to same must be suitably isolated from the building structure. [327061] Tất cả các máy móc di chuyển, thiết bị và hệ thống đường ống kết nối với nhau phải được cách ly phù hợp với cấu trúc tòa nhà.

All mounting/isolation systems and parts must be non-corrosive [327062] Tất cả các hệ thống lắp đặt/cách ly và các bộ phận phải không bị ăn mòn

Ductwork velocities must not exceed the following in order to avoid any nuisance noise: [327063 Vận tốc đường ống không được vượt quá các điều sau đây để tránh bất kỳ tiếng ồn phiền toái nào:

Airflow rates up to 0.47m3/s: maximum 4m/s Velocity [327064] Tốc độ dòng khí lên tới 0,47m3/giây: Vận tốc tối đa 4m/giây

Airflow rates between 0.47 to 4.7 m3/s: maximum 6m/s Velocity [327065] Tốc độ dòng khí từ 0,47 đến 4,7 m3/giây: Vận tốc tối đa 6m/giây

Airflow rates over 4.7m3/s: maximum 7m/s Velocity [327066] Tốc độ dòng khí trên 4,7m3/giây: Vận tốc tối đa 7m/giây

**(Trang 242)**

Kitchen and Laundry exhaust: between 8 - 10m/s max Velocity [327073] Khí thải nhà bếp và giặt ủi: vận tốc tối đa từ 8 - 10m/s

All ductwork must be adequately treated. [378049] Tất cả các ống dẫn phải được xử lý đầy đủ.

Water flow in pipes must not exceed the following velocities: [327084] Lưu lượng nước trong ống không được vượt quá vận tốc sau:

Pipe size up to 50mm: maximum 0.6m/s Velocity [327088] Kích thước ống lên tới 50mm: Vận tốc tối đa 0,6m/s

Pipe size 65 - 100mm: maximum 0.8m/s Velocity [327089] Kích thước ống 65 - 100mm: Vận tốc tối đa 0,8m/s

Pipe size 125 - 200mm: maximum 1.5m/s Velocity [327090] Kích thước ống 125 - 200mm: Vận tốc tối đa 1,5m/s

Pipe size 250 - 300mm: maximum 2.5m/s Velocity [327091] Kích thước ống 250 - 300mm: Vận tốc tối đa 2,5m/s

Pipe size 355mm and larger: maximum 3.0m/s Velocity [327092] Kích thước ống từ 355mm trở lên: Vận tốc tối đa 3.0m/s

All pipes penetrating building walls must be installed as follows: [327093] Tất cả các ống xuyên tường xây dựng phải được lắp đặt như sau:

In sleeves with acoustic packing between the sleeve and pipe [327094] Trong các ống ngoài có bọc tiêu âm giữa ống ngoài và đường ống

Guidelines Hướng Dẫn

• Steel sleeves are recommended [327095] Khuyến nghị các ống thép

All toilets in guest rooms must be fitted with proprietary quiet type flush valves. [327097] Tất cả các nhà vệ sinh trong phòng khách phải được trang bị van xả loại yên tĩnh độc quyền.

Piston type flow valves are not permitted. [327098] Không cho phép van dòng pít-tông.

Steam pipes must be sized so that velocity does not cause nuisance noise. [327100] Ống hơi phải có kích thước để vận tốc không gây ra tiếng ồn khó chịu.

Sizing must result in a maximum velocity of 25m/s. [327101] Kích thước phải tạo ra vận tốc tối đa 25m/s.

Build Journey - Base Build -> Site Utilities and Equipment

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở và Thiết Bị Hiện Trường

All service, plant and equipment, refuse storage and waste collection areas within view of guest must be architecturally screened. [12218] Tất cả các dịch vụ, nhà máy và thiết bị, khu vực lưu trữ và thu gom chất thải trong tầm nhìn của khách phải được che khuất bằng kiến trúc.

Screening is required to coordinate with the building exterior. [12219] Cần che chắn để phối hợp với bên ngoài tòa nhà.

Satellite dishes if installed at ground level have to have their base screened off from view. [73301] ăng ten đĩa vệ tinh nếu được lắp đặt ở mặt đất phải được che khuất khỏi tầm nhìn của công chúng.

Unauthorised access must be prevented. [73302] Phải ngăn chặn truy cập trái phép.

Guidelines Hướng Dẫn

It is recommend that all external service areas, plant, equipment and rubbish collection areas are not located adjacent to the guest facing areas. [15372] Tất cả các khu vực dịch vụ bên ngoài, máy móc, thiết bị và khu vực thu gom rác không được đặt liền kề với các khu vực phải đối diện với khách.

It is recommended that all roof mounted plant and equipment is screened from guest view. [88239] Tất cả các máy móc và thiết bị gắn trên mái nhà nên được che chắn khỏi tầm nhìn của khách.

Build Journey - Base Build -> Site Utilities and Equipment -> General

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Tiện Ích và Thiết Bị Dự Án -> Chung

Equipment stored on site must be located in a secure weathertight structure or compound and screened from guest view. [17383] Thiết bị tại chỗ phải đặt trong cấu trúc hoặc phức hợp an toàn chống chịu thời tiết và che khuất khỏi tầm nhìn của khách.

Storm shutters, where installed, must meet the following: [17384] Cửa chớp, nếu lắp đặt, phải đáp ứng như sau:

Coordinate with the building façade design. [17385] Phối hợp với thiết kế mặt tiền tòa nhà.

**(Trang 243)**

Safely accessible and operable [17386] Truy cập an toàn và di động

Must be able to be secured in open and closed position. [17387] Phải có thể bảo đảm ở vị trí mở và đóng.

Must not pose a hazard in accessible locations. [17388] Không được gây nguy hiểm ở những vị trí dễ tiếp cận.

Must be commercial quality. [76624] Phải là chất lượng thương mại.

All utility services must be reliable for the following percentage of time: [285048] Tất cả các dịch vụ tiện ích phải đáng tin cậy trong phần trăm thời gian sau:

Water supply must have a reliability of greater than 99.5% [285049] Cấp nước phải có độ an toàn trên 99,5%

Electrical supply must have a reliability of greater than 99.988% [285050] Cấp điện phải có độ an toàn trên 99.988%

Gas supply must be available for more than 95% [285051] Cấp ga luôn có sẵn trên 95%

Written verification from the utility company of the supply and reliability must be provided. [285052] Phải cung cấp xác nhận bằng văn bản từ công ty tiện ích cung cấp và đáng tin cậy.

Guidelines Hướng Dẫn

• The reliability percentage mentioned above describes utility availability in hours per year. [285053] Tỷ lệ phần trăm độ tin cậy được đề cập ở trên mô tả tính khả dụng theo giờ mỗi năm.

Build Journey - Base Build -> Site Utilities and Equipment -> Gas Supply

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở và Thiết Bị Dự Án

Gas supply must be provided from one of the following: [285054]

Cung cấp khí từ một trong những nguồn sau đây:

Natural Gas [285055] Khí tự nhiên

Town Gas [285056] Khí đốt

Liquid Petroleum Gas [285057] Khí dầu mỏ lỏng

The gas supply to the hotel and its associated equipment must be located within a ventilated enclosed space. [285058] Khí đốt cung cấp cho khách sạn và các thiết bị đi kèm phải được đặt trong một không gian kín.

The plant room must be locked and not accessible to guests. [285059] Phòng máy phải khóa và không cho khách truy cập.

Where natural or town gas supply is provided it must meet the following: [285060] Trường hợp cung cấp khí đốt tự nhiên hoặc khí dân dụng, phải đáp ứng như sau:

A system to monitor and regulate the gas supply pressure to all consumers. [285061] Một hệ thống giám sát và điều chỉnh áp lực cung cấp khí cho tất cả người tiêu dùng.

The main gas supply must be metered. [285062] Phải đo lượng cấp khí chính.

Have an automatic solenoid shut off valve connected to gas leak detection and fire alarm system.

[285063] Có một van điện từ tự động ngắt kết nối với hệ thống phát hiện rò rỉ khí và báo cháy.

All serviceable equipment must have unobstructed access at all times. [285064] Tất cả các thiết bị có thể sửa chữa phải có quyền truy cập không bị cản trở mọi lúc.

Pressure regulation [285065] Điều tiết áp suất

Fuel leak detection [285066] Phát hiện rò rỉ nhiên liệu

Automated shut down in case of leak detection [285067] Tự động ngắt trong trường hợp phát hiện rò rỉ

Appropriate storage and containment [285068] Đồ chứa và kho lưu trữ thích hợp

Guidelines Hướng Dẫn

• Electronic gas meters are recommended. [285069] Khuyến nghị đồng hồ đo khí điện tử

Where a liquid petroleum gas supply is provided it must meet the following: [285070] Trường hợp cung cấp khí dầu lỏng, nó phải đáp ứng các điều sau:

**(Trang 244)**

Where Gas supply is reliable at 95% of the time: one week's storage at maximum use must be provided. [285071] Trường hợp cung cấp khí đảm bảo ở mức 95% thời gian: phải cung cấp lưu trữ tối đa một tuần.

Where Gas supply reliability is less than 95%: minimum of two week's storage at maximum use must be provided. [285072] Trường hợp độ ổn định cung cấp khí dưới 95%: phải cung cấp tối thiểu hai tuần lưu trữ khi sử dụng tối đa.

A manual shut off valve must be provided at the point of connection to the utility supply. [285073] Phải cung cấp một van ngắt thủ công tại điểm kết nối với nguồn cung cấp tiện ích.

Where a gas leakage detection system is provided it must meet the following: [285074] Khi cung cấp một hệ thống phát hiện rò rỉ khí, phải đáp ứng như sau:

Gas/fuel leak detection with an automatic shut off valve must be provided within all areas where the utility is used. [285075] Phải cung cấp thiết bị phát hiện rò rỉ khí/nhiên liệu với van ngắt tự động trong tất cả các khu vực sử dụng tiện ích.

The gas leak detection system must be interfaced to the fire alarm system to isolate the gas supply to the area on fire alarm. [285076] Hệ thống phát hiện rò rỉ khí phải liên kết với hệ thống báo cháy để cách ly nguồn cung cấp khí cho khu vực trên báo cháy.

The gas storage must be provided with shading from direct sunlight. [285077] Việc lưu trữ khí phải được cung cấp với bóng che từ ánh sáng mặt trời trực tiếp.

Sub-meters must be provided for following high consumption areas: [285078] Phải cung cấp đồng hồ đo phụ cho các khu vực tiêu thụ cao sau đây:

Kitchens [285079] Nhà bếp

Laundry [285080] Giặt là

Boiler [285081] Nồi hơi

Absorption chiller [285082] Thiết bị lạnh hấp thụ

Health Club [285083] Câu lạc bộ sức khỏe

Build Journey - Base Build -> Site Utilities and Equipment -> Water Supply

Hành trình xây dựng – Xây Đế -> Cơ Sở và Thiết Bị Dự Án -> Cấp Nước

Water supply must meet the following: [285084] Cấp nước phải đáp ứng như sau:

The World Health Organisation water quality standards at all times. [285085] Luôn đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng nước của Tổ chức Y tế Thế giới.

The water supply must be provided with a main flow meter, including a means of isolation. [285086] Phải cung cấp nước với đồng hồ đo lưu lượng chính, bao gồm cả phương tiện cách ly.

Where water supply at source does not meet World Health Organisation standards an appropriate water treatment plant must be provided. [285087] Khi nguồn cung cấp nước tại nguồn không đáp ứng tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế Thế giới, phải cung cấp nhà máy xử lý nước thích hợp.

Where water supply is less reliable than 99.5% of the time water storage must be provided: [285088] Trường hợp cấp nước kém tin cậy hơn 99,5% thời gian, phải cung cấp lưu trữ nước:

As a minimum for 48 hours at maximum use. [285089] Tối thiểu trong 48 giờ sử dụng tối đa.

Guidelines Hướng Dẫn

Where the utility company confirmation shows this can be reduced, it can be considered but a reduction is subject to IHG approval. [285090] Trường hợp xác nhận của công ty tiện ích cho thấy điều này có thể được giảm, có thể được xem xét nhưng việc giảm phải tuân theo sự chấp thuận của IHG.

Where water storage is provided and water temperature cannot be maintained below 20°C at all times, UV system must be provided after water storage and before point of use. [285091]

Khi cung cấp lưu trữ nước và nhiệt độ nước không thể duy trì dưới 20 ° C, phải cung cấp hệ thống UV sau khi trữ nước và trước thời điểm sử dụng.

Where on site water storage is provided it must meet the following: [305132] Trường hợp cung cấp lưu trữ nước tại chỗ thì phải đáp ứng như sau:

Minimum two compartments [305133] Tối thiểu 2 ngăn

Storage must be calculated based on design criteria in Annexure-49 [305137] Phải tính toán lưu trữ dựa trên các tiêu chí thiết kế trong Phụ lục-49

**(Trang 245)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Service Dịch vụ | Storage Lưu trữ | Shower Flow Rate Lưu lượng vòi hoa sen | Pressure Range  Khoảng áp suất |
| Cold Water Nước Lạnh | 410 liters/ guest/ day w/o laundry  410 lít/khách/ngày không có giặt là | 9.4 liter per minute  9,4 lít mỗi phút |  |
| 560 liters/ Guest/ day with all facilities in tropical climate  560 lít/Khách/ngày với tất cả các cơ sở trong khí hậu nhiệt đới | 5.5 bar max  Tối đa 5.5 bar |
| 900 liters/ guest/day with all facilities in tropical climate  900 lít/khách/ngày với tất cả các cơ sở trong khí hậu nhiệt đới | 1.5bar min  Tối thiểu 1.5bar |
| Restaurant: 35 liters/ cover  Nhà hàng: 35 lít/khăn phủ |  |
| Maintain below 20C to prevent Legionella  Duy trì dưới 20C để ngăn ngừa Legionella | SWA: 4bar min  SWA: Tối thiểu 4bar |
| 23C in tanks for UAE  23C trong bể cho UAE |  |
| Hot Water Nước nóng  Nước Nóng | 30 liters/ guest room/ day  30 lít/phòng khách/ngày | 9.4 liter per minute  9,4 lít mỗi phút |  |
| Restaurant: 14 liters/ cover  Nhà hàng: 14 lít/khăn phủ | 5.5bar max  Tối đa 5.5bar |
| Kitchen & Laundry: Based on equipment at higher temperature (60-70C) with two hours minimum recovery.  Nhà bếp & Giặt ủi: Dựa trên thiết bị ở nhiệt độ cao hơn (60-70C) với khả năng phục hồi tối thiểu hai giờ. | 1.5bar min  Tối thiểu 1.5bar |
| Minimum return temperature 55C  Nhiệt độ hồi lại tối thiểu 55C | SWA: 4bar min |
| Anti-scald fittings on washbasins to limit hot water supply temperature to 41C  Thiết bị chống bỏng trên chậu rửa để hạn chế nhiệt độ cấp nước nóng đến 41C |  |

\*Pressure requirements typically based on shower requirements. Yêu cầu áp suất thường dựa trên yêu cầu nhà tắm.

All rooms and all services to have same/ balanced pressure. Tất cả các phòng và tất cả các dịch vụ có cùng áp lực/cân bằng.

Concrete tanks must be tiled or epoxy coated. [305138] Bể bê tông phải được lát gạch hoặc phủ epoxy

Internal surfaces must be smooth [305139] Bề mặt bên trong phải nhẵn

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-50 for a typical schematic of cold water supply. [305140] Tham chiếu Phụ lục-50 để biết sơ đồ điển hình về cấp nước lạnh.

Annexure-50 Cold water schematic of water supply to building Phụ lục-50 Sơ đồ nước lạnh cung cấp cho tòa nhà

Water flow meters must be provided for following high consumption areas: [285092]

Phải cung cấp đồng hồ đo lưu lượng nước cho các khu vực tiêu thụ cao sau đây:

Kitchens [285093] Bếp

Laundry [285094] Giặt là

Hot water make up [285095] Bổ sung nước nóng

Pool and fitness facilities [285096] cơ sở bể bơi và fitness

Guest room block [285097] Khối phòng khách

Staff changing areas [285098] khu vực thay đồ cho nhân viên

Cooling Tower [285099] Tháp giải nhiệt

**(Trang 246)**

Irrigation Systems [285100] Hệ Thống Tưới

Leased areas such as shops & offices etc. [285101] khu vực cho thuê như cửa hàng và văn phòng,…

Food and beverage outlets [285102] quầy F&B

Spa [285103]

Build Journey - Base Build -> Site Utilities and Equipment -> Electricity Supply

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở và Thiết Bị Dự Án -> Cấp Điện

A utility electrical supply must be provided and meet the following: [285104] Phải cung cấp một nguồn cung cấp điện tiện ích và đáp ứng như sau:

Where the electrical supply does not achieve a reliability of above 99.998% or more than one hour interruption per year an emergency generator must be provided. [285105] Trong trường hợp nguồn cung cấp điện không đạt được độ tin cậy trên 99,998% hoặc gián đoạn hơn một giờ mỗi năm thì phải cung cấp máy phát khẩn cấp.

The main electrical supply must be metered. [285106] Phải đo nguồn cung điện chính

Guidelines Hướng Dẫn

• Where possible electrical supply should be provided from a sustainable source. [285107] Nếu có thể nên cung cấp điện từ một nguồn bền vững.

Power factor correction must be provided to maintain an overall power factor of 0.98 to unity. [285108]

Phải cung cấp hiệu chỉnh hệ số công suất để duy trì tổng hệ số công suất là 0,98 đến đơn vị.

Harmonic filters must be provided in electrical distribution to limit total harmonic distortion up to 10%. [285109] Phải cung cấp các bộ lọc sóng hài trong phân phối điện để hạn chế tổng độ méo sóng hài lên tới 10%.

Electrical sub-meters must be provided for following areas: [285110] Phải cung cấp công tơ điện cho các khu vực sau:

Kitchens [285111] Nhà bếp

Laundry [285112] Giặt là

Fitness facilities [285113] cơ sở fitness

Guest room block [285114] Khối phòng khách

Mechanical Services [285115] dịch vụ cơ khí

Vertical Transportation Systems [285116] Hệ Thống Giao Thông Dọc

Food and Beverage Outlets [285117] quầy F&B

Ballrooms [285118]

Lighting Systems [285119] Hệ Thống Chiếu Sáng

Leased areas [285120] khu vực cho thuê

All distribution boards serving loads in excess of 50kW [285121] Tất cả các bảng phân phối phục vụ tải vượt quá 50kW

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> General

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Chung

Sub-terrain structures must be watertight. [57904]

Cấu trúc địa hình phụ phải kín nước

The expected life of all building services systems must comply with the following: [285129]

Tuổi thọ dự kiến của tất cả các hệ thống dịch vụ tòa nhà phải tuân thủ như sau:

**(Trang 247)**

Chartered Institution of Building Services Engineers (CIBSE) [285130] Viện Kỹ Sư Dịch Vụ Tòa Nhà

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to CIBSE guide book M for the expected life of individual equipment. [285131] Tham chiếu sách hướng dẫn CIBSE M để biết tuổi thọ của thiết bị cá nhân.

During design concept stage the building orientation must be analysed and studied. [285146] Trong giai đoạn thiết kế ý tưởng, phải phân tích và nghiên cứu định hướng tòa nhà.

Where fire rated walls are penetrated by non-metallic ventilation ducts fire dampers of equal rating must be provided. [335186] Trong trường hợp tường chống cháy bị xuyên thủng bởi các ống thông gió phi kim loại, phải cung cấp các bộ giảm chấn chống cháy có mức độ bằng nhau.

Where two hour fire rated walls are penetrated by metallic ventilation ducts, fire dampers of equal rating must be provided. [378051] Trong trường hợp các bức tường chống cháy trong hai giờ bị xuyên thủng bởi các ống thông gió bằng kim loại, phải có các bộ giảm chấn mức độ ngang nhau.

Fire dampers must be easily accessible for maintenance and resetting. [378053] Bộ giảm chấn phải dễ dàng tiếp cận để bảo trì và đặt lại.

The following must be provided for mechanical and electrical equipment, plantrooms and service shafts: [714048] Phải cung cấp những điều sau đây cho các thiết bị cơ điện, phòng máy và trục dịch vụ:

Access for servicing and maintenance. [728114] Truy cập cho dịch vụ và bảo trì.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Mechanical

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Cơ khí

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Mechanical -> Design Criteria

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Cơ khí -> Tiêu Chí Thiết Kế

The mechanical systems proposed must comply with the following recognised international industry standards: [285132] hệ thống cơ khí được đề xuất phải tuân thủ các tiêu chuẩn công nghiệp quốc tế được công nhận sau đây:

Chartered Institution of Building Services Engineers (CIBSE) [285133] Viện Kỹ Sư Dịch Vụ Tòa Nhà (CIBSE)

American Society of Heating, Refrigerating and Air-Conditioning Engineers (ASHRAE) [285134] Hiệp hội kỹ sư máy sưởi, điện lạnh và điều hòa không khí Hoa Kỳ (ASHRAE)

National Fire Protection Association (NFPA) (Smoke Control Systems) [285135] Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia (NFPA) (Hệ thống kiểm soát khói)

Mechanical systems must meet the following design criteria: [285136] Hệ thống cơ khí phải đáp ứng các tiêu chí thiết kế sau:

For external design criteria - refer to Annexure-12. [285137] Để biết các tiêu chí thiết kế bên ngoài - tham khảo Phụ lục-12

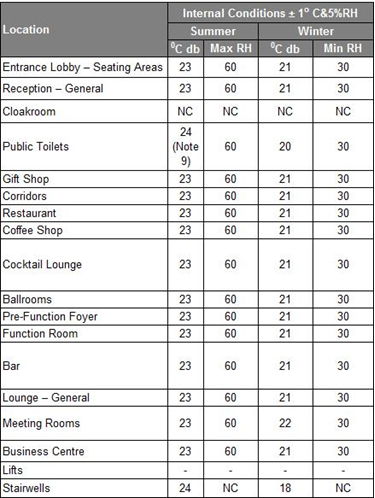
Annexure12 external design criteria Phụ lục 12 tiêu chí thiết kế bên ngoài

Maximum and minimum design temperatures must be based on weather data for the location of the hotel - as illustrated in Annexure-12. [285139] Nhiệt độ thiết kế tối đa và tối thiểu phải dựa trên dữ liệu thời tiết cho vị trí của khách sạn - như được minh họa trong Phụ lục-12.

Annexure-12 external design criteria Phụ lục-12 tiêu chí thiết kế bên ngoài

Annexure-13.1 for temperatures in public areas [285138] Phụ lục-13.1 về nhiệt độ ở khu vực công cộng

**(Trang 248)**



Annexure-13.2 for air quality in public areas [386048]

Phụ lục-13.2 về chất lượng không khí ở các khu vực công cộng

Internal conditions +- 1 C&5%RH

Điều kiện bên trong + - 1 C & 5% rh

Summer Mùa hè

Winter Mùa đông

Location Vị trí

Entrance Lobby – Seating Areas Sảnh Lối Vào – Khu Vực Chỗ Ngồi

Reception – General Quầy Lễ Tân - Chung

Cloakroom Phòng vệ sinh

Public Toilets nhà vệ sinh công cộng

Gift Shop Cửa hàng quà

Corridors hành lang

Restaurant Nhà hàng

Coffee Shop Cửa hàng cà phê

Cocktail Lounge

Ballrooms phòng ballroom

Pre-Function Foyer Tiền sảnh pre-function

Function Room Phòng chức năng

Bar Quầy bar

Lounge – General Lounge - Chung

Meeting Rooms phòng họp

Business Centre Trung tâm dịch vụ văn phòng

Lifts thang máy

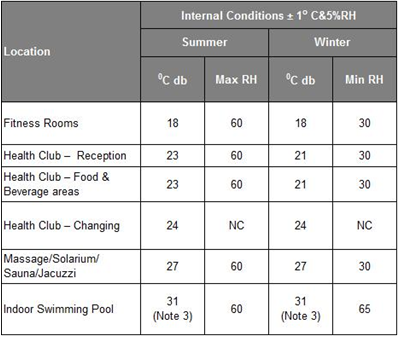
Stairwells Cầu thang

**(Trang 249)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Location Vị trí | Pressurization  Điều áp | Fresh Air Quantity  Số lượng khí tươi | NR Rating  Mức độ NR | Minimum Filtration Standard to EN779:2012  Tiêu chuẩn lọc tối thiểu đến EN779: 2012 |
| (note 6 and 13)  (Lưu ý 6 và 13) |
|  |
| Entrance Lobby – Seating Areas Sảnh Lối Vào – Khu Vực Chỗ Ngồi | 5% Positive  5% Dương | - | 35 | F6 |
| Reception – General Quầy Lễ Tân - Chung | 5% Positive  5% Dương | 1.0 l/s/m2 | 35 | F6 |
| Cloakroom Phòng vệ sinh | Negative Âm | Note 7 Lưu ý 7 | 35 | No Filtration (Không lọc) |
| Public Toilets nhà vệ sinh công cộng | 10% Negative, max 15 pa  10% âm, tối đa 15 pa | Note 8 Lưu ý 8 | 35 | G5 |
| Gift Shop Cửa hàng quà | 5% Positive  5% Dương | 1.6 l/s/ m2 | 40 | F6 |
| Corridors hành lang | 5% Positive  5% Dương | 1 AC/hr. | 35 | G5 |
| Restaurant Nhà hàng | 5% Positive  5% Dương | 8.5 l/s/m2 | 35 | F6 |
| Coffee Shop Cửa hàng cà phê | 5% Positive  5% Dương | 8.5 l/s/m2 | 40 | F6 |
| Cocktail Lounge | 5% Negative (Note 6)  5% Âm  (Lưu ý 6) | 10.0 l/s/ person  10.0 l/s/người | 35 | F6 |
| Ballrooms phòng ballroom | 5% Positive  5% Dương | 15 l/s/m2 | 40 | F8 |
| Pre-Function Foyer Tiền sảnh pre-function | 5% Positive  5% Dương | 11.0 l/s/m2 | 40 | F8 |
| Function Room Phòng chức năng | 5% Positive  5% Dương | 20 l/s/m2 | 40 | F8 |
| Bar Quầy bar | 5% Negative  5% Âm | 10.0 l/s/person  10.0 l/s/người | 40 | F6 |
| Lounge – General Lounge - Chung | 5% Positive  5% Dương | 10.0 l/s/person  10.0 l/s/người | 35 | F6 |
| Meeting Rooms phòng họp | 5% Positive  5% Dương | 10.0 l/s/person  10.0 l/s/người | 30 (Note 4)  30 (Lưu ý 4) | F6 |
| Business Centre Trung tâm dịch vụ văn phòng | Neutral  Trung lập | 1.6 l/s/m2 | 35 | F6 |
| Lifts thang máy | - | - | - | - |
| Stairwells Cầu thang | - | - | 35 | - |

Annexure-13.3 for temperatures in leisure areas [386049] Phụ lục-13.3 cho nhiệt độ trong khu vực giải trí

**(Trang 250)**



Internal conditions +- 1 C&5%RH

Điều kiện bên trong + - 1 C & 5% rh

Summer Mùa hè

Winter Mùa đông

Location Vị trí

Fitness Room Phòng Fitness

Health Club – Reception Câu lạc bộ sức khỏe – Quầy lễ tân

Health Club – Food & Beverage areas Câu lạc bộ sức khỏe – các khu vực F&B

Health Club – Changing Câu lạc bộ sức khỏe – Thay đồ

Massage/Tắm nắng/Tắm hơi/Bể sục

Indoor Swimming Pool Bể bơi trong nhà

Max RH RH tối đa

Min RH RH tối thiểu

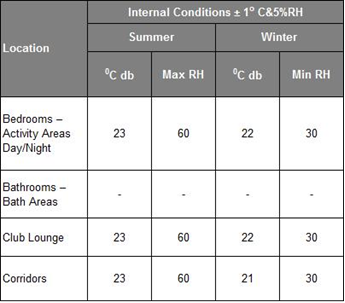
Annexure-13.4 for air quality in leisure areas [386050] Phụ lục-13.4 về chất lượng không khí trong khu vực giải trí



|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Location Vị trí | Pressurization  Điều áp | Fresh Air Quantity  Số lượng khí tươi | NR Rating  Mức độ NR | Minimum Filtration Standard to EN779:2012  Tiêu chuẩn lọc tối thiểu đến EN779: 2012 |
| (note 6 and 13)  Lưu ý 6 và 13 |
|  |
| Fitness Room Phòng Fitness | 5% Negative  5% Âm | 4.2 l/s/m2 | 40 | F6 |
| Health Club – Reception Câu lạc bộ sức khỏe – Quầy lễ tân | 5% Positive 5% Dương | 0.8 l/s/m2 | 40 | F6 |
| Health Club – Food & Beverage areas Câu lạc bộ sức khỏe – các khu vực F&B | 5% Negative  5% Âm | 1.6 l/s/m2 | 40 | F6 |
| Health Club – Changing Câu lạc bộ sức khỏe – Thay đồ | 10% Negative, max 15 Pa  10% Âm, tối đa 15 pa | 10 Ac/hr. | 40 | F6 |
| Massage/Tắm nắng/Tắm hơi/Bể sục | Neutral Trung tính | 8.0 l/s/ person  8.0 l/s/ người | 35 | F6 |
| Indoor Swimming Pool Bể bơi trong nhà | 5% Negative, max 15 Pa  5% Âm, tối đa 15 pa | 15 l/s per m2 of wet area  15 l/s mỗi m2 khu vực ướt | 40 | G3 |

Annexure-13.5 for temperatures in guest areas [386051] Phụ lục-13,5 cho nhiệt độ trong khu vực của khách

**(Trang 251)**



Annexure-13.6 for air quality in guest areas [386052] Phụ lục-13.6 về chất lượng không khí trong khu vực của khách

Internal conditions +- 1 C&5%RH

Điều kiện bên trong + - 1 C & 5% rh

Summer Mùa hè

Winter Mùa đông

Location Vị trí

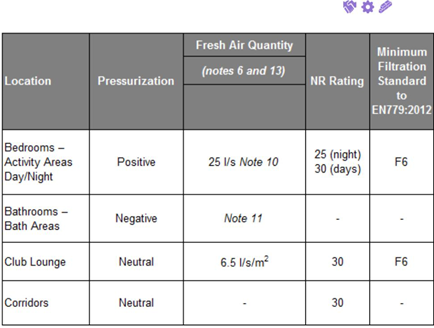
Bedrooms – Activity Areas phòng ngủ - khu vực hoạt động

Day/ Night Ngày/ đêm

Bathrooms – Bath Areas Nhà tắm – khu vực nhà tắm

Club Lounge

Corridors Hành lang



Annexure-13.7 for temperatures in back of house areas [386053]

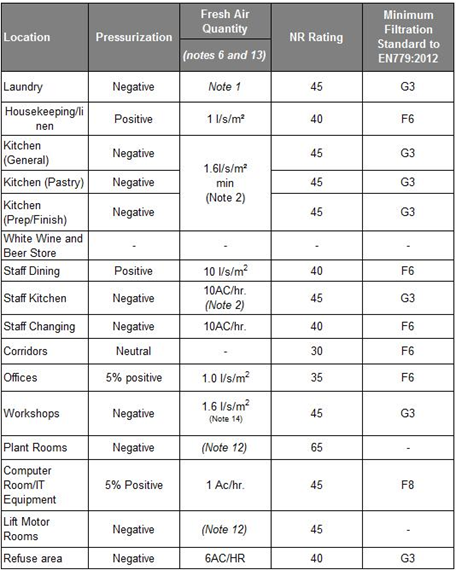
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Location Vị trí | Pressurization  Điều áp | Fresh Air Quantity  Số lượng khí tươi | NR Rating  Mức độ NR | Minimum Filtration Standard to EN779:2012  Tiêu chuẩn lọc tối thiểu đến EN779: 2012 |
| Bedrooms – Activity Areas phòng ngủ - khu vực hoạt động  Day/ Night Ngày/ đêm | Positive Dương | 25 l/s Note 10  25 l/s Lưu ý 10 | 25 (night) 25 (đêm)  30 (days) 30 (ngày) | F6 |
| Bathrooms – Bath Areas Nhà tắm – khu vực nhà tắm | Negative Âm | Note 11  Lưu ý 11 | - | - |
| Club Lounge | Neutral Trung tính | 6.5 l/s/m2 | 30 | F6 |
| Corridors Hành lang | Neutral Trung tính | - | 30 | - |

**(Trang 252)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Location Vị trí | Internal Conditions +- 1 C&5%RH Điều kiện bên trong + - 1 C & 5% rh | | | |
| Summer Mùa hè | | Winter Mùa đông | |
| C db | Max RH RH Tối đa | C db | Min RH RH Tối thiểu |
| Laundry Giặt là | Max 30 Tối đa 30 | NC | 16 | NC |
| Housekeeping/ linen  Buồng phòng/ vải | 25 | NC | 18 | NC |
| Kitchen (General)  Bếp (Chung) | 27 (Note 9)  27 (Lưu ý 9) | NC | 18 | NC |
| Kitchen (Pastry)  Bếp (Pantry) | 21 (Note 9)  21 (Lưu ý 9) | NC | 18 | NC |
| Kitchen (Prep/ Finish)  Bếp (Chuẩn bị/ Hoàn thiện) | 20 (Note 9)  20 (Lưu ý 9) | NC | 18 | NC |
| White Wine and Beer Store  Cửa Hàng Rượu Vang Trắng và Bia | 5 | NC | 5 | NC |
| Staff Dining  Ăn Uống Nhân Viên | 25 (Note 9)  25 (Lưu ý 9) | NC | 21 | NC |
| Staff Kitchen  Bếp Nhân Viên | 25 (Note 9)  25 (Lưu ý 9) | NC | 18 | NC |
| Staff Changing  Nhân Viên Thay Đồ | 25 (Note 9)  25 (Lưu ý 9) | NC | 23 | NC |
| Corridors Hành Lang | 25 | NC | 18 | NC |
| Offices  Văn Phòng | 24 (Note 9)  24 (Lưu ý 9) | 60 | 22 | NC |
| Workshops  workshop | 25 (Note 9)  25 (Lưu ý 9) | NC | 20 | NC |
| Plant Rooms  Phòng Máy | 30 max  Tối đa 30 | NC | 8 (min)  8 (tối thiểu) | - |
| Computer Room/ IT Equipment  Phòng Máy Tính/ Thiết Bị IT | 23 (Note 5)  23 (Lưu ý 5) | 60 | 20 | 30 |
| Lift Motor Rooms  Phòng Động Cơ Nâng | 28 max  Tối đa 28 | NC | 16 min  16 tối thiểu | NC |
| Refuse area  Khu vực để rác | 28 max  Tối đa 28 | NC | 18 | NC |

Annexure-13.8 for air quality in back of house areas [386054] Phụ lục-13.8 về chất lượng không khí ở khu vực BOH

**(Trang 253)**



Annexure-13.9 for temperatures and air quality in external areas [386055]

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Location Vị trí | Pressurization  Điều áp | Fresh Air Quantity  Số lượng khí tươi | NR Rating  Mức độ NR | Minimum Filtration Standard to EN779:2012  Tiêu chuẩn lọc tối thiểu đến EN779: 2012 |
| (note 6 and 13)  (lưu ý 6 và 13) |
| Laundry Giặt là | Negative  Âm | Note 1 Lưu ý 1 | 45 | G3 |
| Housekeeping/ linen  Buồng phòng/ vải | Positive Dương | 1 l/s/m2 | 40 | F6 |
| Kitchen (General)  Bếp (Chung) | Negative  Âm | 1.6 l/s/m2 min (Note 2)  Tối thiểu 1.6 l/s/m2 (Lưu ý 2) | 45 | G3 |
| Kitchen (Pastry)  Bếp (Pantry) | Negative  Âm | 45 | G3 |
| Kitchen (Prep/ Finish)  Bếp (Chuẩn bị/ Hoàn thiện) | Negative  Âm | 45 | G3 |
| White Wine and Beer Store  Cửa Hàng Rượu Vang Trắng và Bia | - | - | - | - |
| Staff Dining  Ăn Uống Nhân Viên | Positive Dương | 10 l/s/m2 | 40 | F6 |
| Staff Kitchen  Bếp Nhân Viên | Negative  Âm | 10 AC/ hr. (Note 2)  10 AC/ hr. (Lưu ý 2) | 45 | G3 |
| Staff Changing  Nhân Viên Thay Đồ | Negative  Âm | 10AC/hr. | 40 | F6 |
| Corridors Hành Lang | Neutral  Trung tính | - | 30 | F6 |
| Offices  Văn Phòng | 5% positive  5% dương | 1.0 l/s/m2 | 35 | F6 |
| Workshops  workshop | Negative  Âm | 1.6 l/s/m2 (Note 14)  1.6 l/s/m2 (Lưu ý 14) | 45 | G3 |
| Plant Rooms  Phòng Máy | Negative  Âm | (Note 12) (Lưu ý 12) | 65 | - |
| Computer Room/ IT Equipment  Phòng Máy Tính/ Thiết Bị IT | 5% positive  5% dương | 1 Ac/hr. | 45 | F8 |
| Lift Motor Rooms  Phòng Động Cơ Nâng | Negative  Âm | (Note 12)  (Lưu ý 12) | 45 | - |
| Refuse area  Khu vực để rác | Negative  Âm | 6AC/HR | 40 | G3 |

**(Trang 254)**

Temperature Nhiệt độ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Location Vị trí | Internal Conditions +- 1 C&5%RH Điều kiện bên trong + - 1 C & 5% rh | | | |
| Summer Mùa hè | | Winter Mùa đông | |
| C db | Max RH RH Tối đa | C db | Min RH RH Tối thiểu |
| Covered/ Underground Car Parking  Bãi đỗ xe dưới hầm/ có che | - | - | - | - |

Air quality Chất lượng không khí

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Location Vị trí | Pressurization  Điều áp | Fresh Air Quantity  Số lượng khí tươi | NR Rating  Mức độ NR | Minimum Filtration Standard to EN779:2012  Tiêu chuẩn lọc tối thiểu đến EN779: 2012 |
| (note 6 and 13)  (lưu ý 6 và 13) |
| Covered/ Underground Car Parking  Bãi đỗ xe dưới hầm/ có che | Negative  Âm | 6 AC/Hr (Note 15) | 55 | - |

Guidelines Hướng Dẫn

• Annexure-13.9 General Notes [386056] Phụ lục-13.9 Ghi chú chung

**(Trang 255)**

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | 10 air changes/ hour or sized to dissipate heat and moisture from equipment if details are available  10 lần trao đổi khí/giờ hoặc kích thước để tản nhiệt và độ ẩm từ thiết bị nếu có chi tiết |
| 2 | Air change rate should depend on kitchen equipment heat output and on extract volume from canopies. A minimum face velocity must be provided to each canopy, refer to the kitchen section of this document. Use of proprietary hoods with UV filtration can reduce this.  Tốc độ trao đổi khí nên phụ thuộc vào sản lượng nhiệt của thiết bị nhà bếp và phụ thuộc vào khối lượng chiết xuất từ mái che. Phải cung cấp vận tốc mặt tối thiểu cho mỗi vòm, tham khảo phần bếp của tài liệu này. Sử dụng chụp hút riêng với lọc UV có thể làm giảm điều này. |
| 3 | Pool hall internal temperature should be designed 1C above maximum pool water temperature.  Nhiệt độ bên trong bể bơi phải được thiết kế 1 độ C lớn hơn nhiệt độ nước hồ bơi tối đa. |
| 4 | Cross talk attenuators and any services penetrations to/ from meeting rooms and guest bedrooms must provide 50 dB sound reduction through the wall, floor or roof.  Bộ giảm xuyên âm và bất kỳ thâm nhập dịch vụ nào đến/từ phòng họp và phòng ngủ của khách phải giảm âm thanh 50 dB qua tường, sàn hoặc mái nhà. |
| 5 | Computer and IT/ Telephone rooms should be provided with supplementary “split” under floor ducted air conditioning systems with standby power supply, in the event that the main air conditioning system fails.  phòng máy tính và CNTT/Điện thoại nên được cung cấp thêm hệ thống điều hòa không khí “phân chia” dưới sàn với nguồn điện dự phòng, trong trường hợp hệ thống điều hòa chính bị hỏng. |
| 6 | Electrostatic smoke filters and negative pressure are required in the re-circulation system from Lounge and Bar areas when smoking is permitted. Fresh air rates are maximums when smoking is not permitted unless local regulations require higher rates.  Bộ lọc khói tĩnh điện và áp suất âm được yêu cầu trong hệ thống tuần hoàn khép kín từ khu vực Lounge và Bar khi cho phép hút thuốc. Mức độ khí tươi tối đa khi không được phép hút thuốc trừ khi các quy định của địa phương yêu cầu mức cao hơn. |
| 7 | Extract only from cloakroom with makeup from foyer, sized on 1 air change/ hour  Chỉ chiết xuất từ nhà vệ sinh với cung cấp từ tiền sảnh, kích thước 1 lần trao đổi khí/ giờ |
| 8 | Toilet extract must be sized on 10 airchange/ hour, with make-up via the toilet lobby, supplied from the nearest supply air system. Extract fans must be dual fans. In “Hot climates” make up air must be cooled and in “Cold climates” heated if the air is directly from outside e.g. pool toilets.  Hút nhà vệ sinh phải có kích thước trên 10 trao đổi khí/giờ, cung cấp thông qua sảnh nhà vệ sinh, được cung cấp từ hệ thống không khí cung cấp gần nhất. Quạt hút gió phải là loại kép. Ở vùng “khí hậu nóng nực”, phải làm mát khi cấp và ở vùng “khí hậu lạnh” có thể được làm nóng nếu không khí trực tiếp từ bên ngoài, ví dụ: nhà vệ sinh hồ bơi. |
| 9 | Ventilation to these areas should be designed to maintain internal air temperature below 25C for 95% of the year, if possible without a cooling system. If a cooling system is required the internal design temperature should be 24C.  Thiết kế thông gió đến các khu vực này để duy trì nhiệt độ không khí bên trong dưới 25C cho 95% trong năm, nếu có thể mà không cần hệ thống làm mát. Nếu cần một hệ thống làm mát, nhiệt độ thiết kế bên trong phải là 24C. |
| 10 | Ventilation rates to be based on 8-12 l/s per guest, final figure to balance the exhaust rate. The maximum number of guests per room to be utilized hence: Standard rooms, club room, Queen, King allow 2 persons. Allergy/ disabled allow 1 person, Queen Sofa, King Sofa and Double allow 4 persons. Supply of fresh air shall be pre-conditioned  Tốc độ thông gió dựa trên 8-12 l/s trên mỗi khách, con số cuối cùng để cân bằng tốc độ khí thải. Số lượng khách tối đa cho mỗi phòng vì thế sẽ được sử dụng: Phòng tiêu chuẩn, phòng câu lạc bộ, phòng Queen, phòng King cho phép 2 người. Phòng dị ứng/khuyết tật cho phép 1 người, Queen Sofa, King Sofa và Double cho phép 4 người. Cung cấp khí tươi sẽ được điều chỉnh trước |
| 11 | Extract volume from guest bathroom shall be minimum of 90% of the supply air volume to the guestroom, and a minimum of 6 Ac/hr., but preferably balanced with the fresh air. Khối lượng hút từ phòng tắm của khách phải tối thiểu 90% thể tích cấp khí cho phòng khách và tối thiểu là 6 Ac/giờ, nhưng tốt nhất là cân bằng với khí tươi. |
| 12 | Ventilation rates to be selected to achieve the maximum summer temperature requirement. Fans to be controlled from a local thermostat. Natural ventilation is an acceptable alternative if suitable control can be demonstrated.  Tốc độ thông gió được lựa chọn để đạt được yêu cầu nhiệt độ mùa hè tối đa. Quạt được điều khiển từ một bộ điều nhiệt cục bộ. Thông gió tự nhiên là một sự thay thế chấp nhận được nếu kiểm soát phù hợp có thể được chứng minh. |
| 13 | The fresh air quantities indicated for public spaces are the maximum to be allowed for calculations and equipment selection. The actual fresh air quantity is to be controlled via air quality sensors, to maintain a maximum CO2 level in the occupied space of 600ppm.  Lượng khí tươi cho các khu vực công cộng tối đa cho phép tính toán và lựa chọn thiết bị. Lượng khí tươi được điều khiển qua cảm ứng chất lượng, nhằm duy trì mức CO2 tối đa trong không gian có người dùng 600 ppm. |
| 14 | Opening windows are an acceptable alternative to mechanical ventilation in suitable climates. Exhaust systems should be provided for processes such as welding, carpentry, painting.  Thay thế bằng các cửa sổ mở có thể chấp nhận cho thông gió cơ khí trong vùng khí hậu thích hợp. Nên cung cấp các hệ thống thoát khí cho các quá trình như hàn, mộc, sơn. |
| 15 | Car parks requiring mechanical ventilation shall be extracted to prevent the spread of fumes to adjoining spaces. Systems shall be controlled by air quality sensors (CO and N0x) to reduce energy consumption (with override by Life Safety Controls). Ventilation rate in fire/ smoke control mode to meet local regulations.  bãi đỗ xe cần thông gió cơ học phải được hút để ngăn chặn sự lan truyền của khói vào các không gian liền kề. hệ thống phải được điều khiển bằng cảm biến chất lượng không khí (CO và N0x) để giảm mức tiêu thụ năng lượng (bằng Kiểm soát chống cháy). Tốc độ thông gió trong chế độ kiểm soát lửa/khói để đáp ứng các quy định của địa phương. |

It is recommended to minimise space required for plant, equipment and distribution by planning appropriate plant locations and efficient distribution systems - refer to Annexure-18 for guidance.

[285140] Nên giảm thiểu không gian cần thiết cho máy móc, thiết bị và phân phối bằng cách lập kế hoạch vị trí máy móc phù hợp và hệ thống phân phối hiệu quả - tham chiếu Phụ lục-18 để được hướng dẫn.

Annexure-18 Guidelines for plant space required Phụ lục-18 Hướng dẫn về không gian phòng máy cần thiết

The following environmental principles must be included in the design: [285152] nguyên tắc môi trường sau đây phải có trong thiết kế:

All systems must operate on refrigerants with zero ODP and low GWP (less than 100) - such as R123, R410A, R134a, R407c. [285153] Tất cả các hệ thống phải hoạt động trên chất làm lạnh có ODP bằng 0 và GWP thấp (dưới 100) - chẳng hạn như R123, R410A, R134a, R407c

Chlorofluorocarbons (CFC) are not permitted. Không cho phép khí CFC.

**(Trang 256)**

The use of hydrocarbon (HC) refrigerants with zero ozone depletion (ODP) and minimal global-warming potential (GWP) can be considered only when appropriate fire safety procedures are also implemented as they are highly flammable. [285155] Xem xét sử dụng chất làm lạnh hydrocarbon (HC) với sự suy giảm ôzôn bằng không (ODP) và nguy cơ nóng lên toàn cầu (GWP) tối thiểu chỉ khi thực hiện các quy trình an toàn chống cháy phù hợp vì chúng rất dễ cháy.

Any equipment using R290 with charge size more than 150g or similar hydrocarbon (HC) must be within a fire rated plant room and have a leak detection and fire suppression system installed. [285156] Bất kỳ thiết bị nào sử dụng R290 với kích thước sạc hơn 150g hoặc hydrocarbon tương tự (HC) phải ở trong phòng máy chống cháy và được lắp đặt hệ thống phát hiện rò rỉ và chữa cháy.

Guidelines Hướng Dẫn

It is recommended to collect condensate from central air handling units serving public spaces and fresh air pre-conditioners and to use it for make up water in cooling towers (where water cooled plants are provided). [285157] Nên thu gom nước ngưng từ các thiết bị xử lý không khí trung tâm phục vụ không gian công cộng và điều hòa xử lý khí tươi và sử dụng nó để bù nước trong tháp giải nhiệt (nếu cung cấp các máy móc làm mát bằng nước).

Motors must be minimum IE2 (High Efficiency) type when rated in accordance with IEC 60034-30-1 or equivalent. [714049] Động cơ phải là loại IE2 (Hiệu suất cao) tối thiểu khi được xếp hạng theo tiêu chuẩn IEC 60034-30-1 hoặc tương đương.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Mechanical -> Building Orientation & Energy Modelling

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Cơ Khí -> Định Hướng Tòa Nhà & Mô Hình Năng Lượng

A report on the building orientation must be issued to IHG and include the following as a minimum:

Phải gửi một báo cáo định hướng xây dựng cho IHG và bao gồm tối thiểu như sau:

[285141]

Solar paths must be plotted to ensure shading or alternative treatment is effective for the orientations.

[285142] đường dẫn năng lượng mặt trời phải được vẽ để đảm bảo che nắng hoặc xử lý thay thế có hiệu quả cho các định hướng.

Wind strengths and patterns of the site must be studied for locating intakes and discharges in order to benefit from natural ventilation. [285143] Phải nghiên cứu độ mạnh và dạng gió của dự án để xác định vị trí cửa hút và xả nhằm hưởng lợi từ thông gió tự nhiên.

Guidelines Hướng Dẫn

• A sample of a solar shading sun path study has been illustrated in Annexure-14. [285144] Một mẫu nghiên cứu về con đường che nắng đã được minh họa trong Phụ lục-14.

Annexure-14 solar shading sun path study Phụ lục-14 nghiên cứu con đường che nắng mặt trời

• A typical wind path diagram has been illustrated in Annexure-15. [285145] Một sơ đồ đường gió điển hình đã được minh họa trong Phụ lục-15.

Annexure-15 wind path diagram Phụ lục-15 sơ đồ đường gió

Energy modelling of the building must be carried out at concept stage and include the following:

[285147] Phải thực hiện mô hình năng lượng của tòa nhà ở giai đoạn ý tưởng và bao gồm:

Annual energy analysis for the building [285148] Phân tích năng lượng hàng năm cho tòa nhà

Options of glazing and building envelope coefficents [285149] Lựa chọn hệ số bao bọc tòa nhà và lắp kính

Options of air condition system types [285150] Lựa chọn những loại hệ thống điều hòa không khí

Final recommendations based on the energy analysis and modelling in the selection of products, systems etc. [285151] Khuyến nghị cuối cùng dựa trên phân tích năng lượng và mô hình hóa trong việc lựa chọn sản phẩm, hệ thống, v.v.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Mechanical -> Energy Targets

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Cơ Khí -> Mục Tiêu Năng Lượng

**(Trang 257)**

The energy and water consumption targets must be benchmarked against accredited industry standards. [298097] mục tiêu tiêu thụ năng lượng và nước phải được chuẩn so với các tiêu chuẩn công nghiệp được công nhận.

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-41 for guidance. [298098] Tham khảo Phụ lục-41 để được hướng dẫn

Annexure-41 guidance energy and water consumption Phụ lục-41 hướng dẫn tiêu thụ năng lượng và nước

For Moderate Climate the following energy water consumption rates are recommended: Total Energy-270kWh/m²/annum; Water- 0.35m3/guest night maximum; Carbon Emission- 160kg/m2 [298099] Đối với Khí hậu ôn hòa, nên sử dụng tỷ lệ tiêu thụ nước & năng lượng như sau: Tổng năng lượng-270kWh/m2/năm; Nước- tối đa 0,35m3/đêm; Lượng khí thải carbon- 160kg/m2

For Mediterranean Climate: Total Energy- 250kWh/m²/annum; Water- 0.45m3/guest night maximum; Carbon Emission- 148kg/m² [298100] Đối với Khí hậu Địa Trung Hải: Tổng năng lượng - 250kWh/m2/ năm; Nước- tối đa 0,45m3/ đêm; Lượng khí thải carbon- 148kg/m2

For Tropical Climate: Total Energy- 260kWh/m²/annum; Water- 0.70m3/guest night maximum; Carbon Emission- 154kg/m² [298101] Đối với khí hậu nhiệt đới: Tổng năng lượng- 260kWh/ m2/ năm; Nước- tối đa 0,70m3/đêm; Lượng khí thải carbon- 154kg/m2

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Mechanical -> Pipe and Duct Distribution

Hành Trình Xây Dựng – Xây dựng Cơ sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ thuật -> Cơ Khí -> Phân Phối Ống và Đường Ống

Pipe and duct distribution systems must be designed to minimize space and length of run. [285382]

Phải thiết kế hệ thống phân phối ống dẫn và ống để giảm thiểu không gian và thời gian chạy.

System design within hotel guest floors/guest room block must be vertical - any alternative designs must be IHG approved. [285383] Thiết kế hệ thống trong tầng khách của khách sạn/khối phòng khách phải thẳng đứng - mọi thiết kế thay thế phải được IHG phê duyệt.

Guidelines Hướng Dẫn

• For a typical pipe distribution system refer to Annexure-17. [285384]

Để biết hệ thống phân phối ống điển hình, tham khảo Phụ lục-17

Annexure-17 typical pipe distribution

Phụ lục-17 phân phối đường ống điển hình

Building services must be fully coordinated with the architecture and the interior design of the building. [285385] Phải phối hợp dịch vụ tòa nhà đầy đủ với kiến trúc và thiết kế nội thất.

All engineering equipment and infrastructure must be concealed from guest view unless specifically approved by IHG. [329110] Tất cả các thiết bị kỹ thuật và cơ sở hạ tầng phải được che khuất khỏi tầm nhìn của khách trừ khi được IHG phê duyệt cụ thể

Any visible ceiling conduit, duct work, equipment and structure must be coordinated with the interior design. [329111] Bất kỳ ống dẫn trần, ống thông gió, thiết bị và cấu trúc trông thấy phải được phối hợp với thiết kế nội thất.

All lighting and HVAC controls serving public areas must be located in a non-guest facing area except meeting rooms and/or individually booked areas. [329112] Tất cả các điều khiển ánh sáng và HVAC phục vụ các khu vực công cộng phải được đặt trong khu vực không dành cho khách ngoại trừ phòng họp và/hoặc khu vực đặt riêng.

All visible switches, outlets, controls and cover plates must coordinate with the interior finishes. [329113] Tất cả các công tắc, ổ cắm, điều khiển và bản nối ốp trông thấy phải phối hợp với hoàn thiện nội thất.

Drawings showing all disciplines combined must be issued to IHG for review. [371058] bản vẽ thể hiện tất cả các quy tắc kết hợp phải được cấp cho IHG để xem xét.

Guidelines Hướng Dẫn

• The use of Building Information Modelling (BIM)/3D model is recommended. [285386] Nên sử dụng Mô Hình Thông tin Tòa nhà (BIM)/mô hình 3D.

Plant room sizes must be designed to meet the following: [285387] Kích thước phòng máy phải được thiết kế để đáp ứng như sau:

**(Trang 258)**

Accommodating all equipment required [285388] Có tất cả các thiết bị cần thiết

Most efficient use of space by equipment layout. [285389] Sử dụng hiệu quả nhất không gian bằng cách bố trí thiết bị.

Providing sufficient space for equipment access and maintenance [285390] Cung cấp đủ không gian để truy cập và bảo trì thiết bị

Guidelines Hướng Dẫn

• For guidance on the expected areas for major plant rooms refer to Annexure-18. [285391] Để xem hướng dẫn về các khu vực dự kiến cho các phòng máy chính, tham khảo Phụ lục-18.

Annexure-18 Guidelines for plant space required Phụ lục-18 Hướng dẫn về không gian máy móc cần thiết

Pipe materials for chilled water systems must be selected from one of the following: [304067] Chất liệu ống cho hệ thống nước lạnh phải được chọn từ một trong các chất liệu sau:

Polybutylene [304068] Loại nhựa nhiệt dẻo polybutylene

High-density polyethylene (HDPE) [304069] Polyetylen mật độ cao

Mild steel schedule 40, 80 with corrosion inhibitor [304070] Thép nhẹ 40, 80 với chất ức chế ăn mòn

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-34 for chilled water pipe system materials, installation and jointing comparison.

[304071] Tham chiếu Phụ lục-34 để biết các vật liệu hệ thống ống nước lạnh, lắp đặt và so sánh nối.

Annexure-34 pipe materials Phụ lục-34 chất liệu ống

Pipe materials for condenser water systems must be selected from one of the following: [304072] Chất liệu ống cho hệ thống nước ngưng phải được chọn từ một trong những chất liệu sau:

Acrylonitrile butadiene styrene (ABS) [304073]

Polypropylene (PPR) [304074] Loại nhựa nhiệt dẻo polybutylene (PPR)

High-density polyethylene (HDPE) [304075] Polyetylen mật độ cao

Fiberglass Reinforced Plastic (FRP) [304076] Nhựa cốt sợi thủy tinh (FRP)

Galvanized Steel [304077] Thép mạ

Stainless Steel [304078] Thép không gỉ

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-34 for condenser water pipe system materials, installation and jointing comparison.

[304079] Tham chiếu Phụ lục-34 để biết các vật liệu hệ thống ống nước ngưng, lắp đặt và so sánh mối nối.

Annexure-34 Pipe Material and Insulation comparison for Air conditioning system Phụ lục-34 Vật liệu ống và so sánh cách nhiệt cho hệ thống điều hòa không khí

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Mechanical -> Heating Ventilation and Air Conditioning Systems

Hành Trình Xây dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Cơ Khí -> Hệ Thống Điều Hòa và Thông Gió Sưởi Ấm

Where Heating Ventilation and Air Conditioning (HVAC) systems are provided they must meet the following: [285158] Trường hợp cung cấp hệ thống thông gió sưởi ấm và điều hòa không khí (HVAC), phải đáp ứng như sau:

Maintain specified indoor conditions at maximum and minimum outside conditions. [285159] Duy trì các điều kiện trong nhà được chỉ định ở điều kiện bên ngoài tối đa và tối thiểu.

**(Trang 259)**

Odor free [285160] Không mùi

Controlled 24 hours a day [285161] Kiểm soát 24 giờ một ngày

Each guest room must have individual temperature control within the guest room. [285162]

Mỗi phòng khách phải có kiểm soát nhiệt độ riêng trong phòng khách.

Fresh air must be pre-conditioned by dedicated air handling units (AHU), recovering energy from exhaust system. [285163] Khí tươi phải được điều hòa trước bởi các thiết bị xử lý không khí chuyên dụng (AHU), thu hồi năng lượng từ hệ thống thoát khí.

Vitiated air must be removed from the areas. [285164] Phảo loại bỏ không khí bẩn khỏi các khu vực.

Where mechanical fresh air is provided it must meet the following: [285165] Trường hợp cung cấp khí tươi, phải đáp ứng như sau:

Maintained as detailed in Annexure-13 [285166] Duy trì như chi tiết trong Phụ lục-13

See also ID number [285136] Xem thêm số ID

Filtered as detailed in Annexure-13 [285167] Được lọc như chi tiết trong Phụ lục-13

See also ID number [285136] Xem thêm số ID

Carbon dioxide (CO2) monitoring must be provided to control fresh air supply volumes in public spaces with variable occupancy. [285168] Kiểm soát carbon dioxide (CO2) để kiểm soát lượng cấp khí tươi trong không gian công cộng với công suất thay đổi.

The following systems must be considered during design for sustainability: [285169] hệ thống sau phải được xem xét trong quá trình thiết kế bền vững:

Guidelines Hướng Dẫn

Airside energy recovery for fresh Air [285171] Phục hồi năng lượng phía không khí cho khí tươi

Waterside heat recovery heat from chiller [285172] Thu hồi nhiệt bờ nước từ máy làm lạnh

Grey water recovery [285173] Thu hồi nước bẩn

Refrigerant heat recovery [285174] Thu hồi nhiệt lạnh

Rain water harvesting [285175] Thu nước mưa

The following measures must be implemented in order to reduce the energy consumption of the building: [285183] Phải thực hiện các biện pháp sau đây để giảm mức tiêu thụ năng lượng của tòa nhà:

Controlling the net building pressure via the building management system ensuring the building is under positive pressure to minimise infiltration. [285184] Kiểm soát áp lực tòa nhà net thông qua hệ thống quản lý tòa nhà đảm bảo tòa nhà chịu áp lực tích cực để giảm thiểu xâm nhập.

Variable speed drives on all air handling systems and pumps with motor capacity not less than 4 kW delivering variable volumes or operating at variable pressures. [285185] Truyền động biến tốc trên tất cả các hệ thống xử lý không khí và máy bơm có công suất động cơ không dưới 4 kW cung cấp âm lượng thay đổi hoặc hoạt động ở áp suất thay đổi.

Economy cycle operation in all air handling units to use fresh air for free cooling when external air enthalpy is lower than the internal enthalpy. [285186] Hoạt động chu kỳ kinh tế trong tất cả các thiết bị xử lý không khí để dùng khí tươi làm mát khi entanpy không khí bên ngoài thấp hơn entanpy bên trong.

Carbon dioxide control of fresh air supplies to public spaces to not exceed 800 ppm. [285187]

Kiểm soát carbon dioxide của nguồn cấp khí tươi cho không gian công cộng không vượt quá 800 ppm.

Commission all systems using certified calibrated equipment before handover. [285188] Chạy thử tất cả các hệ thống sử dụng thiết bị hiệu chuẩn được chứng nhận trước khi bàn giao.

Inverter driven fans serving the kitchens for economy - when hoods are not in full use continuously.

[285189] Quạt điều khiển biến tần phục vụ nhà bếp cho tiết kiệm - khi máy hút mùi không hoạt động liên tục.

Proprietary kitchen ventilation systems must be provided to reduce exhaust by up to 30% and to eliminate grease passing through the system. [285190] Cung cấp hệ thống thông gió nhà bếp riêng để giảm tới 30% khí thải và loại bỏ dầu mỡ đi qua hệ thống.

**(Trang 260)**

Heat reclaim from chiller condenser for pre-heating or heating of domestic hot water. [285191] Thu hồi nhiệt từ thiết bị ngưng tụ làm lạnh để sưởi ấm trước hoặc sưởi ấm nước nóng trong nhà.

Resetting of chilled water supply temperature where external conditions allow. [285192] Đặt lại nhiệt độ cấp nước lạnh nếu điều kiện bên ngoài cho phép.

Direct digital control systems via a central building management system to optimise system control strategies. [285193] hệ thống điều khiển kỹ thuật số trực tiếp thông qua hệ thống quản lý tòa nhà trung tâm để tối ưu hóa các chiến lược kiểm soát hệ thống.

Power factor correction [285194] Hiệu chỉnh hệ số công suất

Motion sensor control of air conditioning and lights within back of house areas and public areas with infrequent use. [285195] Điều khiển cảm biến chuyển động của điều hòa không khí và đèn chiếu sáng trong khu vực BOH và khu vực công cộng với việc sử dụng không thường xuyên.

Passive infrared (PIR) sensor control of air conditioning within guest rooms. [285196] Điều khiển cảm biến hồng ngoại thụ động (Pir) của điều hòa không khí trong phòng khách.

Passive infrared (PIR) sensor control of lights within guest rooms. [285197] Điều khiển cảm biến hồng ngoại thụ động (Pir) của đèn trong phòng khách.

Daylight sensors lighting control in public areas [285198] Điều khiển ánh sáng ban ngày ở khu vực công cộng

Heat reclaim must be provided in the indoor recreation facilities as required by American Society of Heating, Refrigerating and Air-Conditioning Engineers (ASHRAE): 90.1 table 4.4. [298102]

Phải cung cấp thu hồi nhiệt trong các cơ sở giải trí trong nhà theo yêu cầu của Hiệp hội kỹ sư điều hòa không khí, làm lạnh và sưởi ấm (ASHRAE): 90.1 bảng 4.4.

Constant volume fan nameplate motor kW must not be more than 0.0017 x flowrate (l/s) [714050] Động cơ biển tên quạt dung tích không đổi không được hơn 0.0017 x lưu lượng (l/s)

Variable volume fan nameplate motor kW must not be more than 0.0024 x flowrate (l/s) [714051] Động cơ biển tên quạt dung tích biến đổi không được hơn 0.0024 x lưu lượng (l/s)

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended to use equipment that has an energy efficient rating. [285199] Nên sử dụng thiết bị có mức độ hiệu quả năng lượng.

Cooling and heating load calculations must be developed using a proprietary design software programme recognised by IHG. [285200] Phải phát triển tính toán tải làm mát và sưởi ấm bằng chương trình phần mềm thiết kế riêng được IHG công nhận.

Guidelines Hướng Dẫn

• The following list of software is recommended: HAP, Trane, Camel. [285201] Khuyến nghị danh sách phần mềm sau đây: HAP, Trane, Camel.

Cooling and heating load calculations must be based on following: [285202] Tính toán tải làm mát và sưởi ấm phải dựa trên:

Local weather conditions [285203] Điều kiện thời tiết địa phương

Building construction type [285204] Loại thi công tòa nhà

Building orientation [285205] Đính hướng tòa nhà

Sun path model [285206] Mô hình đường mặt trời

Cooling and heating system type [285207] Loại hệ thống làm mát và sưởi ấm

Building fabric specifications (U values and shading coefficients) [285208] Thông số kỹ thuật vải tòa nhà (giá trị U và hệ số bóng râm)

Building use and operation [285209] Sử dụng và vận hành tòa nhà

Guidelines Hướng Dẫn

• For load estimation of a typical room refer to Annexure-16. [285210] Để xem ước tính tải trọng của một phòng điển hình, tham chiếu Phụ lục-16.

Annexure-16 Guest room cooling load estimation Phụ lục-16 Ước tính tải làm mát phòng khách

• Designer can vary the glass area/wall 'U' values to achieve the same target. [285211] Nhà thiết kế có thể thay đổi các giá trị 'U' của khu vực/ tường kính để đạt được cùng một mục tiêu.

• Window area should not exceed 40% of total wall surface as per Green Engage. [285212] Diện tích cửa sổ không được vượt quá 40% tổng bề mặt tường theo Tiêu Chuẩn Xanh.

Once full load calculation is established it must be diversified as follows: [285213]

**(Trang 261)**

The grand total cooling and heating load must be reduced by 20% for guest rooms. [285214] Tổng tải làm mát và sưởi ấm phải giảm 20% cho phòng khách.

The grand total cooling and heating load must be reduced by 25% for all other areas. [285215] Tổng tải làm mát và sưởi ấm lớn phải giảm 25% cho tất cả các khu vực khác.

Performance simulations providing hourly data must be provided. [285216] Phải cung cấp mô phỏng hiệu suất cung cấp dữ liệu hàng giờ.

Air conditioning systems must meet the following: [285392] hệ thống điều hòa phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Zoned to suit the thermal characteristics of the space. [285393] Khoanh vùng cho phù hợp với đặc trưng nhiệt của không gian.

Zoned to suit occupancy characteristics of the space. [285394] Khoanh vùng cho phù hợp với đặc trưng chiếm chỗ của không gian.

Guidelines Hướng Dẫn

• For the illustration of a typical zoning of a public area refer to Annexure-19. [285395] Để minh họa phân vùng điển hình của khu vực công cộng, hãy tham chiếu Phụ lục-19.

Annexure19 Typical Air conditioning zoning of a public areas

Phụ lục19 Phân vùng điều hòa không khí điển hình của khu vực công cộng

Heating Ventilation and Air Conditioning (HVAC) must be provided from a central plant utilising zone control via the Building Management System (BMS). [285396] Thông gió sưởi ấm và điều hòa không khí (HVAC) phải được cung cấp từ một phòng máy trung tâm sử dụng kiểm soát khu vực thông qua Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS).

A full evaluation report on Heating Ventilation and Air Conditioning (HVAC) system options must be provided to IHG for review and approval prior to final system selection. [285397] Phải cung cấp một báo cáo đánh giá đầy đủ về các lựa chọn hệ thống thông gió sưởi ấm và điều hòa không khí (HVAC) cho IHG để xem xét và phê duyệt trước khi lựa chọn hệ thống cuối cùng.

Guidelines Hướng Dẫn

For typical comparison studies and reports of HVAC systems for guest rooms and other hotel areas refer to Annexure-20,21 and 22. [285398] Đối với các nghiên cứu so sánh điển hình và báo cáo về hệ thống HVAC cho phòng khách và các khu vực khách sạn khác, tham chiếu Phụ lục-20,21 và 22.

Annexure-22 BOH AC system comparison table Phục lục-22 Bảng so sánh hệ thống AC khu vực BOH

Annexure-21 FOH AC system comparison table Phụ lục-21 Bảng so sánh hệ thống AC khu vực FOH

Annexure-20 Guest room AC system comparison table Phụ lục-20 Bảng so sánh hệ thống phòng khách

Where air systems are provided they must meet the following: [285399] Trường hợp cung cấp hệ thống không khí, chúng phải đáp ứng như sau:

Variable fresh air controlled via CO2 sensors [285400] Kiểm soát khí tươi thay đổi qua các cảm biến CO2

Terminal zone control using variable air volume or similar - In this application, re heat is not permitted.

[285401] Điều khiển vùng đầu cuối sử dụng thể tích không khí thay đổi hoặc tương tự - Trong ứng dụng này, không cho phép làm nóng lại.

Economy cycle controls for free cooling where external conditions allow [285402] Điều khiển chu kỳ tiết kiệm để làm mát tự nhiên khi điều kiện bên ngoài cho phép

Central air handling plant with re-circulation [285403] Nhà máy xử lý không khí trung tâm với tái lưu thông

Located in an easily maintainable non guest facing area [285404] Nằm trong một khu vực không có khách dễ dàng duy trì

Where equipment must be installed in guest facing areas it must be fully concealed. [285405] Trường hợp phải lắp đặt thiết bị trong khu vực có khách, nó phải được che khuất hoàn toàn.

Air handling units or fans installed inside ceilings must be IHG approved. [335188] thiết bị xử lý không khí hoặc quạt được lắp đặt bên trong trần nhà phải được IHG phê duyệt.

Where water based are provided they must meet the following: [285406] Trường hợp cung cấp bộ giàn quạt lạnh chạy nước, phải đáp ứng như sau:

Provide simultaneous heating and cooling to adjacent rooms when installed in guest areas. [285407] Cung cấp đồng thời sưởi ấm và làm mát cho các phòng liền kề khi được lắp đặt trong khu vực của khách.

Have individual means of isolation [285408] Có phương tiện cách ly cá nhân

Have individual temperature control [285409] Kiểm soát nhiệt độ cá nhân

Provide fresh air to the area being served [285410] Cung cấp khí tươi cho khu vực được phục vụ

**(Trang 262)**

Suitable access for cleaning of filters and condensate tray [285411] Truy cập thích hợp để làm sạch bộ lọc và khay ngưng tụ

Condensate must flow to drain by gravity [285412] Ngưng tụ phải chảy để thoát nước bằng trọng lực

Simultaneous heating and cooling must not occur in one single guest area. [285413] Không được đồng thời sưởi ấm và làm mát trong một khu vực cho khách.

Concealed from guest view [285414] Khuất khỏi tầm nhìn của khách.

Where refrigerant based cooling systems are provided they must meet the following: [285415] Trường hợp cung cấp hệ thống làm mát dựa trên chất làm lạnh, chúng phải đáp ứng như sau:

Variable refrigerant flow systems must only be used with specific approval from IHG. [285416] Hệ thống dòng chất làm lạnh biến đổi chỉ được dùng khi có phê duyệt cụ thể từ phía IHG.

Variable refrigerant temperature [285417] Nhiệt độ môi chất lạnh VRT

Provide simultaneous heating and cooling to adjacent rooms when installed in guest areas. [285418] Cung cấp đồng thời sưởi ấm và làm mát cho các phòng liền kề khi được lắp đặt trong khu vực của khách.

Calculations must be provided out for each system to determine the concentration of refrigerant gas within a room if a leak should occur. [285419] Phải tính toán cho mỗi hệ thống để xác định nồng độ khí làm lạnh trong phòng nếu có rò rỉ.

Zoning must take account of different orientation in order to optimise efficiency. [285420]

Phân vùng phải tính đến các định hướng khác nhau để tối ưu hóa hiệu quả.

External condensers must be located in a centralised non guest facing location. [285421] Thiết bị ngưng tụ bên ngoài phải được đặt ở vị trí tập trung không có khách.

Water based chilled beams are only permitted in the following locations: [303057] Chỉ cho phép dàn lạnh chạy bằng nước ở các vị trí sau:

Guest rooms [303058] phòng khách

Meeting rooms [303059] phòng họp

Back of house [303060] Khu vực BOH

Selection of this system must be IHG approved. [331082] Lựa chọn hệ thống này phải được IHG phê duyệt

Where air curtain units are provided they must meet the following: [303130] Trường hợp cung cấp các quạt chắn gió, chúng phải đáp ứng như sau:

Low noise air curtain or concealed fan coil unit [303131] Quạt chán gió ít ồn hoặc bộ giàn quạt lạnh kín

Unit must provide heating and/or cooling and/or dehumidification, depending on the outside condition.

[303132] Thiết bị phải cung cấp hệ thống sưởi và/hoặc làm mát và/hoặc hút ẩm, tùy thuộc vào điều kiện bên ngoài.

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-32 for a typical illustration of an air curtain system. [303133] Tham chiếu Phụ lục-32 để xem minh họa điển hình của hệ thống quạt chắn gió.

Annexure-32 Typical arrangement of air curtain Phụ lục-32 Bố trí điển hình của quạt gió

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Mechanical -> Central Chilling Plant

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Cơ khí -> Thiết Bị Làm Lạnh Trung Tâm

Where central source cooling/heating generation is provided it must meet the following as a minimum: [285422] Khi làm mát/sưởi ấm nguồn trung tâm, phải đáp ứng tối thiểu như sau:

Two chillers at 67% each or three chillers at 50% of the peak calculated cooling load. [285423] Hai thiết bị làm lạnh ở mỗi mức 67% hoặc ba thiết bị làm lạnh ở mức 50% tải làm mát tính toán cao điểm.

Where more than three chillers are provided a redundancy of 20 % must be considered. [285424] Trường hợp cung cấp nhiều hơn ba thiết bị làm lạnh, phải xem xét dự phòng 20%.

Centralized cooling/heating plant redundancy must be provided as per the attached Annexure-23.

[285425] Dự phòng làm mát/sưởi ấm tập trung phải được cung cấp theo Phụ lục 23 kèm theo.

Annexure 23 centralized cooling heating plant redundancy Phụ lục 23 dự phòng nhà máy sưởi ấm làm mát tập trung

New Build Xây dựng mới

Conversion chuyển đổi

Renovation Cải tạo

**(Trang 263)**

Where a central source of cooling is required it must be selected from one of the following: [285426] Khi cần một nguồn làm mát trung tâm thì phải chọn một trong các cách sau:

Air cooled water chillers [285427] Máy làm lạnh không khí

Water cooled water chillers [285428] Máy làm lạnh chạy bằng nước

Refrigerant based cooling systems [285429] Hệ thống làm lạnh bằng chất làm lạnh

District cooling [285430] Làm lạnh khu vực định trước

The type of chiller must be selected based on cooling load of project as illustrated in Annexure-24 in order to obtain most efficient selection. [285431] Loại máy làm lạnh phải được lựa chọn dựa trên tải làm mát của dự án như được minh họa trong Phụ lục-24 để có được lựa chọn hiệu quả nhất

Annexure-24 Type of chiller selection based on cooling load

Phụ lục-24 Loại máy làm lạnh dựa trên tải làm mát

Pumps used for water circulation must achieve the following overall minimum efficiencies: [285432]

Máy bơm cho lưu thông nước phải đạt được hiệu quả tối thiểu chung sau đây:

For a circuit flow rate > 25 l/s a minimum efficiency of 70% [285433] Đối với tốc độ dòng mạch> 25 l/s, hiệu suất tối thiểu 70%

For a circuit flow rate < 25 l/s a minimum efficiency of 70% [285434] Đối với tốc độ dòng mạch <25 l/s, hiệu suất tối thiểu 70%

Fan coil units must be provided with pressure independent balancing and control valves. [285435] Phải cung cấp bộ giàn quạt lạnh với van điều khiển và cân bằng độc lập áp suất.

Air handling units must be provided with pressure independent balancing and control valves. [285436] Phải cung cấp các thiết bị xử lý không khí với van điều khiển và cân bằng độc lập áp suất.

Where control valves are provided they must meet the following: [285437]

Trường hợp cung cấp van điều khiển, chúng phải đáp ứng như sau:

Consist of a modulating plug with independent equal percentage modified (EQM) control characteristic

[285438] Bao gồm một phích cắm điều chế với đặc tính điều khiển phần trăm thay đổi (EQM) độc lập

Minimum control valve authority of 0.25 [285439] Hệ số Beta tối thiểu 0,25

Flow measurement capability [285440] Khả năng đo lưu lượng

Hydraulic calculation report must be provided. [285441] Phải cung cấp báo cáo tính toán thủy lực.

Where air cooled chillers are provided they must meet the following: [285442] Trường hợp cung cấp máy làm lạnh không khí, chúng phải đáp ứng như sau:

Sufficient fresh air supply for heat rejection ensuring no re circulation [285443] Cung cấp đủ khí tươi để loại bỏ nhiệt đảm bảo không lưu thông lại

Equipment must be selected to operate at 5°C above ambient allowing for local heat effect. [285444] Phải chọn thiết bị để hoạt động ở nhiệt độ 5 ° C trên môi trường xung quanh cho phép tạo hiệu ứng nhiệt cục bộ.

Protected condenser coils to avoid corrosion specific to the location of the chiller [285445] Ống xoắn giàn ngưng được bảo vệ để tránh ăn mòn cụ thể cho vị trí của máy làm lạnh

Variable speed condenser fans to optimise the power consumption during low load operation [285446] Quạt giàn ngưng tốc độ biến đổi để tối ưu hóa mức tiêu thụ điện trong quá trình vận hành tải thấp

Variable speed compressor to reduce the power consumption during low load operation [285447] Máy nén tốc độ thay đổi để giảm mức tiêu thụ điện trong quá trình vận hành tải thấp

Reset of the chilled water flow temperature subject to external conditions [285448] Đặt lại nhiệt độ dòng nước lạnh trong điều kiện bên ngoài

Where condenser water circuits are provided they must meet the following: [285453] Trường hợp cung cấp mạch nước ngưng, chúng phải đáp ứng như sau:

**(Trang 264)**

The use of condenser water as a low grade heat source must be implemented. [285454] Phải sử dụng nước ở bình ngưng tụ làm nguồn nhiệt cấp thấp.

A satisfactory system of cleaning must be provided to prevent the build up of corrosive elements and bacterial growths. [285455] Phải cung cấp một hệ thống làm sạch thỏa đáng để ngăn chặn tích tụ ăn mòn và sự phát triển của vi khuẩn.

Where climatic conditions require trace heating must be provided to all exposed pipework. [285456] Trường hợp điều kiện khí hậu yêu cầu, cung cấp sưởi ấm bề mặt cho tất cả các hệ thống đường ống tiếp xúc.

The water treatment system must be designed to achieve a cycle of concentration greater than 10 as per Green Engage at acceptable water quality. [285457] Hệ thống xử lý nước phải được thiết kế để đạt được chu kỳ nồng độ lớn hơn 10 theo Tiêu Chuẩn Xanh với chất lượng nước chấp nhận được.

Positive measures to avoid the risk of legionella. [285458] biện pháp tích cực để tránh nguy cơ mắc bệnh legionella.

It is recommended to control the PH level between 7.0 to 8.5 to prevent scaling. [285459] Nên kiểm soát mức độ PH trong khoảng từ 7,0 đến 8,5 để ngăn đóng cặn.

It is recommended to control/limit turbity NTU to < 20. [285460] Nên kiểm soát/giới hạn độ đục NTU <20.

It is recommended to control bacteria by limiting TDS to 300-3500 mg/l. [285461] Nên kiểm soát vi khuẩn bằng cách giới hạn TDS ở mức 300 - 35 mg/l.

It is recommended to control dissolved ion to less then 2 ppm. [285462] Nên kiểm soát ion hòa tan dưới 2 ppm.

It is recommended to control copper to less then 0.1 ppm. [285463] Nên kiểm soát đồng dưới 0,1 ppm.

It is recommended to control bacteria to less then 1000000 npml. [285464] Nên kiểm soát vi khuẩn dưới 1000000 npml.

Where water cooled chillers are provided, the following minimum chiller efficiencies must be achieved: [338118] Khi cung cấp máy làm lạnh chạy bằng nước, phải đạt được hiệu quả làm lạnh tối thiểu sau đây:

Chilled water temperatures must be selected within a band of 7-14°C [338119] Phải chọn nhiệt độ nước lạnh trong một dải 7-14 ° C

Chillers must be enabled or disabled according to demand [338120] Máy làm lạnh phải được bật hoặc tắt theo nhu cầu

The chilled water plant (chillers, pumps and cooling towers) must be selected for maximum efficiency according to capacity. [338121] Phải chọn máy nước lạnh (máy làm lạnh, máy bơm và tháp giải nhiệt) để đạt hiệu quả tối đa theo công suất

Primary pumping must only be provided by use of variable speed pumps [338122] Chỉ cung cấp bơm sơ cấp bằng cách sử dụng bơm tốc độ thay đổi

Variable speed drives must be provided for air and water cooled chillers based on feasibility study

[338123] Phải cung cấp truyền động biến tốc cho các máy làm lạnh nước và không khí dựa trên nghiên cứu khả thi.

Guidelines Hướng Dẫn

• For recommended chiller and system efficiencies refer to Annexure -79. [338124] Để biết hiệu quả làm lạnh và hiệu quả hệ thống được đề xuất, hãy tham khảo Phụ lục -79.

**(Trang 265)**

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Below 500 TR screw chiller (In/ out temperature 14/7 deg C)  Máy làm lạnh screw chiller dưới 500 TR (Nhiệt độ vào/ra 14/7 độ C) |
|  | COP-5.8 |
|  | IPLV – 0.5 |
|  | NPLV – 0.52 |
|  | SPLV -0.65 (Includes chiller, chilled water pump, and)  SPLV -0,65 (Bao gồm máy làm lạnh, máy bơm nước lạnh, máy bơm nước ngưng và quạt tháp giải nhiệt) |
| 2 | Below 500 TR centrifugal chiller (In/ out temperature 14/7 deg C)  Máy làm lạnh centrifugal chiller dưới 500 TR (Nhiệt độ vào/ra 14/7 độ C) |
|  | COP-6.3 |
|  | IPLV – 0.35 |
|  | NPLV – 0.37 |
|  | SPLV -0.57 (Includes chiller, chilled water pump, condenser water pump and cooling tower fans)  SPLV -0,57 (Bao gồm máy làm lạnh, máy bơm nước lạnh, máy bơm nước ngưng và quạt tháp giải nhiệt) |
| 3 | Above 500 TR centrifugal chiller (In/ out temperature 14/7 deg C)  Máy làm lạnh centrifugal chiller trên 500 TR (Nhiệt độ vào/ra 14/7 độ C) |
|  | COP-6.35 |
|  | IPLV – 0.345 |
|  | NPLV – 0.365 |
|  | SPLV -0.55 (Includes chiller, chilled water pump, condenser water pump and cooling tower fans)  SPLV -0,55 (Bao gồm máy làm lạnh, máy bơm nước lạnh, máy bơm nước ngưng và quạt tháp giải nhiệt) |

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Mechanical -> District Cooling System

Hành Trình Xây đựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Kỹ Thuật -> Cơ khí -> Hệ thống làm lạnh khu vực định trước

Where district cooling is proposed the following must be provided: [285449]

Trường hợp đề xuất hệ thống làm lạnh khu vực định trước, phải cung cấp như sau:

Variable-frequency drive (VFD) circulating pumps and controls to distribute the chilled water through the hotel [285450] Bơm tuần hoàn biến tần (VFD) và điều khiển để phân phối nước lạnh qua khách sạn

Plate heat exchanges to segregate the hotel cooling system from the district cooling system [285451] Trao đổi nhiệt để tách biệt hệ thống làm mát khách sạn với hệ thống làm mát khu vực định trước

Energy metering system measuring the energy consumption of the hotel with an interface with the Building Management System (BMS) [285452] Hệ thống đo năng lượng đo mức tiêu thụ năng lượng của khách sạn với giao diện với Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS)

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Mechanical -> Central Heating

Hành Trình Xây đựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Kỹ Thuật -> Cơ khí -> Hệ thống sưởi trung tâm

Where a main heating source is required it must be selected from one of the following: [285465] Trong trường hợp cần có nguồn sưởi chính thì phải chọn một trong các cách sau:

Gas fired boilers [285466] Lò hơi đốt gas

Oil fired boilers [285467] Lò hơi đốt dầu

Biomass boilers [285468] Nồi hơi sinh khối

Electric heat pumps [285469] Bơm nhiệt điện

District heating [285470] Sưởi ấm khu vực định trước

Solar, waste heat or heat recovery chillers are only permitted as a supplementary sources. [285471] Chỉ cho phép các máy lạnh phục hồi nhiệt hoặc nhiệt hao phí, năng lượng mặt trời như những nguồn bổ sung

**(Trang 266)**

Where gas fired boilers are selected the following must be provided: [285472] Trường hợp chọn nồi hơi đốt gas, phải cung cấp các thông tin sau:

Where natural gas is available this must be used. [285473] Trường hợp có sẵn khí đốt tự nhiên thì phải sử dụng.

Where natural gas is not available, liquid petroleum gas is acceptable. [285474] Trường hợp không có khí tự nhiên, chấp nhận dùng khí dầu lỏng.

A flue to discharge exhaust gasses in a safe location external to the building. [285475] Một ống khói để xả khí thải tại một vị trí an toàn bên ngoài tòa nhà.

The central heating distribution plant must utilise modulating high efficiency low nitrous oxide boilers.

[285476] Trạm phân phối sưởi ấm trung tâm phải sử dụng nồi hơi oxit nitơ hiệu suất cao điều chế.

Guidelines Hướng Dẫn

• A central gas fired boiler system is illustrated in Annexure-25. [285477] Một hệ thống lò hơi đốt gas trung tâm được minh họa trong Phụ lục-25

Annexure-25 Gas boiler heating system Phụ lục-25 Hệ thống sưởi nồi hơi gas

Where biomass boilers are used the following must be provided: [285478] Trường hợp dùng nồi hơi sinh khối, phải cung cấp như sau:

Automatic feed and ignition [285479] Tự động nạp và đánh lửa

Automated de-ashing system [285480] Hệ thống khử mùi tự động

Automatic heat exchanger cleaning [285481] Dọn dẹp trao đổi nhiệt tự động

A computer based capacity combustion control with remote control and monitoring [285482] Một bộ điều chỉnh nhiên liệu công suất dựa vào máy tính với điều khiển và giám sát từ xa.

Where oil fire boilers are used the following must be provided: [285483] Trường hợp dùng nồi hơi đốt dầu, phải được cung cấp như sau:

Storage with a minimum of seven days capacity at full load [285484] Lưu trữ với dung lượng tối thiểu bảy ngày khi đầy tải

A flue to discharge exhaust gas in a safe location external to the building [285485] Một ống khói để xả khí thải tại một vị trí an toàn bên ngoài tòa nhà

Where electric heat pumps are proposed the following must be provided: [285486] Trường hợp đề xuất bơm nhiệt điện, cung cấp như sau:

Utilisation of waste heat being produced within the hotel where available [285487] Sử dụng nhiệt thải từ khách sạn nếu có

Thermal storage must be considered to optimise the size of the heat pump. [285488] Phải xem xét lưu trữ nhiệt để tối ưu hóa kích thước của bơm nhiệt.

Where electric heat pumps are proposed they must meet the following: [285489] Trường hợp đề xuất máy bơm nhiệt điện, phải đáp ứng như sau:

100% standby [285490] 100% dự phòng

Minimum COP of 3.0 [285491] COP tối thiểu 3.0

Water supply temperature of 60°C [285492] Nhiệt độ cấp nước 60 ° C

Doubled walled condenser or heat exchanger must be provide to prevent contamination by refrigerant. [285493] Phải cung cấp bộ ngưng tụ hoặc bộ trao đổi nhiệt tường hai lớp để ngăn ngừa ô nhiễm do chất làm lạnh.

Where solar heating is proposed the following must be submitted to IHG: [285494] Trường hợp đề xuất sưởi ấm mặt trời, phải nộp cho IHG tài liệu sau:

A thermal analysis of heating availability. [285495] Một phân tích nhiệt về tính sẵn có sưởi ấm

A cost analysis of the capital cost of solar equipment against the energy savings. [285496] Một phân tích chi phí vốn chi phí thiết bị năng lượng mặt trời tiết kiệm năng lượng.

Where district heating is proposed the following must be provided: [285497] Trường hợp đề xuất sưởi ấm khu vực định trước, phải cung cấp như sau:

Plate heat exchangers to segregate the hotel heating system from the district heating system. [285498] Trao đổi nhiệt để tách biệt hệ thống làm mát khách sạn với hệ thống làm mát khu vực định trước

Circulating pumps and controls to distribute the heating through the hotel. [285499] Bơm tuần hoàn và điều khiển để phân phối hệ thống sưởi qua khách sạn.

Energy metering system measuring the energy consumption of the hotel with an interface with the Building Management System (BMS) [285500] Hệ thống đo năng lượng đo mức tiêu thụ năng lượng của khách sạn với giao diện với Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS)

**(Trang 267)**

Heating water distribution must be provided and meet the following: [285501] Phải phân phối nước nóng và đáp ứng như sau:

Boilers must be enabled or disabled according to demand. [285502] Nồi hơi phải được kích hoạt hoặc vô hiệu hóa theo nhu cầu.

Heating operating temperatures must be minimised to optimise boiler efficiency with condensing boilers being used where possible. [285503] Phải giảm nhiệt độ vận hành sưởi ấm để tối ưu hóa hiệu quả lò hơi với nồi hơi ngưng được dùng nếu có thể.

Primary pumping is only permitted with variable speed pumps and two port control valve. [285504] Chỉ cho phép bơm sơ cấp với máy bơm tốc độ thay đổi và van điều khiển hai cổng

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Mechanical -> Guest Room

Hành Trình Xây dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Cơ khí -> Phòng Khách

A guest room air conditioning and ventilation system must be provided and include the following:

[285505] Phải cung cấp một hệ thống điều hòa không khí và thông gió phòng khách và bao gồm như sau:

Each guest room unit must allow individual control to achieve desired temperature. [285506] Mỗi phòng khách phải cho phép điều khiển cá nhân để đạt được nhiệt độ mong muốn.

Temperature control must be within pre-set limits of 3°C on either side of the design set point, with a 2°C dead band to prevent cycling. [285507] Điều khiển nhiệt độ phải nằm trong giới hạn đặt trước 3 ° C ở hai bên của điểm đặt thiết kế, với dải băng tần chết 2 ° C để tránh xoay vòng.

In a standard guest room the heating, ventilation and air conditioning unit must be located above the guest room entry lobby within a ceiling void. [285508] Trong một phòng khách tiêu chuẩn, bộ phận sưởi ấm, thông gió và điều hòa không khí phải được đặt phía trên sảnh vào phòng khách trong một khoảng trống trần.

The ceiling void must provide access for maintenance of all equipment and components. [285509] Khoảng trống trần phải cho phép bảo trì tất cả các thiết bị và linh kiện.

Conditioned fresh air must be supplied. [285510] Phải cấp khí tươi điều hòa.

Fresh air supply must be to the back of the fan coil unit or to the supply grille. [285511] Cấp khí tươi phải ở phía sau của bộ giàn quạt lạnh hoặc lưới tản nhiệt cung cấp.

Air supply to the room must be designed so it does not blow directly onto the bed. [285512] Phải thiết kế cấp khí để không thổi trực tiếp lên giường.

Exhaust to the bathroom located near the shower to ensure that steam produced is exhausted. [285513] Xả vào phòng tắm nằm gần vòi hoa sen để đảm bảo thoát hơi nước.

Cooling and heating capacity of the unit must be selected to match the latent load calculation and to minimize latent cooling. [285514] Phải chọn công suất làm mát và sưởi ấm của thiết bị để phù hợp với tính toán tải ẩn và để giảm thiểu làm mát ẩn.

Guidelines Hướng Dẫn

Where the toilet is installed inside a separate cubicle it is recommended to provide an additional exhaust to the bathroom inside this cubicle above the toilet - refer to Annexure-27. [285515] Trường hợp lắp đặt nhà vệ sinh bên trong một buồng riêng biệt, nên cung cấp thêm một ống xả cho phòng tắm bên trong buồng này phía trên nhà vệ sinh - tham khảo Phụ lục-27.

Annexure 27 bathroom exhaust Phụ lục 27 thoát khí phòng tắm

• Refer to Annexure-26 for typical guest room FCU location. [285516] Tham chiếu Phụ lục-26 để biết vị trí FCU của phòng khách điển hình.

Annexure 26 typical guest room FCU location Phụ lục 26 vị trí FCU của phòng khách điển hình

Each guest room must be provided with a system controller (for example thermostat) that provides the following functions: [285517] Phải cung cấp mỗi phòng khách bộ điều khiển hệ thống (ví dụ bộ điều chỉnh nhiệt) cung cấp các chức năng sau:

On/Off [285518] Bật/ tắt

Fan speed control [285519] Điều khiển tốc độ quạt

Temperature selection with pre set setpoint, upper limit and lower limit. [285520] Lựa chọn nhiệt độ với điểm đặt trước, giới hạn trên và giới hạn dưới.

**(Trang 268)**

Temperature display [285521] Hiển thị nhiệt độ

Controller must be digital. [285522] Bộ điều khiển kỹ thuật số.

Guidelines Hướng Dẫn

• For a typical guest room FCU system layout refer to Annexure-28. [285523]

Để biết cách bố trí hệ thống FCU của phòng khách điển hình, hãy tham khảo Phụ lục-28.

Annexure-28 Typical guestroom 4-pipe fan coil unit system Phụ lục-28 Hệ thống bộ giàn quạt lạnh 4 ống cho phòng khách điển hình

The temperature selection of the system controller must provide the following: [331074] Lựa chọn nhiệt độ của bộ điều khiển hệ thống phải cung cấp các thông tin sau:

Pre-set setpoint [331075] Điển đặt thiết lập trước

Upper limit [331076] Giới hạn trên

Lower limit [331077] Giới hạn dưới

The temperature setting in guest rooms must meet the following for cooling mode: [331078] Cài đặt nhiệt độ trong phòng khách phải đáp ứng các điều sau đây cho chế độ làm mát:

Lower limit setting: 20°C [331079] Cài đặt giới hạn dưới: 20°C

Upper limit setting: 26°C [331080] Cài đặt giới hạn trên: 26°C

Pre-set temperature: 24°C [331081] Nhiệt độ đặt trước: 24°C

The temperature setting in guest rooms must meet the following for heating mode: [378054] Cài đặt nhiệt độ trong phòng khách phải đáp ứng các điều sau đây cho chế độ sưởi ấm:

Lower limit setting: 18°C [378055] Cài đặt giới hạn dưới: 18 ° C

Upper limit setting: 24°C [378056] Cài đặt giới hạn trên: 24 ° C

Pre-set temperature: 20°C [378057] Nhiệt độ đặt trước: 20 ° C

The use of water based chilled beam systems for guest rooms is only permitted in following conditions: [301048] Chỉ cho phép các hệ thống dầm mát chilled beam chạy nước trong điều kiện như sau:

Suitable climates with sealed windows and doors controlling infiltration. [301049] Khí hậu thích hợp với vật liệu thấm cửa sổ kín và kiểm soát cửa ra vào.

Fresh air systems must have adequate additional capacity to provide a boost facility to enable a rapid response to a guest’s comfort requirements. [301050] hệ thống khí tươi phải có công suất bổ sung đầy đủ để cung cấp một cơ sở tăng cường cho phép đáp ứng nhanh chóng các yêu cầu nghỉ ngơi thoải mái của khách.

The system must operate 24 hours a day. [301051] Hệ thống phải hoạt động 24 giờ một ngày.

The room cooling load must be limited due to the systems restricted capacity. [301052] Tải làm mát phòng phải được giới hạn do công suất hạn chế của các hệ thống.

Where water based chilled beam systems are provided they must meet the following: [303048] Phải cung cấp các hệ thống dầm mát chilled beam chạy nước và đáp ứng như sau:

Active concealed chilled beam unit with cooling and heating coils as required. [303049]

Thiết bị dầm mát chilled beam kín tự động với các ống xoắn cấp nhiệt và làm mát theo yêu cầu.

Ducted fresh or primary air supply connection [303050] Kết nối cấp khí cơ bản hoặc khí tươi ống dẫn

Pressure independent balancing and control valves on heating and chilled water supply [303051] Van điều chỉnh và cân bằng áp suất độc lập khi cấp nước lạnh và nước nóng

Elevated chilled water supply temperature selected [303052] Nhiệt độ cấp nước lạnh cao được chọn

Reduced hot water supply temperature [303053] Nhiệt độ cấp nước nóng giảm

It is recommended to set the chilled water supply temperature at 14°C minimum in order to avoid condensation. [303054] Nên đặt nhiệt độ cấp nước lạnh tối thiểu 14°C để tránh ngưng tụ.

**(Trang 269)**

A reduction of the hot water supply temperature to a maximum of 60°C is recommended in order to avoid air stratification. [303055] Nên giảm nhiệt độ cấp nước nóng đến tối đa 60 ° C để tránh phân tầng không khí

Typical guest room 4-pipe active chilled beam system illustrated in Annexure-29 [303056] Hệ thống dầm mát chilled beam hoạt động 4 ống cho phòng khách điển hình minh họa tại Phụ lục 29

Annexure 29 Typical guest room 4-pipe active chilled beam system Phụ lục 29 - Hệ thống dầm mát chilled beam hoạt động 4 ống

Return air systems must be designed with only one pick up point per area for efficiency. [303061]

Phải thiết kế các hệ thống không khí hoàn lưu chỉ với một điểm chọn mỗi khu vực cho hiệu quả.

Guidelines Hướng Dẫn

• The effect of natural air in distribution in a room is illustrated in Annexure-30. [303062] Ảnh hưởng của không khí tự nhiên trong phân phối trong phòng được minh họa trong Phụ lục-30.

Annexure-30 Air distribution for large public areas Phụ lục-30 Phân phối không khí cho các khu vực công cộng lớn

Packaged terminal air conditioner units (PTAC) are not permitted. [356085] Không cho phép các máy điều hòa đầu cuối gọn

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Mechanical -> Front of House

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ tầng Kỹ Thuật -> Cơ Khí -> Khu Vực FOH

Internal air quality in public spaces must be achieved through the following measures: [303063]

Phải đạt được chất lượng khí bên trong tại các không gian công cộng qua các biện pháp sau:

Carbon dioxide (CO2) level of internal air must be limited to 800 ppm. [303064] Mức carbon dioxide (CO2) của không khí bên trong phải được giới hạn ở mức 800 ppm.

Fresh and re-cycled air quantities must be measured and controlled by the building management system (BMS). [303065] Lượng khí tươi và tái chế phải được đo lường và kiểm soát bởi hệ thống quản lý tòa nhà (BMS).

Humidity override in function rooms and high occupancy spaces to override chilled water temperature re-set. [303066] Ghi đè độ ẩm trong các phòng chức năng và không gian sử dụng cao để ghi đè lại nhiệt độ nước lạnh được đặt lại.

Guidelines Hướng Dẫn

Economy cycle control to maximise the use of free cooling when outside air enthalpy is less than room air is recommended depending on the climate at the hotel location. [303067] Kiểm soát chu kỳ tiết kiện để tối đa hóa làm mát tự nhiên khi entanpi không khí bên ngoài ít hơn không khí trong phòng được khuyến nghị tùy thuộc vào khí hậu tại vị trí khách sạn.

Where radiant water based systems are proposed they must meet the following: [303068] Trường hợp đè xuất các hệ thống dựa trên nước bức xạ, chúng phải đáp ứng như sau:

Maintain surface temperature 18°C minimum (in cooling mode) and 27°C maximum (in heating mode) Duy trì nhiệt độ bề mặt tối thiểu 18 ° C (ở chế độ làm mát) và tối đa 27 ° C (ở chế độ sưởi ấm)

[303069]

Guidelines Hướng Dẫn

Radiant water based systems are recommended for large open space due to following advantages: improved comfort conditions and reduction in size of air handling plant capacity. [303070] hệ thống dựa trên nước bức xạ được khuyến nghị cho không gian mở rộng do các ưu điểm sau: cải thiện điều kiện thoải mái và giảm kích thước công suất máy móc xử lý không khí.

Where radiant water based systems are provided they must meet the following: [303071] Trường hợp cung cấp các hệ thống dựa trên nước bức xạ, chúng phải đáp ứng như sau:

Provide simultaneous heating and cooling to adjacent rooms [303072] Cung cấp đồng thời sưởi ấm và làm mát cho các phòng liền kề

Have individual means of isolation [303073] Có phương tiện cách ly cá nhân

Individual temperature control [303074] Kiểm soát nhiệt độ cá nhân

Variable volume primary air must be provided to maintain rapid change in temperature when required.

[303075] Phải cung cấp khối không khí sơ cấp thay đổi để duy trì sự thay đổi nhiệt độ nhanh chóng khi cần thiết.

Concealed from guest view [303076] Che khuất khỏi tầm nhìn của khách.

**(Trang 270)**

Guidelines Hướng Dẫn

• A typical guest room radiant ceiling system is illustrated in Appendix-29. [303077] Một hệ thống trần bức xạ của phòng khách điển hình được minh họa trong Phụ lục-29.

Installation of displacement ventilation systems is only permitted in the following areas and is subject to IHG approval: [303078] Chỉ cho phép lắp đặt hệ thống thông gió dịch chuyển ở những khu vực sau và phải được IHG phê duyệt

Lobby, Atria, Ballrooms, Convention Centres or any other area with high ceilings. [303079] Sảnh, Hội trường, Phòng ballroom, Trung tâm hội nghị hoặc bất kỳ khu vực nào khác có trần cao.

Where displacement ventilation systems are provided they must meet the following: [303080] Trường hợp cung cấp hệ thống thông gió, chúng phải đáp ứng như sau:

Low velocity air supply at low level [303081] Cung cấp không khí tốc độ thấp ở mức thấp

Supply temperatures must be 2-6°C colder than the ambient room air in order to avoid drafts. [303082] Nhiệt độ cung cấp phải lạnh hơn 2-6 ° C so với không khí trong phòng xung quanh để tránh gió lùa.

Extract and return air must be from the ceiling [303083] Không khí hoàn lưu và khí xả phải từ trần

Supply air diffusers must be integrated and coordinated with the room interior. [303084] Cung cấp miệng gió khuếch tán phải được tích hợp và phối hợp với nội thất trong phòng.

Air conditioning systems for spaces with indoor swimming pool must meet the following: [303085] Hệ thống điều hòa không gian cho bể bơi trong nhà phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Design criterias as listed in Annexure 13 [303086] Tiêu chí thiết kế như được liệt kê trong Phụ lục 13

See also ID number [285136] Xem thêm số ID

Dehumidification [303087] Hút ẩm

Control the concentration of chlorine in the air in order to prevent chlorine/condensation on surfaces

[303088] Kiểm soát nồng độ clo trong không khí để ngăn chặn clo/ngưng tụ trên bề mặt

Prevent smell of chlorine spilling out into adjacent areas [303089] Ngăn mùi clo tràn ra khu vực lân cận

Indoor swimming pools air system dehumidification must provide the following: [303090] Hút ấm hệ thống không khí bể bơi trong nhà phải cung cấp như sau:

Air quality parameters must be monitored and controlled from the return air system. [303091] thông số chất lượng không khí phải được theo dõi và kiểm soát từ hệ thống không khí hoàn lưu.

Redundant heat must be used for re-heating the supply air and for heating the pool water [303092] Phải dùng nhiệt dự phòng để làm nóng lại không khí cung cấp và làm nóng nước hồ bơi

Equipment must be selected to suit the corrosive environment. [303093] Phải chọn thiết bị phù hợp môi trường ăn mòn.

Each front of house area must be provided with a suitable air conditioning system meeting the following: [303094] Phải cung cấp mỗi khu vực FOH với hệ thống điều hòa thích hợp đáp ứng như sau:

Each zone (operational and thermal) must have independent temperature control. [303095] Mỗi khu vực (hoạt động và nhiệt) phải có kiểm soát nhiệt độ độc lập.

All equipment that requires regular service must be maintainable outside the front of house area.

[303096] Tất cả các thiết bị cần dịch vụ thường xuyên phải được bảo trì bên ngoài khu vực FOH.

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-21 for a comparison of air conditioning systems suitable of front of house areas.

[303097] Tham khảo Phụ lục-21 để so sánh các hệ thống điều hòa không khí phù hợp với khu vực FOH.

Annexure-21 FOH AC system comparison table Phụ lục 21 Bảng so sánh hệ thống AC của khu vực FOH

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Mechanical -> Back of House

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Cơ Khí -> Khu Vực BOH

**(Trang 271)**

System selection for back of house air conditioning and ventilation must meet the following principles: [303098] Lựa chọn hệ thống cho điều hòa không khí và thông gió khu vực BOH phải đáp ứng các nguyên tắc sau:

Fan coil units (FCU): rooms with smaller floor areas and low fresh air loads (e.g. corridors) [303099] Bộ giàn quạt lạnh (FCU): các phòng có diện tích sàn nhỏ hơn và tải khí tươi thấp (ví dụ: hành lang)

Constant Air volume (CAV): large areas with high fresh air loads [303100] Lưu lượng gió không đổi (CAV): các khu vực rộng với tải khí tươi cao

Variable Air Volume (VAV): large areas with variable load [303101] Lưu lượng gió thay đổi (VAV): các khu vực rộng với tải thay đổi

Three-pipe Variable Refrigerant Flow (VRV) systems: smaller areas with lower fresh air loads [303102] Hệ thống điều hòa không khí (VRV) ba ống: các khu vực nhỏ hơn với tải khí tươi thấp hơn

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-22 for a comparison of air conditioning systems suitable for back of house spaces.

[303103] Tham chiếu Phụ lục-22 để so sánh các hệ thống điều hòa không khí phù hợp với không gian BOH.

Annexure 22 system comparision Phụ lục 22 So sánh hệ thống

Mechanical extract ventilation must be provided to all kitchen zones and exhaust hoods and meet the following: [303104] Phải cung cấp hệ thống thông hút gió cơ học cho tất cả khu vực bếp và hút chụp và đáp ứng như sau:

All kitchen hoods must be induction type. [303105] Tất cả các máy hút mùi nhà bếp phải là loại cảm ứng.

Accessibility to the kitchen exhaust duct for cleaning must be provided. [303106] Phải có thể tiếp cận với ống xả nhà bếp để làm sạch.

Grease filtration must eliminate all grease particulates in the extracted air. [303107] Lọc mỡ phải loại bỏ tất cả các hạt mỡ trong khí thải.

The kitchen supply and exhaust air system must meet the following: [303108] Hệ thống cung cấp bếp và khí thải phải đáp ứng như sau:

Variable speed [303109] Tốc độ biến

Rates of supply and exhaust controlled via a demand monitoring system [303110] Tỷ lệ cung cấp và kiểm soát khí thải thông qua một hệ thống giám sát nhu cầu

A grease removal system must be provided and meet the following: [303111] Phải cung cấp một hệ thống loại bỏ dầu mỡ và đáp ứng như sau:

Pre filter removing large grease particles [371059] Bộ lọc trước loại bỏ các hạt mỡ lớn

Wet scrubber for heavy duty equipment [371060] Bộ lọc ẩm cho các thiết bị hạng nặng

Recommended and preferred technologies for grease removal are: UV lamps, dry scrubber and wet scrubber. [303112] công nghệ được khuyến nghị và ưa thích để loại bỏ dầu mỡ là: đèn UV, bộ lọc khô và bộ lọc ẩm.

Fresh air supply for the kitchen must be provided and meet the following: [303114] Phải cấp khí tươi cho nhà bếp và đáp ứng như sau:

A dedicated kitchen air supply unit must be provided. [303115] Phải cung cấp một thiết bị cung cấp không khí chuyên dụng cho nhà bếp.

The kitchen must be maintained under negative pressure by exhausting 20% more than supply. [303116] Phải duy trì bếp dưới áp suất âm bằng cách thoát hơn 20% so với nguồn cung.

Air must be tempered to room conditions (cooled or heated) prior to being supplied to the kitchen.

[303117] Điều hòa không khí trong điều hòa phòng (làm mát hoặc sưởi ấm) trước khi được cung cấp cho nhà bếp.

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-31 for a typical kitchen supply and exhaust air system illustration. [303118]

Tham khảo Phụ lục-31 để biết minh họa hệ thống cung cấp bếp và khí thải điển hình

Annexure-31 Typical kitchen ventilation drawing Phụ lục-31 Bản vẽ thông gió nhà bếp điển hình

**(Trang 272)**

Individual extract duct work must be provided for the following: [303119] Phải cung cấp đường ống thông gió hút riêng lẻ cho:

Pizza oven (mild steel) [303120] Lò nướng pizza (thép nhẹ)

Bread oven (galvanized steel) [303121] Lò nướng bánh mì (thép mạ kẽm)

Kitchen hoods (galvanized, mild or stainless steel) [303122] Hút mùi nhà bếp (mạ kẽm, thép nhẹ hoặc thép không gỉ)

Dish washer systems (stainless steel) [303123] Hệ thống máy rửa chén (thép không gỉ)

Chemical stores (galvanized steel) [303124] Cửa hàng hóa chất (thép mạ kẽm)

Laundry (stainless steel) [303125] Giặt ủi (thép không gỉ)

Air conditioning systems for IT rooms must meet the following: [303126] Hệ thống điều hòa không khí cho phòng CNTT phải đáp ứng như sau:

Primary system from main hotel AC system [303127] Hệ thống chính từ hệ thống AC của khách sạn chính

A secondary independent split system, which must be served from a stand by power supply. [303128] Một hệ thống phân chia độc lập thứ cấp, phải được phục vụ từ một nguồn điện dự phòng.

Failure of the split system must be alarmed in the building management system (BMS). [303129] Phải báo động lỗi của hệ thống phân chia trong hệ thống quản lý tòa nhà (BMS).

Each individual ventilation system must have its own duct work. [335189] Mỗi hệ thống thông gió riêng phải có ống dẫn riêng.

Shared ducts are not permitted. [335190] Không cho phép dùng chung các đường ống.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Mechanical -> Car Park Ventilation

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Cơ Khí -> Thông Gió Bãi Đỗ Xe

Where natural ventilation of enclosed car parks is not possible to implement, mechanical ventilation must be provided and meet the following: [303134] Trong trường hợp không thể thực hiện thông gió tự nhiên cho bãi đậu xe kín, phải cung cấp thông gió cơ học và đáp ứng như sau:

Carbon monoxide (CO) levels must not exceed 35 ppm per one hour. [303135] Mức carbon monoxide (CO) không được vượt quá 35 ppm mỗi một giờ.

Carbon monoxide (CO) levels must never exceed a maximum of 120 ppm. [303136] Mức carbon monoxide (CO) không bao giờ vượt quá tối đa 120 ppm.

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-33 for typical car park mechanical ventilation. [303137] Tham chiếu Phụ lục-33 để biết thông gió cơ khí bãi đậu xe điển hình.

Annexure-33 Typical car park mechanical ventilation layout Phụ lục-33 Bố trí thông gió cơ khí bãi đậu xe điển hình

Where outside temperatures drop below freezing frost coils must be installed and installation must meet the following: [303138] Trường hợp nhiệt độ bên ngoài giảm xuống dưới mức đóng băng, cuộn frost coil phải được cài đặt và cài đặt phải đáp ứng như sau:

Before the air handling unit's heating and cooling coils [304066] Trước cuộn dây làm mát và sưởi ấm của thiết bị xử lý không khí

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Electrical

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Điện

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Electrical -> Design Criteria

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Điện -> Tiêu Chí Thiết Kế

Where utility electrical power supply is reliable > 99.988% of the time, power back-up must meet the following: [304080] Trường hợp cung cấp nguồn điện tiện ích đáng tin cậy> 99.988% thời gian, điện dự phòng phải đáp ứng các điều sau:

**(Trang 273)**

Power back-up must be provided for Fire Life Safety (FLS) systems only. [304081] Chỉ cung cấp nguồn điện dự phòng cho các hệ thống Chống cháy (FLS).

Portable generator plug in facility in main distribution system [376118] Ổ cắm phát điện di động trong cơ sở trong hệ thống phân phối chính

Where utility electrical power supply is reliable < 99.988% of time, power back-up must meet the following: [304082] Trường hợp cung cấp năng lượng điện tiện ích đáng tin cậy <99,988% thời gian, điện dự phòng phải đáp ứng như sau:

Additional electrical supply from independent electrical generation plant or from an alternative generating source. [304083] Cung cấp điện bổ sung từ nhà máy phát điện độc lập hoặc từ một nguồn phát thay thế.

The capacity of additional power supply or alternative generating source must be designed on the basis of utility supply reliability. [304085] Phải thiết kế công suất của nguồn cấp điện bổ sung hoặc nguồn phát thay thế trên cơ sở độ tin cậy cung cấp tiện ích.

Where an alternative electrical power supply is required one of the following must be provided:

[304086] Khi cần phải cung cấp nguồn điện thay thế, phải cung cấp một trong những điều sau:

Uninterrupted or emergency power supply using batteries [304087] Cung cấp điện liên tục hoặc khẩn cấp sử dụng pin

Gas or oil based generator [304089] Máy phát điện chạy bằng gas hoặc dầu

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-35 for generator/back up power selection criteria. [304090] Tham khảo Phụ lục-35 để biết các tiêu chí lựa chọn nguồn điện của máy phát/dự phòng.

Requirement for a Generator/Back up Power Yêu cầu cho một nguồn điện dự phòng/ máy phát

• Refer to Annexure-36 and 37 for a MV distribution scheme with back-up generator. [304091] Tham chiếu Phụ lục-36 và 37 để biết sơ đồ phân phối MV với máy phát điện dự phòng.

Annexure 37 MV Distribution with essential load backup Annexure 36 MV Distribution with complete power backup

Phụ lục 37 Phân phối MV với tải dự phòng thiết yếu

Phụ lục 36 Phân phối MV với dự phòng nguồn điện hoàn chỉnh

Where a standby generator is provided it must meet the following: [304092] Khi cung cấp một máy phát dự phòng, nó phải đáp ứng như sau:

Standby power for essential services must be available within 15 seconds of the main supply failure.

[304093] Nguồn dự phòng cho các dịch vụ thiết yếu phải có sẵn trong vòng 15 giây kể từ khi nguồn cấp chính bị hỏng.

The power supply must be provided with two-way automatic change over. [304094]

Phải cung cấp nguồn điện với thay đổi tự động hai chiều

Essential services loads are defined as per Annexure-38. [304095] Tải dịch vụ thiết yếu được xác định theo Phụ lục-38.

**(Trang 274)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Description of load Mô tả tải | Essential component (%)  Thành phần chủ yếu | Load classification  Phân loại tải |
| Loading  Tải | Stair and exit signs  Biển báo cầu thnag và lối thoát | 50 | E |
| Generator room  Phòng máy phát điện | 100 | E |
| Guest room vestibule light  Chiếu sang tiền phòng phòng khách | 100 | C |
| Switchgear rooms  phòng thiết bị chuyển mạch | 100 | C |
| Engineer’s office  Văn phòng kỹ sư | 50 | C |
| Telephone switchboard room  Phòng tổng đài điện thoại | 100 | C |
| Service area  Khu vực dịch vụ | 20 | C |
| General Manager’s office  Văn phòng Tổng Giám đốc | 1 light only  Chỉ 1 đèn | C |
| Department Head’s offices  văn phòng Trưởng Bộ phận | 1 light only  Chỉ 1 đèn | C |
| Walk-in fridges/ freezers and cold rooms including refrigeration plant  Tủ lạnh lớn và các phòng lạnh bao gồm máy làm lạnh | 100 | C |
| Main plant rooms  phòng máy chính | 20 | C |
| Reception  Quầy lễ tân | 50 | C |
| Security office  Văn phòng an ninh | 100 | C |
| Elevator machine rooms  phòng máy thang máy | 20 | C |
| Guest room corridors  hành lang phòng khách | 20 | C |
| Public areas  khu vực công cộng | 20 | C |
| Elevator car lighting  Chiếu sang khoang thang máy | 100 | C |
| Kitchens nhà bếp | 50 | C |
| IT rooms Phòng CNTT | 50 | C |
| Health Club Câu lạc bộ sức khỏe | 50 | C |
| Disabled guest bedrooms Phòng ngủ cho khách khuyết tật | 100 | C |

Notes to table: Chú thích:

E: Essential Load (Life Safety) Tải thiết yếu (Chống cháy)

C: Critical Load (Hotel Operation) Tải trọng tới hạn (Vận hành khách sạn)

O: Other designated load (desirable for operation) Tải chỉ định khác (mong muốn cho vận hành)

**(Trang 275)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Description of load Mô tả tải | Essential component (%)  Thành phần chủ yếu | Load classification  Phân loại tải |
| Life safety systems  hệ thống chống cháy | 100 | E |
| Security system  Hệ thống an ninh | 100 | C |
| Sump pumps  bơm hút nước | 100 | C |
| Sewage pumps  Máy bơm nước thải | 100 | C |
| Kitchen hood extract fans  Quạt hút chụp nhà bếp | 100 | C |
| Computer equipment not connected via UPS  Thiết bị máy tính không kết nối qua UPS | 100 | C |
| Computer & Telephone Room Air Conditioning  Điều hòa nhiệt độ phòng điện thoại & máy tính | 100 | C |
| Point of sale terminals not connected via UPS  thiết bị đầu cuối POS không kết nối qua UPS | 100 | C |
| UPS system Hệ thống UPS | 100 | C |
| Fire pumps  bơm chữa cháy | 100 | E |
| Smoke control/ staircase pressurization fans  Quạt áp suất cầu thang/ kiểm soát khói | 100 | E |
| Aircraft warning lights  Chiếu sáng máy bay cảnh báo | 100 | E |
| Sewage disposal plant & pumps  Bơm & khu xử lý rác thải | 100 | C |
| Computer and Telephone Room Air Conditioning  Điều hòa không khí phòng điện thoại và máy tính | 100 | C |
| Cold Water Pressure Pumps  Bơm áp suất máy lạnh | 100 | C |
| Air compressors for pneumatic controls (if applicable)  Máy nén khí để điều khiển khí nén (nếu có) | 100 | C |
| PA System  Hệ thống PA | 100 | E |
| Selected elevator for Fire Fighting were provided  Cung cấp thang máy được lựa chọn để Chữa Cháy | 1 only chỉ 1 | E |
| Telephone system  Hệ thống điện thoại | 100 | C |
| Generator fuel pumps  Bơm nhiên liệu máy phát điện | 100 | E |
| Kitchen Equipment  Thiết bị nhà bếp | 30 | C |
| Refrigeration Cold Rooms  Phòng Lạnh Máy Lạnh | 100 | C |
| Cold Water Pressure Pumps  bơm áp suất nước lạnh | 100 | C |

Electrical systems must be designed to allow for the following power increases: [304121] Thiết kế hệ thống điện kế để cho phép tăng công suất sau:

Kitchens: 25% [304122] Bếp: 25%

Conference/Banqueting: 25% [304123] Hội nghị/Tiệc: 25%

Fitness facilities: 25% [304124] Cơ sở fitness: 25%

Main Board: 25% [304125] Bộ mạch chủ: 25%

Local power distribution panels: 25% [304126] Bảng phân phối điện địa phương: 25%

Electrical system design must provide the following human safety systems: [304131] Thiết kế hệ thống điện phải cung cấp các hệ thống an toàn như sau:

Earthing [304132] Nối đất

Lightning protection [304133] Chống sét

Electrical load calculation for the building must meet the following: [304134] Tính toán tải điện cho tòa nhà phải đáp ứng như sau

**(Trang 276)**

Based on design criteria as per illustration in Annexure-39. [304135] Dựa trên các tiêu chí thiết kế theo minh họa trong Phụ lục-39

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Area  Khu vực | LPD (w/m2)  (Ashrae 90.1) | Power (w/m2)  Nguồn điện (w/m2) | W/m2 (max)  W/m2 (tối đa) |
| Ballroom Phòng ballroom |  |  |  |
| Exhibition  Triểm lãm |  |  |  |
| Assembly  Phòng họp |  |  |  |
| Main Entrance Lobby  Sảnh Lối Vào Chính |  |  |  |
| Lobby |  |  |  |
| Guestroom  Phòng khách |  |  |  |
| Restaurants  nhà hàng |  |  |  |
| Meeting Rooms  phòng họp |  |  |  |
| Coffee Shop  Cửa hang cà phê |  |  |  |
| Lounge  Phòng lounge |  |  |  |
| Night Club  Câu lạc bộ ban đêm |  |  |  |
| Bar  Quán bar |  |  |  |
| Public Corridors  hành lang công cộng |  |  |  |
| Guest Corridors  hành lang cho khách |  |  |  |
| Service Corridors  hành lang dịch vụ |  |  |  |
| Foyer tiền sảnh |  |  |  |
| Front Desk quầy lễ tân |  |  |  |
| Offices văn phòng |  |  |  |
| Kitchen Bếp |  |  |  |
| Laundry Work area  khu vực giặt là |  |  |  |
| Valet  Hầu phòng |  |  |  |
| Housekeeping area  Khu vực buồng phòng |  |  |  |
| Workshop |  |  |  |
| Service rooms  phòng dịch vụ |  |  |  |
| Machine Rooms  phòng máy |  |  |  |
| Employees Lockers  tủ đựng cho nhân viên |  |  |  |
| Storage  tủ đựng |  |  |  |
| Concessionary Outlets  quầy nhượng quyền |  |  |  |
| Telephone switchboard room  Phòng tổng đài điện thoại |  |  |  |
| Public Toilets  nhà vệ sinh công cộng |  |  |  |

Electrical services must meet the following: [304172] Dịch vụ điện phải đáp ứng như sau:

Provision depending on area of the hotel as per Annexure-42.1 [304173] Cung cấp tùy thuộc vào diện tích của khách sạn theo Phụ lục-42.1

**(Trang 277)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Electrical services by area  dịch vụ điện theo diện tích | | | | | | |
| Location  Vị trí | Light switching  Công tắc đèn | | | | Emergency lighting  Chiếu sang khẩn cấp | Power for equipment & general cleaning  Nguồn điện cho thiết bị và dọn dẹp chung |
| Local  Địa phương | Manual  Thủ công | Auto  Tự động | Loose remote  Điều khiển từ xa |
| Public Areas, Lift Lobbies/ Reception  khu vực công cộng, Sảnh thang máy/ Quầy lễ tân |  |  | Day/ night + 4 channel dimming  Ngày/ đêm + đèn dimming 4 kênh |  |  |  |
| Restaurant  Nhà hàng |  |  | Day/ night + dimming to suit interiors  Ngày/ đêm + đèn dimming phù hợp với nội thất |  |  |  |
| Bar  Quầy bar |  |  | Day/ night + dimming to suit interiors  Ngày/ đêm + đèn dimming phù hợp với nội thất |  |  |  |
| Meeting rooms & Foyer  phòng họp & tiền sảnh |  |  | Dimming + Lighting control  Đèn dimming + điều khiển chiếu sáng |  |  |  |
| Ballrooms, Banqueting room, Lecture Theaters & exhibition area  phòng ballroom, phòng tiệc, khu vực thuyết trình  & triển lãm |  |  | Dimming  Đèn dimming |  |  | Inc. flush floor boxes at desks  ổ cắm âm sàn phẳng inc. tại bàn làm việc |
| Health club reception/ dry areas  Câu lạc bộ sức khỏe  Lễ tân/ khu vực khô ráo |  |  | Dimming  Đèn dimming |  |  | Inc. flush floor boxes at desks  ổ cắm âm sàn phẳng inc. tại bàn làm việc |
| Health club wet/ change  Câu lạc bộ sức khỏe  Khu vực ướt/ thay đồ |  |  | Dimming  Đèn dimming |  |  | IP44 or IP65 as needed  IP44 hoặc IP65 nếu cần |
| Health club activity areas  khu vực hoạt động câu lạc bộ sức khỏe |  |  | Dimming  Đèn dimming |  |  | IP44 or IP65 as needed  IP44 hoặc IP65 nếu cần |
| Shops  cửa hàng |  |  | Day/ night + Dimming  Ngày/ đêm + đèn dimming |  |  |  |
| Business centre  Trung tâm dịch vụ văn phòng |  |  | Dimming ++ Lighting control  Đèn dimming ++ điều khiển chiếu sáng |  |  |  |
| Offices  văn phòng |  |  |  |  |  |  |
| Public Restrooms Toilet công cộng  phòng vệ sinh công cộng |  |  |  |  |  | PIR control for urinals  Điều khiển PIR cho bô tiểu |

Provision depending on area of the hotel as per Annexure-42.2 [386057] Cung cấp tùy thuộc vào diện tích của khách sạn theo Phụ lục-42.2

**(Trang 278)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Electrical services by area  dịch vụ điện theo diện tích | | | | | | |
| Location  Vị trí | Light switching  Công tắc đèn | | | | Emergency lighting  Chiếu sang khẩn cấp | Power for equipment & general cleaning  Nguồn điện cho thiết bị và dọn dẹp chung |
| Local  Địa phương | Manual  Thủ công | Auto  Tự động | Loose remote  Điều khiển từ xa |
| BOH General  BOH Chung |  |  |  |  |  |  |
| Laundry Giặt là  Giặt là |  | IP65 lights  Đèn IP65 |  |  |  | Flex connections to equipment |
| Kitchen/ Food preparation area  Bếp/ khu vực chuẩn bị đồ ăn |  | Easy clean  Dễ làm sạch |  |  |  | Insectocutor fixed equipment with IP54 isolator |
| Staff Dining/ Change Room  Nhân Viên Ăn Uống/ Phòng Thay Đồ |  |  |  |  |  |  |
| Circulation  Lưu thông |  |  | 50% night  50% đêm |  |  |  |
| Linen/ Housekeeping  Vải/ Buồng phòng |  |  |  |  |  |  |
| Service/ Delivery  Dịch vụ/ vận chuyển |  |  |  |  |  |  |
| Guest rooms  phòng khách |  | Refer std layout  Tham chiếu sơ đồ std |  |  |  | Refer std layout  Tham chiếu sơ đồ std |
| Corridors  hành lang |  |  | Day/ night + lighting control  Ngày/ đêm + điều khiển chiếu sáng |  |  |  |
| Workshops  workshop |  |  |  |  |  | Three phase  Giai đoạn 3 |
| Plant rooms  phòng máy |  |  |  |  |  | Three phase  Giai đoạn 3 |
| External  Bên ngoài |  |  | Timer control  Điều chỉnh thời gian |  | Escape/ Access Routes  Lối thoát/ lối đi | Three phase  Giai đoạn 3 |
| Control rooms  phòng điều khiển |  |  | Dimming  Đèn dimming |  | Escape/ Access Routes  Lối thoát/ lối đi |  |

Provision depending on area of the hotel as per Annexure-42.3 [386058]

Cung cấp tùy thuộc vào diện tích của khách sạn theo Phụ lục-42.3

**(Trang 279)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Electrical services by area  dịch vụ điện theo diện tích | | | | | | |
| Location  Vị trí | Special finishes for switch plate & outlets  Hoàn thiện đặc biệt cho bảng công tắc điện & ổ điện | Telephone outlets  ổ cắm điện thoại | Data outlets  ổ cắm dữ liệu | TV power & aerial  Nguồn điện & ăng ten TV | CCTV | PA, music & speech with local on/ off/ auto control  PA, nhạc & lời nói có điều khiển tắt/ bật/ tự động |
| Public Areas, Lift Lobbies/ Reception  khu vực công cộng, sảnh thang máy/ quầy lễ tân |  | + payphones | Wireless hotspot |  |  |  |
| Restaurant  Nhà hàng |  |  | Wireless hotspot |  |  |  |
| Bar  Quầy bar |  |  |  |  |  |  |
| Lounge  Phòng lounge |  |  |  |  |  |  |
| Meeting rooms & Foyer  phòng họp & Tiền sảnh |  |  | Wireless hotspot |  |  |  |
| Ballrooms, Banqueting room, Lecture  Theaters & exhibition area  phòng ballrooms, phòng tiệc, khu vực phát biểu & triển lãm |  |  | Wireless hotspot |  |  |  |
| Health club reception/ dry areas  Quầy lễ tân câu lạc bộ sức khỏe/ các khu vực khô ráo |  |  |  |  |  |  |
| Health club wet/ change  khu vực thay đồ/ ướt phòng câu lạc bộ sức khỏe |  |  |  |  |  |  |
| Health club activity areas  khu vực hoạt động câu lạc bộ sức khỏe |  |  |  |  |  |  |
| Shops  cửa hàng |  |  |  |  |  |  |
| Business centre  Trung tâm dịch vụ văn phòng |  | + fax |  |  |  |  |
| Offices  văn phòng |  |  |  |  |  |  |
| Public Restrooms Toilet công cộng  phòng vệ sinh công cộng |  |  |  |  |  |  |

Provision depending on area of the hotel as per Annexure-42.4 [386059] Cung cấp tùy thuộc vào diện tích của khách sạn theo Phụ lục-42.4

**(Trang 280)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Electrical services by area  dịch vụ điện theo diện tích | | | | | | |
| Location  Vị trí | Special finishes for switch plate & outlets  Hoàn thiện đặc biệt cho bảng công tắc điện & ổ điện | Telephone outlets  ổ cắm điện thoại | Data outlets  ổ cắm dữ liệu | TV power & aerial  Nguồn điện & ăng ten TV | CCTV | PA, music & speech with local on/ off/ auto control  PA, nhạc & lời nói có điều khiển tắt/ bật/ tự động |
| BOH General  BOH Chung |  |  |  |  |  |  |
| Laundry Giặt là  Giặt là |  |  |  |  |  |  |
| Kitchen/ Food preparation area  Bếp/ khu vực chuẩn bị đồ ăn |  |  |  |  |  |  |
| Staff Dining/ Change Room  Nhân Viên Ăn Uống/ Phòng Thay Đồ |  |  |  |  |  |  |
| Circulation  Lưu thông |  |  |  |  |  |  |
| Linen/ Housekeeping  Vải/ Buồng phòng |  |  |  |  |  |  |
| Service/ Delivery  Dịch vụ/ vận chuyển |  |  |  |  |  |  |
| Guest rooms  phòng khách |  |  |  |  |  |  |
| Corridors  hành lang |  |  |  |  |  |  |
| Workshops  workshop |  |  |  |  |  |  |
| Plant rooms  phòng máy |  |  |  |  |  |  |
| External  Bên ngoài |  |  |  |  |  |  |
| Control rooms  phòng điều khiển |  |  |  |  |  |  |

Provision depending on area of the hotel as per Annexure-42.5 [386060] Cung cấp tùy thuộc vào diện tích của khách sạn theo Phụ lục-42.5

**(Trang 281)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Electrical services by area  Dịch vụ điện theo khu vực | | | |
| Location  Vị trí | Fire Alarm & Detection  Báo động & phát hiện | Panic Alarm Disabled Alarm  Báo động khẩn cấp cho người khuyết tật | POS |
| Public Areas, Lift Lobbies/ Reception  khu vực công cộng, Sảnh thang máy/ Quầy lễ tân |  |  |  |
| Restaurant  Nhà hàng |  |  |  |
| Bar  Quầy bar |  |  |  |
| Meeting rooms & Foyer  phòng họp & tiền sảnh |  |  |  |
| Ballrooms, Banqueting room, Lecture Theaters & exhibition area  phòng ballroom, phòng tiệc, khu vực thuyết trình  & triển lãm |  |  |  |
| Health club reception/ dry areas  Câu lạc bộ sức khỏe  Lễ tân/ khu vực khô ráo |  |  |  |
| Health club wet/ change  Câu lạc bộ sức khỏe  Khu vực ướt/ thay đồ |  |  |  |
| Health club activity areas  khu vực hoạt động câu lạc bộ sức khỏe |  |  |  |
| Shops  cửa hàng |  |  |  |
| Business centre  Trung tâm dịch vụ văn phòng |  |  |  |
| Offices  văn phòng |  |  |  |
| Public Restrooms Toilet công cộng  phòng vệ sinh công cộng |  |  |  |
| Public Areas, Lift Lobbies/ Reception  khu vực công cộng, Sảnh thang máy/ Quầy lễ tân |  |  |  |
| Restaurant  Nhà hàng |  |  |  |
| Bar  Quầy bar |  |  |  |
| Meeting rooms & Foyer  phòng họp & tiền sảnh |  |  |  |
| Ballrooms, Banqueting room, Lecture Theaters & exhibition area  phòng ballroom, phòng tiệc, khu vực thuyết trình  & triển lãm |  |  |  |
| Health club reception/ dry areas  Câu lạc bộ sức khỏe  Lễ tân/ khu vực khô ráo |  |  |  |
| Health club wet/ change  Câu lạc bộ sức khỏe  Khu vực ướt/ thay đồ |  |  |  |
| Health club activity areas  khu vực hoạt động câu lạc bộ sức khỏe |  |  |  |
| Shops  cửa hàng |  |  |  |
| Business centre  Trung tâm dịch vụ văn phòng |  |  |  |
| Offices  văn phòng |  |  |  |
| Public Restrooms Toilet công cộng  phòng vệ sinh công cộng |  |  |  |
| BOH General  BOH Chung |  |  |  |
| Laundry Giặt là  Giặt là |  |  |  |
| Kitchen/ Food preparation area  Bếp/ khu vực chuẩn bị đồ ăn |  | Cooking  Nấu ăn |  |
| Staff Dining/ Change Room  Nhân Viên Ăn Uống/ Phòng Thay Đồ |  |  |  |
| Circulation  Lưu thông |  |  |  |
| Linen/ Housekeeping  Vải/ Buồng phòng |  |  |  |
| Service/ Delivery  Dịch vụ/ vận chuyển |  |  |  |
| Guest rooms  phòng khách | Flashing light disabled  Chiếu sang flash cho người khuyết tật | Disabled rooms only  Chỉ các phòng cho người khuyết tật | Bar Fridge  Tủ lạnh bar |
| Corridors  hành lang |  |  |  |
| Workshops  workshop |  |  |  |
| Plant rooms  phòng máy |  |  |  |
| External  Bên ngoài |  |  |  |
| Control rooms  phòng điều khiển |  |  |  |

Earthing and bonding must meet the following: [304184] Nối đất và liên kết phải đáp ứng như sau:

Ensure safe disconnection of the electrical supply under fault condition [304185] Đảm bảo ngắt kết nối nguồn điện an toàn trong điều kiện lỗi

Clean earth must be provided to the technology equipment room. [304186] Phải cung cấp hệ thống clean earth cho phòng thiết bị công nghệ.

Entire earthing system must be designed to maintain a maximum 1 ohm resistivity. [304187] Phải thiết kế toàn bộ hệ thống tiếp đất để duy trì điện trở suất tối đa 1 ohm.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Electrical -> Substation Design

Hành trình xây dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Thiết kết trạm biến áp

An electrical substation must be provided and meet the following: [304096] Phải cung cấp một trạm biến áp điện và đáp ứng như sau:

Medium Voltage Panel (MV Panel), Transformer, Generator and LV panel must be located together near load centre. [304097] Bảng điều khiển trung áp (Bảng điều khiển MV), máy biến áp, máy phát và tấm LV phải được đặt cùng nhau gần trung tâm tải.

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 282)**

• Centralized substations are recommended. [304098]

Khuyến nghị các trạm trung tâm.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Electrical -> Transformer

Hành Trình Xây dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Điện -> Máy biến áp

Transformers must be provided and meet the following: [304099] Phải cung cấp máy biến áp và đáp ứng như sau:

Cover 100% of maximum peak demand. [304100] Gồm 100% tối đa nhu cầu cao điểm.

Guidelines Hướng Dẫn

• Two transformers at 50% each of the maximum peak demand are preferred. [304101] Ưu tiên hai máy biến áp ở mức 50% mỗi nhu cầu cao điểm tối đa.

The transformer room must meet the following: [304102] Phòng máy biến áp phải đáp ứng như sau:

Accessible at all times [304103] Luôn cho phép truy cập

Access must be from a back of house area. [304104] Lối vào phải từ khu vực BOH.

Locked and secured at all times. [304105] Luôn khóa và an toàn.

Transformers must be selected from one of the following types: [304106] Phải chọn máy biến áp từ một trong các loại sau:

Cast resin [304107] Nhựa đúc

Sealed silicon filled [304108] Đổ đầy silicon kín

Oil filled [304109] Đổ đầy dầu

Guidelines Hướng Dẫn

• Dry type transformers are recommended. [304110] Khuyến nghị các máy biến áp loại khô.

Oil type transformers for outdoor installation must meet the following: [304111]

Máy biến áp loại dầu để lắp đặt ngoài trời phải đáp ứng như sau:

Transformer must be located in open space. [304112] Máy biến áp phải được đặt trong không gian mở.

Naturally ventilated [304113] Thông gió tự nhiên

Oil soak pit must be provided to collect overflow or seepage of transformer oil. [304114]

Phải được cung cấp hố ngâm dầu để thu dầu tràn hoặc thấm dầu biến áp.

Oil type transformers for indoor installation must meet following: [304115] Máy biến áp loại dầu để lắp đặt trong nhà phải đáp ứng như sau:

FM approved bio-degradable, natural ester based oil of low flammability when tested per ASTM D-92 with a flash point greater than 300°C. [304116] Phân hủy sinh học được FM phê duyệt, dựa trên ester tự nhiên không dễ cháy khi được thử nghiệm theo tiêu chuẩn ASTM D-92 với điểm chớp cháy hơn 300 ° C.

Oil must be specifically designed for use in oil filled transformers. [304117] Phải thiết kế cụ thể dầu để sử dụng trong các máy biến áp chạy dầu.

Transformer room with spill containment [304118] Phòng máy biến áp có ngăn tràn

Transformer room constructed as a two hour fire rated compartment with 90 minutes fire rated doors.

[304119] Phòng máy biến áp được xây dựng như một khoang chống cháy hai giờ với cửa ra vào chống cháy 90 phút.

Where the transformer room requires mechanical cooling, the cooling equipment must be external to the room for maintenance. [304120] Trường hợp phòng máy biến áp cần làm mát cơ học, thiết bị làm mát phải ở bên ngoài phòng để bảo trì.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Electrical -> Distribution System

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Điện -> Hệ Thống Phân Phối

Installation of electrical distribution cables, fuse boards and distribution panels must meet the following: [304127]

Lắp đặt cáp phân phối điện, bảng cầu chì và bảng phân phối phải đáp ứng các yêu cầu sau:

New Build Thi Công Mới

**(Trang 283)**

Access must be in back of house. [304128] Lối vào phải tại khu vực BOH.

Accessible at all times. [304129] Luôn cho phép truy cập.

Locked and secured at all times. [304130] Luôn có khóa và an toàn.

The electrical distribution system must meet the following: [304136]

Hệ thống phân phối điện phải đáp ứng như sau:

All electrical equipment must be installed in dedicated secured rooms and/or cupboards. [304137] Phải lắp đặt tất cả các thiết bị điện trong phòng và/hoặc tủ bảo mật chuyên dụng.

Extra low voltage distribution systems must be physically separated from the main distribution systems.

[304138] hệ thống phân phối điện áp cực thấp phải được tách biệt về mặt vật lý với các hệ thống phân phối chính.

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-40 for typical electrical distribution systems. [304139]

Tham chiếu Phụ lục-40 để xem các hệ thống phân phối điện điển hình.

Annexure-40 for typical electrical distribution systems

Phụ lục-40 cho các hệ thống phân phối điện điển hình

The electrical distribution system must include the following: [304140] Hệ thống phân phối điện phải bao gồm:

Main distribution panel(s) [304141] (Các) bảng phân phối chính

Sub-main distribution panel(s) [304142] (Các) bảng phân phối phụ

Automatic power factor correction system with detuned reactor. [304143]

Hệ thống điều chỉnh hệ số công suất tự động với cuộn kháng.

Containment distribution system [304144] Hệ thống phân phối ngăn chặn

Low voltage cables and bus duct [304145] Cáp điện áp thấp và ống dẫn

Automatic power factor correction systems with detuned reactor must meet the following: [304146]

Hệ thống hiệu chỉnh hệ số công suất tự động với cuộn kháng phải đáp ứng như sau:

Minimum power factor of project 0.98 [304147] Hệ số công suất tối thiểu của dự án 0.98

Total Harmonic Distortion (THD) of up to 10% [304148] Tổng độ méo sóng hài (THD) lên tới 10%

Electrical distribution boards and distribution panels must not be installed in the following areas:

[304149] Không lắp đặt bảng phân phối điện và tấm phân phối trong các khu vực sau:

Kitchens [304150] Nhà bếp

Corridors [304151] Hành lang

Public and guest facing areas [304152] khu vực có khách và công cộng

Fire escape stairs [304153] cầu thang thoát hỏa hoạn

Laundry facilities [304154] cơ sở giặt là

Any wet areas [304155] Tất cả các khu vực ướt

Sub-main switchboards must be provided to serve the following specific load distribution centres:

[304156] Phải cung cấp các bảng chuyển mạch phụ để phục vụ các trung tâm phân phối tải cụ thể sau:

Front of house lighting and power [304157] Chiếu sang và nguồn điện khu vực FOH

Back of house lighting and power [304158] Chiếu sang và nguồn điện khu vực BOH

Kitchens [304159] Nhà bếp

Food and beverage outlets [304160] ổ điện F&B

**(Trang 284)**

Conference and banquet facilities [304161] cơ sở tiệc và hội nghị

Laundry [304162] Giặt là

Fitness and recreation facilities [304163] cơ sở giải trí và fitness

Meeting facilities [304164] cơ sở phòng họp

Concessionary outlets [304165] cửa hàng nhượng quyền

Guest room blocks [304166] các khối phòng khách

Service lifts [304167] thang máy dịch vụ

Guest lifts [304168] thang máy cho khách

Mechanical services [304169] dịch vụ cơ khí

Sub main distribution cable length must not exceed 50 meters. [304170]

Chiều dài cáp phân phối chính phụ không được vượt quá 50 mét.

Sub main distribution must be arranged to limit the failure of any single item of equipment or section within the system. [304171] Phải bố trí phân phối chính phụ để hạn chế sự cố của bất kỳ thiết bị hoặc bộ phận nào trong hệ thống.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Electrical -> Uninterruptible or Emergency Power

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Điện -> Nguồn điện liên tục hoặc khẩn cấp

Supply Cung cấp

The following systems must be provided with un-interruptible or emergency power supply: [304174]

Phải cung cấp các hệ thống sau với nguồn điện không bị gián đoạn hoặc khẩn cấp:

Hotel ‘IT’ Systems (30 minutes) [304175] Hệ thống “CNTT” của khách sạn (30 phút)

Emergency Lighting (60 minutes) [304176] Chiếu sáng khẩn cấp (60 phút)

Telephone System (4 hours) [304177] Hệ thống điện thoại (4 giờ)

Building Management System (24 hours) [304178] Hệ thống quản lý tòa nhà (24 giờ)

Security Systems (24 hours) [304179] Hệ thống an ninh (24 giờ)

Fire Alarm (24 hours standby/one hour operation) [304180] Báo cháy (dự phòng 24 giờ/hoạt động một giờ)

Voice Evacuation System (24 hours standby/one hour operation) [304181] Hệ thống sơ tán bằng giọng nói (dự phòng 24 giờ/hoạt động một giờ )

The system must be sized to accommodate a minimum of 25% spare capacity. [304182] Hệ thống phải có kích thước phù hợp với công suất dự phòng tối thiểu 25%.

The un-interruptible supply system's battery autonomy must be sufficient for a minimum of 20 minutes at full load. [304183] Pin của hệ thống cung cấp không bị gián đoạn phải nạp đủ tối thiểu 20 phút khi đầy tải.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Electrical -> Lightning Protection

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sỏ -> Cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Điện -> Chống sét

A lightning protection system must be provided and meet the following: [304188]

Phải cung cấp hệ thống chống sét và đáp ứng như sau:

Provide protection for the occupants, building structure and contents in the event of a lightening strike. Cung cấp bảo vệ cho người ở, thành phần và cấu trúc tòa nhà và trong trường hợp set đánh.

[304192

Early streamer lightning protection systems are not permitted. [304193]

Cho phép các hệ thống chống sét phát xạ sớm.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Electrical -> Surge Protection Devices

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sỏ -> Cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Điện -> thiết bị chống sét

**(Trang 285)**

Surge protection devices must be provided to the following: [304194]

Phải cung cấp các thiết bị chống sét như sau:

Cold rooms [304195] phòng lạnh

Freezers [304196] các máy làm lạnh

Building Management System (BMS) [304197] Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS)

Uninterruptible Power Supply (UPS) [304198] Nguồn cung cấp điện liên tục (UPS)

Technology equipment room and server [304199] Phòng và máy chủ thiết bị công nghệ

Fire alarm systems [304200] Hệ thống báo cháy

Public address systems [304201] Hệ thống âm thanh công cộng

All Extra-Low-Voltage (ELV) systems [371061] Tất cả các hệ thống điện áp cực thấp (ELV)

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Electrical -> Guest Room

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Điện -> Phòng khách

Guestroom electrical systems must be provided and meet the following: [304202]

Phải cung cấp hệ thống điện phòng khách và đáp ứng như sau:

Separate distribution board for every guestroom [304203] Bảng phân phối riêng cho mỗi phòng khách

Intelligent room control system [304204] Hệ thống điều khiển phòng thông minh

Integrated room automation system telling real-time guest status of a room [304205] Hệ thống tự động hóa phòng tích hợp cho biết tình trạng của khách trong phòng tại thời điểm thực.

Digital thermostats for precise temperature control [304206] Bộ điều nhiệt kỹ thuật số để kiểm soát nhiệt độ chính xác

Where make-up-room indicators are provided they must be discreet. [304207]

Trường hợp cung cấp các chỉ số phòng bổ sung, chúng phải kín đáo.

Do-Not-Disturb buttons where provided must disable door bells. [304208]

Nút Không-Làm-Phiền nếu có phải vô hiệu hóa chuông cửa.

It is recommended to connect the guestroom electrical controls via a network to the server with proprietary software in order to interface the controls with the Property Management System (PMS) for monitoring and operations. [304209] Nên kết nối các điều khiển điện của phòng khách qua mạng với máy chủ bằng phần mềm độc quyền để liên kết các điều khiển với Hệ thống quản lý tòa nhà (PMS) để theo dõi và vận hành.

Refer to Annexure-46 for typical guestroom electrical requirements and installation details. [304210] Tham chiếu Phụ lục-46 để biết các yêu cầu điện điển hình của phòng khách và chi tiết lắp đặt.

Annexure-46 Typical guest room electrical requirements Phụ lục-46 yêu cầu điện phòng khách điển hình

The intelligent guestroom control must meet the following: [304211]

Điều khiển phòng khách thông minh phải đáp ứng các điều sau:

Presence detector (PR) and interface/sensor at entrance door for switching off room lighting. [304212] Máy dò hiện diện (PR) và giao diện/cảm biến ở cửa ra vào để tắt đèn phòng.

Balcony door and window contacts linked to fan coil unit control/cut-out switch [304213]

Tiếp xúc cửa ban công và cửa sổ liên kết với công tắc điều khiển/cắt ra của bộ giàn quạt lạnh

Control the fan coil unit during unoccupied and vacant periods. [304214]

Điều khiển thiết bị bộ giàn quạt lạnh trong lúc không có khách

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Electrical -> Lighting

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Điện -> Chiếu sáng

Lighting must be provided and meet the following: [304215]

Phải cung cấp ánh sáng và đáp ứng như sau:

**(Trang 286)**

Public areas [304216] khu vực công cộng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Area  Khu vực | Location  Vị trí | Maintained Illuminance (LUX)  Độ rọi duy trì (LUX) | Working Plane  Mặt bằng làm việc | Fitting type  Loại thiết bị |
| Public Areas  khu vực công cộng | Entrance Lobby – Seating Areas  Sảnh lối vào – khu vực chỗ ngồi |  | Floor level  Mức sàn |  |
| Reception – General  Quầy lễ tân - Chung |  | Floor level  Mức sàn |  |
| Reception –Registration Desk  Quầy lễ tân – Bàn đăng ký |  | 1000mm above floor  1000mm trên sàn |  |
| Reception – Working Areas  Quầy lễ tân – khu vwujc làm việc |  | 1000mm above floor 1000mm trên sàn |  |
| Cloakroom  Phòng vệ sinh |  | 500mm above floor 500mm trên sàn |  |
| Public Toilets  nhà vệ sinh công cộng |  | 500mm above floor 500mm trên sàn |  |
| Gift Shop  Cửa hàng quà tặng |  | 500mm above floor 500mm trên sàn |  |
| Corridors  hành lang |  | Floor level Mức sàn |  |
| Restaurant  Nhà hàng |  | Table top Mặt bàn |  |
| Coffee Shop  Cửa hàng cà phê |  | Table top Mặt bàn |  |
| Cocktail Lounge |  | Table top Mặt bàn |  |
| Ballrooms  phòng ballrooms |  | Table top Mặt bàn |  |
| Pre-Function Foyer  Tiền Sảnh Pre-Function |  | Floor level Mức sàn |  |
| Function Room  Phòng Chức năng |  | Table top Mặt bàn |  |
| Bar  Quầy bar |  | Table top Mặt bàn |  |
| Housekeeping  Buồng phòng |  | Floor level Mức sàn |  |
| Lounge – General  Phòng lounge - Chung |  | Floor level  Mức sàn |  |
| Lounge – Function Areas  Phòng Lounge - khu vực chức năng |  | Table top – dimmed  Mặt bàn – đèn mờ |  |
| Meeting Rooms  phòng họp |  | Table top – dimmed  Mặt bàn – đèn mờ |  |
| Stairwell-accommodation  Cầu thang – chỗ ở | Min day 150  Ngày tối thiểu 150 | Floor level  Mức sàn |  |
| Min night 100  Đêm tối thiểu 100 |  |
| Stairwells – escape  Cầu thang – lối thoát |  | Floor level  Mức sàn |  |
| Business Centre  Trung tâm dịch vụ văn phòng |  | Table top – dimmed  Mặt bàn – đèn mờ |  |
| Lifts Thang máy |  | Floor level  Mức sàn |  |
| Stairwells Cầu thang |  | Floor level  Mức sàn |  |

Guest areas [304217] khu vực cho khách

**(Trang 287)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Area  Khu vực | Location  Vị trí | Maintained Illuminance (LUX)  Độ rọi duy trì (LUX) | Working Plane  Mặt bằng làm việc | Fitting type  Loại thiết bị |
| Guest Areas  khu vực phòng khách | Bedrooms – General  Phòng ngủ - Chung |  | Floor level  Mức sàn |  |
| Bedrooms – Sleeping area  Phòng ngủ - khu vực ngủ |  | Beside table top  Bên cạnh mặt bàn |  |
| Bedrooms – Desk area  Phòng ngủ - khu vực bàn làm việc |  | Table top  Mặt bàn |  |
| Bedrooms – Activity areas  Phòng ngủ - các khu vực hoạt động |  | Table top  Mặt bàn |  |
| Bedrooms – TV/ drawer unit  Phòng ngủ - thiết bị Tv/ ngăn kéo |  | Table top  Mặt bàn |  |
| Bathrooms – General  Phòng tắm - Chung |  | Floor level  Mức sàn | Low energy/ decorative  Năng lượng thấp/ trang trí |
| Bathrooms – bath area  phòng tắm – khu vực tắm |  | 1m above floor  1m trên sàn | Low energy  Năng lượng thấp |
| Bathrooms – vanity areas  Phòng tắm – khu vực trang điểm |  | Vanity unit top  Mặt quầy trang điểm | Low energy  Năng lượng thấp |
| Corridors  hành lang | Min day 150  Ngày tối thiểu 150 | Floor level mức sàn |  |
| Min night 100  Đêm tối thiểu 100 |  |

Fitness and recreation areas [304218] khu vực giải trí và fitness

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Area  Khu vực | Location  Vị trí | Maintained Illuminance (LUX)  Độ rọi duy trì (LUX) | Working Plane  Mặt bằng làm việc | Fitting type  Loại thiết bị |
| Recreation Areas  khu vực giải trí | Health Club – Recreational  Câu lạc bộ sức khỏe – Giải trí |  | 1000mm above floor  1000mm trên sàn |  |
| Fitness Facility – General  Cơ sở fitness - chung |  | Floor level  Mức sàn |  |
| Health Club – Reception  Câu lạc bộ sức khỏe – Quầy lễ tân |  | Table top  Mặt bàn |  |
| Health Club – Food & Beverage areas  Câu lạc bộ sức khỏe - các khu vực F&B |  | Table top  Mặt bàn |  |
| Health Club - Changing  Câu lạc bộ sức khỏe – Thay đồ |  | Floor level  Mức sàn |  |
| Fitness Rooms  phòng fitness |  | Floor level  Mức sàn |  |
| Massage/ Solarium/ Sauna/ Jacuzzi  Massage/tắm nắng/tắm hơi/bể sục |  | 100mm above floor  100mm trên sàn |  |
| Indoor Swimming Pool  Bể bơi trong nhà |  | Pool Deck  Sàn bể |  |

Back of house areas [304219] các khu vực BOH

**(Trang 288)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Area  Khu vực | Location  Vị trí | Maintained Illuminance (LUX)  Độ rọi duy trì (LUX) | Working Plane  Mặt bằng làm việc | Fitting type  Loại thiết bị |
| Back of House areas  khu vực BOH | Offices văn phòng |  | 1000m above floor  1000m trên sàn |  |
| Laundry Giặt là |  | Floor level Mức sàn | F Covered  F bao gồm |
| Housekeeping/ linen  Buồng phòng/ vải |  | Floor level  Mức sàn | F Covered  F bao gồm |
| Kitchen general  Nhà bếp |  | Work surfaces  Bề mặt làm việc | F Covered  F bao gồm |
| Kitchen pastry  Khu vực pantry nhà bếp |  | Work surfaces  Bề mặt làm việc |  |
| Kitchen prep/ finish  Chế biến/ hoàn thiện nhà bếp |  | Work surfaces  Bề mặt làm việc |  |
| White Wine and Beer Store  Cửa hàng bia và rượu trắng |  | Work surfaces  Bề mặt làm việc |  |
| Staff Dining  Ăn uống nhân viên |  | Table top  Mặt bàn |  |
| Staff Kitchen  Bếp cho nhân viên |  | Work surfaces  Bề mặt làm việc | F Covered  F bao gồm |
| Staff Changing  Nhân viên thay đồ |  | Floor level  Mức sàn |  |
| Workshops  workshop |  | 1000m above floor  1000m trên sàn |  |
| Plant Rooms  phòng máy |  | 1000m above floor  1000m trên sàn |  |

External areas [304220]

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Area  Khu vực | Location  Vị trí | Maintained Illuminance (LUX)  Độ rọi duy trì (LUX) | Working Plane  Mặt bằng làm việc | Fitting type  Loại thiết bị |
| External Areas  khu vực bên ngoài | Pathways/ Parking  Đường đi/ đỗ xe | 50-200 max at corners/ non-circulation space  Tối đa 50-200 tại các góc/không gian không lưu thông | Ground level  Mức sàn |  |
| Covered/ Underground Parking  Đỗ xe hầm/ có mái che |  | Ground level  Mức sàn |  |
| Outdoor Pools  bể bơi ngoài trời |  | Pool Deck  Sàn bể |  |

Energy efficient lighting must be provided in the entire hotel. [304221]

Phải cung cấp ánh sáng hiệu quả năng lượng trong toàn bộ khách sạn.

Guidelines Hướng Dẫn

• Explanatory notes for tables [386061] chủ giải cho bảng biểu

**(Trang 289)**

|  |  |
| --- | --- |
| \* | Includes chandeliers, wall brackets, etc, decorative effect lighting  Bao gồm đèn chùm, giá treo tường, vv, ánh sáng hiệu ứng trang trí |
| # | Subject to special lighting effects/ local decorative lighting.  Tùy thuộc vào hiệu ứng ánh sáng đặc biệt/ánh sáng trang trí địa phương. |
| I | Incandescent Đèn sợi đốt |
| F | Fluorescent Đèn huỳnh quang |
| CF | Compact Fluorescent Energy Saving Lamp  Đèn tiết kiệm năng lượng huỳnh quang nhỏ gọn |
| HID | High Intensity Discharge (High pressure sodium, metal halide,etc)  Xả cường độ cao (natri áp suất cao, halogen kim loại, vv) |
| CC | Cold Cathode  Ca tốt lạnh |
| LED | Lighting Emitting Diode  Điốt phát sáng |
| MV | Mecury Vapour  Đèn thủy ngân |
| LV | Low Voltage/ Halogen  Điện áp thấp/halogen |
| Note 1:  Lưu ý 1: | All compact fluorescent (CF) and fluorescent (F) should be colour temperature 2700K instant on and a colour rendition of equal to or greater than 85 with a lumen output retention of no less than 8% of rated operating hours. All guestroom CF bulbs must be dimmable. Tất cả huỳnh quang compact (CF) và huỳnh quang (F) phải ở nhiệt độ màu 2700K bật ngay lập tức và độ hoàn màu bằng hoặc lớn hơn 85 với độ giữ đầu ra của lum không dưới 8% số giờ hoạt động định mức. Tất cả các bóng đèn CF phòng khách phải được điều chỉnh độ sáng. |
| Note 2:  Lưu ý 2: | To convert Lux to Ft. Candles, divide the Lux by a factor of 10. Để chuyển đổi Lux sang Ft. Nến, chia Lux cho hệ số 10. |

Separate lighting controls must be provided for the following: [17389]

Phải cung cấp các điều khiển ánh sáng riêng biệt cho các mục sau:

Roof and external plant areas [305074] khu vực máy móc bên ngoài và mái nhà

Drive ways. [17391] Đường lái xe

Carpark [76498] Bãi đỗ xe

Delivery area. [76499] Khu vực vận chuyển

Pedestrian areas. [76500] khu vực cho người đi bộ

Building entrance. [76501] Lối vào tòa nhà

Decorative. [76502] Trang trí.

Illuminated signs and displays. [76503] Biển báo và hiển thị chiếu sáng.

Water features, artwork and sculptures. [76504] đặc trưng nước, tác phẩm nghệ thuật và điêu khắc.

Guidelines Hướng Dẫn

• Recommended to be lit from dusk to dawn. [136082] Đề nghị chiếu sang từ hoàng hôn đến bình minh.

Lighting control system must be provided and meet the following: [304222]

Phải cung cấp hệ thống điều khiển ánh sáng và đáp ứng như sau:

Dimmable high frequency control gear for all public areas requiring a dimming system. [304223]

Thiết bị điều khiển tần số cao có thể điều chỉnh độ sáng cho tất cả các khu vực công cộng cần có hệ thống làm mờ dimming.

Light level sensor and time controls for external lighting. [304224] Cảm biến mức ánh sáng và điều khiển thời gian cho chiếu sáng bên ngoài.

Time controls and motion sensors for back of house lighting [304225]

Điều khiển thời gian và cảm biến chuyển động cho ánh sáng khu vực BOH.

Occupancy sensors must be provided for the following back of house areas: [304226]

Phải cung cấp cảm biến phát hiện người cho khu vực BOH như sau:

Corridors [304227] Hành lang

Offices [304228] văn phòng

Multi occupancy spaces [304229] không gian nhiều người

**(Trang 290)**

Where LED fixtures are used, they must meet the following: [304230] Trường hợp sử dụng đèn LED, chúng phải đáp ứng như sau

Technical data sheet - Annexure-47A [304231] Bảng dữ liệu kỹ thuật - Phụ lục-47A

Annexure 47A LED fixtures Phụ lục 47A đèn LED

Where motion and thermo sensors are installed, they must be set as follows: [304232] Khi lắp đặt cảm biến chuyển động và nhiệt, chúng phải được đặt như sau:

• Turn ON the selected lights immediately. [304233] BẬT đèn đã chọn ngay lập tức.

• Turn OFF the light 15 minutes after no motion or thermal is sensed. [304234] TẮT đèn 15 phút sau khi không cảm nhận được chuyển động hoặc nhiệt.

Programmable lighting systems must be provided for the following spaces: [305066]

Phải cung cấp các hệ thống chiếu sáng lập trình cho các không gian sau:

• Lobby [305067] Sảnh

• Meeting rooms [305068] phòng họp

• Ballroom [305069] Phòng ballroom

• Prefunction area [305070] Khu vực pre-function

• Food and beverage outlets [305071] cửa hàng F&B

• Club Lounge/Executive Lounge [305072]

• System must be provided with a minimum of two pre-set scene settings. [305073] Phải cung cấp hệ thống tối thiểu hai thiết lập cảnh đặt trước.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Extra Low Voltage

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Điện áp cực thấp

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Extra Low Voltage -> General

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Điện áp cực thấp -> Chung

Extra low voltage distribution system must include the following: [305075]

Hệ thống phân phối điện áp cực thấp phải bao gồm:

Satellite Master Antenna Television System (SMATV) [305076] Hệ thống truyền hình ăng ten vệ tinh chủ (SMATV)

Telephone system [305077] Hệ thống điện thoại

Building Management System (BMS) [305078] Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS)

Lighting control systems [305079] hệ thống điều khiển ánh sáng

Underwater lighting systems [305080] hệ thống chiếu sáng dưới nước

IT systems [305081] hệ thống IT

Audio Visual System (AV) [305082] Hệ thống âm thanh hình ảnh (AV)

Security systems [305083] hệ thống an ninh

Guidelines Hướng Dẫn

It is recommended that all extra low voltage distribution systems share the same backbone cabling infrastructure. [305084] Tất cả các hệ thống phân phối điện áp thấp bổ sung nên có chung cơ sở hạ tầng cáp đường trục.

Extra low voltage systems must be segregated from mains power distribution systems. [305085]

hệ thống điện áp thấp phải được tách biệt khỏi các hệ thống phân phối điện chính.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Extra Low Voltage -> Television Cabling

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Điện áp cực thấp -> Cáp Tivi

**(Trang 291)**

Where provided the Satellite Master Antenna Television System (SMATV) must include the following:

[305086] Trường hợp được cung cấp, Hệ thống Truyền hình Ăng ten vệ tinh (SMATV) phải bao gồm như sau:

An aerial receiver system and/or a utility cable network distribution system [305087]

Hệ thống máy thu trên không và/hoặc hệ thống phân phối mạng cáp tiện ích

An internal cable distribution system for analog TV, digital TV and Internet Protocol television (IPTV)

[305088] Một hệ thống phân phối cáp nội bộ cho truyền hình analog, truyền hình kỹ thuật số và truyền hình Giao thức Internet (IPTV)

Signal amplification or booster [305089] Khuếch đại tín hiệu hoặc bộ tăng

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-43 for a typical illustration of a MATV system. [305090] Tham chiếu Phụ lục-43 để xem minh họa điển hình của hệ thống MATV.

Annexure-43 Hotel Integrated Schematic – Typical IT Provisions

Phụ lục-43 Sơ đồ tích hợp của khách sạn - Quy định CNTT điển hình

See also ID number [305093] Xem thêm số ID

Television aerial and dish installation must meet the following: [335191]

Lắp đặt ăng ten vô tuyến truyền hình và món ăn phải đáp ứng như sau:

Aerial location must be selected to provide the strongest and steadiest signal with no observable ghosting and. [335192]

Phải chọn vị trí ăng ten để cung cấp tín hiệu mạnh nhất và ổn định nhất mà không có hiện tượng bóng mờ và nhiễu tối thiểu có thể quan sát được.

Mast and satellite dishes must be bonded to the lightning protection system. [335193]

Cột và ăng ten đĩa vệ tinh phải được liên kết với hệ thống chống sét.

Installation of mast and satellite dishes must be designed to withstand a wind velocity of 100km/h (62mph) at a minimum. [335194]

Phải thiết kế lắp đặt các cột và ăng ten đĩa vệ tinh để chịu được vận tốc gió tối thiểu 100km/h (62mph).

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Extra Low Voltage -> Information Technology

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Điện áp cực thấp -> Công nghệ thông tin

Electrical services for telecommunication systems must meet the following: [305091]

dịch vụ điện cho hệ thống viễn thông phải đáp ứng như sau:

All IT equipment must be powered off a dedicated branch circuit. [305092]

Tất cả các thiết bị CNTT phải được tắt nguồn mạch nhánh chuyên dụng.

The circuit for the IT equipment must meet the following: [305093]

Mạch cho thiết bị CNTT phải đáp ứng như sau:

Equipment grounding with insulated wire conductor matching the size of the phase conductor. [305094] Thiết bị nối đất với dây dẫn cách điện phù hợp với kích thước của dây dẫn pha.

The grounding wire must be tied to a single insulated ground point at the distribution panel. [305095] Dây nối đất phải được buộc vào một điểm tiếp đất cách điện duy nhất tại bảng phân phối.

The distribution panel insulated ground point must have a grounding wire connecting to either a service ground or a suitable building ground. [305096]

Bảng phân phối điểm mặt đất cách điện phải có dây nối đất với mặt đất dịch vụ hoặc mặt đất tòa nhà phù hợp.

A minimum of 60 Amperes capacity must be provided to the IT Room with a 32 Amp fuse. [305097] Tối thiểu 60 công suất Amperes phải được cung cấp cho Phòng CNTT với cầu chì 32 Ampe.

A structured cabling system with power supplies [305098]

Một hệ thống cáp có cấu trúc với nguồn cung cấp năng lượng

A clean earth system [305099] Một hệ thống clean earth

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-43 for a typical illustration of an IT system. [305100]

Tham chiếu Phụ lục-43 để xem minh họa điển hình của hệ thống CNTT.

Annexure-43 Hotel integrated schematic – typical IT provisions

Phụ lục-43 Sơ đồ tích hợp của khách sạn – cung cấp CNTT điển hình

**(Trang 292)**

The cabling considerations for the number of RJ45 ports required for each location in hotel is illustrated in Annexure-44. [305101] Việc xem xét hệ thống cáp cho số lượng cổng RJ45 cần thiết cho từng vị trí trong khách sạn được minh họa trong Phụ lục-44.

Annexure-44 Number of RJ45 ports Phụ lục-44 Số lượng cổng RJ45

• For a typical IT room layout refer to Annexure-45. [305102]

Để xem sơ đồ phòng CNTT điển hình, hãy tham chiếu Phụ lục-45.

Annexure 45-IT Room Typical Layout

Phụ lục 45- Sơ đồ điển hình của phòng

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Extra Low Voltage -> Audio Visual

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Điện áp cực thấp -> Hệ thống AV

Performance of sound systems must meet the following: [327102]

Hiệu suất của hệ thống âm thanh phải đáp ứng như sau:

All Ballroom sound systems must be capable of producing 90 dB SPL at 1.2m (4ft) above finished floor level. [327103]

Tất cả các hệ thống âm thanh phòng Ballroom phải có khả năng tạo ra 90 dB SPL ở mức 1,2m (4ft) trên mức sàn hoàn thành.

The frequency response must be +/- 5 dB from 100 HZ to 10000 HZ throughout the audience area.

[327104] Đáp ứng tần số phải là +/- 5 dB từ 100 HZ đến 10000 HZ trên toàn bộ khu vực khán giả.

Free from audible distortion [327105] Không bị biến dạng âm thanh

Provide easily understandable articulation from any microphone position [327106]

Cung cấp khớp nối dễ hiểu từ bất kỳ vị trí micrô

All sound systems for public spaces must meet the following: [327107]

Tất cả các hệ thống âm thanh cho không gian công cộng phải đáp ứng như sau:

Be capable of producing 85 dB SPL at 1.65m (5.5ft) above finished floor level. [327108]

Có khả năng tạo ra 85 dB SPL ở mức 1,65m (5,5ft) so với mức sàn hoàn thiện.

Frequency response must be +/- 7 dB from 100 HZ to 7000 HZ [327109]

Đáp ứng tần số phải là +/- 7 dB từ 100 HZ đến 7000 HZ

Free from audible distortion [327110]

Không bị biến dạng âm thanh

Easily understood paging where provided [327111]

Gọi người dễ hiểu khi cung cấp

Placement of speakers through paths of travel must be coordinated to meet the following: [327114]

Vị trí của loa qua đường đi phải được phối hợp để đáp ứng như sau:

Maximum level deviation of +2dB, -4dB from 100Hz to 4000Hz in the direction of travel [327115]

Độ lệch mức tối đa + 2dB, -4dB từ 100Hz đến 4000Hz theo hướng di chuyển

The desired result is that the listeners must not perceive the level deviation as they travel through the area. [327116]

Kết quả mong muốn là người nghe không được cảm nhận độ lệch khi chúng đi qua khu vực.

Sound system control panels must be provided and their installation must meet the following: [329048]

Phải cung cấp bảng điều khiển hệ thống âm thanh và lắp đặt phải đáp ứng như sau:

Input/output panels must be mounted at the same height as AC power receptacles. [329049]

Phải gắn các bảng đầu vào/đầu ra ở cùng độ cao với các ổ cắm điện AC.

Volume control panels must be mounted at the same height as lighting controls unless concealment provisions dictate otherwise. [329050]

Phải gắn bảng điều khiển âm lượng ở cùng độ cao với điều khiển ánh sáng trừ khi các điều khoản che giấu khác quy định.

Controls must be readily accessible [329051] Kiểm soát phải dễ dàng truy cập

Control labelling must be readable [329052] Nhãn dán điều khiển phải có thể đọc

Sound system control panels visible to the public or guest must meet the following: [329053]

Bảng điều khiển hệ thống âm thanh hiển thị công cộng hoặc cho khách phải đáp ứng như sau:

**(Trang 293)**

Made from black anodized aluminium plate, brushed finish brass, bronze or stainless steel. [329054] Được làm từ tấm nhôm anodized đen, hoàn thiện bằng đồng thau, đồng hoặc thép không gỉ.

Minimum 3mm (0.125 inches) thick [329055] Dày tối thiểu 3 mm (0,125 inch)

Engraved labels must be directly engraved and filled in contrasting enamel [329056]

Nhãn khắc phải được khắc trực tiếp và đổ đầy vào men tương phản

Background sound systems must be provided as a minimum for the following areas: [331138]

Phải cung cấp hệ thống âm thanh nền tối thiểu cho các khu vực sau:

Lobby [331139] Sảnh

Guest Lift Lobbies [331140] Sảnh Thang Máy Cho Khách

Food and beverage outlets [331142] cửa hang F&B

Outdoor guest areas of food and beverage outlets [331143]

khu vực cho khách ngoài trời của cửa hang F&B

Fitness Facilities [331145] cơ sở fitness

Spa [331146]

Swimming pool area [331147] Khu vực bể bơi

Background sound systems must meet the following: [331148]

Hệ thống âm thanh nền phải đáp ứng như sau:

Outlets must be distributed evenly throughout the space [331149]

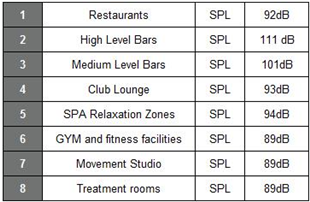
Phải phân phối các cửa hàng đều khắp không gian

Configured to automatically mute in case of emergency [331150]

Cấu hình để tự động tắt tiếng trong trường hợp khẩn cấp

Meet the design criteria as per Annexure-78 [331151]

Đáp ứng các tiêu chí thiết kế theo Phụ lục-78



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Restaurants  nhà hàng | SPL |  |
| 2 | High Level Bars  bar mức độ cao | SPL |  |
| 3 | Medium Level Bars  bar mức trung | SPL |  |
| 4 | Club Lounge | SPL |  |
| 5 | SPA Relaxation Zones  vùng nghỉ ngơi SPA | SPL |  |
| 6 | GYM and fitness facilities  GYM và các cơ sở fitness | SPL |  |
| 7 | Movement Studio  Studio vận động | SPL |  |
| 8 | Treatment rooms  phòng trị liệu | SPL |  |

Guidelines Hướng Dẫn

The system should be designed, installed and set so guests can hear a conversation at their table but not the conversations from surrounding tables. [331152]

Hệ thống nên được thiết kế, lắp đặt và cài đặt để khách hàng có thể nghe bàn luận tại bàn của họ mà không phải từ các bàn xung quanh.

Audio visual equipment must be provided for the following areas: [331153]

Thiết bị nghe nhìn phải được cung cấp cho các khu vực sau

Boardrooms [331154] phòng boardroom

Meeting rooms [331155] Phòng họp

Function rooms/ballrooms [331156] phòng chức năng/ phòng ballroom

Conference rooms [331157] phòng hội nghị

Food and beverage outlets (depending on concept) [331158]

cửa hang F&B (phụ thuộc vào ý tưởng)

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 294)**

Refer to Annexure-69 for a recommendation on minimum audio visual equipment provision depending on room type. [331159]

Tham chiếu Phụ lục-69 để biết khuyến nghị về việc cung cấp thiết bị âm thanh hình ảnh tối thiểu tùy thuộc vào loại phòng.

Annexure69 Audio Visual Guidelines Phụ lục69 Hướng dẫn AV

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Extra Low Voltage -> Emergency Annunciation

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Điện áp cực thấp -> Thông báo khẩn cấp

Where a fire alarm and voice evacuation system is provided it must meet the following: [298093]

Khi cung cấp hệ thống báo cháy và sơ tán bằng giọng nói, nó phải đáp ứng như sau:

The speech transmission index/quality must be in compliance with IEC 60268. [298094]

Chỉ số/chất lượng truyền giọng nói phải tuân thủ tiêu chuẩn IEC 60268.

Public address for function areas: STI > 0.65 [298095] Địa chỉ công cộng cho các khu vực chức năng: STI> 0,65

Public address for emergency evacuation: STI > 0.50 [298096]

Địa chỉ công cộng để sơ tán khẩn cấp: STI> 0,50

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Plumbing and Drainage

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Hệ Thống Ống Nước và Thoát Nước

A Sewage disposal system must be provided and meet the following: [285122]

Phải cung cấp một hệ thống xử lý nước thải và đáp ứng như sau:

Connected either to a local authority sewerage network or to an onsite sewerage treatment plant.

[285123] Kết nối với mạng lưới thoát nước của chính quyền địa phương hoặc với nhà máy xử lý nước thải tại chỗ.

Chlorination treatment where discharged to surface waterways or used for irrigation. [285124]

Xử lý clo hóa khi thải ra mặt nước hoặc dùng cho tưới tiêu

Provide sufficient collection, pumping and treatment to suit specific design. [285125]

Cung cấp đủ bộ sưu tập, bơm và xử lý cho phù hợp với thiết kế cụ thể.

Provided fuel interceptors in drainage of car parks prior to connection to sewer or storm water. [285126] Cung cấp thiết bị chặn nhiên liệu trong hệ thống thoát nước của bãi đậu xe trước khi kết nối với hệ thống thoát nước hoặc nước mưa

Provided with a grease separation system for kitchen drainage prior to connection to sewage system.

[285127] Được cung cấp một hệ thống tách dầu mỡ để thoát nước nhà bếp trước khi kết nối với hệ thống nước thải.

Guidelines Hướng Dẫn

• Chlorination treatment is not required for effluent to seepage pits. [285128]

Khử trùng bằng clo không bắt buộc cho nước thải vào các giếng thấm.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Plumbing and Drainage -> Design Criteria

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Hệ Thống Ống Nước và Thoát Nước -> Tiêu Chí Thiết Kế

IHG recognizes the following international codes for the design of the hot and cold water distribution systems: [305103]

IHG công nhận các quy định quốc tế sau đây để thiết kế hệ thống phân phối nước nóng và nước lạnh

Guidelines Hướng Dẫn

Chartered Institution of Building Services Engineers (CIBSE) [305104]

Viện Kỹ sư Dịch Vụ Tòa Nhà (CIBSE)

American Society of Heating, Refrigerating, and Air-Conditioning Engineers (ASHRAE) [305105]

Hiệp hội kỹ sư máy sưởi, điện lạnh và điều hòa không khí Hoa Kỳ (ASHRAE)

The International Building Code [305106] Quy Định tòa nhà Quốc Tế

The International Plumbing Code [305107] Quy Định Hệ Thống Ống nước Quốc Tế

Plumbing system design must meet the following design criteria: [305108]

Thiết kế hệ thống ống nước phải đáp ứng các tiêu chí thiết kế sau:

Flows and temperatures as detailed in Annexure-49 [305109]

Dòng chảy và nhiệt độ như chi tiết trong Phụ lục-49

**(Trang 295)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Service  Dịch vụ | Storage  Kho lưu trữ | Shower Flow Rate  Lưu lượng nước | Pressure Range  Khoảng áp suất |
| Cold Water Nước lạnh  Nước lạnh | 410 liters/ guest/ day w/o laundry  410 lít/ khách/ day không có giặt là | 9.4 liter per minute |  |
| 560 liters/ Guest/ day with laudry  560 lít/ Khách/ ngày có giặt là | 5.5bar max  5.5 bar tối đa |
| 900 liters/ guest/ day with all facilities in tropical climate  900 lít/ kahsch/ ngày với tất cả các cơ sở trong khí hậu nhiệt đới | 1.5bar min  1.5bar tối thiểu |
| Restaurant: 35 liters/ cover  Nhà hàng: 35 lít/ nắp |  |
| Maintain below 20C to prevent Legionella  Duy trì dưới 20C để ngăn cản Legionella | SWA: 4bar min  SWA: 4bar tối thiểu |
| 23C in tanks for UAE 23C trong các bể cho UAE |  |
| Hot Water Nước nóng  Nước nóng | 30 liters/ guest room/ day  30 lít/ phòng khách/ ngày | 9.4 liter per minute  9.4 lít mỗi phút |  |
| Restaurant: 14 liters/ cover  Nhà hàng: 14 lít/ cover | 5.5 bar max  5.5 bar tối đa |
| Kitchen & Laundry: Based on equipment at higher temperature (60-70C) with two hours minimum recovery.  Bếp & Giặt là: dựa trên thiết bị tại nhiệt độ cao hơn (60-70C) với phục hồi 2 tiếng tối thiểu. | 1.5 bar min  1.5 bar tối thiểu |
| Minimum return temperature 55C  Nhiệt độ trở lại tối thiểu 55C | SWA: 4bar min  SWA: 4bar tối thiểu |
| Anti-scald fittings on washbasins to limit hot water supply temperature to 41C  Phụ kiện chống bỏng trên chậu rửa để hạn chế nhiệt độ cấp nước nóng đến 41C |  |

\*Pressure requirements typically based on shower requirements. Yêu cầu áp lực thường dựa trên yêu cầu tắm.

All rooms and all services to have same/ balanced pressure.

Tất cả các phòng và dịch vụ có cùng áp lực/cân bằng

Water quality must be maintained as per Annexure-48 [305110]

Phải duy trì chất lượng nước theo Phụ lục-48

Annexure-48 water quality Phụ lục-48 chất lượng nước

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended to select water fixtures that have a water efficiency rating. [305111]

Nên chọn các thiết bị nước có mức độ hiệu quả sử dụng nước.

Pipe material for internal water supply must be selected from one of the following: [305112]

Phải chọn vật liệu ống để cấp nước bên trong từ một trong những vật liệu sau:

Chlorinated Poly (Vinyl Chloride) (CPVC) [305113] Poly clo hóa (Vinyl Clorua) (CPVC)

Cross-linked polyethylene (PEX) [305114] Polyetylen liên kết ngang (PEX)

Copper [305115] Đồng

Stainless Steel [305116] Thép không gỉ

Guidelines Hướng Dẫn

• For a comparison of pipe materials used for internal water supply systems refer to Annexure-52. [305117] Để xem so sánh các vật liệu ống cho các hệ thống cấp nước bên trong, hãy tham khảo Phụ lục-52.

Annexure-52 Water supply pipework comparison tables

Phụ lục-52 Bảng so sánh đường ống cấp nước

Pipe material for drainage system must be selected from the following: [305118]

Phải chọn vật liệu ống cho hệ thống thoát nước từ :

**(Trang 296)**

High-density polyethylene (HDPE) [305119] Polyetylen mật độ cao (HDPE)

Unplasticized PolyVinyl Chloride (UPVC) [305120] PolyVinyl Clorua không dẻo (UPVC)

Cast Iron [305121] Gang

Acoustic Mineral Reinforced Polypropylene [305123]

Polypropylen tăng cường khoáng âm

Guidelines Hướng Dẫn

• For a comparison of pipe materials for drainage pipework refer to Annexure-51 attached. [399049] Để xem so sánh các vật liệu ống cho hệ thống đường ống thoát nước, hãy tham chiếu Phụ lục-51 đính kèm.

Annexure-51 Comparison pipe materials for drainage pipework

Phụ lục-51 So sánh vật liệu ống cho hệ thống thoát nước

Plumbing fixtures must not exceed the following maximum flow rates: [305124]

Đồ đạc hệ thống nước không được vượt quá tốc độ lưu lượng chảy tối đa sau đây:

Toilets: 6.0 litre per flush [305125]

Nhà vệ sinh: 6.0 lít mỗi lần xả

Urinals: 3.8 litre per flush [305126]

Bồn tiểu: 3,8 lít mỗi lần xả

Showerheads: 9.4 litre per minute [305127]

Vòi hoa sen: 9,4 lít mỗi phút

Public restroom faucets/taps: 1.9 litre per minute [305128]

Vòi/vòi nước nhà vệ sinh công cộng: 1,9 lít mỗi phút

Guest bathroom faucets/taps: 8.3 litre per minute [305129]

Vòi/vòi nước phòng tắm của khách: 8,3 lít mỗi phút

Restroom faucets/taps with automatic shut off/preset: 0.95 litre per cycle [305130]

Vòi/vòi nước vệ sinh có chế độ tắt/đặt trước tự động: 0,95 lít mỗi chu kỳ

Kitchen and janitor sink faucets/taps: 8.3 litre per minute [305131]

Vòi/vòi nước bồn rửa chén và vòi janitor: 8,3 lít mỗi phút

Isolation of hot and cold water supply must be provided at the following points: [305141]

Phải cung cấp cách ly nguồn nước nóng và lạnh tại các điểm sau:

Local to point of use [305142] Nội vùng đến điểm sử dụng

Separate isolation valves for each guest room [305143]

Van cách ly riêng cho từng phòng khách

At service risers [305144] Tại các ống đứng dịch vụ

On main distribution lines [305145] Trên các đường ống phân phối chính

On sub distribution lines [305146] Trên các đường ống phân phối phụ

Plumbing and sanitary installations must meet the following: [329101]

Hệ thống ống nước và vệ sinh phải đáp ứng như sau:

Fixed domestic hot water (except tropical climate zones) [329102]

Nước nóng sinh hoạt cố định (trừ các vùng khí hậu nhiệt đới)

Fixed domestic cold water [329103]

Nước lạnh sinh hoạt cố định

Drainage systems for all outlets [329104]

hệ thống thoát nước cho tất cả các cửa hàng

All pipe work installation must meet the following: [329105]

Tất cả các công việc lắp đặt đường ống phải đáp ứng như sau:

Pipes must be hidden. [329106] Phải giấu kín đường ống.

Mechanically protected [329107] Bảo vệ cơ học

Insulated where required [329108] Cách nhiệt khi cần thiết

UV protection - for external piping [329109] Chống tia cực tím - cho đường ống bên ngoài

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Plumbing and Drainage -> Cold Water

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Hệ Thống Ống Nước và Thoát Nước -> Nước Lạnh

**(Trang 297)**

Domestic cold water distribution must be provided and meet the following: [305147]

Phải cung cấp phân phối nước lạnh sinh hoạt và đáp ứng như sau:

The demand unit calculation must be based on number of fittings operating simultaneously as a percentage of the total number of fittings installed. [305151]

Việc tính toán thiết bị nhu cầu phải dựa trên số lượng thiết bị hoạt động đồng thời theo tỷ lệ phần trăm của tổng số thiết bị được lắp đặt.

Pressure at the hydraulically most remote fixture must be constantly maintained at a minimum of 1.5 bar (+/- 0.5 bar). [305152]

Áp suất tại thiết bị thủy lực từ xa nhất phải được duy trì liên tục ở mức tối thiểu 1,5 bar (+/- 0,5 bar).

Guidelines Hướng Dẫn

Gravity water supplies are recommended. [305154] Nên cung cấp nước trọng lực

For a typical cold water distribution scheme refer to Annexure-54. [305155]

Xem sơ đồ phân phối nước lạnh điển hình, tham chiếu Phụ lục-54.

Annexure54 typical cold water distribution system

Phụ lục 54 hệ thống phân phối nước lạnh điển hình

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Plumbing and Drainage -> Hot Water

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ sở -> Cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Hệ thống ống nước và thoát nước -> Nước nóng

Hot water heating capacity and storage must meet the following: [305156]

Công suất nhiệt và lưu trữ nước nóng phải đáp ứng như sau:

Calculated based on design criteria listed in Annexure-49 as a minimum. [305157]

Tính toán tối thiểu dựa trên các tiêu chí thiết kế được liệt kê trong Phụ lục-49.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Service  Dịch vụ | Storage  Kho lưu trữ | Shower Flow Rate  Lưu lượng nước | Pressure Range  Khoảng áp suất |
| Cold Water Nước lạnh  Nước lạnh | 410 liters/ guest/ day w/o laundry  410 lít/ khách/ day không có giặt là | 9.4 liter per minute |  |
| 560 liters/ Guest/ day with laudry  560 lít/ Khách/ ngày có giặt là | 5.5bar max  5.5 bar tối đa |
| 900 liters/ guest/ day with all facilities in tropical climate  900 lít/ kahsch/ ngày với tất cả các cơ sở trong khí hậu nhiệt đới | 1.5bar min  1.5bar tối thiểu |
| Restaurant: 35 liters/ cover  Nhà hàng: 35 lít/ nắp |  |
| Maintain below 20C to prevent Legionella  Duy trì dưới 20C để ngăn cản Legionella | SWA: 4bar min  SWA: 4bar tối thiểu |
| 23C in tanks for UAE 23C trong các bể cho UAE |  |
| Hot Water Nước nóng  Nước nóng | 30 liters/ guest room/ day  30 lít/ phòng khách/ ngày | 9.4 liter per minute  9.4 lít mỗi phút |  |
| Restaurant: 14 liters/ cover  Nhà hàng: 14 lít/ cover | 5.5 bar max  5.5 bar tối đa |
| Kitchen & Laundry: Based on equipment at higher temperature (60-70C) with two hours minimum recovery.  Bếp & Giặt là: dựa trên thiết bị tại nhiệt độ cao hơn (60-70C) với phục hồi 2 tiếng tối thiểu. | 1.5 bar min  1.5 bar tối thiểu |
| Minimum return temperature 55C  Nhiệt độ trở lại tối thiểu 55C | SWA: 4bar min  SWA: 4bar tối thiểu |
| Anti-scald fittings on washbasins to limit hot water supply temperature to 41C  Phụ kiện chống bỏng trên chậu rửa để hạn chế nhiệt độ cấp nước nóng đến 41C |  |

Guidelines Hướng Dẫn

**(Trang 298)**

• Refer to Annexure-55 for a typical hot water system plant and distribution schematic. [305158]

Tham chiếu Phụ lục-55 để xem sơ đồ phân phối và máy móc hệ thống nước nóng điển hình.

Annexure-55 Typical plant

Phụ lục-55 Máy nước nóng sinh hoạt điển hình

Hot water systems must meet the following: [305159]

Hệ thống nước nóng phải đáp ứng như sau:

Hot water generation and distribution system must be centrally located. [305160]

Hệ thống phân phối và sản xuất nước nóng phải được đặt ở trung tâm.

Hot and cold water pressure must be the same at all outlets. [305161]

Áp lực nước nóng và lạnh phải giống nhau ở tất cả các cửa hàng.

Hot water must be provided to all outlets within 10 seconds of the outlet being opened. [305162] Phải cung cấp nước nóng cho tất cả các cửa hàng trong vòng 10 giây sau khi cửa hàng được mở.

A thermostatic control device must be provided for all guest facing outlets. [305163]

Phải cung cấp một thiết bị điều khiển nhiệt cho tất cả các cửa hang có khách.

Hot water in guest bathrooms must not exceed the temperature of 52°C (125°F) [305164]

Nước nóng trong phòng tắm của khách không được vượt quá nhiệt độ 52° C (125 ° F)

All pipe distribution system works must be concealed. [305165]

Phải che giấu tất cả các hệ thống phân phối ống.

All hot water pipes must be insulated. [305166] Tất cả các ống nước nóng phải cách nhiệt

All outlet fittings must be suitable for the pressure and temperature rating of the system. [305167] Tất cả các phụ kiện ống phải phù hợp với đánh giá áp suất và nhiệt độ của hệ thống.

Domestic hot water must be stored at a minimum of 60°C. [305168]

Nước nóng sinh hoạt phải được bảo quản ở mức tối thiểu 60 ° C.

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-56 for a typical hot water distribution system schematic. [305169]

Tham chiếu Phụ lục-56 để biết sơ đồ hệ thống phân phối nước nóng điển hình.

Annexure-56 typical hot water distribution system schematic

Phụ lục-56 Sơ đồ hệ thống phân phối nước nóng điển hình

Where domestic hot water storage is provided, design and system selection must be based on following criteria: [335195]

Trường hợp cung cấp lưu trữ nước nóng trong nhà, thiết kế và lựa chọn hệ thống phải dựa trên các tiêu chí sau:

Cost of various fuel sources must be compared and the most economical selected. [335196]

Chi phí của các nguồn nhiên liệu khác nhau phải được so sánh và lựa chọn tiết kiệm nhất.

Reliability of fuel sources at hotel location [335197]

Độ tin cậy của nguồn nhiên liệu tại vị trí khách sạn

Equipment availability at hotel location [335198]

Luôn có thiết bị tại vị trí khách sạn

Technical expertise available to plan, install and maintain system [335199]

Luôn có chuyên môn kỹ thuật để lập kế hoạch, lắp đặt và bảo trì hệ thống

Any sustainable accreditation systems being targeted for the project [335200]

Bất kỳ hệ thống chứng nhận bền vững đang được nhắm cho dự án

Final selection must be submitted to IHG for approval. [335201]

Phải gửi lựa chọn cuối cùng cho IHG để phê duyệt.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Plumbing and Drainage -> Drainage

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Hệ Thống Ống Nước và Thoát Nước -> Thoát Nước

The foul sewer system must meet the following: [305170]

Hệ thống cống thoát nước bẩn phải đáp ứng như sau:

Self-cleaning [305171] Tự làm sạch

Self-venting [305172] Tự thông

One of the following drainage systems must be provided: [305173] Phải cung cấp một trong những hệ thống thoát nước sau đây

Single pipe vented system [305174] Hệ thống thông ống đơn

**(Trang 299)**

Two pipe vented system [305175] Hệ thống thông ống đôi

Proprietary single stack self vented system [305176] Hệ thống tự thông một ống riêng biệt

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-57 for a schematic comparison of stack options for high rise buildings. [305177]

Tham chiếu Phụ lục-57 để xem so sánh sơ đồ các lựa chọn ống cho các tòa nhà cao tầng.

Annexure57 schematic comparision of stack options for high rise

Phụ lục57 so sánh sơ đồ của các lựa chọn ống cho tòa nhà cao tầng

Drainage systems must meet the following: [305178]

hệ thống thoát nước phải đáp ứng như sau:

Mechanical clean outs must be provided on all horizontal stacks every 15m (50ft) maximum and at all changes in direction. [305179]

Phải cung cấp cơ chế làm sạch cơ học trên tất cả các ống ngang cứ sau tối đa 15m (50ft) và tại tất cả thay đổi về hướng.

Double sealed man hole covers must be provided external to the building at every junction and change in direction. [305180] Phải cung cấp các nắp lỗ bịt kín đôi bên ngoài tòa nhà ở mọi ngã ba và thay đổi hướng.

Where sewage collection sump pits are required, double sealed covers must be provided. [305181] Trong trường hợp cần hố thu nước thải, phải có nắp kín đôi.

Sewage collection sump pits are not permitted in occupied enclosed areas. [305182]

Không cho phép hố thu nước thải trong khu vực khép kín có người dung.

Each guest bathroom must be provided with its own dedicated drain. [305183]

Phải cung cấp mỗi phòng tắm của khách có cống riêng.

Soiled Linen rooms must be provided with floor drain. [305184]

Phải cung cấp các phòng vải bẩn có cống thoát sàn.

Combination of urinals and floor drains is not permitted. [305185] Không cho phép kết hợp bồn tiểu và cống sàn

Refer to Annexure-58 for a typical schematic of a soil and waste vent pipe system for high rise buildings. [305186] Tham chiếu Phụ lục-58 để biết sơ đồ điển hình của hệ thống ống thông hơi đất và chất thải cho các tòa nhà cao tầng

Annexure-58 Schematic of Soil and Waste Vent Pipe System – High Rise

Phụ lục-58 Sơ đồ hệ thống ống thông hơi đất và chất thải – Tòa nhà cao tầng

• Refer Annexure-59 for a typical guest bathroom drainage system. [305187]

Tham chiếu Phụ lục-59 để xem hệ thống thoát nước phòng tắm của khách.

Annexure-59 Guest room bathroom drainage system

Phụ lục-59 Hệ thống thoát nước phòng tắm

Installation of floor drains must meet the following: [305188]

Lắp đặt cống thoát nước phải đáp ứng như sau:

Floor drains must be sized based on the expected water flow. [305189]

Thoát nước sàn phải có kích thước dựa trên lưu lượng nước dự kiến.

The finished floor or slab must have adequate fall towards the drain inlet. [305190]

Sàn hoặc tấm hoàn thiện phải đổ về phía cống thoát nước.

Where adequate fall is not possible a water tanking system must be provided. [305191]

Trong trường hợp không thể có phần đổ, phải cung cấp hệ thống trữ nước.

Floor drains must have a continuous means of being charged with water to prevent odours. [305192] Thoát nước sàn phải có một phương tiện liên tục được đổ nước để ngăn mùi.

Access for cleaning and periodic maintenance must be provided. [305193]

Phải cung cấp truy cập làm sạch và bảo trì định kì.

Floor drains in kitchens and loading docks must have a removable insert basket. [305194]

Thoát nước sàn trong nhà bếp và bãi bốc dỡ phải có một giỏ chèn có thể tháo rời.

Traps must be provided. [305195] Phải cung cấp các hố.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Plumbing and Drainage -> Sewage Disposal

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Hệ Thống Ống Nước và Thoát Nước -> Xử Lý Nước Thải

**(Trang 300)**

A sewer system must be provided and meet the following: [305196]

Phải cung cấp một hệ thống thoát nước và đáp ứng như sau:

Where municipal sewers are not available, a complete sewage treatment plant must be provided on site. [305197]

Nếu không có cống thành phố, phải cung cấp nhà máy xử lý nước thải hoàn thiện tại chỗ.

The sewage treatment plant must be capable of treating the effluent from the building sanitary system.

[305198] Nhà máy xử lý nước thải phải có khả năng xử lý nước thải từ hệ thống vệ sinh tòa nhà.

Guidelines Hướng Dẫn

• For a comparison of various sewage treatment plant options refer to Annexure-60. [305199]

Để xem so sánh các lựa chọn nhà máy xử lý nước thải khác nhau, hãy tham chiếu Phụ lục-60.

Annexure-60 Comparison of different STP Technologies

Phụ lục-60 So sánh các công nghệ STP khác nhau

Grease traps are required for kitchen areas and must meet the following: [305200]

Yêu cầu thiết bị tách dầu mỡ cho các khu vực bếp và phải đáp ứng sau:

Fitted with syphon storage tanks with a minimum storage of 14 days of grease. [305201]

Được trang bị bể chứa siphon với lưu trữ mỡ tối thiểu 14 ngày.

Local interceptors must be located within 2m (6.6ft) of source. [305202]

Phải đặt thiết bị đánh chặn địa phương trong phạm vi 2m (6,6ft) nguồn.

Local interceptors must not be located inside a food handling or clean area. [305203]

Không đặt thiết bị đánh chặn địa phương trong khu vực xử lý thực phẩm hoặc khu vực sạch

In cold climates the pipe must be trace heated and insulated to prevent freezing. [305204]

Trong điều kiện khí hậu lạnh, đường ống phải được làm nóng và cách nhiệt để tránh bị đóng băng.

Installed above or below ground in a purpose built pit [305205]

Được lắp đặt trên hoặc dưới mặt đất trong một hố được xây dựng có mục đích

Enzyme type traps are only permitted in individual kitchens. [305206]

Chỉ cho phép thiết bị tách loại enzyme trong nhà bếp cá nhân.

Bacteria injection systems are only permitted to individual kitchens. [305207]

Chỉ cho phép hệ thống tiêm vi khuẩn cho nhà bếp cá nhân.

Proprietary grease separation equipment is permitted subject to IHG approval. [305208]

Cho phép thiết bị tách dầu mỡ riêng biệt theo phê duyệt của IHG.

Vehicle access to the main grease trap must be provided. [305209] Phải cung cấp lối đến thiết bị tách dầu mỡ.

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended for the pipe length between grease trap and kitchen not to exceed 50m (164ft).

chiều dài ống giữa thiết bị tách mỡ và bếp không nên vượt quá 50m (164ft).

[305210]

It is recommended to select the pipe serving the grease trap one size larger than required for the expected flow rate. [305211]

Nên chọn đường ống hỗ trợ thiết bị tách mỡ kích thước lớn hơn yêu cầu cho lưu lượng dự kiến.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Plumbing and Drainage -> Storm Water Drainage

Hành Trình Xây dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Hệ Thống Ống Nước và Thoát Nước -> Thoát Nước Mưa

An independent storm water drainage system must be provided and meet the following: [305212]

Phải cung cấp hệ thống thoát nước mưa độc lập và đáp ứng như sau:

Collect storm water from all areas of the building [305213]

Thu nước mưa từ tất cả các khu vực của tòa nhà

Collected water must be discharged into a storm sewer, combination sewer, rain water systems or harvesting system. [305214]

Nước thu lại phải được xả vào cống thoát nước mưa, cống kết hợp, hệ thống nước mưa hoặc hệ thống thu hoạch.

Gravity discharge [305215] Trọng lực xả

System design must be based on meteorological records for the area and based on a ten minute twenty five year interval storm scenario. [305216] Thiết kế hệ thống phải dựa trên các hồ sơ khí tượng của khu vực và dựa trên viễn cảnh bão kéo dài mười phút hai mươi lăm năm.

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-61 for a typical schematic of a storm water drainage system. [305217]

Tham chiếu Phụ lục-61 để xem sơ đồ điển hình của hệ thống thoát nước mưa.

**(Trang 301)**

Annexure61 Schematic of storm water Drainage system

Phụ lục61 Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa

Rain water harvesting is recommended. [305218]

Nên thu gom nước mưa

Refer to Annexure-62 for a typical rain water re-charge pit. [305219]

Tham chiếu Phụ lục-62 để xem hố bổ sung nước mưa điển hình.

Annexure-62 Typical rainwater harvesting pit detail

Phụ lục-62 Chi tiết hố gom nước mưa điển hình

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Plumbing and Drainage -> Swimming Pools

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Hệ Thống Ống Nước và Thoát Nước -> Bể Bơi

Each swimming pool must be provided with its own dedicated systems: [305220]

Phải cung cấp mỗi bể bơi có hệ thống chuyên dụng riêng biệt:

Filtration [305221] Lọc

Disinfection [305222] Khử trùng

Circulation [305223] Lưu thông

Water quality monitoring [305224] Giám định chất lượng nước

Temperature control is required for indoor pools [305225]

Yêu cầu điều khiển nhiệt độ cho các bể bơi trong nhà

Temperature control for outdoor pools subject to location and climate [308061]

Kiểm soát nhiệt độ cho bể bơi ngoài trời tùy thuộc vào vị trí và khí hậu

High pressure sand filters must meet the following: [305226]

Bộ lọc cát áp suất cao phải đáp ứng các điều sau:

Rated at 12 - 13 litre/m2 of the filtered area [305227]

Mức 12 - 13 lít/m2 của khu vực được lọc

Swimming pool plant and equipment must meet the following: [305228]

Máy móc và thiết bị bể bơi phải đáp ứng như sau:

Self-regulating [305229] Tự điều chỉnh

Automatic PH Level monitoring [305230] Giám sát mức độ PH tự động

Automatic chemicals level monitoring [305231] Giám sát mức độ hóa chất tự động

Automatic temperature monitoring [305232] Giám sát nhiệt độ tự động

Maintain the water quality as per the following schedule: [305233] Duy trì chất lượng nước theo tiến độ sau:

Maintain the water temperatures as per the following schedule: [305234]

Duy trì nhiệt độ nước theo lịch trình sau đây:

Pool water filtration must meet the following: [308048] Lọc nước bể bơi phải đáp ứng như sau:

Have run and stand by capability [308049] Có khả năng chạy và dự phòng

Auto-change over [308050] Tự động thay đổi

Alarm on failure [308051] Báo động về lỗi hỏng

The bottom of the pool must be clearly visible. [308052] Phải dễ nhìn đáy bể bơi.

Where mechanical filtration cannot achieve the water clarity required, the use of clarifying agents fed by automatic monitoring and dosing equipment must be provided. [308053]

Trong trường hợp lọc cơ học không thể đạt được độ trong của nước theo yêu cầu, phải sử dụng các chất làm sạch từ thiết bị giám sát và định lượng tự động.

High pressure sand filters [308062] Máy lọc cát áp suất cao

Automatic filter back wash control system [308066] Hệ thống điều khiển xoáy ngược lọc tự động

Circulation systems must be provided and meet the following: [308054]

Phải cung cấp các hệ thống lưu thông và đáp ứng như sau:

**(Trang 302)**

Run and stand by capability [308055] Khả năng chạy và dự phòng

Auto-change over [308056] Tự động thay đổi

Alarm on failure [308057] Cảnh báo lỗi hỏng hóc

Turnover rate for adult pools: refresh every 150 minutes [308063]

Tỷ lệ quay vòng cho hồ bơi người lớn: làm mới cứ sau 150 phút

Turnover rates for children pools: refresh every 30 minutes [308064]

Tỷ lệ quay vòng cho hồ bơi trẻ em: làm mới cứ sau 30 phút

Water flow rate indicators [308065]

Chỉ số lưu lượng dòng nước

Disinfection must be provided and meet the following: [308067]

Phải khử trùng và đáp ứng như sau:

Chemical parameters must be monitored and maintained automatically. [308068]

Phải theo dõi và duy trì tự động các thông số hóa học.

Pre-treated water must be provided where potable water is not available. [308069]

Phải cung cấp nước được xử lý trước ở nơi không có nước uống.

By use of one or a combination of the following: Chlorine, Bromine, Ozone or Ultra Violet Light (UV)

[308070] Bằng cách sử dụng một hoặc kết hợp các chất sau: Clo, Brom, Ozone hoặc Ultra Violet Light (UV)

Final selection of disinfection method must be IHG approved. [308073]

Lựa chọn cuối cùng của phương pháp khử trùng phải được IHG phê duyệt.

It is recommended to use a combination of Chlorine, Ozone and Ultra Violet Light (UV). [308071]

Nên sử dụng kết hợp giữa Clo, Ozone và Ultra Violet Light (UV).

Refer to schedule attached for guidance on different water treatments. [308072]

Tham chiếu lịch trình đính kèm để xem hướng dẫn về các phương pháp xử lý nước khác nhau.

Annexure- water treatment guidance

Phụ lục- hướng dẫn xử lý nước

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Building Management System

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Hệ Thống Quản Lý Tòa Nhà

A Building Management System (BMS) must be provided in order to enable and help the hotel to achieve the following goals: [346184] Phải cung cấp hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) để cho phép và giúp khách sạn đạt được các mục tiêu sau:

Guidelines Hướng Dẫn

Thermal comfort for staff and guests [346185]

Tiện nghi nhiệt cho nhân viên và khách

Management of engineering systems and maintenance [346186]

Quản lý hệ thống kỹ thuật và bảo trì

Optimisation of operation with reduction in energy required and running costs [346187]

Tối ưu hóa vận hành với giảm năng lượng được yêu cầu và chi phí vận hành

Minimising the impact of the hotel on the environment [346188]

Giảm thiểu tác động của khách sạn đến môi trường

Assistance with safety and security for guests and staff [346189]

Hỗ trợ an toàn và an ninh cho khách và nhân viên

Pro-active resolution of problems – often before they become an issue for guest complaints [346190] Giải quyết vấn đề chủ động - thường trước khi chúng trở thành vấn đề đối với khiếu nại của khách

Increased system efficiency and life cycle due to controlled operation and maintenance [346191] Hiệu quả hệ thống tăng và vòng đời do vận hành và bảo trì có kiểm soát

Publicity to promote the efficiencies and contribution being made to the environment [346192]

Công khai để phát huy hiệu quả và đóng góp cho môi trường

Confirmation of whether plant has been sized correctly to meet loads and demands – this can have substantial benefits on future projects [346193]

Xác nhận xem máy móc có được kích thước chính xác để đáp ứng tải và nhu cầu hay không - điều này có thể mang lại lợi ích đáng kể cho các dự án trong tương lai

Comparison of system operation year by year - analysing and highlighting any differences [346194] So sánh hoạt động của hệ thống theo từng năm - phân tích và làm nổi bật bất kỳ sự khác biệt nào

**(Trang 303)**

Comparisons with other hotels (globally and regionally) can be made to establish “best practice” and to benchmark and compare hotels on a like for like basis. [346195]

Có thể so sánh với các khách sạn khác (trên toàn cầu và khu vực) để thiết lập “thực hành tốt nhất” và đối với điểm chuẩn và so sánh các khách sạn trên nền tảng like for like.

For a sample point matrix refer to Annexure-64 [346196]

Để biết sơ đồ điểm mẫu, hãy tham chiếu Phụ lục-64

Annexure64 Sample BMS point matrix Phụ lục64 Ma trận điểm BMS mẫu

All Building Management Systems (BMS) must be pre-engineered and pre-tested including the following: [308101] Tất cả Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) phải được thiết kế trước và thử nghiệm trước bao gồm:

Hardware [308102] Phần cứng

Software [308103] Phần mềm

Electrical installation [308104] Lắp đặt điện

Primary Controllers [308105] bộ điều khiển sơ cấp

Secondary Controllers [308106] bộ điều khiển thứ cấp

Plug-in operator units [308107] thiết bị cắm

Fault inputs [308108] Đầu vào lỗi

Heating,ventilation and air conditioning (HVAC) functions [308109]

chức năng sưởi ấm, thông gió và điều hòa không khí (HVAC)

Time switch operation [308110] Hoạt động chuyển đổi thời gian

Settings [308111] Cài đặt

Alarms [308112] Báo động

Indoor air quality control [308113] Kiểm soát chất lượng không khí trong nhà

Network operation [308114] Hoạt động mạng lưới

Individual controllers [308115] Bộ điều khiển riêng

System peripherals [308116] Thiết bị ngoại vi hệ thống

Guidelines Hướng Dẫn

• Refer to Annexure-65 for BMS integration with IT system. [308117]

Tham chiếu Phụ lục-65 để tích hợp BMS với hệ thống CNTT.

Annexure65 BMS integrated with IT system

Phụ lục65 BMS tích hợp với hệ thống CNTT

Building Management System (BMS) Hardware and Software must be provided and meet the following: [319168] Phải cung cấp phần cứng và phần mềm của Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) và đáp ứng các điều sau:

All control equipment and devices must be standard propriety products, designed and tested for control applications. [319169]

Tất cả các thiết bị và phụ kiện điều khiển phải là sản phẩm tiêu chuẩn, được thiết kế và thử nghiệm cho các ứng dụng điều khiển.

Controllers must be pre-configured to suit standard IHG application and functionality. [319170]

Phải cấu hình sẵn bộ điều khiển để phù hợp với chức năng và ứng dụng IHG tiêu chuẩn

Each device must be fully tested by the manufacturers before delivery. [319171]

Mỗi thiết bị phải được kiểm tra đầy đủ từ phía các nhà sản xuất trước khi giao hàng.

The specified equipment must be supported by the supplier for a minimum of five years after installation and handover. [319172] thiết bị được chỉ định phải được nhà cung cấp hỗ trợ tối thiểu năm năm sau khi lắp đặt và bàn giao.

A central communication processing unit must be provided and have the following minimum functionalities: [319173] Phải cung cấp một thiết bị xử lý truyền thông trung tâm và có các chức năng tối thiểu sau:

**(Trang 304)**

Remote monitoring of all plant and equipment controllers and devices [319174]

Giám sát từ xa tất cả các bộ điều khiển và thiết bị của máy móc và bộ phận

Actual time monitoring reporting and fault alarm status for all plant and equipment connected [319175] Báo cáo giám sát thời gian thực tế và tình trạng báo động lỗi cho tất cả các máy móc và thiết bị được kết nối

Full functionality reporting of all equipment controllers, operating parameters, operating conditions and equipment status in real time [319176] Báo cáo đầy đủ chức năng của tất cả các bộ điều khiển thiết bị, thông số vận hành, điều kiện vận hành và trạng thái thiết bị trong thời gian thực

Sequence monitoring of programmed controlled set points [319177]

Giám sát trình tự các điểm đặt kiểm soát được lập trình

Alarm message when systems operate outside of these parameters [319178]

Thông báo cảnh báo khi hệ thống hoạt động bên ngoài các tham số này

System status alarm messaging must be provided at the central control unit and via an automatic messaging system. [319179] Phải thông báo cảnh báo trạng thái hệ thống tại thiết bị điều khiển trung tâm và thông qua hệ thống truyền tin tự động

Building Management System (BMS) electrical installation must be provided and meet the following:

[322049]Phải lắp đặt điện cho hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) và đáp ứng như sau:

All control wiring must comply with the manufacturers latest specification. [322050]

Tất cả các dây điều khiển phải tuân thủ quy cách mới nhất của nhà sản xuất

Primary controllers must operate from an alternating current 24 volt power supply. [322051]

Bộ điều khiển chính phải hoạt động từ nguồn điện 24 volt xoay chiều.

Power transformers used must be safety isolating type with double insulation suited for 100% duty.

[322052] Máy biến áp điện được dung phải là loại cách ly an toàn với cách điện kép phù hợp vớ hạng 100%.

Category five cables must be used for all data transmission within the system as a minimum. [322053] Tối thiểu dung cáp loại năm cho tất cả các đường truyền dữ liệu trong hệ thống.

All system cabling must be installed within a containment using low smoke and flame cables. [322054] Phải lắp đặt tất cả hệ thống cáp trong một thùng chứa bằng cách sử dụng cáp lửa và khói thấp.

Sub-meters for gas, electricity and water must be monitored by the Building Management System.

[713054] Phải giám sát đồng hồ đo gas, điện và nước bởi Hệ thống quản lý tòa nhà.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Building Management System -> Design Criteria

Hành Trình Xây Dựng – Xây dựng Cơ sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Hệ Thống Quản Lý Tòa Nhà -> Tiêu Chuẩn Thiết Kế

The Building Management System (BMS) must have the following features: [308058]

Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) phải có các tính năng sau:

Supervisor [308059] Giám sát

A standard building communication protocol such as KNX running on an industry standard TCP/IP back bone must be provided. [308060] Phải cung cấp một giao thức truyền thông tòa nhà tiêu chuẩn như KNX chạy trên trục TCP/IP tiêu chuẩn công nghiệp.

10% spare outstation capacity [308074] 10% công suất trạm dự phòng

External computer connection interfaces for all outstations [308075] Giao diện kết nối máy tính bên ngoài cho tất cả các trạm

A portable computer with full Building Management System (BMS) software package [308076]

Một máy tính xách tay với gói phần mềm Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) trọn bộ

Control set points [308077] điểm đặt điều khiển

Real time values [308078] giá trị thời gian thực

Must be able to send a fault notification to a mobile device [308079]

Phải có thể gửi thông báo lỗi đến thiết bị di động

Building Management System (BMS) software must be IHG approved. [308080] Phần mềm Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) phải được IHG phê duyệt.

Backbone system [308097] Hệ thống trục backbone

The Building Management System Backbone must meet the following: [308098]

Đường trục hệ thống quản lý tòa nhà phải đáp ứng như sau:

Connect all systems [308099] Kết nối tất cả các hệ thống

**(Trang 305)**

Each system connected must be capable of standalone operation. [308100]

Mỗi hệ thống được kết nối phải có khả năng hoạt động độc lập.

The Building Management System (BMS) must be provided with an interface to the Property Management System (PMS). [308095]

Phải cung cấp hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) với giao diện cho Hệ thống PMS.

The interface must enable the air conditioning system within a guest room to switch to its pre-set operating mode either when a room is assigned or when a guest checks in. [308096]

Giao diện phải cho phép hệ thống điều hòa không khí trong phòng khách chuyển sang chế độ vận hành được cài đặt sẵn khi phòng được chỉ định hoặc khi khách đăng ký.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Building Management System -> System Control

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ Sở Hạ Tầng Kỹ Thuật -> Hệ Thống Quản Lý Toàn Nhà BMS -> Điều Khiển Hệ Thống

The supervisor for the Building Management System (BMS) must meet the following: [308081]

Giám sát của Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) phải đáp ứng như sau:

Central Processor Unit (CPU) [308082 Bộ xử lý trung tâm (CPU)

Colour monitor [308083] Màn hình màu

Keyboard [308084] Bàn phím

Colour printer [308085] Máy in màu

The Central Processor Unit (CPU) must meet the following: [308086] Bộ xử lý trung tâm (CPU) phải đáp ứng như sau:

Be of latest available specification in market [308087] Là quy cách kỹ thuật mới nhất có sẵn trên thị trường

Minimum response time of 30 seconds for any application [308088] Thời gian phản hồi tối thiểu 30 giây cho bất kỳ ứng dụng nào

Support graphics, telephony and internet [308089]

Hỗ trợ đồ họa, điện thoại và internet

Minimum 2 GHz (x 64 processor) [308090]

Tối thiểu 2 GHz (bộ xử lý x 64)

Minimum 2 GB Ram [308091] Ram tối thiểu 2 GB

Hard Drive with minimum 40 GB [308092] Ổ cứng với tối thiểu 40 GB

Video card and colour monitor capable of supporting SVGA 1024 x 768 pixel [308093]

Thẻ video và màn hình màu có khả năng hỗ trợ SVGA 1024 x 768 pixel

Minimum of 4 USB one to one ports [308094] Tối thiểu 4 cổng USB một đối một

Building Management System (BMS) primary controllers must be provided to all main plant and equipment and meet the following: [319180] Phải cung cấp bộ điều khiển chính của Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) cho tất cả các máy móc và thiết bị chính và đáp ứng như sau:

Independent controlled loops must be pre-programmed in factory [319181]

vòng điều khiển độc lập phải được lập trình sẵn trong nhà máy

The facility must be provided to site pre-engineered and commissioned stand alone. [319182]

Phải cung cấp các cơ sở được thiết kế trước, chạy thử và vận hành độc lập.

Liquid crystal display interface with clear text display in English or other selected language [319183] Giao diện hiển thị tinh thể lỏng với màn hình hiển thị văn bản rõ ràng bằng tiếng Anh hoặc ngôn ngữ khác được chọn

Connection for a remote plug in operating unit for the display of values and adjustment of settings

[319184] Kết nối cho một phích cắm từ xa trong thiết bị vận hành để hiển thị các giá trị và điều chỉnh cài đặt

Each controller must be identified by a unique device name [319185]

Xác định mỗi bộ điều khiển bằng một tên duy nhất

Dedicated user levels allowing display of information and adjustment of parameters [319186]

Cấp độ người dùng chuyên dụng cho phép hiển thị thông tin và điều chỉnh các tham số

Access to these settings must be granted only via the password level of the controller [319187]

Quyền truy cập vào các cài đặt này phải được cấp chỉ thông qua mức độ mật khẩu của bộ điều khiển

An internal 365 day clock and or calendar with the possibility to operate autonomously in master and or slave configuration [319188]

Đồng hồ và lịch trong 365 ngày với khả năng hoạt động tự động trong cấu hình chính và hoặc phụ

System time synchronization (summer and winter time change over, special day and exceptional time function) [319189] Đồng bộ hóa thời gian hệ thống (thay đổi thời gian mùa hè và mùa đông, ngày đặc biệt và chức năng thời gian đặc biệt)

**(Trang 306)**

A fault function block to collect and evaluate fault status messages and if required to activate measures to prevent damage. [319190]

Một khối chức năng lỗi để thu thập và đánh giá các thông báo trạng thái lỗi và nếu được yêu cầu kích hoạt các biện pháp để ngăn ngừa thiệt hại.

Any fault status message must provide fault acknowledgement, priority system impact and status delay.

[319191] Bất kỳ thông báo trạng thái lỗi nào cũng phải cung cấp xác nhận lỗi, tác động hệ thống ưu tiên và độ trễ trạng thái.

Alarm button with liquid emitting diode indication and automatic reset [319192]

Nút báo động với chỉ thị diode phát lỏng và tự động thiết lập lại

Guidelines Hướng Dẫn

A primary controller may be defined as the time switch master for designated zones within the building. Other controlled devices thereby designated as time switch slaves. [319193]

Bộ điều khiển chính có thể được định nghĩa là công tắc đồng hồ tự động chủ cho các khu vực được chỉ định trong tòa nhà. thiết bị điều khiển khác do đó được chỉ định là thiết bị phụ thuộc công tắc dồng hồ tự động.

Building Management System (BMS) secondary controllers must be provided and meet the following:

[319194] Phải cung cấp bộ điều khiển thứ cấp của Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) và đáp ứng như sau:

Ability to operate it either stand alone or communicate to primary control devices [319195]

Khả năng vận hành độc lập hoặc truyền đến các thiết bị điều khiển chính

Capable of accepting industry standard input signals from field devices (e.g. temperature sensors, occupancy detectors, wireless devices, actuators etc.) [319196]

Có khả năng chấp nhận tín hiệu đầu vào tiêu chuẩn công nghiệp từ các thiết bị kiểm soát (ví dụ: cảm biến nhiệt độ, bộ dò độ chiếm giữ, thiết bị không dây, bộ truyền động, v.v.)

Delivered with fixed factory tested applications [319197]

Applications must be activated via a hand held operating and service tool. [319198]

Phải kích hoạt các ứng dụng thông qua một công cụ vận hành cầm tay và dịch vụ.

Able to store the room parameters autonomously [319199]

Có thể lưu trữ các thông số phòng một cách tự động

Building Management System (BMS) network operation must meet the following: [319200]

Hoạt động mạng của Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) phải đáp ứng như sau:

All primary and secondary controllers must be networked. [319201]

Tất cả các bộ điều khiển chính và phụ phải được nối mạng.

Controllers and network installation must be suitable for all control applications using standard bus (e.g. Local Operating Network/LON, Building Automation and Control Network/BACNet or EIB/KNX)

[319203] Bộ điều khiển và cài đặt mạng phải phù hợp với tất cả các ứng dụng điều khiển sử dụng bus tiêu chuẩn (ví dụ: Mạng điều hành cục bộ/LON, Mạng tự động hóa và điều khiển tòa nhà/BACNet hoặc EIB/KNX)

The Building Management System (BMS) controllers dedicated to HVAC control applications must meet the following: [319257] Bộ điều khiển Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) dành riêng cho các ứng dụng điều khiển HVAC phải đáp ứng như sau:

Pre-programmed HVAC application [319258] Ứng dụng HVAC được lập trình sẵn

Adapted HVAC application [319259]

Free configuration [319260] Cấu hình miễn phí

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Building Management System -> Access

Hành Trình Xây Dựng – Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Hệ thống quản lý tòa nhà -> Lối đi

Access to the system and the control settings must only be granted via a password at the main controller. [319205] Chỉ cấp truy cập vào hệ thống và các cài đặt điều khiển qua mật khẩu tại bộ điều khiển chính.

A low level password must be provided to access the following: [319206]

Phải cung cấp mật khẩu cấp thấp để truy cập vào các mục sau:

Plant operator status [319207] Tình trạng người điều hành tại chỗ

Measurement values [319209] Giá trị đo lường

Operation mode [319210] Chế độ vận hành

Main variable set points [319211] điểm đặt biến đổi chính

parameters [319212] thông số đồng hồ ghi giờ

A medium level password for service and maintenance must be provided to access the following:

Phải cung cấp mật khẩu cấp trung bình cho dịch vụ và bảo trì để truy cập vào các mục sau:

**(Trang 307)**

Additional display of inputs [319214] Hiển thị bổ sung đầu vào

Operating values [319215] giá trị vận hành

Adjustment of operating modes [319216] Điều chỉnh các chế độ hoạt động

Timer settings [319217] Cài đặt thời gian

A high level password for commissioning and full access to operating parameters must be provided to access the following: [319252]

Phải cung cấp mật khẩu cấp cao để chạy thử và truy cập đầy đủ vào các tham số vận hành để truy cập như sau:

Control settings [319254] Cài đặt điều khiển

Re-configuration capability [319255] Khả năng cấu hình lại

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Building Management System -> Indoor Air Quality Control

Hành Trình Xây Dựng – Xây dựng cơ sở -> Cơ sở vật chất kỹ thuật -> Hệ thống quản lý tòa nhà -> Kiểm soát chất lượng không khí trong nhà

Building Management System indoor air quality control must be provided and meet the following

[319262] Phải cung cấp kiểm soát chất lượng không khí trong nhà của hệ thống quản lý tòa nhà và đáp ứng như sau

Carbon dioxide indoor air quality sensors [319263]

Cảm biến chất lượng không khí trong nhà carbon dioxide

Carbon monoxide level monitor and control [319264]

Giám sát và kiểm soát mức độ carbon monoxide

External temperature sensors [319265]

Cảm biến nhiệt độ bên ngoài

Internal temperature sensors [319266]

Cảm biến nhiệt độ bên trong

Equipment control [319267] Điều khiển thiết bị

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Building Management System -> HVAC

Hành trình xây dựng – Xây dựng cơ sở -> cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Hệ thống quản lý tòa nhà -> HVAC

Building Management System (BMS) Heating Ventilation and Air Conditioning (HVAC) functions must be provided and include the following: [322055]

Phải cung cấp các chức năng thông gió sưởi ấm và điều hòa không khí (HVAC) của Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) và bao gồm:

Control of air supply and temperature to all front of house areas [322056]

Kiểm soát nguồn cung cấp không khí và nhiệt độ cho tất cả các khu vực FOH

Control of air supply and temperature to all back of house areas [322057]

Kiểm soát nguồn cung cấp không khí và nhiệt độ cho tất cả các khu vực BOH

Control of air supply and temperature to all guest rooms [322058]

Kiểm soát nguồn cung cấp không khí và nhiệt độ cho tất cả các phòng khách

Control of air extraction to all areas of the building [322059]

Kiểm soát thải khí đến tất cả các khu vực của tòa nhà

Automatic control of internal temperature conditions [322060] Điều khiển tự động các điều kiện nhiệt độ bên trong

Monitoring of external temperature set points [322061] Giám sát các điểm đặt nhiệt độ bên ngoài

Frost protection for air handling systems where required [322062]

Bảo vệ chống đóng băng cho hệ thống xử lý không khí khi cần thiết

Humidity control where required [322063]

Kiểm soát độ ẩm khi cần thiết

System set back and modulation for zones where occupancy fluctuates [322064]

Hệ thống thiết lập lại và điều chế cho các khu vực có công suất phòng biến động

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Building Management System -> Guest Room

Hành trình xây dựng – Xây dựng cơ sở -> Cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Hệ thống quản lý tòa nhà -> Phòng khách

Building Management System (BMS) peripherals must meet the following: [322065]

Thiết bị ngoại vi của Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) phải đáp ứng như sau:

Motion sensors connected to primary controllers via bus or digital inputs and outputs [322066]

Cảm biến chuyển động được kết nối với bộ điều khiển chính thông qua đầu vào và đầu ra kỹ thuật số

**(Trang 308)**

Integrated control of air conditioning via occupancy sensors, access control and zone management

[322067] Điều khiển tích hợp điều hòa không khí thông qua cảm biến phát hiện người, kiểm soát truy cập và quản lý vùng

Control of lighting by motion detection, light level indicators, photo electric cells, control panels and timer devices [322068] Kiểm soát ánh sáng bằng cách phát hiện chuyển động, chỉ báo mức ánh sáng, pin điện ảnh, bảng điều khiển và thiết bị hẹn giờ

Automatic and manual temperature set point control [322069]

Điều khiển điểm đặt nhiệt độ tự động và bằng tay

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Vertical Transportation

Hành trình xây dựng – Xây dựng cơ sở -> Cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Giao thông dọc

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Vertical Transportation -> Design Criteria

Hành trình xây dựng – Xây dựng cơ sở -> Cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Giao thông dọc -> Tiêu Chuẩn Thiết Kế

A traffic analysis must be carried out and determine the following: [309056]

Phải phân tích giao thông và xác định những điều sau đây:

Required number of guest lifts [309057] Số lượng thang máy khách yêu cầu

Sizes of lift cars [309058] kích thước của buồng thang máy

Lift specifications [309059] Thông số kỹ thuật thang máy

Lift performance must meet the following: [309060]

Hiệu suất nâng phải đáp ứng như sau:

Maximum waiting interval must not exceed 40 seconds [309061]

Khoảng thời gian chờ tối đa không quá 40 giây

A minimum handling capacity of 10% based on 100% occupancy over a five minute period [309062] Khả năng xử lý tối thiểu 10% dựa trên tỷ lệ lấp đầy 100% trong khoảng thời gian năm phút

All lifts must meet the following: [309063] Tất cả các thang máy phải đáp ứng như sau:

Be free from noise when travelling [309064] Không ồn khi đi lại

Travel without fluctuation of speed [309065] Đi lại mà không có biến động tốc độ

Building Management System (BMS) connectivity [309066]

Kết nối hệ thống quản lý tòa nhà (BMS)

Interface with fire alarm system - where required for fire life safety [309067]

Liên kết với hệ thống báo cháy - nơi yêu cầu có an toàn chống cháy

Telephone or intercom connecting directly to a permanently staffed location [309068]

Điện thoại hoặc liên lạc intercom kết nối trực tiếp đến một vị trí nhân viên cố định

Emergency lighting within the lift car [309069] Chiếu sang khẩn cấp trong khoang thang máy

Lighting fixtures must be fully recessed into the ceiling of the lift cab [309070]

Thiết bị chiếu sáng phải được lõm hoàn toàn vào trần của cabin thang máy

The traffic analysis must be based on the following occupancies depending on hotel type: [309071]

Phân tích giao thông phải dựa trên các mức độ chiếm phòng sau tùy thuộc vào loại khách sạn:

Business: 1.5 persons per room [309072] Kinh doanh: 1,5 người/phòng

Convention: 1.75 persons per room [309073] Hội nghị: 1,75 người/phòng

Resort: 2.0 persons per room [309074] Khu nghỉ dưỡng: 2,0 người/phòng

Lifts must meet the following the following design criteria: [319155]

Thang máy phải đáp ứng các tiêu chí thiết kế sau:

As per Annexure-66 attached [319156] Theo Phụ lục-66 đính kèm

**(Trang 309)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Guest Lift  Thang máy cho khách | Guest Lift  Thang máy cho khách | Guest Lift  Thang máy cho khách | Service Lift  Thang máy dịch vụ | Goods Lift  Thang máy chở hàng |
|  |  | HI Express | Resort  Khu nghỉ dưỡng | Full service Hotel  Khách sạn trọn gói dịch vụ |  |
| Speeds Tốc độ | | | | | |
| Levels 2-3 served  Mức độ 2-3 được phục vụ |  |  |  |  |  |
| Levels 4-12 served  Mức độ 4-12 được phục vụ |  |  |  |  |  |
| Levels 13-22 served  Mức độ 13-22 được phục vụ |  |  |  |  |  |
| Levels 23-32 served  Mức độ 23-32 được phục vụ |  |  |  |  |  |
| Levels 33+  mức độ 33+ |  |  |  |  |  |
| Door Cửa chính | | | | |  |
| Width Chiều rộng |  |  |  |  |  |
| Height  Chiều cao |  |  |  |  |  |
| Type  Loại | Centre Open  Mở trung tâm | Centre Open  Mở trung tâm | Centre Open  Mở trung tâm | Centre Open  Mở trung tâm | Vertical Bipart  Bipart dọc |
| Compensation Hiệu chỉnh | | | | |  |
| Manufacturer’s Standard  Tiêu chuẩn của nhà sản xuất |  |  |  | All duties | All duties |
| Whisperflex |  |  |  |  |  |
| Rope  Dây |  |  |  |  |  |
| Lockdown  Đóng cửa |  |  |  |  |  |

Lift design and performance criteria must be verified by a lift consultant and approved by IHG. [372080] Tiêu chí thiết kế và hiệu suất thang máy phải được xác nhận bởi một chuyên gia tư vấn thang máy và được IHG phê duyệt.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Vertical Transportation -> Guest Lifts

Hành trình xây dựng – Xây dựng cơ sở -> Cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Giao thông dọc -> thang máy cho khách

Guest lifts must comply with the following specifications: [100064]

thang máy cho khách phải tuân thủ các thông số kỹ thuật sau:

Two lift control panels [100086] Hai panel điều khiển thang máy

Key card access control [100088] Điều khiển truy cập bằng thẻ

Visual floor indication [100089] Biển báo sàn

Voice floor indication [100504] Biển báo âm thanh sàn

Minimum 15" (38cm) LCD screen integrated into wall panelling [100505]

Màn hình LCD tối thiểu 15 "(38cm) được tích hợp vào tấm tường

Interior lift car finishes must form part of the interior design scope and must be designed and selected by the interior designer. [100506] Hoàn thiện khoang thang máy bên trong phải là một phần của phạm vi thiết kế nội thất và phải được thiết kế và lựa chọn bởi nhà thiết kế nội thất.

**(Trang 310)**

Speaker for back ground music [100507] Loa cho nhạc nền

Guest lifts must meet the following: [309075

Thang máy khách phải đáp ứng như sau:

Minimum lift car capacity of 1150kg [309077]

Sức chứa tối thiểu của khoang thang máy là 1150kg

Minimum lift car door width of 1.1m (3.6 ft) [309080]

Chiều rộng tối thiểu của khoang thang máy 1,1m (3,6 ft)

Minimum entrance height of 2.1m (7ft) [309084]

Chiều cao lối vào tối thiểu 2,1m (7ft)

Door type: centre opening [309085] Loại cửa: mở trung tâm

Automatic Rescue Device (ARD) [309086]

Thiết bị cứu hộ tự động (ARD)

Minimum cabin height of 2.75m (9ft) to canopy [309087]

Chiều cao cabin tối thiểu 2,75m (9ft) để mái đón

For the platform a width of 2.20m (7.2ft) and a depth of 2.0m (6.6ft) are recommended as minimum dimensions. [372081]

Đối với nền tảng, chiều rộng 2,20m (7,2ft) và độ sâu 2,0m (6,6ft) được khuyến nghị là kích thước tối thiểu.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Vertical Transportation -> Service and Goods Lifts

Hành trình xây dựng – Xây dựng cơ sở -> Cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Giao thông dọc -> thang máy dịch vụ và chở hàng

Service lifts must be provided in multi storey buildings with floors that have no ground access.

Phải cung cấp thang máy dịch vụ trong các tòa nhà nhiều tầng với các tầng không có lối mặt đất.

[335204]

Service lifts must meet the design criteria as per Annexure-66. [335205]

Thang máy dịch vụ phải đáp ứng các tiêu chí thiết kế theo Phụ lục-66.

See also ID number [319156] Xem thêm số ID

Guidelines Hướng Dẫn

• A minimum of two service lifts is recommended. [335207] Nên có tối thiểu hai thang máy dịch vụ.

Service lifts must meet the following: [78854] Thang máy dịch vụ phải đáp ứng như sau

Minimum lift car door width of 1.2m (4.0 ft) [78856]

Chiều rộng tối thiểu khoang thang máy 1,2m (4,0 ft)

Minimum entrance height of 2.1m (7ft) [78857] Chiều cao lối vào tối thiểu 2,1m (7ft)

Minimum lift car capacity of 1600kg [322070]

Sức chứa tối thiểu khoang thang máy 1600kg

Key card access control must be provided when in mixed use. [322071]

Phải cung cấp kiểm soát truy cập thẻ chính khi sử dụng hỗn hợp.

Visual floor indications within lift car and lift lobbies [322072] Biển báo sàn trong khoang thang máy và các sảnh thang máy

Lift car interior finishes must be suitable for the transportation of heavy goods and food and beverage and must be approved by IHG. [322073] Hoàn thiện bên trong khoang thang máy phải phù hợp cho việc vận chuyển hàng hóa nặng và thực phẩm và đồ uống và phải được IHG chấp thuận.

A minimum of one lift control panel [322074] Tối thiểu một bảng điều khiển thang máy

For the platform a width of 2.40m (7.9ft) and a depth of 2.0m (6.6ft) are recommended as minimum dimensions. [372083] Đối với nền tảng, chiều rộng 2,40m (7,9ft) và độ sâu 2,0m (6,6ft) nên là kích thước tối thiểu.

A minimum clear cabin height of 3.0m (9.85ft) to the canopy is recommended. [372084]

Chiều cao cabin tối thiểu 3.0m (9.85ft) đến mái đón

Service lifts must not open directly on to guest areas. [99995]

thang máy dịch vụ không được mở trực tiếp vào khu vực của khách.

Where goods lifts are provided they must meet the following: [322078]

Trường hợp cung cấp thang máy chở hàng, họ phải đáp ứng như sau:

Minimum lift car capacity: 1600kg (3527.4 lbs). [322079] Sức chứa tối thiểu của khoang thang máy: 1600kg (3527.4 lbs).

(Trang 311)

Minimum lift car door width: 2.2m (7.9ft) [322080]

Chiều rộng tối thiểu của khoang thang máy: 2.2m (7.9ft)

Design criteria as per Annexure-66 [322081] Tiêu chí thiết kế theo Phụ lục-66

See also ID number [319156] Xem thêm số ID

Lift control panels must meet the following: [322075]

Bảng điều khiển thang máy phải đáp ứng như sau:

Floor selection [322076] Lựa chọn tầng

Door opening function [322077] Chức năng mở cửa

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Vertical Transportation -> Escalator

Hành trình xây dựng – Xây dựng cơ sở -> Cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Giao thông dọc -> Thang cuốn

Where escalators are provided they must meet the following: [322082]

Trường hợp cung cấp thang cuốn, chúng phải đáp ứng như sau:

Minimum step width of 1m (3.3ft) [322083] Chiều rộng bậc thang tối thiểu 1m (3,3ft)

Speed of 0.45 mps [322084] Tốc độ 0,45 mps

Controlled stop braking [322085] Kiểm soát phanh dừng

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended that the incline does not exceed an angle of 30°. [322086]

Khuyến cáo rằng độ nghiêng không vượt quá 30 °.

Escalators must meet the following design criteria: [322087]

Thang cuốn phải đáp ứng các tiêu chí thiết kế sau:

Operating noise of the escalator must not exceed 58dB at 16°C (60.8°F) ambient temperature at point of 0.5m (20in) above any portion of the escalator. [322088]

Tiếng ồn hoạt động của thang cuốn không được vượt quá 58dB ở nhiệt độ môi trường xung quanh 16 ° C (60,8 ° F) tại điểm 0,5m (20in) so với bất kỳ phần nào của thang cuốn.

Designed to transport minimum 70% of ballroom capacities to the main egress level in a maximum of 30 minutes. [322089] Được thiết kế để vận chuyển tối thiểu 70% công suất phòng ballroom đến mức lối ra chính trong tối đa 30 phút.

Escalators must not be connected to guest floors. [411052]

Thang cuốn không được kết nối với sàn khách.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Insulation

Hành trình xây dựng – Xây dựng cơ sở -> Cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Cách nhiệt

Where pipework is thermally insulated, insulation application must meet the following: [329057]

Trường hợp đường ống được cách nhiệt, cách nhiệt phải đáp ứng như sau:

Before applying insulation all surfaces must be free of dust, grease and foreign matter. [329058]

Trước khi thi công cách nhiệt, tất cả các bề mặt phải không có bụi, không dầu mỡ và vật lạ.

Insulation must not be applied to any pipe duct or equipment until pressure testing has been completed and approval to proceed given. [329059]

Không áp dụng cách nhiệt cho bất kỳ ống dẫn hoặc thiết bị nào cho đến khi hoàn thành kiểm tra áp suất và phê duyệt để tiến hành.

All pipework insulation, facings, vapour barriers and finishes must be continuous and sealed [329060]Tất cả các cách ly đường ống, lớp ống ngoài, lớp cách ly hơi nước và hoàn thiện phải được liên tục và bịt kín.

Where thermal insulation is exposed to weather or subject to damage, metal cladding must be provided for protection. [329061]

Trong trường hợp cách nhiệt tiếp xúc với thời tiết hoặc bị hư hại, phải cung cấp tấm kim loại để bảo vệ.

Where pipework penetrates walls, partitions, floor slabs, etc. the space between them and the sleeve must be packed for the full depth of the penetration with an approved fire resistant material and sealed with non hardening mastic. [329062]

Khi đường ống xuyên qua tường, vách ngăn, tấm sàn, v.v., không gian giữa chúng và ống ngoài phải được gói cho toàn bộ chiều sâu của sự xâm nhập bằng vật liệu chống cháy được phê duyệt và niêm phong bằng mastic không cứng.

All insulation must meet the following: [329063]Tất cả các vật liệu cách nhiệt phải đáp ứng như sau:

(Trang 312)

Non-combustible as per BS 467: Part 4 [329064] Không cháy theo BS 467: Phần 4

Non-toxic [329065] Không độc

Chemically inert [329066] Trơ hoá học

Non-ignitable as per BS 476: Part 5 [329067] Không bắt lửa theo BS 476: Phần 5

• Class 'o' as per BS 476: Parts 6 and 9 [329068]Loại 'o' theo BS 476: Phần 6 và 9

Any alternative proposals must be equal and approved by IHG. [329069]

Bất kỳ đề xuất thay thế nào cũng đều ngang hàng và được IHG phê duyệt.

Written certification that the material being submitted for approval meets the above criteria must be provided. [329070] Văn bản xác nhận rằng phải cung cấp các tài liệu được đệ trình để phê duyệt đáp ứng các tiêu chí trên.

Where provided fire protection cladding must comply with the following: [329071]

Trường hợp được cung cấp, tấm ốp chống cháy phải tuân thủ các điều sau:

Services must be enclosed with a fire protection cladding material providing the equivalent level of fire rating as the area the service is passing through. [329072]

dịch vụ phải được đính kèm với vật liệu ốp chống cháy cung cấp mức độ chống cháy tương đương với khu vực mà dịch vụ đi qua.

The fire protection material must be tested in accordance with BS476: Part 24 - or equal and approved by IHG. [329073]

Phải kiểm tra vật liệu chống cháy theo BS476: Phần 24 - hoặc ngang bằng và được IHG phê duyệt.

The fire protection material must have an inherent structural strength to be capable of retaining shape and resistance to heat transfer throughout the period of exposure to fire. [329074]

Vật liệu chống cháy phải có độ bền cấu trúc vốn có, để có thể giữ được hình dạng và khả năng chịu truyền nhiệt trong suốt thời gian tiếp xúc với lửa.

Service support systems and drop rods must be fire protected to the same standard as the service they are supporting. [329075] hệ thống hỗ trợ dịch vụ và thanh chặn drop rod phải=chống cháy theo cùng tiêu chuẩn với dịch vụ mà chúng đang hỗ trợ.

Services be protected on all sides [329076] Dịch vụ được bảo vệ trên tất cả các mặt

Insulation of copper or steel Low Temperature Hot-Water (LPHW) heating pipework must meet the following: [329077] Cách nhiệt của hệ thống đường ống sưởi ấm bằng nước nóng nhiệt độ thấp (LPHW) bằng đồng hoặc thép phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Nominal density higher than 100 kg/m3 [329078] Khối lượng thể tích khô hơn 100 kg/m3

K' Value is less than or equals to 0.030W/mK [329079] Giá trị K 'nhỏ hơn hoặc bằng 0,030W/mK

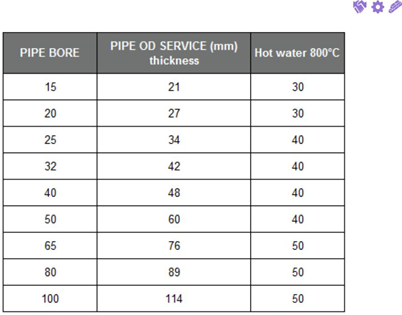
Factory applied re-inforced aluminium foil laminate [329080]

Nhà máy ứng dụng laminate lá nhôm gia cố

Insulation thickness for hot water pipes must meet the following: [329081]

Độ dày cách nhiệt cho ống nước nóng phải đáp ứng như sau:

Thickness as listed in Annexure -73 attached [329082]Độ dày như được liệt kê trong Phụ lục -73 đính kèm



Pipe Bore Đường kính trong của ống

Pipe Od Service (mm) thickness Độ dày dịch vụ Od của ống (mm)

Hot water 800C Nước nóng 800C

(Trang 313)

Steel chilled water pipes must be insulated and insulation must meet the following: [329083]

Ống nước lạnh bằng thép phải được cách nhiệt và cách nhiệt phải đáp ứng như sau:

Closed cell elastomeric nitrile rubber [329084] Cao su nitrile nhựa đàn hồi tế bào kín

Preformed sections [329085] Phần khuôn mẫu

Nominal density higher than 60kg/m3 [329086] Khối lượng thể tích khô cao hơn 60kg/m3

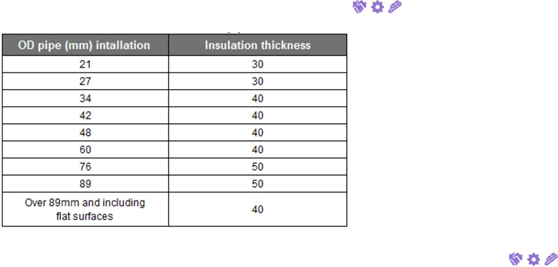
K value is less than or equals to 0.030 W/mK [329087]

Giá trị K nhỏ hơn hoặc bằng 0,030 W/mK

Thickness of insulation of chilled water pipes must meet the following: [329088]

Độ dày cách nhiệt của ống nước lạnh phải đáp ứng như sau:

Thickness as listed in Annexure -74 attached [329089]Độ dày như được liệt kê trong Phụ lục -74 đính kèm



OD pipe (mm) installation Lắp đặt ống OD (mm)

Over 89mm and including flat surfaces Trên 89mm và bao gồm các bề mặt phẳng

Insulation thickness Độ dày cách nhiệt

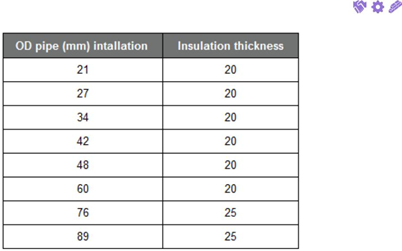
Condenser water pipework must be insulated where freezing can occur. [329090]

Đường ống nước ngưng phải được cách nhiệt ở nơi có thể xảy ra đóng băng.

Where condenser water pipework must be insulated, insulation must meet the following as a minimum: [329091] Trường hợp đường ống nước ngưng phải được cách nhiệt, cách điện phải đáp ứng tối thiểu như sau:

Thickness as listed in Annexure -75 attached [329092]

Độ dày như được liệt kê trong Phụ lục -75 đính kèm



Lắp đặt ống OD (mm)

Độ dày cách nhiệt

Guidelines Hướng Dẫn

Where insulation is not available in the specified thickness it is recommended to use the nearest, greater thickness available. [329093]

Trong trường hợp không có cách nhiệt theo độ dày quy định, nên sử dụng độ dày lớn nhất có sẵn.

Equipment insulation must be provided as follows: [329094]Phải cung cấp cách điện thiết bị như sau:

**(Trang 314)**

Density higher than 48kg/m3 [329095] Khối lượng hơn 48kg/m3

K value is less than or equals to 0.030 W/mK at 25°C (77°F) [329096] Giá trị K nhỏ hơn hoặc bằng 0,030 W/mK ở 25 ° C (77 ° F)

Cylindrical heating calorifiers and heat exchangers: 50mm (1.97 in) thick [329097]

bộ cấp nhiệt hình trụ và bộ trao đổi nhiệt: dày 50mm (1,97 in)

Chilled domestic and hot water tanks: 50mm (1.97 in) thick closed cell insulation with built in anti-microbial protection applied in accordance with manufacturers recommendation [329098]

Bể chứa nước nóng và làm lạnh trong nhà: Cách nhiệt tế bào kín dày 50mm (1.97 in) với bảo vệ chống vi khuẩn tích hợp được áp dụng theo khuyến nghị của nhà sản xuất

Chilled hot water and heating pumps: 50mm (1.97 in) thick, 60 kg/m3 density, closed cell insulation with built in anti-microbial protection applied in accordance with manufacturers recommendation [329099]

Bơm cấp nhiệt và nước nóng làm lạnh: dày 50mm (1,97 in), khối lượng 60 kg/m3, cách nhiệt tế bào kín với bảo vệ chống vi khuẩn tích hợp được áp dụng theo khuyến nghị của nhà sản xuất

Removable head insulation must be provided where access is required to equipment for maintenance (e.g. coolers, chilled and hot water pumps, strainers) [329100] Phải cung cấp cách nhiệt đầu có thể tháo rời khi cần có quyền truy cập vào thiết bị để bảo trì (ví dụ: máy làm mát, máy bơm nước lạnh và nước nóng, bộ lọc)

External services must be protected against weather: [338054]

dịch vụ bên ngoài phải được bảo vệ chống lại thời tiết:

In addition to the standard insulation finish specified, pipework must be finished with polyisobutylene sheeting. [338055] Ngoài hoàn thiện cách nhiệt tiêu chuẩn được chỉ định, hệ thống đường ống phải được hoàn thành với tấm polyisobutylene.

Longitudinal overlap joints must be welded together with suitable approved solvent. [338056]

mối nối chồng chéo dọc phải được hàn với nhau bằng dung môi được phê duyệt phù hợp.

Butt joints to be overlapped by not less than 100mm (4inch) and securely welded with suitable approved solvent. [338057] đầu ghép được chồng lên nhau không dưới 100mm (4 inch) và được hàn chắc chắn với dung môi được phê duyệt phù hợp.

Overlaps must be arranged to shed water and prevent the ingress of moisture. [338058]

Phải bố trí chồng chéo để chảy nước và ngăn sự xâm nhập của hơi ẩm.

Equipment requiring access must have purpose made insulated, weather-proofed jackets. [338059]Thiết bị cần truy cập phải có vỏ bọc cách nhiệt, chống thời tiết có mục đích

Ductwork transporting conditioned air must be insulated and the insulation must meet the following:

[338060]Ống dẫn vận chuyển không khí điều hòa phải được cách nhiệt và cách nhiệt phải đáp ứng như sau:

K value is less than or equals to 0.030 W/mK at 25°C (77°F) [338061] Giá trị K nhỏ hơn hoặc bằng 0,030 W/mK ở 25 ° C (77 ° F)

Non toxic [338062] Không độc

Chemically inert [338063] Trơ hoá học

Thickness to comply with American Society of Heating, Refrigerating and Air-Conditioning Engineers (ASHRAE) 90.1-2004 [338064] Độ dày tuân thủ Hiệp hội kỹ sư sưởi ấm, làm lạnh và điều hòa không khí (ASHRAE) 90.1-2004

Prevent condensation [338065] Ngăn chặn sự ngưng tụ

Guidelines Hướng Dẫn

• Nitrile rubber insulation is the recommended material for duct insulation. [338066]Vật liệu cách nhiệt cao su nitrile là vật liệu được khuyên dùng để cách nhiệt ống dẫn.

Air duct work insulation must meet the following minimum thickness: [338067]

Ống dẫn cách nhiệt phải đáp ứng độ dày tối thiểu sau đây

Supply air duct in unconditioned space: 16mm (0.6inch) [338068] Cung cấp ống dẫn khí trong không gian không điều hòa: 16mm (0,6 inch)

Supply air duct in conditioned space: 13mm (0.5inch) [338069]

Cung cấp ống dẫn khí trong không gian điều hòa: 13mm (0,5 inch)

Return air ducts in unconditioned space: 13 mm (0.5inch) [338070] Ống dẫn khí quay trở lại trong không gian không điều hòa: 13 mm (0,5 inch)

Return air duct in conditioned space: 13mm (0.5inch) [338071] Ống dẫn khí quay trở lại trong không gian điều hòa: 13mm (0,5 inch)

Installation of insulation must meet the following: [338072]Lắp đặt cách nhiệt phải đáp ứng như sau:

Material must be fitted under compression. [338073] Vật liệu phải được nén.

Stretching of material is not permitted. [338074] Không cho phép kéo dài vật liệu.

Adhesives used must be strictly as per manufacturer's recommendation. [338075]

Chất kết dính được sử dụng phải đúng theo khuyến nghị của nhà sản xuất.

**(Trang 315)**

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Labelling & Identification

Hành Trình Xây Dựng - Xây Dựng Cơ Sở -> Cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Dán nhãn & Nhận diện

Pipe identification must be provided for all services and meet the following: [338076]

Phải cung cấp nhận dạng đường ống cho tất cả các dịch vụ và đáp ứng các điều sau:

Indication of service [338077] Biển báo dịch vụ

Contents of pipe [338078] Hàm lượng ống

Direction of flow [338079] Hướng dòng chảy

Flow or return [338080] Dòng chảy hoặc trở lại

Pipe size [338081] Kích thước ống

Identification must be provided with PVC bands. [338082] Phải cung cấp nhận dạng với các dây PVC.

Identification code for refrigeration lines must include the refrigerant number. [338083]

Quy định nhận diện cho các đường ống làm lạnh phải bao gồm số chất làm lạnh.

Location of pipe identification must meet the following: [338084]Vị trí nhận diện đường ống phải đáp ứng như sau:

At all junctions [338085] Tại tất cả các điểm nối

Both sides of valves [338086] Cả hai bên của van

At all pumps and equipment [338087] Tại tất cả các máy bơm và thiết bị

Each side of wall and floor penetrations [338088] Mỗi bên của thâm nhập tường và sàn

Behind defined ceiling and duct access panels [338089] Đằng sau tấm truy cập trần và ống dẫn được xác định

At intervals not exceeding 6.0m (20ft) along straight runs [338090]Tại các khoảng cách không quá 6.0m (20ft) dọc theo đường chạy thẳng

Pipe identification must meet the following: [338091]Nhận diện ống phải đáp ứng như sau:

Identification bands must be 100mm (4inch) wide [338092]

Dây nhận diện phải rộng 100mm (4 inch)

Pipe contents (e.g. LPHW): black lettering 20mm (0.8inch) high on 50mm (2inch) wide clear self adhesive tape with one set of identification letters per colour code. [338093]

Nội dung ống (ví dụ: LPHW): chữ đen cao 20 mm (0,8 inch) trên băng dính tự dính rộng 50mm (2 inch) với một bộ chữ nhận dạng cho mỗi mã màu.

Pipe sizes: metric, black printed lettering 20mm (0.8inch) high on 50mm (2inch) wide clear self adhesive labels [338094] Kích thước ống: số liệu, chữ in màu đen cao 20 mm (0,8 inch) trên nhãn tự dính rộng 50mm (2 inch)

Flow and return (F and R) and direction flow arrows: black with letters 20mm (0.8inch) high on 50mm (2inch) wide self adhesive tape applied in a continuous band around the pipe insulation [338099]

Luồng và trở lại (F và R) và mũi tên luồng hướng: màu đen với các chữ cái cao 20 mm (0,8 inch) trên băng dính tự dính rộng 50mm (2 inch) được dán trong một dải liên tục xung quanh ống cách nhiệt

Identification bands with multiple colours must be 150mm (6ft) wide with a central stripe of 100mm (4ft) width [338100]

dải nhận dạng có nhiều màu phải rộng 150mm (6ft) với dải trung tâm có chiều rộng 100mm (4ft)

The following colours must be used to identify piped services: [338095]

Phải dùng các màu sau để xác định các dịch vụ đường ống:

As per Annexure -76 attached [338096]Theo Phụ lục -76 đính kèm

**(Trang 316)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Service dịch vụ | Basic Colour  Màu cơ bản | Colour Bands  dài màu |
| 1 | Fuel Oil: Diesel  Dầu nhiên liệu: Diesel | Brown Nâu | white Trắng |
| 2 | Hydraulic Oil  Dầu thủy lực | Brown Nâu | Salmon Pink  Hồng cam |
| 3 | Transformer Oil  Dầu biến thế | Brown Nâu | Crimson Đỏ thắm |
| 4 | Lubricating Oil  Dầu bôi trơn | Brown Nâu | Emerald Green  Xanh ngọc lục bảo |
| 5 | Natural Gas  Khí gas tự nhiên | Yello Vàng | Other Yellow  Màu vàng khác |
| 6 | Electrical Điện  Điện | Orange Màu cam | .... |
| 7 | Antifreeze  chống đông |  |  |
|  | BSM Coolant  Nước làm mát BSM | Green Xanh lá cây | Violet  Màu tím |
| 8 | Drinking Water  Nước uống | Green Xanh lá cây | Auxialiary Blue  Xanh phụ trợ |
| 9 | Heating > 100C  Làm nóng >100c | Green Xanh lá cây | Crimson/ Blue/ Crimson  Đỏ thắm/ Xanh da trời/ đỏ thắm |
| 10 | Heating < 100C  Làm nóng <100C | Green Xanh lá cây | Blue/ Crimson/ Blue  Xanh da trời/ Đỏ thắm/ xanh da trời |
| 11 | Pump Cooling Water  Nước làm lạnh máy bơm | Green Xanh lá cây | White  Trắng |
| 12 | Hot Water Nước nóng  Nước nóng | Green Xanh lá cây |  |
| 13 | Drinking Water  Nước uống | Green Xanh lá cây | Blue  Xanh da trời |
| 14 | Cold Water Nước lạnh  Nước lạnh | Green Xanh lá cây |  |
| 15 | Rain Water  Nước mưa | BlackĐen |  |
| 16 | Electrical Neutral  Trung tính điện | Black Đen |  |
| 17 | Earthing  Tiếp đất | Black Đen |  |
| 18 | Fire alarm  Báo cháy | Red Đỏ |  |

The colours are defined as per the following: [338097]

Xác định các màunhư sau:

As per Annexure -77 attached [338098]Theo Phụ lục -77 đính kèm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| White Trắng |  | Salmon Pink  Hồng cam |  |
| Black Đen |  | Emerald Green  Xanh ngọc lục bảo |  |
| Light Blue Xanh nhẹ |  | Crimson Đỏ thắm |  |
| Orange  Cam |  | Yellow Ochre  Ô-crơ vàng |  |
| Green Xanh lá cây |  | Auxiliary Blue  Xanh phụ trợ |  |
| Violet Tím |  | Brown  Nâu |  |
| Yellow Vàng |  | Silver Grey  Xám bạc |  |
| Red Đỏ |  | Grey Xám |  |

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Laundry

Hành trình xây dựng - xây dựng cơ sở -> cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Giặt là

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Laundry -> Design Criteria

Hành trình xây dựng - xây dựng cơ sở -> cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Giặt là -> tiêu chuẩn thiết kế

Where on-site laundry is provided, it must meet the following: [331088]

Trường hợp cung cấp dịch vụ giặt là tại chỗ, nó phải đáp ứng như sau:

**(Trang 317)**

Internal design condition must meet design criteria as per Annexure-13. [331092]

Điều kiện thiết kế bên trong phải đáp ứng các tiêu chí thiết kế theo Phụ lục-13.

See also ID number [285136]Xem thêm số ID

For hot and humid climate locations: air conditioning must be provided [331093]

Đối với các địa điểm khí hậu nóng ẩm: phải cung cấp điều hòa nhiệt độ

Heat radiation of equipment must be taken into consideration for calculation. [331094]

Phải xem xét tính táon bức xạ nhiệt của thiết bị

Exhaust hoods must be provided above all equipment where live steam is used. [331095]

Phải cung cấp chụp háy khí trên tất cả các thiết bị sử dụng hơi .

Air supply or exhaust grills must not be installed above dryer steam coils or gas burners. [331096] Không được lắp đặt vỉ hút hoặc cấp khí trên cuộn hơi máy sấy hoặc vòi đốt khí.

Chilled air supply must not be directed onto the ironer canopy. [331097]

Cung cấp không khí lạnh không được hướng vào vòm sắt.

The ventilation system must be designed to provide fresh cool air to the actual working areas. [331098]Phải thiết kế hệ thống thông gió để cấp khí tươi trong lành cho khu vực làm việc thực tế.

Adequate exhaust must be provided in areas of major heat sources. [331099]

Phải cung cấp hút khí đầy đủ trong các khu vực nguồn nhiệt chính.

Where the hotel is located in an area with water shortages it is recommended to consider installation of waste water and waste water heat recovery, if the pay back of such a system could be achieved in less than four to five years. [331110]

Trường hợp khách sạn nằm trong khu vực thiếu nước, nên xem xét lắp đặt thu hồi nhiệt nước thải, nếu việc có thể thu hồi vốn hệ thống như vậy trong vòng chưa đầy bốn đến năm năm.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Laundry -> Infrastructure

Hành trình xây dựng - xây dựng cơ sở -> cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Giặt là -> Cơ sở hạ tầng

The following electrical services must be provided in the laundry: [331100]

Phải cung cấp các dịch vụ điện sau đây trong tiệm giặt là:

Illumination levels must meet design criteria as per Annexure-47. [331101]

mức chiếu sáng phải đáp ứng các tiêu chí thiết kế theo Phụ lục-47.

All other electrical provisions must meet design criteria as per Annexure-42. [331102]

Tất cả các quy định về điện khác phải đáp ứng các tiêu chí thiết kế theo Phụ lục-42.

See also ID number [304172]Xem thêm số ID

Light switches must be located next to the main entrance door. [331103]

Công tắc đèn phải được đặt bên cạnh cửa ra vào chính.

Water supply must be provided in the laundry and meet the following: [331104]

Phải cung cấp nước trong máy giặt và đáp ứng như sau:

Iron content of water must not exceed 0.1 ppm, otherwise an adequately sized iron filter must be installed. [331105]

Hàm lượng sắt trong nước không được vượt quá 0,1 ppm, nếu không phải lắp đặt bộ lọc sắt có kích thước phù hợp.

Bicarbonate Alkalinity must be 100 ppm. [331106] Độ kiềm bicarbonate phải là 100 ppm.

Cold and hot water hardness must not exceed 50 ppm (3 grains). [331107]

Độ cứng của nước lạnh và nóng không được vượt quá 50 ppm (3 hạt).

The recommended water pressure for the laundry is 4-5 Bars (60-75 PSI). [331108]

Áp suất nước giặt khuyến nghị là 4-5 Bars (60-75 PSI).

Refer to Annexure-53 for typical soft water treatment system. [331109]

Tham chiếu Phụ lục-53 để xem hệ thống xử lý nước mềm điển hình.

Annexure53 Schematic of Soft Water Plant

Phụ lục 53 Sơ đồ máy nước mềm

**(Trang 318)**

Where steam is provided for the laundry the average steam consumption per kilo (lb) of linen must meet the following: [331111]

Trường hợp cung cấp hơi nước cho đồ giặt, mức tiêu thụ hơi trung bình trên mỗi kilôgam (lb) vải lanh phải đáp ứng như sau:

Washer-Extractor: 0.8 to 1.0 kg (1.76- 2.2 lb) [331112] Máy giặt-vắt: 0,8 đến 1,0 kg (1,76- 2,2 lb)

Continuous batch washer: 0.5 to 0.7 kg (1.1- 1.5 lb) [331113] Máy giặt mẻ liên tục: 0,5 đến 0,7 kg (1,1- 1,5 lb)

Full drying: 1.8 to 2.0 kg (3.97 - 4.41 lb) [331114] Sấy khô hoàn toàn: 1,8 đến 2,0 kg (3,97 - 4,41 lb)

Flat-work ironing: 1.0 to 1.2 kg (2.2 - 2.65 lb) [331115] Ủi phẳng: 1,0 đến 1,2 kg (2,2 - 2,65 lb)

Liner: 2.5 kg (5.5 lb) [331116] Lớp lót: 2,5 kg (5,5 lb)

Where the temperature of the incoming domestic water is higher than 21°C, a water Chiller must be installed to provide proper cooling for the machine. [331117]

Khi nhiệt độ của nước sinh hoạt cao hơn 21 ° C, phải lắp đặt Máy làm lạnh nước để làm mát thích hợp cho máy.

Where provided the following service installations in the laundry must be insulated: [331118]

Trường hợp được cung cấp các cài đặt dịch vụ sau đây trong máy giặt phải được cách nhiệt:

Rigid steam pipes [331119] Ống hơi cứng

Condensate pipes [331120] Ống ngưng

Hot water pipes [331121] ống nước nóng

Flexible steam/condensate connections must be guarded to prevent burn hazard [331122]

kết nối hơi/ngưng tụ linh hoạt phải được bảo vệ để tránh nguy cơ cháy

Cold water lines must be insulated against sweating [331123]

Dòng nước lạnh phải được cách nhiệt chống toát hơi ẩm

Vacuum pipe work must be insulated up to a height of 2.40 m (7.9 ft). [331124]

Cách nhiệt ống chân không lên đến độ cao 2,40 m (7,9 ft).

Dryer exhaust ducts [331125] Ống xả sấy khô

Where an exhaust booster fan is required in the laundry it must be electrically interlocked with dryers and lint filter. [331126]

Trong trường hợp cần có quạt tăng áp xả khí trong máy giặt thì nó phải được khóa bằng điện với máy sấy và bộ lọc xơ vải.

Where compressed air is required for the laundry it must meet the following: [331127]

Trường hợp cần có khí nén để giặt thì phải đáp ứng như sau:

Air compressor and air dryer must be installed in a mechanical room with cool and dry fresh air supply.

[331128]Phải lắp máy nén khí và máy sấy không khí trong phòng cơ khí với nguồn cấp khí tươi và khô ráo.

The drain line for the compressor tank must be piped to an open drain. [331129]

Đường cống cho bể chứa máy nén phải được dẫn đến cống mở.

Build Journey - Base Build -> Engineering Infrastructure -> Laundry -> Soiled Linen

Hành trình xây dựng - xây dựng cơ sở -> cơ sở hạ tầng kỹ thuật -> Giặt là -> Vải bẩn

Where a soiled linen room is provided as part of the laundry it must meet the following: [331130]

Trường hợp cung cấp phòng vải bẩn như một phần của hệ thống giặt là thì phải đáp ứng như sau:

See also ID number [285136]Xem thêm số ID

Open directly into the laundry [331131] Mở trực tiếp vào máy giặt

Be adjacent to the washer(s) [331132] Liền kề với (các) máy giặt

Automatic sprinkler(s) [331133] vòi phun chống cháy tự động

Smoke detector(s) [331134] (Các) thiết bị phát hiện khói

Minimum of one floor drain [331135] Tối thiểu một cống dưới sàn

Fluorescent lighting fixtures [331136] Thiết bị chiếu sáng huỳnh quang

**(Trang 319)**

Supply and exhaust ventilation must meet design criteria as per Annexure-13 [331137]

Cung cấp và thông gió phải đáp ứng các tiêu chí thiết kế theo Phụ lục-13

Build Journey - Base Build -> Technology

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Công nghệ

Build Journey - Base Build -> Technology -> Televisions

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Công nghệ -> Tivi

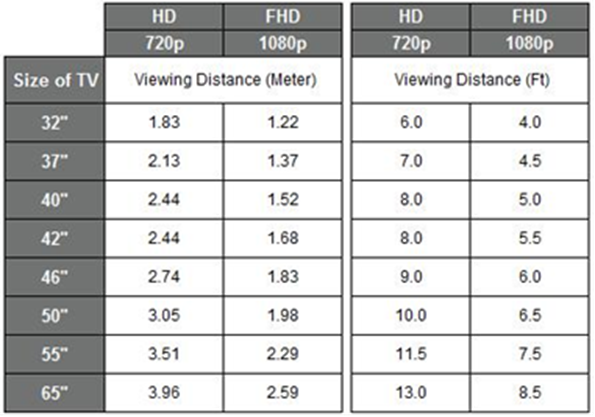
Television provided in guest rooms must meet the following: [291097]

Tivi trong phòng khách phải đáp ứng như sau:

TV Size Chart Biểu đồ kích thước tivi

Screen must be proportionate to the room size and viewing distance and angle [291098]

Màn hình phải tương xứng với kích thước phòng và khoảng cách xem và góc



Size of TV Kích thước Tivi

Viewing Distance (Meter) Khoảng cách xem (Mét)

Viewing Distance (Ft) Khoảng cách xem (Ft)

Minimum diagonal screen size 80cm (32in) [291099]

Kích thước màn hình chéo tối thiểu 80cm (32in)

Build Journey - Base Build -> Technology -> Network and Cabling

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Công nghệ -> Mạng lưới và cáp

Technology cabling must support data, voice and media convergence. [291117]

Cáp công nghệ phải hỗ trợ hội tụ dữ liệu, giọng nói và phương tiện truyền thông.

Must run all technology cabling in a dedicated containment system. [291118]

Phải chạy tất cả hệ thống cáp công nghệ trong một hệ thống ngăn chặn chuyên dụng.

Must properly terminate cabling on RJ45 connectors. [291119]

Phải chấm dứt đúng cách cáp trên đầu nối RJ45

Must use CAT6 as a minimum. [291120]

Tối thiểu phải sử dụng CAT6 .

Build Journey - Base Build -> Technology -> Technology Equipment Room

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Công nghệ -> Phòng Thiết Bị Công Nghệ

A dedicated Technology Equipment Room must be provided: [291100] Phải cấp một phòng thiết bị công nghệ chuyên dụng:

Must be located in an area that minimizes the likelihood of exposure to fire, water, corrosive fumes, heat and smoke from adjoining areas or near areas susceptible to flooding or water pipes. [291101]Phải được đặt trong khu vực giảm thiểu khả năng tiếp xúc với lửa, nước, khói ăn mòn, nhiệt và khói từ các khu vực liền kề hoặc gần các khu vực dễ bị ngập lụt hoặc ống nước.

**(Trang 320)**

Air ducts servicing other areas of the hotel must not pass through the Technology Equipment Room.

[291102]ống dẫn khí phục vụ các khu vực khác của khách sạn không được đi qua Phòng Thiết bị Công nghệ.

Doors must have a minimum thirty minute fireproof rating. [291103]

Cửa phải chống cháy tối thiểu ba mươi phút.

Must be a dust free environment. [291104] Phải là một môi trường không bụi.

Lighting must be connected to the hotel’s emergency power source. [291105]

Ánh sáng phải được kết nối với nguồn điện khẩn cấp của khách sạn.

Must be accessible but not be located on or near a public area or busy corridor. [291106]

Phải có thể truy cập nhưng không được đặt trên hoặc gần khu vực công cộng hoặc hành lang bận rộn.

The Technology Equipment Room must not advertised or be labelled. [291107]

Phòng thiết bị công nghệ không được quảng cáo hoặc được dán nhãn.

where hazardous fire suppression systems are used a hazard sign must be displayed on the door.

[291108]trường hợp dùng các hệ thống chữa cháy nguy hiểm , phải hiển thị một biển báo nguy hiểm trên cửa.

Must accommodate all equipment allowing for a 1.0 m (3.3 ft) clearance space on all sides. [291110]Phải có tất cả các thiết bị cho phép khoảng cách 1,0 m (3,3 ft) ở tất cả các phía.

All doors must have electronic door locks. [291111]

Tất cả các cửa phải có khóa cửa điện tử.

Access must be logged and restricted to named individuals or job roles. [291112]

Truy cập phải được ghi lại và giới hạn cho các cá nhân có tên hoặc vai trò công việc.

Must have an anti-static floor. [291113] Phải có sàn chống tĩnh điện.

Must have clearly indicated portable extinguishers, appropriate for electric fires. [291114]

Phải có về bình chữa cháy xách tay chỉ định rõ ràng , thích hợp cho các đám cháy điện.

Guidelines Hướng Dẫn

Should have the capacity to accommodate future equipment growth. [291115]

Nên có khả năng thích ứng với sự phát triển thiết bị trong tương lai.

Sufficient 42 Unit Communication and Server Racks should be provided to hold all the hotel’s hardware and allow room for 50% future growth. [291116]

Cần có đủ Giá đỡ liên lạc và máy chủ 42 để giữ toàn bộ phần cứng của khách sạn và cho phép tăng trưởng 50% trong tương lai.

Build Journey - Base Build -> Technology -> Point of Sales

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Công nghệ -> điểm POS

A Point of Sales System (POS) must be installed at outlets where there are cash receivables transactions. [291093] Phải lắp đặt hệ thống điểm bán hàng (POS) tại các cửa hàng nơi có giao dịch khoản phải thu bằng tiền mặt.

The Point of Sales System (POS) must be configured with the standard menu structure and codes, as per IHG requirements and specifications. [291094]

Hệ thống điểm bán hàng (POS) phải được cấu hình với quy định và cấu trúc menu tiêu chuẩn, theo yêu cầu và thông số kỹ thuật của IHG.

Must be interfaced to the Property Management System (PMS). [291095]

Phải được liên kết với Hệ thống quản lý tòa nhà (PMS).

Build Journey - Base Build -> IHG® Systems

Hành trình xây dựng -Xây dựng cơ sở -> hệ thống IHG®

Build Journey - Base Build -> IHG® Systems -> Property Management System

Hành trình xây dựng -Xây dựng cơ sở -> hệ thống IHG®

A Property Management System (PMS) must be installed. [13]Phải lắp đặt hệ thống quản lý tài sản (PMS).

Must be installed in line with IHG configuration, settings and screen layout requirements. [14]

Phải được lắp đặt phù hợp với cấu hình IHG, cài đặt và yêu cầu bố trí màn hình.

• Must have a 2Way interface with the Central Reservation System (CRS), referred to as the Guest Phải có giao diện 2Way với Hệ thống đặt phòng trung tâm (CRS), được gọi là Khách

Reservation System (GRS) or HOLIDEX® Plus (and including IHG Concerto™) that enables instant

inventory updates. [15]Hệ thống đặt phòng (GRS) hoặc HOLIDEX® Plus (và bao gồm cả IHG Concerto ™) cho phép cập nhật hàng tồn kho tức thì

All systems interfaced with the Property Management System (PMS) must be certified and approved by the Property Management System (PMS) vendor. [16]

Tất cả các hệ thống liên kết với Hệ thống quản lý tòa nhà (PMS) phải được chứng nhận và phê duyệt bởi nhà cung cấp Hệ thống quản lý tòa nhà (PMS).

**(Trang 321)**

The Property Management System (PMS) version must be certified by the vendor as compliant with the Payment Card Industry Payment Application Data Security Standard. [17]

Phiên bản Hệ thống quản lý tòa nhà (PMS) phải được nhà cung cấp chứng nhận tuân thủ Tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu ứng dụng thanh toán công nghiệp thẻ thanh toán.

The 2Way interface must be activated prior to the hotel opening. [18]

Giao diện 2Way phải được kích hoạt trước khi mở khách sạn.

A schedule must be in place for the replacement or upgrade of software, server(s), workstations, printers and associated network components. [19]

Một lịch trình phải được đưa ra để thay thế hoặc nâng cấp phần mềm, máy chủ, máy trạm, máy in và các thành phần mạng liên quan.

Software must be updated and maintained to conform to current IHG approved software versions, technology advancements and security requirements. [4702]

Phải cập nhật và bảo trì phần mềm để phù hợp với các phiên bản phần mềm hiện tại đã được IHG phê duyệt, tiến bộ công nghệ và yêu cầu bảo mật.

Guidelines Hướng Dẫn

Updates and maintenance of the Property Management System (PMS) may require certain software components to be replaced or upgraded. [4703]

Cập nhật và bảo trì Hệ thống quản lý tòa nhà (PMS) có thể yêu cầu một số thành phần phần mềm nhất định phải được thay thế hoặc nâng cấp.

The Property Management System (PMS) must be connected with the Central Reservation System (CRS), referred to as the Guest Reservation System (GRS) or HOLIDEX® Plus (and including IHG Concerto™). [1205]

Hệ thống quản lý tòa nhà (PMS) phải được kết nối với Hệ thống đặt phòng trung tâm (CRS), được gọi là Hệ thống đặt phòng khách (GRS) hoặc HOLIDEX® Plus (và bao gồm cả IHG Concerto ™).

• The connection to the Central Reservation System (CRS), referred to as the Guest Reservation System (GRS) or HOLIDEX® Plus (and including IHG Concerto™), must be fully operational prior to the hotel opening. [1206] Kết nối với Hệ thống đặt phòng trung tâm (CRS), được gọi là Hệ thống đặt phòng khách (GRS) hoặc HOLIDEX® Plus (và bao gồm cả IHG Concerto ™), phải được vận hành đầy đủ trước khi mở khách sạn.

All reservations and cancellations must show in the Central Reservation System (CRS), referred to as the Guest Reservation System (GRS) or HOLIDEX® Plus (and including IHG Concerto™). [1207]

Tất cả các đặt phòng và hủy bỏ phòng phải được hiển thị trong Hệ thống đặt phòng trung tâm (CRS), được gọi là Hệ thống đặt phòng khách (GRS) hoặc HOLIDEX® Plus (và bao gồm cả IHG Concerto ™).

Guidelines Hướng Dẫn

Regular checks should be carried out to ensure that the Property Management System (PMS) and the Central Reservation System (CRS), referred to as the Guest Reservation System (GRS) or HOLIDEX® Plus (and including IHG Concerto™), show the same inventory information. [4722]

Cần tiến hành kiểm tra thường xuyên để đảm bảo Hệ thống quản lý tòa nhà (PMS) và Hệ thống đặt phòng trung tâm (CRS), được gọi là Hệ thống đặt phòng khách (GRS) hoặc HOLIDEX® Plus (và bao gồm cả IHG Concerto ™), hiển thị cùng thông tin hàng tồn kho.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị

All installed finishes must match samples submitted to and approved by IHG. [26061]

Tất cả các hoàn thiện được cài đặt phải phù hợp với các mẫu được đệ trình và phê duyệt bởi IHG.

All MEP distribution devices, such as heating, ventilating, and air conditioning (HVAC) diffusers, access panels and smoke detectors, must be fully integrated and co-ordinated with the design of finishes. [102690]

Tất cả các thiết bị phân phối MEP, chẳng hạn như bộ khuếch tán sưởi ấm, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), bảng truy cập và đầu báo khói, phải được tích hợp đầy đủ và phối hợp với thiết kế hoàn thiện.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> General

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Chung

Exterior wall finishes must meet the following: [57894]Hoàn thiện tường ngoại thất phải đáp ứng như sau:

Weathertight. [57896] Bịt kin chống thời tiết tác động.

Non-combustible [57902] Không cháy

Non decorative concrete block construction must be concealed. [57898]

Phải che kín khối bê tông không trang trí .

Vinyl and/or plastic finishes are not permitted. [57900] Không cho phép hoàn thiện Vinyl và/hoặc nhựa

Plasterboard/gypsum walls must meet the following: [26352]

Tường vữa/tường thạch cao phải đáp ứng như sau:

Be finished along all exposed edges [26353] Được hoàn thiện dọc theo tất cả các cạnh tiếp xúc

Be moisture resistant in areas of high humidity [27827] Chống ẩm ở những nơi có độ ẩm cao

**(Trang 322)**

The height of all seating must meet the following: [100049]Chiều cao của tất cả các chỗ ngồi phải đáp ứng như sau:

Coordinated with tables and desks it is intended to be used with. [100050]

Phối hợp với bàn và ghế liên quan

Approved by IHG [100051] Được phía IHG phê duyệt

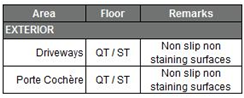
Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended to present samples of all seating in combination with tables/desks to IHG®. [100052]Nên trình bày các mẫu của tất cả các chỗ ngồi kết hợp với bàn/bàn cho IHG®.

Public Area Finishes must meet the following: [246049]

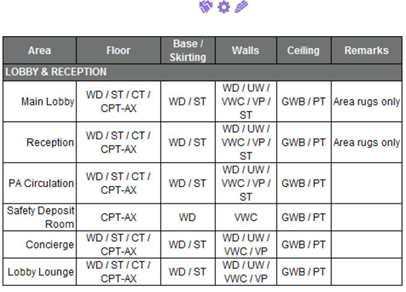
Hoàn thiện khu vực công cộng phải đáp ứng như sau:

Exterior [246050] Bên ngoài



|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Remarks Nhận xét |
| EXTERIOR | | |
| Driveways Đường đi | QT/ ST | Non slip non staining surfaces  Bề mặt không trơn trượt, không ố màu |
| Porte Cochere | QT/ ST | Non slip non staining surfaces  Bề mặt không trơn trượt, không ố màu |

Lobby & Reception [246051] Sảnh & Quầy lễ tân



|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần | Remarks  Nhận xét |
| LOBBY & RECEPTION SẢNH & RECEPTION | | | | | |
| Main Lobby  Sảnh chính |  |  |  |  | Area rugs only  Chỉ có thảm trang trí |
| Reception  Quầy lễ tân |  |  |  |  | Area rugs only  Chỉ có thảm trang trí |
| PA Circulation  Lưu thông PA |  |  |  |  |  |
| Safety Deposit Room  Phòng Két An Toàn |  |  |  |  |  |
| Concierge Dịch vụ đưa đón |  |  |  |  |  |
| Lobby Lounge  Lounge Sảnh |  |  |  |  |  |

1. Restaurant and Bars [246052] Nhà hàng và Quầy bar



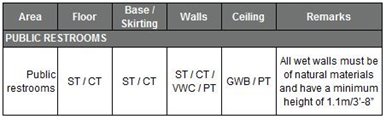
|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần | Remarks  Nhận xét |
| RESTAURANT AND BARS NHÀ HÀNG VÀ QUẦY BAR | | | | | |
| Restaurant  Nhà hàng |  |  |  |  |  |
| Destination restaurant  Nhà hàng xa |  |  |  |  |  |
| Private Dining  Ăn Riêng Tư |  |  |  |  |  |
| Bar Quầy bar |  |  |  |  |  |
| Waiter Stations  quầy nhân viên phục vụ |  |  |  |  |  |

**(Trang 323)**

Meeting Facilities [246053] cơ sở phòng họp

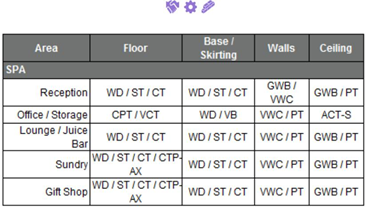
|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần | Remarks  Nhận xét |
| MEETING FACILITIES CÁC CƠ SỞ PHÒNG HỌP | | | | | |
| Pre-function  Khu vực pr-function |  |  |  |  | Storage and BOH areas can be vitrified ceramic, vinyl or epoxy paint/ screed  Khu vực lưu trữ và BOH có thể được sơn thủy tinh, vinyl hoặc sơn epoxy |
| Coat Rm - Public  Coat Rm - Công cộng |  |  |  |  | Stone counters prefered  Ưu tiên các quầy đá |
| coat Rm - Non Public  coat Rm - Không công cộng |  |  |  |  | Areas not visible to public  khu vực không lộ ra công cộng |
| Ballroom  Phòng Ballroom |  |  |  |  | Alternative floor finishes may be considered but must be approved by InterContinental Hotels & Resorts  Có thể xem xét hoàn thiện sàn thay thế nhưng phải được InterContinental Hotels & Resorts phê duyệt |
| Jr. Ballroom (if provided)  Phòng Jr. Ballroom (nếu có) |  |  |  |  |
| Meeting Rooms  phòng họp |  |  |  |  |
| Boardrooms  phòng boardroom |  |  |  |  |
| Business Centre  Trung tâm dịch vụ văn phòng |  |  |  |  |  |
| Meetings facilities support Hỗ trợ cơ sở phòng họp | | | | | |
| Telephone Rooms  phòng điện thoại |  |  |  |  |  |
| Ballroom Storage  Kho phòng Ballroom |  |  |  |  | ACT-S required if accessible to PA  Yêu cầu ACT-S nếu có thể tiếp cận PA |
| AV Storage  Kho AV |  |  |  |  |
| Ancillary Storage  Kho phụ trợ |  |  |  |  |
| Banquet Manager  Giám đốc tiệc |  |  |  |  | Higher finishes required if off PA  Yêu cầu hoàn thiện cao hơn nếu ngoài PA |
| Service Vestibules  Không gian đệm service |  |  |  |  | To match Ballroom finishes  Phù hợp với hoàn thiện Ballroom |
| Function/ BOH  Khu vực chức năng/ BOH |  |  |  |  | ACT-S required if accessible to PA  Yêu cầu ACT-S nếu có thể tiếp cận PA |

Public Restrooms [246054] nhà vệ sinh công cộng



|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần | Remarks  Nhận xét |
| PUBLIC RESTROOMS CÁC NHÀ VỆ SINH CÔNG CỘNG | | | | | |
| Public restrooms  nhà vệ sinh công cộng |  |  |  |  | All wet walls must be of natural materials and have a minimum height of 1.1 m/ 3’-8’’  Tất cả tường ướt phải làm từ vật liệu tự nhiên và cao tối thiểu 1.1 m/ 3’-8’’ |

Spa Facilities [246057] cơ sở spa



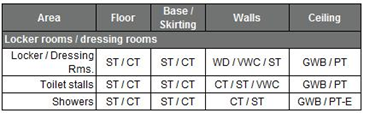
|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần | Remarks  Nhận xét |
| SPA | | | | | |
| Reception Quầy lễ tân |  |  |  |  |  |
| Office/ storage  Văn phòng/ kho |  |  |  |  |  |
| Lounge/ Juice bar  Phòng lounge/ juice bar |  |  |  |  |  |
| Sundry  Đồ lặt vặt |  |  |  |  |  |
| Gift shop  Cửa hàng quà tặng |  |  |  |  |  |

**(Trang 324)**

Treatment Rooms [246055] phòng trị liệu

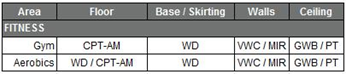
|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần | Remarks  Nhận xét |
| Treatment rooms Phòng trị liệu | | | | | |
| Salon |  |  |  |  |  |
| Relaxation Lounge Phòng Lounge thư giãn |  |  |  |  | All wet walls must be of natural materials and have a minimum height of 1.1 m/ 3’-8’’  Tất cả tường ướt phải làm từ vật liệu tự nhiên và cao tối thiểu 1.1 m/ 3’-8’’ |
| Massage/ Treatment  Massage/ Trị liệu |  |  |  |  |
| Wet Treatment Rm.  Phòng trị liệu ướt |  |  |  |  |
| Wet Lounge  Phòng Lounge ướt |  |  |  |  |  |
| Reflexology  Bấm huyệt |  |  |  |  |  |
| Sauna  Xông hơi sauna |  |  |  |  |  |
| Steam  Xông hơi |  |  |  |  | Slight concave ceiling for water runoff  Trần hơi lõm cho nước chảy |
| Steam Equipment  thiết bị trị liệu |  |  |  |  |  |

Locker rooms/dressing rooms [246056] phòng tủ đựng/ phòng thay đồ



|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần |
| Locker rooms/ dressing rooms  phòng tủ đựng/ phòng thay đồ | | | | |
| Locker rooms/ dressing roomsphòng tủ đựng/ phòng thay đồ |  |  |  |  |
| Toilet stalls  Phòng vệ sinh nhỏ |  |  |  |  |
| Showers  phòng vệ sinh |  |  |  |  |

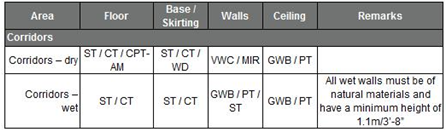
Fitness Centre [246058]



|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần |
| FITNESS | | | | |
| Gym |  |  |  |  |
| Aerobics |  |  |  |  |

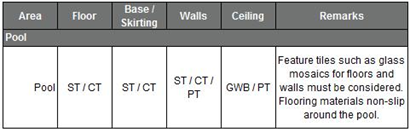
Fitness Centre Corridors [246060] hành lang trung tâm fitness

**(Trang 325)**



|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần |
| Corridors hành lang | | | | |
| corridors -dry  hành lang - khô |  |  |  |  |
| Corridors - wet  hành lang, ướt |  |  |  | All wet walls must be of natural materials and have a minimum height of 1.1 m/ 3’-8’’  Tất cả tường ướt phải làm từ vật liệu tự nhiên và cao tối thiểu 1.1 m/ 3’-8’’ |

Pool [246059] Bể bơi



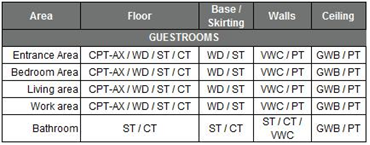
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần |
| Corridors hành lang | | | | |
| corridors -dry  hành lang - khô |  |  |  |  |

Guest Area Finishes must meet the following: [246061]Hoàn thiện khu vực khách phải đáp ứng như sau:

Guest Corridors [246062] sảnh phòng khách

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần | Remarks  Nhận xét |
| CORRIDORS CÁC HÀNH LANG | | | | | |
| Public Space Corridor  Hành lang không gian công cộng |  |  |  |  |  |
| Guestroom Corridors  hành lang phòng khách |  |  |  |  | Floor to match entry Foyer  Sàn phù hợp với Sảnh lối vào |
| Lift/ elevators  Thang máy |  |  |  |  |  |
| Ice dispenser rooms  phòng làm đá |  |  |  |  |  |

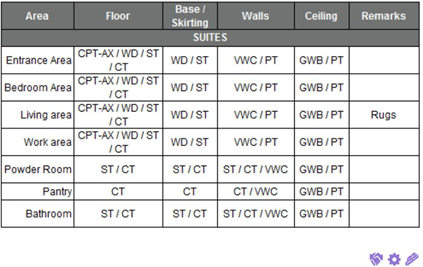
Guest Rooms [246063] phòng khách



|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần | Remarks  Nhận xét |
| GUESTROOMS CÁC PHÒNG KHÁCH | | | | | |
| Entrance Area Khu vực lối vào |  |  |  |  |  |
| Bedroom Area  Khu vực phòng ngủ |  |  |  |  |  |
| Living area  Khu vực sống |  |  |  |  |  |
| Work area Khu vực làm việc |  |  |  |  |  |
| Building Services <t1/>Các Dịch Vụ trong Tòa Nhà |  |  |  |  |  |

suites phòng suites

**(Trang 326)**



|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần | Remarks  Nhận xét |
| GUESTROOMS CÁC PHÒNG KHÁCH | | | | | |
| Entrance Area Khu vực lối vào |  |  |  |  |  |

Colleague Area Finishes must meet the following: [246067] Hoàn thiện khu vực nhân viên phải đáp ứng như sau:

Service Entrance and ancillaries [246068]Lối vào dịch vụ và phụ trợ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần |
| Service Entrance and ancillaries Lối vào dịch vụ và phụ trợ | | | | |
| Service Entrance  Lối vào dịch vụ |  |  |  |  |
| Loading platform  sàn xếp dỡ hàng |  |  |  |  |
| Receiving  Tiếp nhận |  |  |  |  |
| Timekeeper/ clock in  Máy chấm công/đồng hồ |  |  |  |  |
| Dock area Control  Kiểm soát khu vực bốc dỡ |  |  |  |  |
| Personnel Manager  Giám đốc nhân sự |  |  |  |  |
| Training Manager  Giám đốc đào tạo |  |  |  |  |
| Văn phòng nhân sự tổng hợp |  |  |  |  |
| Interview Room  Phòng Phỏng vấn |  |  |  |  |
| Wet Trash Area  Khu vực rác ướt |  |  |  |  |
| Compactor  Máy lu |  |  |  |  |
| Empty Bottles  chai rỗng |  |  |  |  |

Accounting, Finance and Materials [246069]Kế toán, Tài chính và Vật liệu

**(Trang 327)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần | Remarks  Nhận xét |
| Accounting, Finance and Materials Kế toán, Tài chính và Vật liệu | | | | |  |
| General office  Văn phòng tổng hợp |  |  |  |  |  |
| Controllers office  Văn phòng của kiểm soát |  |  |  |  |  |
| Assistant controller  Trợ lý kiểm soát |  |  |  |  |  |
| Head Cashier  Trưởng thu ngân |  |  |  |  |  |
| computer Rm. (remote)  Phòng máy tính (xa) |  |  |  | Anti-static Chống tĩnh điện |  |
| Storage Kho lưu trữ |  |  |  |  |  |
| Materials Manager Giám đốc vật liệu |  |  |  |  |  |
| Purchasing Thu mua |  |  |  |  |  |
| General Office Văn phòng tổng hợp |  |  |  |  |  |
| Cost Accountant  Kế toán chi phí |  |  |  |  |  |
| Inventory Clerk  Nhân viên kho |  |  |  |  |  |

Administrative areas [246070] khu vực hành chính

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần |
| Administrative areas khu vực hành chính | | | | |
| Front Office Phòng tiền sảnh |  |  |  |  |
| Reservation Office  Phòng đặt phòng |  |  |  |  |
| Front Office Manager  Giám đốc tiền sảnh |  |  |  |  |
| Security & Monitors  An ninh & giám sát |  |  |  |  |
| Credit Managers Office  Văn phòng quản lý tín dụng |  |  |  |  |
| Guest Service Centre  Trung tâm dịch vụ khách hàng |  |  |  |  |
| Revenue Room  Phòng doanh thu |  |  |  |  |

Executive Admin Offices [246071]Văn phòng quản trị điều hành

**(Trang 328)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần | Remarks  Nhận xét |
| Executive Admin Offices Văn phòng quản trị điều hành | | | | | |
| General Manager Tổng quản lý  Tông Giám đốc |  |  |  |  | Higher level finishes required if visible to PA  Yêu cầu hoàn thiện mức độ cao hơn nếu có thể thấy đối với PA |
| Meeting Room Phòng họp |  |  |  |  |  |
| Resident Manager/ EAM  Giám đốc tòa nhà/ EAM |  |  |  |  |  |
| Marketing Director  Giám đốc Marketing |  |  |  |  |  |
| Sales Office  Văn phòng bán hàng |  |  |  |  |  |
| Banquet Manager  Giám đốc tiệc |  |  |  |  |  |
| Banquet Sales  Kinh doanh tiệc |  |  |  |  |  |
| F&B Manager  Giám đốc F&B |  |  |  |  |  |
| PR Director  Giám đốc PR |  |  |  |  |  |
| General Office area  Khu vực văn phòng tổng hợp |  |  |  |  |  |
| Files, storage, copiers  tài liệu, tủ đựng và giấy tờ in ấn |  |  |  |  |  |

Kitchen Area [246072] Khu vực nhà bếp

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần | Remarks  Nhận xét |
| General storage Kho tổng hợp | | | | | |
| Bulk storage Kho chất đống |  |  |  |  |  |
| Secure storage Kho an toàn |  |  |  |  |  |
| Food storage Kho thực phẩm |  |  |  |  |  |
| Beverage storage Kho đồ uống |  |  |  |  |  |
| Refrigerated storage  Kho lạnh |  |  |  |  |  |
| Stewards storage  Kho quản gia |  |  |  |  |  |
| Kitchens & ancillaries Bếp & phụ trợ | | | | | |
| Hot food Đồ nóng |  |  |  |  | SF Flooring can be seamless vinyl, if permitted by local authorities  all BOH walls in corridors to have bumper rails and stainless steel corner guards. All kitchen wall tiles to have corner guards  Sàn SF có thể là nhựa vinyl liền mạch, nếu được chính quyền địa phương cho phép  tất cả các bức tường BOH trong hành lang để có thanh ngang thấp và bọc góc bằng thép không gỉ. Tất cả gạch ốp tường nhà bếp để có bọc góc |
| cold food Đồ nguội |  |  |  |  |
| Service bar/ ice  Bar dịch vụ/ đá |  |  |  |  |
| Waiter’s pantry  Quầy pantry nhân viên |  |  |  |  |
| Dish/ glass washing  Rửa cốc/ đĩa |  |  |  |  |
| Pot washing  Rửa nồi nấu |  |  |  |  |
| Stewards office  Phòng quản gia |  |  |  |  |
| Chef’s office Phòng đầu bếp |  |  |  |  |
| Total central kitchen Tổng bếp trung tâm | | | | | |
| Food preparation Chuẩn bị thực phẩm |  |  |  |  |  |
| Bakery/ finishing  Bánh mì/ hoàn thiện |  |  |  |  |  |
| Janitor  Người trông nom |  |  |  |  |  |
| Room service  dịch vụ phòng |  |  |  |  |  |
| Cart/ tray make up area  Khu vực lấy khay/ xe đẩy |  |  |  |  |  |
| Banquet pantry  Quầy pantry tiệc |  |  |  |  |  |
| Lobby lounge pantry  Quầy pantry của lounge sảnh |  |  |  |  |  |

**(Trang 329)**

Housekeeping [246073] Buồng phòng

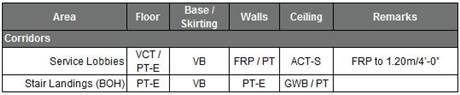
|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần | Remarks  Nhận xét |
| Housekeeping Buồng phòng | | | | | |
| Housekeeper’s office  Văn phòng buồng phòng |  |  |  |  |  |
| General office  Văn phòng tổng hợp |  |  |  |  |  |
| Uniform racks & issue  Giá đựng đồng phục & khăn |  |  |  |  |  |
| Secure guest supplies  Đồ cung cấp cho khách an toàn |  |  |  |  |  |
| Lost & found  Đồ thất lạc |  |  |  |  |  |
| Dead storage Kho dự trữ |  |  |  |  |  |
| Laundry & valet  Giặt là & valet |  |  |  |  | QT floor, non slip around washing machines and wet areas  Sàn QT, không trơn trượt xung quanh máy giặt và khu vực ẩm ướt |
| Cleaning equip, storage Kho, thiết bị sạch sẽ |  |  |  |  |  |
| Ballroom storage  Kho Ballroom |  |  |  |  |  |
| Banquet storage  Kho tiệc |  |  |  |  |  |

**(Trang 330)**

Engineering [246074] Kỹ thuật

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần |
| Engineering Kỹ thuật | | | | |
| Boiler & machine room  Phòng máy & nồi hơi |  |  |  |  |
| Transformer Rm.  Buồng máy biến thế |  |  |  |  |
| Emergency generator  máy phát điện khẩn cấp |  |  |  |  |
| Fan rooms  Phòng quạt |  |  |  |  |
| Penthouse fan room  Phòng quạt penthouse |  |  |  |  |
| Cooling tower Tháp giải nhiệt |  |  |  |  |
| Elevator machine room  Phòng máy thang máy |  |  |  |  |
| Audio visual centre  Trung tâm AV |  |  |  |  |
| Telephone equipment  Thiết bị điện thoại |  |  |  |  |
| Engineering shop  Cửa hàng kỹ thuật |  |  |  |  |
| Engineering storages  kho kỹ thuật |  |  |  |  |
| Chief Engineers office  Văn phòng kỹ sư trưởng |  |  |  |  |
| General office  Văn phòng tổng hợp |  |  |  |  |

Corridors [246075] hành lang



|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần | Remarks  Nhận xét |
| Corridors hành lang | | | | | |
| Service Lobbies sảnh dịch vụ |  |  |  |  |  |
| Stair Landings (BOH)  Thềm nghỉ cầu thang |  |  |  |  |  |

Staff Facilities [246076] cơ sở cho nhân viên

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Area Khu vực | Floor Sàn | Base/ Skirting  Nền/ gờ tường | Walls  bức tường | Ceiling  Trần | Remarks  Nhận xét |
| Staff Facilities cơ sở cho nhân viên | | | | | |
| Lockers, toilets, showers  Tủ khóa, nhà vệ sinh, vòi hoa sen |  |  |  |  | All wet walls must be of natural materials and have a minimum height of 1.1 m/ 3’-8’’  Tất cả tường ướt phải làm từ vật liệu tự nhiên và cao tối thiểu 1.1 m/ 3’-8’’  non slip QT in showers; VCT can be used in changing area  QT không trượt trong nhà tắm; VCT có thể được sử dụng trong khu vực thay đổi |
| Cafeteria  Quán cà phê |  |  |  |  |  |
| Cafeteria kitchen  Bếp ăn |  |  |  |  |  |
| Staff lounge  Phòng lounge nhân viên |  |  |  |  |  |
| Training room  Phòng đào tạo |  |  |  |  |  |

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Ceilings

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Trần

**(Trang 331)**

Ceilings must meet the following: [13319]Trần phải đáp ứng như sau:

Must be coordinated with all building services to ensure that all lighting, fire protection and detection, audio visual and air movement systems are incorporated. [57827]

Phải được phối hợp với tất cả các dịch vụ tòa nhà để đảm bảo rằng tất cả các hệ thống chiếu sáng, phát hiện cháy và chữa cháy, hệ thống chuyển động hình ảnh và không khí được kết hợp.

Guidelines Hướng Dẫn

• Multiplane ceilings are recommended. [16142] Nên có trần nhiều tầng

Ceiling heights must meet the following requirements: [79480]Chiều cao trần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Lobby: 3m (10ft). [99969] Tiền sảnh: 3 m (10ft).

Front desk, Lobby Seating and Lounge: 3m (10ft) [99971] Quầy lễ tân, Chỗ ngồi sảnh và phòng lounge: 3 m (10ft)

Back office: min 2.4m (8ft) clear. [79484] Khu vực back office: tối thiểu 2.4m (8ft)

Left Luggage Store: 2.4m (8ft) [99973] Cửa hàng hành lý để lại: 2,4m (8ft)

Restaurants and Bars: 3m (10ft). [99975] Nhà hàng và quán bar: 3 m (10ft).

Retail Areas: 3m (10ft). [99976] khu vực bán lẻ: 3 m (10ft).

Public Corridors: 2.7m (9ft) [99978] hành lang công cộng: 2,7m (9ft)

Public Toilets: 2.7m (9ft) [99980] Nhà vệ sinh công cộng: 2,7m (9ft)

Toilet Cubicles: 2.6m (8ft 8in) [99981] Phòng vệ sinh: 2,6m (8ft 8in)

Guest floor lift lobbies: 2.7m (9ft) [99982] Hành lang thang máy tầng của khách: 2,7m (9ft)

Guest floor corridors: 2.4m (8ft) [99984] Hành lang tầng khách: 2,4m (8ft)

Guest room entrance area: 2.4m (8ft). [99985] Khu vực lối vào phòng khách: 2,4m (8ft).

Guest room: 2.7m (9ft) [99988] Phòng khách: 2,7m (9ft)

Guest bath zone: 2.4m (8ft) [99993] Khu vực tắm cho khách: 2,4m (8ft)

Prefunction Area: 3m (10ft) [100097] Khu vực pre-function: 3 m (10ft)

Meeting rooms: minimum of 2.7m (9ft) clear, 3m (10ft) preferred. [79490]

Phòng họp: tối thiểu 2,7m (9ft) , ưu tiên 3 m (10ft).

Board Rooms: 3m (10ft) [100103] Phòng Board Room: 3m (10ft)

Sauna/Steam Room: 2.4m (8ft) [100115] Phòng tắm hơi/xông hơi: 2,4m (8ft)

Spa: 2.7m (9ft) [100117]

Spa Treatment Room: 2.4m (8ft) [100118] Phòng trị liệu spa: 2,4m (8ft)

Gym and Fitness: 2.5m (8ft 4in), 3m (10ft) preferred. [100119] Phòng gym và fitness: 2.5m (8ft 4in), ưu tiên 3m (10ft)

Indoor swimming pool: 3.5m (11ft 8in) [100120] Bể bơi trong nhà: 3,5m (11ft 8in)

Kitchens: minimum of 2.5m (8ft 3in) [100121] Bếp: tối thiểu 2,5m (8ft 3in)

Banquet Storage: 3m (10ft) [100122] Lưu trữ tiệc: 3 m (10ft)

Business Center: 2.7m (9ft) [100123] Trung tâm dịch vụ văn phòng: 2.7m (9ft)

Maintenance area in back of house: 2.7m (9ft). [100124] Khu vực bảo trì tại BOH: 2,7m (9ft).

Guest Lift Lobby: 2.7m (9ft). [133105] Sảnh thang máy của khách: 2.7m (9ft).

Back of house offices: 2.4m (8ft) [133106] văn phòng BOH: 2.4m (8ft)

Back of house service corridors: 3m (10ft) [133107] hành lang dịch vụ BOH: 3m (10ft)

**(Trang 332)**

Colleague dining: 2.7m (9ft) [133108] Ăn uống nhân viên: 2.7m (9ft)

Housekeeping areas: 2.7m (9ft) [133109] khu vực buồng phòng: 2.7m (9ft)

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Ceilings -> Suspended Ceiling Tiles

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Trần -> Gạch Trần Treo

Ceiling tiles must meet the following: [26346] Gạch ốp trần phải đáp ứng như sau:

Must be demountable [26351] Có thể tháo ra được

Maximum tile size: 60cm (2ft) by 1.2m (4ft). [133110]

Kích thước gạch tối đa: 60cm (2ft) theo 1,2m (4ft).

Ceiling Grid/layout must be fully coordinated with all lighting, FLS, AV and air movement system outlets. [133111]

Lưới ống dẫn trần/ sơ đồ trần phải được phối hợp đầy đủ với tất cả các ổ chiếu sáng, FLS, AV và hệ thống chuyển động không khí.

Acoustic ceiling tiles are not permitted in all guest facing areas. [133112] Không cho phép dùng gạch ốp trần tiêu âm trong tất cả các khu vực có khách.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Paint

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Sơn

Painted finishes must meet the following: [21532]

Hoàn thiện sơn phải đáp ứng như sau:

Colourfast [21534] Bền màu

Low Volatile Organic Compounds (VOC) [54906]Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi thấp (VOC)

Guidelines Hướng Dẫn

• Flat paints should not be used on surfaces which are in contact or accessible to guests/colleagues.

[27467]Không nên sử dụng sơn xỉn mặt trên các bề mặt tiếp xúc hoặc tiếp cận với khách/nhân viên.

• Gloss paint should be used in food preparation und utility areas, main service corridors and wet areas.

[27468]Nên dùng sơn bóng trong các khu vực chế biến thực phẩm và tiện ích, hành lang dịch vụ chính và khu vực ẩm ướt

Egg shell paint should be used on all other surfaces. [27469]

Nên dùng sơn dạng vỏ trứng trên tất cả các bề mặt khác.

Semi-gloss/Satin paint should be used in service areas, back of the house, and toilet areas. [27470]Nên dùng sơn bán bóng/Satin trong các khu vực dịch vụ, khu vực BOH và khu vực nhà vệ sinh.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Wall Coverings

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Lớp phủ tường

Walls within 90cm (3ft) of sanitary fixtures must meet the following: [57751]

Tường trong vòng 90cm (3ft) của thiết bị vệ sinh phải đáp ứng các điều sau:

Finishes must be non porous and abrasion resistant. [57754]

Hoàn thiện phải không xốp và chống mài mòn.

Re-glazing of ceramic wall tiles in public restrooms is not permitted. [77895] Không cho phép bọc kính lại các gạch ốp tường trong nhà vệ sinh công cộng.

Where textured wall or ceiling finishes are provided they must meet the following: [102692]

Trường hợp cung cấp kết cấu tường hoặc trần kết cấu, chúng phải đáp ứng như sau:

Must be colourfast with integral colour. [133113] Phải bền màu với màu sắc tích hợp.

Skirting must be provided for wall finishes. [133114] Phải cung cấp gờ tường cho hoàn thiện tường.

Skirting must be provided. [133115] Cung cấp gờ tường.

On all walls, except on operable partitions or where walk off mats are installed. [133116]

Trên tất cả các bức tường, ngoại trừ trên vách ngăn di động hoặc nơi lắp đặt thảm .

**(Trang 333)**

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Wall Coverings -> Vinyl

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Tấm phủ tường -> Vinyl

Painting over vinyl wall covering is not permitted. [22196] Không cho phép lớp sơn phủ tường vinyl.

Vinyl wall coverings must meet the following: [21527] Lớp phủ tường vinyl phải đáp ứng như sau:

Adhesives must be non-organic. [21528] Chất kết dính không phải là hữu cơ

Where provided in guest rooms and administrative offices must be a minimum product weight of 345g/m² (15oz per lineal yard). [21530]

Trường hợp được cung cấp trong phòng khách và văn phòng hành chính phải có trọng lượng sản phẩm tối thiểu 345g/m2 (15oz mỗi yard chiều dài).

Where provided in public areas must be a minimum product weight of 460g/m² (20oz per lineal yard).

[21531]Trường hợp được cung cấp trong khu vực công cộng phải có trọng lượng sản phẩm tối thiểu là 460g/m2 (20oz mỗi yard chiều dài).

Caulk vinyl wall covering at joints with all dissimilar materials. [58380] Lớp phủ tường vinyl Caulk tại các khớp với tất cả các vật liệu khác nhau.

Consistency of dye and colour matching must be ensured throughout the production run. [58382]Đảm bảo tính nhất quán của thuốc nhuộm và màu phù hợp trong suốt quá trình sản xuất.

No seams shall occur at outside corners of walls unless otherwise approved by IHG. [58384]

Không có đường nối nào ở các góc bên ngoài của tường trừ khi được IHG phê duyệt.

Where provided in guest room corridors must be a minimum product weight of 460g/m² (20oz per lineal yard). [133117] Trường hợp được cung cấp trong hành lang phòng khách phải có trọng lượng sản phẩm tối thiểu là 460g/m2 (20oz mỗi yard chiều dài).

Guidelines Hướng Dẫn

• A dado/chair rail at an appropriate height, is recommended in all guest room corridors. [25896]

Một thanh tay vịn/bệ ở độ cao thích hợp, được khuyến nghị trong tất cả các hành lang phòng khách.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Glazing and Mirrors

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Lắp kính và gương

Where attached glazed finishes or mirrors are provided, they must meet the following: [22704]

Trong trường hợp hoàn thiện tráng men hoặc gương đi kèm, chúng phải đáp ứng như sau:

Polished edges or frame ensuring no sharp edges. [26815]

cạnh hoặc khung được đánh bóng đảm bảo không có cạnh sắc.

Must be securely mounted. [27472] Phải được gắn an toàn.

Mirrors must be free from silver oxidation unless purposefully selected as part of the interior design

[27473]Gương phải không bị oxi hóa bạc trừ khi được chọn một cách có chủ đích trong thiết kế nội thất

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Floor Finishes

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Hoàn thiện sàn

Transitions between different flooring materials or levels must be protected with thresholds or trim.

Chuyển đổi giữa các vật liệu hoặc mức sàn khác nhau phải được bảo vệ bằng ngưỡng hoặc trang trí.

[13145]

Floor finishes must be laid to fall to floor drain locations. [20460]

Hoàn thiện sàn phải được bố trí để đổ xuống các vị trí thoát sàn.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Floor Finishes -> Carpet - Broadloom

Hành trình xây dựng - xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Hoàn thiện sàn -> Thảm - Thảm dệt khổ rộng

Where broadloom carpet is provided it must meet the following: [21493]

Trường hợp cung cấp thảm dệt khổ rộng, nó phải đáp ứng như sau:

**(Trang 334)**

Must have a face content of 100% solution dyed nylon. [58321] Phải có hàm lượng 100% dung dịch nhuộm nylon.

Gauge must be 1/10 minimum. [58323] Máy đo phải tối thiểu 1/10

Tufted cut pile or tip shear with enhanced loop [21494]

Cắt chùm hoặc cắt đầu với móc tăng cường

Primary backing must be a woven synthetic material [21498]

Lớp nền chính phải là vật liệu dệt tổng hợp

Have secondary backing or commercial grade carpet pad/underlay [21500]

Có lớp lót/lớp lót thảm thương mại thứ cấp hoặc lớp lót

If secondary backing is provided, it must be a reinforced woven synthetic material. [21499]

Nếu cung cấp lớp lót thứ cấp, nó phải là vật liệu tổng hợp được gia cố.

Direct glue down of carpet without pad or backing is not permitted [22204]

Không cho phép keo dán thảm trực tiếp mà không có đệm hay lót.

Where axminster is provided, it must be 80/20 wool/nylon mix [27499]

Trường hợp cung cấp axax , nó phải là hỗn hợp len/nylon 80/20

Be stain resistant and colourfast [27500] Chống ố bẩn và bền màu

A 15-year minimum manufacturer's non-prorated wear warranty is required. [58325]

Yêu cầu bảo hành sờn rách không theo tỷ lệ của nhà sản xuất tối thiểu 15 năm.

A 2-year minimum manufacturer's defects warranty is required. [58327]

Yêu cầu bảo hành khuyết tật của nhà sản xuất tối thiểu 2 năm.

Polyolefin is not permitted. [58329] Không cho phép polyolefin.

Where nylon carpet is provided in public areas it must be 100% solution dyed or computer-printed.

[58331]Trường hợp cung cấp thảm nylon ở các khu vực công cộng thì nó phải được nhuộm 100% hoặc in bằng máy tính.

Consistency of dye and colour matching must be ensured throughout the production run. [58333]

Phải đảm bảo tính nhất quán của thuốc nhuộm và màu phù hợp trong suốt quá trình sản xuất.

Must have a minimum certified tufted pile weight of 1085g/m² (32oz/sq yd). [100250]

Phải có trọng lượng lông nhung ngang tối thiểu được chứng nhận là 1085g/m2 (32oz/m2 yd).

Guidelines Hướng Dẫn

• A minimum one-year installers warranty is recommended. [22067] Nên bảo hành lắp đặt tối thiểu một năm.

• Straight runs of plain or patterned carpets along corridors are not recommended. [22205]

Không khuyến nghị các đường chạy thẳng của thảm hoa văn hoặc phẳng dọc hành lang.

Where carpet is installed in public areas, it must meet the following: [79494]

Trường hợp cung cấp thảm ở khu vực công cộng, nó phải đáp ứng các điều sau:

Contract grade 950g/m² (28 ounces per square yard). [79695]

Phẩm cấp hợp đồng 950g/m2 (28 ounce mỗi yard vuông).

Carpet pad required. [79696] Yêu cầu đệm thảm.

Pile height 7.00mm (0.25in). (including backing) [79698]

Chiều cao lông nhung 7.00mm (0,25in). (bao gồm cả lớp lót)

Pile weight 1400g/m². [79699] Khối lượng lông nhung 1400g/m².

Axminster - 9 row & 8 pitch (2 ply), 7 row & 6 pitch (3 ply). [79700]

Axminster - 9 hàng & 8 pitch (2 ply), 7 hàng & 6 pitch (3 ply).

Where carpet is installed in guest corridors or stairs, it must meet the following: [79701]

Trường hợp lắp thảm trong hành lang hoặc cầu thang của khách, nó phải đáp ứng như sau:

Contract grade 950g/m² (28 ounces per square yard). [79702] Phẩm cấp hợp đồng 950g/m2 (28 ounce mỗi yard vuông).

Fixed carpet pad required. [79703] Yêu cầu đệm thảm cố định

Minimum tufted quality 80/20 wool mix or 100% synthetic (6.6 nylon). [79704]

Chất lượng len tối thiểu 80/20 hỗn hợp len hoặc 100% tổng hợp (6,6 nylon).

Pile weight 1250g/m². [79706] Khối lượng lông nhung 1250g/m².

Axminster - 8 row & 7 pitch (2 ply), 7 row & 6 pitch (3 ply). [79707]

Axminster - 8 hàng & 7 pitch (2 ply), 7 hàng & 6 pitch (3 ply).

Where carpet is installed in guest rooms, it must meet the following: [79708]

Trường hợp lắp thảm trong phòng khách, nó phải đáp ứng như sau:

Wall-to-wall carpet. [79709] Thảm phủ kín sàn.

Contract grade 950g/m² (28 ounces). [79710]Phẩm cấp hợp đồng 950g/m2 (28 ounce ).

**(Trang 335)**

Carpet underlay required (separate or integral). [79711] Yêu cầu lớp lót thảm (riêng biệt hoặc tích hợp)

Minimum tufted quality 80/20 wool mix or 100% synthetic (6.6 nylon). [79712]

Chất lượng lông tối thiểu 80/20 hỗn hợp len hoặc 100% tổng hợp (6,6 nylon).

Pile height 7.00mm (0.25in). (including backing). [79713]

Chiều cao lông nhung 7.00mm (0,25in). (bao gồm cả lớp lót).

Pile weight 1150g/m². [79714] Trọng lượng lông nhung 1150g/m2.

Axminster - 7 row & 7 pitch (2 ply), 7 row & 6 pitch (3 ply). [79715]

Axminster - 7 hàng & 7 pitch (2 ply), 7 hàng & 6 pitch (3 ply).

Where carpet is installed in leisure and fitness areas, it must meet the following: [100269]

Trường hợp bố trí thảm trong khu vực giải trí và fitness, nó phải đáp ứng như sau:

Anti-microbial, solution dyed and loop pile carpet. [100270]

Thảm nhung vòng, nhuộm dung dịch và chống vi khuẩn.

Pile height 6.3mm (0.25in). (including backing) [100271]

Chiều cao lông nhung 6.3mm (0,25in). (bao gồm cả lớp lót).

Fibre weight/tufted: 794g (28 oz) [100272] Trọng lượng sợi/búi: 794g (28 oz)

Carpet weight: 1985g/m² [100273] Trọng lượng thảm: 1985g/m²

Yarn Content: Antron Lumea Nylon. [100274] Thành phần sợi: Antron Lumea Nylon.

Static rating: 3.0KV maximum, antistat must be warranted for life of carpet. [100275]

Carpet underlays must meet the following: [100276]

Tĩnh điện: tối đa 3.0KV, khử tĩnh điện phải được bảo hành cho tuổi thọ của thảm. [100275]

Based on natural fibres or synthetic. [100277]Dựa trên sợi tự nhiên hoặc tổng hợp.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Floor Finishes -> Area Rugs

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Hoàn thiện sàn -> thảm trang trí

Where rugs are provided they must meet the following: [13142]Trường hợp cung cấp thảm , chúng phải đáp ứng như sau:

Be installed to prevent trip and slip hazards [13143]Được lắp đặt để ngăn ngừa nguy hiểm đi lại và trơn trượt

See also ID number [56530]Xem thêm số ID

Must have a wear retention (appearance) life of minimum seven years life, in a commercial trafficked environment. [57814] Phải có tuổi thọ hao mòn (bề ngoài) tối thiểu 7 năm, trong môi trường thương mại.

Guidelines Hướng Dẫn

• Should be secured, taped to the floor or located under static furniture items to prevent a slip hazard.

[22326]Cần được bảo đảm, gắn xuống sàn hoặc nằm dưới các đồ nội thất tĩnh để tránh nguy cơ trượt.

• Should have edges which remain flat and of a pile height to prevent a trip hazard [22327]

Nên có các cạnh vẫn phẳng và có chiều cao lông nhung để tránh nguy hiểm cho đi lại.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Floor Finishes -> Stone

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Hoàn thiện sàn -> Đá

Where natural stone tiles are provided they must meet the following: [26300]

Trường hợp cung cấp gạch đá tự nhiên , chúng phải đáp ứng như sau:

Sealed with commercial sealer after installation [26301]

Bịt kín bằng keo dính thương mại sau khi lắp đặt

Guidelines Hướng Dẫn

• When used as flooring in a shower cubicle, flamed or bush-hammered finish is recommended. [68495]

Khi được dùng làm sàn trong một phòng tắm, nên hoàn thiện gia công bằng búa hoặc flamed.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Floor Finishes -> Resilient Flooring

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Hoàn thiện sàn -> Sàn gỗ đàn hồi

**(Trang 336)**

Where vinyl floor covering is provided it must meet the following: [21369]

Trường hợp cung cấp sàn vinyl , chúng phải đáp ứng như sau:

Wear layer to be through-body colour and a minimum of 0.5mm (0.02in) thick [21377]

Lớp phủ bề mặt có màu sắc toàn phần và dày tối thiểu 0.5mm (0.02in)

Must have commercial grade factory finish [21378]

Phải hoàn thiện công nghiệp loại thương phẩm

Must be installed on level substrate [26303] Phải được cài đặt trên chất nền cấp

Must have a minimum thickness of 3.1mm (0.125in) [27476] Phải có độ dày tối thiểu 3,1mm (0,125in)

Plastic Laminate flooring is not permitted. [54907] Không cho phép sàn gỗ nhựa.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Floor Finishes -> Wood

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Hoàn thiện sàn -> Gỗ

Where wood floors are provided they must meet the following: [19345]

Trường hợp cung cấp sàn gỗ , chúng phải đáp ứng như sau:

Consist of commercial quality tongue and groove planking with a polyurethane sealer certified to withstand commercial wear [19350] Bao gồm mối ghép mộng loại thương mại với chất bịt kín polyurethane được chứng nhận để chịu được hao mòn thương mại.

A manufacturer’s minimum five-year commercial use warranty [19351] Bảo hành sử dụng thương mại tối thiểu 5 năm từ nhà sản xuất

Guidelines Hướng Dẫn

• Should be installed only after masonry, plastering, tile, marble work etc has been completed. [100304]Chỉ nên được lắp đặt sau khi hoàn thành xây, trát, gạch, ốp đá cẩm thạch, vv .

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Floor Finishes -> Ceramic and Porcelain

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Hoàn thiện sàn -> Gạch và sứ

Where tile flooring is provided it must be porcelain or natural stone and meet the following: [21447]

Trường hợp cung cấp lát sàn gạch, nó phải là sứ hoặc đá tự nhiên và đáp ứng như sau:

Be through-body/homogeneous colour [21452] Màu sắc toàn phần/ đồng nhất

Natural stone tiles must be factory sealed [21454] Gạch đá tự nhiên phải được bịt kín công nghiệp.

Be a minimum thickness of 8mm (5/16in) [65695] Độ dày tối thiểu là 8 mm (5/16in)

Must be installed on a clean, level substrate. [79717] Phải được lắp đặt trên một chất nền sạch, cấp.

All tiles should be factory rectified. [21457] Tất cả các gạch nên được chỉnh sửa công nghiệp.

Tiles should be laid in grid pattern and centered both directions in each space., ensuring cut tiles are minimized. [79718] Gạch nên được đặt trong kiểu khung lưới và tập trung cả hai hướng trong mỗi không gian., Đảm bảo giảm thiểu cắt gạch.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Window Treatments

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Đồ trang trí cửa sổ

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Window Treatments -> Curtains and Sheers

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Đồ trang trí cửa sổ -> Rèm và Mành che

Curtains and sheers must meet the following: [100305] Rèm và mành che phải đáp ứng như sau:

External blinds or shutters as the sole window treatment are not permitted. [100306] Không cho phép tấm chắn sáng hoặc rèm chắn để trang trí cửa sổ duy nhất.

Pattern must be matched at seams with seams hidden behind pleats. [100307]

Hoa văn phải được kết hợp tại các đường nối với các đường nối ẩn đằng sau nếp gấp.

**(Trang 337)**

The length of the non-decorative fabric elements (linings/sheers/blackouts) must not exceed the length of the decorative drapery. [100308]

Chiều dài của các loại vải không trang trí (lớp vải lót/vải sheer/vải blackout) không được vượt quá chiều dài của vải trang trí.

All drapery must have sufficient return to the wall to preclude light transfer and/or view. [100309]Tất cả vải phải chuyển lại đủ về tường để ngăn chặn chuyển ánh sáng và/hoặc tầm nhìn.

Stitching yarn must have the same performance/shrinkage factor as fabric material during cleaning.

[100310]Chỉ khâu phải có cùng hiệu suất/độ co rút như chất liệu vải trong quá trình làm sạch.

Where curtains and sheers are provided, they must have the following hardware: [13305]

Khi cung cấp màn cửa và màn sheer , chúng phải có phần cứng sau:

All hardware and tracks must be of commercial quality and be concealed unless these are a decorative element. [57821]

Tất cả các phần cứng và thanh ngang phải có chất lượng thương mại và được che giấu trừ khi đây là một yếu tố trang trí.

Where motorized curtains are not provided, curtain pull rods must be provided. [57824]

Trường hợp không cung cấp rèm vải gắn động cơ, thì phải có thanh kéo rèm .

Tracks must be extruded aluminum. [136061] thanh ngang phải được ép đùn nhôm

Tracks must overlap to ensure blackout. [136062] thanh kéo phải chồng chéo để đảm bảo làm tối.

Heavy duty drapery hooks [136063] móc treo hạng nặng

One hook per pleat. [136064] Một móc trên mỗi nếp gấp.

Pull rods made from pressed metal/steel are not permitted. [136065]

Không cho phép thanh kéo làm từ kim loại/thép ép .

Where curtains are provided they must meet the following: [26332]

Trường hợp cung cấp rèm cửa, chúng phải đáp ứng như sau:

When centre closed, curtains must overlap a minimum of 15cm (6in) [26339]

Khi đóng cửa trung tâm, rèm cửa phải chồng lên nhau tối thiểu 15cm (6in)

Fullness must be a minimum of 150%. [58514] Độ phủ toàn phần tối thiểu 150%.

All individual components of the drapery installation must be able to be cleaned using the same process. [100019] Tất cả các thành phần riêng lẻ lắp đặt màn treo phải có thể được làm sạch bằng cách sử dụng cùng một quy trình.

Bottom hems [100021] Bản lai

Selvage must be cut off or clipped depending on fabric type used. [100022]

Phải cắt hoặc cắt cụt mép vải tùy thuộc vào loại vải được sử dụng.

Tabled for squareness. [100023] Đặt lên bàn cho vuông vắn

100% blackout lining. [136066] 100% vải màn che tối.

It is recommended to use black out lining for both: draw and dress curtains. [100024]

Nên dùng vải che tối cho cả hai: vải draw và vải rèm dress curtains.

Interlining is recommended for Public areas and Suites only. [100025]

Khuyến nghị keo dựng cho chỉ các khu vực công cộng và phòng Suites.

Where sheers are installed they must be provided with the following: [16092]

Nếu lắp đặt vải sheers, chúng phải được cung cấp như sau:

A weighted hem [26340] Một đường may nặng

Fullness must be a minimum of 150%. [58017] Độ đủ tối thiểu 150%.

When designed to be center closed, sheers must overlap a minimum of 15cm (6in). [79724]

Khi được thiết kế để đóng ở giữa, các vải sheer phải chồng lên nhau tối thiểu 15cm (6in).

Regis header tape or pinch pleat header. [100009] Băng đầu Regis hoặc đầu pinch pleat

Clear plastic draw rods [100010] thanh nhựa

100% Trevira CS [100011]

Plain weave voile. [100012] Voan dệt trơn

Fully washable up to 40°C [100013] Có thể giặt hoàn toàn tới 40°C

**(Trang 338)**

Where Blackout lining is attached to the curtain, both fabrics must be pre-washed and have the same shrink rate. [68496] Trong khi lớp lót Blackout được gắn vào rèm, cả hai loại vải phải được giặt trước và có cùng tỷ lệ co rút.

Where Pelmets are provided they must meet the following: [100031]

Trường hợp cung cấp Pelmets , chúng phải đáp ứng như sau:

Matching fabric with curtains. [100032] Phối hợp vải với rèm.

Fixed with velcro or similar. Permanent fixing is not permitted. [100033]

Cố định với khóa velcro hoặc tương tự. Không cho phép cố định vĩnh viễn.

Labeling must be provided and meet the following: [100034]

Phải có nhãn dán và đáp ứng như sau:

Each individual curtain, drape, pelmet, sheer, tieback must be labelled. [100035]

Phải dán nhãn mỗi loại rèm, trướng treo, mảnh gỗ pelmet, vải sheer, thanh kéo.

Room number and/or location [100036] Số phòng và/ hoặc vị trí

Composition of fabric [100037] Thành phần của vải

Cleaning instructions [100038] hướng dẫn làm sạch

Flame retardancy status i.e. inherent/treated. [100039] Tình trạng ngăn cháy tức là vốn có/ đã xử lý.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Upholstered Items

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Vật phẩm bọc

Where upholstery is provided it must meet the following: [22725]

Trường hợp bọc, nó phải đáp ứng như sau:

Treated for soil and stain resistance [22727] Xử lý chống bẩn và ố đất

30,000 double rubs minimum [22726] Ít nhất là 30,000 double rubs

High density foam cushioning [54908] Đệm bọt mật độ cao

Foam cushioning finished with a layer of fibrous wrapping [84502] Bọt đệm hoàn thiện với một lớp bọc sợi

All fasteners and/or zippers must be non-corrosive. [26319]

Tất cả các móc chốt và/hoặc khóa kéo phải chống ăn mòn

All fasteners and/or zippers must be concealed [84503]

Tất cả các móc chốt và/hoặc khóa kéo phải được che kín.

If used for seating it must be removable for ease of cleaning. [80191]

Nếu dùng cho chỗ ngồi thì phải tháo rời để dễ vệ sinh.

The construction of upholstered items must meet the following: [26324]

Thi công các mặt hàng bọc phải đáp ứng như sau:

All woodwork materials must be new and conform to recognised Industry Standards, Premium Grade requirements. [26326]

Tất cả các vật liệu gỗ phải mới và phù hợp với Tiêu Chuẩn Công Nghiệp được công nhận, yêu cầu Cấp cao

Kiln dried, solid wood [26327] Gỗ đặc, sấy khô

All corners braced with corner blocks or steel bracing [26328]

Tất cả các góc giằng với khối góc hoặc giằng thép

All wooden joints to be screwed and glued. [26329] Tất cả các khớp gỗ được bắt vít và dán

All upholstered items delivered with non-corrosive glides on the base [26330]

Tất cả các vật phẩm bọc với thanh trượt không ăn mòn trên đế

Outdoor furniture materials impervious to the external elements [26331]

Vật liệu nội thất ngoài trời không thấm vào các yếu tố bên ngoài

Medium Density Fibre Board (MDF) is not permitted [68799] Không cho phép Ván Sợi Mật Độ Trung Bình (MDF)

Outdoor upholstery must meet the following: [68795]Bọc ngoài trời phải đáp ứng như sau:

Non-fading [68796] Không phai

Solution dyed synthetic fibres [68797] Sợi tổng hợp nhuộm dung dịch

Use dry-fast foam [68798] Sử dụng bọt khô nhanh

**(Trang 339)**

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Carpentry, Casegoods and Joinery

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Đồ mộc, đồ gỗ

The construction of carpentry, casegoods and joinery must meet the following: [26304]

Thi công đồ gỗ và đồ mộc phải đáp ứng như sau:

All woodwork materials to be new unless the age forms part of the design [26306]

Tất cả các vật liệu gỗ phải là mới trừ khi tuổi thọ hình thành lên một phần của thiết kế

All wood to be kiln dried [26307] Tất cả gỗ phải sấy khô.

Veneer substrates to be stable plywood, particleboard or moisture resistant MDF/HDF [26308]

Nền veneer phải là ván ép ổn định, ván dăm hoặc MDF/HDF chống ẩm

All materials in damp areas to be moisture resistant [26309]

Tất cả các vật liệu trong khu vực ẩm ướt để chống ẩm

All corners to be braced with corner blocks or steel bracing [26310]

Tất cả các góc được giằng với các khối góc hoặc giằng thép

Where glass tops are provided, they are to be minimum of 6mm (1/4in) thick, tempered glass and measures put in place to prevent movement and moisture entrapment [26312]

Nếu cung cấp mặt thủy tinh , chúng phải có độ dày tối thiểu là 6 mm (1/4in) và kính cường lực và các biện pháp được đưa ra để ngăn chặn sự di chuyển và vướng ẩm

Where provided, stone top surfaces must be unbroken and sealed with an alcohol/stain/heat resistant finish [26313]

Nếu được cung cấp, các bề mặt đá phải không bị vỡ và bịt kín bằng lớp hoàn thiện chịu cồn/vết bẩn/nhiệt

Where wood veneer is used, all exposed edges to be solid wood [26344]

Nếu dùng veneer gỗ, tất cả các cạnh tiếp xúc phải là gỗ cứng.

High-pressure laminate and melamine are subject to IHG approval [26345]

Gỗ ép và melamine áp suất cao phải được IHG phê duyệt

All legs must have self leveling adjustable nylon glides, suitable for the floor material under. [80395] Tất cả chân phải có thanh trượt nylon tùy chỉnh tự điều chỉnh mức độ, phù hợp với vật liệu sàn dưới.

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended that all drawer glides be undermounted, soft closing metal, with full extension. [54916] Tất cả các thanh kéo tủ nên gắn dưới, kim loại đóng mềm, với độ mở rộng toàn phần.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Fixtures and Fittings

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Đồ đạc và Thiết bị

Where vanity units are installed they must meet the following: [13011]

Nếu lắp đặt các quày trang điểm, chúng phải đáp ứng như sau:

Be non-porous and scratch resistant [13012] Không xốp và chống trầy xước

Plastic laminate and cultured marble are not permitted [13015] Không cho phép gỗ nhựa và đá cẩm thạch nuôi cấy

Have a splash guard where the vanity top meets the wall [16042]

Có tấm chắn bùn nếu mặt quầy trang trí đáp ứng được tường.

All supportive structures to be concealed unless they are a decorative element [16043]

Tất cả các cấu trúc hỗ trợ được che kín trừ khi chúng là một yếu tố trang trí

Top of the washbasin to be between 80-90cm (32-36in) above finish floor level [22309]

Mặt của chậu rửa nằm trong khoảng 80-90cm (32-36in) so với mức sàn hoàn thiện

Be constructed with a moisture resistant substrate [26315]

Được thi công với chất nền chống ẩm

Plumbing or any support must not be visible and covered by vanity skirt. [80194]

Hệ thống nước hoặc bất kỳ sự hỗ trợ nào phải khuất khỏi tầm mắt và có lớp vải phủ quầy trang điểm.

• Legs are only permitted subject to IHG® approval. [100053] Chỉ cho phép chân theo phê duyệt từ phía IHG.

Where legs are provided they must be adequately protected from water damage. [100054]

Nếu cung cấp chân, chúng phải được bảo vệ đầy đủ khỏi thiệt hại do nước.

Guidelines Hướng Dẫn

• Tiled wall surfaces may serve as splash guards. [54910]

Bề mặt tường lát gạch có thể dùng như tấm chắn tóe.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Fixtures and Fittings -> Sanitaryware

Hành trình xây dựng - xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Đồ đạc và Thiết bị -> Thiết bị vệ sinh

**(Trang 340)**

Wash basins must meet the following: [13018] Bồn rửa tay phải đáp ứng như sau:

Be acid resistant [16040] Chống axít

Have an overflow outlet [16041] Có ổ cắm tràn

Have a pop-up waste in guest rooms [102634] Có thiết bị pop-up waste trong các phòng khách.

Wall mounted sanitaryware must meet the following: [22728]

Thiết bị vệ sinh gắn tường phải đáp ứng như sau:

Fastened securely to substrate at all mounting locations [22729]

Được gắn chặt vào đế tại tất cả các vị trí lắp đặt

Guidelines Hướng Dẫn

• Walls may need to be reinforced to accept load of fixture in use. [54911]

Tường có thể cần được gia cố để chấp nhận tải trọng thiết bị đang sử dụng.

Toilets must meet the following: [13195] Phòng vệ sinh phải đáp ứng như sau:

Concealed cistern [352053] Bể chứa nước

Wall mounted [352054] Gắn tường

Elongated type bowl [85104] Bệ vệ sinh loại dài

White colour [136067] Màu trắng

Guest bathroom toilets to have a matching full round, rigid seat and cover [13196]

Nhà vệ sinh phòng tắm của khách phải có chỗ ngồi và nắp cứng, tròn phù hợp.

Public toilets to have a matching, rigid seat and cover. [100055]

Nhà vệ sinh công cộng có chỗ ngồi và nắp cứng, tròn phù hợp.

Vinyl, padded and wood toilet seats and lids are not permitted [13199]

Không cho phép chỗ ngồi và nắp đậy nhà vệ sinh gỗ, đệ, vinyl

Depending on local guest mix and market the installation of a wall mounted hand held trigger (or bidet) spray shower is recommended. [78185] Phụ thuộc vào thị trường và hỗn hợp khách địa phương, khuyến nghị lắp đặt vòi phun hoa sen cầm tay (hoặc vòi bidet) gắn tường

Should have a minimum of 90cm (3ft) clear space in front of the toilet. [27268]

Nên có khoảng cách tối thiểu 90cm (3ft) trước nhà vệ sinh.

Open front toilet seat is recommended for public restooms. [78184]

Khuyến nghị chỗ ngồi vệ sinh đằng trước mở cho các nhà vệ sinh công cộng.

Soft closing lid and seat are recommended. [136068] Khuyến nghị chỗ ngồi và nắp đóng mềm.

Flush handle/button should be conveniently located and visible by the guests. [16125]

Tay cầm/nút xả nên được đặt thuận tiện và dễ nhìn cho khách.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Fixtures and Fittings -> Brassware

Hành trình xây dựng - xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Đồ đạc và Thiết bị -> Thiết bị bằng đồng

Where a trigger (or bidet) spray shower is installed it must meet the following: [78828]

Nếu lắp đặt vòi sen (hoặc vòi bidet) nhả thì phải đáp ứng như sau:

Wall mounted. [78830] Gắn tường.

Chrome or stainless steel finish. [78832] Hoàn thiện thép không gỉ hoặc crom.

Wall mounted shower holder. [78833] Bộ phận giữ vòi sen gắn tường.

Flexible hose. [78835] Ống linh hoạt.

Angle valve. [78837] Van góc.

Plastic finish is not permitted. [78838] Không cho phép hoàn thiện nhựa.

Installation allowing right hand use. [78839] Lắp đặt cho phép dùng tay phải.

Installation height within a range of 50 to 70 cm (20 to 28in) from above finished floor level is recommended. [78841]

Khuyến nghị chiều cao lắp đặt trong phạm vi từ 50 đến 70 cm (20 đến 28in) từ mức sàn đã hoàn thiện.

**(Trang 341)**

It is recommended to provide a floor drain in close proximity. [78843]

Nên cung cấp cống thoát sàn liền kề.

Preferred suppliers: Hansgrohe, Moen, Grohe, TOTO, Kohler and Methven Satinjet. [78845]

nhà cung cấp ưu tiên: Hansgrohe, Moen, Grohe, TOTO, Kohler and Methven Satinjet.

Taps/Faucets must meet the following: [13212] Vòi phải đáp ứng như sau:

Have clearly marked hot and cold water flow control [13213]

Có kiểm soát luồng nước lạnh và nóng đánh dấu rõ ràng.

All valving must be brass construction [13215] Tất cả van phải bằng đồng.

Acrylic materials are not permitted [13216] Không cho phép vật liệu acrylic

Finishes to be coordinated with interior design and consistent across all bathroom accessories [22207 Hoàn thiện phải phối hợp với thiết kế nội thất và nhất quán trên tất cả các thiết bị đồ dùng phòng tắm

All fittings must be brass construction with chrome or nickel plated finish. [180049]

Tất cả các thiết bị phải bằng đồng với hoàn thiện mạ crôm hoặc niken.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Fixtures and Fittings -> Plumbing

Hành trình xây dựng - xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Thiết bị và Đồ đạc -> Hệ thống ống nước

Access for maintenance must be provided to all concealed equipment or infrastructure as follows:

[22731]Phải cung cấp quyền truy cập bảo trì cho tất cả các thiết bị hoặc cơ sở hạ tầng kín đáo như sau:

Access panels must be securely fixed and blend into the decorative finishes of the surrounding areas

[22732]bảng truy cập phải được cố định một cách an toàn và kết hợp với hoàn thiện trang trí của các khu vực xung quanh

Demountable [22733] Có thể tháo ra được

Coordinated and integrated with adjacent finishes [22734]Phối hợp và tích hợp với hoàn thiện liền kề

Moisture resistant [22735] Chống ẩm

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Artwork

Hành trình xây dựng - xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Tác phẩm nghệ thuật

Where artwork is provided it must meet the following: [22723] Nếu cung cấp tác phẩm nghệ thuật thì nó phải đáp ứng như sau:

Mounted with security fittings [22724] Gắn với thiết bị an ninh

Scale must suit its location. [80398] Quy mô phù hợp với vị trí của nó.

Hardwired picture lighting or ceiling recessed wall washers for illumination. [136069]

Chiếu sáng tranh cứng hoặc đèn wall washer lõm trong trần để chiếu sáng.

High quality and professionally displayed. [136070]

Chất lượng cao và hiển thị chuyên nghiệp.

Build Journey - Base Build -> Furniture, Finishes, Fixtures & Equipment -> Masonry

Hành trình xây dựng - xây dựng cơ sở -> Nội thất, Hoàn thiện, Đồ đạc & Thiết bị -> Công trình nề

Masonry concrete block wall construction must be concealed in all guest facing areas unless approved by IHG as part of the decorative design. [12363]

Thi công tường khối bê tông xây nề phải được che kín trong tất cả khu vực có khách trừ khi được phía IHG phê duyệt như một phần của thiết kế trang trí.

Build Journey - Base Build -> Doors Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Cửa chính

Build Journey - Base Build -> Doors -> Internal Doors

Hành trình xây dựng - xây dựng cơ sở -> Cửa chính -> Cửa chính bên trong

All guest room entry doors must meet the following: [102702]

Tất cả các cửa chính lối vào phòng khách phải đáp ứng như sau:

**(Trang 342)**

Of solid core construction [102704] Thi công lõi cứng

Must open into the room. [136075] Phải mở vào phòng.

Minimum clear width: 90cm (36in) [136076] Chiều rộng thực tối thiểu: 90cm (36in)

Minimum clear height: 2.1m (7ft) [136077] Chiều cao thực tối thiểu: 2.1m (7ft)

Minimum thickness: 4cm (1.6in) [136078] Độ dày tối thiểu: 4cm (1.6in)

Sound insulating strips and concealed acoustic drop down seal at the threshold. [136079]

Dải cách âm và bịt kín âm thanh drop down được che kín tại ngưỡng.

Particle core timber construction with solid hard wood rails. [136080]

Thi công gỗ lõi với thanh chắn gỗ cứng.

Automatic closing device [136081] Thiết bị đóng tự động

Wood with stain grade or wood grain plastic laminate. [356094]

Gỗ có lớp gỗ loại stain grade hoặc gỗ ép nhựa

Where interconnecting guest room doors are provided they must meet the following: [13101]

Trường hợp cung cấp cửa phòng khách liên kết , chúng phải đáp ứng như sau:

Minimum 0.8m (2.63ft) wide by 2.1m (7ft) high. [79147] Tối thiểu rộng 0,8m (2,63ft) cao 2,1m (7ft).

Wood with stain grade or wood grain plastic laminate. [79148]

Gỗ có lớp gỗ stain grade hoặc gỗ laminate ép nhựa vân gỗ.

Minimum thickness: 4cm (1.6in) [89427] Độ dày tối thiểu: 4cm (1.6in)

Provide acoustic drop seals to underside of door and acoustic strip seals to door frame head and sides

[13103] Đệm kín âm thanh drop seal phía dưới cửa và đệm strip seal tới đầu khung cửa và các cạnh.

Guidelines Hướng Dẫn

A width of 0.9m (3ft) ,matching the entrance door, is recommended. [99999] Khuyến nghị rộng 0,9m (3ft), khớp với cửa ra vào

It is recommended that the room layout allows for the doors to be opened fully against the wall. The opened door should not restrict the movement of the guest in the room. [136088]

Bố trí phòng nên cho phép các cửa được mở hoàn toàn dựa vào tường. Cửa mở không nên hạn chế chuyển động của khách trong phòng.

Bathroom door must meet the following: [102698]Cửa phòng tắm phải đáp ứng như sau:

Minimum clear height: 2.1m (7ft) [136104] Chiều cao thực tối thiểu: 2.1m (7ft)

All hardware must be coordinated in style and finish. [136105]

Tất cả phần cứng phải được phối hợp theo phong cách và hoàn thiện.

Minimum clear width: 75cm (30in) [136106]

Chiều rộng thực tối thiểu: 75cm (30in)

Restroom entrance doors must meet the following: [77648]

Cửa ra vào nhà vệ sinh phải đáp ứng như sau:

Minimum 90cm clear open width. [77649]Chiều rộng mở thực tối thiểu 90cm.

Fitted with automatic door closer. [77650] Trang bị với khóa cửa tự động.

Doors between guest facing and non-guest facing areas must meet the following: [57956]

cửa chính giữa các khu vực đối diện với khách và không khách phải đáp ứng như sau:

Finishes must coordinate with the adjacent guest facing area. [57958]

Hoàn thiện phải phối hợp với khu vực đối diện khách liền kề.

Staircase doors must be operable from both sides. [411053]

cửa cầu thang phải vận hành từ cả hai phía.

Excluding final exits to external areas, which must only be operable from the inside. [411054]

Ngoại trừ các lối thoát cuối cùng ra khu vực bên ngoài, chỉ có thể vận hành từ bên trong.

Build Journey - Base Build -> Doors -> Internal Doors -> Hardware

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Cửa chính -> cửa bên trong -> Phần cứng

Guest room entry door hardware must meet the following: [13087

Phần cứng cửa lối vào phòng khách phải đáp ứng như sau:

**(Trang 343)**

See also ID number [56209, 56213, 56216, 56221]Xem thêm số ID

Heavy duty electronic card key locksets with lever handles [13088]

Ổ khóa thẻ điện tử hạng nặng với tay cầm đòn bẩy

Automatic hydraulic or spring-hinge type door closing device [13089]

Thiết bị đóng cửa thủy lực tự động hoặc kiểu bản lề lò xo

Minimum of three hinges [13090] Tối thiểu có ba bản lề

Door stop [13093] Chặn cửa

Magnetic door stop is not permitted. [74117] Không cho phép chặn cửa từ.

Rubber protected security door latching bar with brass bumper installed on the door leaf. [79141] Thanh chốt cửa an ninh cao su với thiết bị cản bằng đồng lắp trên cánh cửa.

Co-ordinated in style and finish. [79142] Phối hợp theo phong cách và hoàn thiện.

Guidelines Hướng Dẫn

• Wall mounted door stop is recommended. [79143]

Khuyến nghị chặn cửa gắn tường.

Interconnecting guest room door hardware must include the following: [13094]

Phụ kiện cửa phòng khách kết nối phải bao gồm như sau:

Non-locking lever handles provided on the guest room side of the door leaf only [13095]

Tay cầm không khóa được cung cấp trên cạnh phòng khách của cánh cửa.

Minimum of three hinges on each door [13096] Tối thiểu ba bản lề trên mỗi cánh cửa.

Door stop [13099] Chặn cửa

Co-ordinated in style and finish. [79144] Phối hợp theo phong cách và hoàn thiện.

A blank plate preventing access to any screws or bolts must be placed on the opposing guest room side of the door to prevent tampering. [79145]

Một tấm phôi ngăn chặn truy cập vào bất kỳ ốc vít hoặc bu lông phải được đặt ở phía phòng khách đối diện của cửa để ngăn chặn giả mạo.

Guidelines Hướng Dẫn

• It is recommended that the door hinge/s allow for full opening back to the wall if space allows. [22313] (Các) bản lề cửa nên cho phép cho phần đệm mở toàn phần cho tường nếu không gian cho phép.

Bathroom door ironmongery must meet the following: [89441]

Đồ sắt cửa phòng tắm phải đáp ứng như sau:

Minimum of three hinges. [89442] Tối thiểu ba bản lề.

Door stop. [89443] Chặn cửa.

Co-ordinated in style and finish. [89444] Phối hợp theo phong cách và hoàn thiện.

Privacy lock is permitted. [89445] Cho phép khóa bảo mật.

Internal door hardware must meet the following: [102693] Phụ kiện bên trong phải đáp ứng như sau:

Be commercial grade. [148049] Loại thương mại.

All hardware coordinated in style and finish. [371055]

Tất cả phụ kiện phối hợp theo phong cách và hoàn thiện.

Build Journey - Base Build -> Doors -> External Doors

Hành trình xây dựng - xây dựng cơ sở -> Cửa chính -> Cửa bên ngoài

At the main entrance one of the following door types must be provided: [102707]

Tại lối vào chính, phải cung cấp một trong các loại cửa sau :

Swing [113714] Quay

Revolving [113715] Quay vòng

**(Trang 344)**

Sliding [113716] Trượt

The main entry door must meet the following: [17417]Cửa vào chính phải đáp ứng như sau:

Provide an airlock/weather lobby. [17420] Cung cấp một sảnh chống thời tiết/ chốt gió.

For properties with more than 120 keys the door must be electrically operated. [77559]

Đối với các tòa nhà có hơn 120 keys, cửa phải được vận hành bằng điện.

Guidelines Hướng Dẫn

• Airlocks/weather lobbies should be sized so as to avoid both doors being triggered simultaneously.

Sảnh chống chịu thời tiết/ chốt gió nên có kích thước phù hợp tránh cả hai cửa cùng kích hoạt.

[77560]

Where a hinged door is provided as the main entrance door it must meet the following: [77561

Trường hợp cửa có bản lề được cung cấp làm cửa ra vào chính thì phải đáp ứng như sau:

Two-leaf door set with minimum of 1.80m (6ft) clear width. [77562]

Bộ cửa hai cánh có chiều rộng thực tối thiểu 1.80m (6ft).

Power assisted openers. [77563] Dụng cụ mở có trợ lực.

Where a sliding door is provided as the main entrance door it must meet the following: [77571]

Trường hợp cửa trượt được cung cấp làm cửa ra vào chính thì phải đáp ứng như sau:

A minimum of 1.80m (6ft) clear width. [77572] Tối thiểu có chiều rộng thực 1.80m (6ft).

Electronic operated. [77573] Vận hành điện tử.

With body sensor activation. [77574] Với kích hoạt cảm ứng toàn thân.

Where a revolving door is provided as the main entrance door it must meet the following: [77575]

Trường hợp cửa xoay được cung cấp làm cửa ra vào chính thì phải đáp ứng như sau:

A minimum diameter of 3m (10ft). [77576] Phạm vi tối thiểu 3m (10ft).

Manually operated. [77577] Vận hàng thủ công.

With side pass door. [77578] Với cửa phụ.

Constant rotating doors are not permitted. [77579] Không cho phép cửa xoay liên tục.

Build Journey - Base Build -> Doors -> External Doors -> Hardware

Hành trình xây dựng - xây dựng cơ sở -> Cửa chính -> Cửa bên ngoài -> Phụ kiện

External door hardware must meet the following: [102694]

Phụ kiện cửa bên ngoài phải đáp ứng như sau:

Be weather and corrosion resisting. [148048] Chống mòn và chịu đựng ảnh hưởng của thời tiết.

Commercial grade [352058] Loại thương mại.

Build Journey - Base Build -> Windows

Hành trình xây dựng - Xây dựng cơ sở -> Cửa sổ

Windows must meet the following: [57529]

Cửa sổ phải đáp ứng như sau:

At a minimum double glazed and low-e thermal pane. [57535]

Tối thiểu một lớp ngăn cản nhiệt và gấp đôi kính.

All operable windows must be equipped with a commercial standard security lock. [57541]

Tất cả các cửa sổ di động phải được trang bị khóa bảo mật tiêu chuẩn thương mại.

Lock must be installed and operated from inside. [73296] Phải lắp đặt và vận hành khóa từ bên trong.

Commercial grade anodised or powder coated aluminum or steel or hard wood. [136109]

Anod hóa loại thương mại hoặc nhôm sơn tĩnh điện hoặc thép hoặc gỗ cứng.

**(Trang 345)**

Steel or aluminium systems must have thermally broken sections. [136110]

Hệ thống thép hoặc nhôm phải có các phần bị phá vỡ nhiệt.

Hardwood timber frames must have suitable preservation treatment. [136111]

Khung gỗ cứng phải có xử lý bảo quản phù hợp

Tilt and Turn opening systems are not permitted. [136112] Không cho phép các hệ thống mở nghiêng và xoay.

Guidelines Hướng Dẫn

• Operable windows are recommended. [57544] Khuyên dùng các cửa sổ di động.

Interior sills under openable windows must meet the following: [57907]

Bệ dưới cửa sổ di động phải đáp ứng các điều sau:

Non-porous, water resistant. [79160]Không xốp, chống nước

Build Journey - Base Build -> Roofs

Hành trình xây dựng - xây dựng cơ sở -> Mái

All roofing products installed must be commercial quality. [57523] Tất cả các sản phẩm mái được lắp đặt phải có chất lượng thương mại.

The following roof finishes are not permitted on pitched roofs: [57888] Không cho phép hoàn thiện cửa như sau trên mái dốc.

Standard three tab shingles [57890] tấm lợp ba dải tiêu chuẩn

Rolled asphalt or vinyl [57892] Nhựa đường asphalt hoặc nhựa vinyl

Permanent access must be provided to all roofs with serviceable equipment. [15318]

Phải cung cấo lối vào vĩnh viễn đến tất cả các mái với thiết bị phục vụ.

Rooftop plant equipment must be architecturally screened from view from: [411048]

Thiết bị máy móc đỉnh mái phải được che khuất kiến trúc khỏi tầm nhìn từ:

Ground level [411049] Cốt mặt đất

Guest rooms [411050] phòng khách

Public areas [411051] khu vực công cộng